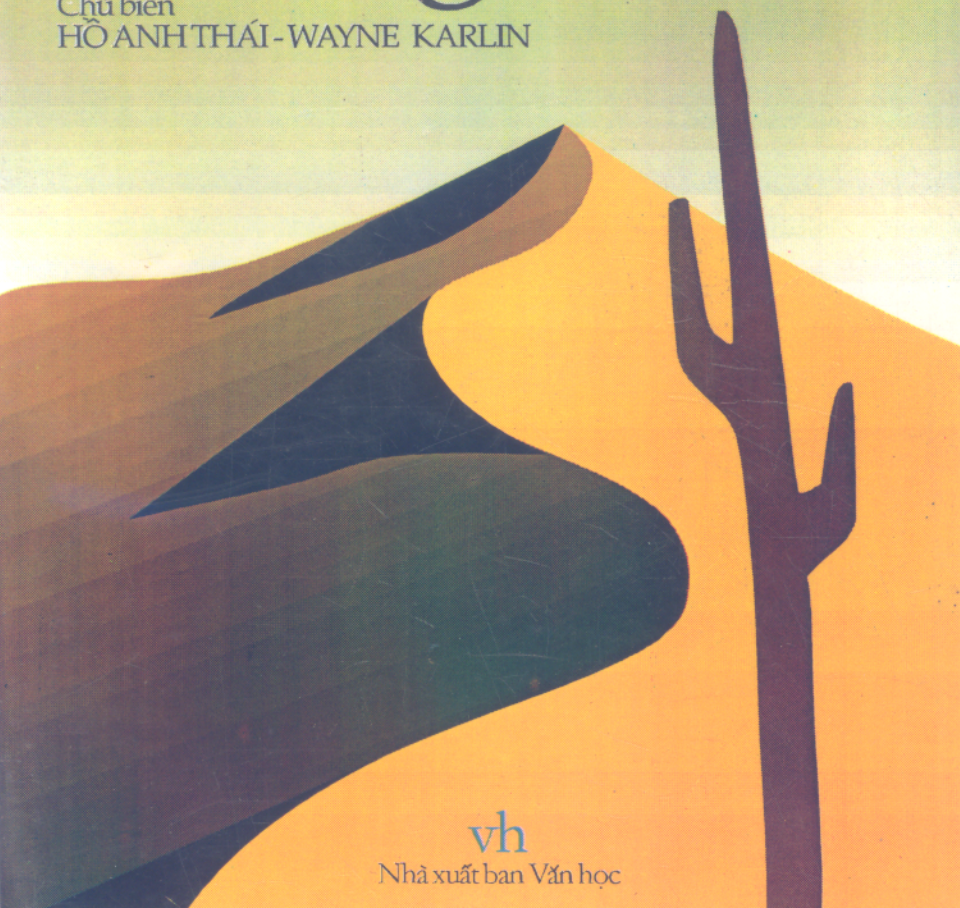


Truyện ngắn Mỹ đương đại

Chủ biên
HỒ ANH THÁI - WAYNE KARLIN



vh

Nhà xuất bản Văn học

TRUYỆN NGẮN MỸ DƯƠNG ĐẠI

VĂN HỌC HIỆN ĐẠI NƯỚC NGOÀI
VĂN HỌC MỸ ĐƯƠNG ĐẠI

Chú biên:
HỒ ANH THÁI - WAYNE KARLIN

TRUYỆN NGẮN MỸ ĐƯƠNG ĐẠI

Những người dịch:
THANH BÌNH - PHAN THU HIỀN
TÔ ĐỨC HUY - LÊ THỊ THANH MINH
LÊ THỊ OANH - NGUYỄN ĐỨC THẮNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

MỤC LỤC

• <i>Lời nói đầu</i>	7
Cha không hài lòng vì con hay sao?	
RICHARD BAUSH	9
Những cuộc đời sau khi chết	
TIM O'BRIEN	31
Phải lòng	
ANDRÉ DUBUS	57
Rượu tắc kè	
WAYNE KARLIN	79
Cuộc nói chuyện với cha tôi	
GRACE PALEY	107
Một người cô độc trên mặt trăng	
GEORGE EVANS BREECE	117
Kẻ chết trong danh dự	
D'JPANCAKE	125
Con ngựa trắng	
THOM JONES	141
Chống mù phù thủy	
JUDITH ORTIZ COFER	163

Quả pháo	
MAXINE CLAIR	173
Marie	
EDWARD P. JONES	189
Ngài hạ nghị sĩ mô Flaubert	
WARD JUST	211
Những bức thư của cha tôi	
ROBERT OLEN BUTLER	247
Tập tục một vùng đất	
MADISON SMARTT BELL	257
Người đàn bà không có tên	
MAXINE HỒNG KINGSTON	282
Người đang đi đâu người đã ở đâu?	
JOYCE CAROL OATES	300
Làm phúc	
LARRY BROWN	327
Số trời đã định	
LARRY HEINEMANN	344
Niềm vui người lính	
TOBIAS WOLFF	358
Chú vịt Ralph	
FREDERICK BUSCH	385
Shiloh	
BOBBIE ANN MASON	409
Người mất tích	
MAXIME KUMIN	433
• Những người chủ biên và các dịch giả	447

LỜI NÓI ĐẦU

Truyện ngắn Mỹ không hề xa lạ với người đọc ở ta. Đã từ lâu, những tên tuổi lớn cận đại và hiện đại của truyện ngắn Mỹ đã được dịch in, đến mức khi nhắc đến văn học Mỹ người ta dường như chỉ nghĩ tới dăm bảy tên tuổi, hoặc đã quá cổ từ lâu, hoặc đã thôi viết mấy chục năm nay.

Chính điều này đã gợi ý cho chúng tôi làm một tập truyện ngắn Mỹ đương đại, giới thiệu những cây bút đang sung sức và xuất hiện khá đều đặn trên văn đàn Mỹ trong khoảng vài chục năm gần đây. Người đọc sẽ tiếp xúc với những tác giả đang gây được sự chú ý trong giới văn học và trong công chúng, đã đoạt những giải thưởng văn học quan trọng như Giải thưởng Sách Quốc gia, giải truyện ngắn mang tên O'Henry, giải PEN/Faulkner...

Truyện ngắn Mỹ đương đại cũng phần nào cho thấy cái tâm thế của con người và xã hội Mỹ hôm nay. Những mối quan hệ nhân bản được đặt ra trong luồng ánh sáng hoàn toàn mới mà cũng rất truyền thống. Những tình cảm muôn đời như tình bạn, tình yêu, chuyện cha con, vợ chồng... vẫn luôn luôn là nỗi ám ảnh không dứt. Dường như vì thế mà các truyện ngắn cũng trôi nổi theo dòng ý thức, dòng cảm xúc, theo những điều mà tác phẩm còn bỏ ngỏ. Bên cạnh những truyện viết theo lối truyền thống với cốt truyện rõ

ràng mạch lạc, hầu như truyện ngắn Mỹ đương đại đều không có cốt truyện, nói theo cách khác thì không có cốt truyện tức là có rất nhiều cốt truyện.

Một trong những nữ văn sĩ gốc châu Á thành công nhất ở Mỹ đã có lần nói với chúng tôi rằng Mỹ là một đất nước còn non trẻ, ngôn ngữ văn học của nó vì thế dường như chưa định hình. Và đó chính là lý do khiến những người đang cầm bút trên văn đàn Mỹ hôm nay phải tìm cho được thứ ngôn ngữ mới cho nền văn học non trẻ ấy.

Về phía những người làm cuốn sách này thì thứ ngôn ngữ đang tìm tòi ấy không dễ chuyển dịch sang tiếng Việt. Không thể không nói trước rằng đã có sự hao hụt và rơi vãi trong quá trình dịch sách. Mà cũng không chỉ dừng ở mức độ ngôn ngữ, những nội dung khác lạ, những hình thức văn xuôi chưa dễ quen cũng gây trở ngại không ít cho nhóm dịch giả, phải liên lạc với nhau từ Hà Nội đến thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy những sai sót trong một tập truyện đương đại như thế này cần được sự góp ý và lượng thứ.

Dù sao thì người làm sách và người đọc cũng có chung một mong muốn: được biết tâm trạng và diện mạo ngày hôm nay của truyện ngắn Mỹ. Tập sách này là bước đầu đáp ứng mong muốn đó của chúng ta.

RICHARD BAUSH

THANH BÌNH dịch

CHA KHÔNG HÀI LÒNG VÌ CON HAY SAO?

Richard Bausch sinh năm 1945, hiện sống tại Virginia. Ông là tác giả của sáu cuốn tiểu thuyết như "Sự hiện diện của đích thực", "Hãy đưa tôi trở lại", "Thời gian tốt đẹp cuối cùng"... và ba tập truyện ngắn. Truyện ngắn của ông nhiều lần được đưa vào các tuyển tập truyện ngắn Mỹ. Ông đoạt giải thưởng của Tạp chí Quốc gia năm 1988 và 1990, và hai lần được đề cử tặng giải thưởng PEN/Faulkner

"Tên anh ấy là William Coombs, với hai chữ o" Melanie Ballinger nói với bố khi đang ở một nơi rất xa "Nó được phát âm gần giống tên gọi của vật mà bố vẫn dùng chải tóc".

Ballinger nhắc lại tên đó.

"Đấy là tên đầy đủ của anh ấy".

"Bố nghe thấy rồi, con gái yêu ạ. Mà bố nhắc cái tên đó để làm gì kia chứ?"

"Bố, con sẽ dẫn anh ấy về nhà mình. Chúng con sắp cưới nhau".

Mất một hồi lâu, ông không sao nói được.

"Bố? Bố nghe con nói đấy chứ?"

"Bố đây," ông nói.

"Thế nào bố?"

Một lần nữa, ông không nói nổi.

"Bố?"

"Bố đây," ông nói, "Đó - điều đó quả là những tin mới".

"Đó là tất cả những gì bố có thể nói phải không?"

"Đúng, Melanie, bố nghĩ rằng điều này quá bất ngờ, đúng không con?" Ông nói.

"Chẳng có gì là bất ngờ hết. Bố mẹ chờ đợi điều này đã lâu chưa?".

"Bố không còn nhớ. Con định dùng chuyện đó để tự tính toán hay sao?"

"Bố mẹ đã chờ 6 tháng và bố vẫn còn nhớ rõ. Còn bây giờ là 5 tháng. Chúng con không tính toán gì cả. William và con quen nhau đã hơn 5 tháng, tuy thế lúc nào chúng con cũng bên nhau - bố biết đấy, bọn con chẳng khác gì một cặp vợ chồng. Và con đã 23 tuổi, hơn hẳn mẹ 2 tuổi khi mẹ lấy bố. Bố đừng nói với con là có sự khác biệt, khi mà nó lặp lại chuyện của bố trước kia".

"Không," ông nghe giọng nói của chính mình - "Bố tưởng tượng nó diễn ra đẹp hơn khi đó rất nhiều".

"Thật không bố?" Cô hỏi.

"Thật," Ballinger trả lời. "Bố - Bố rất hạnh phúc vì con".

"Bố chẳng có biểu hiện gì tỏ ra hạnh phúc cả".

"Bố hạnh phúc thật sự - Bố nóng lòng muốn gặp chàng trai của con".

"Thật chứ bố? Bố hứa nhé ? Sao lúc trước bố không nói thế?"

"Đây là một tin vui, con yêu ạ. Tất nhiên, bố cho là bố bị bất ngờ. Phải mất một thời gian để quen với chuyện này. Mọi việc đều bất ngờ. Bố nghĩ, cả bố và mẹ thậm chí trước đó vẫn chưa từng biết con đã có ai đó. Nhưng mà thôi - Bố - bố rất mừng - Bố rất muốn biết ngay anh ta".

"Tuyệt vời, và bây giờ còn một điều nữa mà bố cần phải biết".

"Bố sẵn sàng," John Ballinger nói. Ông đang đứng trong bếp, con gái ông không biết điều này, vợ ông, Mary bên ngoài cửa sổ, đang đứng ở khu vườn. Bà mặc quần Jean, áo muslin trắng, quàng chiếc khăn mỏng, trông thật trẻ trung, thậm chí trông hạnh phúc là khác, mặc dù thực sự từ lâu giữa hai người, điều đó đang mất dần.

"Ồn rồi, chuyện này còn nhiều khó khăn đây," cô con gái nói qua hàng nghìn dặm đường dây. Chúng ta có thể bàn bạc về chuyện đó sau này cũng được".

"Ồ không, bố cam đoan là bố luôn sẵn sàng mà," ông nói.

Sự thật là chính bản thân ông cũng có những khúc mắc cần giải bày. Tuần trước, ông và Mary đã nhất trí sống ly thân. Đôi lần trước đó họ đã nói về chuyện này. Họ quyết định không nói với Melanie cho đến tận lúc cô ra đi. Nhưng bây giờ Melanie nói rằng cô sẽ đưa một chàng trai về nhà.

Cô con gái lúng túng và ấp úng nói thêm: "Bố biết đấy, con cũng chẳng biết, con - ời lạ chúa - thực sự, con không thể tìm được cách để giải thích chuyện này".

Ông chờ đợi. Con gái ông sống ở Chicago, hơn 4 năm trước vợ chồng ông gửi con đến học phổ thông tại đó, và sau này khi tốt nghiệp nó sẽ ở lại, làm việc cho một tờ báo độc lập ở thành phố. Tháng ba vợ chồng ông chuyển đến sống ở một ngôi nhà nhỏ tại trung tâm Charlo Hesuille, hy vọng quang cảnh mới có thể giúp họ được điều gì. Thực thật vọng, hy vọng đã tan vỡ sau từng ấy năm chung sống.

"Bố," Melanie nũng nịu gọi.

"Gì vậy con, bố đang nghe đây"

"Vâng." Cô nói, "Bố hứa là sẽ không phản ứng đấy chứ?"

"Bố có thể hứa như thế nào về một chuyện như thế, Melanie?"

"Lúc bấy giờ, bố sẽ phản ứng cho mà xem. Con mong muốn bố hứa với con là bố sẽ không làm như vậy".

"Con yêu," ông nói. "Bố cũng có chuyện phải nói với con. Hãy hứa với bố là con sẽ không phản ứng".

Cô nói "con hứa" theo kiểu tụi trẻ hoàn toàn biết chắc rằng sự thông cảm của chúng sẽ có lợi ở những tình huống khác sau này.

"Được rồi, " ông nói", bây giờ hãy nói cho bố biết có chuyện gì nào". Và một ý nghĩ xuyên qua ông như một cú sốc. " Melanie, con không - không phải là con đang có thai đấy chứ?"

"Làm sao mà bố biết được?" cô hỏi.

Ông cảm giác có một vật nhọn đang xoáy vào tim. "Ồi, chúa ơi, Thật thế không con?"

"Chà", cô nói. "Điều đó thực sự đáng ngạc nhiên".

"Con, con đã có thai?"

"Phải, bố ạ - Bỏ cực kỳ sáng suốt".

"Bố thực sự không cho rằng đây là chuyện sáng suốt hay không, Melanie, từ cái cách mà con đang nói. Con gái - chuyện này là thật sao?"

"Tất nhiên là sự thật. Tuy nhiên - cũng tốt thôi. Đó chẳng phải là chuyện gì ghê gớm lắm. Có thể con nên đợi".

"Đợi," ông nói. "Đợi gì mới được kia chứ".

"Cho đến chừng nào bố quen được với tất cả mọi chuyện".

Ông im lặng. Cô con gái ở đầu dây bên kia đang thở dài, rồi bắt đầu nói, rồi im lặng.

"Con không biết," cuối cùng cô nói và bất chợt ông nghĩ con gái đang trò chuyện cùng với ai đó trong phòng.

"Con gái, con có muốn bố nói với mẹ con chuyện này không?"

"Đừng, bố - Con muốn bàn với bố về việc này trước. Con nghĩ chúng ta nên giải quyết xong đi đã".

"Giải quyết cho xong? Melanie, chúng ta đang bàn về chuyện gì đây? Có lẽ bố nên nói với mẹ "Ông nghĩ ông thử làm một trò đùa. "Tóm lại", ông nói thêm. "Bố chưa từng có bầu bao giờ".

"Không phải là về chuyện có bầu. Bố đã phỏng đoán chuyện đó."

Ông cảm ông nghe áp ngược với tai. Nhìn qua cửa sổ, ông thấy vợ đang đứng và vươn vai, bàn tay đeo găng xoa một vùng góc lưng. Ôi, Mary.

"Bố đã sẵn sàng chưa?" Cô con gái hỏi

"Thơm đã, "ông nói. "Chờ một phút. Bố có nên ngồi không nhỉ? Bố ngồi xuống vậy. Ông kéo chiếc ghế lại gần bàn và ngồi xuống. Ông có thể nghe thấy hơi thở của con bé ở đầu dây bên kia, hoặc có lẽ gió lộng nên ông thường nghe thấy khi nói chuyện qua những chiếc máy điện thoại mới. "Bố sẵn sàng" ông nói, cảm thấy cổ họng bắt đầu nghẹn lại.

"Nói đi".

"William hơn tuổi con," cô nói. "Đó" cô nói bằng giọng điệu như thể đang rất thoải mái.

Ông lạng đi một chút. "Thế à?Ồ, hơn nhiều không?"

"Ồi", con gái dường như đang cố gắng lấy lại bình tĩnh. Cô hít thở, rồi nín lại. "Chuyện này đã trở nên khó nhá hơn con tưởng mất rồi".

"Con muốn nói con sắp kể chuyện gì đó khó kể hơn cả chuyện con đang có thai ư?"

Cô con gái im lặng.

"Malanie?"

"Con không chờ đợi bố nghĩ theo cách đó." Cô nói.

"Con yêu, hãy kể cho bố nghe hết đi."

"Được thôi, dù sao đi nữa thì bố định hàm ý điều gì đó?"

"Melanie, con chẳng bảo đây là chuyện khó nói hơn hay sao?"

Im lặng.

"Kể cho bố nghe đi, con gái yêu?"

"Con sẽ kể." Cô hít thở. "Bố, William 60 tuổi - anh ấy - anh ấy 60 - sáu mươi ba tuổi".

Ballinger đứng dậy. Ngoài vườn vợ ông phải quỳ gối xuống để giẫy cỏ trong đám hoa tulip. Bấy giờ trời đã chạng vạng tối, và suốt dọc phố dài dưới bóng râm mọi người đang chăm sóc những khoảng đất nhỏ đầy hoa và cỏ ngày càng cần cỗi.

"Bố có nghe con nói không, bố? Điều này hoàn toàn không thành vấn đề, bởi anh ấy thực sự là người 63 trẻ trung, rất khỏe khoắn và mạnh mẽ, trông như là George Burns ấy".

"George Burns," Ballinger nói. "George - George Burns nào, Melanie, bố không hiểu".

"Tiếp tục đi, bố, mà thôi không nói nữa".

"Không, con đang kể cho bố nghe điều gì nhỉ?" Đầu óc ông trống rỗng.

"Con nói William 63 tuổi".

"William là ai?"

"Bố, anh ấy là chồng chưa cưới của con".

"Họm đã, Melanie. Con nói về chồng chưa cưới, người đàn ông con sẽ lấy, ông ta 63 tuổi?"

"Một chàng trai 63 tuổi", cô nói.

"Melanie, sáu mươi ba thật sao?"

"Vâng bố ạ."

"Con đã không nói 6.3 foot,^(*) đúng không?"

Cô im lặng.

"Melanie?"

"Dạ."

"Con yêu, đây là một trò đùa, đúng không? Con đang đùa với bố".

"Không đâu - không phải thế đâu. Trời ơi, con không tin được."

"Con không tin "ông bắt đầu." Con không tin..."

"Bố," cô nói "con đã nói cho bố biết." Một lần nữa, cô dường như đang trò chuyện với ai đó trong phòng. Giọng cô xa hút.

"Melanie," ông nói, "Hãy nói vào máy đi."

"Con hiểu điều này quả là không dễ dàng với bố. Con biết nó đòi hỏi ở bố một điều quá lớn".

"Ồ không," Ballinger nói, và cảm thấy có một cái gì đó thay đổi trong người, sôi trào trong máu. "Điều này - chuyện này còn có chút gì hơn thế nữa, Melanie? Bố nghĩ nó chẳng phải là bản dự báo thời tiết, ời lạy chúa tôi".

"Đáng ra con nên hiểu được điều đó," cô nói.

"Tha lỗi cho bố vì điều này," ông nói "tuy nhiên, có mấy việc bố cần phải hỏi con".

() Ông tưởng nghe nhầm ra chiều cao của người đàn ông kia, 6.3 foot $\approx$ 1.9m.*

"Được mà bố," cô nói như thể đang kể lại cho ông nghe "con biết con đang làm gì. Con thực sự không hấp tấp trong bất kỳ chuyện gì".

Ông ngắt lời con gái. "Được, thì ra có người đang hấp tấp làm một việc gì đó, đúng không?"

"Bố của con".

"Đó là cách mà con gọi ông ta phải không? Không, bố là một người cha. Con phải gọi ông ta là ông nội".

"Chuyện ấy chẳng buồn cười chút nào".

"Đó không phải là chuyện cười, Melanie. Và dù sao, đó cũng không phải là câu hỏi của bố" Ông lấy hơi. "Hãy tha lỗi cho bố, nhưng bố cần phải biết".

"Chẳng có chuyện gì để bố thực sự cần phải biết, bố ạ - Con đã lớn, con nói chuyện với bố khi chưa có sự cho phép của gia đình".

"Bố hiểu điều đó - Nói một cách chính xác là chưa được sự cho phép của gia đình. Nói một cách chính xác, Melanie, đó là một hành ngữ rất hay. Con hãy cho bố biết, khi chưa có sự cho phép của gia đình, nếu như đứa trẻ đó là con của anh ta".

"Vâng!" Giọng cô lúc này đã chùng xuống, nhỏ nhẹ đi rất nhiều.

"Bố xin lỗi vì đã hỏi như vậy, nhưng bố cần phải biết mọi chuyện cùng một lúc. Bố cho là con đã đẩy bố tham gia vào toàn bộ vấn đề của con, con biết không?"

"Con đã nói con hiểu cảm giác của bố mà".

"Bố không nghĩ như vậy. Bố không nghĩ con hiểu được cảm giác của bố lúc này".

"Thôi vậy, con không hiểu bố đang nghĩ gì. Nhưng con cho rằng con biết bố sẽ phản ứng ra sao".

Không khí xa cách, trầm lắng bao trùm trong vài giây.

"Melanie, con đã tính toán kỹ chuyện này chưa?"

"Con nên đánh cược" cô nói theo lối của người đã khẳng định được sự đúng đắn trong một điều gì đó.

"Tốt thôi, nhưng lạy chúa. Bố nghĩ ông ta nhiều tuổi hơn cả bố, con gái ạ. Ông ta - ông ta già hơn bố rất nhiều". Số tuổi đó dường như sáng hắt lên khi ông nói, tràn ngập khắp người ông một sức nóng kỳ lạ, làm trái tim ông rung chuyển. "Con yêu ơi, ông ta hơn bố mười chín tuổi. Khi ông ta bằng tuổi bố bây giờ, thì bố chỉ hơn con hiện nay hai tuổi thôi".

"Con chẳng thấy chuyện này có vấn đề gì cả," cô nói.

"Melanie, tháng 12 này bố sẽ 45 tuổi. Còn bây giờ là một chàng trai 44".

"Con biết ngày sinh của bố mà".

"Chúa ơi, chàng con rể hơn bố vợ 19 tuổi".

"Con biết rõ những con số đó. Nên chàng bố đi ra ngoài và nói cho mẹ biết rõ việc này".

"Melanie, con không thể lấy một ai đó ít gần bằng tuổi bố hay sao? Những đứa vẫn còn thò lò mũi chẳng hạn?"

"Thôi đi bố," cô nói "Con xin bố, con biết là con đang làm gì".

"Con có biết ông ta bao nhiêu tuổi khi con của con 10 tuổi không?"

"Con biết chứ? Con có suy nghĩ về tất cả những điều đó?"

Cô im lặng.

"Con hy vọng có được bao nhiêu đứa con?" ông hỏi.

"Con không nghĩ đến điều đó. Tất cả những chuyện đó. Chỉ cần biết bây giờ, và con chẳng có mối quan tâm nào khác nữa."

Ông ngồi trong hếp và cố gắng nghĩ thêm điều gì nữa để nói. Ngoài cửa sổ, vợ ông, không chú tâm tới công việc mình làm, đang nhìn qua những ô cửa bức màn che, khi nhìn thấy ông, bà vẫy tay ra hiệu. Thật là thân thiết, và thậm chí vì thế bao nhiêu khúc mắc giữa họ tan đi hết. Ballinger cũng vẫy tay lại. "Melanie, con có định kể cho bố nghe con đã gặp gỡ William trong trường hợp nào không? Bố nghĩ ra cảnh con gặp được người đàn ông hơn con 40 tuổi này rồi. Đây có phải là anh sinh viên lớp trên ở trường đại học không?"

"Thôi đi, bố."

"Không, bố thực sự muốn biết. Bố nghĩ là bố muốn biết nếu bắt gặp và đọc tin này trên báo. Bố có thể gọi đến tòa soạn và biết được mình tìm thấy điều gì."

"Bố nói cho mẹ biết chuyện này đi."

"Hãy nói cho bố biết con đã gặp anh ta như thế nào. Con có thể làm được chuyện đó, đúng không?"

"Lạy Chúa," cô nói, sau đó im bặt.

Ballinger đợi.

"Cũng giống như bố mẹ, anh ấy là giáo viên, chỉ khác là dạy đại học. Anh ấy là giáo viên dạy văn lớp con. Một giáo sư dạy văn học. Anh ấy biết mọi tác phẩm, và là người đàn ông thông minh nhất mà con biết. Bố sẽ cảm thấy thú vị ngay khi trò chuyện với anh ấy".

"Cứ cho là thế, và bố đoán con sẽ hiểu ra điều đó qua rất nhiều năm chung sống với ông ta, Melanie. Trò chuyện rất nhiều."

"Con đang đưa ra một bằng chứng không thuyết phục được bố," cô nói.

Ông không thể kiềm chế mà không hỏi: "Ông ta đã dạy cho con cách nói như thế, đúng không?"

"Con muốn bố ông nghe xuống đây."

"Con hứa sẽ nghe những gì bố phải có trách nhiệm nói với con cơ mà".

"Được thôi," cô nói một cách dứt khoát. "Con đang nghe đây".

Ông có thể tưởng tượng cảnh con gái đang gõ nhẹ ngón chân trên sàn nhà; đó là biểu hiện nòn nóng khi chờ đợi lời giải thích. Ông suy nghĩ một lát. "Ông ta là giáo sư phải không?"

"Đó chẳng phải là điều bố muốn nói với con."

"Nhưng con chẳng nói ông ta là giáo sư còn gì?"

"Vâng, con đã nói như thế."

"Đừng làm bố nổi cáu, Melanie. Hãy cho bố vài phút để quen với ý nghĩ. Lạy Chúa. Ông ta là cựu giáo sư, đúng không?"

"Vâng, nếu như "cựu" có nghĩa là xuất sắc. Tuy vậy con biết bố..."

"Không, Melanie. Điều này có nghĩa là đã nghỉ hưu. Con đã học đại học."

Cô im lặng.

"Bố xin lỗi, tuy nhiên vì chúa, đây là một câu hỏi có tính hợp pháp."

"Đây là một câu hỏi tồi tàn và ngớ ngẩn."

Qua giọng nói ông biết con gái đang cố nén không khóc.

"Hiện tại ông ta đang có mặt ở chỗ con phải không?"

"Vâng," cô nói, giọng sụt sịt.

"Ôi, lạy chúa."

"Bố, tại sao bố lại như vậy?"

"Con có nghĩ rằng bố con mình không được nói chuyện riêng với nhau? Ông ta đang nghe ở một máy bên đúng không?"

"Không ạ".

"Tốt, xin cảm ơn chúa vì điều đó".

"Con sẽ bỏ ống nghe đây bố ạ".

"Đừng, con đừng làm thế. Chúng ta hãy cùng bình tĩnh và bàn bạc về chuyện này. Chúng ta có một số điều cần nói ở đây".

Cô sụt sịt, xì mũi. Ai đó đang cầm ống nghe cho cô. Có tiếng sột soạt qua đường dây, và sau đó có tiếng cô trở lại. "Bố nói tiếp đi" cô nói.

"Ông ta vẫn còn ở trong phòng của con à?"

"Vâng ạ" Giọng cô hết sức ngang ngạnh.

"Ở chỗ nào?"

"Ôi bố, hãy vì chúa," cô nói.

"Bố xin lỗi, bố cảm thấy cần phải biết. Ông ta đang ngồi đó đúng không?"

"Con muốn có anh ấy ở đây, bố ạ. Cả hai chúng con đều muốn ở đây," cô nói.

"Và ông ta sẽ cưới con"

"Vâng," cô nôn nóng trả lời.

"Con có cho rằng bố nên nói chuyện với ông ta không?"

Cô nói câu gì đó ông không nghe thấy, và có tiếng trao đổi thì thầm trong vài giây. Cuối cùng cô hỏi: "Bố hứa là sẽ không mắng anh ấy chứ?"

"Melanie, ông ta muốn bố hứa như vậy phải không?"

"Bố hứa chứ?"

"Chúa nhân từ".

"Bố hứa hoặc con bỏ máy" cô nói.

"Thôi được. Bố hứa. Bố hứa là không mắng ông ta."

- Có tiếng kéo lê chân rất nhẹ, và giọng một người đàn ông qua dây nói "Chào anh". Dù qua điện thoại Ballinger vẫn có thể nhận biết được một chất giọng thông thường, thấp hơn giọng nam trung. Ông nghĩ đến thuốc lá. "Tôi thấy điều này thật là khó..."

"Ông hút thuốc phải không?" Ballinger ngắt lời ông ta.

"Không, thưa anh".

"Tốt. Ông nói tiếp đi".

"Vâng, tôi muốn anh biết rằng tôi hiểu được cảm tưởng của anh".

"Melanie cũng nói rằng nó hiểu," Ballinger nói "tôi cho rằng tôi biết chắc chắn cả hai người đều nghĩ là mình hiểu".

"Melanie đã gọi để nói chuyện này với anh theo gợi ý của tôi".

"Ồi, thật vậy sao. Điều đó chứng tỏ ông thật tử tế. Ông thừa biết tôi khó chấp nhận chuyện này và chính vì thế ông đã đợi đến tận khi Melanie có thai, xin chúa rủ lòng thương".

Có tiếng thở dài bực mình sẽ sàng của người đàn ông bên kia đầu dây.

"Ông là một giáo sư văn học".

"Vâng, thưa anh".

"Ông không cần phải thưa gửi với tôi. Sau tất cả những chuyện vừa rồi. Tôi nghĩ mình chỉ là một đứa trẻ ngu ngốc mà thôi".

"Anh đừng nên mỉa mai làm gì, thưa anh".

"Ôi, tôi đâu có dám mỉa mai. Đó chẳng qua chỉ là một cách nói theo nghĩa đen về tình cảnh cần tìm ra lẽ phải mà chúng ta đang bàn đến ở đây. Và thực tế, Ông... có phải tên ông là Coombs?"

"Vâng, thưa anh".

"Coombs, gần giống với cách gọi tên thứ dùng để chải đầu".

Người đàn ông đầu dây bên kia im lặng.

"Theo ông cần phải mất bao nhiêu lâu để tôi có thể quen được với chuyện này? Ông có nghĩ là khi ông đến tuổi 70 mà tôi vẫn chưa quen được không? Theo ông đến chừng nào vợ tôi, một người trẻ hơn ông 21 tuổi, mới quen được tình cảnh này?"

Im lặng.

"Lạy Chúa, ông quá già so với vợ tôi".

Không có tiếng đáp lại.

"Tên thánh của ông là gì nhỉ?"

Người đầu dây bên kia nói qua tiếng thở dài "Có lẽ chúng ta nên dừng cuộc nói chuyện này lại".

"Dừng lại, lạy chúa. Ngất máy sao? Ông nói thành thực đấy chứ? Ông là ai vậy, một người quá đáng hay tương tự như thế?"

"Tôi là một người Mỹ. Tôi đã từng chiến đấu ở Triều Tiên."

"Không phải là trong cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất đấy chứ?"

Người ở máy bên kia không trả lời.

"Ông đã lấy vợ bao nhiêu lần rồi?" Ballinger hỏi.

"Đó là một câu hỏi hợp thức. Tôi rất mừng là anh..."

"Xin cảm ơn ông có cái nhìn của nhà giáo. Nhưng hiện tại tôi không còn ngồi ở trường học. Xin ông cho biết bao nhiêu lần rồi?"

"Tôi sẽ kể cho anh nghe, nếu được anh cho một cơ hội."

Ballinger im lặng.

"Hai lần thưa anh, tôi đã cưới hai lần."

"Cả hai lần đều li dị hay sao?"

"Tôi góa vợ hai lần"

"Ồi, vậy là tôi biết rồi. Ông đang cố gắng chứng tỏ rằng chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra với ông nữa."

"Trong tương lai không phải tất cả đều tốt đẹp, và tôi sợ rằng tôi... tôi..."

Ông ta lấp bắp, rồi sau đó dừng hẳn.

"Ông đã dự kiến chuyện này diễn ra như thế nào?" Ballinger hỏi.

"Hành động mang lại đau khổ không phải là điều tôi mong đợi. Tôi sẽ kể cho anh nghe."

"Ông cho rằng tôi vui mừng vì con gái sẽ được đảm bảo an toàn về mặt xã hội trước khi tôi làm điều này".

Ông ta không đáp lại.

"Ông có con rồi đúng không?" Ballinger hỏi.

"Vâng, tôi có ba cháu". Lúc này giọng nói đã mạnh mẽ và kiên quyết.

"Tôi có thể biết tuổi của chúng được không?"

"Vâng, nếu anh muốn."

Ballinger chờ đợi. Vợ ông đi từ ngoài vào, cầm một vài bài cắt ra ở báo. Bà rót nước vào chiếc bình thủy tinh và đứng quay lưng về phía ông, cắm hoa ở bàn quấy. Người đàn ông ở đầu dây bên kia ngừng nói chuyện.

"Tôi xin lỗi" Ballinger nói "vợ tôi vừa mới vào và tôi không thể tiếp tục nghe ông nói được. Ông có thể cho tôi biết có ai trong số họ gần bằng tuổi con gái tôi không?".

"Con trai út của tôi năm nay 38 tuổi."

"Và ông cũng thừa biết là tôi sẽ rất khó chịu nếu ông muốn cưới con gái tôi, sự khác biệt về tuổi tác đã tạo ra điều đó" Vợ của Ballinger tiến lại chỗ ông đang ngồi, lau khô tay bằng chiếc khăn giấy, gương mặt bà đầy vẻ băn khoăn và lo âu.

"Tôi đã nói rồi, thưa anh Ballinger, rằng tôi hiểu tình cảm của anh lúc này. Cái chính là, chúng ta đang có một phụ nữ có thai và cả hai chúng ta đều yêu thương cô ấy".

"Không" Ballinger nói "Đó không phải là điều cốt yếu. Điều cốt yếu là ở ông, ông chẳng hơn gì một tên được quyền hiệp dâm đáng ghê tởm." Vợ ông nắm vai ông. Ông nhìn bà và lắc đầu.

"Sao vậy?" Bà thì thầm "Melanie ổn cả chứ?"

"Vâng, không có gì đáng phàn nàn cả," giọng nói bên đầu dây kia vang lên.

"Họm đã." Ballinger nói "Hãy để tôi hỏi ông một vài điều. Ngay bây giờ. Nguyên tắc của cái trường Đại học đảng nguyên rủa đó để đâu khi thấy giáo lại quan hệ với sinh viên?"

"Ồi, lay chúa" vợ ông kêu lên, bà thở dốc dường như chuẩn bị phải thông hống.

"Tôi thấy tình hình nghiêm trọng," Ballinger nói.

"Khi **chúng** ta bắt đầu để mắt tới Melanie thì nó không còn là một đứa học sinh nữa rồi."

"Bà nói cái gì? Thế nào là để mắt tới?"

"Để cho tôi nói chuyện với Melanie." Vợ Ballinger yêu cầu.

"Hãy nghe đây," ông nói. "Bà nên im lặng."

Melanie gọi lại trong ống nghe. "Bố? Bố vẫn ở đó đấy chứ?"

"Bố đây", Ballinger nói, cầm lấy ống nghe mà vợ ông đang cố giữ bằng được.

"Bố ơi, chúng con lấy nhau và bố chẳng thể ngăn cản được việc này. Bố có hiểu không?"

"Melanie," ông nói và giọng nói dường như từ một nơi nào đó rất xa lạ với chính ông, ông biết rằng ông đã bắt đầu quát con gái.

"Lay Chúa. Vị hôn phu của con đã từng bằng tuổi bố vào thời điểm con ra đời. Quả là địa ngục con gái ạ. Con có mắt trí không đấy? Con điên rồi hay sao?"

Vợ ông xô ông ra để giành lấy ống nghe, ông đành đưa cho bà. Và đúng đó trong khi bà đang cố gắng nói chuyện.

"Melanie," Bà nói "Con yêu của mẹ, con hãy nghe..."

"Đặt ống nghe xuống," Ballinger nói "Vì chúa. Bà hãy đặt ống nghe xuống."

"Được, tôi sẽ sang phòng bên cạnh và ông để cho tôi nói với nó chứ?"

"Bà hãy nói với nó tôi có rất nhiều bạn bè. Tất cả bọn đàn ông tuyệt vời này mới đang ở tuổi 40. Nó có thể lấy

một trong số họ - Họ còn trẻ trung. Tuổi 40 - tràn đầy sức sống. Bất kỳ ai trong số đó. Hãy nói với nó như vậy".

"Jack, ông thôi ngay cho" sau đó bà đặt ống nghe lên ngực "Ông có nói cho nó biết về chuyện của chúng ta không?"

"Điều đó thì không" Ông im lặng.

Bà quay lưng lại phía ông. "Melanie, con yêu. Có chuyện gì vậy? Hãy nói cho mẹ biết đi, con"

Ông để bà đứng đó, đi ngang qua phòng khách tới gian phòng lớn và quay trở về bếp - Ông phát điên lên vì chuyện này, đi lại trong bếp. Mary vẫn đang đứng, lắng nghe, đầu gật nhẹ, cầm chặt ống nghe bằng cả hai tay, vai so lại như thể bà đang đứng ngoài trời lạnh.

"Mary," ông gọi.

Bà chẳng trả lời.

Ông đi vào phòng ngủ và đóng cửa lại. Ánh sáng từ ngoài cửa sổ hắt vào một màu vàng nhẹ, căn phòng chìm trong bóng tối. Ông đi đến bên giường và ngồi xuống, vào khoảng khắc đó ông nhận ra rằng mình đã bắt đầu nhiễm thói quen lăm băm một mình. Ông hít một hơi và cố gắng trấn tĩnh lại. Từ phòng bên cạnh, tiếng vợ ông vọng tới. "Lẽ mẹ cũng đồng ý với con. Tuy nhiên mẹ không thể diễn đạt được chuyện này..."

Giọng bà ngừng lại. Ông ngồi đợi. Một vài phút sau, bà đi về phía cửa và gõ nhẹ, sau đó mở cửa ra và nhìn vào trong.

"Thế là bà biết rồi" ông nói.

"Chuyện của chúng quả là nghiêm trọng" bà đứng ở lối ra vào.

"Bà vào đây" ông nói.

Bà đi về phía ông và nhẹ nhàng ngồi xuống, ông xích lại phía bà. Ông vòng tay ôm lấy bà, và cảm thấy vụng về,

rõ ràng đã làm cho bà ngưng ngừng, ông bỏ tay ra. Cả hai chẳng ai nói câu nào.

Tất cả những điều họ suy nghĩ để đưa ra quyết định về chuyện giữa hai người dường như bị cô đặc lại lúc bấy giờ. Ballinger hít thở mùi hương của vợ, mùi đất và hoa bên ngoài cửa.

"Lạy Chúa," Bà nói "Tôi thấy không còn cảm xúc gì cả. Tôi không biết phải nghĩ như thế nào".

"Chúng ta nên sinh thêm một đứa con nữa," bỗng nhiên ông nói "Con của Melanie sẽ cần có một bà cô hay một ông chú ít tuổi".

Mary thở dài với một nụ cười thoáng chút cô độc, sau đó thì im lặng.

"Lm có nói với con về chuyện của chúng ta không?"

"Không," Bà nói "Tôi không có cơ hội. Và tôi không biết mình có thể làm được điều đó không".

"Tôi không cho rằng đó sẽ là một vấn đề quá lớn đối với nó"

"Ồi, ông đừng nói vậy. Ông không thể suy nghĩ theo kiểu đó"

Điện thoại bên giường ngủ reo vang, làm cả hai người đều giật mình. Ông nhắc ông nghe lên và đưa cho vợ.

"Xin chào," Bà nói - Sau đó "Chào con. Có, được, đang ở đây" Bà đưa ống nghe trở lại cho ông.

"Tôi nghe đây," ông nói.

Giọng của Melanie đầy nước mắt và giận giữ: "Bố bảo bố có những điều cần phải nói với con." Cô con gái nức nở, rồi lại ho "Phải không nào?"

"Chẳng có gì đâu, con gái ạ. Thậm chí bố cũng không nhớ..."

"Thôi được, con muốn bố biết rằng con còn yên ổn hơn cả bố, bố ạ, những khó khăn đó không thành vấn đề. Con sẽ đứng vững trước những phản ứng".

"Ừ," ông nói "Bố chắc là con sẽ như thế".

"Con bỏ máy đây. Và con dự tính sẽ cho bố biết muộn hơn nếu như chúng con cùng về nhà. Chúng con sẽ không về nếu như không phải là vì mẹ"

"Chúng ta sẽ bàn bạc," ông nói với con gái "Chúng ta sẽ tính chuyện này. Con gái, cả hai cần phải dành cho bố mẹ chút thời gian"

"Cả con và William chẳng có gì phải tính toán cả"

"Tất nhiên có rất nhiều việc phải làm. Tất cả các đám cưới..." giọng ông nghẹn lại. Ông hít một hơi "Có rất nhiều việc phải làm trong bất kỳ đám cưới nào".

"Con biết những gì con biết," cô con gái nói.

"Đúng thôi," Ballinger nói "Đó là... điều đó luôn xảy ra ở lứa tuổi của con, con gái ạ".

"Tạm biệt bố," cô nói "Con không thể nói gì hơn được nữa"

"Bố hiểu," Ballinger nói. Khi có tiếng tút tút trong máy, ông đặt ống nghe vào lòng một lát. Mary vẫn ngồi bên cạnh.

"Thế đấy," ông nói "Tôi không thể nói với nó được" ông đặt ống nghe trở lại máy - "Lạy Chúa. Một thằng con rể 63 tuổi"

"Điều này đã từng xảy ra trước đây" Bà đặt tay lên vai ông, sau đó lại bỏ tay xuống. "Tôi rất lo cho nó. Nhưng nó bảo đó là điều nó muốn".

"Quả là kinh khủng, Mary ạ. Bà biết mọi chuyện rồi đấy. Con trai của một mục dân bà không ra gì lại là tên thầy giáo đáng nguyên rủa của con gái chúng ta".

"Nghe ông nói kìa... ông đang nói gì về con gái chúng ta? Tôi nghe những gì ông nói về nó. Người mà ông nói đó là con gái chúng ta. Ít nhất ông cũng nên cố gắng cho nó lòng tin không có thật rằng con gái nhận thức được điều nó đang làm"

Cả hai lại im lặng một lúc lâu.

"Ài mà biết được," Vợ ông nói "Nhờ đâu chúng lại chẳng hạnh phúc một thời gian". Ông cảm nhận được dấu hiệu đau khổ trong giọng nói của bà, và ông nghĩ mình biết bà đang nghĩ gì; lúc đó ông khẳng định được rằng ông đã biết.

Cũng giống Mary, ông ngồi nhớ lại những năm tháng hạnh phúc trước đó của họ, sao mà nhẹ nhàng và giản đơn đến vậy, ông đã từng sống trong một ngôi nhà khác, những căn phòng khác và theo dõi những bước đi đầu tiên của Melanie, chấp chững lần theo hành lang màu nâu, mặc chiếc áo choàng được may lại từ quần áo của mẹ. Ông không biết tại sao những ấn tượng đặc biệt đó lại quay trở về sau bao nhiêu năm trời, tuy nhiên trong sự tĩnh lặng của hơi thở vào khoảnh khắc mãnh liệt nó gần gũi với ông biết bao; nó đến với ông giống như một vật gì đó đang bò trên da thịt, rồi sau đó ra đi - Nỗi đau âm ỉ còn kéo dài một lúc lâu. Ông nhìn vợ, nhưng bà quay nhìn đi nơi khác, đôi tay đang rờ rẫm một cách vô thức trên vạt áo bằng vải bông đã cũ. Cuối cùng bà đứng dậy, "Đành vậy," bà thở dài, bỏ đi "Đi làm việc thôi".

"Mary?" ông gọi, giọng rất nhỏ. Nhưng bà không nghe thấy. Bà đã ở ngoài lối cửa vào gian phòng lớn, đang đi về phía nhà bếp. Ông nhào người và bật đèn gần giường ngủ, sau đó nằm xuống. Ở đây hơi tối. Bóng tối tràn vào từ ngoài cửa sổ. Trên tường những bức tranh tối màu, nhiều hình dáng, đang âm thầm phản đối cái nhìn của ông. Ông nhắm mắt lại, lắng nghe những tiếng động nhỏ ở nhà bếp, bà đang cắm những bông hoa, vẩy nước chảy. Mary, ông gọi tên bà. Tuy vậy ông không hình dung được có thể nói những gì nếu như tiếng ông vọng được đến chỗ bà.

TIM O'BRIEN

PHAN THU HIỀN dịch

NHỮNG CUỘC ĐỜI SAU KHI CHẾT

Tim O'Brien sinh tại bang Minnesota. Trong chiến tranh Việt Nam, ông là lính thông tin của một đại đội bộ binh. Ông đã viết cuốn hồi kí "Nếu như tôi chết ở một vùng chiến sự", và những tiểu thuyết như "Những ngọn đèn phương Bắc", "Đi theo Cacciato", "Thời đại hạt nhân", "Những gì họ đã mang theo"... Tiểu thuyết "Đi theo Cacciato" dựng lên một tình huống giả tưởng: Một anh lính đào ngũ, kéo theo cả tiểu đội của mình, rời ra khỏi chiến tranh Việt Nam, làm một cuộc hành trình khắp thế giới. Tiểu thuyết này đã đoạt Giải thưởng Sách Quốc gia Mỹ.

Cả điều đó cũng là thật, rằng những câu chuyện có thể cứu vớt chúng ta. Tôi bốn mươi ba tuổi, hiện là nhà văn, và vẫn cứ, thậm chí ngay chính lúc này đây, vẫn đang mơ thấy Linda còn sống. Cả Ted Lavender nữa, cả Kiowa, Curt Lemon và cả chàng trai mảnh khảnh mà tôi đã giết, ông già nằm chết cạnh con heo con, cả những người mà tôi đã bê xác họ vứt lên một chiếc xe tải. Tất cả họ đều

đã chết. Nhưng trong một câu chuyện, kiểu như giấc mơ, những người chết đôi khi mỉm cười, ngồi dậy và trở về trần gian này.

Hãy bắt đầu từ chỗ này: một thi thể không tên. Đó là một buổi chiều năm 1969. Trung đội hộ binh của chúng tôi bị du kích của một làng nhỏ ven biển Đông bắn tỉa. Sự kiện diễn ra trong vài phút và cũng không ai bị thương cả. Mặc dầu vậy, trung úy Timmy Cross vẫn liên lạc điện đàm, gọi không quân đến oanh tạc trả thù. Trong nửa giờ đồng hồ sau, chúng tôi ngồi nhìn cái làng đó bốc cháy. Ngày hôm ấy mát mẻ và trong sáng, giống như đầu mùa thu, những chiếc phản lực đen bay loang loáng ngang dọc bầu trời. Khi trận đánh kết thúc, chúng tôi được lệnh di chuyển về phía Đông, xuyên qua ngôi làng nọ. Tôi còn nhớ mùi rơm cháy khét, tôi còn nhớ những hàng rào đổ rạp, cây cối đứt ngang thân và những đồng đá, gạch, vôi vữa đổ nát. Cả vùng hoang lạnh - không một bóng người, không một bóng chim chóc muông thú - và xác chết duy nhất là một ông già nằm úp sấp xuống đất, bên cạnh một con heo con. Cánh tay phải ông ta đã bay đầu mất. Ruồi, muỗi đã kịp kéo tới bu đầy trên khuôn mặt.

Dave Jensen bước đến, túm lấy tay ông già, lắc lắc: "Khỏe không?" Anh ta hỏi.

Những người khác, người nọ tiếp người kia cũng làm như vậy. Họ không quấy rầy thân thể ông già, chỉ nắm tay ông, nói vài lời gì đó rồi đi tiếp.

Rat Kiley cúi xuống cái xác: "Đưa tay cho tôi nào". Anh ta nói. "Thật là một người đáng kính".

"Ông sống vì mập". Henry Dobbins bảo.

Tôi là lính mới tò te. Mới là ngày thứ tư vào trận. Tôi chưa biết tếu, Như thế phải nuốt một cái gì đó lờm lờm, tôi cảm thấy nôn nao, nghẹn trong họng. Tôi ngồi xuống bên con heo con, nhắm mắt lại, gục đầu giữa hai đầu gối.

Lát sau Dave Jensen vỗ vào vai tôi.

“Giờ hãy lịch sự chút đi”. Anh ta nói. “Hãy giới thiệu tên cậu xem nào. Chẳng có gì phải sợ, chỉ là một ông cụ đẹp lão thôi. Hãy tỏ chút lòng kính trọng của cậu với người lớn tuổi hơn.”

“Tôi không thể”.

“Điều này có vẻ quá thực tế với cậu chẳng?”

“Vâng”, tôi nói.

Jensen kèm sau tôi, nhưng tôi vẫn không bước lại gần cái xác. Tôi cũng không dám nhìn, trừ khi vô tình nhìn lướt qua. Suốt ngày hôm đó, cảm giác nôn nao, rã rời vẫn ở trong tôi, nhưng không phải vì cái thầy người, mà chủ yếu vì hành động kinh khiếp là chào hỏi, chuyện trò với người chết. Tôi nhớ có lúc họ dựng cái xác ngồi dựa vào hàng rào. Họ bắt chéo chân cái xác lại, rồi trò chuyện với nó. “Người khách quý”. Mitchell Sander đặt một lon nước cam vào lòng bàn tay ông cụ. “Vitamin C đấy”. Anh ta nói dịu dàng. “Rất quan trọng cho sức khỏe một chàng trai đấy”.

Họ mời ông cụ bánh mì nướng. Họ nâng bi đông lên và uống mừng gia đình cùng tổ tiên ông lão, mừng con đàn cháu đống, mừng cuộc sống mới của ông trong thế giới bên kia. Ngày càng buồn cười hơn. Hình như đó là một thứ lễ nghi, giống như một đám ma không có buồn đau.

Dave Jensen nhìn qua tôi.

“Này, O'Brien”. Anh ta nói. “Cậu đang ăn bánh mì

nướng trong tưởng tượng chắc? Vẫn chưa quá muộn đâu để cậu thể hiện chút lịch sự”.

Tôi tìm được việc cho đôi tay mình. Tôi nhìn đi chỗ khác và cố không nghĩ ngợi gì hết. Chiều muộn hơn, đứng trước lúc hoàng hôn xuống, Kiowa đến gần và hỏi liệu anh ta có thể ngồi trong hầm cá nhân của tôi một chút được không. Anh ta mời tôi một cái bánh Noel mà cha anh ta gửi cho trong đóng quà nhận từ hồi cuối năm. Hôm đó đã là tháng ba, những bánh vẫn ngon, thơm lắm.

Kiowa ngấm nhìn bầu trời hồi lâu.

“Hôm nay cậu đã làm một việc được lắm”. Anh ta nói. “Bắt tay cái thầy ma chẳng phải là việc lịch sự, đứng đắn gì. Các cậu ấy xúi giục kích động cậu mãi, nhất là Jensen, nhưng cậu vẫn nhất quyết từ chối. Thà làm như tôi. Chỉ chèn thôi, tôi hiểu mà”.

“Không phải thế. Tôi sợ”. Kiowa nhún vai. “Cũng vậy thôi”. “Không, tôi không thế. Một thực thể tinh thần, có tâm hồn... Tôi không hiểu, tôi chỉ thấy rùng mình, run rẩy.”

“Ồ, cậu là lính mới. Cậu sẽ quen thôi”. Anh ta ngừng một lát, chăm chú quan sát những đốm xanh, đỏ trên cái bánh. “Tôi đoán hôm nay là lần đầu tiên cậu nhìn thấy một cái thầy ma thực thụ phải không?”

Tôi lắc đầu. Suốt ngày hôm đó, tôi đã vẽ đi vẽ lại trong tâm trí khuôn mặt Linda, cái cười của nàng.

“Nghe thật nực cười”, tôi nói “Nhưng ông già đáng thương đó gọi tôi nhớ đến... tôi muốn nói, cô gái mà tôi từng biết. Có một lần tôi đã đưa cô đi xem phim. Đó là cuộc hẹn hò đầu tiên trong đời tôi”.

Kiowa nhìn tôi một lúc. Rồi ngả người ra, mỉm cười.

“Con người”, anh ta nói, “Đó là một cuộc hẹn tối tệ, thâm thương”.

*

*

*

Khi ấy Linda mới lên chín, bằng tuổi tôi, nhưng chúng tôi yêu nhau. Đúng như vậy. Hôm nay đây khi viết về Linda, có đến ba thập kỷ đã trôi qua, có vẻ tôi bị dụ dỗ để bỏ qua chuyện đó, chỉ như một chuyện phải lòng, mê say vô vẩn của con nít, nhưng tôi biết rằng đúng là những gì chúng tôi từng cảm nhận về nhau thực sự sâu sắc và trọn vẹn như tình yêu muôn thuở vậy. Nó có tất cả mọi sắc thái, mọi sự phức tạp của mối tình giữa những người trưởng thành, mà có lẽ còn phong phú hơn, vì nó không cần đến lời lẽ, không phù hợp với bất cứ sự so sánh nào, bất cứ sự ghi chép sự kiện nào, hay bất cứ cách thức nào mà những người trưởng thành dùng để đo giá trị chuyện tình của họ.

Tôi chỉ yêu nàng, có thế thôi.

Linda đang hoàng và tự trọng. Đôi mắt cô, tôi nhớ, cũng nâu thẫm như mái tóc cô. Linda mảnh dẻ, lặng lẽ và yếu ớt.

Ngay cả lúc đó, mới chín tuổi, tôi đã khao khát được sống bên cô. Tôi muốn tan chảy vào xương thịt cô - kiểu yêu thế đó.

Mùa xuân năm 1956, chúng tôi đang học lớp bốn, tôi đã dắt cô đi, cuộc hẹn hò đầu tiên trong đời. Thật ra là một hẹn hò kép, cuộc hẹn của cả mẹ và cha tôi nữa. Dù tôi

không còn nhớ chính xác, nhưng mẹ tôi đã hẹn sao đó với cha mẹ Linda, và đêm xuân ười át ấy, cha tôi lái xe, còn tôi và Linda, ngồi ở ghế sau, nhìn ra ngoài qua những cửa sổ xe đối diện, cả hai đều cố giả vờ như không có gì đặc biệt quá. Sâu thẳm trong lòng, tôi có những điều hệ trọng, hệ trọng lắm phải nói với cô, nhưng tôi không sao thoát nổi nên lời. Tôi cảm thấy khó thở. Đôi lúc, tôi liếc nhìn cô, thầm nghĩ cô đẹp biết bao, làn da trắng, đôi mắt nâu sẫm, và cái cách cô luôn mỉm cười với thế gian này - dường như, luôn luôn mỉm cười - cứ như khuôn mặt cô được tạo ra trong nụ cười vậy. Nụ cười không bao giờ tắt. Đêm đó, tôi còn nhớ cô đội một chiếc mũ mới màu đỏ, đối với tôi nó rất hoàn hảo, rất có phong cách, rất khác thường. Phần chóp mũ thon hình búp măng có vẻ hơi dài, gần như là quá dài, giống như một cái đuôi vắt vẻo sau lưng cô. Nó khiến tôi nhớ tới những cái mũ ông già Tuyết Santa Claus thường đội, cũng màu sắc và hình thù như vậy, cũng những núm tua màu trắng lộn xộn vui mắt dính trên chóp.

Ngồi ở ghế sau, tôi những muốn tìm cách nào đó thể hiện cảm tình đối với cô, thán phục, ngưỡng mộ gì đó, nhưng tất cả những gì tôi có thể nói nên lời là một câu bình luận xuẩn ngốc về cái mũ. "Xì", có lẽ tôi đã nói đại loại "cái mũ mới lạ chứ".

Linda nhìn ra cửa sổ xe, mỉm cười - cô hiểu điều tôi muốn nói - nhưng mẹ tôi đã quay lại, nhìn tôi một cách nghiêm khắc. Tôi ngạc nhiên quá. Cứ như là tôi đã tiết lộ một điều bí mật kinh khủng lắm ấy.

Đoạn đường còn lại, tôi ngồi nín lặng. Chúng tôi đỗ lại

trước cửa hiệu Ber Franklin, rồi bước theo Đại Lộ Chính đi về phía Nhà hát Quốc gia. Cha mẹ tôi đi đầu, vai sánh vai, rồi đến Linda đội mũ đỏ, sau là tôi, cách cô chừng mười hay hai mươi bước. Tôi, chín tuổi, không được phú cho tài ăn nói. Lúc lúc, mẹ tôi quay đầu nhìn lại, ra hiệu cho tôi bước nhanh hơn.

Tôi còn nhớ, khi tới cửa bán vé, Linda đứng tránh sang một bên. Tôi bước đến khu sảnh nghỉ, chăm chú ngắm nghía cái kẹo. Cả hai đứa tôi đều cẩn thận giữ gìn để những trao đổi đầu mảy cuối mắt không bị phát hiện. Chúng tôi cảm nghiệm tình yêu như vậy đó. Hết sức thuần khiết, hết sức trong trẻo. Tôi cho rằng không ai trong số hai chúng tôi nghĩ tới từ đó, tình yêu, nhưng thể hiện bằng cách không dám công khai nhìn nhau, không hề thổ lộ, chúng tôi hiểu rằng mình đang cùng chia sẻ một điều gì đó, lớn lao và vĩnh cửu.

Trong nhà hát, tôi nghe, phía sau mình có tiếng nhạc phim hoạt hình.

“Này, nhanh lên”. Tôi nói. Tôi gần như thu được đủ can đảm để nhìn cô. “Bạn muốn ăn bắp rang hoa hay món gì nào?”.

*

* *

Một câu chuyện mơ mộng của ta và khi kể lại, ta hi vọng rằng người khác cũng mơ theo ta vậy. Trong quá trình đó, hồi ức và tưởng tượng hoà trộn cùng ngôn từ để tạo nên những thực thể tinh thần trong tâm trí. Tao nên ảo ảnh sống động. Chẳng hạn như khi ở Việt Nam, Ted

Lavender có thói quen sáng sáng nuốt năm viên thuốc giảm thống. Đó là cách anh ứng phó với thực tại, và những viên thuốc giúp anh dễ chịu hơn trong ngày. Tôi nhớ đôi mắt anh trông thật yên bình. Ngay cả trong những tình huống tồi tệ, nét mặt anh vẫn nhẹ nhõm, mơ màng, anh thích cái đó, một kiểu đào tẩu khỏi hoàn cảnh. “Chiến sự hôm nay ra sao?” nếu ai đó hỏi như vậy, Ted Lavender sẽ ngược lên trời, khề mỉm cười: “Êm ả - hôm nay chiến sự bình lặng lắm”. Sau đó, vào tháng tư, anh bị bắn vào đầu, ở bìa làng Tân Khê, Kiowa và tôi cùng với vài người khác được lệnh sửa sang thi thể anh để mai táng. Tôi nhớ đã ngồi xuống bên anh, không muốn nhìn, nhưng sau đó phải nhìn. Xương má phải của Lavender vắng đi đầu mất. Một vùng đen sừng húp quanh mắt anh. Cố gắng không cảm nghĩ gì, chúng tôi nhanh chóng lục soát các túi quần túi áo của anh. Tôi nhớ mình đã mong có một đôi găng tay. Tôi không khiếp máu me, nhưng tôi kinh sợ chết chóc. Chúng tôi cho tư trang, giấy tờ cá nhân của anh vào một cái túi nhựa rồi buộc cái túi vào cổ tay anh. Chúng tôi cởi hết quần trang, tháo hết quần dụng, tất cả một đồng to, rồi học thi thể trong chiếc áo choàng của anh, sau đó đưa đến một cánh đồng khô ráo, đặt anh xuống.

Rất lâu, không ai nói gì. Rồi Mitchell Sanders bỗng cười phá lên và nhìn xuống cái áo choàng nhựa màu xanh.

“Lavender này,” - anh ta nói. “Chiến sự hôm nay ra sao?”

Lặng đi một lát.

“Êm ả”. Ai đó nói.

“Ồ, thế là tốt”. Sanders lẩm bẩm. “Thật tốt, tốt thực sự. Bây giờ nằm ở đây mát quá”.

“Ồ, không hề có mồ hôi”.

“Ngả lưng thật dễ chịu. Không cần uống thuốc nữa. Chúng ta đi máy bay trực thăng, lần này, trong cuộc viễn du của linh hồn”.

“Ồ, vâng, bình an, êm ả”.

Mitchell Sanders mỉm cười: “Ồ đây nhé, ông bạn của tôi, máy bay trực thăng sẽ đưa anh lên cao, cao và mát mẻ. Anh sẽ được nghỉ ngơi, thư giãn. Anh sẽ có một viễn cảnh mới, khác hẳn cái tình trạng đáng buồn này”.

Chúng tôi gần như có thể nhìn thấy hiển hiện đôi mắt mở màng của Ted Lavender. Chúng tôi như nghe anh nói.

“Roger này.” ai đó nói. “Tớ bay đi đây”.

Đó là một câu chuyện đã diễn ra. Những xác chết tràn đầy sinh khí. Bạn làm cho người chết chuyện trò. Đôi khi họ nói những câu đại loại như “Roger này”, hoặc “Timmy, đừng khóc nữa” - như Linda đã nói với tôi sau khi cô chết.

*

*

*

Thậm chí đến tận giờ đây tôi vẫn như thấy trước mắt hình ảnh cô đang bước xuống lối đi giữa những hàng ghế trong nhà hát Quốc gia Worthington, Minnesota cũ kĩ. Tôi thấy nét nghiêng khuôn mặt cô, bên cạnh tôi, đôi má dịu êm, quynh rũ.

Bộ phim đêm đó có nhan đề “Người Đàn Ông không bao giờ tồn tại”. Tôi còn nhớ rất rõ cốt truyện, ít nhất cũng nhớ hoàn toàn chính xác tên phim, bởi lẽ nhân vật chính

là một xác chết. Chỉ riêng đề tài đó đủ gây ấn tượng mạnh đối với tôi. Đó là bộ phim về chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Quân Đồng minh bày mưu để đánh lừa quân Đức về địa điểm họ sẽ đổ bộ vào châu Âu. Họ đã tiến hành với một xác chết - tôi tin rằng, đó là xác một người lính Anh - họ mặc cho anh ta một bộ quân phục sĩ quan, đặt những tài liệu giả mạo vào các túi quần, túi áo, rồi thả anh ta xuống biển để dòng chảy sẽ đưa anh ta tới bờ biển của bọn phát xít. Quân Đức tìm thấy những tài liệu đó, và việc đánh lừa đã đem lại chiến thắng cho quân Đồng minh. Đến tận bây giờ, tôi vẫn nhớ nước đã bắn văng lên khùng khiếp khi cái thân rơi tùm xuống biển. Tôi nhớ, lúc đó tôi liếc sang Linda, nghĩ rằng cảnh này thật quá sức chịu đựng của cô. Nhưng trong ánh sáng mờ ảo, hình như tôi thấy cô vẫn mỉm cười. Cô hơi nheo mắt, đôi môi hé mở hơi cong lên duyên dáng. Tôi không hiểu nổi. Chẳng có gì đáng cười cả. Một đôi lần, tôi phải nhắm mắt lại, nhưng cũng chẳng tích sự gì mấy. Thậm chí tôi còn phải xem cái xác người lính nhào lộn trên mặt nước, va đập lẫn lóc, nặng nề và vô cảm, chết đi chết lại nhầu nhĩ tột cùng.

Thật nhẹ nhõm khi bộ phim kết thúc.

Sau đó, xe chúng tôi tới Dairy Queen ở ngoại ô. Đêm sâu lắng, trêu nặng, và chung quanh chúng tôi những cánh đồng Minnesota trải rộng những làn sóng ngô và đậu tương, tất cả đều bình lặng, êm ái. Tôi nhớ ngồi ăn kem ở ghế sau chiếc xe Buick, chiếc xe đi lặng lẽ trong đêm, một đoạn dài lắm, rồi đỗ lại trước cửa nhà Linda. Chắc chắn chúng tôi có nói vài lời với nhau, nhưng tôi quên hết rồi, chỉ còn nhớ vài hình ảnh cuối cùng. Tôi bước theo cô đến

trước cửa nhà. Tôi nhớ ánh sáng vàng chói chang của ngọn đèn cổng, đôi chân tôi đứng đó, những bụi cây dọc lối vào, cỏ ướt và Linda sát bên cạnh tôi. Chúng tôi yêu nhau. Mới chín tuổi, vâng, nhưng yêu thực sự và bây giờ đây, chúng tôi chỉ có hai người trên lối vào. Cuối cùng, chúng tôi nhìn nhau.

“Tạm biệt,” tôi nói.

Linda gật đầu: “Tạm biệt”.



Mấy tuần sau đó, ngày nào Linda cũng đội chiếc mũ đỏ đến trường. Cô không bao giờ cởi ra, ngay cả khi ngồi trong lớp, vì vậy cô bị hạn chế chòng ghẹo. Nhất là thằng Nick Veenhof. Đến giờ giải lao, ngoài sân chơi, Nick nhảy bổ tới sau lưng cô, chụp lấy mũ, giật mạnh rồi chạy biến. Cứ như vậy suốt mấy tuần: bọn con gái rúc rích cười, còn bọn con trai thì xúi bẩy thêm. Tất nhiên là tôi muốn làm gì đó để chấm dứt tình trạng này nhưng không thể. Tôi sợ bị chế giễu. Và ngại Nick Veenhof nữa. Tôi đành đứng ngoài cuộc, như một khán giả, trong lòng cầu mong có thể làm được điều mình đã không thể làm. Tôi nhìn Linda tay giữ chặt cái mũ, trong khi vẫn mỉm cười hướng về phía Nick như thể chẳng lấy làm phiền lòng.

Tuy nhiên, đối với tôi, điều đó rất khó chịu. Mọi việc vẫn tiếp diễn. Lẽ ra tôi đã phải xông vào mới đúng; lí do mới học lớp bốn chẳng biện hộ được gì cả. Thêm nữa, cuộc sống càng ngày càng chẳng dễ dàng hơn - và mười hai năm sau, khi cuộc chiến ở Việt Nam đặt ra những lựa chọn

khắc nghiệt hơn nhiều, những luyện tập thử thách lòng can đảm đã có thể giúp đỡ tôi chút ít.

Thật ra tôi cũng có thể ngăn chặn những gì xảy ra tiếp theo. Có thể không ngăn chặn được, nhưng ít nhất là cũng có khả năng.

Hầu hết các chi tiết tôi đã quên hết rồi, nhưng tôi nhớ đó là một buổi chiều cuối xuân, chúng tôi đang thi đánh vần, giữa chừng thì Nick Veenhof giơ tay xin phép được dùng cái gọt bút chì. Ngay lập tức bọn bạn phá lên cười. Không nghi ngờ gì rằng chính Nick đã cố tình làm gãy bút chì, nhưng không ai có thể chứng minh được điều ấy, và thầy giáo gật đầu đồng ý. Đó là một sai lầm. Trong lớp, Nick chậm chạp hơn ở đâu hết. Nó từ từ lôi cái gọt bút chì ra, cẩn thận cho cái bút chì vào rồi cứ thế mà xoay, xoay mãi. Lúc đó, tôi thấy buồn cười lắm. Nhưng trên đường về chỗ ngồi, Nick bỗng quành ngang. Nó len lỏi giữa hai cái bàn, rẽ sang phải đến hàng ghế Linda ngồi.

Tôi thấy nó cười nhảu nhờ với một thằng trong bọn của nó. Ngay lập tức tôi hiểu điều gì sắp xảy ra.

Khi đi qua chỗ Linda, nó thả rơi cái bút chì và ngồi xuống nhặt. Khi đứng dậy, tay trái nó vòng nhanh ra sau lưng Linda. Chừng nửa giây ngập ngừng. Có lẽ nó đang đấu tranh để tự kiểm chế, có thể trong thoáng chốc, nó cảm thấy chút lấm lỗi gì đó. Nhưng không đủ để kìm nó lại. Nó túm lấy núm tua trắng, kéo dựng lên và nhẹ nhàng lôi cái mũ ra.

Một số đứa cười phá lên. Một tiếng cười theo nhỏ nhỏ. Tôi nhớ Nick Veenhof cũng nhếch mồm cười. Đâu đó sau lưng tôi, một đứa con gái nói: “Ừ” hay một tiếng gì gần

như thế.

Linda không động đây.

Bây giờ đây, khi nhớ lại điều đó, tôi vẫn có thể hình dung màu trắng kỳ dị trên da đầu cô. Không phải cô bị hói. Không hói hoàn toàn. Có vài túm tóc, mảnh mai, màu nâu xám. Nhưng cái mà tôi nhìn thấy lúc đó và bây giờ vẫn đang nhìn thấy là tất cả một màu trắng. Trắng nhợt, trong, mờ, êm dịu. Tôi có thể nhìn thấy xương và mạch máu; tôi có thể thấy cấu trúc chính xác của hộp sọ. Đằng sau gáy cô có một tấm băng dính lớn, trên tai trái dính một miếng gạc.

Nick Veenhof bước lùi lại. Nó vẫn đang cười nhưng nụ cười đã trở nên dị dạng.

Suốt thời gian đó, Linda nhìn thẳng về phía trước, mắt cắm vào băng đen, tay đặt nhẹ trong lòng. Cô không nói lời nào. Tuy nhiên, một lúc sau, cô quay lại và nhìn tôi - chỉ chừng một khoảnh khắc nhưng tôi cảm nhận được toàn bộ cuộc đối thoại giữa chúng tôi. "Có sao không?" Cô hỏi, và tôi trả lời: "Ồ, ổn thôi, chắc chắn thế".

Rồi cô khóc. Hồi lâu. Thầy giáo giúp cô đội mũ lại, rồi chúng tôi kết thúc bài thi. Cuối buổi học, Nick Veenhof và tôi đưa cô về nhà.



Giờ đây đã là năm 1990. Tôi đã bốn mươi ba tuổi, dường như không thể nào hình dung năm học lớp bốn nữa, nhưng khi tôi nhìn những bức ảnh của mình chụp năm 1956, tôi nhận ra rằng trên những nét lớn, tôi chẳng thay

đổi chút gì. Khi ấy, tôi là Timmy, giờ đây tôi là Tim. Nhưng bản chất chỉ là một. Giờ tôi không còn có vẻ ngốc nghếch trong những cái quần phồng rộng thùng thình, với cái đầu húi cua hoặc nụ cười vui sướng nữa - tôi hiểu đôi mắt của chính mình - nhưng vẫn không nghi ngờ gì rằng Timmy đang cười trước ống kính kia chính là Tim hôm nay. Trong thân thể chúng ta, hay là trên siêu thân thể chúng ta, có cái gì đó bất biến và tuyệt đối. Đời con người, tất cả là một dòng chảy, giống như một lưỡi kiếm để lại những đường rạch trên băng: một đứa bé, một trung sĩ bộ binh hai mươi ba tuổi, một nhà văn trung niên đã biết thế nào là tội lỗi và khổ đau.

Và, hôm nay, với tư cách một nhà văn, tôi muốn cứu rỗi cuộc đời Linda. Không phải thân xác cô - mà cuộc sống của cô.

Cô đã chết rồi, tất nhiên thế. Mới chín tuổi và cô đã chết. Đó là một khối u trong não. Cô sống qua mùa hè và đầu tháng chín thì chết.

Nhưng trong một câu chuyện, tôi có thể đánh cắp linh hồn cô. Tôi có thể tái sinh, ít nhất thì cũng chút ít nào đó, cái tuyệt đối và bất biến ấy. Trong một câu chuyện, có thể xảy ra những điều kì diệu. Linda có thể mỉm cười và ngồi dậy. Cô có thể vươn tay ra, chạm vào cổ tay tôi, mà nói: "Timmy à, đừng khóc nữa nhé".

Tôi cần điều kì diệu đó. Ngay đến lúc tôi hiểu ra rằng cô bị bệnh, có thể cô đang hấp hối nữa, tôi vẫn yêu cô, và không chịu chấp nhận thực tế khắc nghiệt. Tôi nhớ, quãng giữa mùa hè, mẹ tôi đã cố giải thích cho tôi nghe về bệnh

u não. Bà bảo, đôi khi những trục trặc, bệnh tật gì đó hình thành, phát triển bên trong chúng ta. Đôi khi người ta có thể cất bỏ chúng, nhưng nhiều khi đành chịu, và đối với Linda, đó chính là một trong những trường hợp phải bất lực bỏ tay.

Tôi ngẫm nghĩ mấy ngày liền. Cuối cùng tôi hỏi: “Thôi được, bây giờ bạn ấy sẽ khá hơn chứ?”

“Ồ, không,” mẹ tôi nói. “Mẹ không nghĩ vậy”. Bà nhìn vào điểm nào đó sau vai tôi. “Đôi khi người ta không bao giờ đỡ được. Đôi khi người ta chết”.

Tôi lắc đầu, không chịu.

“Không phải Linda”. Tôi nói.

Nhưng rồi một buổi chiều tháng chín, trong giờ nghỉ trưa, Nick Veenhof đến bên tôi. “Cô bạn gái của chúng mình,” nó nói, “chết rồi”.

Thoạt tiên, tôi không hiểu gì. “Chết rồi,” nó nói. “Mẹ tớ bảo tớ hồi trưa. Tớ không nói dối đâu. Bạn ấy chết thật rồi”. Tất cả những gì tôi có thể làm được lúc đó là gật đầu. Tuy nhiên, điều đó chẳng có gì là hoàn toàn chắc chắn. Tôi quay đi, nhìn xuống đôi tay mình rồi bỏ về nhà, không nói năng gì với ai.

Lúc đó khoảng hơn một giờ chiều, tôi vẫn nhớ, và căn nhà trống không.

Tôi uống chút sữa chocolate rồi nằm vật xuống ghế sofa trong phòng khách, không hẳn là buồn đau, chỉ bỗng bẽnh trôi, cố nghĩ xem chết là thế nào. Tôi chẳng nghĩ được gì nhiều. Tôi còn nhớ đã khép chặt mắt lại và thầm thì gọi tên cô, gần như tôi cầu nguyện, van xin, cố để cô quay trở

lại. "Linda?". Tôi nói. "Làm ơn đi, nào". Sau đó tôi quyết tâm tập trung tư tưởng. Tôi quyết làm cô sống lại. Có lẽ đó là một giấc mơ, một giấc mơ ban ngày, nhưng tôi đã khiến nó phải xảy ra. Tôi thấy cô đi giữa Đại lộ Trung Tâm, chỉ có một mình, đơn độc. Đêm đen tăm tối, đường phố hoang vắng, không một bóng người, xe qua lại, Linda bước đi, cô mặc váy hồng và đi đôi giày đen sáng bóng. Tóc cô mọc trở lại, mượt mà. Những vết sẹo, những mảnh gạc biến mất hết. Trong giấc mơ, nếu đó là một giấc mơ, cô đang chơi một trò chơi gì đó, cười vang và chạy nhảy trên đường phố vắng, đá đá chân vào một xô nước lớn sáng óng ánh.

Đến đó, tôi òa lên khóc. Lát sau, Linda dừng lại, xách xô nước lên vĩa hè và hỏi tại sao tôi buồn đến vậy. "Ồi trời ơi", tôi nói, "bạn đã chết rồi".

Linda gật đầu. Cô đang đứng dưới ánh đèn đường màu vàng nhạt. Một cô gái chín tuổi, chỉ một bé gái thôi, nhưng có một cái gì đó không có tuổi trong đôi mắt cô - không phải trẻ con, không phải người lớn - chỉ là sự vĩnh hằng chói sáng, cũng cùng cái ánh sáng tuyệt đối mà tôi nhìn thấy hôm nay, trong đôi mắt chính mình khi Timmy cười với Tim từ những bức ảnh thời thơ ấu đã xám màu.

"Chết rồi". Tôi nói.

Linda mỉm cười. Đó là một nụ cười bí ẩn, như thể cô biết những điều không ai có thể biết, rồi cô vươn tay ra, chạm vào cổ tay tôi, cô nói:

"Timmy à, đừng khóc nữa đi. Chẳng có gì đâu".



Ở Việt Nam cũng vậy, chúng tôi có những cách thức để khiến cho người chết dường như không chết hoàn toàn. Bắt tay họ, lắc lắc, ấy là một cách. Bằng cách coi khinh cái chết, chúng tôi giả vờ coi nó chẳng phải là điều khủng khiếp quá như bản chất khủng khiếp của cái chết. Chúng tôi dùng những lời lẽ, những cách nói năng, vừa tàn nhẫn vừa thâm trầm để chắt những thầy ma ấy vào đồng rác rưởi vô nghĩa. Vì vậy, khi có ai đó bị giết, như khi Curt Lemon bị giết chẳng hạn, thân thể anh ta chẳng còn ra thân thể nữa, nó giống một ụ rác giữa đồng rác lớn. Tôi hiểu ra rằng ngôn từ tạo ra những sự khác biệt. Ta sẽ chịu đựng dễ dàng hơn, nếu cái xác không phải là người chết mà là một cái gì khác - nếu nó không phải là người thì cái chết của nó chẳng đáng gì. Do đó, một y tá Việt cộng, chết bỗng vì bọm napan là một con vật nào đó đã bị thui giòn. Đưa bác Việt Nam nằm chết cạnh cô ta là hạt đậu phộng chiên. "Nhai giòn, rau rầu" - Rat Kiley nói khi anh ta bước qua xác họ.

Chúng tôi gìn giữ để những người chết vẫn sống trong những câu chuyện. Khi Ted Lavender bị bắn vào đầu, chúng tôi đã chuyển trò những chuyện như trông anh lúc đó thanh thản, yên bình làm sao, có lẽ chưa bao giờ thanh thản, yên bình đến vậy, hay có lẽ không phải viên đạn mà chính những viên thuốc giảm thống đã tụt vào óc anh. Anh không chết, lại phải ngồi dậy. Trong số chúng tôi có những người theo đạo Kitô, như Kiowa chẳng hạn, họ tin

vào những câu chuyện của kinh Tân Ước về cuộc sống sau khi chết. Những câu chuyện khác cũng được truyền tụng như huyền thoại, từ người cựu binh sang chàng lính mới. Tuy nhiên, phần lớn các câu chuyện do chúng tôi tự xây dựng nên. Thường thì chúng quá cường điệu, hoặc bịa đặt rành rành, nhưng chúng là cách thức để mang linh hồn trở về lại với thân xác, hoặc tạo ra những thân xác mới để linh hồn bơ vơ có nơi trú ngụ. Chẳng hạn câu chuyện kể về Curt Lemon đi lang thang, chơi trò *trick-or-treat*⁽¹⁾ trên chóc mọi người trong dịp lễ Halloween. Chuyện kể rằng một đêm tối trời, ma quỷ đi lang thang, Lemon chụp cái mặt nạ ma vào mặt, rồi vẽ đủ các màu sắc khác nhau lên người gần như trần truồng, sau đó, bò qua đồng cỏ đến một ngôi làng đang say ngủ. Anh ta chỉ xỏ đôi giày ống, mang theo những viên đạn và khẩu tiểu liên M16 - trong đêm đen, Lemon đi từ nhà này sang nhà khác, gọi cửa. Vài giờ sau, Lemon bò về doanh trại, mang theo một bị đầy kẹo bánh chia cho bạn bè: những cái kẹo, một bộ đồ ngủ và những bức tượng nhỏ đức Phật mỉm cười. Dù sao, đó cũng chỉ là chuyện kể. Còn nhiều dị bản phức tạp hơn, chi tiết phong phú hơn và có cả những mẫu đối thoại cụ thể nữa. Rat Kiley thích phát triển câu chuyện bằng nhiều tình tiết bổ sung: "Này nhé, lúc đó chừng bốn giờ sáng, Lemon chụp mặt nạ ma, lén vào một căn lều. Mọi người đang ngủ cả, phải thế không nào? Anh ta bèn đánh thức một cô gái nhỏ xinh xắn. Cù vào chân cô ta "Này, mẹ trẻ, *Trick-or-treat*?" Anh ta nói bằng giọng thật êm ái. Anh ta

(1). Câu trẻ con nói vào dịp lễ Halloween (Đêm trước ngày lễ các thánh) khi chúng đến gõ cửa mọi nhà xin kẹo và dọa đập phá nếu chủ nhà không cho.

ngắm nhìn khuôn mặt cô ta. Rồi đưa khẩu tiểu liên M16 lại sát tai cô ta và thì thầm: “Mẹ trẻ ơi! *Trick-or-treat?*”. Rồi anh ta cởi bộ đồ ngủ của cô gái ra. Chiếm đoạt cô ta. Nhét bộ đồ vào bị của mình, sau đó lại đặt cô ta vào giường như cũ và đi sang nhà khác”.

Ngừng một lát, Rat Kiley cười nhăn nhó và lắc đầu: “Trời ạ”. Anh ta lẩm bẩm: “*Trick-or-treat, Lemon - hẳn làm như vậy đấy*”.

Nghe chuyện đó, đặc biệt là qua giọng kể của Rat Kiley, bạn sẽ không thể nào biết được rằng Curt Lemon đã chết. Anh vẫn còn ở ngoài kia, trong bóng đêm, trần truồng và vẽ màu lên người, đi lang thang chòng ghẹo mọi người, lén từ nhà này qua nhà kia, đeo mặt nạ ma quỷ khủng khiếp. Nhưng thực ra, anh đã chết rồi.

*
* *

Tháng chín đó, một ngày sau ngày Linda mất, tôi xin ba tôi đưa đến Nhà Tang Lễ Benson để nhìn cô. Lúc đó tôi đang học lớp năm, tính tò mò, hiếu kì. Trên đường đi, ba luôn nhìn thẳng phía trước. Có một lúc, tôi nghe ba ậm ừ trong cổ. Lâu lắm, ba mới chầm lĩnh được điều thuốc.

“Timmy này”, ông hỏi, “con đã nghĩ kĩ rồi chứ?”

Tôi gật đầu. Tất nhiên rồi, trong thâm tâm tôi đã nghiêng ngả vấn đề và tôi vẫn muốn nhìn cô lần nữa. Tôi cho rằng, cái mà tôi cần là sự khẳng định cuối cùng, điều gì sẽ đến với tôi sau khi cô đã ra đi.

Khi xe dừng trước cửa nhà tang lễ, ba quay lại nhìn tôi:

“Nếu con cảm thấy khó chịu thì chỉ cần báo ba. Chúng ta sẽ về ngay. Được chứ?”

“Vâng”. Tôi nói.

“Hoặc nếu con bắt đầu cảm thấy mệt hoặc là sao đó...”

“Con sẽ không...” Tôi bảo ông.

Trong phòng, điều đầu tiên tôi cảm thấy là mùi thơm, ngào ngạt, như ai đó đã dùng bình xịt nước hoa làm thơm phòng. Căn phòng trống chỉ có Linda, ba tôi và tôi. Khi bước lên lối đi, tôi cảm thấy bồn chồn, lo âu. Mùi thơm làm tôi chóng mặt. Tôi cố gắng chống đỡ cảm giác đó, tôi đi chậm lại một chút, hít những hơi thở ngắn bằng miệng. Nhưng đồng thời, tôi cũng cảm thấy một sự kích động nức cười. Cảm giác đợi chờ, hồi hộp, như khi bước đến nhấn chuông trước cửa nhà cô hôm hẹn hò đầu tiên của chúng tôi. Tôi muốn tác động đến cô, muốn gây một ảnh hưởng gì đó. Tôi ao ước điều gì đó sẽ xảy ra giữa hai chúng tôi, một dấu hiệu bí ẩn nào đó chẳng hạn. Căn phòng sáng mờ, gần như tối thì đúng hơn, nhưng ở phía cuối quan tài màu trắng của Linda được chiếu sáng bởi một dây đèn nhỏ trên trần. Tất cả đều lặng lẽ. Ba đặt tay lên vai tôi, thì thầm nói gì đó, rồi quay lưng đi. Lát sau, tôi bước thêm vài bước nữa, nhón chân để nhìn cho rõ hơn.

Có vẻ không thật. Chắc lầm lẫn, tôi nghĩ. Cô gái nằm trong quan tài trắng không phải Linda. Có thể là giống, nhưng Linda thanh mảnh, mỏng manh, còn cái thân thể trong hòm này quá mập và phồng lên. Trong thoáng chốc, tôi tự hỏi hay là ai đó đã phạm sai lầm khủng khiếp. Một lỗi lầm về kỹ thuật, họ đã quá tay khi ngâm cô, vào quá nhiều chất *formaldehyde*, hoặc dùng quá nhiều dầu ướp

thơm, hoặc quá nhiều một loại chất gì đó. Khuôn mặt, đôi tay cô đều sưng húp. Làn da ở má bị kéo căng như thể quả bóng cao su sắp nổ tung và sẽ vỡ. Tôi quay lại, liếc nhìn ra sau lưng, nơi ba tôi đứng, nghĩ rằng đây có thể là một trò đùa - tôi hi vọng nó là một trò đùa - tôi gần như tin rằng Linda sắp từ sau chiếc rèm nào đó nhảy ra, cười phá lên và kêu to tên tôi.

Nhưng Linda chẳng làm như thế. Căn phòng im ắng. Khi quay lại nhìn chiếc quan tài, tôi lại cảm thấy chóng mặt. Trong thâm tâm, tôi biết đó là Linda, nhưng ngay cả như vậy tôi cũng không thể tìm thấy nhiều nét để nhận ra cô. Tôi cố tự lừa mình rằng cô chỉ đang chớp mắt nghỉ trưa, tay đặt trên bụng, đến chiều cô sẽ thức dậy. Có điều trông cô không giống như đang ngủ. Cô trông như người chết. Trông nặng nề và có vẻ chết hoàn toàn rồi.

Tôi nhớ mình đã nhắm mắt lại. Ít sau, ba tôi bước tới bên tôi.

“Bây giờ thì đi thôi con” - ông nói. “Hãy đi ăn kem”.

*

* *

Mấy tháng sau khi Ted Lavender chết, nhiều người khác cũng bị chết. Tôi không bao giờ bắt tay họ, lắc lắc - không bao giờ - nhưng một buổi chiều tôi đã trèo lên cây để lấy xuống phần thân thể còn lại của Curt Lemon. Tôi đã nhìn xác của Kiowa, bạn tôi, ngập trong bùn sông Trà Bồng. Và đầu tháng bảy, sau một trận đánh ở vùng núi, tôi được xếp vào một nhóm sáu người đi thu dọn chiến

trường đầy xác chết quân đối phương. Có tất cả hai mươi bảy thân thể còn nguyên vẹn và những phần thân thể của những người khác. Xác chết nằm la liệt khắp nơi. Một số chất lên nhau thành đống. Một số khác nằm lẻ loi. Tôi nhớ, có một cái xác trông như người đang quỳ. Một cái xác khác, phần thân trên vắt trên một tảng đá, chóp đầu chắm xuống đất, đôi tay cứng đờ, đôi mắt lác xệch như thể anh ta sắp trình diễn một màn nhào lộn. Đó là ngày tồi tệ nhất trong đời chiến tranh của tôi. Trong ba tiếng đồng hồ, chúng tôi phải mang những cái xác xuống núi để dọn sạch con đường núi nhỏ hẹp. Chúng tôi ăn trưa ở đó, rồi sau đấy một chiếc xe tải đến, chúng tôi làm việc theo từng nhóm hai người, chất những cái xác lên xe. Tôi nhớ chúng tôi đã quăng những cái xác như thế nào. Mitchell Sanders cầm chân, tôi cầm tay, chúng tôi đếm đến ba, lấy đà, rồi lẳng cái xác lên cao, xem nó bật lên và lặn vào nằm giữa những xác chết khác. Những người chết đã chết hơn một ngày. Tất cả đều trương phình lên kinh khủng. Quần áo họ bị kéo căng ra như lớp da xù xì và khi chúng tôi nâng họ lên, một số xì hơi như hơi gas. Họ đều nặng trĩu. Chân họ xanh tái và lạnh ngắt. Bốc mùi ghê tởm. Có một lúc, Mitchell Sanders nhìn tôi và nói: "Này bạn, tớ vừa phát hiện một điều".

"Cái gì?"

Anh ta chùi mắt và nói rất khẽ, như kinh sợ bởi chính phát kiến thông minh của mình.

"Người chết họ đang ngáp ngáp hít thở".



Ban đêm, nằm trên giường, tôi tưởng tượng ra những câu chuyện bộn bề chi tiết để Linda sống lại trong giấc ngủ. Tôi sáng chế những giấc mơ cho chính mình. Nghe có vẻ không thể thực hiện được, tôi biết, nhưng tôi thực sự đã làm được điều đó. Tôi đã vẽ nên tiệc sinh nhật của ai đó - tôi nghĩ đến một cái phòng đông đúc, ồn ào, một cái bánh sôcôla lớn với những ngọn nến hồng - như vậy, tôi sẽ sớm mơ thấy cảnh tượng đó, và một lát sau, Linda sẽ xuất hiện. Tôi biết cô sẽ xuất hiện, và trong giấc mơ, chúng tôi nhìn nhau, không nói năng gì nhiều, vì chúng tôi ngượng ngùng, e thẹn. Nhưng sau bữa tiệc, tôi sẽ đưa cô về nhà và chúng tôi sẽ ngồi ở những bậc cửa trước nhà cô, nhìn vào bóng đêm và chỉ ngồi bên nhau, thế thôi.

Đôi khi cô nói những điều đáng kinh ngạc. “Người ta đã từng sống thì người ta không bao giờ chết cả”.

Hoặc cô nói: “Trông em như người chết sao?”

Đó là một kiểu tự thôi miên. Một phần là lòng tin, một phần là năng lực ý chí, những câu chuyện đã hình thành thế đó.

Nhưng nó giống như một phép lạ. Những giấc mơ của tôi trở thành nơi chốn gặp gỡ bí mật, và nhiều tuần sau khi cô đã chết, tôi không thể nào đợi đến đêm mới đi ngủ. Tôi lên giường sớm lắm, và ngày càng sớm hơn, đôi khi ngay cả khi trời vẫn còn sáng. Tôi nhớ, có lần trong bữa sáng, cuối cùng, mẹ đã hỏi: “Timmy, con có bị làm sao không?” Tất cả những điều tôi có thể làm là nhún vai và nói:

“Không sao cả. Con chỉ muốn ngủ thôi mà”. Tôi không dám nói thật. Tôi ngượng, tôi lúng túng, hơn nữa, điều đó là một bí mật quý giá, và cũng giống như một phép màu ma thuật, nếu tôi tìm cách giải thích, thậm chí chỉ nói đến điều đó thôi, sự xúc động cùng những điều thần bí sẽ bay đi mất. Tôi không muốn mất Linda.

Nàng đã chết. Tôi hiểu điều đó. Sau tất cả mọi điều, tôi đã nhìn thấy xác nàng; nhưng dù mới chín tuổi, tôi bắt đầu thực hiện phép màu nhiệm của những câu chuyện. Một số chuyện tôi chỉ mơ thấy. Một số khác tôi viết ra - những cảnh và những đoạn đối thoại. Và đêm đêm, tôi tìm đến giấc ngủ, biết rằng Linda đang ở đó, đợi tôi. Tôi nhớ, có lần chúng tôi đi trượt băng đêm, lượn những vòng tròn dưới ánh đèn vàng nhạt. Sau đó, chúng tôi ngồi bên lò sưởi trong một căn nhà ấm áp, chỉ có hai đứa với nhau. Ngồi một lúc, tôi hỏi Linda cái chết như thế nào. Rõ ràng Linda cho rằng đó là một câu hỏi ngớ ngẩn. Cô mỉm cười và nói: “Trông em như người chết sao?”

Tôi bảo không, cô có vẻ hoảng hốt. Tôi đợi một lát, rồi lại hỏi, và Linda khẽ thở dài. Tôi có thể nghĩ thấy mùi những đôi găng tay len của chúng tôi khô dần bên lò sưởi.

Cô im lặng hồi lâu.

“Thế này nhé, chính giờ phút này thì em không chết. Nhưng khi mà em, nghĩa là... em không biết, em nghĩ cũng giống như em ở trong một cuốn sách mà không ai đọc cả”.

“Một cuốn sách ư?” Tôi hỏi.

“Một cuốn sách cổ. Nằm trên giá sách thư viện, an toàn

và mọi điều ồn cả. Nhưng cuốn sách ấy chẳng được giở ra bao giờ, lâu, lâu lắm. Tất cả những điều người ta có thể làm được là chờ đợi. Hi vọng có ai đó sẽ cầm cuốn sách lên và bắt đầu đọc”.

Linda mỉm cười với tôi.

“Tuy nhiên, điều đó cũng không quá tệ đâu”. Cô nói. “Tôi muốn nói là, khi người ta chết, người ta chỉ trở thành chính mình”. Cô đứng dậy, đội cái mũ đỏ lên đầu. “Điều đó thật ngốc nghếch. Thôi, chúng ta hãy trượt băng nữa nào”.

Tôi theo cô xuống hồ băng. Muộn lắm rồi, không còn ai ở đó. Chúng tôi nắm tay nhau, và trượt băng gần như thâu đêm, dưới ánh sáng vàng nhạt.

*

* *

Bây giờ đã là năm 1990. Tôi bốn mươi ba tuổi, hiện tôi là nhà văn, vẫn tiếp tục mơ thấy Linda còn sống, theo cái cách của những giấc mơ ngày xưa. Nàng không phải một Linda hóa thân, nàng gần như được tạo tác, có một diện mạo mới và một cái tên mới, như một con người không bao giờ tồn tại. Tên thực của nàng đâu quan trọng gì. Nàng chín tuổi. Tôi yêu nàng, sau đó nàng chết. Nhưng đến tận giờ phút

này đây, trong hồi ức và tưởng tượng, tôi vẫn có thể nhìn thấy nàng, như thể qua lớp băng, như thể tôi đang chăm chăm nhìn vào thế giới bên kia, nơi không có u não

và những nhà tang lễ, nơi không có một cái xác chết nào. Tôi có thể nhìn thấy cả Kiowa, Ted Lavender và Curt Lemon, đôi khi tôi còn có thể thấy cả Timmy trượt băng với Linda dưới ánh sáng màu vàng nhạt. Tôi trẻ trung và hạnh phúc. Tôi sẽ chẳng bao giờ chết cả. Tôi đang bay lướt qua lớp bề mặt lịch sử bản thân mình, lướt rất nhanh, như thanh trượt dưới giấy trượt băng lướt trên mặt băng để lại những vạch ngoằn ngoèo, những vòng lượn. Nhưng bây giờ đây, khi tôi bay vút lên vào bóng đêm và ngược trở lại ba mươi năm trước, tôi nhận ra rằng chính Tim đã cứu rồi đời Timmy bằng một câu chuyện.

ANDRÉ DUBUS

TO HỒI MỸ dịch

PHẢI LÒNG

André Dubus sống ở Haverhill, bang Massachusetts, là tác giả của tám tiểu thuyết và một tập tiểu luận nhan đề "Con tàu vỡ". Ông đã được nhận giải PEN/Malamud, Jean Stein của Viện Hàn lâm văn học và nghệ thuật Mỹ, giải thưởng Laurence L. Winship hàng năm đầu tiên có tên Globe's ở Boston, và các giải thưởng của tổ chức Guggenheim và Mac Arthur.

Ted Briggs trở về bảy năm trước khi cuộc chiến kết thúc. Hai năm sau cuộc chiến đó, vào một buổi tối chủ nhật mùa xuân, anh gặp Susan Dorsey trong bữa tiệc ăn mừng cảnh cuối cùng của một vở kịch được hoàn thành, tổ chức ở thị trấn nhỏ phía bắc Boston. Anh không muốn đi xem vở kịch cũng như dự buổi tiệc mà ngồi uống với Nick. Lúc bắt đầu buổi chiều chủ nhật muộn đó bên quầy rượu, trong một quán bán thịt rán, họ nhìn thấy một người đàn bà hiện lên trong tấm gương dài của quầy rượu, Nick nói: "Hãy đi với tôi. Tôi giống cô ta lắm".

- Chị ấy đang đạo diễn vở kịch. Chị ấy khó chiều lắm.

- Vở kịch tên gì?

- Tôi quên rồi. Về một người Pháp nào đấy. Anh sẽ biết thôi.

Ted nhìn vào anh. "Cò vẻ như một từ khác. Cái đó không phải là vấn đề. Bữa tiệc mới là vấn đề. Ở những nhà hát này, người xem không cần đến cuộc cải cách tình dục"

- Tôi không cần phải xem vở kịch mới ăn nằm với ai đó.

- Việc gì anh phải bực bội như vậy? Anh hành động mông muội quá. Anh luôn luôn đọc cái gì đấy; anh đi xem kịch đi". Nick ra hiệu cho người đứng quầy, rồi vẫy tay về phía cô phục vụ đang đứng gần cửa ra vào. Khi cô nhìn về phía bọn anh, Nick ra hiệu bằng ngón tay trỏ và ngón giữa xoè hình chữ V, rồi chỉ về phía những chiếc bàn sau họ. Ted nhìn các ngón tay anh ta và nói: "Như thế à ? "

Nick hạ tay xuống thành quầy hồi lại: " Như thế nào? "

- Cũ chỉ hoà bình. Tôi đã từng dự tiệc với các nghệ sĩ. Mọi người cứ hỏi về cái chân của tôi. Tôi kể cho họ nghe. Bọn họ rất lịch sự.

- Lịch sự!

- Đó là một cố gắng.

- Vĩ họ.

Đúng vậy.

Này, chúng ta là luật sư, họ sẽ ghét cả hai. Ted nhìn vào gương một hau hau và tối sầm của Nick nói: " Chúng ta không thể để công việc giữ chân ở nhà chứ? "

- Mọi người thích chúng ta.

- Mọi người yêu chúng ta.

*

*

*

Ted Briggs là một người đàn ông cao to, ngực nở với đôi cánh tay rắn chắc và hàng ria nâu rậm. Susan Dorsey thấy mến gương mặt anh ngay khi anh vừa bước vào phòng tiệc, một phòng khách rộng, chật cứng người. Cô cũng vừa từ nhà hát về và đã làm việc rất hiệu quả để bây giờ đứng đây uống rượu gin và nước khoáng quinin, cô cảm thấy mình còn lớn hơn cả căn phòng rộng này. Cô không biểu lộ cảm xúc ấy cho ai. Cô cư xử nhã nhặn, phải phép. Cô mới hai mươi hai tuổi và say mê với nghề được bảy năm; cô biết rằng chỉ có thể bộc lộ niềm hân hoan, vui sướng với người nào thân thiện. Với bất cứ ai khác, đó chỉ biểu hiện ra ngoài như là lòng can đảm. Công việc của cô vô cùng nguy hiểm, trong suốt quá trình dần dựng vở kịch cô đã hoá thân vào Lucile với tất cả khả năng, và cô biết rằng những gì cô cảm thấy lúc này là lòng biết ơn chứ

không phải sự tự hào. Cô cũng biết sự ven đây có lúc sẽ xa rời cô, có lẽ chỉ trong ba ngày, để sau đó, vào một khoảnh khắc nào đấy, cô sẽ thấy mất mát và vô vị. Nhưng hiện tại cô uống, len giữa đám người về phía một người đàn ông với cốc rượu trên tay trái, tay phải buông thõng tựa nhẹ vào cây gậy, đôi bắp tay to nở lấm cằng phồng cánh tay ngắn của chiếc sơ mi xanh. Đứng cạnh anh ta là một người thấp và già hơn. Người này da ngăm đen, trên trán có vài mũi tóc quăn. Cô đứng lại trước hai người đàn ông và chủ động giới thiệu tên mình. Lúc đó cô nhận ra ánh mắt họ đều nói lên rằng họ chưa xem vai diễn của cô trong vở kịch. Tên họ là Nick và Kakonis. Ted bỏ cây gậy tựa vào chân rồi bắt tay với cô. Cô nhìn thẳng vào mắt anh, hỏi: "Anh thích vở kịch chứ?"

- Chúng tôi vừa mới tới, - Nick phân bua, và Ted liền cướp lời: "Là gì vậy?"

- *Cuộc diễn tập*, của Jean Anouilh.

- Tên người đàn ông Pháp đấy Ted, - Nick nói.

- Tôi thích kịch của ông ta, - Ted nói. - Cô cũng có vai trong đó à?

- Tôi là Lucile.

- Chúng tôi lỡ mất rồi, - Ted nói cô về tiết nuôi.

*

* *

Họ đã lỡ vì vodka, rượu vang với thịt rán, và cả cognac; sau đó Nick đánh xe ra ngoài ô thành phố về phía Bắc. Mỗi lần họ phải đi tiểu và Nick lái xe ra khỏi đường quốc lộ, dừng bên một con đường nhánh thưa người. Họ đứng bên cạnh xe và tiểu tiện xuống bãi cỏ dưới chân. Nick đánh xe trở lại đường cao tốc; họ nói về đàn bà và công việc, thời gian chả còn quan trọng. Vẫn chuyện, họ rời thành phố đến bữa tiệc. Nếu vở kịch bắt đầu đúng giờ thì lúc chiếc màn sân khấu kéo lên cũng là lúc họ đang lái xe ra khỏi Boston. Lúc tới thị trấn và tìm được nhà hát, vở kịch đã mở màn một giờ năm phút trước đó, họ tạt vào quán ngồi uống cà phê. Qua cửa sổ, cả hai quan sát cửa ra vào Nhà hát phía bên kia con đường lát gạch. Khi mọi người đi ra Ted và Nick cũng đứng dậy bước về phía đó, và trong hành lang nhà hát, giữa đám người ra về, Nick gặp em gái, một người đàn bà cao to vạm vỡ đen. Cô ta có khuôn mặt to và đẹp, cô thốt lên với Nick: "ái chà".

Cô ôm chặt lấy Nick và bắt tay Ted. Cô tên là Cindy. Họ cùng rảo bước trên hè phố lát gạch tới căn phòng của ông giám đốc sân khấu, người giảng dạy kịch nghệ tại một trường đại học. Không khí trong lành đến nỗi Ted có thể ngửi thấy mùi biển; anh không cảm thấy say và biết đúng là vậy. Bên ngoài căn hộ, một ngôi nhà hai tầng cũ kĩ, anh nghe thấy giọng người nói và tiếng saxophone đơn độc. Ba người lên gác hai, Cindy giới thiệu họ với mọi người đang đứng cạnh cửa rồi để mặc họ. Ted và Nick bước tới chiếc

bàn dài bày rượu và khay đá, tự rót cho mỗi người một ít Scotch vào trong chiếc cốc nhựa. Cả hai đứng tựa lưng vào cửa sổ. Ted ngắm nhìn người đàn bà tóc đỏ trong chiếc váy màu be đang bước lại gần anh, nhìn vào mắt anh và mỉm cười. Anh thở hắt ra và trong thoáng chốc không còn hít vào được nữa.

Cô ta lại gần, nhìn anh lạnh lẽo; đôi mắt cô màu xanh. cô nhìn anh nói: "Susan Dorsey," và chìa tay ra. Ted dựa cây gậy bên hông và bắt tay cô. Từ đó đến hết buổi tiệc anh chỉ ở bên cạnh cô, trừ những lúc đi vào phòng vệ sinh. Anh đến bên bàn rót rượu, khuấy đều cốc rượu của cô bằng con dao vừa dùng cắt lát chanh; tiến về phía Nick và nói: "Xin lỗi" tỏ ý xin phép với người đàn bà ngồi cạnh Nick; hay kéo Nick ra một góc hỏi thăm: "Thị trấn này có ga tàu chứ?".

Nick vòng tay ôm chặt lấy Ted.

- Anh không cần ga tàu gì hết, - anh ta nói. - Cô ấy sống ở Boston.

- Sao anh biết?

- Cindy nói với tôi thế. Tôi phải đi về hướng Bắc một quãng có việc. Nhìn tôi thế nào?

- Anh trông khá lắm

*

* *

Vào lúc một giờ Susan mới dùng hết cốc rượu gin và nước khoáng quinin. Lúc Ted cầm lấy chiếc cốc định rót thêm thì cô nói: "Tôi dùng coca".

Cô sợ bị chết trẻ. Cô thông minh và mọi việc còn ở phía trước nên cô sợ lúc nào đó chúng sẽ biến mất. Nỗi sợ đến với cô bằng hình ảnh về cái chết trong ô tô hay trên máy bay. Nhạc không còn chơi nữa, mọi người đều nói chuyện lặng lẽ, từ đầu đó khoảng mười một giờ, khi vị giám đốc nhà hát nhắc nhở mọi người hãy giữ ý với hàng xóm của ông. Cô nắm Ted khi anh đi về phía cô, trên tay trái là cốc của cô. Một quả đạn súng cối bắn tới, nổ tung và hất anh lên khỏi mặt đất. Anh rơi xuống mà vẫn sống. Cô muốn khoả thân, ôm lấy anh lúc đó cũng trần truồng. Cô nhận cốc coca và nói: "Tôi cần một giờ. Tôi không muốn lái xe trong tình trạng say rượu".

- Cô say rồi sao?

- Chưa hẳn vậy, sau khi làm cái gì đấy.

Ô tô của cô nhỏ, và khi họ lên xe, anh phải ngã chiếc ghế ra sau để lấy khoảng trống đặt chân. Cô cũng ngã ghế ra sau, quay về phía anh, ôm lấy anh rồi cả hai cứ thế hôn nhau trong xe. Cô thấy thú vị với sức mạnh toát ra từ đôi cánh tay anh lúc hai người ôm nhau. Cô khởi động máy và ngồi thế lái chiếc xe; chỉ có phần đầu bàn chân đặt lên cần ga. Cô lái xe ra khỏi thị trấn, băng qua rừng nhỏ về phía đường quốc lộ. Một lúc sau cô nhận xét: Anh có đôi mắt buồn.

- Không phải lúc này.

- Ngay cả khi chúng long lanh. Anh muốn mình là một người nhái.

- Không hẳn như em nghĩ. Anh vào hải quân để đạt mục đích đó, trên một con tàu. Trước khi qua được đợt huấn luyện trên cạn, anh cảm thấy nó giống như một hành động né tránh. Sau đó anh đòi hỏi được là người nhái và gia nhập thủy quân. Một thời gian dài ở Khe Sanh, anh hy vọng mình chỉ gia nhập thủy quân thôi.

- Để anh có thể trở về?

- Gần như vậy. Em đóng khá chữt, trong vở kịch ấy?

Cô định trả lời vâng, nhưng đã không hé miệng. Cô với chiếc ví trên sàn xe, một tay ấn lên chân anh. Sau đó cô trở lại tay lái, nhìn con đường tràn ngập bóng tối của cây và nói: Em quên không mua thuốc lá.

- Một điếu *Con sóc*?

Anh đốt một điếu *Lucky Strike* rồi đưa cho cô. Cô đưa nó lên miệng, rít một hơi và cầm luôn điếu thuốc, nhưng thuốc cũng không chạm tới được điếu chắt chứa trong lòng. Cô phả khói thuốc ra qua cửa xe và trả lời: Em rất thành công trong vở kịch.

*

* *

Sau khi anh trở về từ cuộc chiến, việc làm tình đã trở nên dễ dàng. Anh gia nhập hải quân sau năm thứ nhất ở đại học Boston bởi vì trí óc anh không thể tiếp tục nhồi nhét thêm vào những cái vớ, tranh luận anh từng tham gia với bè bạn, đa số chúng chỉ là những đứa trẻ, và với chính bản thân anh từ khi mười sáu tuổi. Một buổi sáng anh thức giấc với tàn tích của một cơn say bí tử tối hôm trước và theo bản năng anh dẫn xác tới phòng đăng ký tuyển mộ hải quân. Từ chiến trường trở về và sau tám tháng nằm trong bệnh viện hải quân ở Philadelphia, anh bị giữ ở đó do nhiễm trùng, anh trở lại đại học Boston và sống trong một kí túc xá. Anh đã yêu hồi còn ở trung học rồi ở đại học trước chiến tranh và lần đầu tiên với mỗi cô gái đều khiến anh ngạc nhiên, có cảm giác lạ lẫm. Sau chiến tranh mọi thứ chẳng còn lạ lẫm với anh. Anh còn hiểu được rằng nếu một cô gái đến phòng anh, hay mời anh sang phòng cô, hay hẹn anh một dịp nào đó, ngoài trường đại học, thả bộ trên đường phố Boston, cô ta sẽ làm tình. Có một vài cô chẳng cần biết đến bản thân anh bởi anh đã tham gia chiến tranh và chiếc gậy anh dùng chẳng khác mấy bộ quân phục. Rất ít trong số đó nói điều gì nhưng anh nhìn ra trong ánh mắt họ. Anh cảm thấy đau và tức giận nhưng chỉ giữ im lặng.

Bọn trẻ cũng vậy, và cả một số người lớn như thầy giáo của anh, những người anh chỉ muốn cho một trận. Trong phòng riêng, anh đâm vào các túi nhựa cỡ trung bình và

tập các bài tập để giữ trọng lượng. Vài lần, say khướt trên giường với một cô gái, anh hỏi về điều này cho tới ứa nước mắt. Chẳng cô gái nào an ủi được bởi vì nguyên nhân khiến anh khóc không phải do chính anh. Anh khóc cho người đàn ông, người bạn anh biết trong chiến tranh, người anh đã bằng bỏ, đã bảo vệ nhưng rồi cuộc lại không bảo vệ được; và cho người đàn ông ở nơi đó mười ba tháng mà không hề bị dính đạn, đạn súng cối, đạn pháo. "Những điều đó không phải trừu tượng quá đối với người khác", anh nói vậy với một cô gái một đêm nọ; và, ghi chặt lấy cô ta, anh hét tướng lên tên một vài người; với anh rõ ràng những người này ở trong căn phòng tối tăm; nhưng không phải với cô gái. Sau đó nhìn vào mắt cô, anh thấy hình ảnh mình trong chiến tranh, cứu thương lại cứu thương và lại cứu thương, và bỗng khóc nức nở. Anh nói: khôn nạn làm sao nếu bạn cần được người khác cảm ghét, bởi vì bạn đã làm một việc tốt mà không bị giết?. Cô gái đã an ủi anh khi cô nói rằng cô ta thích giết một ai đó.

Lúc đó anh hai mươi tám tuổi và việc ấy vẫn còn dễ dàng; và có thể tin chắc được điều đó; anh chỉ cần mời một cô nào đấy đi uống hay đi ăn tối. Cô ta sẽ đồng ý tức thì và thường thì anh có thể thấy điều đó qua mắt họ ngay những phút đầu. Nếu cả hai cùng ước ao và đồng ý, họ sẽ làm tình. Susan là người như vậy. Mọi việc xảy ra nhanh chóng khi họ uống, nói chuyện hay liếc bản-thực đơn. Nó kéo dài vài tháng, vài tuần hay đôi lần chỉ vài ngày. Anh

vuốt nhẹ má Susan và nói: "Có lẽ anh nên theo đuổi tán tỉnh em. Mang hoa tặng em. Nắm tay em khi chúng ta ngồi xem trong rạp hát. Đưa em đi ăn hàng hay đi nghỉ dã ngoại. Hôn tạm biệt em ngoài cửa".

- Thế anh có đến hai mươi phút còn gì. Mà có lẽ hai mươi năm phút ấy.

*

* *

Nằm bên cạnh anh, gạt tàn vào chiếc gạt tàn anh để trên ngực, cô muốn cảm nhận được điều cô đang cảm thấy, điều cô trông chờ lâu rồi, sự trào dâng dồn dập của tình yêu đã kéo cô trở lại căn hộ nhỏ của mình, vào trong phòng tắm lấy chiếc bao tử cung cô đã dùng nhiều lần trong năm nay với vài người đàn ông. Nhưng lúc này cô thấy mãn nguyện, bởi vì điều đó đã không xảy ra hơn một năm qua và cô cũng không dám chắc đây là tình yêu đang dâng trào trong cô hay là vai diễn Lucile thành công, và sau đó thỏa mãn với người đàn ông cường tráng nhưng yếu đầu gối, có đôi mắt đờm buồn này. Trong anh ta là cả một dòng lịch sử cô có thể cảm nhận được qua từng cái hôn. Khi họ làm tình, cô còn thấy được cả mùi vị chiến tranh trong đó, thấy được anh đang đi lên từ những gì anh chứng kiến và những gì anh làm, từ những lần bị hất tung lên vì pháo. Trái tim cô mách bảo cô đang yêu. Cô nói: Em rất thích anh.

- Nhưng sao cơ?

- Không gì cả. Nhưng em sẽ gặp lại anh chứ?

- Việc đó vừa xảy ra với em còn gì?

- Tất nhiên là vừa xảy ra. Em quá dễ dãi. Anh cũng vậy.

- Em sẽ còn gặp anh nhiều. Chúng ta đi ăn tối thôi. Thức ăn Pháp - vì vở kịch.

- Vở kịch đã lỡ.

- Bọn anh không lỡ gì cả. Cả hai uống quá nhiều và nói cũng quá nhiều.

- Và cả hai đều gặp may.

- Anh nghĩ đã được nhận cái gì đó còn hơn là điều may mắn.

- Anh đã được vậy. Em hy vọng anh đã xem em.

- Anh cũng vậy. Anh sẽ xem vào dịp tới, hàng tới.

- Ở rạp hát Charles. Bọn em sẽ bắt đầu diễn tập hai tuần tới. - Anh đặt chiếc gạt tàn lên chiếc bàn bên cạnh. Cô đặt tay lên ngực anh và nhìn sâu vào trong mắt anh - Sau đó em sẽ đi New York. Tháng trước em đã mời giới được với một người đại diện.

- Tốt quá. Đó là nơi em sẽ tới.

- Vâng. Em yêu nó, điện ảnh cũng vậy.

- New York như một con thoi.

- Em hy vọng không chỉ một mà còn nhiều hơn thế.

Cô hôn và ôm chặt lấy anh.

*

* *

Anh ăn trưa với Nick. Họ đều mặc Complê, đeo cravat. Anh đã tranh thủ ngủ hai giờ, thức giấc lúc bảy giờ sáng nhờ tiếng đài phát thanh của Susan. Anh tắt nó đi trước khi Susan kịp tỉnh giấc. Anh gọi xe và chờ bên lề đường. Anh về nhà tắm rửa, cạo râu, thay quần áo và sau đó cuộc bộ đến cơ quan. Chín giờ anh đã ngồi bên bàn làm việc. Bốn mươi phút sau Nick tới, đứng lạ bên cửa phòng Ted mỉm cười, nhún vai và nói: "Ăn trưa?".

Bữa trưa Nick lại gọi một cốc Bloody Mary. Anh nói:

- Tôi ghét trận say hôm thứ hai quá. Cậu không uống gì à?

Ted chỉ dùng trà ướp lạnh.

- Không. Tôi say ngất ngưỡng lúc chúng ta về. Nhưng tôi không uống gì nữa và tỉnh táo đến tận năm giờ sáng. Từ lúc đó trở đi tôi hoàn toàn tỉnh táo.

- Chúng ta đã uống.

- Tôi thì chẳng bao giờ uống đến say. Tôi trị nó bằng cách luyện tập. Susan chuẩn bị đi New York.

- Lâu dài?

- Không có gì lâu dài. Cô ấy là diễn viên.

- New York cũng chẳng xa là bao.

- Nhưng Hollywood thì xa đấy.

- Làm sao anh biết được cô ta giỏi đến vậy?

- Linh cảm.

- Đã xảy ra chuyện gì?

- Tôi ở với cô ấy cả đêm qua.

- Nhưng điều gì đã xảy ra? Mới hai tuần trước anh nói cần một cô gái anh gặp cuối tuần. Thậm chí nếu cô ta đến được Hollywood, người ta sẽ gạt cô ta ra khỏi hàng nghìn cô gái trẻ đẹp khác. Điều đó như là một ngày nghỉ cuối tuần đối với tôi.

- Tôi muốn cô ấy vào được Hollywood. Tôi muốn cô ấy có chỗ đứng ở Broadway. Và tôi muốn cả bản thân cô ấy.

Anh ở với cô hàng tối trước khi đợt diễn tập của cô bắt đầu, họ cùng ăn trưa và uống rượu. Vì việc đó anh thường phải rời cơ quan hai giờ. Cuối tuần, anh và cô đã ngoại và lái xe ra bãi biển. Nước biển lạnh nhưng nắng mặt trời thì ấm nên họ mặc đồ lót và ngồi trên bờ. Tối họ ăn ở nhà hàng, làm tình ở nhà anh hay nhà cô. Đến lúc phải đi diễn tập, cô không còn thì giờ cho bữa trưa. Anh làm việc ở cơ quan cả ngày và luôn chờ đợi để được gặp cô. "Em là người dễ dãi", cô đã nói vậy và khi anh mừng tượng cuộc sống của cô ở New York, đóng vai một cô hầu, tập tành với bọn đàn ông, anh không chịu nổi. Anh biết cô yêu anh và tin cô muốn trung thực với anh, nhưng cô quá xinh đẹp, lại là người theo chủ nghĩa khoái lạc. Bởi thế nên có một gã nào đấy theo đuổi, tìm cách làm tình với cô là điều khó

tránh khỏi. Khi đó trong cô chắc hẳn cũng có ý nghĩ gì đấy về người đó. Không hề lên tiếng, anh lẳng lặng để cô được tự do làm theo ý mình. Mặt khác anh cố hình dung ra một tình huống để bản thân có thể chấp nhận được, như kiểu: nếu một đêm ở New York khi cô đã say và việc ấy chỉ xảy ra vào đúng đêm đó.

Nhưng việc đó chẳng phải là một đêm với một người đàn ông. Tới lúc này anh đã thấy cô trong vở kịch mới. Cô đóng vai người em gái út, Beth, trong một đại gia đình tập hợp lại tại căn nhà của bà mẹ khi bà mất. Beth là người con đã không rời bỏ bà đi xa. Cô ở lại trong thị trấn nhỏ và sống cạnh bà mẹ già, trông nom bà lúc ốm đau, cũng như cô đã chăm sóc người cha. Những người con khác đều ở xa, công việc bận bịu và thường say sưa bù khú. Beth hai mươi chín tuổi, bởi vậy Ted cứ đoán chắc là người viết kịch bản đã sáng tạo vai diễn đó cho cô và việc cô không có lấy một người tình còn quan trọng hơn việc họ có xứng đáng hay không. Mặc dầu cô đã đóng vai Laura trong *Bảy thú thủy tinh*, nhưng Susan đã diễn xuất vai Beth đầy gợi tình, tuy đơn độc và dững dậm. Bản hẳn nghĩ Susan sẽ có một người tình đúng lúc, khi cô đã sẵn sàng chọn lựa. Ted biết việc này sẽ xảy ra, trừ phi Susan là người không may mắn, cô sẽ làm việc ở New York và Hollywood. Bởi vậy không chỉ có một đêm say rượu với một người đàn ông: Susan sẽ tiếp bước trên con đường đó trong cả phần đời còn lại của cô.

Trong phòng mình cô có một chiếc bàn chải đánh răng, một chiếc váy dạ hội, một áo ngủ, một cuốn tiểu thuyết đang đọc dở. Hai tuần trước khi vở kịch kết thúc, cô có một vụ mua bán. Cô bán nhà và chuyển tạm đến chỗ anh. Căn hộ của anh rộng rãi và từ phòng khách có thể chiêm ngưỡng dòng sông Charles. Đến khi vở kịch hoàn tất, niềm đau trong anh bắt đầu. Nhưng anh cũng đã phấn khích bởi những đêm trong suốt một tuần, những ngày nghỉ cuối tuần ở New York và cả việc Susan đang đóng kịch ở đây. Anh nuôi niềm tin rằng trong cô có cả một sự vĩ đại và anh muốn được chiêm ngưỡng nó. Một buổi hoàng hôn chiều thứ sáu, hai người đứng bên cửa sổ, ngắm nhìn con sông và khu Cambridge. Cô nói: "Em phải làm việc gì đó trước khi đi New York. Em đã mang thai được sáu tuần". Anh nhìn vào mắt cô, và hiểu rằng những gì đang quặn đau trong anh sẽ không quặn đau nữa cho tới khi nó vỡ tan ra. Anh thốt lên: "Không".

- Không cái gì? Em không mang thai? Phải chăng anh nghĩ anh chưa làm được cái gì sao?

- Không, đừng làm vậy.

- Em mới hai mươi tuổi, em đang chuẩn bị đi New York, và anh lại muốn em nuôi dưỡng đứa bé chết tiệt ấy sao?

Vật đang rơi trong anh vụt rơi xuống và vỡ tan. Anh run rẩy nói: "Sao lại một đứa bé chết tiệt. Đứa bé của chúng ta, Susan. Con của chúng ta".

Anh phải quay mặt nhìn đi chỗ khác, tránh điều chết chóc đang ánh lên trong mắt cô.

*

* *

Cô nhìn ra con sông. Từ lúc chiều đi gặp bác sĩ đến giờ, cô cảm thấy cuộc đời mình sao gặp phải toàn vận rủi và buồn hơn bao giờ hết. Đến lúc này Ted nài xin cô tổ chức đám cưới. Từ trước đến nay chưa ai làm vậy với cô, chẳng có lời cầu hôn nào, thậm chí còn chưa ai có ý định đề cập việc đó. Chỉ có Ted là người duy nhất đòi hỏi. Cuối cùng cũng đến lúc cô phải nhìn thẳng vào anh, nói: "Cưới xin không để làm gì được. Thậm chí em còn chưa nghĩ tới việc đó. Em không muốn có con. Sao anh không hiểu điều đó nhỉ?"

- Vậy hãy làm việc đó đi. Hãy ban cho anh một đứa con.

- Làm việc đó? Anh làm việc đó?

- Bảy tháng rưỡi thôi. Tất cả những gì anh cần ở em.

- Anh nghĩ nó là số học? Thứ lịch chết tiệt? Anh lại muốn em trải qua tất cả việc đó để rồi anh được đưa bé? Hãy đi tìm người khác mà sinh con với anh.

- Anh đã tìm được em. Vậy mà bây giờ em lại định giết nó.

- Em chẳng muốn giết ai cả, bất kể thứ gì. Không phải bụng mang dạ chửa là điều duy nhất em muốn. Thêm nữa, ước gì em đã không làm tình với anh.

- Nhưng em đã làm. Lúc này cần một sự hy sinh. Được chứ? Có lẽ là một vết thương. Và có gì mới mẻ đâu nào. Chỉ có bảy tháng rưỡi. Cuộc sống của em với nó cũng khá quan trọng đấy chứ.

- Cô giờ tay định tát vào mặt anh, chặn đứng cái nhìn, giọng nói của anh, nhưng lại thôi. Tất cả những rủi ro và buồn bã cô đã chịu đựng tới khi thông báo với anh việc thâm kín giữa hai người, và khuôn mặt anh tỏ rõ mọi điều, cô cảm thấy mình sao cô đơn đến vậy, cô đơn một cách lạ lùng. Cô chẳng còn thiết sống nữa. Cô bật khóc, đưa tay lên bưng mắt. Anh nắm lấy hai bàn tay cô, nhưng cô giật lùi vài bước, gạt nước mắt và mở mắt ra.

- Anh chẳng biết gì cả, - cô nói. Anh nghĩ rằng có thể có con nhưng không yêu nó. Anh mà lại ngu dốt vậy sao? Em không thể yêu trẻ con. Ít nhất là bây giờ. Em nghĩ em có thể yêu anh. Thế là đủ.

- Em chẳng yêu ai cả.

- Đúng vậy, em không yêu ai. Và em cũng không có ý định nói rằng em ước gì không bao giờ làm tình với anh. Nhưng cũng sẽ không tiếp tục làm vậy. Anh hùng cuộc chiến với cây gậy trên tay. Sự hi sinh. Sự đau đớn. Đừng bao giờ nghĩ là em không biết những cái đó. Đừng bao giờ nghĩ rằng anh là người duy nhất phải đau khổ. Hãy làm cái gì đó vì em. Hãy tránh ra. Em sẽ đến chỗ Cindy. Em không muốn anh ở đây khi em gói đồ, luẩn quẩn, khóc lóc và yêu cầu em thay đổi cuộc sống của mình. Được chứ? Chỉ cần đi cho khuất mắt. Đủ uống đâu đấy. Anh thạo việc đó lắm mà.

Cô muốn cái gì đó khác trước. Cô cũng không thể hình dung nó là cái gì? Một sự thay đổi nào đấy, của Ted, của cô, của thời gian. Anh nói: "Em đuổi người giỏi đấy".

Anh bước ra ngoài và cô nhắc máy gọi Cindy. Cô chỉ kịp nói: "Cindy?" rồi bật khóc nức nở.

Ít lâu sau, cô đã ở New York nhưng sự trống vắng thì ăn sâu trong cô một thời gian dài. Nó như một sa mạc bao la, khô cằn và chẳng có gì trên đó cả. Một ngày nào đấy cô sẽ đi đặt vòng tránh thai, nhưng không phải bây giờ, có lẽ đến cuối hè, hay sang xuân. Việc trước mắt là cô cần phải làm để *vun tưới* cho cái sa mạc khô cằn đó.

*

* *

Một buổi tối mùa hè, Ted và Nick cùng đi ăn tối. Sau đó, cả hai tới công viên Fenway xem ban nhạc Red Sox chơi bài *Những con chim hoàng oanh*. Buổi biểu diễn tuyệt vời, diễn xuất điêu luyện và đầy xúc cảm và tới khi ban Red Sox đắm chìm trong quãng chín, với âm thứ đi vào nhịp ba và âm trưởng đi vào nhịp hai, thì nỗi đau của Ted càng trở nên sâu sắc; và chỉ là một trò tiêu khiển suông sẽ giống như đầu gối anh, cái đầu gối đẩy chân anh ra giữa lối đi. Anh đã uống rượu mạnh với Nick trước bữa tối. Trong bữa ăn họ lại dùng rượu vang và suốt buổi biểu diễn họ uống bia. Sau đó Nick rủ bộ cùng Ted về căn hộ của anh, họ đi thang máy lên tầng trên. Ted rót cognac, tay trái

kep hai cốc rượu, tay phải khoác vai Nick sang phòng khách. Nick đứng lại gần cửa sổ, đưa mắt nhìn ra ngoài. Ted nói: "Lần cuối cùng tôi được ngắm cô ấy là ở chỗ đó. Chúng tôi đứng nhìn xuống dòng sông".

Anh thấy cảm giác, đầu gối chốc chốc như chực muốn khuỵu xuống và anh biết lúc này đã say rồi. Khi uống nhiều, anh cứ đứng thế mà uống. Đầu gối vô dụng của anh chỉ còn chức năng như một dấu hiệu, nhưng đầu gối còn lại thì đang cảnh báo. Tiếng động cơ ô tô từ dưới phố, tiếng người lao xao yếu ớt vang lên. Nick lên tiếng: "Nó đã làm gì? Một tháng rồi ư?".

- Đến tối nay là năm tuần.

Ted đưa cốc rượu lên ngang mặt, hít sâu một hơi cay xè rượu cognac, nhắm nháp mùi vị đó trước khi uống một ngụm. Anh uống. Anh quan sát Nick qua lớp thủy tinh trên miệng cốc và lại uống. Nhìn xuống làn ánh sáng mờ đục phản trên mặt sông, anh nói: "Sau đó cô ấy đến một lò mổ. Những người đàn ông đứng tuổi đều chết hết. Bọn trẻ còn lại thì ậm ừ ậm ừ ... Đứa bé bị lạnh cứng cho đến chết". Anh biết Nick đang theo dõi anh. Nhưng anh không thể cảm nhận được việc đó. Anh cũng cảm nhận ra sự minh bạch và sự hùng biện của nỗi sầu khổ tuôn trào hẳn ra khi uống. "Tôi cần có thời gian để tìm kiếm những đứa trẻ của tôi và xem là tôi có thể tìm được bao nhiêu. Có nhiên cũng không loại trừ là tôi sẽ tìm ra chúng trong số đã chết ... Tôi mệt mỏi quá rồi. Trái tim tôi đang buồn đau khác khối. Từ nơi mặt trời không còn tỏa sáng, tôi sẽ không bao giờ thêm tranh đấu thêm nữa".

Nhắm chặt mắt lại, anh thấy khuôn mặt Susan hiện ra. Anh đã nghĩ nếu mình có đột ngột mở mắt ra, nhưng chỉ vào lúc đúng nhất trong cả suốt buổi đêm, Susan sẽ ở ngay trước mặt anh; cô sẽ đứng ở ngay đây, vị trí này. Nick nói: "Điều đó là tốt, sắp Joseph ạ".

Ted mở mắt ra nói lại: "Tôi đã từng biết tường tận điều đó". Anh rời mắt khỏi dòng sông, quay sang Nick và gào thét lên: "Anh biết điều tôi nói chứ, Nick? Từ nơi mặt trời không còn tỏa sáng nữa, tôi sẽ không bao giờ thêm thường một người đàn bà, để rồi người đó lại giết đi đứa con chung của hai người". Anh nói vậy rồi lại lại nhắm mắt lại, lần sau càng to hơn lần trước, giải tỏa hết nỗi đau khổ dần vật, như là một điều anh có thể nhìn thấy, sờ thấy, trong khoảng không ngay trước mặt. Bây giờ anh cảm thấy mình nổi cơn thịnh nộ, thấy sức mạnh và sự kết án nó mang theo. Nó thấm nhuần trong cơ thể anh, đôi cánh tay, cốc cognac và chiếc gậy vung lên cao. Miệng anh há ra khóc, đầy đau khổ. Anh nhìn thấy Nick đang đứng cạnh cửa sổ, nhưng không nhìn thấy gì khác. Một lúc sau cơn thịnh nộ qua đi, nhanh chóng và gọn sắc như ngọn lửa nền bị thổi tắt. Và hơi thở nhẹ nhàng xua tan nó đi là hơi thở của một người đàn bà. Cô ấy là nhiều người đàn bà khác nữa. Cô là bất cứ người nào đây mà mắt người đó, cái vuốt ve, giọng nói, đôi môi sẽ còn moi móc tâm hồn anh lần nữa. Anh khép miệng lại, hạ tay xuống và đầu không còn ngẩng cao như trước. Anh nhìn kẻ ăn không ngồi rồi Nick, và điều duy nhất trong suy nghĩ anh lúc đó là sự bất lực. Anh thấy thật đáng xấu hổ khi nhận ra một người đàn bà có thể kích động được mình. Có ta kích động được anh bởi vì chính anh muốn vậy. Anh thấy tay Nick đặt lên sau gáy, bóp mạnh. Nick an ủi: "Anh phải tìm cách bắt đầu lại từ đầu. Lần này với người nào thì phải dùng thuốc thôi".

Ted nhìn thẳng vào anh ta, ném chiếc gậy lên ghế trường kỷ, ôm lấy đôi cánh tay Nick. Anh nói:

- Viên thuốc không phải là thứ triết lý. Tôi cần một triết lý để hòa nhập vào xã hội như thế. Anh hiểu không? Tôi không thể hòa nhập vào cái xã hội đó như một con gà trống với một trái tim. Có thể tôi cần một người vợ.

- Vợ là tốt. Tôi cũng muốn có vợ. Tôi đã hơn bốn mươi rồi. Anh có biết đến đầu thế kỷ tới, ở Hoa Kỳ, một người đàn ông trung bình chỉ sống tới bốn mươi bảy tuổi? Với đàn bà đó là bốn mươi sáu. Có lẽ đúng là anh cần một người vợ.

- Tôi cần sự nghỉ ngơi.

- Anh mới ở với một người năm tuần còn gì.

- Không phải với đàn bà. Với đàn bà, đúng vậy. Tôi có ý nói hai tuần ở một nơi nào đấy. Mexico. Chỉ một mình thôi. Tôi không nói tiếng Tây Ban Nha. Tôi có thể gọi bữa ăn. Nhưng ngoài những thứ đó tôi chẳng hiểu gì hết. Tôi sẽ ở một mình. Tôi cần suy nghĩ Nick ạ. Tất cả những gì tôi đã, đang và sẽ làm là cảm giác. Tôi sẽ tìm đến một ngôi làng gần sân bay; sẽ làm gì ở đó trên núi; sẽ mang theo vài quyển sách; chỉ một cốc trước bữa tối và có thể uống bia khi ăn, tất nhiên chỉ một thôi. ăn nấu và dạo chơi; giữ im lặng. Tĩnh táo để đối phó với con ma men.

Nick xoa cổ anh và chêm vào:

- hãy uống nước đóng chai. Gọt vỏ hoa quả trước khi ăn. Đừng tự hủy hoại mình bằng những việc tạp nham.

- Nếu có vậy thì anh cũng chỉ nhìn thấy nước trong cốc của tôi thôi.

- Hãy dừng lại. Đó chỉ là điều mới xảy ra. Hãy bỏ con ma men lại đây. Anh nhìn ra vấn đề là được rồi.

- Không. Tôi chưa nhìn vào vấn đề. Tôi chỉ mới chửi rủa nó. Giờ đây tôi phải nhìn vào nó, tranh đấu với nó.

- Nắm chặt lấy cánh tay Nick, anh nhắm mắt lại, ấn mạnh gáy mình vào đó.

WAYNE KARLIN

HỒ ANH THÁI dịch

RƯỢU TẮC KÈ

Wayne Karlin sinh năm 1945 trong một gia đình Ba Lan gốc Do Thái di cư sang Mỹ để tránh nạn phát xít. Từng đi lính ở chiến trường miền Nam Việt Nam, khi trở về Mỹ, Wayne Karlin đã viết hàng loạt truyện ngắn và tiểu thuyết chống chiến tranh. Tác phẩm chính của ông gồm các tiểu thuyết "Đường cắt", "Những đội quân mất tích", "Vai phụ", "Cho chúng ta", "Tiếng đồn và bia đá"... Wayne Karlin hiện là giáo sư một trường đại học ở bang Maryland.

Truyện ngắn "Rượu tắc kè" được viết sau chuyến Wayne Karlin thăm Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc cuối năm 1994 và đoạt giải thưởng truyện ngắn ở Mỹ năm 1996.

Một bảng khẩu hiệu màu đỏ chữ vàng dập dờn trên đường phố, gần một tấm áp phích vẽ hình chân dung những người lãnh đạo nhà nước. Người trưởng Nhóm Hải cốt, Donald Barnes, chỉ sang một tấm bảng khác dán những quảng cáo tiếng Anh về một câu lạc bộ tennis gần Hồ Tây, về các loại hàng hóa "Anh bán khoán tất cả điều đó có

nghĩa là gì, phải không nào? ” Barnes huých khuỷu tay vào Brian. “Tất cả đang ồn ào lên, đang nhảm nhảm lại, đang vận động xung quanh việc chúng ta đã làm. Có phải thế không đồng chí Cẩm?”

Đoàn Thị Cẩm, ngồi ở ghế trước, chỉ nhún vai, không nói gì.

Brian quay hạ kính cửa sổ xuống. Xe đạp, xích lô, xe máy lên chạt quanh ô tô, còi xe bấm liên tục. Không gian sắc mùi bụi đất, gạch đá mủn, mùi than củi và khí đốt. Một lần nữa anh lại được gói gọn trong lòng Việt Nam. Vị đắng trào lên đầu lưỡi anh, như ký ức về nỗi khiếp sợ. Anh nuốt xuống. Anh không muốn chuyển đi này, chuyển đi công vụ, liên quan tới sự thường xuyên ngoảnh lại nhìn cuộc chiến đã qua. Chiếc xe Celica đi vào một mê cung những đường phố hẹp, rợp bóng cây và bụi bặm, bị ách tắc vì người và xe. Anh hoa cả mắt trước những cửa hàng treo dày đặc quần áo, đồ dùng, trước những ban công sắt han gỉ, những mái ngói vỡ, những bức tường xi măng loang lổ, những tòa nhà chen sát vào nhau, từng phân một đều được sử dụng, lấn chiếm. Những người đàn bà đội nón ngồi xổm bên lề đường, đang nướng những xiên thịt trên lò than đỏ lửa. Làn khói than uốn lượn trên không trung. Những hộp ti vi, đầu video và đĩa CD chất cao ngất trước các cửa hàng. Phụ tùng xe máy tháo rời, bày ngổn ngang trên lối đi. Qua một cái cửa giống như cửa hàng, anh thấy một đám thanh niên ngồi trước những màn hình đang chơi trò điện tử với những cú đá, đập và cắt xẻ. Ngón tay họ múa lượn, trên cái hộp điều khiển. Ở phố bên cạnh, một quần thể nhà

đang bị dỡ bỏ. “Hilton Hà Nội”, Barnes gật đầu, vỗ nhẹ lên vai anh. Anh đã nghe nói khu nhà giam nổi tiếng đang bị phá, nhưng anh tự hỏi có phải Barnes vừa chọn chỗ này để xem phản ứng của mình ra sao. Cái gã đầu hói, râu bạc này đang nhăn nhó cười một cách dâm dăng với anh. Dù sao thì dường như đường phố nào cũng có những tòa nhà đang bị phá đi. Việc phá nhà cũ trong thành phố gây ra những lớp bụi trắng sặc sụa. Bụi bám trên lá cây, trên lối đi và những bức tường, giờ thì cả trên da thịt Brian nữa, giống như cái quá khứ dai dẳng.

Họ đổ lại một đường phố có những tiệm phở nối nhau thành dãy. Brian vừa bước ra khỏi xe thì một người ăn xin tiến đến, chìa tay ra, một bà già nhăn nhéo, miệng còn vết trấu. Đoàn Thị Cẩm bỏ vào tay bà mấy đồng. Trời đã nhá nhem và lạnh. Hơi thở như làn khói trắng của khách ăn quỵên với làn hơi bốc lên từ bát phở kê bên miệng trong khi họ dùng thìa và đũa ăn rất nhanh.

Barnes dẫn họ vào một tiệm ăn ở trên gác, những bức tranh ấn tượng của Pháp trên bức tường long lở, khăn trải bàn màu trắng, những người phục vụ bóng mượt mặc áo khoác trắng. Một cây thông Noel bằng nhựa, treo những bóng đèn nhỏ, ở trên một mặt bàn. Brian giật mình, nhớ ra còn hai ngày nữa là tới lễ Giáng Sinh. “Chúng ta đến hơi sớm”, Barnes nói, ngồi xuống bên một chiếc bàn. Đoàn Thị Cẩm ngồi góc đối diện, gật đầu nhẹ, đoạn nhắm mắt, giờ hai ngón tay ngấn lên như chỉ trở gò đó và xoa vào hai bên thái dương. Anh hiểu chị ta vừa là người phiên dịch vừa là người liên lạc cho nhóm mình, nhưng chị chưa

nói một lời từ sau khi gọi tên anh ở sân bay.

“Schulman, anh là người kín tiếng”, Barnes nói, “Anh đang chìm trong nỗi nhớ nhà? Hay là đang phải hồi tưởng điều gì?”

“Đừng có ghen tị, vì anh ấy không hề có gì để hồi tưởng đâu”. Một chàng trai cao lớn bước vào, gật đầu với Brian và nói, rồi bắt tay anh. Mái tóc cắt ngắn, quần bò và áo sơ mi vải bông bó sát hình như đang là lối ăn mặc phổ biến. “Anh ấy cảm thấy bị chối bỏ một cách bất công đấy”.

“Chào đại úy trẻ Wilkes”, Barnes lên tiếng, “Chúc đại úy một lễ Giáng Sinh vui vẻ”.

“Chúc mừng đã tới Việt Nam”, Wilkes nói.

“Điều tôi sẽ nói thì anh đã biết từ trước”, Barnes nháy mắt với Brian, “Thưa ông đại úy trẻ, đây là tiến sĩ Brian Schulman. Tiến sĩ Schulman. Nếu chúng ta đây cùng một hội, ta sẽ gọi ông ấy là “tờ-sờ”. Tờ-sờ tới để nhìn cho chúng ta ít xương của ông ấy, có phải không, thưa tờ-sờ?”

“Tôi không hiểu cụm từ này”, Đoàn Thị Cẩm mở mắt ra và nói, “Tôi không hiểu gì cả. Nhìn xương của ông ấy.”

Wilkes nói với chị đôi câu tiếng Việt. Xem ra chị ta không nghe thấy.

“Chúng tôi, những người Âu - Mỹ, là những kẻ khó hiểu”. Barnes nói. “Chị Cẩm này, đó là một câu nói cũ của hội mafia. Có nghĩa là, cậu đã giết được mạng nào cho bố già chưa?”

“Chúng ta không giết ai cả. Chúng ta là một nhóm hòa

giải”. Cẩm chưa chất nói.

“Chị Cẩm à, tôi muốn nói một cách hài hước. Những bộ xương. Đó là thứ chúng ta tìm kiếm. Chúng tôi là loại người khó hiểu và ưa châm biếm. Mà tôi lại nghe nói rằng ngài Schulman đây là người quan trọng nhất trong chúng tôi. Ngài là người của xương xẩu. Ngài sẽ giúp chúng tôi thành công trong việc mà tất cả những người khác đã thất bại”.

Brian nghĩ tới những hài cốt tìm được trong lần đào bới gần đây nhất, những bộ xương giáp võ vì lưỡi lê và những viên đạn nhỏ của các tù nhân trong cuộc nội chiến Mỹ mà anh đã khai quật được ở gần sông Potomac - bằng chứng của một cuộc thăm sát từ xa xưa trong cuộc chiến tranh trước khi anh ra đời rất lâu. Bằng chứng ấy vẫn nứt toác ra đó, chưa làm sao hàn gắn được ngay trên vùng đất quê anh. Cùng với việc là một cựu binh, cuộc khai quật đã tăng thêm danh tiếng cho anh, mang tới thêm cho anh lời mời tham gia nhóm hài cốt này.

“Chị Cẩm, giờ thì chị sẽ hiểu chúng tôi, đúng không nào?” Barnes nói. “Hiểu sắc thái và tính tử mỉ của chúng tôi. Đây là chương trình. Đây là vì quyền lợi dân tộc”.

“Vẫn thường như thế”, Đoàn Thị Cẩm nói, “Bằng cách này hay cách khác, Cố mà hiểu các anh”.

“Hồi chiến tranh chị ấy mang theo trong ba lô những cuốn sách của Jack London và Hemingway”.

Barnes nâng cốc đưa về phía Đoàn Thị Cẩm: “Xin hãy hình dung ra cảnh này: Cô Cẩm bí ẩn và ưa châm biếm của chúng ta, đêm đêm nằm trên đường mòn Hồ Chí Minh, cố hình dung xem điều gì đang xảy ra trên thế giới này, tự hỏi tại sao những gã khốn kiếp đi trên những chiếc xe

trượt tuyết do chó kéo mà cô đã đọc trong sách bấy giờ lại dội bom lửa xuống đầu cô. Tự hỏi Roberto Jordan đang ở chốn địa ngục nào”.

“Hồi chiến tranh”, Wilkes lặp lại, hơi cau mày với Barnes, “Họ có những chàng trai đi tới các đơn vị, nói chuyện về văn học Mỹ. Để mà hiểu về chúng ta. Tôi thấy đó là điều đáng kể”.

“Ngài thấy đó là điều đáng kể, phải không ngài đại úy trẻ?” Barnes hỏi.

“Đúng, đáng kể. Tôi không quan tâm điều ông nói. Ông có nghĩ rằng đã bao giờ chúng ta có được sự vững tin như thế về sự nghiệp của mình chưa, rằng chúng ta có thể tự cho phép mình nhìn thấy rõ ràng đến thế những người chúng ta được lệnh tiêu diệt?”

“Chúng ta là nghĩa thế nào, thưa cậu?” Barnes hỏi.

Brian thấy Wilkes lướt nhìn Đoàn Thị Cẩm, như thể ghi nhận hiệu quả lời nói của mình. Sự nhạy cảm đang bộc lộ của anh ta tương phản với sự thô thiển của Barnes. Đó là một kiểu phô diễn giới tính người ta vẫn thấy ở bất cứ một cuộc đào bới nào. Nó làm cho Brian cảm thấy tự nhiên như ở nhà.

“Còn ngài thì sao, tiến sĩ Schulman?” Đoàn Thị Cẩm hỏi, không để ý đến Wilkes, “Ngài cũng thấy là chúng tôi đáng kể ư? Điều gì đưa ngài tới đây, để nhìn những bộ xương của mình?”

“Chắc là chị đã đọc giấy ủy nhiệm của tôi rồi”.

“Vâng. Tôi đã đọc về cuộc nội chiến của các ngài. Đó là điều tôi đã đọc, cùng với Jack London và Hemingway”. Chị nói, gật đầu với Wilkes, “Sáu trăm ngàn người Mỹ bị

giết trong cuộc nội chiến ấy, có phải không? Một con số đáng kể”.

“Nói như vậy thì thật lạ lùng”.

“Ngài có biết rằng chúng tôi còn ba trăm ngàn người mất tích? Và bốn triệu người chết? Tiến sĩ Schulman, có rất nhiều xương để mà ninh ở đây. Nhưng tất nhiên chúng ta chỉ tự giới hạn ở xương của người da trắng, đúng không, thưa ông Barnes?”

“Trắng hay đen, vàng hay nâu, miễn họ là người Mỹ. Chúng tôi không phân biệt chủng tộc, đồng chí Cẩm ạ”.

“Tất nhiên. Thưa tiến sĩ Schulman, vậy thì hồi chiến tranh...” Cẩm nhìn anh, và anh chăm chú nhìn chị, thực sự là cái nhìn đầu tiên. Chị ta chắc hẳn trên bốn mươi, anh nghĩ, nhưng người ta không thể nhận ra chính xác cho tới khi đến gần chị. Gương mặt chị, đang chập chờn trong ánh đèn, thuộc diện không tuổi tác. Cặp mắt sáng và biết định giá, đôi môi đầy đặn, những nét đẹp như khắc vẽ viền quanh cặp mắt và miệng. Anh trầm nghĩ, chị ta thật đẹp với chuyện đời của chính mình. “Tiến sĩ Schulman, vậy thì hồi chiến tranh ngài có ninh được bộ xương nào không?”

“Thời chiến cha đã làm gì, thưa cha?” Barnes khịt mũi. “Câu hỏi bắt buộc đấy. Mạnh dạn lên nào, ông trẻ, trước khi chúng ta lao vào tất cả mọi việc. Trước khi chúng ta đào bởi những bộ hài cốt đặc biệt ấy, tôi muốn ngài thử một vài thứ. Ở, ở đây”.

Thêm những người Mỹ và người Việt bước vào tiệm, ngồi đầy bên bàn. Barnes giới thiệu Brian. Brian bắt tay, những tên người bay lướt qua anh, tiếng Anh tiếng Việt

trộn lẫn, trong sự mất ngủ, sự thay đổi vùng địa lý, trong cảm giác không có thực vì đang ngồi giữa thủ đô của đối phương. Đám người Mỹ còn trẻ, tóc húi cua, ăn mặc kiểu dân sự, tất cả đều là lính làm nhiệm vụ cho nhóm hải cốt. Những người lính Mỹ, sau một thế hệ, trở lại Việt Nam để tìm kiếm những gì đã trôi qua trước khi có thế hệ mình. Những người Việt nhiều tuổi hơn, thực tế là cùng thế hệ với anh. Anh nhìn họ, câu hỏi bắt buộc trong tâm trí anh, cố hình dung những gương mặt ấy như đang bị súng ống vây bọc xung quanh.

“Anh có mang theo không, Dương?” Barnes hỏi.

“Tất nhiên rồi”. Dương người gầy guộc, cánh tay nổi gân và sẹo. Loại cốt cán, Brian nghĩ. Gương mặt anh ta gầy, răn rỏi, hàm răng xỉn. Anh đang hút thuốc. Tất cả những người Việt đang hút thuốc. “Có, tất nhiên rồi”. Anh đặt mấy cái bẻ sành sứ lên mặt bàn. Người phục vụ tới ngay, đặt cốc chén trước mặt từng người. Brian ngờ rằng có một lễ lạt nào đó.

“Đây là Nguyễn Thịnh Dương”. Barnes giới thiệu lại. “Và cái anh ta mang tới kia là rượu tắc kè. Rượu của con tắc kè đã chào đón ngài. Chào đón ngài đã trở lại”. Anh ta nháy mắt với Brian. “Nói như vậy thật lạ lùng, phải không nào?”

“Rượu tắc kè ư?”

“Vầy cái con rồng đã cắn ngài. Tôi biết, ngài đang hy vọng có một lối ẩn dụ nào đó, phải không nào? Người ta moi lòng ruột nó, ngâm vào rượu, để cho nổi dập dềnh trong bình. Nhưng mà tờ-sờ à, không có sự ẩn dụ nào cả. Không một sự ẩn dụ nào. Chỉ là một con tắc kè theo nghĩa

đen. Và chúng ta tự hỏi làm sao mà họ thắng trận. Tốt hơn hết là ngài không sao hiểu nổi, bạn ạ”. Anh ta vỗ nhẹ vào một cái bình sứ. Trên bình có những chữ Hán chạm nổi. “Hãy nghĩ tới rượu mạnh. Hãy nghĩ tới những con bọ. Và hãy cảm ơn vì đây không phải là cái bình thủy tinh”. Anh ta cầm chiếc bình lên, rót vào cốc Brian, vào cốc mình, cốc của Nguyễn Thịnh Dương. Rồi chuyển nó vòng quanh bàn.

“Tờ-sờ a, chúc cho những bộ xương của ngài”. Anh ta nói và uống. Brian nâng cốc và cũng uống. Không hề đỡ, giống như sakê, có lẽ mạnh hơn. Anh cảm thấy cái ấm nóng của rượu đang chảy tràn trong người với tốc độ đáng ngạc nhiên. Vào cả xương cốt.

Những người ngồi quanh bàn đáp lời chúc rượu.

Brian chăm chú nhìn Đoàn Thị Cẩm uống. Cổ họng chị rung nhẹ dưới lớp da. Mọi thứ bất chợt rõ ràng hơn. Có cái gì đó đập giần giật bên thái dương, cả bên hông anh. Anh ngửi thấy mùi nước mắm. Việt Nam, anh lại nghĩ, như thể phải gọi cái tên ấy để gắn với thực tế rằng anh đang ở đây. Người phục vụ đặt lên bàn những đĩa nhỏ đựng salad dưa chuột. Đoàn Thị Cẩm hơi mỉm cười.

“Anh uống như một người lính vậy”.

“Tất cả chúng ta ở đây đều là lính, chị Cẩm ạ”. Barnes nói.

“Cả tiến sĩ Schulman ư? Tôi đã hỏi hồi chiến tranh ông làm gì, thưa tiến sĩ Schulman”.

“Gọi tôi là Brian”.

“Vậy thì anh hãy gọi tôi là Cẩm”.

“Cẩm”. Tên riêng của người Việt là chữ cuối, anh đã

nhớ ra. Anh nhún vai “Thời chiến tôi thuộc đội bay. Trên những chiếc trực thăng. Mặc dù thẳng hoặc tôi cũng ở dưới đất. Hầu như ở tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Nam và Quảng Trị”.

Dương nhìn anh: “Tôi cũng ở những tỉnh đó. Ở đơn vị cối”.

Tất cả chúng ta đều là lính. Một câu hát ngắn ở Quảng Ngãi, Quảng Nam hoặc Quảng Trị cách đây hai mươi năm lễ Giáng Sinh vút đến trong đầu Brian: *Chuông đang reo / Cối veo veo / Dưới đất là vi-xi / Đêm Noel ta vui đi đình chiến rồi còn gì*. Ta đang uống rượu với ai ở đây vậy, ở Hà Nội này? Anh nghĩ, vậy thì chúng ta có những điểm tương đồng.

“Anh cũng là một xạ thủ pháo cối sao?”

“Không, tôi còn bị cối đập xuống đầu nữa kia”.

Dương cười, Brian chạm cốc với anh: “Thưa ngài, tôi may mắn vì đã bị ngài bắn trượt”.

Dương cười hết cỡ: “Tôi cũng may, thưa ngài, vì máy bay của ngài không phát hiện ra tôi”.

“Ở trong đội bay, có nghĩa là thế nào?” Cẩm hỏi. Chị không cười: “Anh đã làm gì?”

“Chúng tôi quan sát”, anh trả lời. Và thậm chí, thỉnh thoảng chúng tôi nhìn được xương.

Chị nhìn chằm chằm gương mặt anh. Ánh mắt họ như xoắn vào nhau ngang qua cái bàn.

“Tôi căm ghét máy bay của các anh”. Chị nói. “Lũ B-52 như anh Dương nói. Nhưng mà tất cả lũ chúng. Máy bay phản lực. Máy bay trực thăng. Chúng huỷ diệt mọi thứ. Mọi thứ trên mặt đất. Và thẳng hoặc chúng nhào

xuống. Tôi cầm cái đó nhất”. Cặp mắt chị sưng lại, không tha thứ.

“Tôi cũng cầm cái đó, khi chúng nhào xuống”. Anh nói, cố gắng hạ giọng và Dương bật cười, lắc đầu với Cẩm. Nhưng chị không cười. Chị đang chăm chú nhìn anh, và bất chợt anh thấy vui, vui vì chị chưa nguôi. Anh uống một chén nữa.

“Anh có nhớ”, Barnes nói, “Làm thế nào mà chúng mình từng làm những chuyện khốn kiếp trong chiến tranh, thế nào mà một ngày nào đó chúng mình ngồi quây lại hút thuốc với vi-xi? Đó chỉ là một trong những điều anh sẽ nói, phải không nào?” Anh ta rót thêm rượu tắc kè.

Cẩm nói: “Tôi sẽ cố hình dung ra. Gương mặt các anh. Đội bay. Nhưng các anh chỉ là tiếng động. Tiếng động cơ trên đầu chúng tôi và cây lá đang run rẩy. Tiếng động và sự khùng khiếp. Tôi đã cố. Nhưng tôi không sao làm cho mình tin được rằng trong những chiếc phi cơ ấy có những gương mặt người”. Anh uống và nhìn gương mặt chị. Cái ấm nóng đã trở thành nóng bỏng, đẩy nhanh qua huyết mạch, dưới làn da. Anh nhìn đám trẻ ở đầu bàn bên kia, những gương mặt thanh niên Mỹ, da thịt đầy đặn lên khi anh đang hình dung ra những bộ xương anh tới đây để tìm kiếm. Anh cũng đã thấy chúng đủ rồi, trên chiếc máy bay của mình, ở dưới mặt đất. Gương mặt người của họ, giờ đã rửa nát trong lòng đất. Ở trong anh có cái gì đó tê cứng lại. “Hồi đó chị làm gì?” Anh hỏi, “Hồi chiến tranh ấy?”

Chị lắc đầu.

“Cô ấy ở thanh niên xung phong”. Dương nói. “Anh có biết họ là người thế nào không?”

“Họ như đám trẻ này đây!. Barnes nói. Trong giây lát Brian thấy anh ta nhìn quanh bàn. Những người lính Mỹ trẻ tuổi yên lặng, đang nhìn lại họ. “Những thiếu niên đang học phổ thông trung học ở Hà Nội, mười lăm, mười sáu, mười bảy tuổi. Con trai và con gái. Họ vào đường mòn Hồ Chí Minh, sửa đường bị bom làm hỏng, phá bom nổ chậm. Những người công binh. Nhưng rất nhiều người chỉ như đám trẻ này, những thiếu nữ mới lớn ấy giống như Cẩm thối”.

Anh cố hình dung ra cảnh ấy, hình dung ra chị. Anh hỏi: “Bằng cách nào?”

“Tôi không hiểu”.

“Chị làm việc ấy bằng cách nào? Sửa đường bị bom phá ấy mà?”

“Đó là nơi tôi học được cách đào đất. Một kỹ năng lúc này trở nên có ích, phải không ạ? Chúng tôi có một nhóm nhỏ, như nhóm này vậy. Mỗi nhóm chịu trách nhiệm một đoạn trên đường mòn. Nếu có bom nổ chậm, chúng tôi cố gắng tháo gỡ kịp bom. Còn nếu không tháo được, chúng tôi sẽ đào hố xung quanh quả bom, tới khi nào có thể làm cho nó, nói thế nào nhỉ? Cho nó dựng lên theo phương thẳng đứng. Thế rồi chúng tôi cho bom nổ. Và chúng tôi lấp hố bom ấy cùng tất cả các hố bom khác”.

“Bằng cách nào?” Anh hỏi, thấy cần phải nhìn, phải biết thật chi tiết.

“Hầu như chúng tôi chỉ dùng tay. Nhiều người trong chúng tôi đã chết trong khi làm việc ấy. Trong khi chúng tôi làm việc, các anh liên tục đến. Máy bay của các anh. Đội bay của các anh”.

Anh tưởng thấy một đội quân nữ, đang di chuyển dưới những lùm cây mà anh đã bắn vào, đang xóa bỏ cuộc chiến. “Thịnh thoảng chúng tôi có bay trên đường mòn”. Brian gật đầu với chị. Anh muốn uống cho hết như uống rượu, uống sự căm hờn và sự kết tội của chị, uống cả những hình ảnh nhắc rằng anh đã động đến nơi này. “Chị có làm việc ở quanh vùng Khe Sanh không?”

“Có, ở tuyến đường 15 và 20. Tôi đã ở đó”.

“Chị có nhìn thấy người Mỹ nào không?”

“Chỉ từ đằng xa thôi. Có lần tôi cùng mấy cô bạn quan sát khu lều trại, bằng ống nhòm. Chúng tôi quan sát đám lính đang tắm. Nước xối xuống người họ từ những bình cao su to ở bên dưới máy bay trực thăng. Cảnh ấy xem ra xa xỉ tới mức khiến chúng tôi thấy tin tưởng sẽ chiến thắng. Nhưng mà chúng tôi ở quá xa nên chẳng thấy được gì”.

“Đúng”. Brian nói. “Đối với chúng tôi, các chị còn là những bóng ma. Chính là thế - xung quanh đó toàn là những mái lều ba mặt - chúng tôi không sao nhìn thấy các chị”. Thật ngạc nhiên biết chừng nào, khi mà giờ đây nhìn thấy chị, nhìn thấy con người này - anh nghĩ thầm. Một hình ảnh chợt đến trong đầu anh, những đường đạn đỏ rực biến mất, tan đi trong màu xanh bất tận, thân hình bé nhỏ của chị nép vào đầu đó ở bên dưới. Anh lại nhìn gương mặt chị ngang qua cái bàn, hiển hiện ngay trước mắt anh lúc này như hiện ra từ dưới tán lá rừng. Chị cũng đang chăm chú nhìn anh. Rồi chị quay đi.

Barnes nói: “Anh có biết rằng có những nhóm cựu binh bây giờ trở lại đây, tới những nơi họ từng chiến đấu? Đi tìm kiếm cái gì đó, như kiểu một sự khép lại về mặt địa

lý. Còn anh thì sao, tở-sờ? Anh có bao giờ thấy cần một sự khép lại nho nhỏ về mặt địa lý không? Ở mức độ cá nhân thôi?”

Brian đã nhận ra hướng đi của Barnes: Người tiền nhiệm của anh, một nhà khảo cổ, cũng là cựu binh như Brian, chưa làm sao quay lại Việt Nam được. Rõ ràng đã có một cảnh tượng bất ngờ tại nơi khai quật. Giờ thì Barnes đang tìm một sự khẳng định lại. Brian cho là thế. Khép lại. Anh nhận ra anh căm ghét cõi trần thế này biết chừng nào. “Tôi là nhà khảo cổ. Tôi thực sự không thích sự khép lại. Bất kể cái gì bị che lấp đều có thể bị khai lộ, hoặc thậm chí có khi tự phơi lộ từ dưới lòng đất. Cho dù người ta có muốn hay không muốn”.

“Nói đúng cứ như chuyện sáo để dưới nước vậy”. Barnes nói. “Những thứ vật vãnh tự phơi lộ từ dưới lòng đất”.

“Này, có biết không?” Một trong những người lính trẻ lên tiếng, giọng say xỉn, bộ mặt anh ta vẫn là bộ mặt uất hận của người lính đã chết mà Brian đưa lên chiếc trực thăng của mình. “Tiên sư cả lò những lão già chết tiệt. Cho người ta hưởng đêm Noel bằng cuộc chiến tranh khốn kiếp của các lão như thế à?”

“Chính xác. Tiên sư cả lò những lão già chết tiệt”. Dương gật gù, rồi lắc đầu với Cẩm.

“Vâng”. Cẩm nói nhỏ nhẹ. “Chúng ta phải nhìn về tương lai. Về một tương lai hưng thịnh cho mọi người. Hoan hô tương lai. Chúng ta phải chôn vùi quá khứ. Quá khứ chỉ là cái đing gở trong đầu chúng ta. Phải chôn vùi quá khứ bằng cách khai quật quá khứ lên, có phải không, ông

Schulman? Chúng ta phải đào bồi được những người cuối cùng của ông, tiến sĩ khảo cổ học - thành viên đội bay, và để ông trở về nhà”.

Barnes bảo: “Hãy nghe này. Giờ là lúc chơi trò uống chung. Chúc cho ông trưởng nhóm, phải không nào?”

Đạo trước Brian đã chơi trò này, ở điểm khai quật khác, với những nhà khảo cổ khác, với những người lính. Bây giờ anh là trưởng nhóm khảo cổ. Một gã mới toe chết tiệt. Rượu rót lên tới tận miệng cốc, lần lượt từng người uống cạn. Nếu có người không uống được, Brian phải uống chiếc cốc đầy đó. Cầm uống một cốc, rồi từ chối cốc thứ hai. Chị quan sát anh, vẻ thú vị. Anh nghĩ thầm, chị là kiểu phụ nữ thích ngồi một cách tự chủ để quan sát những người khác không tự chủ được.

“Cố lợi cho dương lực”, Dương vỗ nhẹ vào cái bình trong khi rót đầy cốc cho Brian, và Brian cảm thấy cái nóng bỏng, một con tắc kè đang khuấy động ở phần bụng dưới. Cầm nhếch mép cười. Anh thấy nóng bừng vì ngưỡng, rồi một sự trống trải, một cơn xoắn vặn đau đớn. Con tắc kè đang thúc lên, đang gặm nhấm lòng dạ anh. Xin mời, xin mời, Dương cười toe toét. Tiếp tục đi, tờ-sờ, uống đi, anh nghe tiếng Barnes thúc giục như từ một nơi rất xa. Và anh cảm thấy cái nóng bỏng của rượu quán cuộn trong cổ họng, trong đầu, trong huyết mạch.

Barnes lại rót đầy cốc của Dương. Mọi người chăm chăm nhìn anh. Dương nhìn chỗ rượu, rồi nhìn Brian. Có cái gì đó như những vẩy bạc nhỏ nhỏ đập dồn trên bề mặt cốc rượu. Cả bàn bất chợt lặng yên. Brian thấy Cầm đang nhìn Dương vẻ lo lắng. Anh thấy cặp mắt Dương đang chìm

trong đau khổ. “Xin mời”, anh ta nói với Brian.

“Không còn cách nào khác”, Brian bảo, “Tôi là trưởng nhóm. Đó là mệnh lệnh. Tôi xin mời anh”.

Mặt Dương nhăn lại. Anh giơ cái ngón tay sắt móng lên, gõ vào cốc rượu, rồi vào trán mình. “Quảng Trị”, anh nói với Brian, và Brian hiểu anh đang gọi cái tên mà cốc rượu gọi ra trong đầu, cái đen đặc như cao su nóng bỏng của một đêm ở Quảng Trị, bị những chớp lửa và đường đạn xẻ rạch, bị xé nát bởi tiếng la hét. Rồi anh gạt đầu, tiến tới cầm lấy cốc của Dương và uống cạn.

Anh vẫn còn say khi được mọi người đưa về khách sạn - một cái khách sạn sáu tầng hẹp theo kiểu Graham Green (tác giả *Một người Mỹ trăm lạng* - ND), tường bê tông bầm muội đen và những ban công sắt. Bức tường đá đằng trước khắc những chữ Hán tượng hình bên trong một vòng tròn. Phòng có một chiếc giường đơn, một cái bàn và tấm bình phong bằng gỗ màu đen có chạm khắc. Anh nằm xuống giường và chăm chăm nhìn lên trần cao, lắng nghe tiếng Việt đang trôi vào phòng qua cái cửa sổ cột kẹt. Một con chó sủa. Trần nhà quay. Những tiếng nói hòa vào một giấc mơ. Anh đang cố dạy một lớp sinh viên khảo cổ cách đọc tiếng Việt, đang viết lên bảng đen những cái từ chính anh cũng không hiểu nghĩa mà giả vờ là có hiểu ở trước lớp. Trong mơ anh nghe có một tiếng sập cửa, bèn nhìn ra phía cửa. Anh chắc rằng đã nghe thấy tiếng cửa mở ra. Hoặc đóng lại. Anh nhìn thấy một cái bóng, bất chợt, nhanh chóng, trong những ô kính lấm tấm ở nửa trên khung cửa ra vào. Nhưng khi cố ngồi dậy, anh rên lên và lại nằm xuống. Anh vật nghiêng đầu trên chiếc gối ướt át. Trên chiếc bàn nhỏ có một cái cốc lớn - anh tin chắc trước đó

nó không có ở đấy. Có một mảnh giấy dựng bên cốc. *Gửi tiến sĩ Schulman, Đội bay. Chúc những kỷ niệm đẹp và một lễ Giáng Sinh hạnh phúc. Hoan nghênh đã trở lại. Bóng ma của anh. Cảm.* Anh cầm cái cốc lên - cốc nhựa, không phải thủy tinh - cảm thấy cốc nặng vì cái chất lỏng trong đó. Một chút rượu sánh ra miệng cốc, làm lạnh trên làn da anh. Con tắc kè phanh bụng, cái đầu phồng lên vì đã ngấm rượu, thân hình bị xé rách của nó lướt đi, mà không chịu tan hòa. Có cái gì đó khủng khiếp và chết chóc như một lời đe dọa tái sinh trong dáng vẻ cong cong của nó.

*

* *

Khu vực họ sắp đào nằm trên một hòn đảo trong vịnh Hạ Long, phía Đông Bắc Hà Nội. Chiếc máy bay, một chiếc F-105 bay từ Thái Lan sang, thực hiện một trong những phi vụ ném bom sớm, đã bị bắn rơi và đâm xuống một trong ba ngàn hòn đảo tạo thành quần đảo trong vịnh. Mặc dù dân địa phương biết nơi máy bay rơi, nhưng người ta chưa hề tìm ra xác viên phi công. Cho tới khi có thỏa thuận về bình thường hóa, chưa có nhóm người Mỹ nào đến nơi máy bay rơi cả. Nam Hiền, người sắp gặp cả nhóm ở Hồng Gai, bên vịnh Hạ Long, đã chỉ huy trận bắn rơi chiếc máy bay ấy. Anh sẽ dẫn họ tới địa điểm đó.

Họ tới Hải Phòng, qua phà để đi Quảng Ninh, rồi ngang qua những cánh đồng lúa màu ngọc lam và những ngọn núi trông như bức tường che chắn. Tối ấy họ đã ở Hồng Gai. Nam Hiền là hội viên hội văn học nghệ thuật của tỉnh. Họ gặp anh và những hội viên khác trong phòng chiêu đãi của khách sạn du lịch, nơi nhóm tìm kiếm nghỉ

lại. Đêm Giáng Sinh. Ở tiền sảnh, vài chàng trai ngồi quanh màn hình, xem một băng ca nhạc và cầm micro hát karaoke. Một cây thông noel nhỏ bằng nhựa đứng trên chiếc bàn bên cạnh họ. Bức tường phía sau bàn tiệc trang trí tấm ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và một ngôi sao vàng. Nam Hiền là một người đàn ông vạm vỡ ngăm đen, cặp mắt sáng và có sức hấp dẫn mạnh. Đó là điều Brian nhận thấy ngay từ đầu, khi họ gặp nhau và bắt tay, sau đó trong bữa ăn, và chầu rượu tất yếu sau đó nữa, ngay cả khi anh ta cứ bóp chặt cánh tay Brian đến co thắt và đau điếng mỗi lần kể chuyện hoặc giới thiệu một món ăn mới. Cái bóp tay hoặc là như cố tình trừng phạt hoặc như thử xem Brian có thực đang hiện diện hay không. Quảng Ngãi, Quảng Nam và Quảng Trị, Brian nói. Rồi Nam Hiền nói cho Brian biết anh ta đã ở đâu hồi chiến tranh. Rồi các nhà văn và các nghệ sĩ cũng nói với anh. Và một thiếu phụ - một diễn viên - chị đã hoạt động trong một nhóm biểu diễn lưu động, thời chiến đã đến với những lán trại trong rừng. Chị nói, chị đùa rằng rất mừng vì anh đã không phát hiện ra chị.

Tất cả chúng ta ở đây đều là lính. Họ ăn sò huyết và bánh tôm - cả con tôm nằm gọn trong lòng chiếc bánh - rồi uống bia Heineken và Tiger, hết chai này sang chai khác. Như thế họ phải cùng đi sang một nơi khác nữa, Brian nghĩ thầm. Như thế đối với nhau họ phải trở thành những sự tích mới.

Tôi sẽ kể anh nghe chuyện này, Nam Hiền nói và gạt đầu. Cẩn dịch cho Brian nghe. Đơn vị anh là đơn vị đầu tiên bắn rơi máy bay Mỹ. Súng phòng không của họ đặt

cạnh tòa nhà đang ngồi đây. “Không phải nhà này”. Cẩm xen vào, “Hầu như cả thành phố đã bị hủy diệt hồi chiến tranh, vì bom của các anh”. Chính nói đây, Hiền lặp lại, bóp chặt tay Brian. Một chiếc A-37, đúng không nào? Viên phi công vọt ra. Rơi xuống vịnh. Họ nhảy lên một chiếc thuyền và lao ra chỗ hấn. Đua với tất cả các thuyền đánh cá và thuyền nhỏ đang cố chèo ra chỗ hấn trước. Bộ đội lo dân chài sẽ giết hấn mất. Quả thực là những người dân chài tồi trước. Chỉ còn cái chóp lưa màu trắng của chiếc dù đang nổi trên mặt nước. Những người đánh cá chộp lấy chiếc dù và lôi viên phi công lên. Nhưng ngay khi hấn vừa nhô khỏi mặt nước, người ta bắt đầu dùng xiên mấu và gậy để đánh hấn. Đẩy hấn xuống nước lại. Hiền và đồng đội thét lên với họ. Rồi Hiền lao tới nơi. Anh tóm được viên phi công khi hấn ta đang tuột xuống, kéo hấn trở lên mặt nước. Bộ đồ bay của hấn bị rách toạc ở trước ngực và Hiền nhớ anh đã giật mình, không thấy gì khác, trừ một lớp lông đen dày ướt sũng. Khoảnh khắc đó, anh nghĩ như tự an ủi: Thấy chưa, thực sự là thối đấy, bọn chúng không giống chúng ta, bọn chúng là những con thú. Tên Mỹ vẫn đang chìm trong nước, cả hai cánh tay đều gãy. Khi bị Hiền tóm chặt, hấn kêu lên. Hiền có thể nhìn thấy điều đó ở dưới nước, thấy bọt nước ánh bạc phụt ra từ miệng viên phi công. Nhưng anh tiếp tục, bóp chặt cánh tay hấn và kéo trở lên mặt nước. Anh kể và lúc này tay anh lại chạm tới và nắm chặt lấy tay Brian. Những ngón tay bấm vào bắp thịt Brian rất đau.

Họ uống, rồi rời khách sạn vào thành phố. Brian và những người Việt. Những người Mỹ khác ở lại khách sạn.

Khấp xung quanh, người ta cụm lại thành những nhóm nhỏ, tụ họp rồi sẽ vào các lối đi, nối đuôi nhau leo lên một triền núi dốc, nơi thành phố cheo leo trên đó. Cười, hát, ăn, uống, bắn pháo thăng thiên và đốt pháo đùng. Leo lên cái nhà thờ bị đánh bom ở trên đỉnh. Đó là hình thức kỷ niệm lễ Giáng Sinh của dân Hồng Gai, thành phố không có người theo đạo Thiên Chúa, Cẩm giải thích với anh. Anh - cùng quốc tịch với những kẻ đã đánh bom thành phố và cái nhà thờ. Người Việt chen lấn vào anh từ mọi phía, da thịt họ ẩm và ẩm ướt, vì uống rượu, vì gắng sức leo lên núi. Người ta chăm chú nhìn anh. Hầu hết đều quá trẻ, cho nên không thể tham gia vào cuộc chiến tranh ấy, anh tự nhủ. Hello, hello, đám trẻ con gọi. Đám đông lại ép sát vào anh. Một dây pháo nổ bùng ra rất lâu với đôi lúc ngắt đoạn. Mùi thuốc pháo xộc lên trộn lẫn với những mùi khác. Bắt đầu lướt qua trong đầu anh một bộ phim, những viên phi công bị bắn rơi đang bị giải đi trước một đám đông gào thét, những gương mặt biến dạng đi vì căm giận. Anh nghĩ tới Dương, gõ nhẹ vào đầu, gọi tên cái điều đang bị rượu tác kè làm cho rã rời trong đầu mình.

Có ai đó nắm lấy tay phải anh. Có ai đó nữa nắm lấy tay trái. Dương đã theo kịp ở bên phải, Hiền ở bên trái, và họ lại bóp chặt tay anh, kéo đi trên con đường lên đỉnh núi. Anh đã có thể thấy thành phố, một đường ánh sáng gầy khúc, một hỗn hợp những khu nhà bê tông xây từ sau chiến tranh, đang nằm bên dưới, trải dài xuống con dốc và trên thêm đất trước vịnh. Anh đã thấy nhà thờ bên mỏm núi, điểm tụ tập của đám đông. Một tòa giáo đường lờm chờm, không còn mái, một sự nhắc nhở tới chiến tranh,

nhắc nhở tới sự bình yên vẫn chưa được tạo dựng. Bên bức tường phía đông có một ngăn thờ. Người ta đang đốt nến và thắp hương ở trước đó. Hiền và Dương nắm chặt tay anh, và anh nắm chặt tay họ, hai người đang kéo anh lên khỏi vùng nước đen tối mà anh đã rơi xuống.

*

* *

Sáng hôm sau ở trên con tàu nhỏ, anh thấy mặt và đầu óc vằng vất. Hiền đang đứng trên mũi tàu, mỉm cười và vẫy anh. Dương mang đến cho anh một cốc nước chè chat. Còn Cẩm lặng lẽ quay nhìn đi nơi khác, giống như đêm hôm qua vậy.

Trời mù sương. Con tàu lướt qua một mẻ cung những hòn đảo, rêu phủ, bị bào mòn và lởm chởm như những chiếc răng. Anh cố hình dung xem bằng cách nào bay trên những chiếc phi cơ từ căn cứ Guam hoặc Thái Lan mà lao vào hàm răng con rồng trong cái vùng biển lạ lùng này.

“Kia kìa”, Hiền kêu lên.

Con tàu ló ra từ một con kênh và đang đi vòng sang sườn trái của một hòn đảo, vách đá vươn lên đỉnh cao hàng trăm mét trên đầu họ. Ở chân hòn đảo là hai con mắt đen của một hệ thống hang động. Bề mặt đá trắng xung quanh đảo bị xói rạch và hằn lên như được chạm khắc. Ngay ở trên cửa hang, phía bên phải là một bề mặt phẳng lì, như thể lớp đá tai mèo đã bị bóc đi ở bên dưới. Bên trái mặt phẳng đó là một bãi nhỏ những thân cây dựng đứng. Brian quay nhìn xuống dưới. Một chiếc thuyền nhỏ lướt qua. Trên mũi thuyền, một đứa trẻ và một con chó đang đùa

giống trước mái chèo. Một người đàn bà đang nấu nướng bên bếp than. Một người đánh cá đang đứng ở đuôi thuyền, không để ý đến họ. Lá cờ đỏ bay trên nóc thuyền. Anh lại nhìn vách đá, nhìn cái hang. Anh nhìn thấy một con đường mòn in hằn lên phía bên phải hang, lên chỗ những cái cây. Một lá cờ hiệu màu đỏ bay phấp phật trên bãi đất nhỏ, đánh dấu nơi họ sẽ đào bới.

Họ mất hai giờ mới lên tới đỉnh và thêm một giờ nữa để lấp đặt cái sàng đất. Người Việt Nam đã đánh dấu địa điểm từ trước. Cái dấu ngôi sao ở chỗ chiếc máy bay đâm xuống đã bị cây cối mọc cao, nhưng một số tán lá đã được chặt bớt. Ít ra ở đó cũng có đất, đất lẫn đá, nhưng không phải là đá cứng như anh lo ngại ban đầu. Việc đào bới thật khó khăn nhưng không phải không thể làm được. Anh tự hỏi không rõ khu vực này có phần nào bị thiêu hủy vì vụ máy bay rơi hay không.

Anh cho là có thể. Nhưng nếu có bất cứ mảnh máy bay nào trên mặt đất - chắc là phải có - thì nó đã bị dọn sạch từ lâu rồi. Anh đóng cọc thành hàng men theo hai đường hào chia đôi khu vực có khả năng là chỗ máy bay rơi.

Những ngày sau, các thanh niên Việt Nam và Mỹ đứng thành hàng, chuyển những xô đất đá tới chỗ cái sàng đất bên lề khu đào bới. Anh và Hiền đứng cạnh nhau, quan sát chỗ đất rơi qua cái vỉ sàng bằng thép, tìm bất cứ vật gì còn sót lại: Những mảnh kim loại hoặc là vải cháy sém, hoặc tốt hơn nữa là một cái tên, một phần tên trên đó. Hoặc tốt nhất - hài cốt. Những mảnh vụn của viên trung úy chỉ huy Anthony Deramus, từng là người vùng núi

Vernon, bang Ohio, để lại một người vợ, nay đã tái giá, và hai đứa con, cả hai đều cỡ tuổi dám trẻ đang làm việc cho anh trong nhóm này. Trung úy chỉ huy Deramus, mất tích, song có thể sắp được tìm thấy. Nhưng đất, cát và đá được sàng xuống chẳng có gì, chỉ để lại một bóng ma bụi trắng, đóng bánh trên da thịt họ.

“Này tờ-sờ”, Barnes gọi, “Tôi nghĩ rằng chúng ta đã tìm được cái gì đó”. Brian bước sang bên kia hào.

“Đây”, Barnes nói, vỗ nhẹ.

Anh cũng vỗ nhẹ lên chỗ đó. Anh đã có thể cảm thấy cái hình trụ, ngay dưới lớp đất, hoàn hảo, quá hoàn hảo. Ông đẩy ư, ông Deramus? Anh nhẹ nhàng gạt lớp đất, từng lớp như từng lớp da. Và bây giờ anh đã thấy nó, màu nâu và láu năm. Nhưng quá lớn. Như xương một người khổng lồ. Anh bắt đầu khơi sâu xuống, sâu từng chút một, đào một cái hố nhỏ ở cả hai bên vật đó. Nhưng công việc cứ diễn tiến mãi, quá xa, cho tới lúc Dương với tay xuống, ngăn anh lại. Rồi Dương moi sâu hơn và kéo tất cả lên. Một cái cọc gỗ nhọn, đen và nâu và mềm rữa trong đất.

“Hang Đầu Gỗ”, anh nói. Brian nhìn Cẩm đã nhồm dầy và đang đứng cạnh, phả tay vào quần.

“Cái hang chứa những cọc gỗ vót nhọn”, chị nói đều đều. “Hang ấy ở một hòn đảo khác, cạnh đây. Trần Hưng Đạo, đại vương. Khi quân Nguyên Mông xâm lược, ông giấu hàng ngàn cọc gỗ như vậy trên những đảo này. Quân Nguyên tràn đến một lực lượng lớn. Ba trăm ngàn. Hủy diệt tất cả. Chúng tôi để cho chúng vào. Vào sâu hơn. Rồi

chúng tôi tiêu diệt chúng”.

Chị quay mặt đi.

“Khi nào?” Brian hỏi, nhìn chiếc cọc và cổ xác định niên đại. Anh tự hỏi không rõ người Việt hồi ấy có bôi bẩn những chiếc cọc hay không. Khi họ dùng những chiếc cọc để chống quân Nguyên. Chỉ có điều chúng ta không biết gì về quân Nguyên, anh nghĩ. Chúng ta không biết chút gì cả.

“Thế kỷ mười ba” Dương nói. Anh bắt đầu cười. Anh giải thích rất nhanh tình hình lúc đó, bằng tiếng Việt. Và những người khác cười theo, cả những người Mỹ. Tất cả nhìn nhau chung hưởng sự căng thẳng bất chợt được giải tỏa. Nhưng Brian thấy Cẩm không cười với họ. Chị ngồi xuống bên bờ hào, chăm chú nhìn thứ vũ khí không chịu tan hòa vào lòng đất bao bọc, hoặc chịu bị chôn vùi ở đó. Gương mặt chị đánh lại vì đau khổ và thất vọng.

Ở bên một cái sàng đất, Hiền gọi Brian. Anh giơ cao vật mới nhìn thấy, một mảnh sắt nhỏ màu trắng. Brian cầm lấy, xoa xoa phần mịn màng và những cạnh sắc. Vật đó trống không, không tên hiệu và không số hiệu, nhưng đó là mảnh đầu tiên họ tìm được. Anh cười với Hiền và gặt đầu. Hiền cười lại và nói liên thoảng. Brian nhìn quanh và thấy Cẩm đang làm việc ở đường hào bên cạnh như thể không có chuyện gì xảy ra. Đôi tay chị, màu nâu, ngón tay mập mập, đầy năng lực, đang thận trọng gặt đất ra. Chị ngược lên nhìn anh.

“Chị dịch giúp nhé?”. Anh hỏi.

“Anh ấy nói là rất hồi hộp”. Chị nói.

“Tôi thấy được điều đó”, Brian mỉm cười. Cầm dịch lại. Hiền lại nói. Anh không cười nữa.

“Không”, Cẩm nói, “Anh ấy có hồi hộp vì vật mới tìm thấy, nhưng anh ấy muốn nói chuyện ngày trước. Vật tìm thấy khiến anh ấy nhớ tới ngày bắn rơi chiếc máy bay”. Hiền gật đầu nói thêm. “Anh ấy bảo họ đã bị ném bom mấy lần, nhưng đây là lần đầu tiên anh bắt được chiếc máy bay trong tầm ngắm. Nó đã ném hết bom xuống thành phố và những tòa nhà đổ sập trong tiếng động khủng khiếp. Nhưng lúc đó anh ở trong trạng thái câm lặng, và trong chốc lát cảm thấy, nói thế nào nhỉ, bị dán chặt vào. Không, dường như có một đường thẳng tắp từ trong người anh ấy, thẳng từ cặp mắt và đôi tay tới khẩu súng, rồi chiếc máy bay. Anh bảo trong khoảnh khắc đó anh ấy biết rằng sẽ bắn trúng chiếc máy bay. Và khi anh bắn, nó vạn vèo, rất chậm, rồi đâm nhào xuống theo một đường thẳng, rất nhanh. Anh ấy thấy nó đâm xuống”.

Hiền mỉm cười, nhẹ nhàng nói thêm điều gì đó.

Cẩm cau mày. “Anh ấy nói đã nhìn thấy rất rõ tương lai. Cái khoảnh khắc khi anh sẽ bắn trúng máy bay. Nhưng anh ấy đã không nhìn thấy cái tương lai này, rằng có một ngày anh sẽ đứng đây với một người bạn Mỹ, đào bới để xây đắp một tương lai”.

“Chị có cùng cảm tưởng với anh ấy không?”

“Xin nói thẳng, tôi cho là người ta hơi ồn ào. Vì lợi ích của các anh”.

“Sao lại bắn khoản thế?”

“Ôi, giờ đây mọi người đều muốn quay lưng lại với chiến tranh. Về hướng bình thường. Về cuộc sống mà người ta nghĩ rằng sẽ đến cùng với mối quan hệ được bình thường hóa, với sức mạnh và đồng tiền của các anh. Mặc dù thực sự tôi nghĩ người ta nhìn thấy nhiều hơn ở các anh cái cách nhìn ra thế giới. Sự tự do được sống không cần hệ tư tưởng hoặc hy sinh thân mình. Nhưng chúng tôi không thích nghĩ như thế. Điều ấy không có đủ xúc cảm”.

“Cảm ả, không ai có thể chê bai vì chỉ giàu cảm xúc”.

“Ôi, hầu hết người Việt đều rất giàu tình cảm và lòng mạn. Còn điều gì nữa khiến chúng tôi đã có thể chiến thắng? Tôi muốn nghĩ là không. Có lẽ tôi nhớ tới lý tưởng và sự dấn hy sinh thân mình. Có lẽ tôi nhớ quá nhiều thứ, ông Schulman ạ. Quá nhiều thứ để đào xới lên, rồi sau đó lại chôn vùi nó một cách đơn giản. Tôi nhớ những chiếc máy bay giống như chiếc đã bị bắn rơi ở đây. Hoặc những chiếc lớn hơn, máy bay B-52. Tôi nhớ có một lần, đó là thời kỳ khủng khiếp nhất của chúng tôi, ở trên đường mòn. Gắn Khế Sanh, anh đã ở nơi đó. Bom rơi liên tục, chúng tôi không có lương thực một thời gian dài. Những đứa con gái chúng tôi. Chúng tôi phải ăn măng. Cẩn gặm, có phải dùng từ ấy không nhỉ? Nhưng chia nhau bất cứ thứ gì kiếm được. Mà thỉnh thoảng các anh lại thả chất độc xuống rừng, những chúng tôi không thể cho phép mình thận trọng được nữa. Áo quần mủn rách trên thân thể. Một lần, tôi nhớ những chiến sĩ lái xe tải đã dừng lại, gần nơi chúng tôi đang đào hố quanh quả bom. Họ là những chàng trai dũng cảm nhất, những người lái xe ấy, và đây là những người

hay nhất trong số đó. Họ mặc một loại, nói thế nào nhỉ, áo giáp, mũ sắt, nên trông họ giống như những cây nấm. Chúng tôi gọi các anh ấy là nấm, những chàng trai ấy. Trong bom đạn, họ sẽ chỉ tiếp tục lao đi, tiếp tục lái, cho dù có bị nổ tung lên, xe này bám sau xe kia. Anh thấy đấy, vì tin tưởng. Một cây nấm nhìn tôi, rồi xe anh dừng lại bên cạnh, anh ép tôi nhận một hộp thịt. Anh phải ép tôi, bởi vì hề có gì là chúng tôi dành cho những người chiến đấu và chiến sĩ lái xe như anh ấy. Và tôi thấy xấu hổ. Nhưng tôi đã nhận và ngồi xuống ăn thật nhanh. Bụng no căng. Tôi chú tâm vào việc ăn uống tới mức không để ý rằng máy bay của các anh đã đến, rằng bom đã rơi. Tôi chỉ nhớ có tiếng nổ lớn, ở bên ngoài nhưng ở cả trong đầu mình nữa, như thể đầu tôi bị vỡ toác làm đôi. Rồi tôi tỉnh lại, và tất cả cây cối biến sạch, và tất cả đám xe tải cùng những chàng trai và bạn bè tôi. Tôi còn lại một mình dưới một hố bom. Khắp xung quanh chỉ có thể nhìn thấy những hố bom. Tất cả lặng câm và cả đất nước này như cũng tan biến mất. Vậy là trong chốc lát, trong nhiều ngày, cho tới khi tôi gặp lại con người, tôi nghĩ mình cô độc trên thế gian này, nghĩ rằng rốt cục các anh đã cào sạch đất nước tôi ra khỏi trái đất này. Rằng tôi chỉ là một cái hồn ma".

Chị quay đi, cặp mắt mọng, miệng mím chặt.

Trúng rồi, họ đã nói, và chúc tụng khi nghe tiếng bom nổ. Brian nhớ lại, và nhìn chị anh thấy được cảnh đó, thấy chị đang tỉnh lại, một thiếu nữ hoàn toàn đơn độc dưới bầu trời bất chợt lặng câm, bầu trời thỉnh thoảng anh bay trên đó.

Chị ngồi xuống bên đường hào. Anh thấy đôi vai chị đang rung lên. Anh ngồi xuống bên cạnh, đột nhiên nhìn thấy điều chị sẽ thấy trong công việc anh đang buộc phải làm. Anh đã xát thêm muối vào vết thương ấy. Và rồi một phần trong anh nghĩ rằng chị sẽ thấy trong cử chỉ này sự xúc động, hoặc là lãng mạn, hoặc là tự tin. Một phần khác trong anh thì chẳng nghĩ gì cả. Anh bắt đầu cào đồng đất đá, kéo chúng rơi trở xuống đường hào.

“Anh làm gì thế?” Dương kêu lên, rồi Hiền và những người khác cũng kêu lên. Barnes thì nhìn chằm chằm. Nhưng anh phớt lờ tất cả. Sau một lát, Cẩm bắt đầu giúp anh, dùng xẻng xúc đất đá, rồi nén chặt xuống, lấp kín chỗ anh đã đào xới lên. Rồi anh dừng lại, anh đứng yên hồi lâu nhìn đôi tay chị đang xoa nhẹ mặt đất, cử chỉ truyền sang anh một cái gì đó như là sự bình yên.

GRACE PALEY

LÊ THỊ OANH dịch

CUỘC NÓI CHUYỆN VỚI CHA TÔI

Grace Paley sinh năm 1925 tại New York trong một gia đình Do Thái gốc Nga. Bà là một nữ văn sĩ chuyên viết truyện ngắn và là một trong những ngôi sao trên văn đàn Mĩ hiện đại. Với ba tập truyện đã xuất bản: Chút phiền toái của người đàn ông, Sự thay đổi lớn vào phút cuối và Muốn hơn trong cùng ngày, bà đã nhận được giải thưởng truyện ngắn của Viện Nghệ thuật và Ngôn từ. Bà được bầu là Viện sĩ của Viện Hàn lâm Hoa Kỳ và Viện Nghệ thuật và Ngôn từ.

Cha tôi đã 86 tuổi và đang nằm bẹp trên giường. Trái tim ông, một động cơ chạy bằng máu, cũng đã già cỗi và nó sẽ không còn làm cái công việc thường ngày nữa. Nhưng bộ não của ông vẫn tràn đầy một thứ ánh sáng trí tuệ. Tuy vậy, điều đó cũng không làm cho đôi chân đủ sức mang nổi cả thân hình ông đi một vòng quanh nhà. Bất chấp những lí lẽ của tôi, ông vẫn nói rằng sự bất lực này của cơ bắp không phải vì trái tim của ông đã già cỗi nữa vì ông thiếu chất kali. Ngồi trên một chiếc gối, tựa mình

vào ba chiếc gối khác, ông khuyên bảo tôi những lời cuối cùng và một yêu cầu.

“Cha muốn con viết một truyện ngắn, đơn giản, một truyện thôi”, ông nói, “loại truyện Maupasant hay Chekhov đã viết, loại truyện mà trước đây con đã từng viết ấy. Chỉ viết về những người ta biết và sau đó viết về những gì đã xảy ra với họ”.

Tôi nói, “Vâng, tại sao lại không ạ? Điều đó con có thể làm được.” Tôi muốn làm ông hài lòng, mặc dù tôi không còn nhớ cách viết đó như thế nào. Tôi cũng muốn thử viết một truyện ngắn loại này xem sao, nếu là loại truyện mà cha tôi muốn nói thì nó thường được mở đầu bằng câu: “Có một người đàn bà...” tiếp đó là các tình tiết, cái đường thẳng thuần túy nối giữa hai điểm mà tôi vẫn coi khinh. Không phải tôi khinh thường nó về mặt văn chương, mà vì loại truyện này đã lấy đi của người ta mọi hi vọng. Con người, dù là những người trong cuộc sống thật hay là những nhân vật được sáng tạo trong các cuốn truyện, đều đáng được hưởng số phận rộng mở, mang lại cho người ta những lối thoát.

Cuối cùng tôi nghĩ tới một chuyện xảy ra cách đây đúng 2 năm ở phía bên kia đường. Tôi viết ra giấy và đọc to lên. “Cha ơi”, tôi nói, “Truyện này thế nào? có phải ý cha muốn nói là loại truyện này không?”

Trong đời mình, tôi đã từng biết một người đàn bà và bà ta có một đứa con trai. Họ sống dễ chịu trong một căn hộ nhỏ ở Manhattan. Cậu con trai khoảng 15 tuổi và đã trở thành một tay nghiện hút, điều đó cũng không mang lại cái gì đặc biệt trong quan hệ láng giềng giữa chúng tôi. Để giữ được tình thân thiết với cậu con trai, bà mẹ cũng trở thành

một kẻ nghiện hút. Bà nói đó là một phần trong cách sống của tuổi trẻ mà bà đã cảm nhận được rất nhiều hồi còn ở nhà. Sau đó một thời gian, vì nhiều lí do, cậu con trai đã từ bỏ tất cả, đã rời bỏ thành phố và bà mẹ, ra đi trong tâm trạng chán chường. Bà mẹ đau đớn trong lòng vì thất vọng và cô đơn. Tất cả chúng tôi đều đến thăm bà.

“Được chứ hả cha”, tôi nói. “Một truyện đáng thương và không hề tò vớ”.

“Nhưng đó không phải là loại truyện mà cha nói đến”, cha tôi nói. “Con đã hiểu sai cha về tính mục đích. Con biết không, trong truyện này cần phải có thêm nhiều chi tiết. Thế mà con đã vứt bỏ tất cả. Turgenev sẽ không làm như thế. Chekhov cũng không làm như thế. Thật ra có những nhà văn Nga mà con chưa bao giờ được nghe nói đến và cũng chẳng biết về họ nhiều hơn những người khác, nhưng họ có thể viết những truyện ngắn thật bình dị, họ không bỏ qua những chi tiết như con. Nhưng không phải vì thế mà cha phản đối truyện của con, mà vì có những người cứ ngồi tút trên ngọn cây rồi nói toàn những điều vớ vẩn, đó là tiếng nói của những người biết rằng ở đâu...”

“Quên cái đó đi cha, thế con đã bỏ qua những gì nào? Trong truyện này ấy?”

“Những cái nhìn của bà ta chẳng hạn”.

“Ồ. Tuyệt đẹp, con nghĩ thế. Đúng vậy”.

“Còn tóc bà ta?”

“Màu sẫm, những bím tóc dày như thế bà ta vẫn còn con gái hay là người nước ngoài vậy”.

“Cha mẹ bà ta là người thế nào, dòng dõi bà ta ấy? Thế rồi vì lẽ gì bà ta đã trở thành một người như vậy. Đó là những chi tiết thú vị, con biết không”.

“Bắt đầu từ lúc rời khỏi thành phố. Một người có nghề nghiệp. Người đầu tiên li hôn trong địa hạt của họ. Tình tiết của sự việc ra sao? Thế đã đủ chưa?” Tôi hỏi.

“Nếu con coi tất cả những điều đó chỉ là trò vô vẩn”, ông nói. “Thế còn cha thằng bé thì sao. Sao con không đã động gì đến ông ta? Ông ấy là ai? Hay thằng bé là con hoang?”

“Vâng”, tôi nói. “Thằng bé là con hoang”.

“Lạy Chúa, trong truyện của con lại có một kẻ nào đó đã không làm lễ thành hôn ư? Lại có những kẻ đã không kịp chạy đến tòa Thị chính trước khi nhảy vào giường ư?”

“Không đâu. Ngoài đời thì có đấy. Nhưng trong truyện của con thì không”.

“Sao con lại trả lời cha như thế?”

“Ồ cha ơi, đây là một truyện ngắn đơn giản về một người đàn bà duyên dáng đã đến thành phố New York, cho đến tận bây giờ vẫn tràn ngập sự phấn khích kì vọng vào tình yêu, và về đứa con trai của bà ta. Thật là một giai đoạn gay go mà bà ta đã trải qua trong cái thế giới đó. Kết hôn hay không, đó chỉ là hậu quả nhỏ thôi”.

“Đó là hậu quả lớn chứ”, ông nói.

“Thôi được”, tôi nói

“Thôi được, con thì lúc nào cũng thôi được”, ông nói, “nhưng giờ thì nghe đây. Cha tin con, rằng bà ta là người dễ coi, nhưng cha không nghĩ rằng bà ta là một người cực kì duyên dáng.

“Đúng thế”, tôi nói. “Thật ra cái rắc rối trong các truyện ngắn là ở đó. Có những nhân vật khi mở đầu thì tuyệt vời. Người ta cứ nghĩ họ là những người đặc biệt,

nhưng theo tình tiết sự việc thì tẻ ra họ chỉ là những người thuộc loại trung bình và được giáo dục tử tế thôi. Đôi khi lại có chiều hướng ngược lại, một nhân vật thuộc loại ngây độn, thế mà hẳn lại cuốn hút người ta và người ta thậm chí không nghĩ tới việc chấm hết truyện ngắn đó nữa”.

“Thế thì người ta làm gì?” ông hỏi. Ông đã từng là bác sĩ trong hai chục năm và sau đó là nghệ sĩ cũng trong hai chục năm và do đó ông vẫn còn thích thú với những tình tiết, những mảnh khốc, những kĩ xảo.

“Người ta chỉ việc làm cho câu chuyện trở nên vòng vo trước khi tác giả và nhân vật bướng bỉnh kia đạt tới một sự hòa hợp nào đó”.

“Con không nói chuyện dở dấn vào lúc này đấy chứ?” ông hỏi. “Bắt đầu lại đi”, ông nói. “Thường là cha không ra ngoài vào buổi tối đâu. Kể lại truyện ngắn ấy đi. Hãy nghĩ xem, lần này con có thể làm gì nào”.

“Được ạ”, tôi nói. “Nhưng đó không phải là công việc của năm phút đâu”. Một cố gắng lần thứ hai:

Ở phía bên kia đường đối diện với nhà chúng tôi, đã từng có một người đàn bà đẹp đến sinh sống, đó là láng giềng của chúng tôi. Bà có một đứa con trai rất đổi yêu quý, bởi vì bà biết nó từ khi nó mới ra đời (khi nó còn ẵm ngửa, mồm mím và phải dựa dẫm vào người khác, khi nó đến tuổi nghịch ngợm và thích được vuốt ve, từ 7 đến 10 tuổi, sớm hoặc muộn hơn thế). Vừa bước vào tuổi thành niên, thằng bé đã trở thành một kẻ nghiện hút. Thật ra, nó vốn không phải là kẻ không có gì đáng hi vọng. Nó đã được cải tạo tốt, một sự cải tạo tốt, một sự cải tạo lí tưởng và tràn trề hi vọng. Nó là một đứa sáng dạ và cần mẫn, nó đã viết những bài báo đầy sức thuyết phục cho tờ báo của trường

nó. Để tìm kiếm lớp độc giả rộng rãi hơn, lợi dụng những mối quan hệ cần thiết, nó đã vào được quầy bán báo ở Lower Manhattan chuyên bán những ấn phẩm định kỳ được gọi là *Oh! Con ngựa vàng*⁽¹⁾.

Để làm cho thằng bé thoát khỏi cảm giác phạm tội (bởi vì cảm giác phạm tội đã khiến cho trái tim của chín trong số một kẻ được xác định là ung nhọt của xã hội Mỹ ngày nay, trở nên chai sạn, bà mẹ nói vậy), và cũng bởi vì bà luôn luôn tin rằng người ta có thể từ bỏ những thói quen xấu nếu họ chịu ở nhà, vì ở nhà luôn có những người có thể canh chừng nó, cho nên, bà cũng trở thành một kẻ nghiện hút. Có hồi, cái bếp của bà ta nổi tiếng là một trung tâm lui tới của bọn nghiện ma túy thuộc giới trí thức, bọn người luôn ý thức được những điều họ đang làm. Một vài kẻ có cảm giác họ là những nghệ sĩ cũng giống như Coleridge⁽²⁾ và những người khác thì cho rằng họ là những nhà khoa học và cách mạng như Leary⁽³⁾. Mặc dù thường xuyên trong trạng thái mê mẩn, bà vẫn còn một số bản năng tốt đẹp của người mẹ và vẫn dầm bầm trong nhà bao giờ cũng có nhiều nước cam ép, mật ong, sữa và những viên vitamin. Tuy vậy bà chẳng bao giờ nấu nướng cái gì, trừ món ớt, và cũng không quá một lần mỗi tuần. Khi chúng tôi nói chuyện với bà một cách nghiêm túc, với sự quan tâm của tình hàng xóm, thì bà giải thích rằng đó là bà đã hòa mình vào phong

(1). "Horse" tiếng lóng chỉ heroin.

(2). Samuel Taylor Coleridge (1772-1834) nhà thơ lãng mạn người Anh, tác giả tập thơ *Kubla Khan* được viết trong cơn say thuốc phiện.

(3). Timothy Leary (sinh 1920) nhà tâm lý học người Mỹ đã khuyến khích sử dụng ma túy để tạo cảm giác mạnh.

cách của bọn trẻ và thà cứ sống theo phong cách trẻ trung đó, một phong cách đáng sống, còn hơn là sống theo cách sống của thế hệ bà.

Một lần trong tuần, trong khi vừa dờ dẩn bởi chất ma túy vừa xem một bộ phim của Antonioni⁽¹⁾ thì thằng bé bị một cô gái ngồi cạnh có nét mặt nghiêm nghị, dùng cùi tay thúc mạnh vào người. Ngay lúc đó, cô ta lập tức chìa ra cho nó những quả mơ và quả hạch để tăng độ đường trong người nó. Cô nói với nó bằng giọng thật nghiêm khắc và đưa nó về nhà.

Cô đã nghe nói về nó, về công việc của nó và chính cô đã xuất bản, đã biên tập và đã viết một bài báo có sức thu hút bạn đọc nhan đề là “Con người chỉ sống bằng bánh mì”. Sự cô mặt liên tục của cô đã tạo ra sức nóng hữu cơ khiến thằng bé chẳng còn cách nào khác là một lần nữa lại quan tâm tới cơ bắp của nó, các động mạch và hệ thần kinh trong người nó. Thật ra nó đã bắt đầu yêu quý những thứ đó, giữ gìn chúng như kho báu, ca ngợi chúng bằng những bài hát ngắn ngủi ngộ phỏng theo lời của bài “Con người chỉ sống..”

Những ngón tay hồng tươi tuyệt diệu của tôi

Tâm hồn thoát tục của tôi.

Sự rắn chắc của đôi bờ vai

với hàm răng, đó là toàn bộ con người tôi.

Đối với cái miệng hần, hần tống vào đó đủ thứ táo, quả hạch, mầm thóc và dầu đỗ tương. Hần nói với các bạn cũ rằng: từ nay, tôi sẽ sáng suốt. Tôi sẽ kết hôn. Hần nói hần

(1). Michelangelo Antonioni (sinh 1912) đạo diễn người Italia (phim Gió nổi, kịch bản của Zabriskie Point).

sẽ bắt đầu một chuyến đi để hít thở bầu không khí thánh thiện... Còn mẹ thì sao, mẹ có làm như vậy không? Hấn hỏi với giọng tử tế.

Cuộc nói chuyện với hấn ngập tràn ánh sáng rực rỡ và tuyệt diệu đến nỗi đám trẻ hàng xóm trạc tuổi hấn bắt đầu nói rằng hấn chưa bao giờ là một kẻ nghiện hút mà chỉ là một nhà báo chuyên săn tin thôi. Bà mẹ đã nhiều lần cố từ bỏ cái thói quen của một người sống cô độc khi không có con trai và các bạn nó. Cố gắng này chỉ đạt mức độ tương đối. Cậu con trai và cô bạn gái của nó đã lấy cái máy in rô-nê bằng điện và mang đến vùng ven của một thị trấn khác. Chúng rất nghiêm khắc. Chúng nói rằng chúng sẽ không gặp lại bà nữa nếu bà không cai nghiện trong vòng 60 ngày.

Buổi tối một mình ở nhà, bà mẹ vừa khóc vừa đọc đi đọc lại bầy số báo của nhà xuất bản Oh! Con Ngựa Vàng. Với bà, chúng là những chân lí hơn bao giờ hết. Chúng tôi thường sang bên kia đường để đến thăm và an ủi bà. Nhưng khi chúng tôi nói tới bất kì đứa con nào của mình, dù chúng đang ở trường, ở bệnh viện hay đang trốn học về nhà, là bà lại khóc. Đứa con bé bỏng của tôi! Con bé bỏng của tôi! và những giọt nước mắt đau đớn cứ dùn dụa trên khuôn mặt kinh hoàng, héo hơn của bà. Hết.

Lúc đầu cha tôi im lặng, sau đó ông nói, “Thứ nhất: Con là người có khiếu hài hước. Thứ hai: Cha nhận thấy con không thể viết nổi một truyện ngắn đơn giản. Cho nên, thôi đừng lãng phí thời gian nữa”. Thế rồi ông nói giọng buồn bã, “Thứ ba: cha giả thiết rằng những điều đó có nghĩa là bà ta cô đơn, người ta cảm thấy bà ấy cô đơn, bà mẹ ấy. Cô đơn. Chắc là phải ốm chứ?”

Tôi nói, “Vâng”.

“Tôi nghiệp cho kiếp đàn bà. Tôi nghiệp cho những cô gái phải sinh ra trong thời đại ngu xuẩn, phải sống giữa những kẻ ngu xuẩn. Chấm hết. Chấm hết thôi. Con đặt dấu chấm hết ở đây là đúng. Chấm hết thôi”.

Tôi không muốn tranh luận, nhưng tôi buộc phải nói, “Ồ, không nhất thiết cứ phải đặt dấu chấm hết đâu cha ạ”.

“Phải chấm hết chứ”, ông nói, “Thật là một bi kịch. Sự kết thúc của một con người”.

“Không đâu cha ạ”, tôi van vỉ ông. “Sự việc không diễn ra như vậy. Ba ta mới chỉ khoảng 40. Với thời gian, và vẫn trong thế giới này, bà ta có thể biến đổi trăm lần khác trước. Một nhà giáo, một nhà hoạt động xã hội chẳng hạn. Một kẻ nghiện hút ngày trước! Đôi khi như vậy tốt hơn là biến mình thành bài học của một ông hiệu trưởng”.

“Đừng có đùa”, ông nói. “Nếu con là một nhà văn, thì đây là mắc mớ chính của con. Con không muốn thừa nhận điều đó. Nhưng đó là một bi kịch! Bi kịch thật sự! Bi kịch lịch sử! Không hi vọng gì nữa đâu. Chấm hết thôi”.

“Ồ, cha”, tôi nói. “Bà ta sẽ thay đổi mà”. “Trong cuộc sống riêng của mình cũng vậy, con phải nhìn nhận nó một cách trực diện”. Ông cầm lấy hai viên thuốc nitroglycerin (thuốc trợ tim). “Quay số 5, ông nói, tay chỉ chiếc đồng hồ trên bình oxy. Ông nhét ống thở vào lỗ mũi và thở sâu. Ông nhắm mắt lại và nói, “Thôi nhé”.

Tôi đã hứa với gia đình rằng bao giờ cũng phải để ông nói lời cuối cùng trong các cuộc tranh cãi, nhưng trong trường hợp này, tôi mang một trách nhiệm khác. Người đàn bà đang sống bên kia đường. Bà là trí thức cổ điển, là

sự phát hiện của tôi. Tôi lấy làm tiếc cho bà. Tôi sẽ không bỏ mặc bà ở đó, trong cái ngôi nhà đầy tiếng khóc kia. (Thật ra, không một cuộc sống nào khác với cuộc sống của tôi, lại không có những điều đáng thương).

Do vậy: Bà ta đã thay đổi. Tất nhiên con trai bà ta không bao giờ trở về nhà nữa. Nhưng ngay sau đó bà ta đã trở thành tiếp viên tại một bệnh xá ở khu nhà kho của thôn Đông. Hầu hết những người khách ở đây đều còn trẻ, một số là những người bạn cũ. Bác sĩ trạm trưởng nói với bà, "Giá mà trong trạm xá này chúng tôi có được 3 người, chỉ 3 người thôi, có kinh nghiệm như bà...".

"Bác sĩ nói vậy sao?" Cha tôi lấy cái ống thở ra khỏi mũi và nói, "Trò đùa. Lại một trò đùa".

"Không phải đùa đâu cha ời, sự thật đúng là như vậy, hiện giờ, cái trạm xá đó là một thế giới vui vẻ".

"Không đúng", ông nói. "Sự thật vẫn là trên hết. Bà ta sẽ trượt trở lại quá khứ. Mỗi con người đều phải có những tính cách của riêng mình.

"Không phải vậy đâu cha ạ", tôi nói. "Bà ta có tính cách chứ. Đó là bà ta đã có việc làm. Hãy quên đi mọi thứ. Bà ta đang làm việc tại khu nhà kho".

"Việc đó sẽ kéo dài bao lâu?" ông hỏi. "Thật là bi kịch! Con cũng vậy. Bao giờ con mới nhìn nhận vấn đề một cách

GEORGE EVANS

NGUYỄN ĐỨC THẮNG dịch

MỘT NGƯỜI CÔ ĐỘC TRÊN MẶT TRẮNG

George Evans là nhà thơ từng đoạt nhiều giải thưởng văn học ở Mỹ, trong đó có giải thưởng của Quỹ hỗ trợ Tài năng Nghệ thuật Quốc gia. Ông là tác giả của những tập thơ được đánh giá cao: Anh hình đêm, Dao mắt, Những giấc mơ bất chợt. Trường ca Đi dạo trong vườn địa đàng được coi như một trong những bài thơ hay nhất ở Mỹ trong khoảng năm năm qua.

Trong chiến tranh Việt Nam, George Evans từng là y tá của không lực Hoa Kỳ. Toàn bộ sáu người bạn học thời phổ thông của ông đều chết trận ở Việt Nam. Ông đích thực là nhân chứng trong truyện ngắn Một người cô độc trên mặt trăng tâm trạng cô độc của một con người có lương tâm trong một môi trường hoang vu đầy rẫy những kẻ phi nhân tính.

Tôi nằm duỗi dài trên chiếc giường cá nhân, vẫn đeo nguyên kính râm, đắm chìm nghe Jimi Hendrix qua tai

nghe. Vừa lúc một câu mệnh lệnh vang lên: *Ra ngay bãi đổ*.

Tôi đi ra ngoài trong trạng thái còn mơ màng, lững thững lách qua đám trẻ đang đánh súc sắc trên bãi đổ trực thăng và nhận ra rằng chưa đến phiên mình phải làm công việc đó. Lũ trẻ chơi trong khi đợi mẹ của chúng, những ả gái điểm nghiện ngập, đến đón về nhà trước giờ giới nghiêm.

Tại phòng cấp cứu, viên trung sĩ trực ban đang đánh bài phé tổ trên chiếc bàn nhộp nháp máu, ngược lên nói: “Có một điều ngạc nhiên dành cho mày ở đằng sau bức màn”, rồi lại cắm mặt xuống những quân bài.

Tôi vén các bức màn quanh chỗ làm việc, trong góc có hai bé trai trần truồng khoảng 10 tuổi. Trông chúng như còn đang ngủ, tôi nâng tay chúng lên, áp tai vào ngực từng đứa nghe ngóng và lắc cầm chúng.

“Cái gì đã xảy ra thế này?”

“Chơi khúc côn cầu với Việt cộng”, cả đám đánh bài đồng thanh trả lời.

Tôi đã từng nghe nói đến chuyện đó, nhưng không hề tin. Nghe đồn đó là một trò chơi khi những thằng lợn béo ở tuyến sau ngồi trên xe tải lao sầm sầm qua một cái làng, húc bay lũ trẻ con trước mũi xe. Có tới vài chục gã chơi trò này và cá cược với nhau.

“Có mấy con lừa lính mới húc chết hai thằng nhóc rồi mang chúng về đây”, gã trung sĩ nói.

“Hồ sơ bệnh án đâu?” tôi hỏi

“Làm gì có hồ sơ cho lũ cộng khốn kiếp này. Chỉ việc quẳng chúng ra đấy, dán mẩu gạc lên dít, buộc đầu gối lại, dính ngón chân lũ cộng con lại với nhau, rồi quẳng chúng vào nhà lạnh. Chắc hẳn có con lừa thương xót muốn

kiểu chúng đến nhà trẻ mồ côi. Hay là mày đấy, mày đâu có biết là mày đang nói gì”.

“Mẹ mày”.

“Mày nói cái gì?”

“Mẹ mày”.

“Mày bảo sao?”

“Mẹ mày”.

Hắn rút khẩu côn 45 ra khỏi bao dây lưng treo trên cái cột truyền máu, chĩa vào tôi, nhả nụ cười. Đúng ra thì hắn nhả mặt hơn là cười. Một tia vằn đỏ trong đôi mắt vàng đục của hắn chói lên. Tôi quay lại chỗ hai đứa trẻ và bắt đầu lau rửa cho chúng.

Hai cánh cửa mở đánh rầm. Những bức màn quây quanh các cánh thương gần như bị giật phăng xuống. Và một người đàn bà bắt đầu la khóc. Tôi nhớ ra khi nhìn thấy khuôn mặt đó. Chị ta tên là Vinh, làm trong bệnh xá làng và kiêm cả công việc lau rửa sàn nhà ở phòng giải phẫu. Hai đứa trẻ này là cặp con trai sinh đôi của Vinh.

Thỉnh thoảng, vào lúc sáng sớm, chị có đến phòng cấp cứu gom nhặt đôi găng tay cao su, một số thuốc thang gần hết hạn, miếng gạc, cuộn băng, cuộn bông là những thứ cần thiết trong làng. Một lần chị đã mang cả hai đứa con theo. Chúng tôi từng xem chúng la hét, cười đùa, đẩy chiếc cánh thương quay tròn trên đường băng bê tông, và còn dùng xe lăn tay đua với nhau vòng quanh bãi đỗ trực thăng. Trông chúng đầy sức sống vào một buổi sáng như vậy, còn chúng tôi tất cả chỉ cảm thấy chết chóc.

Vinh nhào tới chỗ tôi, kêu toáng lên và cào cấu mặt tôi. Thằng trung sĩ và đám bạn của nó cười rộ. Chị ta đá chân, túm tóc tôi, gương mặt bùng bùng, chị nhổ vào tôi cho đến khi môi khô rát. Tôi giữ hai tay chị cho tới lúc chúng tự buông xuống vai tôi. Chị rã rời nhìn tôi như một số người

Việt Nam vẫn thường nhìn, ánh mắt khát khao không còn đầu thiện cảm mà đầy vẻ cần thiết phải trả thù. Sau đó, chị quay đi xốc thẳng lại chiếc áo dài trắng đang mặc.

“Liệu có phải giết con chó cái này không”, gã trung sĩ khua khẩu côn 45 trên không trung, đứng dậy và leo lên trên một chiếc cang thương. Hắn gạt khẩu súng qua một bên, rồi lại vung trước vung sau, chìa về phía hai cái xác.

“Thôi đi, đừng có vờ vạy”, hắn đi sát nòng súng vào cổ tôi, “phải bắt mày đẻ con chó cái này ra ở đây mới được”.

Đám bạn hắn đang hút thuốc ở bên ngoài, cười nhạo nhỡ.

Gã trung sĩ quờ chiếc áo dài của Vinh, luồn tay xuống chỗ cạp quần chun, rồi vỗ vào háng, lật toạc chị ngay giữa phòng. Tay hắn giật lên giật xuống trong khi chị cố đập vào mặt hắn.

Tôi lật ngược một cái cột truyền máu và lao tới, nhưng hắn đã chìa súng vào tôi một lần nữa. Tôi nghĩ mọi chuyện sắp ập đến. Thế nhưng, một viên bác sĩ vừa bước vào vừa ta thán về cái máy điều hòa nhiệt độ trong khoang của mình khiến mọi thứ ước thì trở lại bình thường.

Gã trung sĩ nói: “Thưa ngài, cái máy đó quả thực là đồ chết tiệt”. Viên bác sĩ bộ dạng như thể đang mếu máo, khoác vai gã trung sĩ đi ra ngoài như với con mình. Chúng không trở lại nữa.

Tôi quần hai đứa trẻ vào những tấm ga và gọi cậu lính gác qua radio. Chúng tôi đi vào làng bằng một chiếc xe thiết giáp. Dưới thứ ánh đỏ mờ nhạt trong chiếc xe thiết giáp, hai đứa trẻ bất động dường như chỉ sống và động đập ở những chỗ gập ổ gà trên đường, còn Vinh nấc lên rên rĩ. Chị không thèm nhìn tôi, cũng không để tôi giúp chị mang hai đứa trẻ vào nhà.

Trên tay tôi khi chúng tôi đi khỏi. Và đúng lúc tôi trở lại, thì những đút pháo cối nổ bùng ra, những đường đạn nổi thành vệt bay lên các quả đồi, cố bắn trúng mục tiêu.

Có một cái gì đó hết sức tồi tệ sắp xảy đến. Tôi có thể cảm thấy điều đó. Chúng tôi đã làm những điều thực sự không thể tha thứ được. Tôi rung mình hoảng sợ rồi nôn óe đằng sau bệnh viện đến nỗi dạ dày dường như đang bị xe tóa ra. Khi cơn đau qua đi, tôi nhận ra rằng mình thường xuyên bị như vậy nhưng đã cố tự kiềm chế. Vinh và hai đứa con trai của chị là một khoảnh khắc trong một ngày đời vô tận.

Vào đêm hôm đó, trong lúc đổi phiên, tôi đã mở khóa vào phòng hành chính, chép lại bệnh án gần đây của gã trung sĩ về căn bệnh loạn giới tính và gửi chúng về cho vợ gã bằng một chiếc phong bì công văn, rồi ném mớ hồ sơ của hắn vào lò thiếu rác.

Sáng hôm sau, tôi gọi Weasel, một gã làm ở phòng Quân lực đã từng nhờ tôi dừng ghi chuyện những mũi tiêm bệnh lậu vào hồ sơ của gã. Gã hủy bỏ chuyển nghỉ phép của tên trung sĩ, xé vụn hồ sơ quân lực của hắn, gửi trả tiền lương của hắn về Tule, ở Greenland, rồi hỏi tôi có muốn làm cho gã kia tan xác hay không. Nếu muốn gã sẽ giúp tôi liên lạc với bọn Zigzag Man, một tổ chức bí mật sẵn sàng thủ tiêu bất cứ kẻ nào với một cái giá, đôi khi là nền nhưng thông thường là dối chác. Weasel giải thích, mọi thứ phụ thuộc vào giá chợ đen nhưng đối với các loại thuốc như darvon, aspirin, morphine, amylultrite và thoraxzine thì lúc nào cũng là mặt hàng chiến lược.

Tôi suy nghĩ, trả lời "không", rồi "có", rồi lại "không".

Một tuần sau, vào lúc quá nửa đêm, một gã lính trẻ mặc quân phục không lon, không phù hiệu ghi tên tuổi, mò đến bệnh viện bằng một chiếc xe Jeep cũng không có biển

hiệu gì nổi. Trông gã tuổi như một gã trai nhà quê đến từ những cánh đồng ngô. Chẳng có vẻ gì linh tráng cả, gã có đôi vai rộng và đôi tai trễ xuống. Gã nâng nạc đùi nói chuyện kín đáo nên chúng tôi cùng đi ra bãi đỗ trực thăng. Cung cách của gã thay đổi hẳn. Từng lời nói không hề hài hước cũng chẳng hào hứng mà đầy mờ ám.

"Này bác sĩ, ông sẽ được như ý. Hai túi aspirin và darvon, còn popper có thể bỏ lại, chỉ cần giấu trong chiếc Jeep là xong".

"Mày nói cái gì vậy?" Tôi sững sờ.

"Thằng trung sĩ ông muốn tuần trước đó thôi".

"Chẳng ai nhờ đến mày cả".

"Ông nói cái quái quỷ gì thế?"

"Tao đã bảo Weasel là không".

"Xin lỗi về chuyện này nhé, nhưng vụ kết liễu đang được thực hiện. Đã quá muộn rồi. Tôi chỉ đến để hoàn thành nốt. Và đừng có chơi vào Weasel đấy, hắn chỉ cần ấn một cái nút thì đời ông cũng uổng luôn. Hắn điều hành cả cái căn cứ khốn kiếp này".

"Tao sẽ không đưa cho mày những thứ chết tiệt đó đâu. Hãy giữ lấy thân mày mà chuẩn bị và chặn việc đó lại ngay".

"Hắn ông đã nghe nói về dân Michigan rồi chứ, bác sĩ? Nếu ông không thực hiện, tất cả những gì tôi có thể nói với ông là một thằng Michigan thù rất dai và cánh tay dài của hắn có thể lôi được ông ra từ bất cứ một xó xỉnh nào".

Ánh đèn trong bệnh viện hắt ở phía sau gã. Từ khuôn mặt trống rỗng đó từng lời cứ tuôn ra chậm rãi và chắc chắn.

"Đó là sự lựa chọn của ông", gã nói, rồi bỏ đi tới chỗ chiếc Jeep, đốt một điếu thuốc. Que diêm bùng lên rồi tắt ngấm.

“Vậy nếu tao đưa cho mày thuốc để chặn việc đó lại thì sao?” Tôi hỏi.

“Không có gì bảo đảm cả”.

“Thật chớ má”.

“Ông không biết ông đang ở đâu phải không? Đây không phải là trần thế! Mọi người ở đây đều chuồng những thứ gì chắc chắn. Đó là sở thích. Dù sao thằng trung sĩ đó cũng là một vụ lớn phải không? Ông còn quan tâm cái chó chết gì ở đây nữa? Nếu ông không làm thì rồi một ai đó cũng sẽ làm. Ông đã nghe bài ca ấy chưa?”

Tôi bảo gã đợi, rồi đi vào kho thuốc lấy aspirin và darvon, quăng chúng vào trong chiếc Jeep.

“Không có popper. Hãy hủy bỏ việc đó đi”.

“Tôi đã nói rồi, không có gì bảo đảm hết, có thể cố gắng nhất thì tôi sẽ thay đổi hình phạt xuống mức dùng lựu đạn khói”. Gã cười và lắc đầu: “Tôi đã nói rồi, ông chẳng biết ông đang ở đâu phải không”.

Đêm hôm đó, tôi đi vòng quanh lán của tên trung sĩ hàng chục lần, chăm chăm nhìn qua những chiếc màn chống muỗi ở nơi có những bức vẽ hình Elvis bằng nhung đen treo chung quanh chỗ kê đầy những chiếc tủ lạnh dùng chung. Dấu đó ở gian trung tâm, gần bằng những bức màn nhựa rách nát, một đĩa nhạc của Patsy Cline chơi rất chậm, lặp đi lặp lại suốt đêm.

Tôi lững thững đi ra vòng ngoài của doanh trại, dạo theo lối mòn được rào dây thép gai. Tôi tự hỏi nếu mình chết thì sao? Đó là một cảm giác rất lạ, một câu hỏi tôi không trả lời nổi.

Suốt ngày tôi đã nghe đài quán sữ nói về một người, một người Mỹ, lần đầu tiên đã đổ bỏ được lên mặt trăng. Những thành tựu này chẳng có nghĩa gì đối với tôi. Tôi ngước lên trời, cố nhìn xem anh ta ở đâu. Anh ta là ai, anh

ta đang làm gì và liệu anh ta có thể nhìn thấy những hồ bom do chính chúng tôi gây ra hay không.

Sáng hôm sau, tôi đến phòng Quân lực và đối mặt với Weasel. Khi tôi kể cho hắn những gì xảy ra, hắn gần như đã xỉ mũi vào cốc cà phê và nói:

“Này, thằng trung sĩ đó thắng qua đã có hai đơn đặt hàng khác. Ông cần gì phải quan tâm đến nó. Chúng nó chỉ cần dè nghiêng ra rồi bóp chết bất cứ kẻ nào mà chúng lườm đến”.

“Vậy làm thế nào chúng sẽ hiểu được chuyện của tôi?”

Weasel tắc lưỡi, rót một cốc cà phê mới rồi lại nhổ vào đó.

Hắn nói: “Tôi đã bảo bọn chúng rồi”.

Hắn ngoáy đường trong cốc cà phê bằng ngón tay vừa quét vào gót giày, tộp một ngụm rồi đưa qua cho một gã lính trẻ mới vào đổi phiên.

Weasel cười và ra hiệu cho tôi đi ra ngoài bằng một cái hất hàm.

“Này, ông Đốc-tờ!”

Tôi ngoái nhìn lại qua bức bình phong.

“Mẹ của ông đã sang đây”, hắn nói, lại nhổ vào cốc cà phê khác, “Ông cũng không dám chắc ông biết bà ta là ai chứ?”

BREECE D'J PANCAKE

LÊ THỊ THANH MINH dịch

KẸ CHẾT TRONG DANH DỰ

Breece D'j Pancake sinh tại West Virginia, được coi là một trong những nhà văn Mỹ xuất sắc đương đại. Ông tự tử năm 1979, khi mới 26 tuổi.

Ngắm bé Lundy tiếp tục ngủ thiếp đi tôi cứ ước chi đừng kể cho nó nghe về bộ tộc Người Chôn để đỡ cho nó thôi khóc. Nhưng tôi không biết là nó đã ngó thấy cách họ nhìn nhau trong bóng tối. Nó khóc vì con mèo bị xe cán chết: con mèo của nó bị xe cán trong lúc chạy ra đường cách đây một năm, nhưng chỉ mới hôm nay bé Lundy khốn khổ mới biết. Lundy rất khác với mẹ nó. Ellen chẳng bao giờ tỏ ra lo âu việc gì, bởi vì bà phải mất nhiều thời gian mới có thể nhận ra vấn đề và Ellen không hề bị mất ngủ. Tôi nghĩ đám con của tôi quá nhạy cảm, nhưng Lundy là con gái của người đàn bà đó, không sôi nổi như đám con tôi.

Ông nội tôi đã di truyền sự tinh tế trong dòng máu Shawnee của mình, từ bà mẹ lai của ông, nhưng sau đó ông còn kế thừa thêm những thứ khác. Thậm chí ông còn

thuộc câu thần chú nhằm làm cho máu ngừng chảy, nhưng tôi không nhớ những lời đó. Ông là một người thợ săn tài giỏi và tất cả chúng tôi lúc này lúc khác lại cứ ngộ nhận ông. Nhưng cuối cùng chính là Ray làm việc tại nhà máy đường đã chop được ông, nhưng lúc ấy ông đã rất già và trí óc không còn chính xác nữa. Ray chỉ rón rén bò từ phía sau đến, đặt một bàn tay lên vai ông, và con chim già nua ấy thậm chí không buồn quay lại; ông chỉ vểnh đầu lên và nói:

- Bàn tay Ray đây. Nó chính là người dẫn tiên đã đưa cọt với tao.

Trước kia Ray chẳng hề làm vậy bởi vì ông già chẳng bao giờ trở lại một nơi đông người lần nào nữa, và mãi cho đến khi ông mất chúng tôi mới mặc được quần áo cho ông.

Tôi tắt đèn, không còn nhìn thấy cặp mắt nào lớn vồn trong phòng Lundy nữa và thế là tôi mới biết tại sao nó hay hoảng sợ như vậy. Ngày hôm qua tôi đã kể cho nó hàng loạt những chuyện thám sát và lộ da đầu, trộn lẫn với những tuyến đường của bộ tộc Người Chón với bộ tộc Shawnee và Lundy lại liên tưởng việc ấy với bãi chôn người ở đồng cỏ phía sau. Ngày mai tôi sẽ điều chỉnh con bẻ. Điều chắc chắn duy nhất tôi biết về bộ tộc Người Chón là họ lẽ ra phải tin vào Thượng Đế, do đó không được làm những nắm mộ lớn đến như vậy.

Tôi mặc áo khoác, băng vào bóng Jem băng giá và đi bộ xuống phố. Chỉ còn một giờ nữa là trời rạng sáng và cả hai lối đi còn đường Pike đều vắng tình, nên tôi băng qua vịnh vắng vẻ và thả thuyền vào đến Rock Camp. Tôi vẫn

tiếp tục hồi tưởng về mùa hè tôi và người bạn thân là Eddie đã đào xới cái bãi chôn người, lấy ra rất nhiều đầu mũi tên và những hạt chì đang ngả màu xanh và gần như mục rữa. Chúng tôi đang đào xuống tới một lớp dầy đặc xương sọ thì thỉnh thoảng ông nội chìa ra cho tôi thấy một mảnh xương mỏng và rú lên:

- Wah-pah-nah-te-he!

Ông vung tay quanh người và tôi có thể thấy Eddie đang ngồi sụp xuống tại chỗ. Tôi biết tất cả chỉ là dấu hiệu của bộ tộc Injun, nên tôi ngừng tay, nhưng Eddie ngồi xuống như thể sắp sửa đầu hàng.

Ông nội tiếp tục:

- Wah-pah-nah-te-he! Mày tệ quá. Đào xới tan hoang vùng đất. Bây giờ hãy chôn mở xương tồi tệ này xuống, nếu không tao sẽ mang hết đồng xương về cho lũ con ngu ngốc của mày coi!

Ông ngoắc chúng tôi chôn lại đồng xương, rồi vẽ hình một người đàn ông lên trên cát - một người cúi thấp, quay về phía mặt trời:

- Thôi, về thôi!

Ông rảo bước qua thảo nguyên.

Eddie nói:

- Anh là Phụng Hoàng Đỏ. Tôi là Điều Hầu Đen.

Tôi biết anh ta đã thích trò chơi ấy rồi. Ngay lúc đó tôi cũng thể nói với Eddie rằng nếu như ông nội trúng giải ba mươi bốn đôla thì hẳn ông đã sẵn sàng đánh đổi tất cả cho những tiếng Injun: "Wah-pah-nah-te-he", ôi, con lừa béo mập của tôi.

Nên tôi cũng đi và cố bắt chước Ellen, đếm những vết dừng-bước-ra-ngoài nguy-hiểm trên đường. Những tuyến đường phía Đông chấp với tuyến phía Tây: 26-17. Tại nhà, Ellen yêu dấu của tôi đang ngủ, không hề biết là ai đã thắng cuộc. Đôi khi tôi tự hỏi không hiểu Ellen có nhìn thấy Eddie đang sắp lìa bỏ cõi đời chưa. Có nhiều tia sáng trong lớp băng giá và tôi đếm cho đến khi nhận ra mình đang đếm chồng chúng lại lần nữa. Chắc Lundy sẽ gọi những tia sáng ấy là những cặp mắt bộ tộc Người Chôn và nhìn thấy chúng như những dấu hiệu không hề có thông điệp, hèn tự đặt thông điệp riêng cho chúng rồi phát hoảng lên.

Tôi rẽ sang đường Pike trên ranh giới với đường Front, đi ngang qua mấy khung cửa của các cửa hàng tối ngòm, ngấm hình mình di chuyển trên những ô trống, lần qua hết khung cửa này rồi tới khung cửa khác. Tôi ngồi trên những bậc thềm của một Ngân Hàng cũ, chờ mặt trời trái nắng lên đôi, giống y như đang chờ xe lửa đến, chỉ có điều tôi không cầm một miếng xà-bông, tự hỏi là liệu tôi có nên nhét nó vào dưới cánh tay để kéo áp huyết lên tới nhiệt độ 41° không. Áp huyết tôi đang cao sẵn, nhưng chỉ một miếng xà-bông cũng sẽ làm cho nó lên tới đỉnh cao. Tôi ngo quanh đường Front và ngo người qua ke lại, cũng những nơi chốn không hề hạn tâm ối đã nhiều năm nay: tôi tự hỏi không hiểu có phải đó là con đường dành cho Eddie không.

Tôi giơ một bàn tay ra như thể có một miếng xà-bông trong đó và nhìn màn trắng phản chiếu sắc xanh từ ánh đèn đường. Và tôi nhớ lại bàn tay Eddie đặt trên nền nhưng

xanh rêu, những đốt ngón tay vươn ra, tạo điểm tựa cho việc bắn Binh Tám, hay tôi nhớ lại cách bàn tay Eddie cong lại quanh bít chì để che những câu giải đáp trong giờ học toán. Tôi nhớ bàn tay anh nắm đầu mũi tên nơi một vòng cung chặt, nhưng tôi không tài nào nhớ được gương mặt anh.

Nhiều năm trôi qua rồi, vào Ngày Lễ Trang Hoàng, cha tôi cùng với mấy người nữa đang mặc áo khoác bộ tộc Ike và tôi thì tham gia diễu hành. Tôi đi diễu ngang thành phố để đến khu nghĩa địa mà trời thì mưa; sau đó tôi ngó người ta tiến lên một cách mạnh mẽ và cứng nhắc theo từng mệnh lệnh, và tiếng điểm giờ kề cận, tiếng vũ khí va chạm nhau vang dội đến bốn lần. Mưa bốc mùi từ đồng lửa họ đốt và từ những bộ đồng phục bằng len ẩm ướt của họ. Người ta ngừng lại và nhạc trường hô. Tôi bước lên để trình diễn, hơi chậm lại một chút và một đứa bé băng qua những ngọn đồi đáp lại tiếng gõ của tôi. Tôi hoàn tất trước nhất, nhặt tù và của mình lên. Và khi âm điệu cuối cùng thấm qua màn sương, âm điệu ấy đập vào tôi và tôi có thể thề là đã nghe tiếng lộp bộp của cánh tay Eddie đập vào nắp áo quan gọi chúng tôi ngừng lại.

Tôi ngó xuống bàn tay đang cầm chiếc tù và, một miếng xa-bông. Tôi ngó bàn tay tôi, trổng trãi, già cỗi, tự khẳng định là không có một miếng xa-bông nào trong tay cả. Tôi dùng bàn tay kia đếm tất cả năm ngón tay, tự nhủ thậm chí là mấy ngón tay đó sẽ nằm yên một lúc khá lâu. Tôi lấy một chiếc thuốc ra hút. Lúc đi ra khỏi đường Pike, những cuộc đua xe đầu tiên lướt đi trong bóng tối vì biết

rằng chẳng có gì cản trở đường đi. Tôi nghĩ đến Eddie thả xăng ra, cùng tôi xuôi xuống Pike, hướng về phía cầu.

Ngày hôm đó trời trong, nhưng những tia chớp cứ nhấp nhàng ở phía trời xa. Tôi không thể ngồi yên trước sự phấn chấn ấy, không thể ngồi yên chờ xem chuyện gì đã xảy ra.

Tôi nói:

- Anh có nghe gì không, anh bạn? Tôi cho là người ta vừa thả bom.

- Nghe thấy à? Tôi còn cảm nhận nữa kia. Trái đất khốn khổ cứ rung rinh hoài.

- Rồi đây cho đến mãi về sau khó mà quên tiếng động ấy.

- Chắc rồi.

Những chiếc xe hơi bị chặn lại ngay điểm đích và đám đông cứ lớn dần lên. Eddie lùi lại sau chiếc xe tuần tiễu, len qua đám đông, rồi giơ cao chiếc ví cho thấy phiếu chứng nhận là thành viên tình nguyện của đội cứu hỏa. Tôi lùi lại, nhưng theo lối đi mở ra cho đội cứu hỏa, tôi thấy lửa đã bốc lên và tất cả những gì còn lại của chiếc Chevy của Beck Fuller đang bị cháy nám, phần còn lại của chất kim loại chảy và văng ra khỏi xe. Tôi biết đó là xe của Beck nhờ số khung sắt 51, và tôi biết chuyện gì đã xảy ra. Beck chạm vào chất nổ và ngòi nổ, và bản thân anh đã trở thành một trò thể thao thật sự vào giờ cuối. Beck không thể có trong đầu một khái niệm là anh phải giữ ngòi nổ ở xa TNT.

Sau đó có một nhân viên cứu nạn gào lên:

- Thôi đi, nhường đường cho người bị nạn chớ.

Eddie và một số lính cứu hỏa khác nhặt những mảnh còn sót lại của Beck Thể Thao bỏ vào trong những chiếc túi. Tôi quay đi để tránh nón mưa nhưng mùi tóc cháy vẫn đuổi theo. Tôi biết đấy chỉ là mùi tóc nhồi trong đệm xe, không phải tóc Beck, nhưng tôi dựa người vào chiếc xe tuần của cảnh sát, nón ra bánh tây vừa ăn. Tôi muốn ngừng nón mưa, nón mưa vì mỗi chuyện ấy thì thật là trái khoáy. Qua tiếng ho tôi còn nghe người đội trưởng cứu hỏa hối thúc Eddie chỉ nên thu nhặt những mảnh lớn, còn những phần khác thì bỏ lại.

Eddie không ngồi ở đây với một miếng xà-bông trong tay. Anh không bao giờ gặp việc lớn lao đến như vậy, nhưng anh vẫn chẳng thể ngồi đó với bất cứ miếng xà-bông nào trong tay. Eddie sẽ không bao giờ nghĩ đến việc ném những ngón chân đi hay cắt bỏ ngón tay trở. Đó không phải là kiểu suy tính của anh. Eddie là kiểu người tham gia trò chơi rất sớm và khi mọi việc đã trở thành trò cũ, anh thả nắm tay lại một trăm năm còn hơn là khoanh tay. Đó chỉ là cách ứng xử của anh thôi.

Tại cuộc chơi Bánh Tám, tôi ghi điểm trong khi Eddie thua trắng. Những trái banh kêu rảng rặc nhưng chẳng hề lăn vào hố và tôi chạy vòng quanh bàn để nhặt những quả banh. Tôi phát biểu:

- Tham gia trò chơi này thật là khùng!

- Đúng là địa ngục... Tôi biết gò hàn. Hồi nhỏ tôi bị đẩy vào trường gò hàn và tôi đã là thợ hàn chánh cho chiếc Norfolk.

- Chiếc tàu sẽ rời lên đầu anh cho coi!

- Nào, Phượng Hoàng, đi thăm đám bạn với tôi không?

- Tôi với Ellen đã tính đi thăm. Tôi cũng sẽ thử thời vận. Có lần tôi bắn thử và trúng tới ba lần.

Eddie nói:

- Rõm!

Tôi đánh bốn trái nữa lăn xuống, bỏ trái banh vào túi bên và đứng lại chỗ cũ nghiêng răng với anh ta. Trái banh rơi đúng vào chỗ tôi cần, nhưng tôi không bao giờ tin đã bắn trúng và tôi cũng không ngó Eddie, chỉ nghe rằng thôi.

Tôi ném điếu thuốc xuống đường mướt và dưới ánh đèn đường màu xanh nó chiếu sắc cam. Tôi nghĩ màu sắc ấy đối với Lundy sẽ giống như một con mắt khác, một hồi sau đó nó sẽ ngó thấy nhiều con mắt trong đêm, và những con mắt ấy sẽ chẳng gây tác dụng gì nữa. Những con mắt sẽ biến đi, chẳng bao giờ trở lại, thậm chí tôi có nói là khi lớn lên nó sẽ chẳng còn nhớ gì nữa. Thế thì những con mắt thật sẽ làm nó đủ kinh hoàng rồi. Nó là con gái của Ellen và đôi khi tôi muốn hỏi Ellen là có ngó thấy Eddie lần cuối không.

Hồi trước tôi ngồi cùng với cha tôi trong bóng chiều của kho lúa để hút thuốc, ông khom người xuống, vốc một nắm sỏi và dùng ngón tay cái búng chúng đi. Ông nghe tôi nói về Canada, và mỗi hòn sỏi rơi xuống ứng với từng ý nghĩ của cha, rồi cha đứng dậy, phủi bụi bàn tay, nói:

- Cha chẳng quan tâm đến xứ sở ấy cho lắm. Cha và Howard gần bỏ với cái tôn giáo xứ này rồi, chẳng hề nghĩ đến chuyện chạy đi đâu nữa.

Nhưng, cha ơi, khi con thấy Eddie trong chiếc túi ni lông ấy...

Cha gào lên:

- Thế thì quỷ thần ơi mày nhìn làm gì vậy? Nếu mày không thể quên được thì mày chẳng nên nhìn. Mày tưởng tao không nhìn sao? Tao thấy cảnh đó và cảnh tệ hại hơn nữa, Chúa ơi!

Tôi chà mặt bằng một bàn tay, vòng một cánh tay lên gáy, định bụng sẽ trở về ngủ với Ellen. Tôi nghĩ nếu ngủ với Ellen tôi chẳng buồn quan tâm ai thắng. Tôi sẽ chẳng đếm xỉa gì cũng như chẳng buồn biết những dấu hiệu có ý nghĩa gì, và tôi sẽ chẳng giống như một con chó nào đó đi đào bới xác chết để tha vào.

Lúc Eddie còn trong trại làm giấy, tôi và Eddie thường ngồi trấn trụ trong chuồng bồ câu vào lúc nửa đêm, gãi vì họ chết trong rơm. Ellen tiếp tục chúi mũi vào một cái thùng chứa đầy sách cũ và giấy tờ, và lấy ra một bó thơ cột bằng dải biển. Cây đèn pin của cô chiếu vào mắt tôi khi cô lùi lại bên cạnh, và việc ngó cô đi dọc theo lối đi có sơn màu bằng ánh sáng còn sót lại trong mắt tôi khiến cho tôi nghĩ rằng cô ấy sẽ trở thành vợ mình. Cô ném xấp giấy vào lòng tôi và tôi thấy đó là những chiếc bao thơ cũ hình chữ V khi xưa cha tôi dùng hồi chiến tranh. Ellen nằm giữa ra, tựa đầu vào đùi tôi và tôi dùng đèn pin để đọc thơ.

"Các con thương yêu,

Hiện cha đang ở... (địa danh bị cắt đi)..."

- Sao?

Cô nằm sắp xuống ngó tôi.

Tôi nhún vai:

- Chắc ông không biết lẽ ra không được nói như thế.

“Cách người ta đối xử với nhau thật là tệ. Cha thấy có một người tù bị bỏ đói đi lang thang ngoài đường và cha mang người đó vào trong một nhà tế bần của người Đức.” Tôi cảm thấy lưỡi của Ellen lướt giữa đùi tôi và tôi rùng mình nhưng vẫn cố đọc.

“Người ta chẳng làm gì cho người ấy cả, cho đến khi cha phải rút súng ra can thiệp và Howard cũng nhảy lên cùng với cha cho đến khi người ấy ăn được bữa cơm ra hồn khốn kiếp ấy.”

Tôi tắt đèn pin, nằm xuống bên cạnh Ellen. Trước đây cha tôi chưa từng kể câu chuyện này.

Nhưng bây giờ thì không đơn giản như lúc trước nữa, không dễ gì nằm bên cạnh Ellen mà không biết, hay không muốn biết, nụ hôn có tác dụng gì. Thật dễ rời nhà với một miếng xà-bông trong túi: chỉ có khó nhất là ngồi đây và nhớ lại.

Tôi đi băng qua gian phòng với những đứa con nít từ các lớp đổ ra và ngồi với Eddie tại bậc thang trên cùng. Anh nhe răng cười với tôi, nhưng không còn là gương mặt ấy nữa. Gương mặt anh đã biến đổi; một gương mặt trở nên đồ bưng vì những đứa trẻ cứ cười nhạo bộ đồng phục của anh hoài. Anh đứng ở phía sau đoàn diễu hành, chiếc nón thủy thủ gắn ở thắt lưng, đầu anh ngả ra phía sau để ngó tôi, rồi anh ta lừa bàn tay quanh người như Jackie Gleason đang bắn phát cuối cùng. Chúng tôi di chuyển xuống cuối phòng để tìm cuốn sách của tôi. Tôi hỏi:

- Anh định đi à?

- Thứ thuốc quái quỷ! Tôi nói là tôi đang đi tàu.

- Bao lâu? - Tôi la lên cùng với tiếng leng keng của ổ khóa.

> Mười ngày! - Anh nói, rồi nín lấy lá cờ nhỏ xíu treo ngược trên khung cửa bị khóa mới vừa mở cửa tôi. - Tệ quá.

Tôi ngó anh cho đến khi anh đi khuất dưới những bậc thang rồi đi lấy sách, bước vào lớp.

Những vết chai trong lòng bàn tay tôi cứ lổm đổm vết nám khuất dưới da: đó là những mảnh than lẫn vào bàn tay tôi trong một lần ngã khi chạy đua tiếp sức. Da tôi đã liến mặt trên những mảnh than ấy và nếu muốn lấy ra thì phải tốn khá nhiều tiền. Đôi khi Ellen muốn dùng kim nhể chúng ra, nhưng tôi không chịu. Đôi khi tôi cứ muốn hỏi Ellen là cô có thấy Eddie khi ra đi lần cuối không.

Coach nói là tôi không thể chạy đua vì bất cứ kẻ nào cũng có thể tham gia đội chạy đua, thành thử tôi đành ngồi dưới chiếc cầu có mái che chờ đến giờ về nhà. Mỗi chiếc xe chạy ngang qua đều có làm văng một ít bùn lên những chiếc băng và bắn một ít lên mái tóc tôi.

Tôi nhìn dòng sông nhỏ hẹp cuộn chảy, nước sông chảy chậm nhưng vẫn bùn giống như trong hình ảnh về những con sông trên chương trình tin tức truyền hình. Trong giờ lịch sử, Coach nói là lực lượng Liên Quân đã tấn công chiếc cầu này, chiếm giữ chiếc cầu, nhưng đã bị một nhóm người của Sherman trên Đồi Company đánh lui. Nhóm người ấy có tìm thấy một ngọn suối trên Đồi Company. Johnny ngã quy do bị thương hàn và quân Yankee phải

chạy về phía Nam. Do đó tôi đứng lên phủi bụi khỏi quần áo. Tóc tôi để bù xù kể từ khi Eddie ra đi và tôi gội đầu mỗi tối.

Tôi đặt nắm tay dưới cánh tay giống như miếng xà-bông và ngó những mạch đập trên mu bàn tay tăng dần huyết áp. Có những vết sẹo do ném vòng hay lái xe tải; giống hết những vết sẹo của cha tôi.

Chúng tôi đi bộ ngoài đồng, kiểm tra những cây con coi có bị cháy lá hay sâu bọ không, mặt trời buổi tà dương dát bạc lên mái tóc cha tôi. Ông nhai ống điếu rồi đứng choãi một chân trên đầu gối và đập lá thuốc vào giấy.

Tôi khai mào:

- Cha ơi, con muốn đi học, cha à!
- Trồng trọt thì có gì là xấu đâu?
- Không, cha à, không có gì xấu cả nếu như cha chỉ muốn trồng trọt thôi.

Cha tôi băng qua những hàng cây để đến bên tôi và tôi nhồm dầy để phòng như Eddie vẫn bày cho tôi.

- Tốt lắm! Thật là tốt! Cha tôi thối lên. - Khi nào thì đến lúc đây?

Tôi thôi để phòng:

- Khi nào con tốt nghiệp thì đó là cơ hội duy nhất để con bước ra ngoài.

Cha tôi nhồi thuốc vào ống điếu, quay quanh chỗ đứng như thể đang tìm kiếm một cái gì rồi ngừng lại, ngoảnh nhìn lên trời.

- Chính cái tên chết tiệt của mày đã mang ý nghĩa ấy. Lúc mày vừa chào đời cha tao đã nói, “Đặt tên nó là William Haywood đi, và nếu nó chịu đi làm thợ mỏ thì ta chỉ mong nó chết ngộp cho rồi.”

Tôi nghĩ đó là một điều tồi tệ mà Ông Nội đã làm, nhưng tôi ngó cha, hi vọng ông đồng ý cho tôi đi.

Cha bắt đầu:

- Ai đi học cũng mong mỗi trở thành một người tốt đẹp hơn. Chà, khi ai mà đi theo con đường này, thì cũng có lúc phải ngó quanh, con biết không? - Cha giơ hai bàn tay lên về hai hướng - Cha không bận tâm nếu như người ta chấm dứt việc sàng bụi vàng, ai đó mới bắt đầu đào mặt đất khốn khổ này lên. Kể nào đó đã làm như vậy mà!

Và tôi đáp:

- Dạ, vâng.

Bầu trời màu xanh thẫm và sương mù giống như màn khói lạnh la đà trên mặt đất. Trong tia nắng đầu tiên, bàn tay tôi ngả màu xanh, nhưng không lạnh; có nghĩa là chẳng bao lâu nữa sẽ lạnh lắm đây, nhưng bây giờ thì bàn tay tôi còn ấm.

Rất nhiều lần ông nội kể lại lần đình công cuối cùng trước khi ông bỏ nghề đào mỏ, chính cuộc đình công ấy đã làm cho thung lũng chìm vào lãng lẽ. Ông đã không làm động tác Injun khi kể lại, giống như chuyện ấy đã sống lại, tất cả trước mặt ông và chẳng bao lâu tôi bắt đầu nghĩ rằng chính tôi là kẻ bị những con bò mộng Baldwin rượt theo. Tôi chạy băng qua khu rừng cho đến khi lưng tôi đầm

máu. Tôi có thể ngó thấy những người thuộc gia đình Baldwin và lũ chó trong khu rừng tối. Tôi có thể nhớ những khẩu súng máy làm đổ gẫy những cọc rào và tất cả những gì tôi có thể nghĩ là Tập Đoàn I lớn đã đổ sụp vào hố chuột như thế nào. Thế rồi tôi có thể nếm thấy vị ấy trong miệng mình, máu trào từ phổi tôi lên miệng, cảm thấy vỏ sù sù của rễ cây lúc ngã sầm xuống, ngủ thiếp đi. Khi mở mắt, tôi cảm thấy là lạ trong ruột, bồn chồn. Không phải là sự hồi hộp mà chỉ là cảm thấy một cái gì đó thật gần. Biết rằng đó là một người, một người, đang truy lùng tôi, tôi chộp lấy khẩu súng trường. Tôi có thể nghe thấy tiếng người ấy thở, hướng về phía tiếng động, biết rằng cảnh tượng duy nhất chính là tia chớp lóe lên. Tôi biết cả cuộc đời tôi dựa vào việc giết chết người đàn ông ấy, người dòng họ Baldwin chết tiệt ấy, nhưng tôi chẳng làm được. Tôi nghe người ấy chạy núp dưới gầm cầu, săn đuổi con mồi hệt.

Tôi gập hai cánh tay lại như tôi đã từng làm buổi sáng chiếc xe bus đi tới. Tôi nghĩ đến ông nội mình và có một miếng xà-bông dưới cánh tay tôi. Tại một điểm sinh học nào đó, huyết áp tôi nghe rất rõ và người ta bắt tôi nằm viện bốn ngày. Huyết áp chẳng hề xuống và ngày thứ tư một lá thư đến. Tôi đã đọc trên chuyến xe bus về nhà.

Eddie nói anh đã ở cùng một nhóm Jarhead tại Crotch và sửa chữa phụ tùng phát thanh ngoài đồng. Hắn nói nhóm USMC ghét hắn lắm vì hắn là "loại hải quân. Hắn nói thức ăn thì thiếu, chỗ ở thì ồn ào, và phía ngực bên trái trở màu vàng vì phải ứm khối thuốc trong áo ban đêm. Và

hắn nói hắn biết gà nọ cảm thấy khó chịu khi David sai hắn đi đánh cá bằng vợt gã. Eddie nói hắn muốn đánh cá bằng Ellen, ha, ha. Hắn nói sẽ cưới vợ và sẽ cho tôi vợ hắn nếu như tôi giúp hắn thoát khỏi chỗ ấy. Hắn nói người ta uống bia bằng chai Schlitz, nhưng hắn biết chắc là còn một điều gì khác nữa. Eddie biết chắc gã sĩ quan chỉ huy là một kẻ đồng tính luyến ái. Hắn nói hắn muốn Ellen trần truồng, nhưng nếu hắn còn mặc quần áo thì muốn tôi phải trần trụi khi hắn trở về. Hắn hỏi tôi có nhớ là hắn đã từng dạy tôi cách dùng thuốc lá đốt mấy con đĩa không. Eddie thể thốt là hắn học cách đó từ một phim có nhân vật chính chết vì thiếu thuốc lá. Hắn nói hắn có rất nhiều thuốc lá. Hắn nói hắn sẽ chẳng bao giờ đi Đông Phương vì người ở đó chẳng có lông ở bộ phận sinh dục, và hắn cá với tôi là hắn biết màu lông của Ellen. Hắn nói lông cô ta có thể là màu nâu nhưng có thể ở bộ phận ấy là màu đỏ. Hắn nói hắn đang nghĩ làm sao có thể chào Ellen cho đến khi trở lại. Đôi khi tôi muốn hỏi Ellen là cô ta có thấy Eddie lúc hắn ra đi lần cuối không.

Khi tôi trở lại, Ellen gặp tôi tại cửa nhà, ôm chầm lấy tôi, và bắt đầu khóc. Cô ta rất tốt với Lundy và tôi nói về lá thư của Eddie gửi lời chào. Cô ấy khóc một chút và tôi biết Eddie sẽ không trở lại.

Ánh nắng chói đỏ và những tia chớp xanh, chuyển hướng màu sương, chạm vào những con đường đá của Trại Rock viên toàn đá đỏ. Những ngọn đèn đường sáng lên và dấu hiệu giao thông ở phía xa của đường Front chớp hoài;

chẳng chặn được gì, chẳng lưu ý điều gì, chẳng thúc giục điều gì.

Tôi đứng lên và các khớp xương kêu rắc rắc vì ngồi quá lâu. Nhưng các thớ thịt trên mặt tôi nóng bừng vì ánh mặt trời buổi sớm. Tôi leo lên mấy bậc thềm của Nhà Băng Cũ, lấy xà-bông vẽ hình ma quỷ lên cửa kính. Tôi tự nhủ thăm hình ma quỷ ấy là hình Eddie và dùng tay áo lau đi. Rồi tôi thấy một chiếc xe bus chạy xuống đường Pike, làm tan sương sớm. Rồi tôi đi xuống đường. Anh ta chẳng dừng lại để gặp tôi. Tôi không thể đi đâu và tôi chẳng thể bắt Eddie đi đâu, nên tôi về nhà. Và khi đi bộ xuống con đường xe bus chạy qua, tôi cá với mình với tỉ lệ một ăn một triệu là Lundy của tôi đã thức giấc và đã coi phim hoạt hình, và tôi cũng cá là tôi biết ai sẽ thắng.

THOM JONES

PHAN THU HIỀN dịch

CON NGỰA TRẮNG

Thom Jones chỉ mới bắt đầu nổi lên trên văn đàn Mỹ từ đầu những năm chín mươi với một tập truyện ngắn gây bàng hoàng vì những ấn tượng mạnh và lập tức được coi là một trong những nhà văn Mỹ quan trọng nhất. Cuốn "Vô sĩ nghĩ ngợi" đoạt giải O'Henry năm 1993 và Giải thưởng sách quốc gia năm 1995.

Thom Jones từng là lính thủy đánh bộ trong chiến tranh Việt Nam, là một võ sĩ quyền anh với 150 trận đấu, một người viết quảng cáo, một người làm bảo vệ nhà ở. Ông tốt nghiệp DHTH Washington và DHTH Iowa.

Ad Magic cảm thấy triệu chứng một cơn động kinh chừng một tích tắc trước khi xảy ra vụ va chạm và anh đã co cuộn người lại đúng lúc cái xe tải đụng vào đuôi chiếc xe du lịch mini. Anh đang ngồi giữa hàng ghế cuối cùng, mặt ngất ngư vì quá chén thì bị hất nhào xuống lối đi như một quả đạn súng thần công. Một lát im lặng sau vụ tai nạn, rồi chiếc xe bus du lịch chao đảo lánh vào bên đường.

Một nhóm năm đàn ông và một đàn bà người Bahrain, đang ngồi giữa xe nên khi dừng xe không bị sao, ra khỏi chỗ ngồi của họ để giúp anh chàng người Mi, người duy nhất bị đau ở chân.

Ad Magic đang ngâm viên thuốc bạc hà hình thoi khi tai nạn xảy ra, bây giờ nó mắc sâu trong họng anh. Anh toan nuốt nhưng nó quá to không thể nuốt được nên anh cố ho nó ra. Tuy nhiên, khi bay ra khỏi chỗ ngồi, anh phát hoảng và vừa quỳ vừa bật ra một tràng những tiếng ho nức cười: Khắc, khắc, khắc.

Anh cảm thấy một con sóng nóng bỏng dâng lên trong lồng ngực. Nó bốc lên mặt, bốc lên tai như thiêu đốt, trong lúc anh quay về phía những người Bahrain, hoa chân múa tay cầu khẩn, ra hiệu cho họ biết đang cần ai đó thực hiện những thao tác điều trị để giúp anh. Nhóm người Bahrain ngay lập tức hiểu tình trạng của anh, họ bèn vỗ vỗ vào lưng anh trong khi anh bóp chặt lấy cổ họng mình như một người bị treo cổ.

Cuối cùng, một người Bahrain dùng cạnh bàn tay chém mạnh vào xương sống Ad Magic, viên thuốc vọt ra khỏi miệng anh, nảy bật qua tấm chắn gió của xe và rơi vào lòng ông tài xế. Khi Ad Magic bắt đầu thở lại được bình thường, những tiếng cười vỡ ra trong đám người Bahrain. Họ vừa thấy nhẹ nhõm thì bắt đầu pha trò ngay về cảnh huống ngớ ngẩn vừa qua. Ngày hôm đó, trước khi tai nạn xảy ra, Ad Magic đã cùng chia sẻ với họ những giờ phút thú vị. Giờ đây, trong khi biết ơn họ vì anh lại thở lại được bình thường, anh cảm thấy rằng tiếng cười của họ được vẽ gien cợt và thù nghịch như thể anh là tiết mục hài Jerry

Lewis của họ. Trong động Elephanta chẳng hạn, khi họ la hét báng bổ một bức tượng lớn Đức Phật nghiêm trang nhập định, một ngàn lẻ một con dơi bị khuấy động đã ào ào xô ra, rít rít chao chát và bay loạn xạ khiến anh tối tăm cả mặt mũi bởi những cú vấp, tát của cánh dơi, thân dơi, anh không ngờ chúng lại to lớn, dữ dằn đến vậy. Anh trượt ngã vào đống phân dơi, trong lúc cố gắng né tránh bầy dơi đáng sợ ấy, đầu gối và tay anh vấp xuống. Đống phân dơi dày đến vài centimet, giống như một cái bánh pudding lớn, lạnh ngắt. May thay, một người Bahrain mang theo túi Handi Wipes, nhờ thế anh có thể gột sạch chỗ phân dơi dính vào người. Mặc dù vậy, mùi hôi thối thì không hết, anh vẫn ngửi thấy mỗi khi đưa tay lại gần mặt.

Chiếc xe bus, sau khi bơm lại một cái lốp, lại tiếp tục lăn bánh đến Marine Drive, một trong những đường phố đông đúc nhất của Bombay. Ad Magic đến bên cửa thoát hiểm và lao xuống xe. Anh đã có thể thở bình thường, nhưng cảm thấy đau họng. Anh cởi chiếc áo lụa Kashmere cổ chữ V màu xanh mòng kết ra. Diên rồ mà mặc cái áo này. Không khí bên ngoài xe ẩm ướt và ngọt ngào. Ad Magic nhận ra bãi biển Chowpatty, nhận ra anh đang đứng trên bãi đất nhô ra biển Arab giống như một ngón chân. Anh cũng biết Bombay gồm một loạt những hòn đảo, và từ nơi này, anh chỉ cách cửa ngõ Ấn Độ, nơi xuất phát hành trình du lịch, chừng vài dặm.

Một cậu bé, chừng tám hay mười tuổi - khó mà nói tuổi cậu ta, có lẽ vì cái đầu cạo trọc của cậu - đến gần Ad Magic. Trên vai cậu bé là một con khỉ, mặc bộ đồng phục màu đỏ, viền vàng, có cầu vai, đã bắn bụi, đội chiếc mũ

tuần đình. Con khỉ bắt đầu trình diễn màn biểu diễn hề. Biểu diễn xong, nó đến gần anh chàng người Mi và ngã mũ ra thành cái bát thu tiền. Khi Ad Magic thò tay vào túi, anh lại bắt đầu hò. Anh đặt sáu rupi vào mũ của con khỉ và quảng chiếc áo lụa đắt tiền của anh cho thằng bé.

"Đi đi", anh nói. "Cầm lấy. Của em đấy". Người phụ nữ Bahrain theo dõi màn trình diễn của con khỉ, bà ta kêu lên the the. Một trong số những người dân ông Bahrain, người có thể nói được chút ít tiếng Anh, thì nói một cách hài hước: "Hoan hô, con khỉ tuyệt vời".

Cô hướng dẫn du lịch chui ra khỏi xe và hỏi thăm sức khỏe anh chàng người Mi. Ad Magic nói anh ổn rồi, sau đó, cô ta trách anh vì đã cho thằng bé nhiều tiền quá. "Không tốt đâu". Cô ta cười châm chọc. Ad Magic bước xa khỏi cô hướng dẫn du lịch và đám người Bahrain, anh chẳng muốn liên hệ gì với họ nữa. Anh rời đường, đi xuống bãi biển Chowpatty. Khi đã đi xa họ anh quay lại xem cô hướng dẫn viên đầy kinh nghiệm đang dẫn toán người Bahrain vượt qua đường phố Marine Drive tấp nập bốn làn xe đến một nơi đã hư nát có tên là Quán cà phê New Zealand.

Trên các bức tường vừa cũ kỹ, căn bản của quán có những bảng yết thị. Một cái, bằng tiếng Anh, quảng cáo dụng cụ dùng cho xe bột xóc, bột dần, nhãn hiệu Gabriel. Cái kia bằng tiếng Hindi, có hình một chính khách nổi tiếng của Ấn Độ, diện mạo hơi giống Rudolph Valentino, quảng cáo cho một kiểu tóc đàn ông. Qua quán cà phê, băng qua con đường đầy xe cộ qua lại ầm ầm và sặc mùi diesel, Ad Magic gặp một khu ổ chuột. Khu dân cư này

quần tụ quanh một con mương hình bán nguyệt, bên này mương có thể thấy người ta đang ngồi xổm tự do phóng uế chẳng chút ngưng ngừng, còn bên kia, cuối dòng, những phụ nữ đang gội đầu.

Nhìn vào quán ăn, Ad Magic thấy một người trong nhóm Bahrain đang túm chặt cổ họng, làm họ nghẹt thở, trong khi những người khác phá lên cười. Mồm họ ngoác ra, để lộ những cái răng vàng. Họ vẫy anh và la hét hoan hỉ. Anh không hiểu sao họ có thể vui vẻ đến thế. Tại sao anh không thể giống được họ?

Trước cửa quán ăn, tài xế xe bus đang cãi nhau với tài xế xe tải về cái đuôi xe bus bị đụng. Ad Magic quay lại và bước về phía biển. Qua khu vực khét mùi diesel, đến bãi đầy những cây dành dành tỏa mùi hăng hăng dễ chịu, rồi lại đến một khu vực có mùi thật sự kinh khủng. Nhà máy đồ hộp cá ngừ ở American Samoa có cái mùi đã khó chịu, nhưng không thể nào tởm bằng mùi ở đây, trên khắp Bombay này, mà tệ hơn nữa là phải cố làm ra vẻ không để ý đến cái mùi đó, không được phàn nàn gì với những bạn du lịch đồng hành vì dường như những người cùng đi chẳng ai để ý thấy mùi gì cả. Ad Magic bỗng có một cảm giác siêu thực - anh không hiểu mình đã từng ở American Samoa hay chưa, hoặc đó chỉ là một giấc mơ, hay Bombay đôi khi chỉ là một giấc mơ.

*

* *

Anh đi dọc bãi biển dài, vắng lặng và bất gặp một con ngựa nhỏ màu trắng đứng cô độc bên sóng. Anh tiến gần hơn và nhận thấy đó là một con ngựa già, lưng võng xuống,

đầy mụn nhọt lở loét, quắt queo đến nỗi xương sườn lộ hết ra, hàm răng thì dường như trở nên quá lớn. Con ngựa đã phải đứng lâu lắm rồi, Ad Magic thấy nó loạng choạng, đứng không vững nữa. Ở Ấn Độ có nhiều cảnh nghèo nàn, thảm hại nhưng đây là cảnh tượng thương tâm, khổ sở nhất mà anh từng nhìn thấy. Rõ ràng là con ngựa trắng này sắp chết rồi, có lẽ chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ. Nó sẽ phải chết hoàn toàn cô độc, bị bỏ mặc như thế này sao? Ad Magic bỗng nhớ tới chính nỗi khổ của một con ngựa cuối cùng đã dẫn Friedrich Nietzsche đến tình trạng mất trí không thể phục hồi vào tháng 1 năm 1889.

Ôi, Chúa lòng lành! Ad Magic cũng bị mất trí. Anh đã phải bỏ những sinh viên trường thuốc của anh, lên máy bay, chuồn sang đây, sang Ấn Độ. Ad Magic cuống cuống lục lọi các túi quần, túi áo tìm hộ chiếu. không thấy. Anh cũng không có ví - chỉ có một nắm lớn những ngân phiếu một trăm dollar Mỹ, vài ngân phiếu giá trị ít hơn cùng với tiền Ấn Độ, và một đồng tiền lẻ, khiến cho túi anh căng phồng. Anh thậm chí chẳng biết tên mình là gì, anh chỉ biết "Ad Magic" nhưng khi anh mở nắm tiền ra, anh thấy một chiếc chìa khóa phòng khách sạn Taj Inter - Continental. Trên tấm thẻ đó có in chữ "Đoàn 7". Ad Magic biết rằng bí mật về con người anh sẽ được phát hiện ở đây, dù rằng anh chưa vội vã gì phải quay về khách sạn. Anh cảm thấy không biết lại còn tốt hơn, ít nhất thì chưa biết, vẫn hay hơn.

Cổ họng vẫn tiếp tục đau. Khi lục trong các túi, anh tìm thấy một bao thuốc Marlboro và một cái bật lửa bằng vàng xinh xắn. Anh rút một điếu thuốc và bật lửa. Thằng bé đi

cùng con khỉ lại xuất hiện bên cạnh anh, hỏi xin một điều. Anh châm thuốc cho nó, rồi thấy thằng bé chuyển điều thuốc cho con khỉ. Con khỉ đỡ lấy điều thuốc bằng phong cách quý phái của những sỹ quan S.S trong các phim đen trắng về chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nó hút say sưa như thể thêm nicotine thực sự. Sau màn trình diễn, nó lại ngả mũ xin tiền thưởng. Ad Magic cho con khỉ một ngàn phiếu năm dollar. Sau đó, anh ngồi xuống một cái bánh xe Ferris nhỏ đã han gỉ, lại chăm chú nhìn con ngựa. Anh lấy thuốc lá ra, và phát hiện trên cổ tay chiếc vòng bằng thép không gỉ Med - Alert và chiếc đồng hồ Rolex bằng vàng. Anh ngắm nghía một cách tò mò như chưa từng nhìn thấy chúng bao giờ. Cái vòng nhỏ có khắc chữ “bệnh tâm thần”.

Bệnh tâm thần. Ad Magic không bị bệnh tâm thần theo nghĩa thông thường, với những cơn co giật. Anh bị động kinh thùy thái dương. Bây giờ anh đã nhớ ra điều đó. Anh bị chứng tâm thần lang thang, bỏ nhà đi hoang. Nhưng anh vẫn chưa nhớ ra anh tên gì, sống ở đâu, đã có vợ chưa, có con chưa, và nhiều nữa... nhưng anh nhớ mình là một nhân viên quảng cáo. Nhân viên quảng cáo, và một bệnh nhân động kinh. Anh nhớ rõ giọng của ông bác sĩ, phòng khám rộng, trần cao, dưới bóng một cây sồi đen, một cửa ra vào và một cửa sổ kính, một bức tượng tay chấp lại cầu nguyện đặt trên bàn làm việc của bác sĩ. Ad Magic nhớ mình đã trải qua rất nhiều giờ đồng hồ trong căn phòng ấy, từ lúc thiếu niên cho tới lúc trưởng thành, anh nhớ những cây sồi lớn, những chiều mùa thu, mùi lá cháy, những dinh cơ nguy

nga bằng đá nâu ở thành phố Midwestern, nhưng anh không thể hình dung ra thành phố, không thể tưởng tượng ra diện mạo ông bác sĩ và không thể nhớ ra tên của ông. Anh biết rằng ông ta, đối với anh, không chỉ là bác sĩ, còn là một người bạn tốt, người mà anh yêu quý vô cùng. Anh cho rằng ông bác sĩ giờ đã chết rồi, nhưng anh vẫn còn nhớ đôi điều ông đã nói về bệnh tình của anh. "Anh cần nghỉ ngơi, đi du lịch các nơi, đó chính là một hình thức của tẩu pháp đối với bệnh động kinh, nếu không, anh sẽ bị chứng đãng trí mà anh thường thấy thể hiện trong các chương trình opera trên ti vi. Chúng rất thường thấy trong các nhạc kịch trên ti vi nhưng gần như không nghe nói đến ngoài đời - Nhưng đó cũng là một kiểu của bệnh động kinh thủy thái dương trái".

Ad Magic không biết anh là ai, anh đã tới Ấn Độ bằng cách nào. Anh chỉ biết rằng có nhiều khi anh trở nên tuyệt vọng, cấu kỉnh, cuối cùng thì nói năng lảm nhảm, lên cơn mé sảng đến mức vứt hết thuốc thang đi, chạy lồng lên, chuẩn choáng và mất hết ý thức về mình. Bây giờ đây, anh đang cảm thấy điều đó. Anh cảm thấy ghê tởm mọi thứ trên trái đất này, kể cả bản thân anh - nhưng tình cảm khổ sở của con ngựa trắng kia là điều mà anh không thể chịu đựng nổi. Bỗng nhiên, có một điều còn hơn cả bản thân và nỗi đau yếu của anh, khiến anh để tâm chú ý.

Anh gọi thằng bé đang tự đắc với cái áo lụa Kashmere lại gần, đưa nó và con khỉ đi dọc theo con đường về quán cà phê New Zealand. Không khí trong quán sặc sụa mùi dầu mỡ nấu nướng, mùi khói thuốc, hai cái quạt trần quay

vù vù như trực thăng. Một người phục vụ mặc áo jacket trắng đã cầu khẩn đang đưa trà và một đĩa bánh tối chỗ những người Bahrain. Từ trong bếp, chiếc đài đang phát âm thanh nhạc *Limehouse Blues*. Ad Magic kéo ghế lại gần cô hướng dẫn du lịch và nói: “Có hỏi thằng bé này xem ai là chủ con ngựa đang đứng trên bãi biển?”

Cô hướng dẫn viên du lịch hơn ba mươi tuổi, trông dễ coi, là người có thể biến đổi nhanh lẹ từ vẻ khúm núm, xun xoe sang thái độ chống đối sừng sĩa mặt mày. Cô ta mặc một chiếc sari màu cam, sạch không chê vào đâu được. Ad Magic không hiểu tại sao cô ta vẫn giữ được trang phục sạch đẹp đến thế sau suốt một hành trình dằng dặc qua Elephanta, rồi đến thành phố Bombay này. Anh xem cô chất vấn thằng bé. Rồi cô quay về phía anh và nói: “Con ngựa đó là của người làm xiếc, nhưng bây giờ nó không thể biểu diễn được nữa. Nó đi lang thang. Muốn đi đâu thì đi”.

Ad Magic hỏi cô hướng dẫn viên anh có thể gọi điện thoại tìm một bác sĩ thú y không?

“Bác sĩ thú y ấy à?” Cô ta lặp lại một cách chao chát, như thể anh đã có một đề nghị hết sức xúc phạm.

“Có nói đúng. Điềm đó nghe có hơi ngu xuẩn, ở đây có thể không có bác sĩ thú y, hoặc nếu có, có lẽ cũng khó mà gọi được ông ta, nhất là trong một thành phố phức tạp như Bombay. Rồi cô đã phải chịu đựng một ngày dài mệt nhọc, rồi hiện nay chiếc xe lại đang bị hỏng nữa. Thôi, bỏ qua cho tôi. Hôm nay tôi không được khỏe. Cho tôi hỏi cô một

câu. Cô có thể nói cho tôi biết tôi đang trọ ở khách sạn nào không?"

"Khách sạn Taj", cô ta nói.

"Phải rồi, khách sạn Taj. Đó là điều tôi đang nghĩ đến". Ad Magic đặt sáu ngân phiếu mười dollar Mĩ lên bàn. "Vui lòng nhận chỗ tiền nhỏ này. Cô tuyệt lắm. Bây giờ thì tôi muốn biết liệu cô có gọi giúp tôi được một bác sĩ *thực* không. Hãy bảo ông ta là tôi sẽ trả thù lao xứng đáng. Thằng bé này và tôi sẽ đợi ông ta trên bãi biển kia. Tôi sẽ tự quay về khách sạn. Khách sạn Taj phải không nào?" Người phụ nữ gật đầu. Ad Magic và đứa bé, với con khỉ trên vai, lái qua đường và ngồi trên hai con ngựa gỗ ở khu trò chơi xe ngựa kéo quán hồ trống. Cạnh đấy có một bánh xe Ferris nhỏ, được sáng chế để chạy bằng ngựa hay là kéo hơn là bằng mô tô. Kế bên là một ki ốt bán vé trang trí bằng những hình người - voi - khỉ màu sắc sặc sỡ. Ngày hội đã qua. Ad Magic nhớ những ánh sáng rực rỡ - một đêm hội cải trang thời thơ ấu. Trước khi anh nhận thức được vẻ hào nhoáng, lờ lờ của hội hè, anh chỉ thấy sự lộng lẫy, huy hoàng của chúng. Anh chỉ được dự có mỗi bốn hội cải trang tất cả. Lúc đó, anh chỉ ngồi trong chiếc xe nhỏ xù màu đỏ. Anh thấy một cái xe khác - màu vàng, anh thích xe vàng hơn. Đầy phấn kích, anh bò sang cái xe vàng - nhưng anh vừa mới tháo thắt lưng an toàn và bước chân ra khỏi cái xe đồ nửa chừng thì trò chơi tiếp tục, cái xe lao đi và anh ngã xuống, tay bị xe đè lên, khuỷu tay trẹo sái và bị lột da, mặt đập mạnh vào cửa xe. Rồi bỗng nhiên anh được một người đàn ông mặc áo mưa, đôi mũ

nỉ gờ ra. Người ông ta thơm mùi mới tắm gội, cạo râu. Ba anh chẳng? Hay một người lạ? Anh không biết chắc. Không còn khuôn mặt nào khác ngoài khuôn mặt ông bác sĩ.

Ad Magic lục các túi tìm thuốc và thấy một hộp nhỏ, dẹt màu nâu và đen đựng thuốc đau đầu Powl. Anh lấy ra hai viên, nuốt khan rồi châm một điếu thuốc lá. Anh thấy một chiếc xe bus du lịch không người vượt qua chiếc xe bus hỏng mà trước lúc anh đi, và từ chỗ anh ngồi, Ad Magic có thể thấy nhóm người đi cùng anh ra khỏi quán cà phê New Zealand, trèo lên chiếc xe mới và đi tiếp. Không một cái vẫy tay tạm biệt, kể cả những người Bahrain nhiệt tình, đối xử thân mật hơn với anh. Anh lại cố nhớ tên mình và thành phố nơi mình xuất phát, nhưng không thể. Cuối cùng anh đã tới Bombay chứ không phải Lusaka, Lima, Rangoon hay Zanzibar. Anh nhớ anh đã đến Zanzibar trên một chiếc tàu chạy bằng hơi nước, anh bị say - mùi hương liệu nồng đến nỗi có thể ngửi thấy từ cách xa hai mươi dặm. Anh nhớ là đã cảm thấy dễ chịu khi tàu cập cảng, lúc đó là nửa đêm và anh thấy dân chúng ở thành phố đã tò mò, lạ lẫm biết bao về những dây đèn mới lắp trên phố. Một khách du lịch người Australia bảo anh rằng Zanzibar là nơi cuối cùng trên thế giới này được đón nhận đèn điện đô thị và nếu có bóng đèn nào trên phố cháy thì chỉ duy nhất một công nhân Thụy Sĩ được thuê mượn là có thể tới và thay bóng khác mà thôi. "Bọn chó ngu này không thể thay nổi một cái bóng điện". Hồi tưởng về Zanzibar của Ad Magic gần giống như ảo giác của Alice - trên - xứ - xở - diệu - kì. Hình như anh bị mắc kẹt ở đó nhiều tuần liền, gần như không một xu dính túi, chỉ sống nhờ bánh mì và cam.

Một chiếc Mercedes màu xanh lá cây nhạt, đuôi xe bị hỏng chút ít lao đến bãi biển, bánh xe hơi trượt khi nó dừng lại gần khu ngựa gỗ kéo quân. Một người Âu trung tuổi mặc áo choàng trắng khoác ngoài bộ đồ mỏng bản thủ, bước ra khỏi xe. Tóc ông cứng và bạc, để theo kiểu tóc Albert Einstein, bù xù, rối rắm. Tay ông hất ngược tóc ra sau, rồi ông tiến tới mở cửa sau của chiếc xe. Một con chó lớn nhảy ra. Theo gót ông đi về phía Ad Magic và thằng bé.

“ Ông là bác sĩ à? ”

“ Vâng. Ông bị tai nạn xe hơi phải không? ”

“ Vâng, có, nhưng không sao cả. Tôi mời ông đến vì con ngựa kia. Tôi muốn biết ông có thể giúp gì cho nó không. Nó bị làm sao vậy? ”

Bác sĩ nhìn ra biển, đưa tay che nắng chói vào mắt. “ Có lẽ nó đã uống nước biển mặn. Nó sẽ chết, sắp chết rồi ”.

Ad Magic bảo: “ Tôi sẽ trả ông năm trăm dollar Mĩ nếu ông cứu được con ngựa ”.

Viên bác sĩ trả lời: “ Tôi chỉ có thể cho nó mười phút dạn gửi nó về bãi tầng trời. Để nó chết. Năm trăm dollar cho cả một ca như thế này ”.

“ Tôi không muốn cãi cò. Nếu ông cứu được con ngựa, tôi sẽ trả ông một ngàn dollar ”.

Ông bác sĩ mở xe, lấy ra một khúc thừng. Ông ta bảo thằng bé ra mép nước, dắt con ngựa vào bãi cát trong khi ông ta lùi chiếc xe xuống bãi chừng năm mươi bộ và dừng xe lại. Ông ra khỏi xe, lấy túi thừng xuống, đặt trên đùi. Ông nhìn qua khắp thân thể con ngựa. “ Suy dinh dưỡng,

mặt nước, sốt”. Ông ta vạch mồm con ngựa ra. “À à, có những cái răng bị nhiễm trùng. Nguy hiểm quá”.

“Còn những mụn nhọt lở loét này thì sao? Sao nó bị nhọt nhiều thế?”

“Nhanh lên”, bác sĩ nói. “Trên xe tôi có glucose và nước. Chúng ta phải truyền cho nó”.

Ad Magic mang tới hai chai cỡ nửa lít⁽¹⁾ Glucose và nước cất, cầm nó cho bác sĩ truyền vào những ven lớn ở cổ con ngựa. Ad Magic quan sát những cái chai chậm chậm cạn đi trong khi bác sĩ xỏ tay vào đôi găng cao su và bắt đầu xét những mụn nhọt trên thân ngựa. Ông dùng một bàn chải cứng tắm i ốt chà trên lông ngựa, phát ra tiếng xào xào như tiếng giấy ráp.

“Không đau à?”

“Thú vật không cảm nhận cái đau theo cùng cách như con người”. Bác sĩ nói, hơi bối rối, khó chịu. “Nỗi đau của con người là những hồi ức, những kỉ niệm khao khát, tưởng tượng”.

“Tôi chẳng quan tâm đến những cái đó. Cái mà ông đang làm ấy hẳn phải làm cho con ngựa đau”.

Ông bác sĩ đi vòng quanh con ngựa từ phía sau. “Nó nặng chừng bao nhiêu kí nh? Trừ khi gan nó bị bệnh, nếu không tôi sẽ tiêm cho nó morphine. Tôi không phải siêu nhân. Tôi không có kết quả chụp X quang. Có lẽ gan nó cũng yếu. Kí sinh trùng. Ai mà biết được?” Bác sĩ lục trong

(1) Chai 1 pint = 0,57 lít

túi và lấy ra một cái xyranh tiêm dưới da cỡ lớn. Ông ta hút đầy morphine và tiêm vào vai con ngựa. Rồi ông ta lại lấy cái xyranh ấy, hút đầy thuốc kháng sinh, tiêm tiếp cho nó. Sau đó, ông cầm cái bàn chải lên, và lại tiếp tục trên những mụn nhọt thối rữa ở da con vật. Tay Ad Magic bắt đầu đau mỗi vì cầm những chai nước đã lâu.

Bác sĩ nhìn anh. “Ông là người Mỹ phải không? Ai cào vào mặt ông và đôi mắt đen quầng của ông đấy?”

“Hử, ồ, cái đó”. Ad Magic nói. “Tôi quên rồi. Đêm qua, tôi cho tiền một người lang thang trên phố. Một phụ nữ với bảy đứa con. Họ nằm trên mảnh vải trải trên phố mà ngủ, và tôi đã cho họ tiền”.

“Thế à?”

“Vâng, sau khi tôi cho họ tiền, những người đàn ông nhìn thấy cảnh ấy liền xông lại, giằng tiền của bà ta. Đánh bà ta ngã ra. Tôi xông vào, đánh ngã một đứa, nhưng chúng có nhiều người hơn. Tôi không thể chống lại cả lũ. Chúng cố cướp đồng hồ của tôi. Tôi say rượu. Tôi không nhớ chính xác.” Ad Magic cúi xuống và nhìn vào mặt anh trong chiếc gương bên hông xe mercedes. Anh có một con mắt đen thâm không thể nào tin được. không có gì lạ nếu đám người du lịch cùng anh thấy là anh quá điên.

Bác sĩ cầm lấy những chai glucose từ tay Ad Magic và dựng nó lên, vào phía trong cửa hậu xe, kéo cửa sổ lên cho đến khi những cái chai đứng thẳng và chắc chắn. “Trong túi của tôi có cái chai xanh. Hãy lấy ra hai chai và nằm xuống ghế sau”. Khi Ad Magic tìm kiếm trong túi,

Ông bác sĩ đến cạnh, nắm lấy cổ tay anh. Ông ngấm ngấm cái vòng nhỏ bằng thép không gỉ”.

“Bệnh động kinh”, bác sĩ nói. “Hừm”

Ông ta đưa cho Ad magic một chai rượu gin nhỏ. “Uống đi và nằm xuống”, - ông nói. “Con ngựa sẽ cần nhiều thời gian đấy”.

Trời đã tối đen khi Ad Magic tỉnh dậy. Con chó đứng cạnh đang cúi xuống ngửi ngửi khuôn mặt anh. Ad Magic lăn người chồm dậy. Vài ngọn đèn dầu đã được thắp sáng, trên bãi biển rất nhiều đèn đuốc, và tất nập hoạt động. Hàng trăm người lang thang trên bãi, và những làn gió thổi từ biển mang theo rất nhiều thứ mùi: mùi rác rưởi hôi thối đã bị thay thế bởi mùi thơm dễ chịu của cây dành dành, mùi cam chua, mùi vani, mùi cari thơm phức, mùi dầu diesel và mùi nước biển mặn mòi, mùi da cũ kĩ từ đệm ghế xe của chiếc Mercedes. Con chó, há mồm, thở hổn hển vào mặt Magic và từ mồm nó, không có mùi gì cả.

Ad Magic ra khỏi xe và nhìn xung quanh. Cảnh vật, màu sắc, âm thanh nào nhiệt lạ thường. Có những nhóm nhạc công, vũ nữ nhào lộn đi hát rong, những người bán hàng dạo, những đứa bé bán thuốc lá. Cả những con người thánh thiện, các thầy phù thủy, các nghệ sĩ dụ rắn, những đứa bé dắt khỉ biểu diễn. Chú bé với con khỉ của Ad Magic đang theo dõi anh dựa người vào chiếc Mercedes, mắt nó đảo qua đảo lại từ cái đồng hồ Rolex sang ông bác sĩ.

“Không thể tin được là tôi đã cảm thấy tuyệt diệu đến thế”, Ad Magic nói. “Ông đã cho tôi uống thuốc gì đấy?”

“Vật vãnh thôi”. Bác sĩ nói, cùi người xuống cát trong khi anh nhìn cái túi thuốc màu đen của ông. Cạnh chân con ngựa là một dây hàng tá chai glucose rỗng và một cái răng ngựa, có lẽ răng hàm - to lớn, màu đen, vài cái răng nhỏ hơn, những cái dài màu vàng.

“Bị áp xe răng. Rất nguy hiểm”, Bác sĩ nói “Mú dầy ra tất cả những chỗ tôi động đến. Còn ngựa quy xuống, bị sốc. Tôi đang phải tiêm cho nó epinephrine. Tất cả đã khá hơn rồi. Còn cát trong các ung nhọt. Làm sạch tất cả hai lần”.

“Con ngựa sẽ khỏe chứ?”

“Nó trông khá hơn nhiều, ông không thấy sao? Gần hăng hái, hoạt bát rồi đấy, thấy không?”

“Ồ, vâng, tốt hơn nhiều rồi.”

“Có lẽ nó sẽ sống được đấy”.

Còn chó đưa cho Ad Magic một mảnh cùi trời giạt trên biển và anh với nó bắt đầu chơi trò giỡn nước. Họ chạy loăng quăng trên bãi biển và nhảy xuống nước. Khi sóng vỗ vào chân Ad Magic, anh chú ý thấy trong nước có phản người, bèn vội vả vào bờ. Anh nhìn ra biển xa thấy những con thuyền đánh cá, dưới ánh sáng trắng và những ngọn đèn sáng màu hổ phách. Những con thuyền ra khơi - họ đi đâu vậy? Còn chó ngoạm ống quần anh, lôi kéo, anh và nó lại chạy nhảy đùa giỡn, vật lộn, lăn vòng trên bãi cát. Rồi anh thả bỏ thong dong trên cát, con chó leo đèo theo sau. Họ chạy nham nhở lên cho đến khi anh cảm thấy thực sự vui thú, anh chưa bao giờ thấy sang khoái đến thế. Anh

chạy không biết mệt và dường như anh chưa bao giờ biết mệt. Gỡ một chút nào. Anh là người nghiện thuốc. Hay anh là? Anh chạy không cần ráng sức, như một vận động viên chuyên nghiệp, cho đến khi, cuối cùng, anh bắt đầu chớm mệt và vã mồ hôi. Anh và con chó lao xuống nước, anh chẳng thêm bận tâm đến nước bắn nữa. Anh bơi về phía những con sóng lớn và con chó bơi cùng anh cho đến khi ra xa, đến vùng nước ấm. Rồi cả hai để mặc sóng mang về bờ. Ad Magic đi trên bãi cát về phía chiếc xe và con ngựa. Khi đến bên con ngựa, anh ôm lấy nó và áp mặt vào cổ nó. “Ồi, chúa ơi, cảm ơn”. Anh nói.

“Bây giờ ông khỏe hơn chứ?” Ông bác sĩ hỏi.

“Vâng, tôi nghĩ vậy”.

“Ad Magic là gì?” Anh đã nói “Ad Magic”. Nó có nghĩa là gì?”

“Ồ, cái đó. Tôi là một người viết quảng cáo, và đôi khi tôi cảm thấy ma thuật. Tôi dính vào một loại ma thuật nào đó. Khó giải thích lắm”⁽¹⁾.

Ad Magic thò tay vào túi, lấy ra mười ngân phiếu một trăm dollars. Bỏ ngân phiếu của anh chặt đến nỗi chỉ những tờ ngoài bị ướt. Anh đưa tiền cho ông bác sĩ. Anh tìm thuốc lá và thấy thuốc đã ướt hỏng cả rồi. Hộp thuốc đau đầu Powell cũng hỏng do nước biển. Ad Magic ngắm nghía cái hộp một lát. Anh nói, “Hãy nghe nhé - ad magic. Tôi viết thế này nhé” “Đó là một ngày nóng bức ở California, giao

(1) Cái tên này ghép hai chữ Ad = Quảng cáo, Magic = Phép thuật

thông đông đúc, khi đèn đỏ và tôi bỗng bị đau đầu muốn chết. Tôi uống hai viên thuốc đau đầu Powell và - bip, bip, tút, tút - đèn xanh, xe tôi lăn đi tiếp, Năm mươi tiếng bip, bip, tút, tút như vậy - Đó là ma thuật của tôi. Ngày nay không được nữa rồi. Tôi chỉ có trong chốc lát đó thôi. Chỉ một khoảnh khắc nó đã đi qua tôi".

"Tôi hiểu, người viết quảng cáo".

"Điều đó ra sao? Tôi viết "Một ghế ngồi hạng hai trên toa tàu Thế Giới Thứ Ba, nóng nực hơn cả đường hầm Calcutta, đã làm tôi đau đầu, loại đau đầu hạng nhất. Tôi đã đổi con dao quân dụng Thụy Sĩ để lấy hai hộp thuốc đau đầu Powell. Ở nhà hay trong các chuyến đi toàn cầu, Powell là sự lựa chọn tốt nhất của tôi để hết đau đầu". "Thế là họ xô đến, mua hàng."

"Ồ, bạn đang tíu tít mua sắm quà cáp Noel, bạn bạn và vợ và lắm - Thuốc Powell. Chỉ năm mươi lán hiệu thôi. Bip, bip, tút, tút, bạn sẽ hết đau đầu ngay".

"Đêm Noel, mười lăm phút trước lúc nửa đêm, địa điểm, Trung tâm thương mại Fox Valley, Aurora, Illinois, bệnh đau đầu, đau dai dẳng,... Giải pháp cho bạn: Thuốc Powell."

Kết thúc thật tốt lành, bạn khỏi đau đầu, những món quà màu sắc tươi vui trên cây thông ngày hội, và Chúc Mừng Giáng Sinh tới tất cả mọi người".

"Ad Magic. Ma thuật quảng cáo. Kiếm được nhiều tiền chứ?"

“Vâng. Kiếm tiền. Tôi nghĩ vậy. Con ngựa sẽ sống chứ. Ông thấy không, nếu con ngựa sống được, thì đó chính là phép lạ của tôi, ma thuật của tôi. Đó là hi vọng của Chúa đối với tôi. Tôi có thể thực hiện được phép màu kì diệu hơn cả thuốc Powell. Tôi có thể thực hiện phép màu kì diệu hơn, vậy nếu con ngựa sống thì tôi có ma thuật, có phép lạ của mình. Con ngựa này bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?”

“Lúc đầu tôi đã tưởng nó già hơn cơ. Có lẽ nó hai mươi tuổi”.

“Giống ngựa có thể sống bao lâu? Nếu được chăm sóc tốt nhất ấy?”

“Được chăm sóc tốt thì chúng sống lâu đấy. Ba mươi lăm năm”.

Ad Magic rút ra những ngân phiếu năm trăm dollar. “Tôi muốn nhờ ông cho con ngựa này đi an dưỡng. Tôi muốn nó được ăn những thức ăn tốt nhất. Nếu nó muốn có những con ngựa khác để bầu bạn chơi bời thì hãy kiếm cho nó vài con. Tôi muốn nó có một đồng cỏ. Ngựa cô thích âm nhạc không nhỉ? Tôi nghe có lần người ta nói chúng thích. Hãy mua một cái radio chơi nhạc. Tôi muốn con ngựa này có điều kiện sinh hoạt thật tốt. Tôi muốn ông làm bác sĩ riêng cho nó và tuyển những người tốt, có kinh nghiệm chăm sóc cho nó, những viên thuốc ông đã cho tôi uống là gì nhỉ? Tôi cảm thấy tuyệt vời! có cách để chúng ta đưa con ngựa này vượt biển tới Mĩ phải không nào? Tôi sẽ lo việc này. Ông có thể đưa tôi về khách sạn Taj bảy giờ không? Điều này thật điên rồ - nhưng quả là

tôi thậm chí không biết tên mình, nhưng tôi có một chiếc chìa khóa phòng. Ông hãy bảo thằng bé trông con ngựa cho đến khi tôi quay lại. Ông có danh thiếp không?Ồ, đây là cái chúng ta sẽ cần đến. Tôi đã có nó. Bây giờ tôi đã có được nó rồi. Ông ở đây với con ngựa nhé. Tôi sẽ đưa trả xe của ông lại đây. Tôi không muốn ông rời con ngựa đâu. Tôi không muốn có bất cứ điều gì xảy ra với nó. Khi tôi về nhà, ông sẽ gửi cho tôi một bức hình con ngựa. Cùng với nó là một bản copy của tờ báo *International Herald Tribune*. Khi tôi thấy con ngựa vẫn khỏe mạnh, béo tốt, nhìn thấy ngày tháng trên tờ báo, tôi sẽ gửi cho ông mỗi tháng sáu trăm dollar. Thế đủ chưa? Nếu con ngựa cần một chuồng ngựa gắn máy điều hoà nhiệt độ, tôi muốn làm cho nó ngay. Bất cứ cái gì - ti vi, video, hồ nước, bất cứ cái gì mà trái tim ngựa của nó khao khát nhé”.

“Có thể làm được thôi”.

“Ồ tuyệt lắm. Mà này, từ đâu mà ông có con chó tuyệt thế? Bán cho tôi nhé?”

“Không bao giờ tôi bán nó lấy tiền”. Bác sĩ nói.

“Ồ, thưa bác sĩ, tôi yêu con chó này lắm. Hãy bán cho tôi đi”.

“Tuy nhiên, ông không thể đưa nó về Mĩ”.

“Thôi được”, Ad Magic nói. “Mối là có ý thế thôi. Ông nhìn tôi có vẻ nực cười lắm. Tôi biết ông đang nghĩ gì. Ông không tin tôi về chuyện cái xe. Bảo thằng bé đi gọi cho tôi một cái taxi vậy. Tôi phải tính toán để trở về Mĩ. Ông biết những bộ yên cương ấy, những con chó có cái

nhìn đăm đăm ấy? Tôi sẽ đeo kính râm và đưa con chó trở lại. Một cây gậy trắng. Cho tôi mượn con chó một lát thôi”.

“Ồ, thưa ông. Con chó này là người bạn tốt nhất của tôi. Tôi không bán. Cũng không cho mượn”.

“Thôi được. Nhưng chăm sóc con ngựa nhé. Tôi sẽ gửi tiền cho ông. Nhiều đấy”. Ad Magic thò tay vào túi, rút bọc tiền ra, lấy ra vài ngàn phiếu nữa. “Hãy lưu ý để cậu bé này, cũng được chăm sóc nhé. Gửi nó đến trường học. Mà bác sĩ, ông đừng nhìn tôi như thế - đó chỉ là tiền quảng cáo thôi mà. Tôi không phải làm việc cho điều đó đâu. *Bây giờ tôi thấy khi con cừu mở một trong bảy dấu niêm phong, tôi nghe tiếng một trong bốn sinh vật nói bằng giọng sấm sét, hãy tới đây! Và tôi thấy và mục kích thấy, một con ngựa trắng, và người cưỡi ngựa cúi chào; và một đám đông vây quanh anh ta, anh ta đi chinh phục và chiến thắng.*

Khi chiếc xe taxi Ambassador màu đen và vàng bóp còi ra hiệu từ đường Marine Drive, Ad Magic ôm con ngựa lần cuối cùng. “Hãy, ông bạn vàng bạc của tôi”, anh ta nói khi trèo lên taxi, vung vẩy một nắm tiền, bảo tài xế lái xe đi.

Ad Magic trả cho tài xế một trăm dollar về cuộc taxi chỉ đáng tám mươi cent rồi băng qua hành lang khách sạn Taj Inter - Continental, lên phòng anh. Anh tắm rửa và sau khi lau khô người, anh thấy ví và hộ chiếu của mình trong ngăn kéo tủ. Anh thận trọng mở ví ra, cất bằng lái xe sang một bên. Cái ví đầy thẻ tín dụng và tiền. Trong ví, anh thấy bức hình một phụ nữ tóc vàng và hai đứa trẻ. Lúc đó,

anh bỗng nhớ ra tên anh, anh đã có vợ từ mười lăm năm nay, anh nhớ ra con anh, và anh nhận ra chính mình. Anh vứt cái ví xuống, và bắt đầu nguệch ngoạc trên một tập giấy màu vàng. Có quá nhiều điều để viết và tâm trí anh như lỏng lên thoát khỏi sự kiểm soát. Phép lạ, ma thuật bắt đầu. Anh phóng tác ra những đoạn quảng cáo, đủ dùng cho một năm. Anh điện thoại cho tòa soạn và gọi người phục vụ mang đến một chai rượu scotch cùng một đĩa cơm cari.

Rượu scotch làm anh bình tĩnh lại và anh viết tiếp. Anh quay số gọi tổng đài và đặt một cuộc gọi đường dài cho vợ anh ở Los Angeles.

JUDITH ORTIZ COFER

THANH BÌNH dịch

CHÔNG MỤ PHÙ THUY

Judith Ortiz Cofer sinh tại Hormigueros thuộc Puerto Rico. Do có người cha phục vụ trong hải quân, thời tuổi thơ chị thường sống cả ở Puerto Rico và New Jersey. Chị đã xuất bản một tập văn thơ, "Cửa hàng Latinh" và truyện ngắn của chị đã được chọn vào hợp tuyển những truyện đoạt giải O. Henry.

Ông tôi đã lẩn. Ông cố gắng tìm tên tôi trong muôn vàn cái tên còn lưu lại trong trí nhớ. Gương mặt ông rạng lên như đứa trẻ vừa mới nhớ lại được bài học. Ông chỉ vào tôi và gọi tên mẹ tôi. Tôi mỉm cười và hôn lên má ông. Có nghĩa gì đâu khi những cái tên đó còn rất ít trong ông. Ông càng lẩn lẩn thì những kỷ niệm trước đây càng rời xa ông dần. Ngày hôm nay ông vẫn còn chưa có đứa cháu nào. Ngày mai ông sẽ là một chàng trai trẻ lại cầu hôn bà tôi, đọc tặng bà những văn thơ. Còn những ngày sau đó ông bắt đầu gọi bà là mẹ. Tôi đến Puerto Rico chăm sóc ông bà theo ý muốn của mẹ. Ông tôi vẫn còn khỏe, chỉ có điều đã mất trí nhớ. Bà thì mắc bệnh tim. Tuy thế bà vẫn nài nỉ được chăm sóc ông ở nhà. Bà không chịu sống xa

nhà, mặc dù đã được báo trước rằng trái tim của bà có thể ngừng đập trong giấc ngủ, nếu không có sự theo dõi đặc biệt của Viên dưỡng lão, hoặc sự chăm sóc của người thân. Ý muốn đó quả là điển hình cho tính ương bướng cố hữu của bà: "Bueno". Bà nói "Tôi sẽ chết trên giường của chính mình".

Lúc này tôi đang ở nhà bà, chờ đợi một cơ hội được trò chuyện với "những cảm xúc" có ở trong bà. Giảng viên một trường đại học ở Mỹ, đại diện cho tiếng nói đầy tính logic, tôi có trách nhiệm thuyết phục La Abuela, nữ trưởng tộc đáng kính của gia đình, phải xuống nước, mong bà đồng ý cho con cháu đến chăm sóc, trước khi bà tự giết chết chính mình bằng công việc. Tôi đã sống với bà suốt nhiều năm, khi còn nhỏ, mặc dù phần lớn những năm tháng sau này tôi đều sống ở Mỹ. Tôi đã học cách yêu thương và kính trọng người phụ nữ phi thường, người mẹ của 5 đứa con vẫn tự mình tìm cách giúp đỡ biết bao người khác.

Bà tôi từng nổi tiếng khắp vùng Pueblo vì có nhiều con hơn bất kỳ ai khác. Tôi đã nghe rất nhiều người cùng lứa tuổi với mẹ tôi kể rằng họ đã sống hàng năm ở gia đình Abuela trong những năm tháng khó khăn. Quả là đáng kinh ngạc làm sao khi một người phụ nữ lại vẫn sẵn sàng làm những công việc như vậy. Và thành thật mà nói tôi có chút ngạc nhiên về ý nghĩa "bể khổ" của những người phụ nữ vùng Puerto Rico, sự hy sinh là phẩm chất và đặc ân ban cho người phụ nữ: một phụ nữ đức hạnh được đánh giá bằng sự chịu đựng và tình thương yêu nuôi dạy con cái mà cô ta có thể thực hiện ở một thời điểm nào đó trong cuộc đời. Abuela mãi mãi là một hình ảnh lớn trong tôi. Suốt cả cuộc đời bà sống vì những người khác. Không kể đến việc nuôi dạy hai cậu con trai và ba cô con gái, cùng nỗi đau mà chiến tranh đã gây ra khi cướp đi một đứa con trai.

Một hình mẫu phi thường về sự chịu đựng mà tôi từng biết: đó là năm mà Abuela sống ở New York, hồi đó bà vẫn còn trẻ và hình như bà đi chữa trị bệnh tim. Mẹ tôi lúc đó 5 hoặc 6 tuổi và ba người em khác cũng sinh ra vào thời điểm này. Tất cả được giao cho cô em gái của Abuela tên là Delia chăm sóc. Hai người phụ nữ đã đổi chỗ cho nhau. Abuela chuyển đến sống ở căn phòng cho thuê của người em gái ở New York trong khi cô em đảm trách công việc gia đình cho Abuela tại thành Puerto Rico. Người ông chỉ còn là cái bóng trong suốt thời gian đó. Mẹ tôi không kể nhiều về những gì xảy ra trong suốt những năm đó, chỉ nói rằng bà bị ốm và sống ở xa một thời gian dài, ông dường như bắt đầu lãng trí khi làm việc suốt ngày đêm. Mặc dù họ được chăm sóc chu đáo song vô cùng nhớ bà. Tôi ngồi trên chiếc ghế đu gần lối ra vào của ngôi nhà. Bà ngồi đối diện trên chiếc võng bà làm khi đưa con đầu lòng cất tiếng khóc chào đời. Mẹ tôi từng được ru trên chiếc võng đó. Đến lượt tôi và cả khi tôi đưa cô con gái còn nhỏ của mình đến thăm Abuela, bà đã ôm nó, đưa cháu bé bỏng trong cánh tay râm nắng và ru nó ngủ. Bà ngồi đó và mỉm cười với hơi thở nồng nàn của vùng nhiệt đới tháng 11 tràn ngập hương hoa hồng, hương thảo mộc. Bà rất tự hào về khu vườn của mình. Phía trước nhà bà trồng hoa và các loại cây gia vị, phía sau nơi những cây xoài xoè bóng mát bà trồng một vườn các loại thảo mộc. Những loài cây dại này đã chữa lành các vết thương khi tôi còn thơ ấu, làm dịu cơn đau bụng vào các kỳ kinh nguyệt. Bà có phương thuốc chữa tất cả các chứng đau mà một đứa trẻ như tôi có thể gặp phải, bà mang nó đến bên giường trên đôi tay còn nồng mùi đất. Khi đó tôi rất sung sướng được ngồi trong lòng bà. Bây giờ bà đã đẩy ra, một người phụ nữ nhỏ xương, nước da nâu và một trái tim tràn đầy tình thương yêu. Ông ngoại tôi xuất hiện nơi cửa có màn.

Ông không còn nhớ cửa có chốt cài. Ông dùng tay đẩy cửa và khẽ rên rỉ, cửa kêu lạch cạch. Abuela gương đứng dậy khỏi văng. Bà mở cửa và nhẹ nhàng dẫn ông đến bên chiếc ghế ở cuối lối vào. Ngồi đó ông lại bắt đầu tìm tòi không biết một mỗi những ngôn từ ông cần. Ông cố gắng huy động mọi khả năng của mình song chúng không thể hiện được thành ngôn ngữ. Abuela vỗ nhẹ vào tay ông và ra hiệu cho tôi theo bà đi vào nhà. Tôi ngồi xuống góc đối diện chiếc ghế sofa bà ngồi.

Bà xin lỗi tôi như thể đó là lỗi mà một cậu bé không biết cách cư xử mắc phải "Ông sẽ yên lặng ngay thôi "bà nói" ông không thích bị người ta phớt lờ"

Tôi hít thở thật sâu để chuẩn bị cho bài giảng tầm cỡ lớn lao của mình trước bà. Đây chính là lúc để nói rằng bà phải thôi ngay việc cố gắng điều hành ngôi nhà này và quan tâm đến các vấn đề khác giống như mọi người ở lứa tuổi bà. Một trong các cô con gái đang chuẩn bị mời bà về ở cùng. Ông sẽ được đưa vào Viện dưỡng lão. Nhưng trước khi tôi có thể nói được chút ít thì Abuela nói:

"Mi amor, cháu có muốn nghe một câu chuyện không?"

Tôi mỉm cười và ngạc nhiên vì đề đạt của bà. Những lời tương tự như vậy khiến tôi sao nhãng ý định của mình, giống như khi tôi còn nhỏ. Abuela luôn làm tôi sung sướng vì một trong những câu chuyện ngụ ngôn của bà, thậm chí cả khi tôi đang bực tức nhất. Tôi gật đầu. Vâng, bài thuyết giáo của tôi có thể chờ một thời gian nữa, tôi nghĩ". Để bà kể cho cháu nghe một câu chuyện cổ, rất cổ mà bà đã được nghe từ khi còn nhỏ".

"Có một người đàn ông bắt đầu lo lắng và nghi ngờ khi ông nhận ra hàng đêm vợ mình vẫn biến mất khỏi giường rất lâu. Vì muốn biết bà ta đã làm gì trước khi đối phó với bà, người đàn ông quyết định thức cả đêm và canh chừng. Trong nhiều giờ đồng hồ, ông quan sát vợ mình qua đôi

mái khép hờ cùng đôi tai đồng lên như tai lửa. Lúc bấy giờ có lẽ khoảng nửa đêm, khi trời đã tối đen như mực, ông biết vợ đã rời khỏi giường. Ông thấy bà đến chỗ tủ quần áo, lấy ra một cái lọ và một bàn chải sơn nhỏ. Đứng bên cửa sổ, bà cởi hết quần áo và khi tiếng chuông nhà thờ đánh 12 tiếng, bà nhúng bàn chải vào lọ sơn và bắt đầu sơn khắp người. Tương tự, khi chuông điểm 1 giờ, bà đọc thầm những từ: Tôi không tin vào nhà thờ, không tin vào Đức Chúa hoặc tin vào Đức Mẹ Đồng trinh. Nói xong những lời này bà nâng người khỏi mặt đất và giống như loài chim, bay vút vào bóng đêm.

Vô cùng kinh ngạc, người đàn ông quyết định sẽ không nói gì vào sáng hôm sau, nhưng ông sẽ cố tìm ra nơi vợ ông đến. Đêm tiếp theo ông giả vờ ngủ, chờ cho đến khi bà ta thực hiện xong nghi lễ của mình và bay đi, lúc đó ông bắt chước làm lại chính xác các động tác của vợ. Ngay lập tức ông thấy mình đang bay ngay sau bà. Đến gần một cung điện, ông thấy có rất nhiều phụ nữ đang tụ tập vòng tròn trên mái nhà, chui vào ống khói. Sau những giây phút ngột ngạt ông rơi xuống một hồ đen dần đến hầm của lâu đài, nơi chứa thức ăn và rượu. Ông nấp sau những thùng rượu và xem những người phụ nữ trò chuyện. "Những mụ phù thủy", hoá ra họ là vợ những người bạn và láng giềng của ông, thế mà thoát đầu mãi ông mới nhận ra. Cũng giống như vợ ông, tất cả bọn họ đều khoả thân. Rất vui vẻ họ lấy thịt và pho-mát từ các ngăn của hầm chứa và chuẩn bị tiệc. Họ uống những loại rượu ngon trong chai không khác gì cánh đàn ông ở Cantina và nhảy múa hỗn loạn theo tiếng nhạc thần bí phát ra từ các nhạc cụ vô hình. Họ nói với nhau bằng thứ ngôn ngữ ông không hiểu được, những từ có âm thanh như tiếng đuôi mèo đập xuống đất.

Tiếp đó cũng đáng kinh ngạc như cuộc trò chuyện của họ, thức ăn mà những người phụ nữ nấu thật vô cùng hấp

dẫn. Thận trọng ông rời khỏi chỗ nấp, tiến đến chỗ tối gần một bụi phù thủy, đưa tay về phía có chiếc đĩa. Tay ông chạm vào một đĩa lưới dưới hầm. Đột quá ông ăn một miếng: chẳng có vị gì cả. Những bụi phù thủy khác dường như cũng nhận ra điều đó, bởi thế cho nên họ cử một trong những người trẻ nhất đi tìm muối. Nhưng khi bụi phù thủy trẻ đó quay lại phòng với lọ muối trên tay, ông lại quên mất mình đang ở đâu và kêu lên. "Ôn Chúa là ở đây có muối".

Nghe thấy tên Chúa, tất cả các bụi phù thủy ngay lập tức bay đi, bỏ lại một mình ông lơ lửng trong hầm rượu tối om. Ông cố nhắm lại cầu thần chú giúp mình bay đến đó, nhưng không hiệu nghiệm. Bấy giờ đã quá nửa đêm, rõ ràng là ông nhớ sai bùa phép để leo được lên trên ống khói. Cả đêm ông cố tìm cách ra khỏi nơi mà các bụi phù thủy đã bày bùa bẫy nhưng cổng thiên đường đã đóng chặt trước kẻ gây tội ác.

Cuối cùng, ông buồn ngủ vì kiệt sức và ngủ cho đến tận bình minh khi mà ông nghe thấy có bước chân đến gần. Nhìn thấy cánh cửa nặng được đẩy ra, ông vội nấp vào sau thùng rượu.

Một người đàn ông ăn mặc quần áo sang trọng bước vào, theo sau là mấy thằng hầu. Chúng cầm những cây gậy lớn như để giết ai đó. Khi đột được lên, nhìn thấy cánh ngỗng ngang đầy chai vỡ trên sàn nhà, thịt và pho-mát ăn dở, vứt khắp nơi, ông ta kêu khóc trong cơn giận dữ đến mức người đàn ông nấp sau thùng rượu nhắm mắt lại và cầu Chúa tha tội. Ông chủ lâu đài ra lệnh cho bốn người hầu phải lục soát toàn bộ ngôi nhà từng ly từng tý cho đến khi nào tìm được bốn phá hoại mới thôi. Chẳng mất nhiều công, họ đã tìm thấy đức ông chồng của bụi phù thủy nằm cuộn tròn lại như một con chó hoang, tê hai hơn, người sơn đầy màu của loài dơi hút máu người, không một mảnh vải che thân.

Họ lôi ông ra giữa phòng và đánh cho đến lúc người đàn ông khốn khổ cảm thấy xương cốt của mình bị nghiền nát như cơm và chối đến nơi. Khi ông chủ lâu đài nói rằng theo ông con người đáng thương này đã được một bài học nhớ đời, bọn người hầu được lệnh ném người đàn ông trần truồng ra đường. Ông đau đớn đến mức nằm giữa nơi công cộng Camino mà ngủ, chịu đựng sự nhìn ngó và bàn tán của những người qua đường. Nửa đêm tỉnh dậy, thấy mình trần truồng, bần thủ, đầy máu me và nằm cách nhà vài dặm, ông thề sẽ chạy đến già, không bao giờ theo vợ đi đêm một lần nào nữa."

"Colorin, colorado," Abuela vỗ tay ba cái, hát những giai điệu thời thơ ấu để kết thúc câu chuyện, "Este cucutose ha acabado" Bà mỉm cười với tôi, dịch người trên ghế sofa để có thể quan sát ông lão đang lằm bằm một mình ngoài ngõ. Tôi không quên những đôi mắt đó đã nhìn tôi như thế nào khi tôi còn nhỏ dại. Những hành vi của họ dường như được khởi phát bởi các hành động của một đứa trẻ, giống như của Đức Mẹ, hình ảnh rất thân thuộc với những người theo đạo Cơ đốc một vài năm trước. Tôi không sao dứt ra khỏi cái nhìn đầy mê hoặc của họ.

"Bà sẽ kể cho cháu nghe năm bà ở New York chứ?" Tôi ngạc nhiên bởi câu hỏi của chính mình. Bỗng nhiên tôi thấy mình cần phải biết về một năm đầy mất mát của bà. Đây hẳn là một câu chuyện thú vị nữa.

Bà nhìn tôi chăm chú trước khi trả lời. Mắt bà giống hệt mắt tôi cũng hình hạt huyền, cũng một màu nâu sẫm, mí mắt hơi trề xuống mà cô người gọi là "Mắt ngủ nhiều," với những người khác chúng là dấu hiệu của sự người có bản chất xảo quyệt. "Tại sao bà lại nhìn cháu theo cách đó?" Đây là câu hỏi mà tôi vẫn thường đặt ra.

"Bà đã từng muốn bỏ nhà ra đi". Bà nói một cách bình thản cứ như là bà đã chờ đợi câu hỏi này của tôi từ lâu lắm.

"Có nghĩa là bà từ bỏ gia đình mình?" Tôi hỏi ngay khi bà vừa dứt lời.

"Ừ. Hija ạ. Điều đó là chính xác. Từ bỏ họ. Không bao giờ quay về nữa".

"Tại sao?"

"Bà cảm thấy mệt mỏi. Bà đã từng là một phụ nữ trẻ trung và xinh đẹp, tràn đầy sức sống và ước mơ."

Bà mỉm cười khi thấy ông đứng hát ở cổng. Một người đàn bà bế con đi qua vẫy ông, ông lão hát to hơn, bài hát về người đàn ông sắp đi biệt xứ. Ông kết thúc bài hát bằng nốt nhạc ngân dài và tiếp tục đứng giữa ngõ lát gạch như thể lắng nghe lời khen. Ông cúi đầu chào, Abuela lắc đầu, khẽ mỉm cười, như thể bà rất vui trước sự khôi hài.

"Nhưng không yên được, thật là buồn. Bốn đứa con và một ông chồng đòi hỏi ngày càng cao ở bà".

"Thế sao bà lại giao con cái cho người em gái và đi New York?"

Tôi nói, trong khi cố gắng giữ những cảm xúc đang xáo trộn cảm nhận được qua giọng nói của mình. Tôi nhìn bà lão trầm tĩnh ngồi trước mặt và không thể tin được rằng bà đã từng bỏ bốn đứa con và người chồng yêu quý để một mình đến sống ở một nước xa xôi.

"Bà đã bỏ ông một lần trước đó, song ông tìm bà về. Bà trở về nhà, nhưng với điều kiện là ông không bao giờ đi theo bà đến bất cứ chỗ nào. Bà nói với ông thời gian tới bà sẽ không trở về."

Bà im lặng dường như đang chìm sâu vào suy tư.

"Trước đó chưa khi nào bà thật sự ốm đau." Tôi nói mặc dù rất sợ bà sẽ ngừng câu chuyện đang kể. Tuy nhiên tôi muốn biết nhiều hơn về người phụ nữ mà cuộc đời của bà theo tôi nghĩ là một cuốn sách để ngó.

"Bà đã ốm. Chứng đau tim. Và ông biết điều này" Bà nói, không rời mắt khỏi ông lão đang đứng yên như một bức tượng cẩm thạch ở cổng. Dường như ông đang chăm chú nghe một chuyện gì đó.

"Năm bà đến New York là theo ý ông. Ông thấy bà luôn buồn rầu. Ông biết bà cần được hưởng tự do. Ông đã trả công cho em gái của bà là Delia đến chăm sóc bọn trẻ. Ông còn thuê lại căn phòng Delia thuê cho bà, mặc dù ông phải làm thêm một công việc khác để trang trải tiền thuê nhà. Ông đưa tiền cho bà và nói rằng bà nên đi."

"Bà đã làm gì trong thời gian một năm ở New York?" Tôi ngạc nhiên và choáng váng trước sự tiết lộ của bà.

"Bà làm thợ may ở một hiệu may đồ rất đẹp và..., Hija cháu ạ". Bà mỉm cười với tôi như thể tôi nên biết một vài điều gì đó mà bà không cần phải kể ra, "Bà đã sống".

"Tại sao bà lại quay về?" Tôi hỏi.

"Bởi vì bà yêu ông," bà nói, "và bà nhớ bọn trẻ"

Ông viết nguệch ngoạc lên cánh cửa. Giống như một đứa trẻ, ông phác hoạ âm thanh từ giọng nói của bà. Bà để ông vào, nhẹ nhàng dìu ông. Sau đó bà đỡ dành ông ngồi xuống chiếc ghế đu mà ông thích. Ông bắt đầu ngủ gà ngủ gật; chẳng mấy chốc ông sẽ ngủ trong sự vỗ về của bà, che chở bao bọc ông bằng sự gần gũi thân thương. Tôi phân vân không biết bao lâu nữa ông sẽ lại trở lại tính trẻ con. Các bác sĩ nói ông còn khoẻ và sống rất lâu nữa, tuy nhiên

trí nhớ của ông, kỹ năng nói và khả năng điều khiển các chức năng sinh học mất đi rất nhanh. Những ngày cuối đời ông phải nằm liệt giường, có lẽ sẽ bị hôn mê. Mất tôi trên lệ khi nhìn khuôn mặt đầy nét ưu tư đẹp đẽ và phúc hậu của ông mình. Tôi kính nể tấm lòng độ lượng khi ông đã đem đến một năm trời tự do cho người đàn bà ông yêu, mà không biết được bà ta có quay trở về với ông nữa hay không. Abuela nhìn thấy tôi khóc và dịch người trên ghế sofa để ngồi gần tôi. Bà vòng tay qua hông và kéo tôi lại gần. Bà hôn lên má đầm nước mắt của tôi. Sau đó bà dịu dàng thì thầm vào tai tôi: "Và khi đó đức ông chồng bắt đầu quên rằng hoặc là ông thấy vợ mình trở thành mục phụ thúy, hoặc tin tưởng rằng ông đã nằm mơ".

Bà đỡ lấy gương mặt tôi trong lòng bàn tay. "Bà sẽ chăm sóc ông cháu cho tới khi hoặc là ông hoặc bà không còn nữa. Bà đã hứa với ông khi bà trở về rằng sẽ không bao giờ bỏ nhà ra đi nữa, trừ phi ông yêu cầu. Ông đã không bao giờ làm điều đó. Ông không bao giờ đưa ra bất kỳ câu hỏi nào". Tôi nghe thấy tiếng mẹ đậu xe bên đường. Mẹ sẽ đợi tôi ở đó. Tôi phải thú nhận với mẹ là không hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Tôi sẽ biện hộ cho trường hợp của bà mà không tiết lộ những điều bà đã kể. Như tất cả mọi người, bà đã đi xa để chữa lành được bệnh tim của mình. Phần đó chính là sự thật trong cả hai phần tường thuật của câu chuyện. Ở cửa bà chúc tôi theo truyền thống với một cái nhảy mắt, "Colorin, colorado". Ông nghe thấy giọng bà và mỉm cười trong giấc ngủ.

MAXINE CLAIR

TÔ ĐỨC HUY dịch

QUẢ PHÁO

Maxine Clair là nữ văn sĩ đang được dư luận Mỹ chú ý. Chị sinh ra và lớn lên ở thành phố Kansas. Chị đã xuất bản một tập thơ và một tập truyện ngắn. Maxine Clair hiện đang giảng dạy tại lớp viết văn của trường Đại học tổng hợp George Washington ở thủ đô Washington.

Tôi còn nhớ chuyện xảy ra hai mùa hè trước. Đó là thời gian trước khi tôi biết đút từng đồng xu nhỏ vào rãnh máy bán vé của tuyết xe buýt Đại lộ thứ Năm để đến trường. Cuộc sống được đo bằng những mùa hè trôi qua sau đó và thành ngữ “Tôi đang tồn tại trên thế giới này nhưng không thuộc về nó” luôn lởn vởn trong tôi. Ý nghĩa sâu xa của câu thành ngữ đó tôi không hiểu rõ, duy biết là nó hàm chứa những quan điểm cao cả nên chiêm nghiệm. Mùa hè đó nóng kinh khủng, cái nóng của tháng sáu. Và ông Calhoun vẫn dạo quanh trên chiếc xe tải rao bán thứ hàng muôn thuở của ông, đó là đá. Mẹ tôi thường mua hộ ông

một cục lớn tướng đặt ở sân sau để chúng tôi liếm láp hay nghịch cho mát mẻ. Cũng mùa hè đó, dịch châu chấu tràn tới. Tối đến không khí tràn ngập tiếng châu chấu rào rào lan dần từ đám đất phủ đầy cây hương bồ gần nghĩa địa, từ khóm hoa người ta lấy tết vòng hoa cô dâu đội trong lễ cưới và bãi cỏ, nơi thằng em họ Bea của tôi thường tôi cất để tết thành những dải bím như bím tóc, bên ngõ hẻm sát sườn nhà chúng tôi. Tôi có giấu một quả cherry bomb^(*) và một quyển nhật kí có khóa dưới gầm cầu thang sau nhà, nơi Bea vì bị dọa là có ma nấp ở đó, sẽ không dám mò đến mà khám phá ra. Đây chỉ là câu chuyện dọa trẻ con mà bố tôi thường kể, rằng con ma lông lá thường lang thang tới nơi hán muốn vào ban đêm, còn ban ngày thì hán ẩn nấp trong ngôi nhà màu vàng trên đại lộ Sherman, gần trường học chúng tôi. Suốt năm học, nếu có nán lại đôi chút để vài đứa táo gan và thăm dò, chúng tôi sẽ thấy hán phía sau bức tường rào, đầu đội mũ len, râu ria gớm ghiếc, la hét những điều chúng tôi sợ đến mức không dám nhắc lại, cho tới khi một bà giúp việc cổ quạt khăn hoa xuất hiện, kéo tuốt hán vào sau cửa ngôi nhà có các ô cửa sổ sơn xanh nhạt, loại màu mẹ tôi nói là thanh nhã, hợp với người nào bị sốc về tâm lí.

Có hai thứ tôi vẫn còn giữ. Một là chiếc mu-tông rạch rưới, vật sở hữu của bà nội, người mà bố tôi coi như cả cuộc đời lúc bà mất. Thứ kia là chiếc áo jắc-két màu lòe loẹt bố tôi thường mang theo mỗi khi ông đi biển, tới tận

(*) Cherry bomb: như một loại pháo "ta".

nơi nào đó trên Thái Bình Dương; ở đó, theo lời ông, toàn những phụ nữ xinh đẹp, hững hờ như cốc rượu vang mùa hạ, ăn nước thì đơn sơ mỗi miếng vãi nhỏ. Nếu bạn từng phân biệt được hai nhán vật này thì bạn đã biết đến một nửa bí mật của tôi rồi. Còn nếu bạn nhắm mắt lại, nâng hai bàn tay vòng lên trên đầu, bước lên phía trước từng bước một cho tới khi đầu các ngón chân chạm phải lớp thảm êm mát, thoải nghiêng tới chỗ bạn phải chùng người xuống và đi lom khom, lối bằng cả đầu gối, lúc đó hãy nghĩ xem bạn sẽ thấy gì. Một hộp xì gà đầy mùi thơm. Chiếc hộp riêng tư cất vật riêng tư của tôi.

Đôi khi, hai em họ tôi, Bea và Eddey ở lại nhà tôi chơi. Ngày bốn tháng sáu hè năm ngoái, Eddey đố một quả cherry bomb trong cái hộp thiếc đựng ngũ cốc của Libby và cố tung nó lên cao vòng qua mái nhà sang ngõ hẻm cạnh đấy. Trước khi vượt qua được cổng, nó bỗng nổ rơi xuống và một miếng sắt tây bé xíu nhằm thẳng mắt Eddey bắn tới. Sau hè, năm học mới bắt đầu mà mặt Eddey vẫn mang một vết rạch và một miếng che mắt. Tối khi tháo nó ra thì con mắt của Eddey đã bị cố định, chỉ nhìn chăm chăm vào một điểm phía trên đầu nó. Eddey đưa cho tôi một quả cherry bomb. Quả cuối cùng của nó. Tôi cất quả cherry bomb đó vào trong chiếc hộp xì gà giữ làm vật kỷ niệm về một thời tuổi thơ tươi đẹp. Thậm chí có muốn mang ra đốt, mẹ liền đe sẽ phạt nặng nếu bà phát hiện ra. Đây là vật đầu tiên người khác cho tôi, không kể tới các đồ mừng Giáng sinh.

Tuy nhiên, duy nhất quyển nhật kí mới thật sự là của

riêng bản thân tôi, tất nhiên không có nghĩa là không còn cái gì khác. Thăng Nick bạn Eddey cứ mở miệng lai tuyên bố rằng lúc nào tôi không còn là trẻ con nữa, nó sẽ đặt tay lên đùi tôi rồi mò mẫm, sờ soạng, khám phá điều bí mật đó. Những điều này tôi đều viết vào quyển nhật kí. Cả cái bộ tóc hung đỏ đặc trưng vùng miền Nam của Nick tôi cũng ghi lại. Tôi viết về chiếc, trên chiếc giường tôi và Bea luôn đẩy sát cửa chặt không cho ai mở. Tôi thường ngồi ghi ghi chép chép tới tận lúc bố tôi về, mang theo một đám bụi xi măng rũ ra từ chiếc áo khoác ngoài.

Một tối, sau bữa ăn, ba đứa Bea, Wanda và tôi rủ nhau ra ngồi trên bậc cửa, gọi tên từng chiếc xe ngang qua, giống như bố thường chơi với chúng tôi trước kia. Tiếng động cơ, những cái bóng lấp loáng, tất cả đều nằm trong danh mục của nó cho tới khi xe của đứa bạn tôi tới. Buick Dynaflo! Ford 53! Bea cầm hòn đá bột vạch vẽ trên bậc cửa tới tận khi Nick cưỡi chiếc xe ghê lở của nó tới. Nghề nghiệp, chênh vênh trên ghi đông, nó đạp xe trong tư thế quay đầu lại phía sau, một trong những tư thế sở trường của Nick. Nick có khả năng biểu diễn mọi tư thế trên xe đạp, cả cái cách yêu thích do nó nghĩ ra và đặt tên là J.C. Đó là kiểu đi xe mà người ta điều khiển đạp nhanh cho xe chạy, rồi đứng thẳng trên yên, hai tay dang rộng giả hình Chúa Jesus bị đóng đinh cầu rớt.

Cậu muốn thử không?

Hiển nhiên tôi muốn quá đi chứ, nhưng Nick thì chưa ghét thẳng nào mớ đến chiếc xe của nó. Việc này thì nó hẳn xin thật, và tôi cũng biết rõ nó chỉ muốn trêu tức tôi mà thôi.

- Trời sắp tối rồi, nhưng nếu cậu thích, tớ sẽ chờ cậu ra quốc lộ, rồi chúng ta quay về.- Lần này nó nói có vẻ thật thà.

- Được thôi, nhưng đừng đi xa quá đấy.

Nói rồi tôi nhảy phốc lên yên sau, sát sau mái tóc hung đỏ của nó. Chúng tôi đã đạp được một dặm dưới bầu trời tranh tối tranh sáng, trên con đường dốc lên dốc xuống hút mắt. Được một lúc, hai đứa mỗi rã rời nên phải dừng lại. Chúng tôi ngồi nghỉ trên vách đá dốc đứng, phồng mắt quan sát con đường rải nhựa lốm đốm ánh sáng vàng vọt buổi chiều tà và đếm từng chiếc ô tô ngang qua. Bên kia đường, về phía con sông, đằng chân trời, mặt trời đỏ ối đang tỏa ánh sáng yếu ớt cuối ngày. Đâu đó phảng phất mùi thịt nướng theo từng cơn gió nhè nhẹ đưa tới. Có lẽ từ căn nhà bên bờ sông.

- Sao, sao kìa, ngôi sao đầu tiên của buổi tối. Tớ ao ước tớ có thể... tớ ao ước tớ...

Nick chả thèm nhìn ngó, nó nói:

- Tớ chả thấy ông sao nào cả.

Tôi chỉ cho nó thấy:

- Đằng kia kìa, sao Bắc Đẩu đấy.

- Sao cậu biết?

- Mẹ tớ chỉ cho tớ biết.

Lần này thì Nick đã thấy. Nó nói

- Tớ dám cá đó không phải là sao Bắc Đẩu.

- Tớ thì chắc đấy là sao Bắc Đẩu. Khi trời tối hẳn, nó sẽ hiện lên bên rìa của chòm Tiểu Hùng Tinh.

- Nếu tới lúc chín giờ mà nó còn đó, tớ sẽ cho cậu mượn chiếc xe đạp cả ngày mai. Nếu không, tớ phải được hôn cậu.

-Ừ, ừ. Nick. Chỉ được cái lấu cái.

- Được rồi, được rồi, cô bé khó tính, cô bé vòng kiềng ạ.- Nói rồi nó túm lấy cẳng tôi, đỡ tôi.

- Bỏ ra,- tôi thét lên và đẩy tay nó ra. Nó lại tiếp tục và tôi lại hất tay nó ra.

- Tớ dám cược chưa có ai dám sờ "cái ấy" của cậu cả.

- Và chẳng có ai sẽ làm vậy.

Hãy xem.- Nó nói là làm liền, nó đẩy tôi nằm vật xuống, thè cái lưỡi mằn mặn vào mồm tôi. Các ngón tay nó mò mẫm vào trong chiếc quần soóc, cào cào khi chạm phải quần lót. Nhanh như cắt, ngón tay nó chọc thẳng vào. Tôi thúi cho nó một quả rổ mạnh, buộc nó phải ngừng cái trò bỉ ổi đó lại. Tôi đứng bật dậy và chạy, không quên cảnh cáo: "Tớ sẽ mách" Nó chộp được chân tôi. Bên tai tôi vang lên: "Đừng mách... Tớ hơn cậu không nên mách". Trên đường về nhà, một câu nói luôn vang lên trong thâm tâm tôi: "Mình không sợ". Tôi nhà, thằng Nick vẫn thản nhiên như không. Tôi nghe tiếng lốp xe rào rạo trên đường. Nó đang lượn lờ sau tôi, vẫn đứng thẳng trên yên, hai tay dang rộng kiểu Chúa Jesus.

Mẹ tôi lo lắng:

- Con gái, con đi đâu đấy? Mẹ vừa bảo Eddey đi tìm con.

- Con ở nhà Janice. -tôi đáp.

Tối đó khi phát hiện thấy thứ nước màu hồng dính ở quần lót, tôi liền đổ một ít nước tẩy ma-nêch vào bồn tắm, hi vọng chưa có gì tồi tệ xảy ra. Mẹ tôi thấy, bà hỏi: "Con làm gì với thứ đó vậy?" "Mổng gà". - tôi đáp lời. Những gì xảy ra tôi đều ghi vào nhật kí. Bên phần "Tôi đang tồn tại trên thế giới này", tôi viết: Nick: da nhẵn chấy nắng, mái tóc hung mềm thơm mùi oải hương, bộ áo liền quần có duy nhất một dải buộc vắt lưng, bởi vậy tôi đã phải túm lấy đôi vai trần mặc dầu nó đầm mồ hôi". Và bên phần "Những không thuộc về nó", tôi viết: Những mong ước tôi dành cho Nick rằng nó sẽ được giáo dục đầy đủ, đi lễ nhà thờ, xử sự cho đứng đắn, đừng bao giờ trêu chọc tôi nữa và phải học lại cái cách hôn hít đó. Tôi cũng viết về Eddey đang giả vờ là nhìn được bằng con mắt thủy tinh như thế nào, và làm sao tôi nghe được nó khóc đêm hôm đó vì nó muốn đi cùng với Wanda Cobes và con bé đã giữu cột lại bằng cách cứ dứ dứ tay trước mặt Eddey. Sáng hôm sau, lúc đưa cho bố phần thức ăn trưa với chiếc bình đựng nước mát, ra đóng cửa tôi thấy Nick đang đứng dựa cửa sổ nhà nó, nhìn qua cây mơ hình chạc ba trong con hẻm nhỏ ngăn cách hai nhà. Thật may, hôm đó là ngày phải giặt giũ quần áo nên tôi chẳng phân vân gì mà mặc kệ nó.

- Bốn đồng quần áo trước khi trời nóng, - mẹ tôi than vãn. Chúng tôi vặn chiếc máy giặt từ cổng vào giữa bếp bằng hai cái ống ở hai bên bàn làm việc của bố. Tôi lột hết chăn, trơ lại hai đứa Bea và Eddey trên giường.

Gia, chiếc đẩy mùi thuốc lá của bố và mùi kem của mẹ. Dưới tấm đệm giường họ, lần nào tôi cũng đều thấy chiếc phong bì đựng vài tờ ngân phiếu cũ hời còn chiến tranh và một quyển sách nhỏ kẹp đầy tem phiếu khẩu phần. Nhưng lần này, tôi phát hiện có thêm một quyển tạp chí. Sự lãng mạn thực sự, trong đó kẹp một tờ bưu thiếp in hình hoa hồng ở bìa ngoài và hàng chữ: "Người tôi yêu đang trưởng thành" không thấy kí tên. Thoạt đầu tôi cứ nghĩ là của bố viết cho mẹ hay ngược lại. Lúc chạy vào bếp tôi chợt phát hiện ra một điều, tôi nhớ tới cái hộp bí mật của mình. Tôi lặng lẽ quay ngược lên gác, vợ đóng đồ rồi đẩy trên sàn đi giặt.

Nick tỏ ra thật gan lì khi nó cứ đứng nguyên một chỗ chờ cho đến khi tấm ga cuối cũng được phơi lên đây. Tôi nhanh tay vớ cây sào chống cho dây phơi khỏi vông xuống và kịp che khuất Nick trước khi nó kịp thốt ra một lời.

- Đã tìm được một cái bàn đạp mới cho chiếc xe của tớ rồi. - Nick hét tướng lên. Tôi bước vào sau tấm kính, quay lại thấy nó đang trượt xuống khỏi cửa.

- Cậu cứ đạp cả ngày cũng được! - nó gào to xuyên qua cả lớp kính. - Dạ, cháu chào cô Wilson!

- Cháu lông bông quanh đây sớm thế để làm gì? - mẹ tôi hỏi. - Cô biết mẹ cháu có dặn cháu việc phải làm trước khi bà về... mà nhìn kìa, chắc cháu còn chưa rửa mặt.

- Cháu đã làm xong mọi thứ. - Nick nói dối, bởi tóc nó trong còn bù xù.

- Vậy thì cháu hãy lôi thằng Eddey dậy giùm cô đi và hai đứa hãy đến cửa hàng mua bột về đây.

Câu nói đó kích thích được Nick. Nó lao vọt qua cửa, lên gác rồi thét vào tai Eddey: "Eddey, chúng ta đi nào!". Tôi đang gọi điện thoại thì hai thằng hồng hộc lao xuống, tranh nhau vượt lên trước trên con đường hẻm không rải nhựa. Chúng nhặt đá ném vào những con chim trên đầu.

- Nào con gái, chúng ta tiếp tục, - mẹ tôi giục, - còn cả một đồng lộn xộn đây này.

Vào những ngày tổng vệ sinh như hôm nay, khi mẹ nói mọi việc rồi sẽ xong thôi, hai mẹ con tôi lại nghỉ một lát, và ăn tất cả những gì cho bữa trưa. Trưa đó, lúc mẹ giành giặt nốt đồng quần áo còn lại, tôi tập trung đoán xem điều bí mật về tấm thiệp in bông hoa hồng vừa nhặt được. Giá mà Nick cũng tặng tôi tấm bưu thiếp như vậy nhỉ! Nhưng tôi không hình dung ra mẹ khi bà ngắm nhìn bức ảnh người đàn ông đang ôm người đàn bà trên bìa quyển "Sự lãng mạn thực sự". Tôi làm hai chiếc bánh kẹp hành và mù tạt cho mình và Bea rồi đi quần quanh quanh sân phơi, chờ xem thằng Nick có thể luẩn quẩn quanh đó để lại làm bộ mặt kẹ cho bõ.

Khi mặt trời lên đỉnh, Eddey và Nick về, ủa vào trong bếp uống cốc nước mát. Nick nhe miệng cười qua vai Bea, lúc đó đang phàn nàn với mẹ tôi nó nóng làm sao, nước con sông Missouri dâng lên bao nhiêu sau mấy trận mưa vừa qua đã tràn đầy cái ao, thậm chí không giọt nước đọng từ đầu hè và mặt nước êm lặng đến lúc nhìn thấy cả nòng nọc và cả những lời bố tôi cảnh cáo mặc dù ông vẫn thường bơi ở đó.

Lúc Eddey lên phòng, Nick nói tôi có thể đi bơi cùng nếu muốn. Tôi không bơi được, và tôi đoán Nick cũng biết rõ điều đó, bởi nó hỏi rất nhẹ nhàng, ý nhị.

- Đêm qua tôi thấy chòm Đại Hùng Tinh. Cậu có thể đi xe của tôi ngày mai cũng được, hôm nay cậu giải quá nhiều rồi.

- Tôi không cần xe của cậu. Việc cậu làm chẳng ra sao cả. Vả lại, bố tôi đang lắp cho tôi một cái, và đó sẽ là chiếc xe của con gái.

- Không thể có một chiếc xe cho con gái được - Nick nói, - Không có một cái khung nào kiểu đó ngoài bãi thải cả.

- Được rồi, các cháu có thể đi, - mẹ tôi nói -, nhưng Nick nhớ phải trông chừng Eddey đấy. Mắt nó không còn sáng lắm đâu. Không được nghịch quá trốn dưới nước đâu đấy. Và tất cả phải về ăn tối nghe không?

Nick nháy mắt ra chiều hỏi tôi có đi không, nhưng tôi chỉ tròn tròn mắt đáp lại. Nó chẳng thêm hỏi thêm, đẩy Eddey ra ngoài cửa, rồi chúng nhảy thót lên chiếc xe của Nick, phóng thẳng đến vùng sông Missouri.

Cece, đứa bạn thân nhất của tôi, về thăm bà nó suốt từ đầu hè. Nhà xa nên chúng tôi chẳng gặp nhau được. Tôi đành rủ Wanda vậy, tuy nhiên tôi chẳng đại gì nói với nó những bí mật của tôi. Thực ra cái duy nhất tôi ghen tị với nó là mái tóc thẳng và dài được tết thành hai bím. Wanda còn làm cho mái tóc dài thêm bằng những chiếc kẹp nhựa màu ở đuôi tóc.

- Cậu đi chơi không? - Wanda hỏi qua cửa.

- Thu quần áo và gấp lại rồi hãy đi, - mẹ nói.

Tôi đặt tất cả vào sọt để là rồi chạy đi chơi với Wanda. Dưới gốc cây táo, hai đứa ngồi chà từng cục đá lên tay, lên chân. Đó là một buổi chiều êm ả.

- Tớ có một điều muốn nói với cậu, - Wanda thì thào.

- Gì vậy?

- Cậu hãy đoán xem, - nó nói nửa vờ.

- Chịu thôi.

- Có đây, - nó nói và thọc tay vào túi quần. Rút mãi mới ra được, giờ lên nói: - Nhìn đây.

Đó là một quyển nhật kí dày nhưng nhỏ, màu nâu. Trên bìa nổi bật dòng chữ mạ vàng: "Cuốn nhật kí 5 năm". Nó lại thò tay vào túi và lấy ra chiếc chìa khóa, khéo léo mở quyển nhật kí ra. Hóa ra nó giống hệt quyển tôi có.

- Đọc xem, - Wanda nói.

Tôi cầm lấy quyển sách, nhận ra từng trang đều có một dòng để ngày viết trong năm năm đó. Đến giờ tôi mới biết Wanda, người thậm chí không phải là bạn thân của tôi, cũng đã làm cái việc giống y hệt tôi, đến cả những gì tôi đã làm cho Gray. Cô Gray là cô hàng xóm của tôi. Cô béo quá mức, béo đến nỗi không nâng hai tay vòng lên đầu được và tôi phải bôi dầu để chải và tết bộ tóc dày, dính xin xít cho cô. Từ lúc cô không còn đi lại thoải mái được nữa, tôi phải chạy ra cửa hàng mua thuốc lá và xúc xích chạy, bởi vì cô đang kiêng khem để giảm cân. Đôi lại tôi thường được cô cho hai đôla tiền xu để mua báo - phương tiện tôi coi là gián tiếp ghi lại những kỉ niệm trong năm năm của đời mình.

Tôi thấy đọc những dòng nhật kí của Wanda đã quá đủ.

- Tổ không thể nào đọc chữ câu được. - tôi nói.

Wanda lấy lại quyển sách, và đọc cho tôi: "Ngày hôm nay tôi đã thành người lớn. Tôi chả cảm thấy điều gì khó khăn như mọi người thường nói. Giờ đây, tôi được đi giày cao gót, có thể mang tất dài dờ, và biết rằng tôi đã dẹp bỏ mọi thứ trò trẻ con tôi thường làm. Tôi thực sự hạnh phúc". Cậu hiểu chứ?

- Rồi, tuyệt vời.

- Tổ thì nghĩ bọn con gái nên viết nhật kí, đưa nào chả trải qua giai đoạn này mà. Đó là ngày ai cũng nên ghi nhớ. Cậu cũng phải có một quyển đi.

- Ủ, - tôi đáp.

Trước khi bố về đến nhà, tôi đã phải cố gắng để thuyết phục Wanda rằng nếu đeo những chiếc kẹp uốn tóc trước khi đi ngủ, trông nó sẽ rất giống Lena Horne. Lúc đó trái với những gì tôi thấy, nó chỉ coi mái tóc của nó như một mớ rối tung.

Đến bữa ăn tối, tôi đã chán ngấy Wanda và thấy như thoát được nợ khi chạy ra sông tìm Nick và Eddey. Mẹ dặn đi dặn lại Wanda phải đi cùng tôi. Hai đứa đi tha thẩn, nhảy lò cò trên những viên gạch lát đường cho tới lúc ra tới con đường xi măng. Chúng tôi chạy nhanh xuống con dốc trên quốc lộ, đợi lúc ô tô vãn, liền chạy ngang qua đường, thung lũng nhỏ lấm đầy bùn tới bãi đất trống tối, hành, măng, thêm chút nữa thì tới vùng cây cỏ dại thấp lè tè. Đứng đây chỉ còn nghe thấy tiếng sóng rì rào của con sông, tiếng vỗ ì oap, ì oap.

Phía bên kia khóm cây dại, Eddey đang nằm xoài trên đất, tay dang rộng, hững hờ. Cái gì đó rần rật chạy trong

người làm tôi sờn gai ốc. Điềm gì chẳng? Tôi vội vàng chạy bổ về phía đó. Tôi đứng cách nó một quãng vừa đủ để nhìn được con mắt hồng của Eddey đang mở trừng trừng. Giật mình nó bật tỉnh, con mắt còn lại này mới mở nổi. Trong khoảng khắc ấy tôi hiểu ra rằng chẳng phải từ khi gặp tai nạn với quả cherry bomb khốn kiếp tôi mới mục kích Eddey ngủ mở mắt, mà còn chưa biết là trước đó nó cũng như vậy.

- Mày làm gì mà nằm ngủ ở đây? Nick đâu rồi?

- Tìm một quá, còn Nick thì chưa muốn lên, nó vẫn ở dưới kia. - Eddey đứng dậy nói, mặc áo lót vào rồi vớ ngay lấy xe đạp của Nick dựng bên cạnh

Wanda và tôi tối sập bờ sông lớn tiếng gọi Nick. Chúng tôi gọi đi gọi lại: "Nick! Nick! Bọn tớ đi về đây, mang theo chiếc xe của cậu nữa!"

"Nick!", tiếng Eddey vang lại từ phía bờ bên kia. "Nick!" nó gọi tiếp và lần này thì tôi sờn gai ốc lên. Tôi và Wanda không tự chủ được nữa.

- Nick! Lên đi nào! - Chúng tôi căng mắt nhìn xuống nước cũng không thấy gì ngoài lớp bùn màu xanh.

Chúng tôi chạy quanh bờ tới chỗ Eddey

Nick ở đâu? Khi mày lên thì Nick đang bơi ở đâu?

- Kìa kìa, Eddey chỉ tay, - ở ngay giữa đó. Nick bơi cừ lắm. Đợi tí nữa xem nào, nghe xem có tiếng động không?

Không được, - Wanda nói, - bọn mình phải tìm ngay thôi. Nếu việc gì đó không may xảy ra thì sao.

Tôi đã chán lắm rồi, chán hơn ai hết, hơn tất cả mọi thứ. Hãy đợi, - tôi lặp lại lời Eddey.

- Tớ đi đây,- Wanda nói và chạy vù đi. - Tớ sẽ gọi bố mẹ mọi người. Mẹ tớ sẽ cầu mây. Tớ chả có việc gì ở đây cả.

Nick sẽ lên thôi! Nick sẽ lên thôi!- Eddey lăm bắm, mắt vẫn dăm chiêu nhìn xuống sông, hi vọng bắt gặp dấu đó ánh trắng đôi hàm răng và cái đầu rậm ló ra từ góc bụi rậm xung quanh, tiếc cái xe đạp chúng tôi cưỡi về nhà. Trên đường, nếu gặp bố, tôi sẽ nói với ông rằng chẳng sao cả, và giương mắt kiêu hãnh nhìn Wanda, đưa tôi cho là hợm hình, làm ra nó biết điều lắm.

Nick sẽ lên thôi. Khi tôi có được chiếc xe riêng, Nick sẽ không được mó đến, trừ phi nó thể rằng sẽ không tỏ ra khinh bạc, coi chiếc xe như là đồ phế thải chả cần để mắt tới; trừ phi nó nói: "Chúng ta cùng đi nào", và xin lỗi tôi vì những hành động xấu xa của nó. Tôi đang tồn tại trên thế giới này, nhưng không thuộc về nó. Tôi đang tồn tại trên thế giới này.

Eddey và tôi kiên trì đợi, đợi mãi vẫn không thấy Nick đâu. Mặt hồ đang dần chuyển màu xanh thẫm. Ánh nắng rọi xuyên qua đám lá như những đốm lửa. Bố tôi là người đến đầu tiên, mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt, đầu ông lắc lư, hai tay vung mạnh, vượt qua đám cỏ cao tiến về phía chúng tôi. Mẹ tôi tới sau đó, vẫn trong bộ đồ nội trợ in hoa, lo lắng gọi tên từng đứa cứ như bà không thấy chúng tôi đâu cả. Tiếp đến là bà mẹ Nick, "Tối tệ rồi", tôi nhủ thầm. Bà cứ khoác nguyên bộ đồng phục màu xanh xám xen lẫn đồ chơi của người điều khiển thang máy thẳng từ cơ quan chạy tới gào to: "Nick!" Cuối cùng là Bea, Wanda và bà Coles dắt theo Puddin, nửa đi nửa chạy rồi đứng trăn

trên phía ngoài. Mọi người hỏi nhau âm ỉ cả lên. Mẹ Nick túm lấy vai Eddey lắc mạnh ra điều nó biết tất cả. Mẹ tôi kéo bà ra và bố cứ để nguyên cả bộ quần áo lao động nhảy ùm xuống nước. Mẹ Nick khóc vật vã làm mẹ tôi phải an ủi: "Nào, bình tĩnh, mọi thứ sẽ ổn cả thôi". Eddey thì nhắm chặt hén mắt không tạt cửa nó lại, còn tôi thì thắm cầu Chúa phù hộ cho mọi người. Khoảnh khắc ngắn ngủi sau đó, bố tôi nhô ra khỏi mặt nước, cầu nhau, lặn xuống rồi lại ngoi lên cầu nhau. Ông hét lên "Đưa bọn trẻ ra khỏi đây! Đưa chúng về đi" Wanda và bà mẹ chạy vội lên đường cao tốc, mẹ tôi bắt cả bọn lùi ra sau lùm cây. Mẹ Nick đẩy mẹ tôi ra, lao lên như thể bà chực nhảy ùm xuống nước.

Lúc bố tôi đặt thi thể Nick lên cỏ, tôi thấy cánh tay nó gập cong, khó có thể nắn thẳng lại. Mẹ tôi dìu mẹ Nick lại gần và họ nắm chặt lấy hai cánh tay cong queo đó cho tới tận khi xe cứu thương đến. Họ phủ vải lên mặt Nick, khiêng nó đi. Hai bà mẹ đi cùng với họ. Mẹ Wanda chở những người còn lại về trên chiếc Dynaflo.

Đêm đó mẹ cứ ôm bụng khóc hoài. Eddey đẩy giường ra chèn cửa để không ai vào được phòng nó. Bố an ủi tôi bằng cách cho phép tôi thức đến bao giờ cũng được để tưởng nhớ người bạn, ông thì ngồi trên bục cửa đốt thuốc. Thành thoảng tiếng đĩa chân sệt soạt vang lên và tôi biết ông đang ngủ gà ngủ gật, đôi lúc bừng tỉnh trong màn đêm. Bèa miệng cảm như hén, dường như nó không có ổ đó nữa. Tôi ngồi thức trên giường nghĩ vẩn vơ, nghĩ về cái bất tận của thời gian, cứ như là bị kết án phải chờ đợi điều gì đó không bao giờ xảy đến. Tôi chẳng cảm thấy gì cả, ngay cả

khóc. Duy nhất có cảm giác trống rỗng của hư vô, sự trống vắng khắc khoải và sợi dây ràng buộc đã thít chặt thêm tự lúc nào.

Đò dầm trong bóng tối, tôi gạt riêng chiếc mũ-tông và chiếc áo len rách rưới của bố, duỗi hai tay ra và bò bằng cả chân lẫn tay xuống dưới chỗ cất chiếc hộp. Mặc dầu tháng hè vừa qua đã để lại trong tôi rất nhiều kỉ niệm, những kỉ niệm, không thể phai mờ trong tâm trí, nhưng tôi vẫn chẳng biết viết gì vào quyển nhật kí.

Tôi tìm được quả cherry bomb. Vào trong bếp, tôi vớ lấy hộp diêm trên giá treo ở trên cái lò nướng và trườn và ngoài sân. Lại tiếng chân sột soạt nhưng tôi vẫn lên đi qua sân ra đến con hẻm, tôi tận bên sân nhà Nick rồi ra lề đường.

Từ vách đá mát rượi, tôi lắng nghe tiếng rì rào của con sông lẫn át tiếng ù ù của đàn châu chấu bay. Một dải ánh sáng bạc chập chờn trôi xuống trải dài trên con đường màu xám và cong. Khi ngòai quả cherry bomb kêu xèo xèo, tôi ném nó lên cao, ra phía xa. Quả cherry bomb nổ tung mang theo cả mùa hè.

EDWARD P.JONES

LÊ THỊ OANH dịch

MARIE

E. P. Jones sinh ra và lớn lên tại Washington. Ông tốt nghiệp trường đại học Holy Cross và đã nhận được học bổng nghiên cứu sinh Henry Hoyns tại khoa sáng tác văn học trường Đại học Virginia. Ông cũng nhận được học bổng của Hội Bảo trợ Nghệ thuật Quốc gia năm 1986. Ông đã cho ra mắt bạn đọc nhiều tác phẩm có giá trị. Đi lạc trong thành phố là cuốn sách đoạt giải thưởng Hemingway cho tác phẩm đầu tay hay nhất.

Cứ khi nào cao hứng là những người trong Cục Bảo hiểm Xã hội (SSI) của liên bang lại viết thư cho gọi Marie Delaveaux Winlson đến kiểm tra lại. Lá thư bỏ trong chiếc phong bì mẫu trắng không dán tem được viết bằng một thứ tiếng nước ngoài và Marie đã phải bỏ ra mấy năm trời để cố học cho được. Và trong suốt những năm đó, bà đều nhận được những lá thư của SSI gửi đến, do một người là Smith kí tên. Một lần, vì có một số điều quan trọng cần phải nói với Smith, Marie đã gọi đến số máy bao giờ cũng

ghi ở đầu mỗi lá thư. Nhưng trả lời điện thoại theo số máy đó lại là một người đàn bà và bà ta nói rằng ông Smith đang bận dự một cuộc họp kéo dài cả ngày. Một lần khác, bà lại gọi đến số máy đó và một người đàn ông nói rằng ông Smith đang đi nghỉ hè. Rồi một hôm, người đàn bà trả lời điện thoại bảo với Marie rằng ông Smith đã qua đời. Bà ta bảo Marie hãy chờ một lát để bà ta gọi một người khác đến tiếp chuyện về trường hợp của bà. Nhưng Marie cho rằng sau khi vô tình gọi điện cho một người đã chết thì thế nào cũng gặp xúi quẩy và thế là bà dập máy.

Nhưng thật kì lạ, những năm tháng tiếp sau cái lần người đàn bà nọ báo tin rằng ông Smith đã chết, bà vẫn tiếp tục nhận được những lá thư mang chữ kí của John Smith. "Hãy đến văn phòng của chúng tôi tại phố 21, nhà M, khu Tây Bắc", lá thư vẫn được viết bằng thứ tiếng nước ngoài như trước. "Hãy đến để chúng tôi có thể biết được có phải bà vẫn bị mù một mắt hay không, để chúng tôi biết có phải bà đã già và ngày càng già không. Hãy đến để chúng tôi xem xem bà có đáng được nhận tiền trợ cấp của SSI nữa không".

Bà luôn luôn tuân theo những mệnh lệnh được viết trong thư, dù mệnh lệnh đó là từ một người đã chết, vì bà biết có người đã bị cắt khỏi danh sách trợ cấp của SS vì đã không đến, hoặc đến muộn theo những mệnh lệnh trên. Và một khi đã bị cắt khỏi danh sách đó thì chắc hẳn bạn phải lên tận Thiên đình hay xuống dưới Địa phủ may ra mới lấy lại được. Cho nên thậm chí trước cái ngày sẽ phải lên trình diện ở SSI, một sớm tháng ba khí trời dễ chịu, bà đã dậy từ tờ mờ dấy để tắm rửa, ăn uống, thanh toán tiền xe buýt, tiền quần áo, lắng nghe buổi giảng đạo trên đài phát thanh. Bà đã 86 tuổi đã hiểu ra rằng cuộc đời là một

chुối những sóng gió, bất ổn đau đớn và cách duy nhất để có thể sống nổi là sẵn sàng đón nhận những sóng gió ngay cả trong những giây phút bình yên nhất. Hãy cứ thử đưa một lát bánh mì khô cho một con chim ốm yếu mà xem, bạn sẽ phải rút về với một ngón tay đẫm máu.

Trong thư, John Smith bảo bà đến lúc 11 giờ, đó là thời gian thích hợp với ông. 9 giờ sáng, bà đã tắm và ăn sáng xong. Thay quần áo vào lúc 9 rưỡi.

Đi bộ từ Claridge Towers ở phố 12, khu nhà M đến trạm đỗ xe buýt ở phố 14, nhà K mất khoảng 10 phút. Bà biết rằng sẽ có một chuyến xe buýt đến đó vào lúc 10 rưỡi, nhưng bà muốn đi chuyến xe trước đó nữa để dễ phòng chuyến xe 10 rưỡi có gì trục trặc. Thay quần áo xong, bà ngồi trong phòng ăn và nghĩ đi nghĩ lại xem mình cần phải mang theo những giấy tờ gì và cần phải chuẩn bị những gì. Cuộc sống buộc phải thế - đặc biệt là đối với những câu hỏi mà người trong SSI sẽ đặt ra - bà luôn luôn chuẩn bị nhiều thứ hơn là những điều họ có thể hỏi đến - thí dụ: giấy khai sinh, giấy chứng tử của chồng bà, những lá thư các bác sĩ.

Bà đã ghi vào sổ tay những việc cần phải làm và một trong những việc đó là mang theo con dao, dài khoảng 18,5cm có lưỡi khía răng cưa ở cả 2 đầu mép dao. Những lưỡi khía này do chính tay bà khía lấy, bằng một lưỡi cưa nhỏ mượn của hàng xóm. Đến bây giờ thì bà tin rằng chính con dao này đã cứu mình cách đây khoảng 2 tuần. Trước đó, bà chẳng mấy khi để ý tới việc khi nào thì cần phải mang dao theo người vì chẳng bao giờ mang theo con dao này vào ban ngày. Nhưng bây giờ, bà sẽ không bao giờ rời khỏi con dao, kể cả khi xuống dưới nhà để đổ rác.

Hôm đó, bà ra phố để mua một suất ăn hộp bằng yếm mạch, đúng một hộp, không nhiều cũng không ít hơn. Lúc

đó vào khoảng 7 giờ tối, trên phố khá đông người đi xe thẳng đến đường 13 khiến bà cảm thấy an toàn. Khi còn cách nhà kho chừng vài mét, một thanh niên từ phía sau bà đi vượt lên và tìm cách thọc tay vào túi chiếc áo choàng của bà, chắc hẳn tưởng bà để tiền ở đó, nhưng thường cứ sau 5 giờ chiều là bà không dám để ví tiền và cuốn sổ tay ở túi áo ngoài. Bà để tiền ở túi khác cùng với con dao và khi bàn tay của thằng ăn cắp thò vào chiếc túi rỗng thì bà đã kịp rút con dao ra và rạch ngay vào tay hắn đúng lúc hắn định rút tay ra khỏi túi áo bà.

Hắn găm lên và gọi bà là đồ chó cái già. Hắn bước vài bước đến đường 13 và đứng trước cửa chợ Emerson để xem lại bàn tay bị thương và lau vết máu đọng trên tay. Ngoài những chiếc xe đi lại trên đường 13, chẳng có ai ngoài họ và bà bắt đầu cầu nguyện.

"Mụ đã chém ta", hắn nói, cứ như thể hắn đang mỉa mai tới công việc của hắn thì bị bà chém vào tay. "Nhìn đây, mụ đã làm gì bàn tay của ta", hắn nói và nhìn quanh như muốn tìm người làm chứng cho hành động tội ác của bà. Máu chảy không nhiều, nhưng cũng đủ cho bà thấy nó đang nhỏ từng giọt xuống vỉa hè. Thằng móc túi chỉ khoảng 20, không quá 25, ăn mặc như kiểu ngày nay mọi người vẫn thường mặc, nghĩa là giống như một người mù chất tất cả mọi màu sắc lên người. Bà chợt nảy ra ý định sẽ nói với hắn rằng bà có bảy đứa cháu trạc tuổi hắn, hi vọng như vậy hắn sẽ để cho bà được yên. Nhưng rồi hắn càng nói ra những lời tục tĩu thì bà càng muốn hắn tiến lại phía bà một lần nữa.

"Mày đã làm cho tao thành tàn tật, đồ chó cái già".

"Tôi biết", bà nói, không một chút ác ý, cũng không hề hân hoan với chiến thắng, lúc đó đơn giản là bà nói để mà nói. Bà nắm chặt con dao hơn và đồng thời xoay nhẹ

người về phía hấn để con mắt tinh tường của bà có thể dễ dàng quan sát hấn. Tim bà đập loạn xạ, bà muốn thoát khỏi hấn, muốn an toàn trở về nhà. Nhưng một tiếng nói nào đó cứ thì thầm với con tim bà: “Ta chẳng việc gì phải xúc động cả. Ta đã từng nhận được nhiều hơn thế kia”.

Hình như tiếng nói đó đã làm hấn dịu đi đôi chút. Vừa chùi vết máu ở tay, hấn vừa lùi lại vài bước và điều đó đã khiến bà thất vọng. Ta chẳng việc gì phải xúc động cả, tiếng nói kia lại tiếp tục cất lên. “Mày là một con điên, quả là điên”, hấn nói. “Mụ già điên rồi”. Rồi hấn quay đi và nặng nề tiến về phía Logan Circle, nhiều lần hấn quay đầu lại như sợ bà đi theo. Một người đàn ông từ chợ Emerson đi ra, tiếp đến là một phụ nữ với hai cậu bé. Bà muốn tóm lấy một người trong họ và bảo với họ rằng bà đã suýt mất mạng. “Tôi đã tự cứu mình bằng cái vật này đây”, bà sẽ phải nói như thế. Bà quên khuấy suất ăn bằng yến mạch và tha trái tim rách nát của bà trở về nhà. Bà tự nhủ rằng cần phải xóa sạch vết máu của hấn trên con dao, nhưng không làm được việc đó. Vài ngày sau, vết máu khô đi và bắt đầu bong ra khỏi con dao.

*

* *

Gần mười giờ sáng hôm đó Wilamena Mason gõ cửa và tự vào phòng bằng chiếc chìa khóa mà Marie đã đưa cho.

“Tôi biết là chị sẵn sàng rồi”, Wilamena nói.

“Lạy Chúa”, Marie nói, “Làm một tách cà phê nhé?”

“Không, cảm ơn”, Wilamena nói và thả mình vào chiếc ghế cạnh bàn. “Tôi đã uống quá nhiều cà phê tối qua rồi, tôi lại vừa từ quán cà phê về. Suốt đêm qua ở bên Calhoun”.

“Anh ấy sao rồi?”

Wilamena nói với bà rằng sáng nay Calhoun đã khá hơn, trong suốt tuần qua, đó là buổi sáng đầu tiên Calhoun cảm thấy khỏe khoắn. Calhoun Lambeth là bạn trai của Wilamena. Đó là một ông già 75 tuổi mà Wilamena đã quen cách đây khoảng sáu tháng chứ không hơn, khi ông chuyển đến đây. Ông là người đàn ông bảnh chọe nhất so với tất cả những người đàn ông Marie đã từng gặp, nhưng ông luôn luôn đau ốm, ngay cả khi chống chiếc can đầu bịt vàng và tỏ ra hùng dũng. Với tình cảm đó, bà có thể đếm được những ngày còn lại của ông trên đầu ngón tay. Bà tránh chuyện trò thân mật với ông. Bà không thể hiểu nổi tại sao Wilamena có thể bắt bỏ với bất kì người đàn ông nào trong khu Claridge Towers hay trong bất kì khu nhà nào dành cho người về hưu, lại có thể đưa một người đàn ông như vậy lên giường mình. “Tình yêu chân chính mà” Wilamena giải thích. “Đừng có để bị đau tim đấy” Marie nói và cố tỏ ra thông cảm với mối quan hệ của Wilamena.

Hai người đàn bà rời khỏi nhà. Marie không muốn nhận sự giúp đỡ của ai cả, bà sợ rằng sẽ phải lệ thuộc quá nhiều vào người đó. Nhưng từ khi bà gặp phải thằng móc túi nọ, Wilamena cứ đòi được hộ tống bà. Không muốn tranh cãi, đôi lúc Marie đã để Wilamena đi cùng tới bến xe buýt nhưng chỉ tới đó chứ không xa hơn.

Lí lẽ của Marie về cuộc sống chẳng khớp gì với thực tế và cũng đổi thay thất thường như thời tiết ở Washington. Hai hôm trước, nhiệt độ lên tới bốn mươi độ, vậy mà hôm

qua đã tụt xuống dưới hai mươi độ, thế rồi trời lại nóng lên một chút và đến chiều bất chợt có tuyết rơi. Hôm nay, dài báo trời sẽ ấm lên và chỉ cần mặc một chiếc áo len là đủ, nhưng Marie vẫn mặc áo khoác. Và ngày mai dài lại báo nhiệt độ có thể là ba mươi độ và sẽ có một chút tuyết rơi.

Giờ hẹn mà rơi vào lúc gần mười hai giờ thường là chẳng được việc gì, vì những người trong SSI vẫn hay bỏ đi ăn trưa quá sớm và phải tới hơn một giờ chiều họ mới trở lại cơ quan. Ngoại trừ một vài nhân viên hình như phải làm việc cả trong giờ ăn trưa, còn thì cơ quan gần như đóng cửa. Marie chưa bao giờ được một người nào đó làm việc trong giờ ăn trưa tiếp chuyện. Hôm nay, mặc dù giờ hẹn là mười một giờ, bà vẫn chờ đến một giờ rưỡi chiều, cho đến khi cô tiếp viên trong phòng chờ nói với bà rằng hôm khác hãy đến vì người đàn bà giải quyết trường hợp của bà hôm nay không có mặt ở cơ quan.

“Thế mà lúc tôi đến cô lại ghi tên tôi vào sổ cứ như là mọi việc đều bình thường ấy”. Marie nói với cô tiếp viên ngồi sau cái bàn trong phòng chờ.

“Tôi biết rồi”, cô tiếp viên nói. “Nhưng tôi tưởng là bà Brown ở trong phòng kia. Người ta bảo với tôi là bà ấy trong phòng mà. Thôi tôi xin lỗi”. Cô ta bắt đầu viết vào cuốn nhật kí công việc đặt giữa chiếc máy điện thoại và bộ ảnh tam bình. Cô đặt vào tay Marie một mảnh giấy và lại xin lỗi bà.

“Sao cô lại để tôi phải chờ lâu quá như thế, trong khi bà ấy không có mặt ở đây?” Bà không muốn nói quá nhiều, không muốn tỏ ra quá thất vọng, bởi vì như vậy những người trong SSI sẽ không tha thứ, cho dù bà vẫn thường phải chờ ba, bốn giờ đồng hồ và thật hết sức vô lí

khi không có một ai để tiếp bà đằng sau những tấm ván ngăn mà những người SSI dùng làm văn phòng kia. “Tôi đã có mặt ở đây từ trước mười một giờ”.

“Tôi biết rồi”, cô tiếp viên ngồi sau bàn nói. “Tôi biết. Tôi đã trông thấy bà ở đây rồi, thưa bà, nhưng tôi thật sự không biết rằng bà Brown lại không có mặt ở đây”. Một tấm biển đặt trên bàn cô ta có ghi tên *Vernelle Wise*. Cái tên được những trái tim mềm yếu chú ý, cái tên khiến một đứa trẻ có thể nhắc gọi.

Marie không nói gì thêm và rời khỏi phòng.

Hai tuần sau lại có một cuộc hẹn vào tám giờ ba mươi, đó là một giờ tốt và trước ngày hẹn, bà lại nhận được lá thư do ông John Smith kí, nhắc nhở bà về cuộc hẹn đó. Bà hi vọng chậm nhất là mười hai giờ, mọi việc sẽ xong xuôi. Trước mười một giờ, bà đã ba lần hỏi Vernelle Wise xem cái nhà ông Green, người đang chịu trách nhiệm giải quyết công việc của bà có mặt ở cơ quan không và lần nào cô ta cũng quả quyết rằng ông ấy đang có mặt trong phòng. Mười hai giờ, Marie ăn một trong hai trái cam và ba trong năm miếng thịt ngỗng mang theo. Đến một giờ bà lại hỏi xem có thật là ông Green sẽ gặp bà hôm nay không và lễ phép nhắc Vernelle Wise rằng bà đã chờ suốt từ tám giờ sáng cho đến tận bây giờ. Vernelle cũng tỏ ra lịch sự và bảo rằng bà sẽ không phải chờ lâu nữa.

Lúc một giờ mười lăm, Marie bắt đầu nhìn những chiếc kim đồng hồ chậm chạp nhích dần theo vòng tròn trên mặt đồng hồ. Bà không chú ý lắm đến những người xung quanh, nhưng hình như mỗi lúc càng có thêm nhiều người đến chờ. Sau khi lại hỏi về ông Green một lần nữa, bà đến

ngồi vào một chiếc ghế ở hàng đầu và thời gian cứ thế trôi đi, bà nhận thấy mình đang lắng nghe đoạn đối thoại giữa Vernelle với cô tiếp viên khác ngồi cạnh.

“Tao bảo hần... Tao bảo hần... Tao bảo hần hãy nhặt nhanh đồ đạc của hần rồi xéo đi”, cô tiếp viên kia nói, cô này không có tấm biển ghi tên đặt trước mặt.

“Thế hần có đi không?” Vernelle tò mò.

“Ồ không”, cô kia nói, “Lúc đầu thì không. Nhưng rồi tao cầm lấy mấy thứ đồ dùng của hần, cả cái áo vét tông mà hần rất quý. Tao cầm cái bật lửa và cái áo rồi vờ làm như sắp châm lửa đốt, thế là hần vội bỏ đi”.

Vernelle phá lên cười, “Ước gì tao có mặt để chứng kiến cái cảnh ấy”. Cô vừa nói vừa giũa móng tay. Thỉnh thoảng cô lại ngấm nghĩa nó như để kiểm tra kết quả công việc của mình và nếu hài lòng thì thổi nhẹ lên móng tay và cái giũa. “Hần có trở lại không?” Vernelle hỏi.

Cô nhân viên kia nhìn Vernelle, “Mày nghĩ gì đấy?” và họ cùng phá lên cười. Khoảng hai giờ, Marie bắt đầu thấy đói, nhưng bà không muốn ăn nốt phần thức ăn còn lại, vì không biết còn phải ở đây bao lâu nữa. Ở góc phòng có cái máy bán nước xôđa, nhưng tất cả các loại xôđa đều khiến bà tê răng.

“Mày biết ai đã gọi điện lại cho mày không?” Cô tiếp viên kia hỏi Vernelle.

“Tao hi vọng thế”, Vernelle nói, “Hần lanh lợi ra phết. Và hình như cũng là người tử tế. Hần đã làm tao đổ khi nói hần là thợ máy sửa chữa ô tô. Trong suốt buổi tối, tao đã cố nhìn trộm móng tay của hần và tất cả mọi thứ trên người hần. Tao muốn biết chúng có bẩn không và chúng như thế nào”.

“Ồ, thợ máy có thể sẽ được việc đấy nếu mày lấy lại cái xe. Thành người yêu của con em họ tao cũng đã làm nghề thợ máy và nó kiếm được khá tiền đấy, con ạ. Tao muốn nói là những đồng tiền lương thiện ấy”. “Hừ”, Vernelle nói. “Dù sao thì bọn trẻ cũng thích hẳn, nhưng mày có biết giữa họ có quan hệ đặc biệt như thế nào không”.

“Nói cho tao biết đi. Họ đã làm những việc mà mẹ mày và ba mày đã từng chứ gì, hử? Chỉ có điều là ở mức độ khác thôi”.

“Mày hãy nói lại đi”, Vernelle nói. Marie tiến lại và nói với cô rằng bà đã phải chờ đợi khá lâu rồi.

“Nghe đây”, Vernelle nói, tay cầm chiếc giũa móng tay chỉ vào Marie. “Tôi đã nói rằng bà sẽ phải chờ lâu đấy. Hôm nay bận lắm. Vì vậy, tôi nghĩ là bà nên về ghé ngồi đi và chờ đến khi tôi gọi đến tên”. Cô tiếp viên kia bắt đầu cười khúc khích.

Marie đi vòng qua phía bên kia chiếc bàn và tát cho Vernelle Wise một cái bằng tất cả sức mạnh trong người bà. Vernelle buông rơi chiếc giũa móng tay và khi chiếc giũa chạm xuống tấm phủ bằng chất dẻo bên dưới chiếc ghế của cô thì gây ra một tiếng động nhỏ. Nhưng không ai nghe thấy tiếng động, bởi vì ngay lúc ấy Vernelle bắt đầu gào khóc. Cô nhìn Marie, như thể bà đã không công nhận sự tồn tại của cô và trong giây lát, cái nhìn cứ như là nhu cầu không thể thiếu được của cô. “Ôi, ôi”, Vernelle Wise nói trong nước mắt. “Ôi, lạy Chúa tôi...”

Cô tiếp viên kia, ngồi trên chiếc ghế quay, vươn người qua Vernelle và vòng tay ôm lấy cô. “Bảo vệ!” Cô tiếp viên gào lên. “Chúng tôi cần bảo vệ ở đây”.

Người lính gác ngoài cửa lập tức chạy vào phòng và đến chỗ Vernelle, một tay anh ta lăm lăm khẩu súng, tay kia chỉ vào những người đang ngồi trong phòng chờ như sẵn sàng kết tội một ai đó. Marie đã ngồi xuống ghế và đang nhìn hai cô tiếp viên với vẻ gần như đồng cảm, cứ như là có một kẻ lạ mặt nào đó đã vào phòng, đã đánh Vernelle và đã bỏ chạy.

“Mụ ta đã tát Vernelle đấy!” Cô tiếp viên kia nói.

“Ai tát?” Người lính gác hỏi và tiến lại người đàn ông ngồi cạnh Marie. Nhưng khi cô tiếp viên kia nói chính bà già mặc áo khoác màu xanh da trời kia mới là người đã tát Vernelle, thì người lính lùi lại giây lát, hình như anh nghĩ rằng nếu tóm cổ bà già kia thì khác nào đã bắt chính bà mình. Anh ta đứng yên, mắt chớp chớp và anh ta sẽ cứ chớp mắt như thế nếu Marie không đứng lên và bỏ ra ngoài.

*

*

*

Quá sốt ruột vì chờ xe buýt, bà đã gọi taxi về nhà. Suốt ngày hôm đó và gần như cả ngày hôm sau, bà giam mình trong phòng, không đáp lại tiếng gọi cửa, cũng không trả lời điện thoại. Nhưng bà biết rằng nếu cứ như thế thì gia đình và bạn bè sẽ nghĩ rằng có điều gì đó không hay đã xảy ra với bà. Vì thế, trưa hôm sau, bà bắt đầu trả lời điện

thoại. Bà nói với Wilamena và những người khác rằng bà bị đau răng.

Những ngày sau đó, bà ăn rất ít và cầu xin Chúa hãy tha thứ.

Bị ám ảnh bởi cảm giác đau đớn khi hình dung tới cái tát giáng xuống một bên má của Vernelle, bởi ý nghĩ rằng hành động đó chẳng khác gì một sự xâm phạm cơ thể và thật ra thì bà cũng đã đụng đến da thịt của một người khác rồi. Miên man với những ý nghĩ như thế, bà lại tưởng tượng đang xĩa một nhát dao vào má người tiếp viên, cũng giống như bà đã đâm dao vào tay gã trai hôm trước. Nhưng rồi bà lại nhớ những lời chửi rủa thô lỗ của thằng móc túi và những cái móng tay hồng hồng của Vernelle, và tất cả những điều ăn năn, hối hận của bà bỗng chốc tan biến. Cuối cùng, gần hai tuần lễ sau cái ngày bà tát người tiếp viên kia, một buổi sáng, bà tỉnh dậy và bỗng bật ra câu nói, một câu nói bà đã không hề nói đến và nghe thấy kể từ khi các con bà còn nhỏ: Ta sẽ không xử sự theo cách ấy.

Sáng hôm sau, một người đàn ông trẻ tuổi, người gày gò, mặc com-lê đến gõ cửa phòng bà và hỏi xem bà có thể tiếp anh ta không. Bà nghĩ rằng chắc hẳn anh ta là người của SSI và đến để thu hồi thẻ bảo hiểm và các giấy tờ khác và anh ta sẽ nói rằng người ta không bao giờ gửi giấy gọi bà đến kiểm tra nữa. Thậm chí khi chàng trai kia rút thẻ căn cước cho bà xem và nói rằng anh là sinh viên của trường Đại học Howard, bà đã không tin. Cuối cùng, bà nói với anh rằng bà không muốn mua gì cả, không tạp chí, không kẹo, không gì cả.

“Không, không”, anh nói. “Tôi chỉ muốn nói chuyện với bà ít phút thôi. Về cuộc đời bà và về tất cả những gì liên quan đến bà. Đó là đề tài nghiên cứu văn hóa dân

gian của tôi. Tôi đã nói chuyện với tất cả những người trong khu nhà này rồi. Xin phép bà... tôi sẽ không làm phiền bà đâu. Chỉ ít phút thôi”.

“Tôi chẳng có gì đáng nói”, bà nói. “Những ngày này tôi chẳng nhớ được gì cả”.

“Ồ, xin lỗi bà. Nhưng chúng ta vẫn có chuyện để nói kia đấy. Tôi hứa sẽ không làm phiền bà đâu”.

Anh phải nài nỉ đến 15 phút, bà mới mở cửa, bà mở cửa vì bộ complé của anh, vì cái cravat của anh và vì cái kẹp cravat của anh mang hình một con chim đang bay, và cũng vì những ngón tay thon dài màu nâu của anh gợi nhớ những nhánh cây non mảnh dẻ. Nhưng nếu anh ta bỗng đứng biến thành tên giết người với một khẩu súng hoặc một con dao, hoặc chính những ngón tay thon thon kia sẽ bóp cổ bà thì bà cũng sẽ không ngạc nhiên. “Tên tôi là George. George Carter. Trùng tên với Tổng thống”. Anh ta có giọng nói mà ngày xưa những người nhiều tuổi vẫn gọi là giọng nói đàn bà. “Nhưng tôi sinh ra ở đây, sinh ra và lớn lên ở Washington này, mẹ tôi đã nhiều lần nói như thế”.

Anh ta ngồi lại trong phòng bà suốt ngày hôm đó, và bà đã dọn bữa tối cho anh. Điều đó khiến bà sợ rằng có thể sẽ nói chuyện quá thoải mái với anh. Lúc đầu bà cứ nghĩ rằng, sự lú lẫn của tuổi già sẽ khiến bà không thể nói chuyện lâu được với anh, bà vẫn cứ sợ đã lú lẫn. Vài giờ sau khi anh ra về, bà đọc tên anh trong cuốn sổ ghi điện thoại và khi một người đàn ông có giọng nói giống anh ta trả lời, thì bà lập tức cúp máy. Ngày hôm sau, bà làm y như thế. Trong nhiều tuần lễ sau đó, anh đã thường xuyên lại thăm bà, ít nhất mỗi tuần hai lần. Anh mang theo cả máy ghi âm và đặt nó lên bàn uống cà phê. “Anh ta sẽ ghi

lại toàn bộ cuộc đời của mình đấy”, bà nói với Wilamena như kiểu những người đàn bà thường nói một cách kính trọng về người bạn trai mới của mình.

Một hôm, lần đầu tiên anh mở cho bà nghe đoạn băng bà đã kể về mình:

... Cha tôi thường ngồi kia và đọc báo. Ông nói rằng mỗi khi người ta cho ra đời một vị Tổng thống mới “thì có nghĩa là người ta đã đặt lên ghế một con người nào đó trong bốn năm”, và trong khi con người khốn khổ kia phải ngồi trên ghế đó suốt bốn năm thì cả thế giới vẫn tiếp tục công việc của mình một cách bình thường. Tôi không biết ông ta, vị Tổng thống ấy, có làm được điều gì không. Tôi chỉ biết rằng ông ta phải ngồi trên chiếc ghế đó trong bốn năm. Tôi nghĩ rằng có thể vì ông ta chỉ ngồi trong chiếc ghế đó mà chẳng làm gì khác, nên đất nước mới thành ra như thế này, và nếu không có ông ngồi trên ghế đó lâu thì đất nước sẽ khác, chứ không như thế này đâu. Có lẽ đó là những điều tôi đã nhận thức được khi nghe cha tôi đọc báo và nghe mẹ tôi hỏi ông về những điều ông đã đọc. Những hiểu biết của tôi đại khái là như vậy, anh thấy đấy...

George ngừng băng và đang định lật mặt băng kia thì bà chạm vào tay anh.

“Thôi đủ rồi, George”, bà nói, “Tôi không thể nghe tiếp nữa. Tôi xin anh, thế là đủ rồi”. Cả đời, bà chưa bao giờ được nghe tiếng nói của chính mình. Lúc đầu, bà không có cảm giác gì đặc biệt, nhưng chỉ trong giây lát, khi nhận ra giọng nói của chính mình thì cả thế giới trong bà bỗng đảo lộn. Kia, tiếng nói phát ra từ máy không to hơn cuốn Kinh thánh của bà, tiếng nói nửa quen nửa lạ đến dễ sợ, tiếng nói kể về một người đàn ông mà bà hiểu

rõ như các ông chồng bà, như các con trai bà, một người đã chết và được chôn cất từ sáu mươi năm nay. Bà đi lại phía George và anh đưa cho bà cuốn băng. Bà lật đi lật lại cuốn băng như thể tất cả những điều bí mật sẽ hiện lên nếu bà cứ lật băng đủ số lần nào đó. Bà bắt đầu khóc và tay kia ấn nhẹ các phím băng của chiếc máy cát xét.

Từ ngày Marie tát người đàn bà ở SSI cho đến khi lần đầu tiên bà nghe được tiếng nói của chính mình, Calhoun Lambeth, bạn trai của Wilamena đã ra viện rồi lại vào viện tới ba lần. Hầu hết các buổi tối, khi anh con trai Calhoun đã vào viện để trông nom bố, Wilamena lại đến nhà Marie và ngủ đêm ở đó. Bà thường ngồi trên chiếc đi văng ở góc phòng trông ra cửa sổ lớn. Bà rất ít nói, khác hẳn với con người trước kia của bà, một người đàn bà có nhiều bạn bè hơn cả số tóc trên đầu, một người đàn bà ở tuổi sáu mươi tám nhưng vẫn ham thích các cuộc hội hè. Người đàn bà hấp dẫn nhất mà Marie từng biết này có thể uốn cong mình lại như người ta làm xiếc, có thể nhắm nháp bất kì loại rượu nào mà Marie đưa cho. Wilamena cứ ngồi yên nhìn thành phố cho tới khi trở về căn hộ của mình hoặc quay lại với Calhoun. Ngay từ đầu, khi Calhoun ra viện lần thứ nhất, Marie đã muốn nhắc nhở bạn rằng bà ta và Calhoun nào có cưới xin gì đâu và bà nên rời khỏi giường ông ta, nên rời khỏi ông ta đi thôi. Marie từng thấy Wilamena đi lại với những người đàn ông mà chính bà ta đã ngăn. Có một cái gì trong đó mà Marie không hiểu.

Một đêm đã khuya, Wilamena gọi điện và hỏi xem bà có thể lại chỗ Calhoun được không vì đêm đó, con trai Calhoun bận việc và hiện chỉ có một mình Wilamena bên ông mà Wilamena không muốn như vậy. “Chị hãy cùng ngồi với tôi để trông nom ông ấy nhé”, Wilamena nói. Marie không phản đối, mặc dù trong suốt thời gian biết

Calhoun, bà không nói với ông quá mười từ. Bà khoác chiếc áo choàng lên người, cầm lấy chùm chìa khóa và con dao cạo răng cưa, đi xuống tầng hai.

Calhoun đang nằm bẹp trên giường, những tình tảo đến ngạc nhiên. Ông nói với Marie một cách thân mật, tự nhiên. Hiên tượng này, bà đã từng thấy ở những người sắp từ giã cõi đời - lòng tốt và sự dịu dàng xuất hiện ở họ thường khiến những người xung quanh bối rối. Wilamena ngồi bên mép giường. Calhoun mời Marie ngồi xuống chiếc ghế cạnh giường, rồi ông cầm lấy tay bà và cứ giữ trong tay mình suốt đêm hôm đó. Ông nói chuyện suốt đêm, nhưng không phải lúc nào hai người đàn bà cũng hiểu được ông nói gì. Wilamena mệt là cuối cùng đã nằm gác chân giường. Hầu như tất cả những chuyện ông kể đều xoay quanh quãng thời gian còn trẻ và cuộc hôn nhân kéo dài khoảng một năm với một người đàn bà ở thị trấn Nicodemus thuộc bang Kansas, đó là một thị trấn chỉ toàn người da đen. Marie không rõ người đàn bà kia đã chết hay Calhoun lại bỏ bà ta. Bà chỉ biết rằng người đàn bà kia và Nicodemus có lẽ đã để lại những ấn tượng sâu sắc trong cuộc đời ông.

"Bà nên tới Nicodemus", có lúc ông đã nói như vậy, làm như thị trấn đó chỉ ở quanh đây. "Tôi tình cờ đến đó do một vụ tai nạn. Nhưng bà thì đến đó và đến có mục đích hẳn hoi. Ở đó không có nhiều thứ để thăm thú đâu, nhưng bà nên đến đó và nên ở đó một thời gian".

Đến bốn giờ sáng thì ông ngừng nói và lát sau ông đã đi theo Đức Chúa Trời. Marie vẫn cầm tay người đã khuất và bà cầu nguyện, bà cầu nguyện mãi cho đến khi không còn cảm giác gì về những lời cầu nguyện nữa. Bà cũng không đánh thức Wilamena dậy. Cuối cùng, những tia

nắng mặt trời đã rọi chiếu qua tấm rèm cửa sổ và bà nghe thấy những âm thanh khàn khàn của đàn hồ cẩu đậu trên bậu cửa. Khi bà đặt tay Calhoun lên ngực ông, thì từ người chết bỗng xuất hiện một luồng khí và nó vọng đến tai bà như tiếng thở dài. Bà chợt nghĩ rằng chính bà, một người hoàn toàn xa lạ, lại là sinh vật cuối cùng mà ông biết đến trên thế giới này và giờ đây, khi ông không còn nữa thì tất cả những điều bà biết về ông chỉ là cái thị trấn Nicodemus, và người đàn bà tình nhân của ông đang ngủ gục dưới chân giường kia. Bà thấy mình vừa đói vừa khát, nhưng càng nhìn người đàn ông đã chết và người đàn bà đang ngủ, bà càng nhận ra rằng cảm giác lớn nhất của bà lúc này là sự mất mát.

Hai ngày sau, SSI lại gửi đến bà một lá thư, lại cũng kí tên John Smith. Họ bảo bà rồi gặp họ tuần sau đó. Trong thư, người ta không nói gì đến cái tát hôm trước và cũng không một lời đe dọa sẽ cắt lương bảo hiểm của bà vì hành động trên. Thật ra, lá thư này cũng cũng một loại như những lá thư John Smith vẫn gửi đến. Bà gọi đến số điện ghi trên đầu lá thư và người đàn bà có trách nhiệm giải quyết trả lời rằng bà White sẽ tiếp bà vào ngày giờ đã nói trong thư. Bà ngỡ rằng người của SSI đang có những dự định nào đó chống lại bà, ít ra là lảng nhục bà. Và trước ngày hẹn một hôm, bà lại gọi điện để khẳng định lại xem có đúng là phải đến không. Thông thường, sau khi gọi qua tổng đài, người tiếp chuyện bà phải là Vernelle rồi mới đến người đàn bà chịu trách nhiệm giải quyết trường hợp của bà. “SSI đây. Tôi là Vernelle Wise. Tôi có thể giúp

bà việc gì đây?”. Mỗi khi Marie nghe thấy giọng nói của Vernelle là bà lại muốn xin lỗi. “Tôi sẽ không làm như thế nữa”, bà muốn nói với cô ta như vậy.

George Carter đến đứng vào ngày bà nhận được lá thư kia. Anh đến để tặng bà cái máy cắt xít và những cuốn băng ghi lại những lời bà đã kể về đời mình. Anh phải giảng giải khá lâu cho bà về cách sử dụng máy, nhưng khi anh đi rồi, phải một lúc lâu sau đó, bà mới biết cách bật máy, bởi vì thật ra bà không để tâm học cách sử dụng. Tối hôm đó, sau bữa cơm, bà thu hết can đảm và cho vào máy cuốn băng có ghi dòng chữ “Cha mẹ, tuổi ấu thơ”.

... Mẹ tôi luôn nghĩ rằng người ta có thể làm được tất cả mọi việc ở Washington, rằng con người có thể mang tất cả những gì rắc rối của họ đến Washington và rồi mọi thứ đều sẽ được giải quyết ổn thỏa. Tôi cho rằng mẹ tôi đã quá tin tưởng vào chính phủ, Tòa án tối cao và Tổng thống và những gì đại loại như thế. “Ở đó”, bà nói, “công việc có thể được giải quyết tốt đẹp”. “Ở đó” - đó là những câu cửa miệng của bà khi nói về Washington. Tất cả các thành phố khác đều có một cái tên, nhưng Washington thì không. Nó được gọi là “ở đó”. Hồi đó tôi còn quá nhỏ và chẳng hiểu gì hơn ngoài hình ảnh hoàn hảo về Washington, cho nên tôi cứ nghĩ rằng có lẽ Đức Chúa Trời sống ở đó. Chúa và các con chiên người Người... Khi tôi về thăm nhà lần đầu sau một thời gian sống ở Washington và kể cho mẹ về tất cả cuộc sống của tôi ở đó thì bà bật khóc, làm như tôi đã gây ra chuyện gì đó đối với cái Thiên đường ở giữa cõi trần này. Những ngày đó, con người còn lạc hậu như thế đấy...

Sáng hôm sau, bà tìm tên Vernelle Wise trong cuốn danh bạ điện thoại. Nhiều tối, bà đã gọi đến số máy của Vernelle Wise, nhưng lại đập máy trước khi đầu dây đang kia kịp nhắc máy. Cuối cùng, vào chủ nhật, hai ngày trước cuộc hẹn, bà lại gọi điện và đoán rằng người trả lời điện thoại là một chú bé. Bởi vì bà nghe thấy tiếng “Hello” rất to trong máy, rõ là người đầu dây đang kia chưa quen nói chuyện điện thoại.

“Hello”, chú bé nói. “Hello, ai đấy? Bà đấy à, có phải bà không? Bà ơi, cháu có thể nhìn thấy bà đấy”.

Marie nghe tiếng Vernelle bảo thằng bé bỏ máy xuống, rồi một đứa trẻ khác, có lẽ là chị thằng bé, đến bên máy điện thoại. “Hello. Ai đấy?” nó nói bằng một giọng nghiêm túc. Thằng bé kia bắt đầu khóc, rõ ràng nó không muốn chị nó nói chuyện điện thoại trong khi nó lại không được nói. “Đừng dừng vậy”, con chị nói. “Để yên đấy”. Thằng bé càng gào to hơn và nó chỉ ngừng khóc khi Vernelle đến bên máy điện thoại.

“Thôi, thôi nào”, Vernelle nói và cầm máy lên, nhưng rồi cô lại bỏ máy xuống để đỡ thằng bé lúc này lại khóc. “Loretta”, cô gọi, “lấy cho nó cái chai... ờ, đi tìm xem. Mất mày để đâu hả?”

Hình như ở đó còn có một thằng bé nữa vì Vernelle bảo nó giúp Loretta tìm cái chai. “Nó thì cái gì cũng dễ mất”, Marie nghe thấy thằng thứ hai nói. “Mẹ phải buộc các thứ vào tay nó mới được”. “Mày không phải dạy tao”, Vernelle nói. “Đi tìm cái chai chết tiệt kia đi”.

“Ìm chẳng làm mất gì cả, ìm không làm mất”, thằng nhỏ hơn nói. “Nhìn anh kia, thò lò mũi xanh”.

"Không được nói thế", Vernelle nói, rồi cô lại đến bên máy điện thoại. "Xin lỗi", cô nói với Marie. "Ài đấy à?... Bà sẽ chẳng đời nào nhắc đến chuyện đó nếu nhg bà không biết rằng nói ra sẽ có lợi cho bà!" Cô nói. "Còn muốn nói chuyện với bà cơ", thằng bé con nói. "Loretta, lấy cho em cái lọ!".

Marie gác máy. Bà đi rửa bát đĩa sau bữa tối. Sau đó, bà gọi điện cho Wilamena. Vì cả ngày hai người không gặp nhau. Wilamena nói rằng sẽ đến muộn. Máy cuốn băng cát xet đang nằm trên bàn nóng cà phê bên cạnh cái máy và bà bắt đầu cầm chúng lên, từng cái một. Bà đọc hàng chữ ghi trên các mặt băng. "Chồng, số 1", "Công việc", "Chồng, số 2", "Các con", "Các mối quan hệ chủng tộc", "Những sự việc đầu tiên ở Washington", "Chồng, số 3". Còn một cuốn băng nữa, nhưng bà không muốn đưa vào máy vì đó là cuốn băng nói về những suy nghĩ của mẹ bà về Washington, tuy vậy bà vẫn có thể hình dung được tiếng nói trong băng, tiếng nói của chính bà. Không buồn đọc kí hiệu ghi trên băng, bà với một cái băng và tống vào máy.

... Tôi không hề có ý định đến sống ở Washington, thậm chí cũng chưa bao giờ định đặt chân đến thành phố này. Gia đình người da trắng mà mẹ tôi làm thuê có một người con trai đã lấy vợ và sinh sống ở Baltimore.. Cậu chủ cần một người hầu gái để trông nom đứa nhỏ. Anh ta viết thư cho mẹ tôi, yêu cầu bà đến Baltimore giúp. Nhưng mẹ lại bảo tôi đi. Trời, tôi còn trẻ. Tôi khao khát được ngắm nhìn thế giới, Baltimore hay bất kì nơi nào khác đều là những

điểm xuất phát tuyệt vời. Cậu chủ gửi cho tôi chiếc vé xe lửa và thế là tôi lên đường đến Baltimore. Tôi chưa bao giờ được ai ôm hôn, chưa bao giờ có được bất kì cái gì, nhưng tôi đã được đi xa, xa hơn quãng đường của cả cha và mẹ tôi cộng lại... Anh biết không, con tàu dừng lại ở Washington và đúng là tôi có nghe người hướng dẫn trên tàu nói rằng tàu sẽ dừng lại ở đây ít phút và thế là tôi nhảy xuống. Tôi biết chắc rằng sẽ chẳng thấy gì ngoài cái nhà ga xe lửa, nhưng tôi muốn có thể nói với mọi người rằng tôi đã làm được việc đó - việc đặt chân lên thủ đô của nước Mĩ. Thế rồi tôi đi vào trong sân ga. Và khi tôi quay lại, con tàu và cả bọc hành lí của tôi đã không còn nữa. Đó là tất cả những gì tôi có trên đời này trên đường đến Baltimore...

... Tôi không sao giữ nổi bình tĩnh để có thể nghe người ta thông báo khi nào sẽ có một đoàn tàu khác đến Baltimore. Tôi có một lộ địa chỉ của những người mà chúng tôi quen biết trên đường từ nhà đến Boston, và tôi đã dùng một đồng bạc quý giá của tôi để gọi điện thoại cho một người đàn bà đã gặp mấy năm trước, vì tôi không có số điện thoại của cậu chủ người da trắng ở Baltimore. Người đàn bà kia đến và đưa tôi lại chỗ bà. Tôi vẫn còn nhớ tất cả. Mọi việc như chỉ mới xảy ra ngày hôm qua. Tôi nhớ là chúng tôi đã lên chiếc xe điện mang biển số 13-D. NE. Ngồi trên xe, tôi càng hiểu ra vấn đề. Anh sẽ không hiểu thế nào là cuộc sống nếu anh chưa từng ngồi trên xe điện. Càng ngồi trên xe - cứ lừ lừ tiến giữa phố phường, tôi càng hiểu rằng tôi sẽ không bao giờ có thể đến được Baltimore. Tôi

sẽ không bao giờ được sống ở cái nơi không có xe điện, không có những đường ray phát ra những tiếng lanh canh này...

Bà bỏ các băng cát xét vào hai túi ni lông và bỏ tất cả vào ngăn kéo bàn phấn. Ngăn kéo này dùng để đựng tất cả những gì quan trọng đối với bà - Giấy khai sinh, giấy chứng tử, những đồng đô la bằng bạc, các chính sách về bảo hiểm tính mạng, những tấm ảnh chụp các ông chồng và những đứa con mà họ đã để lại cho bà, và ảnh của những đứa cháu mà những đứa con đó đã mang lại cho bà, cả những đứa chết mà bà không nhớ được tên chúng. Bà đặt những chiếc băng ở góc trong cùng của ngăn kéo, cách xa những thứ thường ngày bà vẫn cầm đến. Bà hiểu rằng chừng nào còn sống, bà sẽ không bao giờ nghe lại chúng. Dù sao thì mọi thứ vẫn có cả trong các cuốn băng, có điều bà không sao chịu nổi khi nghe tiếng nói của chính mình.

WARD JUST

PHAN THU HIỀN dịch

NGÀI HẠ NGHỊ SĨ MÊ FLAUBERT

Ward Just sinh tại Indiana và đã từng là phóng viên chiến tranh ở Việt Nam. Ông đã làm việc cho một số tờ báo có uy tín như Tuần tin tức, Bưu điện Washington. Ward Just đã xuất bản hơn mười cuốn sách gây dư luận, trong đó có Khúc nhạc buồn nước Mỹ, Danh dự quyền lực, giàu sang, tiếng tăm và tình yêu phụ nữ, Trong thành phố của nỗi sợ, Ngài đại sự Mỹ ...

Phái đoàn gồm mười hai người đang chờ bên ngoài văn phòng và ông phải gặp họ. Đó là "sai lầm" của ông, nếu có thể dùng từ "sai lầm". Suốt cả tuần, ngày nào họ cũng gọi đến, hẹn gặp. Cuối cùng, người phụ tá của ông, Annette, đã thuyết phục ông: Làm ơn hãy gặp họ. Hãy làm việc đó vì em. Wein là một người bạn cũ, cô ta nói. Rất nhiều ý nghĩa khi Wein cùng phái đoàn của mình đến gặp một nghị sĩ đang nổi danh và tiếng nói có trọng lượng. LaRuth đứng vươn vai, đôi tay dài của ông chạm đến trần. Hôm nay trông ông oai nghiêm, trịnh trọng

hơn hết bao giờ: veston sẫm màu, cravat sẫm màu, sơ mi trắng, ria mép tỉa cẩn thận, chôn chu. Không dùng đồ trang sức, dù bất cứ loại gì. Ông gọi cô thư kí bảo cho họ vào, dành cho họ ba mươi phút, phái đoàn được gặp lúc chín giờ.

“Trông họ ra làm sao?”

“Những nhà khoa học”. Có ta nói. “Họ trông đúng như tưởng tượng của ông về những nhà khoa học. Tất cả đều gầy gò. Không ai hút thuốc”. LaRuth cười phá lên: “Họ hơi căng thẳng, ông Lou à”.

“Ồ, ta cứ để họ tự nhiên”.

Ông đón họ từ cửa, họ then thùng bước vào. Wein và phái đoàn của ông là những nhà khoa học chống chủ nghĩa đế quốc. Họ là các nhà vật lí học, ngôn ngữ học và triết học. Họ tự giới thiệu. LaRuth tự hỏi không hiểu các nhà triết học thì làm gì trong cái thời buổi này. Thời buổi tàn nhẫn đối với triết học. Xong phần giới thiệu, LaRuth ngả người ra ghế, một chân ngoắc trên tay ghế và mời họ bắt đầu.

Họ đã chuẩn bị sẵn một bản kiến nghị và muốn LaRuth sẽ đệ trình trước Quốc hội. Đó là một thông điệp lên án, phản đối chủ nghĩa đế quốc. Đọc qua, LaRuth rất có ấn tượng về sự hùng biện. Họ đã tập hợp những thực tế tàn bạo. Biết bao tấn bom đã thả xuống Đông Dương, “Những điều dễ chịu” ở châu Phi, bao nhiêu người lính Mĩ ở châu Âu, bao nhiêu tử đầu tư ở châu Mĩ Latinh. Đó là một kiến nghị tuyệt vời, chứ không rỗng tuếch như nhiều kiến nghị khác. Đọc xong, ông quay về phía Wein.

“Thưa ngài Nghị sĩ, chúng tôi tin rằng đó là một vấn đề

đạo đức. Lễ nghi, khuôn phép của cuộc sống, nếu ngài đồng ý thế. Còn nhiều sự tương đồng ở những nơi khác nữa, mà bức bách nhất là sự tiêu diệt những người Mi da đỏ. Hãy thử nhìn nhận chiến tranh và bom đạn không phải từ bình diện của Người Phương Tây nhìn sang phương Đông mà từ bình diện của Người Phương Đông phải đương đầu với phương Tây”. LaRuth gật đầu. Ông nhận ra rằng chính chiến tranh là mối quan tâm thực sự của họ. “Điểm khác biệt duy nhất chỉ là ở chỗ những người Cộng sản ở châu Á có lẽ dồi dào năng lực và hăng hái hơn người da đỏ ở châu Mi. Có lẽ vì họ “đồng hơn”. Wein dừng lại, mỉm cười: “Đó là tội diệt chủng. Đó là một vết nhơ cho Quốc hội Mi đã không lên tiếng phản đối, không chỉ ở châu Á, mà ở tất cả những nơi nào mà chính sách của Mi là thực hành bạo lực”...

LaRuth tự hỏi không biết họ có hiểu cách thức truyền đạt một kiến nghị tới Quốc hội không. Hình như họ hiểu: Một bức thư dân sự không có giá trị. Wein đang nhìn ông, đợi một câu trả lời. Một sự can thiệp. “Đây là một kiến nghị rất hay”. LaRuth nói.

“Ai cũng bảo thế. Và họ bảo chúng tôi hãy thu thập chữ kí, thế thôi. Chúng tôi thì nghĩ rằng bản kiến nghị này cần được một người ở trong Quốc hội trình bày. Như thế, khi được xem xét, nó sẽ có sức thuyết phục hơn. Chúng tôi cho rằng cần có một thành viên của Quốc hội giúp chúng tôi trình bày kiến nghị này trước Quốc hội.

Một sự kiến nghị đáng nể, LaRuth nghĩ. Nếu ông là Wein thì đó cũng là cách ông tiến hành công việc.

“Chúng tôi có thể nhờ cậy những Nghị sĩ khác mà chắc

ngài cũng đoán được”. Rất nhanh. Wein kể chừng hơn hai chục cái tên, những Nghị sĩ chống chiến tranh thuộc phe tả Dân chủ. “Người chúng tôi muốn trình bày kiến nghị này trước Quốc hội không phải là một người có truyền thống yêu chuộng con chim bồ câu hòa bình, mà là một Nghị sĩ ôn hòa hơn, trung dung hơn. Một người ôn hòa có lương tâm”. Wein mỉm cười.

“Vâng”, LaRuth nói.

“Một người như ngài đây ạ”.

LaRuth im lặng một lát, rồi nói nhanh: “Đó là vị trí của tôi. Tôi không phải thành viên của Ủy ban Đối ngoại, cũng không phải thành viên của Quân sự hay bất cứ Ủy ban nào khác có trách nhiệm xem xét các vấn đề hành pháp hoặc quốc phòng. Tôi không liên quan đến quan hệ quốc tế, tôi chỉ có trách nhiệm với vấn đề giáo dục thôi. Ủy ban Giáo dục và Lao động. Không có lý do gì đặc biệt khiến hai lĩnh vực này không gắn bó với nhau, nhưng đúng là chúng tách rời nhau”. LaRuth mỉm cười.

“Thưa ngài Nghị sĩ, theo chúng tôi thì có lẽ là, chiến tranh - đỉnh cao của chủ nghĩa đế quốc và bạo lực - gắn bó chặt chẽ với mọi mọi thứ. Giáo dục bị hỗn loạn cũng do chiến tranh. Lao động cũng thế. Và vân vân. Tất cả đều là thành phần của chiến tranh. Tránh được chiến tranh, người ta sẽ tránh được mọi rắc rối, phiền hà, khác. Điều tệ hại giống như tôn giáo pháp đình Tây Ban Nha, giả sử người ta sống ở thời Torquemada, Tây Ban Nha thế kỷ mười lăm. Nếu người ta cố lảng tránh vấn đề chống chiến tranh và chủ nghĩa đế quốc, người ta hoặc là một kẻ hèn nhát hoặc là một kẻ ngu xuẩn. Không chống lại có nghĩa

là kính trọng.

“Đúng thế. Kính trọng”.

“Nhưng ngài sẽ không làm vậy”.

LaRuth lắc đầu. “Các ông đã nhắc đến nhiều cái tên khác đấy. Tôi không thể làm được việc này. Tôi đang cố lo về chi phí giáo dục. Tôi không thể động sang cả vấn đề chiến tranh nữa. Vấn đề quan trọng như vậy. Các ông hùng hồn như vậy. Trong Quốc hội còn những người khác có thể làm việc đó tốt hơn tôi nhiều”.

“Chúng tôi rất thất vọng”. Wein nói.

“Tôi sẽ có thể phát biểu một bài dài, đầy ấn tượng”. Ông nhìn sang những người khác, đang ngồi im cay đắng. “Tôi có thể kể ra tất cả các nguyên nhân. Nhưng các ông biết đấy, chẳng được tích sự gì. Tôi chúc các ông thành công”.

“Hãy giúp chúng tôi thành công”. Wein nói. “Ai cũng chúc thành công nhưng chẳng ai giúp chúng tôi cả. Chúng tôi như những đoàn quân trong các chiến hào. Chính phủ bảo hãy xông lên mà giành chiến thắng. Năm vạn thanh niên Mỹ, người ta dạy chúng một bài học bắn thủ. Hãy ná pháo chiếm ngọn đồi, chính phủ bảo. Nhưng chính phủ thì ở xa tầm bom đạn. Họ bảo, chúng tôi ở ngay đằng sau lưng các anh. Họ yên ổn ở Washington”.

“Tôi không phủ nhận điều đó”. LaRuth nói, giọng êm dịu.

“Tôi cho rằng ở địa ngục có nơi dành riêng cho những kẻ nhìn thấy chân lý mà không hành động”. LaRuth nổi cáu nhưng vẫn ngồi im. “Những người đó còn xấu hơn những kẻ thích chiến tranh nữa. Ông còn nguy hiểm hơn

những tên tướng ở Lầu Năm Góc, họ ít ra cũng đang thực hiện điều họ tin tưởng. Chính vì có những người như ông mà chúng tôi phải có mặt”.

Không phán xét, không giải thích LaRuth nghĩ, vô ích thôi. Họ được hài lòng khi nghĩ về ông như một tội phạm chiến tranh. Cảnh chiếc xe chở tội nhân đi hành hình, lắc lư lao đảo trên đại lộ Pennsylvania lướt qua đầu óc ông, một hình ảnh hài hước quái dị. LaRuth mân mé hàng rìa và ngồi thẳng dậy: “Tôi rất buồn là các ông nghĩ thế. Điều đó không đúng, các ông cũng hiểu mà”. Thêm nữa cũng vậy thôi, ông bỗng nghĩ thế, ông sẽ tống họ ra ngoài.

Nhưng Wein không chịu đi. “Chúng tôi bỏ qua những điểm phân biệt nhỏ nhặt, thưa ngài LaRuth. Đó là một trong những nhận thức bổ ích mà chiến tranh đã mang lại cho chúng tôi. Chúng tôi có thể cứ lằm bằm cả ngày. Ông có thể nói với tôi về trách nhiệm của ông, những ảnh hưởng của ông và vì sao mà ông không muốn phá hỏng những cái đó. Ông có thể nói đến chính trị còn tôi nói đến đạo đức. Nhưng tôi mang triết học vào trường đại học. Một bài học thú vị”. LaRuth gật đầu, Wein không ngốc. “Có đúng là ông đã từng viết luận án tiến sĩ về Flaubert?”

“Tôi viết luận án về Flaubert ở Sorbonne”, LaRuth trả lời. “Nhưng đã gần hai mươi năm rồi”. Trước khi làm chính trị LaRuth muốn cho họ cái gì để họ sa lầy vào. Họ sẽ hiểu ra sự trở trêu của nghịch cảnh, họ có thể xem ông như một thiên thần sa xuống nơi trần tục, một nạn nhân của tiến trình, thế còn hơn là họ xem ông như một tội phạm chiến tranh.

“Ồ, thế thì đúng thôi”.

LaRuth ngạc nhiên. Ông quay về phía Wein. “Sao cơ?”

“Flaubert cũng bị quan, hoài nghi chủ nghĩa và yếm thế đúng như ngài”.

*

* *

LaRuth có ba mươi phút để xem lại sự hiện diện của mình trước Ủy ban. Đây là lần biểu quyết quan trọng nhất trong cả mười hai năm của ông ở Quốc hội, hểc dự luật đó được thông qua, sẽ có một tỉ dollar trong suốt ba năm cho các trường tiểu học khắp đất nước. Dự luật đó lại dựa trên cơ sở một hình thức thực hiện phức tạp kinh khủng mà một số chuyên gia pháp luật thì xem là trái hiến pháp, nhưng một ông chuyên gia thì luôn luôn bị một ông khác chống đối trong vụ việc một tỉ dollar. LaRuth phải kèm riết ngài Chủ tịch, một người tính tình hay thay đổi và hằn chắt là hoài nghi chủ nghĩa. Hôm nay, ông phải có mặt để giữ sự công bằng giữa các địa phương, cho chỗ này, lấy của chỗ kia, đảm bảo với Ủy ban rằng hiến pháp sẽ được giữ gìn, rằng tất cả các địa phương được chia kinh phí đều nhau.

Có những điều không hiểu được trong trường Đại học, nhưng LaRuth đã ở trong Hạ nghị viện mười hai năm, ông sẽ thực hiện được công lí nếu dự luật đó được thông qua. Mười hai năm, qua ba đời Tổng thống. Ông né tránh triết học và chú tâm vào chi tiết, thời ông ở một trường học hạng ba thuộc một thị xã miền Nam không bao giờ rời xa tâm trí ông. Hiếm có người nào không phải chứng kiến sự suy thoái tuần tự của trẻ con trước tuổi mười ba, trước khi

chúng, phải đương đầu với những sự kiện tàn nhẫn và vô cảm, trong đó, chiến tranh là một. Dự luật này được thông qua sẽ bắt đầu một quá trình hồi sinh nền giáo dục. Một tỉ dollar thật xứng đáng và ông sẽ thấy một ít trong số đó được rót cho trường cũ của ông. LaRuth từng gặp may, không phải đóng học phí. Thoạt tiên ông đến Tulane, rồi sau sang học ở Paris, thế giới cứ mở rộng dần ra với ông. **Flaubert đem đến cho ông một cảm quan chính trị. Bà Bovary và Giáo dục tình cảm là những tiểu thuyết chính trị, ông đã tranh luận như vậy ở Sorbonne.** Chính trị là sự hiểu biết những tham vọng, không hơn không kém, những điều kiện đạo đức và kinh tế thì sinh ra chính trị trong những hình thức khác nhau của nó. Quốc hội này - *un stade des arrivistes* - chính là sân vận động của các vận động viên hãnh tiến, tham lam quyền lực, địa vị. Giờ đây báo chí ca ngợi ông là nghị sĩ miền Nam có tư tưởng tự do, và thế là các nhà Dân chủ miền Bắc đến nhờ ông giúp đỡ. Đôi khi ông giúp đỡ, cũng nhiều khi không. Họ không hiểu sự từ chối của ông - Lou này, giả sử cậu thắng cử lần vừa rồi với sáu mươi lăm phần trăm. Cậu muốn gì nào, một lễ đăng quang chứ? Họ phê bình ông đã không trình bày vấn đề chiến tranh, không biểu quyết chống lại những dự luật sống còn cho lợi ích miền Nam. (Dù gì đi nữa, giờ đây toàn miền Nam đã chịu sự chi phối mạnh mẽ của các tổ hợp công nghiệp lớn có tổng hành dinh ở New York hay Chicago - bằng cách nào, điều đó lại là ủng hộ chủ nghĩa đế quốc chứ, ông Herr Wein?). Họ không, hoặc không thể hiểu được sự hỗ trợ của ông cũng mong như tờ giấy vậy.

Ở đâu cũng có bọn rình rập và mỗi lần biểu quyết cho phe tự do, ông đều nghe thấy vài kẻ trong bọn chúng nói bên tai: *Anh đã bị theo dõi đó*. Ông thích mình có cái bóng thấp thấp thôi. Tất cả những người tự do tư tưởng đó không hiểu rằng một người đủ tiền vẫn có thể mua phiếu bầu trong quận huyện của ông ta. Chính ông đã nói với họ rằng có LaRuth thỏa hiệp còn hơn không có LaRuth. Trong bốn hay năm năm đầu tiên LaRuth mới vào Quốc hội, hệ thống đó vận hành tốt, rồi nó vận hành không tốt nữa. Vào thời điểm này, thận trọng và hiện thực chủ nghĩa là nơi trú ẩn của một tên vô lại, một kẻ vô dụng. Chiến tranh, một cách sâu xa, đầu độc tất cả. Ông đọc thấy điều đó hàng ngày, và qua một người bạn ở Ủy ban Đối Ngoại, đã nhìn thấy vài vấn đề nhất định. Nhưng ông không thể dính líu vào đó được, vì không thấy nó gần bó trực tiếp với mình. Ông cũng không hiểu vấn đề một cách sát sườn. Rõ ràng đó là cuộc chiến tranh bản thủ, ai cũng biết, nhưng biết và cảm nghiệm là hai chuyện khác nhau. Năm ngoái, ông đã cố gắng tổ chức một chuyến thị sát tình hình cho một tiểu ban đặc biệt điều tra việc sử dụng viện trợ nước ngoài cho giáo dục. Có rất nhiều đồn đại tai tiếng về việc điều tra. Ông cố gắng tổ chức chuyến thị sát tình hình để có thể nhìn vấn đề một cách trực tiếp, tận cơ sở. Ông muốn nhìn tận mắt những con người và những làng mạc, nhìn thấy vùng nông thôn đã bị chiến tranh tàn phá cụ thể ra sao, muốn biết cách thức thực tế của chiến tranh. Nhưng ngài Chủ tịch đồng ý, muốn làm việc đó hay không, đó không phải trách nhiệm của ủy ban này. Vì vậy, chuyến đi thực tế không

thành. Ngài Nghị sĩ biết về chiến tranh qua những điều đọc trên báo chí, và xem trên ti vi. Nhưng cách đó không hiệu quả. LaRuth đã có thời là lính bộ binh ở Triều Tiên và hiểu thế nào là chém giết; trên các phương tiện thông tin, người ta làm cho chém giết trở nên đỡ kinh khủng, đỡ ghê tởm hơn bản chất của nó, tiểu thuyết hóa nó, tẩy nó sạch khỏi dấu vết đớn đau, đem đến một chi tiết lắm lạc, giả dối. Ngay cả vết máu cũng trở nên hồng hồng và tươi tắn, đẹp mắt trên màn ảnh truyền hình. Có lần, ông đã lãng phí đến nửa tiếng đồng hồ với nút điều chỉnh màu để có được màu sắc hoàn hảo hơn, cố cho máu đó giống *máu thật*.

Hơn nữa, từ buổi đầu trong sự nghiệp Nghị sĩ của mình, LaRuth đã khổ công giải thích về vị trí của ông. Ông muốn những người ủy nhiệm hiểu việc ông đang làm và vì sao ông làm việc đó. Sau đó, hai thông cáo được trình vị lãnh đạo của đoàn đại biểu bang của ông đã kéo ông đứng về một phía trong Quốc hội. Những cánh tay to khỏe kéo vai ông, những tiếng thì thầm thuyết phục. Chúa ơi, anh sắp bị giết, người dân ông đó nói, *Đừng làm thế*. Đừng khuất phục chấp thuận mọi dự luật ngu xuẩn được đưa ra trước Quốc hội. Điều đó sẽ mang lại cho anh ít bạn bè nhưng rất nhiều kẻ thù. Bạn bè có thể không nhớ, nhưng kẻ thù thì sẽ rất lưu tâm đến việc anh làm. Đặc biệt trong quận của anh, anh đang đứng trước nhân dân nhiều khu vực khác nhau, đừng công bố điều đó. Anh đang có một tương lai tốt đẹp ở đây, đừng làm hỏng trước khi anh bắt đầu. LaRuth thấy lời khuyên đó đầy nguy hiểm, xảo trá, vô

trách nhiệm và ông bỏ qua. Rồi, sau vài lời hồ hênh với một phóng viên báo chí, ông suýt mất dợt tái cử gần đây. Còn cái đồ chó chết, phản trắc ấy thì vẫn có quyền bất khả xâm phạm trong Quốc hội.

Chuông điện thoại reo. Cô thư kí nói đó là Annette.

“Chuyện đó ra sao rồi anh?” Giọng Annette trầm trầm, thận trọng.

“Như một giấc mơ”. Ông nói. “Và cảm ơn rất nhiều. Tôi được so sánh với các tướng cầm quân và xem như một tội phạm chiến tranh. Họ cho rằng trong thời gian rảnh rỗi của mình, tôi sản xuất những cái chụp đèn”.

Annette lạnh lùng: “Em đoán anh đã từ chối không giúp họ”.

“Đúng vậy”.

“Họ là những người rất tốt. Bill Wein là một trong những nhà thực vật học xuất sắc nhất nước ta”.

“Phải, ông ấy nói hay lắm. Thuyết phục rất chân thành, thông minh và tinh tế. Ít nhất cũng một lần trích dẫn Dante. Và ông ấy dành một chỗ đặc biệt trong địa ngục cho những người như tôi, những người còn xấu xa, tệ hại hơn cả các tướng lĩnh cầm quân.”

“Ồ, đó cũng là một quan điểm”.

“Cô biết đấy, tôi chán tranh cãi về chiến tranh lắm rồi. Nếu Wein quan tâm đến chiến tranh và sự đồi bại của hệ thống luật pháp Mỹ nhiều như vậy, thì sao ông ta không từ bỏ những hợp đồng béo bở đang làm với chính phủ?”. “Như thế không công bằng, Lou ạ”. “Tại sao họ lại nghĩ rằng bất cứ ai liên quan tới thế giới trần gian thực tế

này lập tức là một thứ hàng tồn kho, kém phẩm chất? Thật đáng sợ. Một kiến nghị như kiến nghị của họ, ngay dù có được xem xét, cũng chẳng mang lại hiệu quả gì. Chỉ là một con số không. Nó sẽ không được chấp nhận, nó quá mơ hồ, đáng ngờ vực. Họ sẽ ngồi ở đó, ai cũng cảm thấy một chút tình cảm xúc động suối mướt, nhưng *chẳng* có gì xảy ra hết. Nó vô nghĩa, ngoại trừ ý nghĩa cho phẩm hạnh. Đức hạnh ở mọi nơi. Đức hạnh chiến thắng. Tôi được người ta đề nghị giờ đầu mình ra cho một việc vô nghĩa như vậy”. LaRuth nhận ra ông suýt bị trở thành mục tiêu, vì vậy ông hạ giọng: “Vô nghĩa”.

“Anh quá hần học đấy”. Cô nói một cách câu kinh. “Đây hận thù. Đáng khinh. Tại sao anh lại căm giận tất cả mọi người chứ? Lẽ ra anh phải làm điều mà Wein nhờ anh”.

Ông đếm đến năm và trở lại bình tĩnh. Ông nói bằng giọng nam trung, phong cách một chính khách: “Nghe những lời khuyên chính trị của cô luôn luôn bổ ích, Annette ạ. Rất bổ ích. Tôi đánh giá cao những lời khuyên của cô. Thật dở khi chính cô không làm một chính trị gia”. Cô không đáp, nhưng ông có thể nghe hơi thở của cô. “Tạm biệt, sẽ gặp lại nhau sau nhé”. Ông nói và gác máy.

LaRuth rời văn phòng của mình, sang phòng họp của Ủy ban. Ông đã rời bỏ vị trí lãnh đạo mà không lấy làm buồn tiếc. Nhưng, đôi khi ông hơi bị say sưa quá trong việc phân tích nội tâm và tự phán xét, một thứ bệnh nghề nghiệp của các nhà chính trị. Có những thực tế nền tảng nhất định: ông bỏ phiếu tán thành chiến tranh, đồng thời,

lá phiếu cho phép ông chống chiến tranh trong chừng mực một sự chống đối êm ả, trong cách thức mà “những chàng trai” được bảo vệ. Chống chiến tranh, bảo vệ những người lính. Một hành động bị ép buộc - rất nhiều tính chất Flaubert, tình cảnh là vậy, nó đặt ông vào vị trí ngớ ngẩn bỏ phiếu tán thành chinh phục quân sự và chống chiến tranh - Annette, thật đáng tiếc, đó là cách mà chúng tôi suy nghĩ trên Đồi Capitol (Nhà Quốc hội). Vấn đề là anh bỏ phiếu cho cái gì. Hãy quên những lời lẽ đẹp đẽ, đây là vấn đề bỏ phiếu. Biểu quyết, không biểu quyết, hoặc là “Có mặt”. Bỏ phiếu chống chinh phục quân sự thì những người đối địch sẽ buộc tội ông là “trối tay” quân đội Mĩ và như vậy là tiếp tay cho kẻ thù. Tay ông vấy máu.

*

* *

LaRuth bốn mươi tuổi. Ông thành nghị sĩ từ năm hai mươi tám tuổi. Một số đồng nghiệp còn vào Hạ nghị viện từ trước khi ông sinh ra, và họ quần quanh ra vào những phòng họp, hội trường như thể đó là những tòa án thị xã trước thời nội chiến được mở rộng. Họ toát ra mùi thuốc lá, mùi rượu whisky, mùi len cũ, mặt họ khô như giấy da. LaRuth thấy tức cười khi quan sát họ, họ cư xử như đang tham gia cuộc họp về những công chuyện gia đình, chăm chú nếu họ thích và phá bình nếu muốn đùa giỡn. Họ đáng được tha thứ, tuổi già mà. Hạ nghị viện đầy những người già cả, và không khí của nó là không khí của một thời đại rất vĩ đại. Đàm phán, tranh biện là một cách sống. LaRuth

nhớ tới một người bạn tham vọng trở thành lãnh đạo. Người ta đã cho ông ấy thử tài thử sức, thì thất bại, thì thất bại. Ông ta không đáp ứng nổi. Ông ta nói với LaRuth rằng ông phải đợi, chưa đến lúc. Ông ta đã ở đây mười tám năm và nay mới năm mươi hai tuổi thôi. Năm mươi hai! Jack Kennedy làm Tổng thống năm bốn mươi ba tuổi, còn Thomas Jefferson viết bản *Tuyên ngôn* khi chưa đến bốn mươi lăm tuổi. Nhưng theo một trong các quan chức cao cấp thì Nghị sĩ năm mươi hai tuổi này không có chút gì những phẩm chất vững vàng của Kennedy hay Jefferson. Ông ta không có nhiều tiền như Kennedy cũng không có bộ óc như Jefferson. Không phải là tiền nông có nhiều giá trị lắm trong Hạ Nghị viện, các nhà tài phiệt thuộc một loại khác.

Đó không phải là nơi cho những quyền lợi bị mất. Ở đây đã có quá nhiều những quyền lợi xung đột nhau, quá nhiều rối loạn, quá nhiều ngã dẫn tới các mê lộ. Quá nhiều người: bốn trăm ba mươi lăm Nghị sĩ và chừng một phần tư số ấy là những người danh giá. Danh giá và học vấn cao đủ để chặn hòng mọi kiến nghị gây rắc rối, đồng thời trả thù đích đáng. Tất cả mọi người bị đe dọa nếu những kẻ lập dị trở nên quá đáng, không sao kiểm soát nổi. Màu sắc chính trị của bọn lập dị không thành vấn đề. Đó là lí do khiến người ta khó lập được kỉ lục tư tưởng ở Nghị viện. Ai đó nghĩ ra một lí tưởng thì thông minh là phải biết từ bỏ nó trước khi anh ta đạt đến một vị trí có ảnh hưởng, bởi vì khi ấy, anh ta sẽ trở thành bậc thầy trong nghệ thuật thỏa hiệp, không liên quan gì tới các giáo điều độc đoán và những hành động theo ý thức công cộng. Một nhà lập

pháp phải làm việc với tinh thần thi hành giản dị, với sự khéo léo và sức mạnh, trong nội bộ các ủy ban, đằng sau những cánh cửa đóng kín. Đó là nơi công việc được thực hiện và sự tin tưởng được chuyển giao từ người này sang người khác. LaRuth, bốn mươi tuổi, đã ở trên thớt. Hai năm nữa, ông sẽ là một người có thể lực và như vậy thì ông không còn đủ tiêu chuẩn để làm bất cứ cái gì ngoài Nghị viện này nữa, hoặc không phải là không đủ tiêu chuẩn nhưng đã lỗi thời, cũ kĩ. Ông sẽ trở nên không phù hợp, và còn những cân nhắc thực tế khác nữa, vì có ai muốn làm tới tở suốt mười hai - mười bốn năm, rồi sau đó nhường cơ hội làm chủa tể cho người khác? Người đó chắc chắn không phải là LaRuth. Do đó, thời gian chờ đợi cơ hội gần qua rồi. Nếu ông sắp có thể rời Hạ viện này để đại tới địa vị một Thượng nghị sĩ (một khả năng thật là hấp dẫn) thì ông phải sớm làm điều đó.

*

* *

Bạn thân nhất của LaRuth trong Quốc hội là một người cỡ tuổi ông, người ở bang lân cận. Họ đến Capitol cùng một năm và cùng xuất hiện trên tờ báo quốc gia, nơi họ có thể đủ tiền lo liệu. *Hai nhà tự do tư tưởng trẻ tuổi từ miền Nam*, đại loại như vậy. Winston lúc đó cũng là cử nhân và mấy năm đầu họ ở cùng nhà ở Công viên Cleverland. Nhưng khá phiền phức vì có quá nhiều phụ nữ ra vào nơi đó và có một buổi sáng Winston bắt gặp LaRuth đang tắm chung với một cô bạn gái. Chuyện đó đã chấm dứt tất cả. Họ thu xếp với nhau và LaRuth được

căn nhà, còn Winston chuyển sang một khu rộng hơn ở George town. Họ gặp nhau thường xuyên và cùng cười phá lên về những điểm kì quái của hệ thống chính trị ở Mĩ. Winston, một nông dân từ đồn điền miền Nam đã trở thành một thành viên cao cấp trong Ủy ban Đối Ngoại của Nghị viện. Tình bạn của họ khá phức tạp vì đôi khi họ cũng cạnh tranh với nhau. Ai sẽ đại diện cho miền Nam mới? Họ bị báo chí lừa phỉnh chơi khăm lẫn nhau; LaRuth là “nhà tự do tư tưởng có mãnh lực”, còn Winston là “nhà tự do tư tưởng mạnh mẽ”. Vì vậy mà LaRuth trở thành Lou Tự Do còn Winston trở thành Warren Hùng Mạnh. Không ai trong số họ có được danh tiếng quốc gia, họ ở trong cùng một đẳng cấp: Họ bỏ phiếu theo lương tâm nhưng không phải là không thận trọng.

Rất tự nhiên là Wein đã phái đoàn các nhà bác học đến gặp Winston ngay sau khi ra khỏi văn phòng của LaRuth. Cuộc điện thoại không chờ đợi đã đến ngày hôm sau đó, Winston mời LaRuth đến uống một chút vào khoảng sáu giờ, “có một vấn đề nhỏ phải thảo luận”. Từ khi rời Công viên Cleveland, cuộc đời Warren Winston trở nên thịnh đạt. Hiện nay đã vững vàng về mặt chính trị, ông ta bán ngôi nhà lớn ở quê và mua một hiệu kim hoàn nhỏ ở đại lộ Dumbarton. Cửa hiệu đó có ba phòng ngủ, một sân trong ở phía sau, một quầy bar bằng kính và một phòng tắm hơi ở trệt. Winston đang uống rượu gin và rượu thuốc bên hồ khi LaRuth đến. Khu nhà lịch sự, sang trọng hơn ông nhớ, sân trong trang trí nhiều bồn cây nhỏ, và một cây mộc lan rộ nở hoa. Họ pha trò một lát, cười cợt bản công bố mới

đây của miền Nam đang lan truyền trong Nghị viện. Người ta đang cố gắng tìm cách để làm vô hiệu hóa bản công bố mà không có vẻ đang làm việc đó. Chừng ba mươi phút sau, Winston mới đề cập “vấn đề nhỏ cần bàn”.

“Lou, cậu biết ông Wein chứ?”

“Ông ấy là bạn của Annette”.

“Và ông ấy đã đến gặp cậu”.

“Ừ”.

“Rồi sao?”

“Chúng tôi không cùng quan điểm với nhau”.

“Cậu kín tiếng thế, Lou Tự Do”.

“Tôi bảo ông ấy dẹp đi”. LaRuth nói. “Ông ta gọi tôi là tội phạm chiến tranh, rồi lại gọi tôi là kẻ hoài nghi, yếm thế. Một kẻ bi quan, hoài nghi và một tội phạm chiến tranh. Mà tất cả vì một đề xuất vợ vẫn sẽ nguội lạnh đi ở Cambridge chứ chẳng thay đổi được cái cóc khô gì cả”.

“Cậu nghĩ cái đó không hay à?”

“Tệ hơn nữa, có thể thế”.

“Tôi không chắc vậy”.

“Warren, Chúa ơi”.

“Này nhé, chả lẽ nó lại không có chút ý nghĩa nào đối với Nghị viện chẳng? Nó không thể không gây vài ảnh hưởng nhất định ở thị xã, nó không thể không có ảnh hưởng ở các làng quê. Nó có lẽ không có cơ hội để được thông qua, nhưng cố gắng này sẽ gây ra một số chấn động. Bọn người gian xảo sẽ phải lúng túng. Người ta sẽ chú ý đến vấn đề hơn một chút. Đó là điều tốt, và tôi nghĩ rằng nó sẽ làm được vài điều gì đó trong Nghị viện đấy.”

“Làm được cái gì? Ở đâu?”

“Báo chí, ti vi. Những nơi khác. Nó sẽ cho thấy rằng ít nhất thì một số người trong số các nghị sĩ chúng ta không bằng lòng với những điều như vậy. Rằng chúng ta muốn thay đổi...”

LaRuth lắng nghe chăm chú. Rõ ràng là Winston đang cố thử trình bày một bài diễn văn, như một bộ quần áo mới vậy, cởi ra rồi lại mặc vào, hỏi ý kiến bạn ông ta về màu sắc, sự vừa vặn, có phải cắt bớt chằng...

“Tư tưởng về sự thay đổi có thể hình thành từ bên trong hệ thống...”

“Ồi-i-i” LaRuth rên rĩ.

“Không ư?” Winston hỏi, vẻ ngây thơ.

“Về câu này thì sao,” và như thế là, *những chàng trai Mĩ của tôi, bản khoản không phải về cái các anh có thể làm cho Wein mà là cái Wein có thể làm cho các anh*. Câu này hờ hênh quá. Như cái lưỡi chớ sẵn thè lè. Bây giờ, anh hãy nói cho tôi nghe bản tin chính xác đi.

“Bettger sắp từ chức rồi”.

“Anh nói sao”. LaRuth ngạc nhiên. Bettger là Thượng nghị sĩ cao cấp, người cùng bang với Winston, và là một huyền thoại sống của miền Nam.

“Ung thư. Không ai biết cả. Ông ta sẽ thông báo việc nghỉ hưu vào cuối tháng này. Đó là cơ hội độc nhất của tôi cho bốn năm tới đây, có thể là cho mãi mãi. Có đến nửa tá Nghị sĩ đang dẫn đầu vòng đua này, nhưng tôi có thể có thời cơ tốt. Nếu tôi sắp thành Thượng nghị sĩ thì bây giờ chính là lúc phải giành lấy nó. Vấn đề của Wein có thể là một phương tiện thúc đẩy. Tôi nói là có khả năng thôi. Một cách thức. Dân chúng muốn nhà chính trị của

quốc gia là một thượng nghị sĩ. Không đủ nếu chỉ là một nghị sĩ tốt, hoặc thậm chí, một quan chức chính phủ tốt. Người ta cần có hơn thế; khi dân chúng thấy anh trên ti vi, họ muốn nghĩ, đúng là phong thái *nguyên lão nghị viện*” đại loại thế. Cậu đồng ý không?

LaRuth rất thận trọng. Winston đang nói nhiều điều mà chính ông đã từng nói. Tất nhiên ông ta nói đúng: một Thượng nghị sĩ cần một vẻ ngoài xứng đáng với quốc gia. Mấy lão thượng nghị sĩ già không cần cái đó, nhưng họ xuất phát từ một truyền thống khác, họ điều khiển những nút bấm khác. Còn nếu anh là một người trẻ tuổi lần đầu tiên xuất hiện trước toàn quốc, anh cần phải có nền móng khác. Trong vương quốc của ti vi là những đệ tử không có người lãnh đạo. Dân chúng bị lôi kéo bởi những thủ đoạn khác nhau. Vấn đề là phải nhận biết thủ đoạn lôi kéo mạnh nhất.

“Tôi cho rằng nhóm của Wein sai lầm. Kiến nghị đó là một sai lầm. Họ sẽ giết anh nếu anh dính cái tên anh vào chuyện đó đấy”.

“Không đâu, Lou. Anh nghĩ khác tôi rồi. Sửa chữa một chút, diễn đạt lại một chút, bản kiến nghị đó sẽ trở nên không có gì đáng lo ngại cả, nó sẽ trở thành một cái gì đó như tác phẩm của Robert A. Taft. Anh hãy *nảy ra* những chữ, những đoạn vừa ý. Anh hãy khôn khéo lái những chữ như “ăn hối lộ”, “tội diệt chủng” và “bạo lực” sao đó cho nó có vẻ sạch sẽ hơn. Cả anh và tôi, Lou à, đều biết rằng dân ta *thích* bạo lực, đó là một phần cách sống của chúng ta mà. Thế thì anh đừng có nói đến bạo lực, mà hãy nói về những truyền thống Mỹ, như “truyền thống tự do và tốt

trọng cá tính. Không can thiệp". Anh đang nói đến hai điều khác khi anh nói vậy, phải không Lou? Đó là cách chúng ta giải quyết vấn đề chủ nghĩa đế quốc. Anh đừng gọi nó là chủ nghĩa đế quốc, vì từ ấy nghe dở lắm. Một từ nước ngoài".

LaRuth cười phá lên. Winston phân tích. Ông ta đã phải thuyết phục Wein đồng ý với những đổi thay đó mà không gặp khó khăn gì. Warren Hùng Mạnh quả là một người có tài thuyết khách.

"Vấn đề là tôi đi đến chỗ khiến cho dân chúng thích tôi vì nghĩ rằng tôi có thể tạo ra một đổi thay gì đó..."

"Tôi cho rằng anh chỉ dùng những từ ngữ ảo thuật mà thôi".

"Thế sao?"

"Tôi nghĩ vậy đấy - Đúng vậy".

"Tạo ra những thay đổi. Winston xứng đáng làm Thượng nghị sĩ. Hai dòng như vậy trên băng thông cáo". Winston miêu tả hai dòng thông cáo bằng điệu bộ của những ngón tay. Rồi lặp lại cái tiêu ngữ đó. *"Tạo ra những thay đổi. Winston xứng đáng làm Thượng nghị sĩ".* Hãy xem xem, loại thay đổi gì không thành vấn đề. Dân chúng đều hiểu rằng họ đã chán ngấy. *Chán ngấy và phát rồ về cách thức hiện tồn của mọi thứ.* Và họ bắt đầu tin rằng nếu họ bỏ lá phiếu cho anh, thì trong một cách thức nào đó, cuộc sống sẽ khá hơn. Giờ thì tôi đang nghĩ đến câu nói về sự can thiệp sẽ thực hiện được một nhiệm vụ kép. Dân chúng đã chán ghét cãi lộn, giao tranh, trong mọi hình thức. Đông Dương, rút về thôi." Winston có tài bắt chước, ông làm bộ thọc tay vào cái dây quần tưởng tượng của mình và nói bằng giọng

lão già đã rụng hết răng: “Tôi nghĩ tôi sẽ bỏ phiếu cho Winston. Có lẽ sẽ không hại gì. Có thể sẽ làm được điều gì đó tốt lành. Có thể sẽ tạo ra những thay đổi?”

“Thôi, Warren”

“Bạn sẽ giúp mình chứ?”

“Chắc chắn rồi!”

“Kí vào bản của Wein nhé”.

LaRuth nghĩ một lát. “Không”, ông ta nói.

“Quái quỷ gì vậy, Lou? Tại sao không, nếu nó được soạn lại theo cách tôi đã nói. Nghe này, Wein sẽ không liên quan gì đến nó. Nó sẽ trở thành một kiến nghị nghiêm túc của một nghị sĩ mà”.

“Điều ấy chẳng có nghĩa gì hết”.

“Nhưng có nghĩa rất nhiều đối với tôi”.

“Ồ, điều đó hoàn toàn khác. Đó là chính trị.”

“Nếu cậu cũng tham gia, trò cá cược trở nên an toàn hơn”.

“Chỉ mang đến thêm một bản copy của Hai Cái Xác Vàng Các Cặp Song Sinh thì có. Cậu không muốn điều đó đâu”.

“Không, tôi có thể tiến hành kế hoạch tốt đẹp mà. Tôi sẽ ra trước Nghị viện, tôi sẽ trình bày những đề xuất, cậu ở đằng sau, không nguy hiểm chút nào mà Lou”. Winston lúi lúi ra, rót đầy rượu gin và rượu thuốc. Ông ta cẩn thận cắt một quả chanh, vắt vào li rượu. Không nghĩ ngợi gì, Winston rất lo chăm chút thân thể. Thân hình như của một vận động viên điền kinh, to con, mái tóc hung bắt đầu mỏng bớt, ông ta có thể trúng tuyển kì thi thể lực để làm một nhà du hành vũ trụ.

“Anh phải tìm những cái tên mới cho bản kiến nghị đó”.

“Được mà, người anh em. Quá nhiều người Do Thái, quá nhiều người nước ngoài. Tại sao không có những nhà bác học tên là Robert E. Lee hay Thomas Jefferson? Talmadge, Bilbo”. Winston thở dài và tự trả lời câu hỏi của ông ta: “Sự sa sút của dòng giống WASP⁽¹⁾. Nghe nhé, Lou. Bản kiến nghị sẽ bị quên ngay trong vòng sáu tuần và điều đó thật có lợi cho tôi. Tôi chỉ cần nó để ra mắt quốc dân lúc ban đầu thôi mà. Nó không có tính quyết định. Nhưng nó có thể tạo ra sự khác biệt, tạo được những thay đổi”. “Anh sắp mở chiến dịch với bản kiến nghị đó chắc?”

“Cậu hãy đánh cá đi. Sửa đổi lại khá nhiều. Sẽ giúp ích rất nhiều, nếu cậu cùng làm với tôi. Nó sẽ tạo ra cơ hội để phe miền Nam chúng ta thắng tiến. Khi tôi được trở thành Thượng Nghị sĩ, chiến dịch của tôi bắt đầu. Nghe nhé, điều đó tự nhiên thôi. Bettger là Miền Nam cũ, còn tôi, là Miền Nam mới. Nhưng chúng ta là bạn bè và là hàng xóm, đó là một thực tế. Bản kiến nghị kia sẽ mang tới hàng tá móc để họ treo lên bọn con hoang ấy lại mé cậu, veston đen, hàng rìa mép đen và giọng nói sang sảng. Thật tự nhiên và thật ý nghĩa, hai chúng ta trong phút xuất hiện lần đầu tiên trước quốc dân. Tôi sẽ không bao giờ quên. Tôi sẽ mang ơn về đặc ân cậu đã dành cho tôi”.

LaRuth luôn giật mình trước hiểu biết sâu rộng của Winston về báo chí. Ông ta nói đến “phe cánh” đến “những cái móc” những vòng quay A.M và P.M, nhưng

(1). W.A.S.P.: viết tắt của White Anglo Saxon Protestant, tức là những tín đồ của đạo Tin lành thuộc dòng giống Anglo Saxon da trắng.

thực tế “thăng tiến” hay “thất bại”, ông ta biết ai lên và ai xuống ở CBS, ai đang phân tích Quốc hội cho ban biên tập của tờ *Bưu điện Washington*, Warren Winston luôn luôn ôn hòa và con người ông hiện rõ khi ông ở nhà mình, ở Georgetown.

“Bạn có thể cân nhắc xong chuyện đó vào cuối tuần này chứ?”

“Chắc chắn vậy”. La LaRuth nói.

Ông trở về đồi Capitol, cho rằng trong văn phòng của mình, ông nghĩ ngợi sẽ tốt hơn. Khi có chuyện gì nghiêm trọng phải cân nhắc, nghĩ ngợi, ông ở lại văn phòng, thường thức rất khuya, tận quá nửa đêm. Ông pha đồ uống trong cái bar nhỏ trong văn phòng rồi bắt đầu làm việc. Đôi khi Annette ở lại đây với ông, đôi khi không. Khi LaRuth bước vào phòng đã thấy cô ở đó. Cô biết là ông vừa ở chỗ Winston.

“Ông ấy đang chạy chọt cho ghế Thượng Nghị sĩ” LaRuth nói.

“Warren ấy à?”

“Đó là ông ta nói thế. Ông ta còn sắp ra trước Quốc hội về kiến nghị của Wein nữa. Warren sắp kí vào đó. Và muốn anh cũng kí vào đó”.

“Tại sao lại là anh?”

“Thì hợp tác. Như thế sẽ giúp cho ông ta. Không nghi ngờ gì về điều đó. Nhưng đó là một kiến nghị không hay ho gì. Một số vấn đề khiến anh nghĩ không nên làm thế”.

“Anh hâm hấp như vẻ ngoài của anh đấy nhỉ?”

Ông liếc cô và phá lên cười: “Trông anh hâm lắm sao”

“Đối với em thì thế đấy”.

Đúng là không có cách nào để tránh sự tranh đua trong chính trị. Chính trị là vấn đề của khả năng, sự may mắn và tham vọng. Cả ông lẫn Warren đã chạy cùng nhau nhiều năm đến nỗi ông bỗng mất bình tĩnh khi nghĩ đến Thượng Nghị sĩ Winston. Winston ở cao hơn ông một nấc thang. Ông cảm thấy tức tối vì Winston đã bắt đầu tiến tới một bước dễ dàng, chẳng khó khăn gì, chẳng cần gắng sức. Điều ấy không liên quan gì tới sự nghiệp của ông, nhưng ông bỗng cảm thấy bống tới đổ xuống trên con đường tương lai. Winston đã túm lấy thời cơ và điều đó làm ông thất vọng, khổ sở. Bọn ông đã rất thông minh và tự tin trong hành động, ông ta dám liều mạng, ông ta thử vai trò của công chúng trong chính trị. Winston rất giỏi trong việc phát biểu những bài diễn văn đáng nhớ ở Nghị viện, những diễn văn rõ ràng là hết sức xúc động, hết sức lôi cuốn. Đối với Winston, không có chút lúng túng, bối rối giữa cá nhân và công chúng hòa làm một. LaRuth cho rằng ông ta đã mở rộng và làm sâu sắc hơn những khả năng đó của mình trong mười hai năm ở Nghị viện, ông ngày càng là người của chủ nghĩa hiện thực, nhưng không thực là một chi tiết của cỗ máy. Giờ đây Winston đã vượt qua ranh giới, ông đã bước một bước quyết định về phía trước.

LaRuth có lẽ đã phạm một sai lầm. Ông ưa thích và hiểu biết quá trình hành pháp, những điều đình, thương lượng chỉ rất ít tính chính trị. Đó không phải là công chúng. Những ai giam mình trong khuôn khổ gia đình có thể làm những điều anh ta muốn ở nhà Quốc hội. Vì thế, LaRuth đã trở thành một bất động sản của bang của ông. Hai năm một lần, kế hoạch bầu cử được yết thị trước cửa ngôi nhà

nhỏ ở trang trai gia đình ông, nơi ông đã sinh ra và nơi mẹ ông bây giờ vẫn ở. Ngôi nhà đầy những vật kỉ niệm cuộc đời chính trị của ông, tường phòng khách treo những bảng thông cáo, những bức ảnh lồng trong khung, những giấy chứng nhận, bằng cấp các loại. Mẹ ông vô cùng hãnh diện. Cuộc đời ông như sự chứng tỏ cho cuộc đời của chính bà, thành công của ông là của bà - bà từng nói với ông như vậy. Địa vị của ông trong Quốc hội Mỹ cực kì quý giá và không thể xem nhẹ. Thời gian nghiệt ngã, lạnh lùng nơi đây khiến ông mất lòng tin vào tất cả những gì hào nhoáng, hay thay đổi thất thường. Ở nhà Quốc hội không có chỗ cho những quyền lợi bị mất.

Annette đang nhìn ông. Cô chống tay vào hông, mỉm cười giễu cợt. Ông cởi áo choàng ra, mặc sơ mi dài tay. Cô đã nói với ông một cách nhẹ nhàng rằng cô không thấy có gì là tệ hại, rằng nếu ông muốn được cái ghế Thượng nghị sĩ thì phải cạo râu đi. Mua quần áo mới. Phải trở nên đạo mạo và có một vẻ lạc quan thường trực. Nhưng cú áp phe cho tương lai ấy, chữ kí của ông...

“Có thể. Không thể”. Ông nói.

“Tại sao không?”

“Anh chưa từng bao giờ làm thế cả”.

“Anh đang băn khoăn về chữ kí bởi vì không muốn kí hay vì anh tức Warren? em muốn nói, Thượng nghị sĩ Warren ấy”.

Ông nhìn cô: “Có lẽ phần nào cả hai lí do đó”.

“Ồ, thật ngốc. Anh phải phân loại và lựa ra những động cơ của anh chứ”.

“Điều đó tính sau đi. Đó là việc của anh mà”.

"Không, nhưng Warren sẽ muốn biết vì sao anh không nhảy xuống cùng với ông ấy. Các anh là bạn tốt của nhau kia mà. Ông ấy sẽ muốn biết vì sao".

"Anh đã mất mười hai năm để xây dựng lòng tin của mọi người. Ở đây, anh đã được tin cậy. Ngài Chủ tịch Hạ nghị viện tin anh, Ngài Chủ tịch Ủy ban tin anh".

"Rồi bọn trẻ con thấy anh đi trên phố. Chúng bay đi, Vinh quang quá kìa. Kìa Lou LaRuth đáng tin cậy đang đi kìa. Có sức hấp dẫn, có tư tưởng tự do." - Cô nói và cười phá lên.

"Ồ, đúng đấy. Kiến nghị đó, nếu được truyền sẽ là một vụ động trời. Nó sẽ làm loạn Nghị viện trong vòng một tháng và làm um sùm cả giới báo chí lên. Mà nó có bị dẹp im thì chúng ta mới có thể tiếp tục công việc được, anh muốn nói đến những công việc nghiêm túc ấy. Đừng khuếch trương nó lên.

"Chiến tranh là một vấn đề khá hệ trọng đấy chứ".

"Ồ, bây giờ hả? Em hãy nói cho anh biết nó quan trọng ra sao nào?" Ông đặt đồ uống xuống bàn. "Nhưng thôi, tốt hơn là em hãy nói cho anh nghe kiến nghị đó sẽ giải quyết vấn đề ra sao? Ở đây, Chúa đã cấm mọi giải pháp. Những dự luật đạo đức, những báo cáo tường trình, những kiến nghị. Chúng là những thứ vĩ đại, phải không nào? Vứt mớ các giải pháp đi". Ông đã trở nên hoàn toàn câu kính. Ông quay lại rót đầy các li. Ông cho đá và một ít whiskey vào li của cô rồi rót martini vào li của mình.

"Điều đó thì có gây hại gì đâu?" "Sẽ mất rất nhiều sức lực. Một cuộc trưng bày ở các gallery trong vòng một hoặc hai tuần lễ. Cho đến khi tất cả đều mệt mỏi và chán ngán.

Còn chính cái kiến nghị đó ư? Không gây hại gì hết. Nó là một kiến nghị tốt, không có hại, nếu người ta thấy một ảo tưởng được ghi nhớ lâu dài không phải là độc hại”.

“Biết bao người sống bằng ảo tưởng, thế thì có gì sai trái nếu làm cho Quốc hội cũng có những ảo tưởng?”

“Nhưng nó sẽ không thực hiện được. Đó là vấn đề. Kiến nghị đó sẽ bị tiêu diệt thôi. Nó chỉ khiến người ta phải đau đầu và chia rẽ Nhà Quốc hội này nhiều hơn tình trạng chia rẽ vốn có của nó”.

“Em sẽ nghĩ lại vấn đề này”. Cô bảo.

“Được thôi, anh sẽ suy nghĩ. Anh sẽ trao đổi với em. Anh có lẽ không kí vào cái của nợ ấy đâu. Cái ấy sẽ mang lại cho Warren những điều tốt đẹp đấy. Sau đó thì anh sẽ làm điều có thể làm để thấy nó bị đem đi mai táng. Chúa trời sẽ hiểu rằng chúng ta không thiếu phu đào huyệt. Và sau đó dự luật giáo dục”.

“Em cho rằng như thế là hơn. Cô mỉm cười. “Nhân tiện, anh có một cú điện thoại đấy. Ông Chủ tịch. Ông ấy muốn anh gọi sớm trong buổi sáng”.

“Ông ấy nói về chuyện gì vậy?”

“Về dự luật giáo dục, anh yêu ả”.

“Cút”, LaRuth nghĩ.

“Có một trở ngại”. Cô nói.

“Ông ấy nói trở ngại gì?”.

“Em cho rằng ông ấy không muốn bỏ phiếu tán thành dự luật ấy nữa”.

Winston tìm kiếm ông suốt, cố thuyết phục nhưng LaRuth còn đang bận với dự luật giáo dục, nó đã trở nên không tháo gỡ nổi. Đó chính là một trong những điều không

thể dự đoán trước đã xảy ra, không có lời nào giải thích cho việc đó. Nhưng không khí có vẻ đã thay đổi và những sự hỗ trợ, ủng hộ đã tiêu tan. Các thành viên trong Ủy ban do dự, ngài Chủ tịch thì đột nhiên ỉm rừ, thiếu quả quyết, ông ta cho rằng tốt hơn là hãy hoãn việc đó lại. LaRuth thuyết phục ngài Chủ tịch rằng làm như vậy chẳng thông minh chút nào và bắt tay vào chuẩn bị sửa chữa tình thế. Đơn giản thôi: trò chuyện với các thành viên Ủy ban, trấn an những nỗi lo ngại của họ. LaRuth gọi cách làm đó là sự chữa chạy tiêu cực, nhưng nó lại thường rất có hiệu quả. Vài ngày sau, giữa các cuộc họp hành, thảo luận, LaRuth có dịp gặp gỡ một lớp lịch sử của một trường đại học nọ, các sinh viên là người quê ông. Họ đi du lịch tới Washington và muốn trò chuyện với ông về Quốc hội. Cô giáo, chừng hai mươi lăm tuổi, đôi mắt to, đen láy, tóc lượn sóng, muốn bàn về vấn đề chiến tranh trong khi các sinh viên thì tỏ vẻ hồ hững. Họ tụ tập đóng nghịt bên ngoài văn phòng của ông, ba mươi người tất cả. Các nhân viên thư kí đứng bên họ, đùa giỡn, trong khi cô giáo mở đầu đối thoại bằng một diễn văn khai mào dài dòng về vai trò của Nghị viện, phần lớn có ta nói không chính xác gì cả. Sau đó, có ta hỏi LaRuth về chiến tranh. Vai trò của các nghị sĩ trong chiến tranh là...

“Một vai trò hạn chế”. LaRuth trả lời và ông hướng tới các sinh viên khi đi sâu vào một vài chi tiết cụ thể.

“Tại sao Nghị viện lại không có một giải pháp đòi hỏi kết thúc cuộc chiến tranh vô đạo và khủng khiếp đó”. Cô giáo chất vấn. “Thưa ngài nghị viên, tại sao Hạ Nghị viện

không thể điều hành được việc đó?”

“Vì rằng” LaRuth trả lời, lạnh lẽo, bực bội và mệt mỏi, chán ngán “vì phần lớn các thành viên của Quốc hội không muốn mất châu Á cho những người Cộng sản. Có lẽ, điều đó không thích đáng. Quý vị có thể cho đó là một luận điểm tồi. Tôi cũng nghĩ rằng đó là một luận điểm tồi. Nhưng các Nghị viên thực sự có quan điểm như thế”.

“Nhưng tại sao không thể kiểm nghiệm điều đó? Bằng bỏ phiếu chẳng hạn”.

Các sinh viên bị thuyết phục và chăm chú lắng nghe cuộc trao đổi với đôi chút hứng thú. Cô giáo hẳn là được họ cảm tình, cô hẳn là nhà mô phạm mẫu mực của họ. LaRuth đang nhìn theo một cô gái ở cuối phòng. Cô ta giống những cô gái mà LaRuth từng quen biết ở quê nhà, tóc ngắn, trang phục mùa hè thoáng nhẹ, thân hình nở nang, tròn trịa, kiểu “phom” dễ bị trở nên mập ú. Ông đột ngột chuyển đề tài sang dự luật về giáo dục, ông trình bày cho họ nghe một bài diễn văn đầy thách thức về vấn đề đó, mong khuấy động đối thoại trao đổi, trong bài diễn văn có một chút thiên vị quê hương. Ông cảm thấy các sinh viên chú ý nghe ông một lát, rồi sau đó, không để tâm nữa. Trong chừng năm phút, họ có vẻ thay đổi hoàn toàn. Ông chào tạm biệt và bắt tay họ trên lối ra. Cô gái tóc ngắn nán lại ít phút, cô là người về sau cùng.

“Sẽ tốt hơn nếu ngài có thể làm được gì đó cho vấn đề chiến tranh”.

“Ồ, tôi đã giải thích rồi mà”.

“Anh trai của anh đã bị giết chết đó, trong chiến tranh”.

LaRuth nhắm mắt, đứng lặng, không nói gì.

“Bất cứ một động tác nào, bất cứ một cố gắng nào”, Cô gái nói.

LaRuth lắc đầu buồn bã: “Chúng chẳng có hiệu quả gì”.

“Vâng”, cô gái nói. “Xin cảm ơn ngài đã dành thời gian cho cháu”. LaRuth cảm thấy cô rất người lớn, một cô bé nói năng tuyệt vời, rất ấn tượng. Cô đứng bên cửa, thật xinh xắn. Những sinh viên khác đã đi xuống, ông có thể nghe tiếng than vãn của cô giáo họ.

“Anh cô bao nhiêu tuổi rồi?”

“Mười chín ạ”. Cô ta nói. “Sinh nhật tới anh cháu sẽ hai mươi tuổi”.

“Ở đâu?”

“Người ta nói đó là một tai nạn máy bay”.

“Tôi rất tiếc”.

“Ngài đã viết cho gia đình cháu một lá thư, ngài không còn nhớ sao?”

“Tôi không biết tên của cô” LaRuth nói, dịu dàng.

“Ecker”, cô ta nói. “Anh trai cháu tên là Howard”.

“Tôi nhớ rồi”, ông nói. “Hồi trước...”

“Cuối năm ngoái ạ”. Cô ta nói và nhìn ông chăm chú.

“Vâng, đúng thế. Tôi rất tiếc”.

“Cháu cũng vậy”, cô trả lời, hơi mỉm cười. Rồi cô bước ra, nhập vào nhóm sinh viên cuối cùng của lớp. LaRuth dừng lại bên cửa một lúc, cảm thấy cô thư kí đang theo dõi ông từ sau lưng. Điều đó đã xảy ra, hồi trước, miễn Nam hình như phải chịu đựng nhiều hơn gánh nặng của cuộc chiến tranh. Ông đã viết hơn hai trăm bức thư, tới gia

đình những chàng trai xấu số. Cả da đen lẫn da trắng. Trong số họ, tỉ lệ phân bố không đều, giữa người giàu và người nghèo, dân da trắng so với dân da đen miền Bắc so với người miền Nam. Ôi, tốt đẹp làm sao, ông nghĩ, ôi, đau khổ! Ông trở vào phòng, gọi cho Winston và bảo rằng ông sẽ cùng hợp tác với Winston. Trong một cách thức hạn chế. Và trong một thời gian hạn chế.

Trong ngày hôm đó, Winston đã ghé vào chỗ ông. Winston muốn LaRuth báo lại đầy đủ và dự tính thời gian cụ thể.

“Vấn đề đang vận hành rồi”. Winston nói.

“Anh đã nói với Wein chưa?”

“Mình đã nói với Wein rồi”.

“Wein nói sao?”

“Wein đồng ý xem xét lại, sửa duyệt lại bản tường trình và kiến nghị”.

“Có phàn nàn chứ?”

“Ngược lại, Wein tự xem mình như ngọn giáo trong một phong trào lớn của quốc gia. Ông ta quan sát tình hình các nhà khoa học gia nhập vào các vị trí chính trị, tham gia vào đấu trường của các ảnh hưởng chính trị. Lương tâm của Wein trong sáng như nước mưa vậy. Ông ta rất suốt đời”.

LaRuth cười vang; đó là một trò đùa cợt của riêng ông và Winston.

“Khi ấy thì ở Cambridge, lòng hăng hái của Wein đã nguội lạnh rồi”.

“Tôi nghĩ đó là một báo cáo tường trình tốt đó, bác Lou a”.

“Ông ta tuyệt vời”.

“Ông ta đã rất vui rằng cậu lại ủng hộ chúng tôi. Ông ấy nói đã xét đoán sai về cậu. Ông ấy sợ rằng đã hơi thô bạo”.

“Wein cứ lắm”.

“Tôi đã nói với một người rằng cậu sẽ kí vào kiến nghị đó. Tôi biết khi mọi việc ngả ngù, cậu sẽ không thất bại. Tôi biết cậu sẽ cân nhắc lương tâm và tình cảm và xác định được chân lí nằm ở đâu. Tôi hiểu cậu không phải người bi quan, hoài nghi, yếm thế. Tôi hiểu cậu muốn ông bạn già của cậu trở thành Thượng nghị sĩ mà”.

Họ cùng cười vang. Winston đang lúc châm chọc chua cay. Ông ta kê ra hàng tá cái tên và vạch rõ ngọn nguồn lương tâm của mỗi người. Tiền nong hay quyền lực, ảnh hưởng. “Nhưng vẫn tốt thôi, Lou Tự Do ạ, - còn hàng tá nữa những người làm việc này chỉ vì họ muốn làm. Họ nghĩ đó là điều phải”.

“*Faute de mieux*” (Không có điều kiện hơn nữa).

“Tôi không được học tiếng Pháp, Lou ạ. Cậu cứ luôn luôn văng tiếng Pháp vào mặt tôi thế”.

“Tôi muốn nói không còn cái tốt hơn nữa”.

Winston nhếch mép, rồi nhún vai, LaRuth cảm thấy buồn, cái bóng dài ra và trở nên thẫm hơn.

“Tôi đã nhờ báo chí sáu người chúng ta. Tất cả đều là những người ôn hòa. Các nhà khoa học, các nhân viên chính phủ. Tôi sẽ ra trước Quốc hội, trình bày tất cả. Được chứ?”

“Chắc chắn rồi”. LaRuth đang nghĩ về dự luật giáo dục của ông.

“Sẽ tuyệt vời”.

“Tuyệt vời. Nhưng tôi muốn xem trước cái báo cáo tường trình ấy”. Winston cười lớn và xòe hai bàn tay ra: “Nhà hành pháp hàng xóm thân thiết của cậu không che đây, giấu giếm gì hết. Ông bạn trung thực, thẳng thắn, tầm thường của cậu chỉ cố gắng để làm điều phải, cố gắng hết sức mình mà thôi. Nhưng, tất nhiên là được rồi”.

Một số chính trị gia có được cái đó, một số khác thì không. Winston có cái đó, có cái linh cảm huyền thoại về thời cơ. Mọi điều trong chính trị là vấn đề thời cơ. Trong vòng nửa tháng, báo cáo tường trình và kiến nghị của ông thống lĩnh chương trình thảo luận của nghị viện. “Một lí tưởng đã đến lúc phải thực hiện”. Xảy ra đồng thời với hành động phi thường ở châu Mỹ la tinh và sự phát triển chiến sự ở Đông Dương. Ban lãnh đạo lúng túng nhưng buộc phải chấp nhận cách hòa giải: những con chim bồ câu trong màu sơn chiến tranh. Winston xuất hiện đều đặn trên chương trình thời sự buổi tối của đài truyền hình. Các buổi nghe báo cáo trước Ủy ban Đối ngoại, rồi phát hành tranh ảnh và báo chí. Winston, một nhà hành pháp điềm đạm, phát âm có ngữ điệu “*bước vào lửa*”. Nhiều bài báo tâng bốc, xu nịnh xuất hiện trên các tạp chí, các ban biên tập của những tờ báo lớn, kể cả tờ báo có ảnh hưởng lớn nhất trong bang của Winston cũng đều ủng hộ, nâng đỡ ông. Ông và LaRuth xuất hiện trên bìa của tạp chí *Cuộc sống* nhưng tờ bìa ấy cũng đến phút cuối cùng lại bị lật bỏ. LaRuth vô cùng ngạc nhiên, thư từ từ địa phương của ông cũng chỉ xoay quanh sự kiện đó. Một phụ nữ mẹ ông quen

biết trong nhiều năm, viết thư nói rằng ông có thể trở thành Tổng thống. Thực là không tin nổi. Phòng Thương mại gửi đến một bức thư ngợi ca tính cách và tinh thần của ông “một tấm gương của tính cách đạo đức Mi không thể bị phá hủy”. Khi báo chí không tìm được Winston thì họ đổ xô đến LaRuth. Ông trở thành nổi tiếng và ông thận trọng cảnh giác như người từ ánh sáng ban ngày bước vào đêm tối. Ông lợi dụng danh tiếng đó để đặt vấn đề về dự luật giáo dục của ông. Ông thấy lời lẽ của mình bây giờ có trọng lượng hơn nhiều, dù rằng khó mà xác định rạch ròi điều đó. Những đồng nghiệp cũ trêu chọc ông, họ chòng ghẹo những chiếc áo mới của ông. Ông xuất hiện trên tivi rất thành công, phong thái của ông rất gây ấn tượng, khổ người cao lớn, bộ veston đen, ria đen. Giọng nói trầm ấm làm sao, khiêm tốn làm sao, nhũn nhặn làm sao; không quá khích cũng không khoa trương. (Một phóng viên tinh tế sẽ có thể nhận ra bằng trực giác rằng ông khinh bỉ “giải pháp Winston”, nhưng cảm nhận ấy chỉ rất thoáng qua). Khi một người phỏng vấn đề cập phong cách kín đáo, thận trọng của ông, LaRuth mỉm cười và nói rằng ông không khiêm tốn cũng không thận trọng, ông chỉ là người bị quan, hoài nghi. Nhưng mẹ ông thì ngây ngất. Cô thư kí nhìn ông với sự kính trọng hơn. Annette cho rằng ông thuộc loại người trong cả triệu người chỉ có một.

Không có gì nguy hại. Kiến nghị đó đã được soạn thảo lại cho đỡ cứng rắn và trở nên vô hại. Ngôn ngữ thì khó hiểu và cuối bức kiến nghị đó là một cái ô rộng lớn mà bất kì ai cũng có thể chui vào trú nấp. Wein không hề ảo

tuồng, quần chúng bắt đầu nhìn đi chỗ khác, vì những vấn đề của họ, LaRuth lại trở về với Ủy ban Giáo dục và Lao động. Lại quay về công việc cũ, và cải dự luật giáo dục không còn có vẻ quá thúc bách. Một tháng bỏ bê công việc, giờ đây LaRuth buộc phải nỗ lực gấp đôi. Ông thường nói tới sự thách thức và những dự luật. Với thời gian, dự luật giáo dục của ông được Ủy ban làm sáng rõ và trình sang Quốc hội, nơi nó được thông qua. Nhiều thành viên trong Nghị viện bỏ phiếu hoàn toàn theo sự thiên vị của họ, đối với LaRuth hoặc đối với ông Chủ tịch. Ông Chủ tịch hoàn toàn tán thành dự luật này, ông ta đã bỏ qua những thắc mắc cũ, lằm bằm một chút nhưng tán thành trong không khí thuận lợi của báo chí, kinh phí đã được rót cho các trường. Trước, trong ba năm, nay là năm năm. Một tỉ, nay rút xuống còn năm trăm triệu. Người ta đưa ra nhiều sự sửa đổi, hầu hết đều nghiêm ngặt khắc khe. Nhưng có kinh phí, thế là tốt nhất rồi. Ngài Tổng thống đã ký duyệt trong nghi lễ trọng thể. LaRuth đứng sát cạnh khuỷu tay ngài. Dự luật bây giờ đã thành luật pháp.

Ngài Nghị sĩ, trầm ngâm ôn lại tất cả, cảm thấy vừa tức giận vừa buồn bã. Ông đã là một nhà hành pháp quá lâu mới rút ra được vài bài học đạo đức, ông cho rằng mọi thứ trong cuộc đời ông đều kết thúc trở trên, mẫu thuẫn. LaRuth, bốn mươi tuổi rồi, không hề có những giải pháp bí ẩn, không hề có bất cứ một ảo tưởng nào. Hạ nghị viện là một nơi không đơn giản, không ngây thơ và cũng không ngay thẳng. Cái bề ngoài ở đây cũng giống cái bề ngoài ở bất kì đâu, thấy đều giả dối, lừa mị. Kẻ chống chọi chính

là người đã tiếp cận nó một cách hiện thực chủ nghĩa.

Tiếp theo là chúc tụng, chào mừng. Trong những giờ phút vinh quang, ông, tác giả của cái luật mới được thông qua, kiên quyết ở lì trong bụng con cá voi, không để ý cũng không xúc động. Ngón ngữ bên ngoài của ông mỗi một, chán ngán và về cuối, đầy hoài nghi. Ông hiểu con người ông. Ông bị mắc kẹt trong những gì đã thu được, và ông cảm thấy thoải mái khi nhớ đến câu văn của Flaubert mà ông yêu thích, cái câu nằm trong đoạn gần cuối tác phẩm *Bà Bovary*. Câu đó miêu tả một nhân vật phụ trong tác phẩm và khi đọc, ông đã khắc sâu nó trong tâm trí.

Ông ta gầy đi, người trông như cao lên, cái nhìn âm ỉ khiến khuôn mặt ông có vẻ hấp dẫn.

ROBERT OLEN BUTLER

NGUYỄN ĐỨC THẮNG dịch

NHỮNG BỨC THƯ CỦA CHA TÔI

Robert Olen Butler là tác giả của 6 cuốn tiểu thuyết, trong đó có “Những ngôi nhà ở thiên đường”, “Trên một đất xa xôi”, “Người ta thì thầm”. Tập truyện ngắn “Hương thơm từ núi lạ” đem lại cho ông giải thưởng văn chương Pulitzer 1993. Tập truyện gồm 14 truyện ngắn viết về cộng đồng người Việt tại New Orleans, thuộc tiểu bang Louisiana. Tác giả hiện sống tại tiểu bang này và là giáo sư dạy lớp sáng tác văn học của trường Đại học State Mc Neese.

Truyện ngắn “Những bức thư của cha tôi” rút từ tập truyện “Hương thơm từ núi lạ”.

Lướt qua tập thư của cha gửi tôi hồi ở Sài Gòn, tôi bất gặp dòng chữ: “Tran thương yêu! Con có được khỏe không? Cha ước gì cả con và mẹ con cùng ở đây bên cha. Khoảng thời gian này thời tiết đã khá lạnh mà.” Khi đó tôi chẳng hiểu sao cha lại có thể biết trước những chuyện như vậy. Trời lạnh cóng nghe thật ghê. Thế mà cha tôi còn kể đến nước đóng thành băng, làm tôi thử để ngón tay của

mình lên một cục đá, cố giữ xem chịu được bao lâu. Nhưng có lẽ chỉ khoảng một phút, nó đã buốt quá trời. Tôi nghĩ làm sao người ta có thể sống hàng giờ, hàng ngày trong điều kiện thời tiết như thế nhỉ?

Sự hiểu lầm của tôi về thời tiết hồi đó rồi cũng chẳng sao. Tối khi đưa mẹ con tôi rời khỏi Việt Nam sang Mĩ, cha tôi chuyển nhà đến một vùng khí hậu hầu như chẳng bao giờ quá lạnh. Có điều trong nhiều bức thư gửi cho tôi, cha thường xuyên kể chuyện nọ chuyện kia về thời tiết. Hôm nay trở lạnh. Hôm nay trời nóng. Hôm nay mây nhiều. Hôm nay trời quang quẻ. Chẳng biết những thứ đó cần gì cho tôi cơ chứ?

Cha tôi hay viết: "Fran thương yêu". Vì đó là cách gọi vắn cho Francine và cái âm Fran nghe có gì đó giống một cái tên Việt Nam. Nhưng thực chẳng phải vậy. Thế nên tôi báo bạn bạn ở Sài Gòn rằng tên tôi là Trán, ngắn gọn hơn cho cái tên mang ý nghĩa "nụ hôn trên trán". Tuy ông bố Mĩ của tôi sống ở Mĩ, nhưng người mẹ Việt Nam của tôi sống ở Sài Gòn nên tôi vẫn là một thiếu nữ Sài Gòn. Mẹ cũng gọi tôi là Francine. Bà sung sướng với cái tên đó của tôi. Bà bảo rằng nó không hẳn là tên Mĩ và phần nào giống tên Pháp. Nhưng về phần mình, tôi muốn một cái tên của Sài Gòn và đó là Trán. Tôi là một đứa trẻ bụi đời. Khi tất cả những ông bố Mĩ trở về nhà của họ, trong đó có cả bố tôi, thành phố được tiếp quản và thế là chúng tôi được gọi như vậy. Trong số lũ trẻ bụi đời chúng tôi, có những đứa có khuôn mặt giống những bức vẽ bạn có thể thấy ở các quầy bán sách trên đường Nguyễn Huệ. Các

đầu bạn được ngắm một mũi nhọn ngời bên chiếc gương của nàng, nhưng khi nhìn lại lần nữa nó lại thành đầu lâu của một người chết đã biến hết da mặt, chỉ còn đôi mắt thô lỗ và hàm răng nhọn nhử. Chúng tôi giống thế đó, những đứa trẻ bại đời của Sài Gòn. Thoạt đầu, trông chúng tôi giống người Việt. Lần khác, trông lại giống Mĩ và sau đó thì bạn không thể điều khiển được cặp mắt của mình mỗi khi hướng đến chúng tôi. Hình ảnh này cứ tiếp nối chồng lên hình ảnh khác.

Tối qua, tôi tìm thấy cả một gói thư trong chiếc rương của cha tôi đặt ở kho chứa đồ sau nhà. Tôi hiện đang sống tại khu vực Lake Charles thuộc Louisiana, Hoa Kỳ. Gói thư tôi tìm thấy sau nhà gồm nhiều tập thư, có đến cả trăm bức. Tôi mở một tập ra, đúng lại là tập bản sao những lá thư cha tôi gửi đi cố gắng sớm đưa mẹ con tôi rời khỏi Việt Nam. Đọc qua những lá thư này của ông, tôi bắt gặp một đoạn: “Các người định trao cho tôi những thứ rác rưởi gì thế này? Đã chín năm, bảy tháng, mười lăm ngày rồi, sau lần gần nhất tôi được nhìn đứa con gái máu mủ của mình.”

Giọng cha tôi đầy giận dữ và xúc động. Tôi sống ở Mĩ được một năm, đã mười bảy tuổi và như vậy phải mất hơn chín năm, bảy tháng, mười lăm ngày ba tôi mới mang được tôi ra khỏi Việt Nam. Tôi mong mỗi có thể nói ra vài điều vì tôi biết rằng bất kì ai khi hay câu chuyện này cũng đều muốn tôi ngay lập tức nói lên cảm tưởng của mình. Mẹ và tôi đã bị rớt lại Sài Gòn. Cha tôi về thẳng Mĩ và ông nghĩ rằng có thể thu xếp thủ tục giấy tờ và nơi chốn để mẹ con tôi sớm bay sang. Nhưng rồi nhiều chuyện đã ập đến. Một

chiếc rương khác bị mất, trong đó có một số giấy tờ quan trọng, chẳng hạn như hôn thú và giấy khai sinh của tôi. Tiếp đó miền Nam Việt Nam vào tay những người cộng sản, kể cả những người đã lường trước cũng đâu có thể hình dung việc này lại xảy ra quá mau lẹ. Ai biết trước được vậy? Cha tôi thì nhất định không rồi.

Tôi xem một bức thư cha gửi tôi sau ngày Sài Gòn sụp đổ, trong đó viết: "Con có thể tưởng tượng ra cha nghĩ những gì. Cả thế giới phải quy xuống vì những việc đã xảy ra". Nhưng sự thật là tôi đâu có khả năng tưởng tượng nổi cảm nghĩ của cha tôi. Tôi chẳng biết gì về thế giới bên ngoài, trừ Sài Gòn. Và cả cái *tiểu thế giới* này cũng không hẳn là đích thực vì ngay từ khi tôi còn bé tí nó đã được đặt một cái tên khác, gọi là Thành phố Hồ Chí Minh.

Tụi tôi hay tụ tập tại khu nghĩa địa Pháp ở đường Phan Thanh Giản và tán chuyện về thành phố của mình. Ngoài chuyện trò về cuộc sống trong thành phố, chúng tôi bày trò trốn tìm ngay trong khu nghĩa địa. Mỗi đứa lẩn vào một chỗ riêng, sau đó bí mật lom khom đi chuyển để xem đi xem được bao nhiêu đứa khác. Xì được đứa nào trước là bạn ghi một điểm. Và nếu chẳng để ai trông thấy, như thế bạn vô hình, bạn sẽ thắng cuộc.

Nghĩa địa này làm tôi buồn, nhưng ở đó cũng có một cái gì đó thật thoải mái. Tôi và lũ bạn đều cảm thấy thế. Nơi đây xác xơ. Nhiều ngôi mộ mang những cái tên như Corchet, Picard, Vernet hay Bellevau chẳng khi nào có nổi bông một bông hoa. Tất cả những người thân thuộc của họ đã trở về Pháp quốc từ lâu rồi. Một khu khác của

nghĩa địa được dành cho người Việt. Ở đây thì có hiếm hoi vài bông hoa. Trên những tấm bia đá đều có gắn ảnh của người chết trong khung nhỏ hình oval. Phần lớn trong số họ là người già, những người đàn ông và đàn bà Việt giàu có, nhưng cũng có cả một số thanh niên nữa, phần đông bị giết vào năm 1968 khi xảy ra cuộc chiến đẫm máu ở Sài Gòn. Tôi luôn trốn ở khu này, chỗ có mộ của một thằng con trai, trông rất bảnh, đeo kính chống nắng đang dựa vào chiếc xe gắn máy. Cậu ta chết hồi tháng hai năm 1968 và tôi chắc mình chẳng thích cậu ta tí nào. Cải vẻ bảnh chọe nhưng kiêu kì làm sao.

Cạnh đó là mộ của cô gái mới 15 tuổi như trên bia ghi, còn lúc thấy mộ cô, tôi chỉ khoảng 10 tuổi. Cô gái rất xinh. Khuôn mặt tròn. Mái tóc dài đen và đôi mắt cũng đen nhánh. Tôi thường xuyên tới chỗ cô và muốn được giống cô như hết mực dù biết rằng khuôn mặt mình khác hẳn. Thế rồi một ngày tôi trở lại thăm cô. Lúc đó tôi đã trạc tuổi bằng cô và mưa nắng cũng đủ ăn mòn khung ảnh nhỏ hình oval, trên đó hình ảnh cô cũng gần như biến mất. Tôi chỉ còn thấy được mái tóc, nhưng nét mặt của cô đã mờ phai chẳng thể nhìn ra nữa. Còn lại đó là những vệt nước đen ngầu, tấm ảnh mép quần queo khiến tôi bật khóc. Như vậy cô gái đã thật sự chết.

Thỉnh thoảng cha tôi cũng gửi đến một vài tấm hình kèm trong thư. “Fran thương yêu, Đây là ảnh của cha. Con hãy gửi cho cha một bức ảnh của con nhé!”. Một con bạn của tôi năm khoảng bảy tuổi có đánh bạn thư từ với một đứa người Nga. Chúng viết thư cho nhau bằng thứ tiếng

Pháp đơn giản. “Bạn hãy gửi cho mình tấm ảnh của bạn rồi mình sẽ gửi bạn một tấm ảnh”, đưa bạn Nga viết trước như vậy. Nhờ bạn tôi diện áo dài trắng vào tận trung tâm thành phố chụp bức hình đứng dưới cây đa đại thụ trong vườn hoa phố Lê Thánh Tông. Nó hí hửng gửi đi để rồi nhận lại tấm ảnh của một con bé mập ú, đầu tóc bời bời đứng cạnh một con bò trong nông trang tập thể.

Tôi nghĩ rằng ông ngoại của tôi làm việc cho chính quyền. Mọi việc gần như đã xảy đến từ trước lúc tôi chào đời hoặc cả thời thơ ấu tôi nữa. Mỗi khi mẹ tôi cố gắng giải thích cho tôi tất thảy, cả chuyện cha tôi đang ở bên kia đại dương và chuyện chúng tôi dường như khó qua được bên đó, tôi chẳng màng nghe. Mẹ tôi cũng nhận ra điều đó và sau chốc lát bà chẳng kể thêm gì. Tôi kẹp tấm hình của cha trên chiếc gương của tôi và ở đó ông đang cười. Cha tôi mặc áo phông đứng ở ngoài trời với hậu cảnh là một cái hồ hay một cái gì không rõ nữa. Tôi đoán thực ra ông bị chói mắt hơn là đang mỉm cười. Một số bức ảnh khác của cha tôi cũng luôn chụp ở ngoài trời và ông luôn bị chói nắng. Trong một bức thư gửi cho tôi, cha viết: “Tran con yêu. Cha đã nhận được ảnh của con. Con rất xinh đẹp, giống mẹ con vậy. Cha không quên con đâu”. Tôi thì nghĩ: Tôi đâu có giống mẹ mình. Tôi là một đứa trẻ bại đời. Cha tôi đã quên điều đó rồi sao?

Một con nhò trong đám bạn tôi thích chơi chung ở nghĩa địa kể cho tôi câu chuyện mà nó biết chắc là sự thật. Vì câu chuyện đã xảy ra với người bạn thân nhất của chỉ nó. Sự kiện xảy ra một năm trước khi nó còn bé xù. Cha đi lính

cho Quân lực Việt Nam Cộng hòa, đánh nhau xa xôi bí hiểm ở Campuchia hay tận đâu tận đâu không biết nữa. Sự vụ bí mật tới mức mà người vợ ở nhà chẳng bao giờ được hay tin chồng, còn đứa con gái thì quá bé, không thể nhớ nổi cha mình lúc đi trông giống thế nào. Nhưng nó đủ nhận biết rằng mình có một người cha. Thế nên, tối nào khi được mẹ đặt lên giường đi ngủ, nó cũng hỏi cha giờ này đang ở đâu. Giọng con bé buồn thảm đến nỗi một buổi tối mẹ nó đã phải nghĩ ra một cách.

Hôm đó Sài Gòn bị mất điện vì bão lớn. Bé đưa con gái bé bỏng đang hoảng hốt bám chặt vào mình, người mẹ đến bên chiếc bàn và thắp lên một ngọn đèn dầu. Ánh sáng tỏa ra in cái bóng lớn của người mẹ lên tường. “Ngoan nào con yêu, đừng khóc nữa, xem xem cái gì nè!”, người mẹ dỗ con bé và chỉ tay vào cái bóng. “Cha con đó, cha sẽ che chở cho con”. Cái bóng làm con bé rất vui sướng. Nó thối ngay nước nỡ và rồi được mẹ nó ru vào giấc ngủ.

Tối hôm sau, con bé lại đòi trông thấy cha nó trước lúc đi ngủ. Người mẹ không thể đứng nổi, không muốn con bé thất vọng, đành di thắp ngọn đèn dầu và in bóng mình lên trên tường. Con bé lon ton tới bức vách, ngoan ngoãn khoanh tay trước ngực cúi đầu và nói với cái bóng: “Thưa cha con đi ngủ ạ!” rồi leo lên giường. Tối hôm sau sự việc tái diễn, rồi tối hôm sau nữa và cứ như vậy hơn một năm trời.

Chó đến một buổi tối, người cha trở về, đứng trước giường ngủ của con bé. Người vợ vô cùng mừng rỡ nước

mắt trào dâng, ôm hôn chồng và nói: “Chúng ta phải sửa một mâm cơm cúng tạ tổ tiên. Anh vào ngay với con đi. Nó sắp ngủ rồi đó. Lím sẽ chạy ra chợ mua đồ ăn mừng”.

Thế là người cha vào buồng thăm đứa con gái bé bỏng của mình và nói: “Con gái rượu của cha. Cha đã về nhà với con. Cha chẳng thể nào quên con”.

Nhưng con bé đáp lại: “Ông không phải là cha tôi. Tôi biết cha tôi cơ. Ông sắp đến đây rồi. Tôi nào ông cũng tới thăm tôi trước lúc tôi đi ngủ mà”.

Người đàn ông uất nghẹn lên vì sự phản bội của vợ. Nhưng lòng kiêu hãnh đã chiến thắng. Ông chẳng thèm nói nửa lời khi vợ trở về nhà. Không một lời nào hết, duy chỉ khấn vái qua loa trước bàn thờ tổ tiên rồi xách túi ra đi. Nhiều tuần sau, người vợ - người mẹ vì quá tuyệt vọng đã gieo mình xuống sông Sài Gòn tự vẫn.

Được tin này người chồng cho rằng vợ mình tự tử vì hổ nhục. Ông lập tức trở về nhà chăm sóc con gái. Nhưng ngay tối đầu tiên, dòng bão lại nổi lên, điện phụt tắt, thấp xong ngọn đèn dầu, người cha tỉnh cỡ in bóng mình trên bức tường. Đứa con gái nhỏ cười khoái chí, lon ton chạy đến và cúi đầu trước cái bóng nói: “Thưa cha con đi ngủ ạ”. Tận mắt chứng kiến sự việc, người cha sau khi gửi con mình cho bà nội cũng gieo mình xuống sông Sài Gòn theo vợ.

Con bạn tôi khẳng định câu chuyện này là có thật. Bạn bè cùng lứa của chị nó đều biết chuyện này. Nhưng riêng tôi thì chẳng cho là thật. Tôi không bảo vậy cho con bạn

biết và tự nhủ câu chuyện đó không có nghĩa gì. Tôi chẳng thể tin được làm sao con bé gái lại hài lòng với người cha bằng cái bóng, yêu thích một cái bóng đen xì, phẳng lì trên tường. Tôi hiểu nó khó chấp nhận một người đàn ông đột nhiên vào một tối đến bên cạnh và nói: "Cha là cha đẻ của con đây. Nào cha ru con ngủ nhé!" Nhưng thế còn cái *gã bóng* trên tường, tuyệt nhiên đâu có gì của một người cha.

Khi cha tôi đón mẹ con tôi ở phi trường, ông reo lên, ôm chầm lấy mẹ tôi hôn lấy hôn để. Bao nhiêu người mang máy ảnh, máy ghi âm quanh đó đều mỉm cười thông cảm. Rồi ông buông mẹ tôi ra, quay sang nhìn tôi và bỗng cất lên những tiếng nấc nghẹn ngào trong cổ, những âm thanh tựa như của một chú thỏ con bị ai đó tóm gáy nhấc lên. Vung hai tay lên trước, luống cuống bước lại ôm ghì lấy tôi, cha làm tôi sượng sùng vì như thể tôi đang mặc bộ đồ sùng tột còn ông diện bộ đồ ngày chủ nhật, dù rằng lúc đó ông chỉ mặc một cái áo phông làng nhàng.

Tất cả những bức thư và các tấm ảnh cha gửi cho tôi ở Sài Gòn tôi đem cất vào một cái hộp để sâu trong tủ quần áo. Tủ quần áo của tôi thơm thơm mùi nước hoa, chứa đầy quần áo đẹp cho tôi mặc tới trường. Không phải ai cũng có thể diễn tả được cái cảm nghĩ của mình, đặc biệt với những dòng chữ trên trang giấy. Không phải ai khi đứng trước ống kính máy ảnh cũng cố bộc lộ đúng gương mặt với tâm trạng. Thế nhưng, năm tháng dài trôi qua với những lời trống rỗng và những bộ mặt khiến cưỡng dưới ánh nắng mặt trời thật khó quên đối với tôi. Vậy nên, tôi đã ngồi đây cả buổi sáng nay, trong buồng kho sau nhà.

chung với gián, với mối mọt, với gỗ mục và mùi ẩm mốc nồng lên, để mặc mồ hôi đầm đìa nhỏ xuống từ mũi và cằm mình. Trong tập thư trên đùi tôi có một lá gửi cho chính phủ Hoa Kỳ cha tôi viết: "Nếu đây là một mụ da trắng, một vũ công ba lê và con gái của ả, hẳn mấy người đã tức khắc cho chúng lên phi cơ nội 24 giờ đồng hồ. Còn đây là vợ và con gái của tôi. Con gái tôi xinh đẹp đến mức mấy người có thể dùng khuôn mặt của nó in lên những đồng 10 xu, đồng 20 xu mà không ai đổi tiền lẻ ở cái đất nước khốn kiếp này không phải xem lại và thốt lên: Ôi! Lay Chúa, khuôn mặt nó mới đẹp làm sao".

Tôi đọc những đoạn thư này khi trốn trong nhà kho, như thể vô hình, mình mẩy đầm mồ hôi giống hời ở Sài Gòn lúc giao thời giữa mùa nắng và mùa mưa. Tôi biết rằng cha tôi sắp vào đây vì ông cần chiếc máy xén cỏ để trong góc kia. Sáng nay, khi thức dậy, cha tôi đã bảo trời hôm nay không mây sẽ nóng đấy và ông chuẩn bị phải đi xén cỏ. Khi cha tôi mở cửa bước vào, tôi sẽ để ông thấy tôi đang ngồi đây. Tôi sẽ xin cha nói chuyện với tôi như những gì ông bực bực trong các bức thư này, theo cách ông đã nổi giận với những kẻ xa lạ, nhưng biết điều mình cần phải nói.

MADISON SMARTT

TÔ ĐỨC HUY dịch

TẬP TỤC MỘT VÙNG ĐẤT

Madison Smart Bell hiện sống tại Baltimore, bang Maryland. Ông là tác giả của hai tập truyện ngắn và bảy tiểu thuyết, trong đó có Hãy cứu tôi, hỏi Joe Louis, Tiền sĩ ngủ, Niềm vui người lính... Năm 1995, ông đoạt giải thưởng sách quốc gia với cuốn tiểu thuyết Cuộc nổi dậy của mọi linh hồn.

Tôi không còn nhớ nhiều về nơi đó. Nó chẳng có ý nghĩa gì nhưng cũng là nơi tôi đã ở, để lại khoảng thời gian vô cùng khó chịu, mặc dầu không phải những lúc đến đó tôi đều có sắp đặt kế hoạch này nọ. Tôi nhớ trong đầu để làm gương cho việc khác, nhưng không nghĩ bạn có thể dễ dàng kháng định tôi làm việc ấy. Bởi vậy có thể coi đó là một trong nhiều lí do khiến tôi quên đi càng sớm càng tốt. Tôi không ở đó lâu, không quá chín tháng, và mỗi lúc tôi là để nghĩ về đứa bé đã sống trong tôi mà tôi cố gắng gọi lại.

Đó là một khu nhà ngoài thị trấn, cách Roanoke vài đoạn phố về phía Bắc, nằm trên con đường hai luồng băng ngang đường tàu hỏa. Lên phía trước khoảng một dặm là rừng. Ngôi nhà trông giống cái khách sạn nhỏ, hơi thô, mặc dầu nó chả còn mới. Căn hộ của tôi gồm duy nhất một phòng, nhìn cũng tạm được và quan trọng là hợp túi tiền, bởi tôi còn cần một khoản đưa cho viên luật sư. Sớm trên tường còn tươi màu, đồ bày biện trong bếp và phòng tắm vẫn ngăn nắp, đẹp đẽ. Một điểm nữa là yên ắng vô cùng, trừ những lúc người dân ông bên cạnh đánh đập vợ, dăm ba lần trong tuần. Nói chung những căn phòng ở đây cách âm cũng khá, bởi tôi thường không nghe thấy tiếng cô ta nói, nhưng vẫn nghe được tiếng la hét mỗi sáng sớm. Những lúc hán ta khoẻ mạnh, hưng phấn thì cô còn bị đánh bắn vào bức tường ngăn. Mỗi khi va đúng chỗ thì tất tần tật nào nổi niêu, xoong chảo tôi treo ở trên lò nấu rơi xuống hết.

Những thứ linh kinh đó rơi xuống đất thì chẳng hề gì chứ việc nhặt treo chúng lên và tiếng kêu chói tai mới làm tôi khó chịu. Kể sống cô độc như tôi không thể có tâm trí nấu nướng và nếu có làm món gì thì hầu hết chỉ sử dụng đến chiếc xoong có cán, còn các dụng cụ khác được trưng ra chỉ để bày biện mà thôi. Căn phòng được sắp xếp cũng tương tự như vậy, đồ đạc nhất định phải được sạch tươm mặc dù tôi không hề có ý định sử dụng. Tôi chăm chỉ lau chùi rồi đứng ngắm thành quả của mình. Tôi khâu vài tấm khăn để phủ lên những đồ gỗ đắt tiền vừa sắp xếp lại. Tôi kéo rèm lên và

treo mấy bức tranh sáng màu lên tường. Thực sự, từ trước đến giờ tôi chẳng mấy may để mắt đến chúng. Đơn giản chỉ là một hoạt động và tôi làm vậy không phải vì Davey, cũng không phải vì bản thân, mà để mọi người đến nhìn ngắm rồi nhận xét. Có một điều là dù tôi đã cố gắng mọi cách để bày biện, nhưng dường như chẳng bao giờ đúng cách cả.

Thậm chí ở cơ quan còn rõ hơn, nơi tôi phụ trách ba quầy hàng ở một điểm dừng xe tải. Người quản lí nam tên Tim biết chồng tôi, Patrick, trước khi giữa chúng tôi xảy ra xích mích. Anh tỏ ra tốt với tôi qua việc cho phép gọi điện thoại hay trích giờ cơ quan mỗi khi phải tới chỗ luật sư. Đáng nói nhất là anh đủ đứng đắn để ta yên tâm làm việc, trừ đôi lúc tỏ vẻ cáu giận vì việc này việc khác, hoặc gào thét như đến đổ cả tường. Dầu vậy chưa bao giờ anh vượt quá hành động quát mắng và hể có xảy ra chuyện ấy, sau khi lấy lại được bình tĩnh, anh lập tức xin lỗi. Người làm cùng ca với tôi là Prissy¹⁷, ngoài cái tên không được hay lắm thì nói chung tôi cũng thích cô ta.

Chúng tôi cùng làm ca đêm, cứ mười ngày lại thay đổi một lần. Đó chính là điểm khiến tôi không thích công việc này. Ca làm việc từ sáu giờ chiều tới tận hai giờ sáng có nghĩa tôi về tới nhà thì đã ba giờ sáng, cái giờ không thuận tiện cho lắm. Một vấn đề nữa là về địa điểm, nơi vào giờ đó tôi có thể thấy các vị quản lí đang tìm kiếm ai đấy rồi trở trở bất thường. Tôi hiếm khi tìm hiểu kĩ hàng xóm nhưng

¹⁷ Nghĩa là "khó tính".

rất nhiều trong số đó quả thực đáng ghê: tội phạm mới vào nghề, buôn bán ma túy hay trộm cắp. Bọn người này và công việc chúng làm tất nhiên đều xấu xa. Tôi có biết một tên làm séc giả và một gã khác sẵn sàng đột nhập vào nhà người ta chỉ để ăn cắp whisky. Và những việc này việc khác tương tự như vậy.

Người đàn ông sát vách, người hay đánh đập vợ, lại không hề phạm tội hay làm các việc xấu tôi đã nghe. Đường như hắn chỉ nằm khoèo ở nhà, vẽ vời cái gì đó kiếm chút tiền. Về hắn ta thì chả có gì nhiều lắm, chẳng qua chỉ là một gã choắt tí tiện, râu ria nâu nhạt, và một hình xăm xanh rở tiền chạy dọc cánh tay. Có thể hắn không hiểu cô vợ nghĩ gì, bởi cô cao hơn hắn cả một cái đầu và nặng hơn để chững dầm cân. Bản thân tôi đã nghĩ cô ấy sẽ đánh đập chồng, nhưng sự thật lại trái ngược. Cô là người sẵn sàng bật khóc nếu bị nhìn xoi mói. Cô khá ưa nhìn, khuôn mặt tuyệt vời, mái tóc dài màu nâu, thẳng, mềm mại và sáng sủa. Tôi đoán cô hẳn dành nhiều thì giờ chăm sóc trang phục của mình. Nhưng dù sao thì cô cũng đã có đôi mắt nâu tuyệt trần, hàng lông mi mềm mại, dày và dài hơi giống mắt bò. Có điều là tôi chưa bao giờ thấy một con bò khổ sở tội nghiệp như thế.

Thời gian đầu tôi nghĩ có thể trở thành bạn cô, bởi cô là người duy nhất xung quanh khu nhà ở hay trên phố Kwik Sack dẫn vào thành phố, nơi tôi có thể bắt gặp cô đứng điều khiển máy theo dõi vận tốc đôi lần. Nhưng với tôi cô lại tỏ

ra xấu hổ, với cả những người khác nữa, có thể vậy. Cô sẽ tỏ ra ngăn ngại nếu bạn quá nhiều lời. Bởi thế, chú ý vài lần là tôi hiểu rõ vấn đề và cố thay đổi. Mỗi ngày để chừng cô bị đánh đến hai lần, có thể còn nhiều hơn nữa nhưng tôi không biết. Tôi lấy làm ngạc nhiên khi học được cách thờ ơ với mọi chuyện, và khoảng một tháng sau tôi đã có thói quen để ý vừa phải đến việc cuộc cãi lộn của họ bắt đầu khi nào. Tôi sẽ đợi cho đến lúc hai vợ chồng họ đủ bình tĩnh nhấn chìm cơn giận dữ mới đứng dậy và treo xoong chảo lên chỗ cũ, đúng vị trí của từng chiếc. Hầu hết thời gian tôi chỉ dành để nghĩ vẩn vơ, kiểu như việc gì sẽ xảy đến với Davey.

Nơi Davey được nhận làm con nuôi không xa lắm, khoảng mười mười hai dặm về phía trên của con đường phía ngoài nông trang. Cặp vợ chồng đó tên là Baker. Tôi chả biết tên đầy đủ của hai người nên chỉ xưng hô là ông bà. Họ đều nhiều tuổi hơn tôi, hình như mới bước vào tuổi bốn mươi và không có con. Mảnh đất không to lắm, nhưng ông Baker trồng toàn thuốc lá. Ấy thế nhưng tôi được kể ông ta coi mảnh đất là nguồn sinh lợi. Bà Baker đảm nhiệm việc trông coi một hai con bò sữa, ngoài ra còn trồng vườn và cất trữ đồ ăn theo cách cổ xưa. Họ là những người tằn tiện. Họ tỏ ra vô cùng dịu dàng, mẫu mực trước Davey và chính nó cũng rất thích ở với hai vợ chồng. Nó ở đó đã được gần hai năm và thật là may mắn bởi hầu hết lũ trẻ đều phải chuyển đi chuyển lại, từ nhà này sang nhà khác, chứ không được như nó.

Và đó lại là điều rắc rối, như viên luật sư giải thích, rằng mối quan hệ giữa Davey và gia đình kia quá tốt. Davey khá thành công ở đó. Nó làm được chuyện mà mọi người không ngờ. Bởi vậy chưa ai nghĩ là nó cần được chuyển đến nơi khác. Điều tồi tệ nhất là việc gia đình Baker cũng tỏ ra yêu mến nó đến nỗi họ bộc lộ ý muốn nhận nó làm con nuôi. Thực ra, nếu không được vậy thì tôi đã gặp nhiều khó khăn.

Mặc dầu chúng tôi tỏ ra khá thân thiện, nhưng tôi không thường xuyên tới thăm Davey, dù muốn nhiều hơn thế. Viên luật sư liên tục nhắc rằng việc tôi cứ nài ép không phải là cách xử sự hay. Tốt hơn là coi việc đó thường tình cho tới khi có sự cân bằng nào đấy, và chúng ta sẽ ra tòa, sau đó chả còn gì phải lo. Dầu vậy, tôi cứ gọi điện rồi tới đó, có thể vài lần một tháng, chủ yếu là vào ngày nghỉ, nếu ông bà Baker cảm thấy hài lòng. Họ không bao giờ cản trở, họ luôn cảm thấy dễ chịu, có lẽ cư xử lịch sự thì đúng hơn. Cái cách mà đôi khi vợ chồng họ tỏ vẻ không tin tưởng chẳng mấy may làm tôi khó chịu. Tôi có thể đưa Davey đi xem phim một hai lần, nhưng lần nào tôi cũng nhận thấy ông bà Baker sẽ gây đôi điều khó dễ nếu tôi đưa thẳng bé khỏi chỗ họ.

Không thể nhớ chúng tôi có lúc nào xung khắc, trong những lần tôi đến đó. Nó luôn vui mừng được gặp tôi, mặc dầu cũng cố giữ im lặng khi cả hai còn ở trong nhà. Những lúc đó bà Baker cứ luẩn quẩn quanh chúng tôi. Bởi vậy tôi chỉ chực có cơ hội là kéo phắt nó ra ngoài. Khi đã ra được

rồi, chúng tôi chơi đùa chẳng khác gì hai đứa trẻ. Có một cánh đồng cỏ thoáng đãng, con vịnh nhỏ, một vườn cây và một kho cỏ khô, nơi chúng tôi thường chơi trò trốn tìm. Tôi không biết còn làm những gì nữa, hầu hết chỉ là những trò ngốc nghếch. Bởi vậy nên tôi mới gần được nó dễ dàng và Davey chẳng nề hà khi chơi cùng tôi ngoài đó. Ông bà Baker không thể gọi là những người thích chơi đùa, thêm nữa là chẳng có đứa trẻ nào sống ở gần đó. Vì điều này nên tôi đã được dịp bày tỏ và chơi với nó tất cả những trò có thể. Những hôm đẹp trời, chúng tôi ở với nhau ngoài trời hầu hết cả buổi, còn Davey thì làm cho tôi mệt lử. Vào ngày đông tháng giá, cuộc chơi của chúng tôi cũng ngắn dần, ngắn dần như quãng thời gian của một ngày.

Davey gọi tôi là mẹ, nhưng tôi nghĩ cái cách gọi mẹ của nó chỉ là gọi người chị cả hay một người bạn. Bà Baker là người làm nó thoải mái hầu hết thời gian. Tôi không rõ thằng bé có nhớ những gì từ ngày trước, hay đôi khi nhớ lại thời kì đau khổ của quá khứ. Nó luôn chăm lo đến tôi và chưa hề tỏ ra hoảng sợ trước mặt tôi, nếu có ai nói nó như vậy thì chỉ là nói dối. Thực sự tôi không hề xem Davey có còn hồi tưởng dòng quá khứ hay không. Thoạt đầu, tôi rất lo lắng, sợ ông bà Baber nói điều gì đó không hay về mình. Nhưng dần dần tôi hiểu họ không làm vậy, thậm chí còn không mảy may nghĩ gì. Bởi thế tôi hi vọng những điều Davey biết là nhờ vào trí nhớ. Davey không bao giờ đề cập quá mức về Patrick, khiến tôi nghĩ có thể nó đã quên anh.

Nghĩ lại, tôi đoán có lẽ Davey chưa tiếp xúc nhiều với Patrick đạo chúng tôi còn ở chung với nhau. Nhưng Davey mang rất nhiều đặc điểm của Patrick trên cơ thể, cả hai có cùng đôi mắt và mái tóc đỏ.

Mái tóc Patrick quân dày y như bộ lông của con cún màu nâu đỏ và mượt, cả bộ ria vểnh cùng màu. Có lẽ đây là hình ảnh đẹp nhất của anh, đầu sao anh cũng là một người đàn ông bảnh bao, dễ nhìn, duy mái tóc cắt kiểu nhà tù là tôi thấy không hợp chút nào. Nếu anh có được chút ý thức, tôi nghĩ mái tóc đỏ đã không bị gọt nhẵn trong cơn say thuốc. Tuy thế anh vẫn là người vui nhộn đủ để người khác thích vây quanh. Lúc lấy anh tôi mới mười bảy, và chả là gì cả, không hề nhận thức được điều gì. Đến tận những giờ phút cuối tôi không hề xem mọi chuyện là nặng nề, mọi tật xấu của anh chả có tác động gì đến tôi. Mọi lúc anh đều tỏ ra tốt tính, với tôi và cả Davey kể từ khi anh chú ý đến nó. Chưa lần nào anh mạnh tay với cả hai. Đôi lúc anh thật khó tin cậy, chậm chạp và không hề khoa trương. Cũng có vài lần anh rời nhà lâu ngày. Dần dà tôi hiểu anh chạy theo người đàn bà khác, nhưng thật cố gắng, tôi không để cho anh biết mình đã nhìn ra sự việc. Anh không học hết phổ thông, công việc tốt nhất anh có thể xin được là chân hộ lí ở bệnh viện, nhưng anh lại có nguồn kiếm tiền khá tuyệt là đánh cắp thuốc ra ngoài, tiêu thụ trên đường phố.

Đó cũng là việc tôi không cho phép mình nghĩ đến nhiều. Đầu sao, Patrick không bao giờ tâm sự với tôi về

việc này, luôn luôn tỏ ra bí ẩn về những gì anh đang làm. Bỗng nhiên anh biệt tăm một thời gian rồi xuất hiện trở lại với cả đồng tiền. Tôi sẽ chi tiêu phần của mình và thực ra đã vui mừng. Tôi không cần nghĩ số tiền đó từ đâu ra, cả thuốc, cả tiền. Anh đã quen với việc cất trữ đủ các loại thuốc xung quanh nhà, nào Valium, Ludes và vô số những loại thuốc kích thích Amphetamin khác. Chúng tôi sử dụng số thuốc này bất kể lúc nào thấy phiền muộn. Nhưng loại Patrick ưa dùng lại là thuốc Dilaudid. Về phần mình, tôi dùng thuốc mà không cần biết đến công dụng của nó. Bỗng một lần, khi mọi thứ ập xuống đầu, tôi mới nhận thấy đấy đúng là một sản phẩm tồi tệ, tồi tệ như heroin, - mọi người nói vậy, - không khác heroin là mấy, vậy mà Patrick đã tồn bao thời giờ vì chúng.

Tôi thực sự ngạc nhiên khi biết rằng đó là loại ma túy mạnh nhất chúng tôi có trong tay. Bạn chỉ cần một viên thì không còn phải lo nghĩ về bất cứ cơn đau âm ỉ nào, hay những khó chịu canh cánh. Cũng sẽ không thể nhận ra bạn nữa. Tôi bắt đầu không còn thích thú điều gì, nhưng những viên thuốc quái quỷ thì thật khó bỏ. Một thời gian dài, tôi đã tìm cách lay chuyển sở thích này. Tôi có thể đang nghĩ về nó nhưng nếu được cho phép, và có thời gian, cả mùa đông ở trong nhà tôi sẽ buộc phải mừng rỡ tưởng lại những cảm giác này.

*

*

*

Bạn không thể gọi đó là một mùa đông thực sự tồi tệ, tuyệt không nhiều lắm, cả những thứ khác nữa, áy vạy mà

tôi luôn thấy lạnh, hoá chăng trừ lúc làm việc. Đồ đạc trong căn hộ của tôi, thứ quý giá nhất là vài chiếc lò sưởi điện gắn ở chân tường, nhưng sẽ quá khả năng tài chính nếu để nó chạy liên tục suốt ngày. Tôi chỉ có thể giữ ấm vừa phải để không còn nhìn thấy luồng hơi phả ra khi thở và ngấm mình trong bồn nước nóng hay rúc mình trong đồng chân cộm trên giường. Nếu không làm vậy tôi lại thấy lạnh.

Suốt mùa đông tồn tại một sự im lặng đến lạ kì quanh căn hộ của tôi: đến nỗi mỗi lần chuông điện thoại reo là tôi cứ giật bản mình. Đường như những phòng quanh đó không có tiếng đài hay truyền hình thì phải. Âm thanh duy nhất là tiếng thét của Susan mỗi lần bị đánh. Susan là tên cô ta, một cái tên thật dịu dàng, ngọt ngào, tôi nghĩ vậy. Cũng vô tình thôi, tôi biết tên cô qua chồng cô, mỗi lần hắn ta găm lên trước khi bắt đầu trận đánh đập mới, "Su - san", kéo dài, nhưng cũng đủ to để tôi nghe thấy ở bên này bức tường. Anh ta gọi một hai lần gì đấy, có thể gọi cô lại gần, và tôi nghĩ là cô ta lại thật. Sau đó là im lặng, đến nỗi gọi cho người ta ý nghĩ về một con rắn đang trườn bò quanh quẩn. Vài phút sau là tiếng xoong chảo loảng xoảng rơi. Anh ta sẽ quật cô vào tường một hai lần, khi anh ta thấy sắp thành công. Khi đồng xoong chảo quay vòng rồi nằm im trên sàn cũng là lúc sự im lặng trở lại ngự trị. Sau mỗi lần như vậy, tôi lại thấy Susan bước đi trong sự hào hứng giả tạo thường thấy ở những người đang cố che lấp sự đau đớn. Nếu tôi có mở miệng chào thì cô lại giật thót một cái rồi quay nhìn đi nơi khác.

Một thời gian sau tôi bỏ được sự chú ý căng thẳng và coi đó chả khác tiếng đài phát thanh là bao. Tất thấy mọi việc làm, hành động của họ chỉ là một đốm nhỏ trong hành trình sống của tôi, đi làm rồi về nhà, lau chùi căn hộ tới tận lúc nó "phát đau" lên, gọi điện cho viên luật sư tuần một lần xem có việc gì xảy ra, mà thường thì chẳng có gì ghê gớm. Viên luật sư cả đời cố gắng đưa trường hợp của chúng tôi tới một vị bác sĩ nào đấy, hay một công nhân, hay một thẩm phán có nhiều năng lực. Tôi sẽ gọi anh ta từ chỗ quầy hàng, nóng lòng xem anh ta có tin tức gì không, mỗi lần như vậy là một lần trì hoãn theo kiểu khác nhau. Lúc đầu, tôi thường kể tất cả cho Tim hay Prissy sau khi bị xúc động. Nhưng rồi tôi chẳng còn hứng thú để bàn luận. Tôi kiên trì với việc gọi điện thoại, nhưng mỗi người trong số họ lại xén bớt niềm hi vọng của tôi một chút, tôi quen dần với ý nghĩ rằng chẳng có việc gì thực sự sắp thay đổi.

Mùa đông ấy qua đi, bằng cách này cách khác hay chả bằng cách nào, tôi nhận hàng loạt cú điện thoại nổi tiếp hoặc tới đợi ở cái quầy hàng đó, run lập cập trở về nhà, lủi thủi một mình và nằm thao thức trần trọc thâu đêm đến sáng, hay cả ngày, tùy thuộc vào việc tôi làm ca nào. Đến mùa xuân, thời tiết trở nên ấm áp hơn, trước khi điều gì đó thực sự xảy ra. Đó là khi viên luật sư gọi điện đến, vì một sự thay đổi, và thông báo có vài người muốn gặp tôi.

Dẫu sao thì tôi cũng thực sự sẵn sàng cho mọi cuộc thăm viếng, xem tôi sắp đặt căn hộ ra sao, và mọi công việc khác,

để chuẩn bị cho sự trở về của Davey. Nhưng khi thấy rồi, chả ai còn cái cảm hứng như trước lúc họ được mời gọi. "Tôi không nghĩ rằng nó thật cần thiết", một người trong số họ nói vậy, còn tôi thì không muốn nhớ lại bất cứ việc gì. Họ chỉ nói về những thứ na ná, giọng điệu kiểu ban phát một câu cho phải phép.

Bởi vậy, mọi việc tôi cần phải làm là đánh xe vào khu trung tâm đôi lần để gặp họ trong văn phòng. Nhà tâm lý học "mũi xanh" đó là người đầu tiên và tôi nghĩ anh ta đã giữ tôi lại đến hơn nửa giờ đồng hồ. Tôi không sao kể được ý chính các câu hỏi của anh ta. Lần thứ hai là một người làm công tác xã hội. Hoá ra đó là một bà da đen, mặc dầu qua điện thoại tôi không hề nghĩ vậy. Giọng bà ta như giọng phát thanh viên trên truyền hình. Lúc hỏi, bà ta nhìn thẳng vào mắt tôi. Nhưng tôi không thể nói bà ta đang nghĩ gì. Về đến nhà tôi mới hiểu ra nhất định bà ta đã chuẩn bị trong đầu trước lúc gặp.

Tia ý nghĩ đó chỉ vụt loáng trong đầu, lúc tôi đứng trong nhà bếp rửa chén. Ngay khi vừa bước vào bếp, tôi nhìn thấy cốc cà phê từ bữa sáng vẫn nằm trên bàn nên tự trách mình đã sơ suất. Chỉ đến lúc đang cọ dờ nó bằng chiếc bàn chải tôi mới thấy thực ra để nó đấy cũng chẳng sao. Tôi có thể đánh rơi nó xuống sàn và thoáng chốc cảm thấy thích thú nhìn nó không sạch bóng, bởi lúc đó nó không còn có ý nghĩa với bất kì ai. Cũng chẳng có vấn đề nếu tôi rửa sạch, cho vào máy sấy khô, cẩn thận như thể nó là một quả trứng.

Sau đó tôi lại ra khỏi nhà bếp, đảo mắt hồi lâu vào căn phòng tối tăm, lạnh lẽo mà nghĩ rằng tốt nhất là đừng có ai đến đây cả. Sao tôi có thể trông chờ điều đó che mắt người khác, trong khi lại không đủ để che mắt tôi? Cảm giác hui quanh chạy khắp người, khiến tôi thấy mình như đang bồng bềnh cô độc giữa bầu không khí lạnh lẽo. Sau đấy tôi bắt đầu nhớ ra một vài điều, tuy chỉ thoáng một cái lại qua đi, dường như không có gì vậy.

Không, tôi không hề thích nghĩ lại giai đoạn này, nhưng vẫn phải nghĩ không chỉ một lần, không dám ngừng nghĩ lâu, bởi vì tôi cần phải hiểu cận kề để tin rằng sẽ chẳng bao giờ nó xảy ra nữa. Cuối cùng tôi đã tin. Bởi nếu không tôi sẽ chẳng trở lại đó làm gì. Tôi còn nghĩ ra được một cách để vịn vào, mặc dù phải mất đến hai năm tròn, và cũng mặc, tất nhiên không có nghĩa là ai đấy sẽ tin tôi.

Việc xảy ra là Patrick lại rời nhà với chuyến đi bí mật của anh và ở lâu hơn thường lệ. Hai đêm ở nhà, tôi đã quen với việc đó, nhưng sang đến ngày thứ ba là tôi bắt đầu lo lắng. Những lần thế này hẳn anh đã gọi điện. Nhưng tôi không hề thấy tiếng reo của chuông điện thoại tới tận giữa ngày thứ tư. Hoá ra không phải Patrick mà là một trong những viên luật sư phụ trách vấn đề xã hội gọi từ khu trung tâm.

Tình hình giống như cái đêm lần trước Patrick phải đứng lại trên con đường vòng nối giữa các bang. Cảnh sát nói anh ta lái xe như một kẻ mù, đã nốc quá nhiều whisky

và ludes khiến tôi cũng cho là anh không mù thì cũng gần đến mức như vậy. Nếu bình thường thì chỉ cần nói quen bằng lái hay viện lí do gì na ná là ổn, nhưng đảng này ghé sau xe chứa đầy những đồ anh mới đánh cắp từ bệnh viện.

Thế mới khôn nạn. Sự tình tồi tệ đến nỗi đầu óc tôi không sao chịu nổi và như thế từng giờ trôi đi lại càng tồi tệ hơn nữa. Suốt hai ngày sau, tôi phải chạy đi chạy lại giữa nhà giam với chỗ viên luật sư, và đến đâu cũng đưa cả Davey theo. Nó chưa đến tuổi đi học, vả lại tôi không tìm được người thích hợp để trông nom, nên cứ phải bế bồng như vậy, mà nó cũng phát cáu với việc chạy đi chạy lại đó. Patrick thì chán chường, anh không nói nhiều. Anh biết rõ vô chắc chắn sẽ phải vào tù. Viên luật sư đã nói với anh rằng trong tù anh chỉ là kẻ vô dụng, đơn giản là hết đáng lại ngồi, lại nằm và kéo dài dòng thời gian nặng nề như vô tận đó. Tôi không hiểu viên luật sư làm vậy thì giúp được gì, bởi cuối cùng người ta ban cho anh cái án hai mươi năm năm.

Thời điểm đó cũng đúng lúc tôi gặp nhiều rắc rối, thật nhanh lẹ. Chỉ hai ngày sau khi Patrick bị bắt, tôi bắt đầu ngã bệnh. Thoạt tiên tôi nghĩ chỉ do cúm lạnh hay cúm chảy nước mũi, cơ thể mệt mỏi rồi đến nỗi không nhấc mình khỏi giường được, nhưng cũng nhờ đó mà tôi được nghỉ ngơi thực sự, cứ như đã uống hết viên thuốc cuối cùng ở nhà hai ngày trước. Điều rắc rối chính yếu là việc tôi không còn viên thuốc Diltiazem nữa, tuy không lấy đó làm lo lắng.

Tôi nằm liệt giường, không nhắc nổi xác dậy và tiếng rí lúc Davey mở cánh cửa ngăn kéo dưới chiếc lò sưởi làm tôi giật nảy mình. Tất nhiên là nó thu xếp một mình từ khi xảy ra chuyện và tôi không còn tâm trí đâu chú ý đến Davey. Tất tần tật nổi niều xoong chảo của tôi lúc đó đặt trong ngăn kéo, nó nhặt ra từng chiếc một, rồi ném xuống sàn nhà gây huyền não khắp phòng khiến tôi mệt càng thêm mệt. Tôi thoát nghĩ thẳng bé hẳn có ý đồ biến tôi thành một món nướng trong đồng tạp pí lù đó. Tôi gọi và bắt nó thôi ngay đi. Lúc đầu còn ngọt ngào: "Con đừng nghịch nữa nào, thôi nào Davey. Mẹ nhức đầu quá rồi". Nhưng nó chẳng thôi. Nó làm tất thấy mọi việc cốt để tôi chú ý, tôi biết chứ, nhưng khổ nỗi đầu óc tôi lúc đó cũng như có kim châm búa đập. Tôi nghĩ mình nên trở dậy và đưa thẳng bé đi khỏi chỗ này nhưng không thể nhúc nhích được. Tôi đã có một tấm gương hồng làm việc này việc khác cho đúng, nhưng không làm vậy, mà chỉ nằm quát thẳng bé thôi ngay những trò đang làm. Nó vẫn không thôi đập phá những chiếc xoong và chẳng lâu sau tôi đã thét lên lạnh lạnh, cùng lúc oà lên khóc. Nhưng nó không thôi được cho một phút. Tôi đoán có lẽ đã làm thẳng bé sợ hãi mà hành động như vậy, hoặc nó muốn át tiếng quát thác của tôi. Mỗi lần nó ném chiếc chảo là tôi thấy như mình bị bắn. Việc tiếp đến là tôi đã lần mò vào bếp không biết bằng cách nào và túm lấy thẳng bé bắt nó nằm xuống sàn.

Tối hôm nay tôi vẫn không an đã làm việc đó dù đã cố gắng thế nào đi nữa. Tôi nghĩ nếu có gọi lại trong đầu thì

sau đó có thể gạt nó ra khỏi tâm trí để được gột rửa vĩnh viễn. Nhưng điều tôi biết chỉ là duy nhất cái phút giây tôi túm chặt lấy thằng bé và ngay sau đó là cảnh nó nằm lăn lóc tận góc phòng với chiếc chân phải gập lại một cách kì quặc chỗ xương gãy, không hề khóc lấy một tiếng mà chỉ nhìn thật kinh ngạc. Tôi chắc rằng chính tôi là người quăng thằng bé vào chỗ đó, bởi chả có ma quỷ nào xung quanh để gây ra việc đó.

Tôi đưa thằng bé đến bệnh viện. Tôi để nó nằm dưới thẳng trên ghế trước, lái một tay trên cả quãng đường để tay kia còn giữ được người nó. Thằng bé im lặng hoàn toàn, thật gan lì không mở miệng khóc rên một tiếng. Tay nó bầu chặt lấy tay tôi. Chỉ giây lát sau khi chúng tôi tới bệnh viện, các bác sĩ liền đưa nó đi cố định chiếc chân gãy rồi chỉ loáng sau viên bác sĩ trở ra hỏi tôi tai nạn đã xảy ra như thế nào.

Đây cũng là bệnh viện trước kia Patrick làm việc, nên tôi có biết đôi chút về viên bác sĩ này. Không phải vì liên quan tới Patrick mà tôi được thiện cảm của mọi người ở đó. Đến bây giờ tôi vẫn luôn nghĩ rằng lúc ấy mọi việc sẽ tốt đẹp hơn cho cả tôi lẫn Davey chỉ cần tôi nói dối người đàn ông đó, nhưng tôi lại không có khả năng làm cho ai đó tin vào lời nói dối. Tôi chỉ có thể cầu nhau nhưng cứ lấp ba lấp báp như kẻ dở hơi. Cuối cùng thì chính tôi cũng phải ở thêm vài ngày tại bệnh viện. Người ta giới thiệu tôi với một kẻ nghiện ma túy khiến tôi nghĩ rằng mình cũng là một kẻ

nghiên, mặc dù tới lúc đó tôi không biết đến hiện tượng này. Và hai năm sau đó tôi không được gặp Davey, cho tới lần đầu tiên họ cho phép tôi đến nhà ông bà Baker.

*

* *

Đôi khi bạn không gặp, tuy chính điều đó lại là một lầm lỗi, nếu người bạn chọn lại quá tồi. Hãy một lần thờ thần trên đường không chú ý đến cái gì, cuộc đời của bạn có thể kết thúc lúc này lúc khác. Suốt hai năm đó tôi tự giáo huấn bản thân để tin rằng lỗi lầm của tôi có thể được xoá sạch, và nếu đấu tranh với bản thân nghiêm khắc hơn nữa thì thế giới tôi có khả năng xây dựng cho riêng mình sẽ hoàn toàn khác đi. Ba tuần đã trôi qua từ hôm tôi tới thăm nhà hoạt động xã hội ấy và không nhận xét gì về những điều đang xảy ra hay điều gì đó đã tồn tại như thế nào. Tôi không gọi cho ai và còn sợ cả việc đó nữa. Bỗng một ngày điện thoại của tôi đổ dồn ở quầy hàng. Đó là viên luật sư, và có thể nói ngay sau cái giọng của ông ta, tôi không quan tâm đến những tin tức ông ta thông báo. Ông ta nói đã xuất hiện nhiều lời đánh giá, chắc chắn là vậy và chúng không có lợi cho tôi. Chúng không chống lại tôi, ông ta đảm bảo vậy, mà hoá ra lại có hướng ủng hộ nhà Baker. Và, theo đánh giá của viên luật sư, sẽ chẳng lợi lộc gì cho tôi nếu hai bên đưa nhau ra toà. Cứ nhìn sự thế thì có vẻ ông bà Baker thực sự yêu mến Davey, và họ sẽ chăm nom thằng bé dễ dàng hơn

nếu không có cuộc cãi vã, đôi co nào xảy ra. Nhưng nếu tôi kéo họ ra toà, thì chúng tôi sắp sửa lập lại cái trường hợp lịch sử đó.

Đó là từ ông ta dùng, *trường hợp lịch sử*, và nếu vậy thì tôi đã chấm dứt mọi chuyện ở đó. Tôi lễ bước cứng nhắc trở lại phía cửa hàng và thả mình xuống một chiếc ghế. Prissy đã kín đáo theo dõi thân phận của tôi lúc còn trên điện thoại và cô đã đến ngay sau đó.

- Cái gì vậy? - Cô ngạc nhiên hỏi. Tôi nghĩ cô có thể nói về điều gì đó qua gương mặt.

- Tôi mất nó rồi, - tôi buồn rầu nói.

- Ồi chào, bà ơi, cậu hẳn biết tôi thông cảm như thế nào, - cô nói. Cô định chồm tới nắm lấy tay tôi, nhưng tôi rút tay lại. Tôi biết cô có ý định tốt, nhưng lúc đó tôi chẳng còn tâm trạng nào để bị sờ tùm cả.

- Không được tha thứ, - tôi nói. - Tôi thấy việc đó cay đắng quá. Cả một con đường gian truân, và tôi đã gần đi qua, gần tới lúc có thể tự tha thứ cho mình hơn bao giờ hết. Và Davey đã tha thứ, tôi có thể đọc được suy nghĩ đó qua hành động của Davey lúc cả hai ngồi với nhau. Một khi bản thân cả hai có thể làm được vậy, tôi không nghĩ rằng cần sự can thiệp của người nào khác ngoại trừ chính hai người trong cuộc.

Lát sau Tim tới và Prissy thì thăm gì đấy với cậu ta mà sau đó Tim bước tới gần hơn.

- Tớ xin lỗi, - anh nói.

- Không phải là tớ, - tôi nói. - Thì cậu không hiểu được ý nghĩa cái từ đó.

- Hãy đi làm nốt ca của cậu nếu cần, - anh nói. - Tớ ngồi đây đợi một mình cũng được.

- Tớ không biết việc đó có gì khác, - tôi nói.

- Tốt hơn là cứ để cho bản thân được thoải mái, - anh giọng khuyên bảo. - Làm nặng nề vấn đề có ích gì. Cậu chỉ mới bắt đầu làm quen thôi.

- Thật sao? - Tôi ngạc nhiên quay mặt đi và đốt một điếu thuốc. Chúng tôi đã quá bận, đó là giờ ăn và mọi người đang nghỉ trưa thấy chúng tôi cứ đứng tranh luận, chẳng chú ý đến việc bưng bê đồ ăn cho họ. Một vài người cất tiếng gọi Tim, tôi chẳng rõ họ nói những gì mà anh lại nổi cáu.

- Hãy bước khỏi đây nếu các người nghĩ thế. - Mặt anh đỏ rần lên còn tay thì vung vẩy loạn xạ, chỉ hể người này người khác, chẳng trừ một ai. - Hãy xéo hết đi, tất cả các người đấy và chúng tôi chả cần quan tâm xem các người có quay lại lần nữa hay không. Chả có ai trong các người lại không thể không có bữa trưa được. Hãy nhìn vào bản thân mà xem, các người cũng chỉ là loại lợn đực thiện thôi...

Hắn anh có thể cứ tiếp tục bài diễn văn chửi khách hàng, cũng bởi anh đã nói có thể về nên tôi với lấy chiếc áo khoác, chiếc ví. Đó là lần đầu tiên anh xử sự với khách hàng như thế. Trước đây, nếu có, thì cũng chỉ là tôi hoặc Prissy, hay mấy người đầu bếp. Tôi không bao giờ biết được lí do nào khiến anh cư xử theo cách ấy, bởi tôi không trở lại nơi đó lần nào nữa.

Tôi lái xe về nhà trong tâm trạng khó chịu, nhưng hoàn toàn biết rằng chỉ có một mình đang đi trên đường. Tôi rất dễ có thể bị giết hay giết ai khác, nhưng chẳng quan tâm nhiều. Tôi nghĩ mãi về câu nói của Tim rằng tôi đang quen dần với việc đó. Đối với tôi câu nói ấy quá quen thuộc, bởi vậy chẳng lấy làm ngạc nhiên. Nó là cái mà tôi đã làm nhiều tháng nay, dần dần quen với việc mất đứa trẻ mãi mãi.

Lúc về đến nhà tôi đổ vật xuống ghế, nhìn như thôi miên vào bức tường bếp. Sẵn có trong đầu tôi là ý nghĩ thôi không giằng co với ông bà Baker, và rời khỏi nơi này, nhưng chưa hình dung ra nơi có thể đến. Tôi ngồi đó khá lâu, chắc vậy. Chiếc cửa đằng kia vẫn hé mở nhưng tôi chẳng chú ý bởi tiết trời không lạnh lắm. Nếu tôi có quay mặt về hướng đó thì cũng chỉ thấy một phần bãi đậu xe. Tôi thấy Susan đánh xe vào, đỗ lại và khập khiễng tiến về phía căn nhà, tay xách toàn đồ tạp phẩm. Ở góc khuất, không nhìn được cô ta bước vào nhà, nhưng tôi nghe thấy tiếng

mở cửa, rồi sập cửa và không gian trở lại yên ắng như nắm mồ. Tôi vẫn ngồi nguyên, nghĩ lại những việc đã xảy đến với mình. Tôi cũng cho là còn nhiều người khác nữa trên đời này đã phải gò mình với đủ loại chuyện. Một vài đã quen với việc chấp nhận sự mất mát hay đau đớn, số còn lại thì quen bộc lộ nó ra. Phải có đến nửa thế giới này đang rên rỉ trong nỗi thống khổ, dầu chẳng bởi làm sao, chẳng vì cái gì, duy nhất cái thói quen như vậy.

Tiếng đánh đập lại vọng sang, qua bức tường ngăn. Một nụ cười ruồi hiện lên trên mặt tôi cứ như nó bị cắt ngang từ trước đó, bằng một con dao. Sự thực thì tôi đang mong ngóng việc đó, bạn biết đấy, vô cùng thoả mãn về những gì mình đã dự đoán lại sắp xảy ra. Bởi vậy tôi chú tâm nghe ngóng từ đầu. Từng tiếng đập *bup, bup, bup* vang lên, kèm theo tiếng rên rỉ và tiếng thở nặng nề dội sang. Tôi phải cố lắm mới nghe được tiếng thở của người vợ hoà lẫn những lời lẽ nhè của chồng cô lúc hấn đã sưng tay. Phải đến ba phút im lặng xen kẽ bằng vài tiếng động nhỏ, sau đó sự vật rơi vào yên lặng hồi lâu. Tôi đồ chừng cú đập vào tường lần này mạnh nhất từ trước đến nay. Mạnh đến mức tất cả xoong chảo của tôi rủ nhau rơi xuống đồng loạt, cả chiếc xoong tôi luôn sử dụng và hầu như cũng chỉ động chạm đến duy nhất nó thôi.

Đấy là lần đầu tiên chiếc xoong rơi xuống do sự va đập của người vợ và quả thật tôi bị gây ấn tượng mạnh quá, đến nỗi tôi bước đến gần và đứng ngó trân trân như thể xem xét chiếc xoong có phải là đồ vật thật không. Tôi cứ nghĩ vậy và nhìn cho đến khi không biết mình đang nhìn gì, tâm thần như rơi vào khoảng trống và chiếc xoong biến thành một lỗ hổng lớn đem ngòm ăn sâu vào nền nhà. Dần dà tôi cũng bứt ra khỏi tình trạng mất ý thức để nhận ra chiếc xoong không phải là thứ tôi cần tiếp tục sử dụng nữa.

Phải gõ đến ba bốn lần hán ta mới ra mở cửa, khiến tôi thấy phiền hà. Tôi có thiện ý và biết thế nào hán cũng ra. Tôi đã có ý định cứ đứng đấy cho đến khi hán xuất hiện bên cửa. Cửa mở rộng, hán ta đứng khoanh tay, mặt lạnh lùng ẩn đầy vẻ bí mật. Bên trong, căn phòng khá tối bởi tất cả rèm đều buông. Tôi bè chiếc xoong "quí" của mình trước ngực như thể đi mượn tạm tí dầu hay thứ gì đại loại. Chiếc xoong nặng chỉ chực rơi xuống sàn nhà như chiếc gậy của mục phù thủy. Trước bộ mặt dừng đứng của hán, tôi vung chiếc xoong vất ra sau vai giống như các vận động viên bóng chày vung cây gậy của họ. Rồi, với lực toàn thân, tôi phang cho hán một đòn chí tử vào mặt. Hán đổ vật xuống ngay tức thì, cả cơ thể vật ngửa ngay giữa căn phòng.

Tôi bước vào trong phòng, chiếc xoong dùm đó vẫn trên tay, để phòng trường hợp hán ta bất thần bật dậy. Thoạt tiên

trông hấn chẳng có dấu hiệu bị ăn đòn gì cả. Vẫn tỉnh, ít nhất là phần nào. Sau đó máu cứ thế phun ra từ mũi và hình như tôi đã đánh gãy vài cái răng thì phải. Tôi đã muốn có thể nói với bạn bè sự hồi lỗi hay vui mừng, nhưng thực ra tôi cũng chẳng xôn xang nhiều lắm trừ nỗi cô độc khi nhìn thấy máu, tuy đã quen bởi những lần như thế tôi đều uống Dilaudid. Susan đang ngồi, lưng tựa vào tường, người cúi gập xuống trên đầu gối, khóc sùi sụt. Mắt cô đỏ mọng nhưng không hề có lấy vết thâm tím ở những chỗ da lộ ra. Hấn ta chưa bao giờ đánh vào mặt cô; hấn là loại người như vậy. Một vết nứt lớn chạy dọc tường chỗ cô đang ngồi nghỉ. Nó đủ dài để một cú đập mạnh nữa là xuyên qua bên tôi.

- Tôi đang gọt ghém đồ đạc và tới Norfolk, - tôi nói với cô. Trước đó tôi không nghĩ vậy nhưng khi nói ra, tôi nghĩ tôi sẽ đi thật. - Cô có thể đi cùng nếu muốn. Dáng hình như vậy, cô có thể kiếm đủ tiền tiêu bằng việc bán đồ uống cho thủy thủ, mua được chiếc túi ngủ hiệu Kwik Sack và ngủ trong đó.

Cô ta không mở miệng, chỉ ngẩng đầu, giương đôi mắt ốc nhồi nhìn tôi. Một phút sau, tôi quay người trở ra không hề chân chữ. Chẳng mất nhiều thì giờ, tôi đã sẵn sàng. Tất cả đồ đạc chỉ là chiếc va li, đôi găng và vài thứ linh tinh. Ga giường và chăn được lôi ra, nhồi vào trong hòm. Tôi chẳng

mảy may quan tâm về đồng đồ đạc cổng kênh, cùng lắm cho một mối lửa là xong.

Lúc sắp xếp xong đồ đạc, tôi lại sang, ngó đầu vào trong. Cánh cửa vẫn mở như lúc tôi về trước đó. Hoá ra cô lại đang quì gối cạnh thùng chông dê tiện mà gột rửa vết máu trên mặt hán bằng cái khăn tắm. Tôi thấy hán thở, phát ra những tiếng kêu đến buồn cười. Máu vẫn chảy, bê bết trên mũi khiến tôi chột nghĩ hay mình đã nện vỡ chiếc mũi đó. Dầu vậy không thể nói điều đó làm tôi lo lắng nhiều.

- Đi nào, nếu tôi có ý muốn vậy, cô gái, - tôi giục.

Cô ngược mắt nhìn không nói một lời. Tôi chỉ nhận được một ánh nhìn của đôi mắt bò như thể tôi là thủ phạm đánh đập cô suốt mùa đông đó. Sau đó tôi nhận ra rằng họ đã quen sống như vậy và cô sẽ không thể là người bước ra khỏi cái cuộc sống của hai người. Nghĩ vậy tôi quay trở ra, xuống nhà và lên xe.

Tôi nhấn mạnh ga trên con đường tới Norfolk, bảy mươi, bảy mươi năm. Tôi còn muốn đi nhanh hơn nữa nếu chiếc xe có thể đi được. Không thể nói tôi hối hận đã đánh gã, mặc dù chẳng muốn sự việc xảy ra như vậy. Tôi chỉ không biết liệu sự kiện đó có làm thay đổi điều gì và những cơ hội

rút ra từ đấy. Một việc buồn cười, một khi bạn nghĩ vậy, về việc xảy ra. Đó là lần thứ hai tôi đánh người mạnh tay. Lần khác là nằm ngoài ý muốn và dự định của tôi. Lần này tôi biết việc mình đang làm, chắc chắn vậy, nhưng vẫn không thể biết mình đã làm gì.

MAXINE HỒNG KINGSTON

HỒ ANH THÁI dịch

NGƯỜI ĐÀN BÀ KHÔNG CÓ TÊN

Maxine Hồng Kingston sinh năm 1940 tại California trong một gia đình gốc Hoa. Bà từng là giáo viên phổ thông trung học ở Hawaii và hiện nay là chủ nhiệm lớp sáng tác văn học của Đại học Tổng hợp California tại thành phố Berkeley. Tác phẩm chính của bà gồm hai cuốn sách mang tính tự truyện: Nữ chiến binh, Những người đàn ông Trung Hoa, và một cuốn tiểu thuyết Con khỉ dẫn đầu cuộc du ngoạn. Maxine Hồng Kingston đã đoạt giải thưởng Sách Quốc gia Mỹ với cuốn Nữ chiến binh.

“Mẹ cấm con nói với ai điều mẹ sắp sửa kể đây”, mẹ tôi bảo, “Ở Trung Quốc, cha con có một cô em gái đã tự tử.” Cô ấy nhảy xuống cái giếng của gia đình ta. Chúng ta nói rằng cha con chỉ có anh em trai, vì xem như cô ấy chưa hề có mặt ở trên đời.

Năm 1924, chỉ ít ngày sau khi làng ta tổ chức mười bảy đám cưới vội - để đảm bảo rằng mọi người đàn ông lên đường đều có bốn phận trở về nhà - cha con và các anh của cha, ông nội con và các anh em trai của ông, cùng

người chồng mới cưới của cô con căng buồm sang Mỹ, vùng núi Kim Sơn. Đó là chuyến đi cuối cùng của ông nội. Những người may mắn tìm được hợp đồng thì vẫy chào tạm biệt ở trên những boong tàu. Họ nuôi nấng và canh gác cho những người bỏ trốn, rồi giúp người ta xuống Cuba, New York, Bali, Hawaii. “Sang năm chúng ta sẽ gặp nhau ở California, họ bảo. Tất cả đều có gửi tiền về nhà”.

Mẹ nhớ một hôm nhìn cô đang mặc quần áo. Trước đó mẹ không hề nhận thấy cô có cái bụng ểnh ra như một quả dưa. Nhưng mẹ không nghĩ là “cô có mang” cho tới khi trông cô giống như những người đàn bà có mang khác. Áo cô hất lên, lộ ra cái cạp trắng của chiếc quần đen. Con biết đấy, cô không thể mang thai được, bởi vì chồng cô ta đi đã mấy năm rồi. Chẳng có ai nói gì cả. Nhà ta không bàn luận về chuyện đó. Đầu mùa hạ, cô chuẩn bị sinh, mà lẽ ra theo đúng thời gian thì phải sinh từ lâu rồi.

Cả làng cũng đang tỉnh ngày tháng. Vào cái đêm đứa bé sắp sửa ra đời thì dân làng xông vào nhà ta. Giống như một lưới cửa lớn, răng cửa là những ngọn đèn, những hàng người di ngoằn ngoèo cắt ngang ruộng đất nhà ta, nhổ tung hét lửa. Những ngọn đèn lồng nhân lên gấp đôi trên mặt nước đen sùng sục, đang tháo qua những bờ mương bị phá vỡ. Khi dân làng đến gần, cả nhà có thể thấy một số một mang mặt nạ trắng có thể là những người đàn ông đàn bà rất quen biết. Người tóc dài thì xoa tóc trước mặt. Đàn bà tóc ngắn thì buộc cho tóc dựng đứng lên. Một số người chỉ khẩu trắng trên đầu, quanh cánh tay và cổ chân.

Thoạt đầu người ta ném bùn và đất đá vào nhà. Rồi họ ném trứng và bắt đầu chém giết gia súc. Chúng ta nghe thấy tiếng súc vật kêu hoảng loạn trước khi chết - những con gà trống, những con lợn, tiếng rống cuối cùng của một con bò đực. Những cái đầu cuồng nộ quen quen sáng lóc lên trên những ô cửa sổ ban đêm - dân làng đã vây quanh chúng ta. Có những bộ mặt không chằm chằm nhìn nữa, mà ánh mắt rừng rực như những ngọn đèn lục soát. Những bàn tay ấn bẹt vào cửa kính, những cái đầu trong khung cửa, rồi để lại những dấu vết màu đỏ.

Dân làng cùng lúc xông vào cửa trước và cửa sau, mặc dù nhà ta không chốt cửa. Những con dao ròng rọc máu gia súc. Họ bôi máu lên các cánh cửa và tường nhà. Một người đàn bà vung vẩy con gà bà ta đã cắt cổ, cho tiết gà tóe lộp độp lên khung cửa màu đỏ ngay bên cạnh. Chúng ta đứng cụm lại ở giữa khu nhà, trong căn phòng chung của gia đình với những bức tranh cùng bảng gia hệ tổ tiên vây bọc xung quanh, và nhìn thẳng.

Đạo ấy căn nhà mới chỉ có hai đầu hồi. Khi những người đàn ông trở về, nhà ta sẽ xây thêm hai chái nhà nữa vây quanh sân, thêm một chái nhà thứ ba mở ra một cái sân mới. Dân làng chen chúc qua các nhà hai đầu hồi, qua cả phòng ông bà nội, để tìm phòng của cô, mà cũng là phòng của mẹ cho tới khi những người đàn ông trong gia đình trở về. Từ chỗ căn phòng này, nhà ta sẽ xây một chái nhà nữa cho một gia đình mới. Người ta xé tan quần áo giấy dếp và bó gậy những chiếc lược của cô, rồi nghiền nát dưới chân. Họ giật đứt vải sợi của cô trên khung cửa. Họ hất tung tóe lửa bếp ra, rồi ném những súc vải mới dệt vào

đó. Chúng ta nghe thấy tiếng họ đập vỡ bát đĩa và đập bùm bùm những vò những hũ. Họ lật nhào những cái chum đất lớn, cao tới ngang lưng. Trứng vịt, hoa quả, rau dưa tung tóe, trộn thành một dòng nước chua hăng. Bà già ở cánh đồng bên cạnh vung vẩy một cái chổi trong không khí, xua những con ma-chổi bay trên đầu cả nhà. “Lợn”, “ma”, “lợn”, họ hỗn hển chửi mắng trong khi đập phá.

Lúc bỏ đi, người ta mang theo đường và cam quýt để lấy may. Họ xẻo lấy những miếng thịt của đám gia súc đã chết. Một số người lấy bát đĩa không vỡ và quần áo không bị xé rách. Sau đó, cả nhà ta phải quét thóc gạo vào bao tải rồi khâu lại. Nhưng vẫn còn mùi thực phẩm dự trữ bị đổ tràn ra. Đêm đó có con sinh nở trong chuồng lợn. Sáng hôm sau, mẹ ra lấy nước thì thấy cô và em bé đã nằm dưới giếng.

Đừng để cha biết rằng mẹ đã kể cho con hay. Cha đã từ có. Bây giờ con bắt đầu thấy thảng, điều đã xảy ra với cô có thể sẽ xảy ra với con. Đừng có làm ô nhục gia phong. Con hẳn không muốn bị lãng quên như thể chưa hề được sinh ra. Dân làng vẫn đang rình rập.

Bất kể khi nào muốn cảnh tỉnh chúng tôi về cuộc đời, mẹ lại kể những chuyện đại loại như vậy, một câu chuyện để trưởng thành. Bà thử thách khả năng kiểm nghiệm thực tế của chúng tôi. Những kẻ thuộc thế hệ di cư mà không thể nhận thức được sự sống còn nghiệt ngã đều phải chết yếu và chết tha hương. Lũ chúng tôi, thuộc thế hệ đầu tiên là người Mĩ, phải hình dung cho được bằng cách nào cái thế giới vô hình mà những người di cư dựng lên xung quanh

tuổi thơ của chúng tôi lại phù hợp được với nước Mĩ hiện hữu.

Người di cư khiến cho các vong hồn nhăm lẩn bằng cách làm chệch hướng những lời nguyện của vong hồn, đánh lạc hướng chúng bằng những đường phố quanh co và những cái tên giả. Họ cũng cố làm cho con cái nhăm lẩn, những đứa con mà tôi cho là cũng đe dọa cha mẹ bằng cách tương tự - thường cố tiếp nhận mọi việc một cách thẳng thừng, thường cố gọi tên những điều không thể diễn tả bằng lời. Những người Hoa tôi biết đều giấu họ tên. Người tạm trú thì lấy tên mới mỗi khi cuộc sống thay đổi và lặng lẽ bảo vệ cái tên thật của mình.

Hồi những người Mĩ gốc Hoa, mỗi khi cố tìm hiểu xem ở bạn có cái gì là Trung Hoa, bạn làm sao chia tách được cái gì là của riêng tuổi thơ, của nghèo đói, sự điên rồ, của một gia đình, của mẹ bạn - người đánh dấu sự trưởng thành của bạn bằng những câu chuyện, đâu là chất Trung Hoa trong đó? Đâu là truyền thống Trung Hoa và đâu là từ phim ảnh?

Mẹ đã kể cho tôi nghe những phần thiết yếu của câu chuyện, một lần, và chỉ một lần mà thôi. Mẹ sẽ không kể thêm điều gì. Mẹ trồng những vườn rau chứ không xén tĩa những bãi cỏ phẳng phiu trước nhà như người Âu - Mĩ. Mẹ mang từ ngoài đồng về nhà những củ khoai tây quắt queo và ăn thức ăn đã cúng cho những vong hồn.

Hễ khi nào làm những điều phù phiếm, chúng tôi tiêu tốn hết sức lực. Chúng tôi thả diều bay lên cao. Lũ trẻ chúng tôi lớn dậy bằng cháo ngô, cha mẹ mang về từ nơi làm việc, và bằng bộ phim Mĩ vào ngày tết - *Ôi, em búp*

bé xinh đẹp với Betty Grable vào năm này, và Nàng đẹp dài băng màu vàng với John Wayne vào năm khác. Hàng năm sau một kỳ lễ hội, chúng tôi tra giá trong lăm lỏi - người cha một mỗi của chúng tôi đếm những đồng tiền lẻ khi cuộc bộ về nhà trong đêm tối.

Ngoại tình là điều xa xỉ. Có lẽ nào những con người tự áp nỡ lấy đàn gà con của mình, ăn đến cả đầu, cánh và cái thai gia súc và ninh chân gia súc với dấm để làm cỗ, chỉ trừ lại đất cát, còn thì ăn tất cả lòng mề - có lẽ nào những con người như vậy lại sinh ra một bà có hoang toàng? Làm một người đàn bà, có một đứa con gái giữa thời buổi đói kém đã đủ là một sự hoài phí. Có tôi không thể là người lãng mạn duy nhất đã vì tình dục mà từ bỏ tất cả. Đàn bà ở Trung Hoa thời trước không lựa chọn. Già dẫu ông nào đó đã ra lệnh cho cô phải ăn nằm với gã và giữ kín điều xấu xa này. Tôi tự hỏi liệu gã có đeo mặt nạ khi tham gia vào cuộc phá nhà cô hay không.

Có lẽ cô đã đựng đầu gà trên cánh đồng, hoặc là ở trên núi, nơi những cô con dâu đi kiếm củi. Hoặc cũng có thể gã đã nhận ra cô trước tiên ở nơi chợ búa. Già không phải người lạ bởi vì làng không chứa người lạ. Cô phải giao tiếp với gã chứ không phải chỉ có tình dục. Hẳn là gã làm việc ở cánh đồng bên cạnh, hoặc là bán vải cho cô may xống áo. Việc gã đòi hỏi chắc đã làm cô bàng hoàng, rồi hoảng sợ. Cô tuân theo gã. Cô luôn làm theo lời người ta bảo.

Khi gia đình kiếm được cho cô một chàng trai ở làng bên để làm chồng, cô ngoan ngoãn đứng cạnh một con gà trống, kẻ thay mặt chú rể, và hứa trước khi họ gặp nhau

rằng cô sẽ mãi mãi là của anh. Cô may mắn vì anh chàng cùng tuổi và được làm vợ cả, bấy giờ là lợi thế. Cái đêm anh ả gặp nhau lần đầu, anh chàng chung đụng với cô. Rồi anh ta đi Mi. Cô hầu như đã quên mất dáng vẻ của anh chàng. Mỗi khi cố hình dung, cô chỉ thấy một gương mặt đen trắng trong tấm ảnh cả nhóm đàn ông chụp trước khi ra đi.

Nhìn chung gã nọ cũng không khác chồng cô nhiều lắm. Cả hai đều ra lệnh, cô tuân theo. “Nếu cô hờ ra với gia đình, tôi sẽ đánh cô. Tôi sẽ giết cô. Tuần sau lại đến đây nghe chưa”. Chả có ai nói về tình dục bao giờ. Và cô có thể đã tránh được những vụ cưỡng bức, chỉ cần cô không phải mua dầu của hắn hoặc đi kiếm củi trong cùng một cánh rừng. Tôi muốn nghĩ rằng khi một vụ cưỡng bức chấm dứt thì cô cũng thôi hoảng sợ, do đó mà che giấu được nỗi sợ hãi. Không có nỗi sợ nào lộ ra cả. Nhưng những người đàn bà hoạt động tình dục đã phớt lờ may rủi cho việc sinh nở và vì thế phớt lờ cả mạng sống. Nỗi sợ không chấm dứt mà tràn ngập khắp nơi. Cô bảo gã nọ: “Chắc là tôi có thai”. Gã tổ chức cuộc đánh phá nhà cô.

Những đêm cha mẹ tôi chuyện trò về cuộc sống ở quê nhà, thỉnh thoảng giọng hai người đành lại khi nhắc đến “cái bàn cách li”. Theo truyền thống ăn uống chung bàn, coi miếng ăn là quý giá, người lớn tuổi có quyền hành buộc những người có lỗi phải ăn một mình. Thay cho việc như người Nhật vẫn làm là đuổi họ đi để bắt đầu cuộc sống mới, khiến họ trở thành samurai hoặc geisha, thì gia đình người Hoa lại quay mặt đi, nhưng mắt vẫn hăm hăm liếc xéo bàm riết lấy kẻ tội lỗi và cho họ ăn thức ăn thừa.

Cô tôi hẳn đã sống cùng một nhà, như cha mẹ tôi, và ngồi ăn ở chiếc bàn cách li. Mẹ tôi nói về cuộc phá phách bằng những điều chính mắt trông thấy, khi mà mẹ và cô tôi, con dâu của một nhà khác, lẽ ra không được sống chung với nhau. Con dâu ở với cha mẹ chồng chứ không ở với cha mẹ mình. Cuối xin tiếng Hoa đồng nghĩa với “xin dâu”. Phụ mẫu của chồng cô có thể đem cô đi bán, đi cầm đồ, ném đá vào cô. Nhưng họ đã đem trả lại cô cho cha mẹ đẻ, một hành động bí ẩn ám chỉ sự ô nhục. Có lẽ họ tổng có ra khỏi cửa để tránh những kẻ trừng phạt.

Cô là con gái duy nhất. Bốn người anh trai đã cùng cha cô, chồng cô và chú bác “lên đường”, và qua mấy năm đã trở thành người phương Tây. Khi tài sản được đem chia trong gia đình, ba người anh trai lấy ruộng đất, còn người trẻ nhất, cha tôi, thì chọn việc học hành. Sau khi trao cô con gái cho gia đình nhà chồng, ông bà tôi đã phân chia tất cả tài sản và phân chia cả sự phiêu lưu mạo hiểm. Ông bà mong muốn chỉ một mình cô giữ được nề nếp truyền thống, điều mà những người anh của cô, giờ đây sống giữa những kẻ mọi rợ, có thể phải mò mẫm mà không có được. Những người đàn bà sâu nặng gia phong sẽ giữ gìn được quá khứ trước mọi bão lũ, an toàn trở về. Nhưng sự thèm khát của lạ của phương Tây đã ăn sâu vào gia đình chúng tôi, và vì thế cô đã đi qua giới hạn không được ấn định trong không gian. Việc bảo tồn đòi hỏi rằng những cảm xúc vốn nghịch trong lòng người không được biến thành hành động. Chỉ được ngắm chúng trôi qua như ngắm hoa anh đào. Nhưng có lẽ cô tôi, người đi trước, bị giam cầm trong một cuộc sống trì trệ, những ước mơ đâm chồi rồi

tàn phai, rồi sau nhiều tháng nhiều năm đã thả mình theo ham muốn dai dẳng. Nỗi lo những trọng tội bị nghiêm cấm đã giữ cho sự thèm muốn của cô trở nên tỉnh vi, sát lại. Cô nhìn ngắm một người đàn ông vì thích cái cách gãi giắt món tóc sau tai, hoặc thích cái đường cong như một dấu hỏi của tấm thân dài, vồng lên ở vai và thẳng tắp ở hông. Vì ánh mắt ám áp, hay giọng nói nhẹ nhàng hoặc dáng đi khoan thai - tất cả là thế - chỉ vì mái tóc, một đường cong, chút ánh sáng, một âm thanh, một nhịp chân, cô đã từ bỏ cả gia đình. Cô đã đem chúng tôi đổi lấy sự quyến rũ sẽ tàn phai đi vì một mối, đổi lấy cái đuôi tóc không còn du đưa mỗi khi gió lộng. Tại sao vậy, chỉ một nguồn sáng chệch đi cũng có thể xóa bỏ chút ít thân thương nhất về gã.

Tuy nhiên rất có thể là cô tôi không nhận được ngay cả một chút khoái cảm nhỏ nhoi từ bạn tình, nhưng người đàn bà cuồng nhiệt vẫn giữ lấy người bạn vui nhộn. Dù sao thì cũng không phù hợp khi tưởng tượng ra cô chung dụng phóng túng. Tôi không biết những người đàn bà như vậy, cả đàn ông nữa.

Để duy trì tình yêu, cô thường ngắm mình trước gương, đoán xem màu sắc nào và hình dáng nào làm cho gã thích thú, thay đổi luôn luôn để nhằm đạt tới sự hòa hợp. Cô muốn gã quay nhìn.

Trong một trang trại gần biển, một người đàn bà chăm nom hình thức phải chịu tai tiếng là phù phiếm. Tất cả những người đàn bà có chồng cất cao tóc thành món ngang tai hoặc cuốn ra sau thành búi chặt. Không có vớ vẩn gì hết. Không được để cho nó tung bay để dãi ở những góc

khén gọi. Và trong lễ cưới, họ trưng pho mái tóc dài lần cuối cùng. “Nó dài tới đầu gối mẹ”, mẹ kể với tôi, “mẹ đã tết lại, thế mà tóc vẫn dài tới gối”.

Trước gương, cô tôi một mình chải món tóc ngắn. Tôi hi vọng rằng gã đàn ông cô tôi yêu đã rất thích đường lông mày mịn màng, rằng gã không phải là một kẻ chỉ biết mộng và ngược.

Việc cô tôi chú ý hơn đến dáng vẻ chắc đã gây ra dăm tiếu trong dân làng. Nhưng cô tôi khó tìm được dịp mà ăn diện. Đàn bà trông như những con ốc biển to tướng - những bó củi chẳng buộc, con cái và đồ giặt họ mang trên lưng là những cái vỏ ốc xoắn. Người Hoa không thích một tấm lưng còng, chiến binh và thần nữ thường đứng thẳng.

Dù sao vẻ đáng yêu ở nơi công cộng như vậy với cô tôi vẫn là chưa đủ. Cô mơ tưởng tới người tình suốt mười lăm ngày tết, thời gian cho các gia đình thăm viếng nhau, biếu đồ ăn và tiễn mừng tuổi. Cô dùng chiếc lược bí mật. Và dám chắc là cô đã nguyện rửa cái năm ấy, cả gia đình, làng xóm và chính mình.

Ngay cả khi mái tóc quăn rũ được người tình sắp đến, thì rất nhiều đàn ông cũng nhìn ngấm cổ. Chú bác, anh em họ, các cháu. Những người anh cũng nhìn, mỗi khi trở về nhà giữa những chuyến đi. Hẳn là họ đã kiểm chế sự tò mò, rồi đi đi, sự ràng buộc thoáng nhìn, như ở một căn đồng đầy chim làm các súc danh động và bị bắt gặp. Đói khổ, đó là lý do đầu tiên để họ ra đi. Nhưng một lý do khác, lý do cuối cùng để từ già căn nhà đông người thì không bao giờ được nói ra.

Cô có thể là người được yêu mến khác thường, cô con gái quý hóa duy nhất, soi gương và nhõng nhẽo bởi vì tình cảm của gia đình dành cho hậu hĩ. Khi chồng cô ra đi, gia đình mừng đón cô trở về từ nhà chồng. Cô có thể sống như đứa con gái bé bỏng trong một thời gian dài. Chuyện kể rằng ông nội rất khác người, “điên điên từ dạo bị người Nhật lùn đâm lưỡi lê vào đầu”. Ông đã từng phô cái dương vật trần trụi lên mặt bàn mà cười. Rồi một hôm ông mang về nhà một đứa con gái sơ sinh, quấn trong tấm áo khoác kiểu Tây màu nâu to tướng. Ông đã đổi một trong những đứa con trai, có lẽ là cha tôi, đứa nhỏ nhất, để lấy con bé. Bà nội tôi bắt ông di đổi lại. Khi rốt cục ông có đứa con gái của mình, ông rất cưng chiều cô. Chắc mọi người đều yêu cô, hình như chỉ trừ cha tôi, người đã có lần bị đem đổi lấy một đứa con gái.

Anh em trai và chị em gái, những người đàn bà và những người đàn ông mới đến, đều phải xóa mờ sắc dục và phô ra vẻ vô cảm. Mái tóc và ánh mắt bối rối, một nụ cười không bình thường, đều đe dọa cái lí tưởng ngũ đại hàng đồng đường dưới một mái nhà. Để tập trung sự chú ý, người ta hét vào mặt nhau, và thét gọi từ phòng này sang phòng khác. Những người di cư tới quen biết thường nói to, không sao chuyển sang giọng Mỹ được, ngay cả sau nhiều năm đi khỏi cái làng quê mà họ vẫn gọi bạn bè ngang qua mấy cánh đồng. Tôi không sao làm cho mẹ thôi hét lên ở thư viện công cộng hoặc hét vào điện thoại. Thằng người bước đi (đầu gối thẳng, đầu ngón chân hướng về trước, không phải ngón chân bấm đất kiểu đàn bà người Hoa) và nói năng khê khàng, tôi cố biến mình thành người

phụ nữ Mĩ, Người Hoa liên lạc với nhau thì ồn ào, như là chuyện công cộng. Chỉ có người ôm mới thì thầm. Nhưng ở bên bàn ăn, mọi thành viên gia đình gần nhau nhất, thì không ai có thể nói to, cả người ngồi ăn lẫn người bị cách li. Mỗi lời rời khỏi miệng là một đồng tiền bị mất. Người ta lặng lẽ tiếp và nhân thức ăn bằng cả hai tay. Một đĩa bẻ ngồi vào chỗ trước và nhân bát cơm bằng một tay thì được ngay một cái lấm. Một khoảnh khắc tập trung hoàn toàn làm cho mọi người trở nên giống nhau. Ở đó trẻ em và những kẻ đang yêu không được tách biệt, nhưng có tới sử dụng một giọng điệu bí mật, một sự tập trung li tán.

Cô đã giữ gìn cái tên của người đàn ông cho riêng mình, qua suốt cả quá trình lao động cho tới khi chết. Cô không kết tội gã khiến gã cũng bị trừng phạt với mình. Để giữ thanh danh cho kẻ gico giống, cô đã phải sinh nở âm thầm.

Gã có thể là kẻ nào đó ngay trong nhà. Nhưng chung chạ với một kẻ ngoài gia tộc cũng không kém phần ghê tởm. Cả làng đều là bà con họ hàng, và lối xưng hô hết lên bằng giọng nhà quê ằm ỉ không hề làm cho người ta quên được quan hệ họ hàng ấy. Bất cứ người đàn ông nào trong khoảng cách thăm hỏi đều được trung lập hóa thành người thân - "Anh em", "anh", "em" - một trăm rưỡi lối xưng hô họ hàng. Cha mẹ xem xét từ khai sinh để biết vận may có lẽ không kì bằng để tránh loạn luân trong một đám người không có gì khác ngoại trừ một trăm cái họ tên. Mỗi kẻ có tám triệu người họ hàng. Vậy thì vô nghĩa biết chừng nào thứ tình dục cầu kì, nguy hiểm biết chừng nào.

Tôi đã từng thêm từ “anh” vào tên của đám bạn trai, như thể đó là do sự lại giống chứ không phải vì sợ. Điều ấy làm lũ con trai thú vị, dù chúng có ý định hay không có ý định mời tôi nhảy, làm cho chúng bối ngại ngùng mà trở nên thân mật và đáng được cư xử thoải mái như với bạn gái.

Nhưng tất nhiên tôi còn làm cho chính mình yên lòng nữa - không có hẹn hò gì hết. Lẽ ra tôi cũng đứng bật dậy, hai tay vẫy vẫy và hét ầm cả thư viện: “Này anh! Lại đây với em đi”. Dù sao tôi cũng không biết làm thế nào cho sự quyến rũ trở nên cao quý, làm thế nào điều khiển phượng hoàng và tâm cơ của sự quyến rũ ấy. Nếu tôi tự làm cho mình đẹp theo kiểu Mĩ đến mức năm sáu gã trai người Hoa trong lớp phải yêu, thì tất cả những gã khác - da trắng, da đen và Nhật Bản - cũng phải yêu. Tình chị em, phẩm hạnh và danh giá vẫn có ý nghĩa hơn.

Sự quyến rũ không được chế ngự thì dai dẳng đến nỗi cả cái xã hội vốn được thiết lập nên để tạo dựng mối quan hệ bà con giữa mọi người đã không thể giữ được trật tự, ngay cả khi đã gần gũi trở lại với nhau từ tuổi thơ và cùng nuôi chúng khôn lớn. Giữa đám nhà giàu và kẻ rất nghèo, những ông anh vẫn lấy những cô em nuôi, hết như lũ lợn. Gia đình tôi cho phép chút ít lãng mạn, trả tiền cưới những cô con dâu về và cấp hồi môn cho con gái đi lấy chồng, vì vậy con trai con gái đều lấy được người ngoài họ. Cưới xin hứa hẹn biến người lạ thành họ hàng thân thích - một đất nước của những anh chị em.

Trong cái cầu làng quê, thần linh chấp chôn hiên giữa những sinh vật, được thời gian và đất đai giữ cho cân đối

và thăng bằng. Nhưng một kẻ nổi loạn thì có thể tạo nên một cái hố đen ngòm, một xoáy nước cuộn lên tới tận trời. Đám dân làng hoảng sợ, những kẻ phải dựa vào người khác để duy trì cuộc sống thực tế, đã xông đến để chứng tỏ sự phản kháng “thăng tay” mang tính cá nhân và vật chất của họ trước việc vi phạm của cô tôi. Những cặp trai gái không môn đăng hộ đối đã hủy hoại tương lai, mà lẽ ra phải được ước trổng trong đám con cái chính đáng. Dân làng trừng phạt cô vì cô đã hành động như thể được phép có một cuộc sống riêng, bí mật và cách bức với họ.

Nếu cô tôi phản bội gia đình vào thời bình mùa màng bội thu, khi người ta để nhiều con trai, và đang xây thêm nhiều chái nhà, có thể cô đã thoát khỏi sự trừng phạt nặng nề như vậy. Nhưng mà đám dân ông - đói khát, tham lam, mệt mỏi vì trồng cây trên đất đai cằn khó - đã buộc phải đi khỏi làng để gửi tiền bạc và thức ăn về nhà. Nạn ma quỷ, đạo tặc, chiến tranh với quân Nhật, lũ lụt. Anh chị em của tôi chết vì một căn bệnh không xác định được. Ngoại tình có thể chỉ là một lỗi lầm trong thời sung túc, thì lại trở thành tội ác vào lúc làng xóm đang cần thực phẩm.

Sau khi dân làng đã bỏ đi, đền lồng của họ giờ rai rác về mọi hướng, cả nhà mới thôi im lặng và nguyên rửa cô: “Ái dà, chúng ta chết mất thôi. Chết đến nơi rồi. Nhìn xem mây đã làm gì vậy. Mây đã giết chúng tao. Đồ ma quỷ. Chết đi. Coi như mây không có trên đời này”. Cô chạy ra đồng, xa khỏi căn nhà đến mức không còn nghe thấy tiếng mọi người nữa, rồi ép mình xuống đất, giờ không còn là mảnh đất của cô. Khi cảm thấy sắp sinh con, cô nghĩ mình

vừa bị đánh đập. Thân thể cô cứng lại. "Người ta đánh mình nhiều quá", cô nghĩ, "đau ở chỗ này, đau đến chết mất". Hai đầu gối và trán tì xuống đất, cơ thể cô rung giật rồi thông xuống. Cô xoay lưng lại, nằm xuống đất. Bầu trời như miệng giếng đen ngòm mà những ngôi sao cứ lặn, lặn dần rồi lặn vĩnh viễn, con người cô và nỗi truân chuyên dường như cũng tan biến. Cô là một ngôi sao ấy, một chấm sáng giữa đêm đen, không nhà cửa, không hạn chế, trong cái yên lặng và lạnh lẽo muôn đời. Nỗi sợ trống vắng choán ngập con người cô, mỗi lúc một lớn hơn, mỗi lúc một nhanh hơn, cô không làm sao kìm giữ được nữa, nỗi sợ trở nên vô cùng tận. Bị đánh đập, không được che chở giữa đất trời, cô cảm thấy cơn đau lại dậy lên, đang nhăm vào thân thể mình - một kiểu đau ôn lạnh dai dẳng ở bên ngoài. Bên trong thì thăng hoặc một cơn đau khác nung nóng con người cô, cơn đau truyền từ đứa trẻ. Cô nằm hàng giờ trên đất, một bên là thân thể mình và bên kia là không gian. Thỉnh thoảng một hình ảnh xóa mờ đi thực tại đau đớn; cô thấy cả nhà đang đánh bài bên chiếc bàn ăn tối, đám trẻ đang xoa lưng cho người già. Cô thấy mọi người đang chúc mừng nhau, niềm vui sống vào những buổi sáng mạ dề mọc. Khi những bức tranh này tan nhòa đi, những ngôi sao tách xa nhau hơn. Khoảng không đen ngòm mở ra.

Cô gắng đứng dậy cho dễ chống chọi hơn và nhớ rằng những người đàn bà cổ hủ sinh đẻ trong chuồng lợn để đánh lừa những vong hồn ghen ghét, gây đau ốm, những vong hồn không bắt lợn con. Cô chạy về phía chuồng lợn, trước khi một cơn co thắt khác ngăn cô lại, mỗi bước chân

lao sâu hơn vào nỗi trống rỗng. Cô leo qua hàng rào rồi quỳ trên đất bẩn. Có một hàng rào vây bọc xung quanh thật tiện, một người nhà quê cô đơn.

Lao lực, người dân bà mang trong mình một sinh vật ngoại nhập là đứa con lớn dần và làm cô đau ốm hàng ngày, cuối cùng đã trút được nó ra. Cô cúi xuống, sờ nắn cái đông nóng uất đang động đây, chắc chắn là nhỏ hơn bất cứ con người nào, và đã có thể cảm thấy rằng rốt cục đó là con người. - ngón tay, ngón chân, móng tay móng chân, cái mũi. Cô bế nó lên, ôm vào lòng và nó cuộn mình trong đó, húc đầu vào không gian, đôi bàn chân quặp vào nhau. Cô cởi tấm áo rộng và cho đứa con vào đó, cài khuy lại. Sau khi nghỉ ngơi, nó vận vẹo và quấy đạp. Cô nâng con lên ngang ngực. Nó quay đầu bên này bên kia cho tới khi tìm thấy vú mẹ. Ở đó, nó khịt khịt nhỏ nhỏ. Cô cắn chặt răng trước bầu vật, đáng yêu như một con cún, như một chú lợn con, như một con bê.

Có lẽ việc cô vào chuồng lợn là hành động trách nhiệm cuối cùng: Cô sẽ bảo vệ đứa con như đã bảo vệ cha nó. Đứa con sẽ thờ phụng hương hồn cô, để đồ cúng trên mộ cô. Nhưng bằng cách nào đứa trẻ bé bỏng không gia đình này tìm được mộ cô, khi mà không có chút dấu tích cô ở bất kì đâu, cả ở trên mặt đất lẫn trong gia đình? Sẽ không có ai cho ghi tên cô trong điện thờ của gia đình. Cô đã làm cho đứa con chịu chung số phận phước thải của mình. Ngay sau cơn sinh nở, cả hai người đều cảm thấy nỗi đau chia lìa. Đứa trẻ chẳng có lấy một dòng chữ ghi dòng dõi sẽ không làm dịu nhẹ cuộc đời cô, mà chỉ bám theo, như bóng ma, nài xin cô đáp ứng yêu cầu của nó. Bình minh đến,

dân làng trên đường ra đồng sẽ đứng vây quanh hàng rào mà nhìn ngó.

Nó sữa rồi, con ma nhỏ đã ngủ. Khi nó thức, cô bóp mạnh bầu vú đang dồi chảy sữa. Gần sáng cô bế đứa bé lên và đi ra giếng.

Mang một đứa bé ra giếng nước là để biểu lộ tình thương. Hoặc là từ bỏ nó. Những người mẹ yêu con thường mang con đi theo. Hình như đó là một đứa con gái, vậy là có chút hi vọng được những đứa con trai tha thứ.

✽

✽ ✽

"Không được nói với ai rằng con có một người cô. Cha con không muốn nghe thấy tên cô ấy. Cô ấy chưa bao giờ có mặt trên đời". Tôi đã tin rằng tình dục là điều không thể nói ra được, rằng những ngôn từ ấy quá nặng mà cha thì yếu ớt tới mức "cô" sẽ gây nguy hại cho cha một cách bí ẩn. Tôi đã nghĩ rằng gia đình mình, sống giữa những người di cư từng là làng giếng ở nơi quê cha đất tổ, cần được giữ gìn thanh danh, mà lẽ rồi một cái là sẽ kích động những người bà con ngay cả ở nơi đây. Nhưng sự yên lặng này còn có lí do nữa: Mọi người muốn tôi tham gia vào việc trừng phạt cô. Và tôi đã làm theo.

Suốt hai mươi năm kể từ khi nghe câu chuyện này, tôi không hề hỏi cặn kẽ, mà cũng không nhắc tên cô. Tôi không biết tên cô. Con người có thể làm cho người chết yên nghỉ, thì cũng có thể truy đuổi để làm cho người chết đau đớn hơn nữa- một sự tưởng nhớ tổ tiên theo kiểu khác. Có vẻ trừng phạt thực sự không phải là trấn phá do dân

làng này ra trong thoáng chốc, mà là việc gia đình cố tình quên lãng cô. Sự phân biệt của cô khiến mọi người diễm cuồng, ghen ghét, coi đó là lí do để cô phải chịu đau khổ vĩnh viễn, ngay cả khi đã chết. Lúc nào cũng đói, lúc nào cũng thèm, cô sẽ phải ăn xin của những hồn ma khác, vỏ chộp và ăn cắp của những hồn ma có đám hầu sinh đang sống mừng quá cấp tối. Cô sẽ phải giành giật với lũ ma đứng túm tụm ở ngã tư đường để giữ lấy những chiếc bánh bao do những người cảm thán để lại nhằm đánh lừa cô khỏi về nhà về làng, thế là vong hồn tổ tiên có thể ăn cỗ mà không bị quý rầy. Được bình yên, những vong hồn này có thể xử sự như thần thánh chứ không phải như ma quỷ, những dòng chữ về dòng dõi của họ sẽ mãi mãi cung cấp cho họ những bộ váy áo bằng mã, tiền âm phủ, thịt, gà, cơm gạo, nhà cửa, xe hơi bằng giấy - phần tinh túy sẽ được gửi theo ngọn lửa, khói hương, và tinh túy cũng cũng đẩy lên trong từng bát cơm. Chỉ có có tôi là vĩnh viễn chịu đói. Ngay cả giữa những người chết, đồ dùng cũng không được phân phối công bằng.

Cố cứ ám ảnh tôi - bóng ma của cô cứ theo tôi, bởi vì giờ đây, sau năm mươi năm làng quên, một mình tôi dành cho cô những trang bằng giấy này, cho dù không biến chúng thành quần áo giấy và nhà bằng giấy. Tôi không nghĩ rằng cô luôn luôn hiểu tôi. Tôi đang kể về cô, mà cô là người tự sát ác ý, tự trầm mình trong nguồn nước ăn. Người Hoa thường rất sợ kẻ chết đuối, hồn ma khóc lóc, mái tóc ướt đầm xòa xướt, da dẻ trương phềnh, lặng lẽ chờ bên dòng nước để lôi xuống một kẻ thế mạng.

JOYCE CAROL OATES

LÊ THỊ OANH dịch

NGƯỜI ĐANG ĐI ĐÂU NGƯỜI ĐÃ Ở ĐÂU?

Oates nổi tiếng là một nhà văn viết khỏe. Sau cuốn sách đầu tiên được xuất bản năm 1963, bà đã lần lượt cho ra mắt bạn đọc hơn 60 tác phẩm khác. Một trong những tác phẩm có tiếng của bà là cuốn tiểu thuyết "Cho họ" viết về những người da đen ở Detroit. Cuốn sách đã được giải thưởng Sách Quốc Gia năm 1970.

Oates sinh năm 1938 tại thành phố Lockport, New York. Bà đã tốt nghiệp các trường Đại học Syracuse và Wisconsin và sau này được hưởng quy chế nhà văn ngồi sáng tác tại Đại học tổng hợp Princeton. Đồng thời bà còn cùng với chồng làm giám đốc Nhà xuất bản Ontario Review Press. Người đang đi đâu, người đã ở đâu? dựa trên một chuyện có thật đăng trên tạp chí Đời sống về một tên sát nhân và hiệp dâm hàng loạt. Năm 1985 truyện ngắn này đã được đạo diễn Joyce Chopra dựng thành phim mang tên Cuộc đàm phán trời chấy.

Tặng Bob Dylan

Tên cô là Connie. Có mười lăm tuổi và nhanh nhẹn rất nhanh
thì quen rất buồn cười là cứ vươn cổ liếc nhanh vào gương

hoặc nhìn vào tận mặt người khác để khẳng định rằng khuôn mặt của mình là dễ coi. Mẹ cô, một người đàn bà dễ mất tối tất cả mọi thứ, biết tất cả mọi thứ, chẳng còn nhiều lý do để ngấm nhìn khuôn mặt mình trong gương nữa, luôn mắng Connie về việc đó. “Bỏ cái kiểu cứ trở mặt ra mà ngấm vuốt ấy đi, mày là ai hả? Mày tưởng rằng mày đẹp lắm sao?” bà nói. Connie chỉ nhún mày trước những lời mắng mỏ quen thuộc đó. Nhìn mẹ, cô thấy cả viễn cảnh đen tối của cô, cũng rõ ràng như nhìn thấy chính cô vào lúc này: cô biết rằng mình xinh đẹp và thế là đủ. Mẹ cô cũng đã từng có thời xinh đẹp và người ta biết được điều đó khi nhìn những tấm ảnh cũ của bà trong cuốn album, nhưng bây giờ vẻ đẹp xưa kia của bà đã tàn tạ và vì thế bà cứ luôn kèn kẹt với Connie.

“Sao không thu dọn cho cái phòng của mày cũng sạch như phòng chị mày? Sao tóc mày lại óp hợp thế kia hả đồ chết tiệt? Lại cả nước xịt tóc nữa? Mày không thấy rằng chị mày có bao giờ dùng đến những cái này đâu?”

Chị June của cô đã hai mươi bốn và vẫn sống ở nhà. Chị là thư ký của chính cái trường trung học Connie đang theo học, và nếu như điều đó vẫn đủ tệ hại thì thêm vào đó là việc cô phải sống cùng nhà với một bà chị vừa quá mập mạp vừa béo lùn lại đứng đắn nữa và thế là suốt ngày cô cứ phải nghe mẹ cô và các bà dì ca ngợi chị. Nào là June làm thế này, June làm thế nọ, June tiết kiệm tiền, giúp mẹ dọn dẹp nhà cửa và nấu ăn, còn Connie thì chẳng được việc gì cả, đầu óc nó chỉ toàn những mơ tưởng rác rưởi. Cha các cô đi làm cả ngày và khi trở về nhà, lập tức

ăn tối, ông đọc báo trong khi ăn và sau đó đi ngủ. Ông chẳng hề làm phiền các cô bằng những lời trâng tráo đại hải, những bên tai ông, mẹ Connie cứ luôn miệng cần nhân về cô đến nỗi cô mong sao mẹ chết đi và cô cũng chết đi, thế là xong. “Đôi lúc bà ấy làm cho tao chỉ muốn tung hê tất cả”, cô phàn nàn với bạn bè. Cô có giọng nữ cao, nói không kịp thở và âm điệu vui tai, nó làm cho tất cả những điều cô nói, dù là thành thật hay không, đều trở nên kém mạnh mẽ.

Có điều may mắn là: June thường đi chơi với các cô bạn cũng mặc mặc đứng đắn như chị và do đó khi Connie muốn đi cùng với họ thì mẹ không phản đối. Ông bố cô bạn thân nhất của Connie lái xe đưa các cô lên thị trấn, cách nhà chừng ba dặm và thả các cô xuống khu phố chợ để họ có thể dạo quanh các cửa hàng hoặc đi xem phim, khi quay lại đón vào lúc mười một giờ, ông không bao giờ làm phiền họ, bằng cách hỏi xem họ đã làm những gì ở khu chợ này.

Hắn là trông họ cũng từ tựa như nhau, cùng dạo quanh các cửa hiệu trong những chiếc quần soóc và những đôi dép lê giá đồng hàng quần quet trên vỉa hè với những chiếc vòng họ mệnh phát ra những tiếng leng xeng nơi cổ tay gây guộc của các cô: Họ ngã vào nhau mà thậm chí to nhỏ và cười một cách bí mật mỗi khi có ai đó đi ngang qua cười hoặc tỏ ra để ý đến họ. Mái tóc Connie dài màu vàng sẫm khiến ai cũng phải để ý. Cô quấn một phần mở tóc dài trên đầu và phần còn lại để nó buông xòa trên lưng. Cô mặc chiếc áo len chui đầu, khi ra khỏi nhà cô mặc một

mặt ra ngoài và khi ở nhà, cô lộn chiếc áo và mặc mặt kia ra ngoài. Tất cả những gì thuộc về cô đều có hai mặt như thế, một để dùng khi ở nhà và mặt kia dùng khi đi bất kỳ đâu, miễn sao nơi đó không phải là nhà mình. Cô có đáng đi lúc thì nhún nhảy như trẻ con, lúc lại lừ đừ khiến ai cũng nghĩ rằng cô đang lắng nghe một bản nhạc nào đó trong đầu. Đôi môi nhợt nhạt của cô gần như lúc nào cũng mỉm cười một cách ngớ ngẩn, bỗng sáng hồng lên vào những tối cô ra khỏi nhà, tiếng cười giòn gao, rồi rạc khi ở nhà, bỗng vang lên sáng khoải khi cô bước chân ra khỏi nhà - "Ha, ha, ngớ ngĩnh quá" - nó giống như khúc ngân của chuỗi hạt có đeo nơi cổ tay.

Thỉnh thoảng các cô lại đi dạo qua cửa hiệu hoặc đi xem phim, nhưng cũng có khi các cô ào ào như một đàn vịt qua quốc lộ đang nhộn nhịp xe cộ để đến một quán ăn bên kia đường, nơi bọn thanh niên lớn tuổi hơn thường lui tới. Quán ăn hình thù giống như một cái chai lớn mặc dù nó to bè hơn cái chai thật và trên đỉnh là hình một thằng bé đang quay tứ phía nhe răng cười toe toét, tay giơ cao một khoanh thịt bò băm viên. Một buổi tối mùa hè, giữa lúc các cô đang nín thở liếc nhìn chạy qua đường thì có một người thô đầu qua cửa sổ xe ô tô và mời họ lên xe, nhưng đó chỉ là một học sinh trung học nên các cô không thích. Họ cảm thấy tồi hơn là phớt lờ cậu ta đi. Các cô đi xuyên qua một khu đất trống ngổn ngang các loại xe ô tô và những chiếc xe bán đồ ăn được nấu ngay tại chỗ, để đến cái quán ăn náo nhiệt và đầy ruồi nói trên. Chương mặt các cô đầy vẻ mãn nguyện và háo hức như thể đang bước vào một tòa nhà linh thiêng bất ngờ hiện ra trong đêm tối và

đem đến cho họ những ân huệ của Chúa mà họ hằng khao khát. Họ ngồi bên quầy bán hàng, chân bắt chéo, đôi vai gầy của họ cũng đỡ vì xúc động, họ đang nghe nhạc và âm nhạc đã biến tất cả trở nên vô cùng tốt đẹp: Âm nhạc bao giờ cũng làm nền cho một cái gì đó, cũng giống như âm nhạc trong các buổi hành lễ ở nhà thờ.

Một chàng trai tên là Ellie bước vào quán và đến nói chuyện với họ. Anh ta ngồi trên chiếc ghế quay, đằng trước ra đằng sau. Anh quay nửa vòng trên ghế rồi dừng lại, rồi lại quay nửa vòng nữa. Lát sau, anh hỏi Connie xem cô có muốn ăn chút gì đó không. Cô nói rằng đã ăn rồi và có vỗ vào tay cô bạn đang đứng cản lối đi - cô bạn ngược nhìn cô vẻ thách thức và trông thật buồn cười. Connie nói rằng sẽ gặp cô ta vào lúc mười một giờ, ở bên kia đường. "Tôi không muốn bỏ cô ấy như thế" Connie nghiêm nghị nói, nhưng anh con trai bảo rằng bạn cô sẽ không phải đứng một mình lâu đâu. Thế rồi họ bước ra khỏi quán ăn và lên xe của Ellie. Trên đường đi, Connie chẳng biết làm gì khác ngoài việc qua tấm kính chắn gió trước xe nhìn vợ vẫn vào gương mặt những người qua đường đang quay tròn quanh cô. Gương mặt cô ngồi lên niềm vui sướng, nhưng đó không phải vì sự có mặt của Ellie cũng không phải vì khung cảnh nơi này mà có lẽ là vì âm nhạc. Cô nhún vai và hít vào lồng ngực cảm giác vui sướng thuần khiết của một cơ thể sống và đúng lúc ấy, ngẫu nhiên cô nhìn thấy một khuôn mặt chỉ cách cô vài bước. Đó là khuôn mặt một chàng trai có mái tóc đen bồm xồm đang lái chiếc ô tô cũ ọ ạch sơn màu vàng đã được tu sửa lại. Anh chàng nhìn cô chằm chằm, rồi đổi mỗi anh ngoác ra tạo thành cái cười

toe toét. Connie rời mắt khỏi anh và quay đi, nhưng rồi không thể không nhìn lại anh lần nữa và nhận thấy anh vẫn đang nhìn cô. Anh vẫy một ngón tay và cười rồi anh nói: "Anh sẽ tóm được em, cô bé ạ." Connie lại quay đi và Ellie không nhận ra điều gì cả.

Cô ở bên anh suốt ba giờ trong một tiệm ăn. Họ cùng ăn món thịt bò băm viên và uống rượu trong những chiếc cốc màu vàng như sáp ong lúc nào cũng toát hơi ẩm mát lạnh. Sau đó họ đi vào một ngõ hẻm cách chừng một dặm và khi chàng trai thả cô ra khỏi xe thì đã mười một giờ kém năm, cả khu phố chợ chỉ có rạp chiếu bóng là còn mở cửa. Cô bạn vẫn đứng chờ cô và đang nói chuyện với một anh con trai khác. Khi Connie tiến lại, hai cô mỉm cười chào nhau. Connie hỏi, "Bỏ phim thế nào?" cô kia đáp, "Thế nào thì mày phải biết chứ." Leo lên chiếc xe của ông bố, hai cô thấy buồn ngủ và thoải mái, nhưng Connie không thể không nhìn vào khu chợ tối đen với bãi đỗ xe rộng mênh mông đã trống trơn những hình ảnh của nó đã mờ dần và giờ đây nom thật ma quái. Cô cũng nhìn lại cái quán ăn, nơi những chiếc ô tô vẫn nối đuôi nhau chạy qua chạy lại không mệt mỏi. Cô không thể nghe được tiếng nhạc từ nơi xa ấy.

Sáng hôm sau June hỏi cô cuốn phim hôm qua thế nào và Connie đáp, "Cũng tầm tạm".

Tuần nào cô và cô bạn hôm trước, cũng có khi là một cô khác, cũng đi chơi như vậy đến vài lần và khoảng thời gian còn lại Connie chi quanh quẩn ở nhà - lúc đó đang là kỳ nghỉ hè - để quen dần với tính cách của mẹ, để suy nghĩ, mơ màng tới bạn con trai mà cô đã gặp. Nhưng rồi

hình ảnh tất cả bốn con trai đều nhòa đi và hòa với nhau thành một khuôn mặt duy nhất, nhưng cũng không hẳn là một khuôn mặt mà là một ý tưởng, một cảm giác hoà quyện với âm thanh gấp gáp dai dẳng của một bản nhạc và không khí ẩm ướt của đêm tháng bảy. Mẹ Connie đã kéo cô trở lại với thực tế ban ngày bằng cách tìm việc cho cô làm hoặc bất ngờ hỏi: "Thế nào rồi, cái đứa con gái nhà Pettinger ấy?"

Và Connie rụt rè nói, "Ồ, nó, Đổ ngược ấy mà". Cô luôn vạch ra những đường ranh giới rõ ràng và chắc chắn giữa cô và những cô gái như thế. Mẹ là người đơn giản và tốt bụng đủ ở mức tin vào cô. Cô cho rằng mẹ là người quá đơn giản đến mức sẽ là cô tội nếu cứ lừa bà quá nhiều. Kéo lê khắp nhà đôi dép cũ chỉ để đi trong phòng ngủ, mẹ phàn nàn trên điện thoại với một bà em về một người khác, rồi một người khác và hai bà lại phàn nàn về một người thứ ba. Khi nhắc đến tên của June, giọng nói của mẹ có biểu lộ sự hài lòng, nhưng khi nhắc đến tên cô, giọng bà tỏ ra không ưng ý. Điều đó không thật sự có nghĩa là bà ghét Connie và thật ra Connie còn cho rằng mẹ quý cô hơn June vì cô xinh hơn, nhưng cả hai mẹ con đều giả bộ khó chịu đối với nhau, một thứ tình cảm mà họ cứ phải giằng co, vật lộn vì một cái gì đó chẳng có mấy giá trị đối với cả hai. Đôi khi, trong lúc uống cà phê, họ gần như đã trở nên thân thiện, nhưng một cái gì đó xuất hiện - sự lo âu nào đó chẳng hạn, cứ như một con ruồi đột nhiên vo ve trên đầu - và thế là họ lại năng mặt lên, đẩy sự khó chịu với nhau.

Một sáng chủ nhật, khi Connie trở dậy thì đã mười một giờ - chẳng ai trong gia đình để tâm đến việc đi lễ nhà thờ cả- cô gọi đầu bếp hôm đó có thể hong tóc cả ngày dưới nắng. Cha mẹ và June sắp đi ăn món thịt nướng ở nhà một bà cô và Connie nói rằng cô không đi, cô không thích món đó. Có đảo mắt cốt để mẹ hiểu được cô nghĩ gì về cái món ăn đó. “Thế thì ở nhà một mình.” mẹ có thể thế nói. Connie ngả lưng trên chiếc ghế bệt vải bạt và nhìn mọi người ra khỏi nhà, cha cô trầm lặng và hơi đang khom người đưa xe ra khỏi nhà, mẹ cô với cái nhìn vẫn còn giận giữ và chẳng dự đi chút nào dù khi đã ngồi sau tấm kính chắn gió phía trước xe và ở hàng ghế sau là chị June già nua đáng thương ăn mặc điểm dứa như thể chị ấy không biết món thịt nướng là gì và sau hết là một bầy trẻ con hò hét chạy phía sau cùng với đàn ruồi. Connie ngồi phoir nắng, mắt nhắm lại mở màng và ngạc nhiên thấy người rạo rức cứ như đó là thứ tình cảm yếu đuối, sự vượt vè của tình yêu và tâm trí cô rơi vào những ý nghĩ về chàng trai mà cô đã đi cùng đêm hôm trước, anh thật bánh trái, lúc nào cũng ngọt ngào, không phải cái kiểu mà một số người như June vẫn tưởng tượng, mà là dịu dàng, hào hoa, giống như ở trong phim và đầy hứa hẹn như trong các bài hát, và khi mở mắt ra, cô không còn biết mình đang ở đâu, mảnh sân sau đã mọc đầy cỏ dại với một hàng rào cây xanh và phía sau nó, bầu trời xanh ngắt và tĩnh lặng. “Ngôi nhà kiểu nông trại” làm bằng chất chống nhiệt đã được ba năm nay bỗng khiến cô ngạc nhiên - trông nó thật nhỏ bé, vô lực lạc lõng cho tình hân.

Trời nóng quá. Cô đi vào trong nhà và bật radio để phá tan sự yên lặng. Cô ngồi bên mép giường, chân để trần và trong suốt một giờ rưỡi, cô lắng nghe chương trình phát thanh đặc biệt của ngày chủ nhật gọi là XYZ. Đó là những bài hát âm ỉ, dính tai nhức óc cứ nối tiếp nhau hết bài này sang bài khác và chen vào đó là những câu cảm thán đại loại như: "Ôi, cô em, hãy nhìn đây, hãy nhìn người con trai của Napoleon đây và Charley mong rằng em hãy thật chăm chú lắng nghe bài hát tiếp theo!"

Và Connie chăm chú nghe, tắm mình trong ánh sáng của niềm vui sướng đang chậm rãi lan tỏa khắp người, lan tỏa khắp căn phòng nhỏ thiếu không khí mà Connie chỉ thở ra hít vào bằng mỗi nhịp phồng lên và xẹp xuống tí chút của lồng ngực. Niềm vui đó nảy sinh một cách huyền bí từ âm nhạc.

Một lát sau cô nghe có tiếng xe ô tô tới gần. Ngay lập tức cô giật mình kinh ngạc bởi vì không thể nào cha cô lại về quá sớm như vậy. Lốp sỏi rải đường ngoài kia kêu lạo xạo - đoạn đường cho xe ô tô chạy khá dài - và Connie chạy ra cửa sổ. Đó là một chiếc xe mà Connie không hề biết. Chiếc xe cũ kỹ mùi trần, sơn màu vàng nhạt và không hắt dưới ánh nắng mặt trời. Tim cô bắt đầu đập thình thịch. Cô luồn tay vào mở tóc và tìm chặt lấy một lọn tóc. Cô thầm thì "Lạy chúa, lạy Chúa", cô tự hỏi những điều cô nhìn thấy không biết sẽ tệ hại như thế nào. Chiếc xe dừng lại trước cửa ra vào và bấm còi bốn tiếng ngắn cứ như đó là âm hiệu Connie đã biết trước.

Cô đi vào bếp và từ từ tiến lại phía cửa ra vào, rồi cô vén rèm cửa, những ngón chân trần của cô kiễng lên trên

bạc thêm. Ngồi trên xe là hai chàng trai và giờ thì cô đã nhìn rõ người lái xe: anh có mái tóc đen bờm xờm trông khó chịu như tóc giả và anh cười nhả nhả với cô "Anh không đến muộn đấy chứ?" anh hỏi.

"Quý tha ma bắt, anh nghĩ anh là ai?" Connie nói.

"Hôm nay em cần phải ra khỏi nhà, đúng không?"

"Tôi thậm chí không biết anh là ai"

Cô cau có nói, cố tỏ ra không quan tâm hoặc thích thú. và anh nói bằng giọng đều đều, hồ hồ và nhanh. Trong giây lát, Connie chuyển cái nhìn từ anh sang anh chàng kia. Đó là chàng trai mái tóc màu nâu nhạt với một lọn tóc rủ trước trán. Đám tóc mai khiến anh có vẻ vừa dữ tợn vừa bối rối, nhưng từ lúc xuất hiện đến giờ anh không hề làm phiền đến cô, thậm chí cũng chẳng buồn nhìn. Cả hai chàng trai đều đeo kính râm. Cặp kính của anh lái xe giống như bằng kim loại và mọi vật soi vào đó đều bị thu nhỏ lại. "Em có thích đi xe không?" anh hỏi.

Connie cười ngớ ngẩn và hất đầu để mái tóc đổ dài xuống vai. "Em không thích cái xe của anh sao? Mới sơn lại đấy", anh nói. "Này"

"Cái gì"

"Em xinh lắm".

Cô làm một động tác vờ như đang đuổi ruồi trên cánh cửa.

"Em không tin anh à, Sao vậy?"

"Nhìn đây, tôi thậm chí không biết anh là ai", Connie phẫn nộ nói.

"Này Ellie đã mua một cái radiô rồi đấy, nhìn này. Cái của anh bị vỡ mất rồi." anh nhắc tay anh bạn ra và chỉ cho

có một cái đài bán dẫn nhỏ anh bạn kia đang cầm và giờ thì Connie bắt đầu nghe thấy tiếng nhạc. Cũng là một chương trình ca nhạc như trong nhà.

“Bobby King à?” cô hỏi.

“Lúc nào anh cũng thích nghe hần. Anh nghĩ hần là một người vĩ đại”

“Anh ta thuộc những người tuyệt vời”, Connie do dự nói: “Nghe này, hần là một con người tuyệt vời. Hần biết hành động ở đâu.”

Connie hơi đỏ mặt, vì cặp kính anh đang đeo đã khiến cô không thể biết anh đang nhìn gì. Cô không thể khẳng định được cô có thích anh không, hoặc có phải anh chỉ là một thằng ngốc hay không và vì thế cô cứ đứng ì ra trên ó cửa ra vào, không xuống đường cũng không vào nhà. Cô hỏi: “Cái gì sơn trên xe anh thế kia?”

“Ìm không đọc được à?” Anh thận trọng mở cửa xe như thể sợ nó sẽ rơi xuống đất. Anh trườn ra ngoài xe cũng cẩn thận như vậy và đặt chân trên mặt đất một cách vững chãi. Cái thế giới nhỏ bé giống như kim loại trong cặp kính của anh đang chuyển động chậm chạp chẳng khác gì miếng thạch trong suốt đang đông lại và giữa cái thế giới đó là chiếc áo khít màu xanh lá cây nhạt của Connie. Chữ ARNOLD FRIEND được viết bằng thứ mực đen như hắc ín ở trên mặt xe cùng với hình vẽ mặt khuôn mặt trên người nhàn nhò khiến cô liên tưởng tới quả bí ngô. Chỉ có khác là bộ mặt kia đeo kính. “Xin tự giới thiệu, anh là Arnold Friend, đó là tên thật và anh sẽ là bạn em, em y như ạ. Còn người ngồi trong xe kia là Ellie Oscar, anh ấy hay xấu hổ lắm.” Ellie nâng chiếc đài bán dẫn đặt lên vai và

giữ cho nó cân bằng." Còn những con số này là mật mã đấy, em yêu à, "Arnold Friend giải thích. Anh đọc các số 33, 19, 17 và những mảy nhìn cô để xem cô nghĩ gì về những cái đó, nhưng cô chẳng nghĩ gì cả. Cái chấn bùn phía sau bên trái đã bị vỡ nát và quanh nó, trên nền màu vàng của chiếc xe còn phản chiếu đôi chút ánh sáng là dòng chữ viết tay - ĐIỀU KHIỂN CHIẾC XE NÀY LÀ MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ ĐIỀU. Connie phá lên cười. arnold friend thích thú nhìn cô, "phía bên kia xe còn nhiều điều thú vị nữa cơ, em có muốn xem không?"

"Không."

"Sao lại không?"

"Sao tôi lại phải xem?"

"Ìm không muốn xem chiếc xe ra sao à? Ìm không muốn đi xe hay sao?"

"Tôi không biết".

"Sao lại không?"

"Tôi còn phải làm việc".

"Chẳng hạn là việc gì?"

"Mọi việc".

Anh cười cứ như cô đang nói những điều kỳ quặc. Anh vỗ đùi. Anh đứng trong tư thế kỳ lạ, tựa lưng vào xe cứ như anh đang cố giữ thăng bằng. Anh không phải là người cao lớn, nếu cô bước xuống và đứng ngang với anh thì anh chỉ cao hơn cô chừng 2-3 cm thôi. Connie thích cách ăn mặc của anh, lối trang phục mà tất cả bọn họ vẫn mặc: quần bò bó sát người và đã ngả màu đen, đôi giày cao cổ đã mòn vẹt, chiếc thắt lưng ngang eo làm nổi bật thân hình khỏe mạnh và rắn chắc, và chiếc sơ mi trắng hơi bẩn để

lộ những bắp thịt nhỏ và rắn chắc của cánh tay và vai. Nhìn anh có thể đoán rằng anh đã lao động nặng, đã phải mang vác cái gì đó. Thậm chí người ta thấy cả cơ bắp chắc nhỏ ở cổ anh. Khuôn mặt có phần quen quen - hàm, cằm và gò má hơi đen vì đã một hai ngày anh không cạo râu, và chiếc mũi dài và khoằm như mũi điều hâu đang hít hít như Connie là một món đồ thú vị mà anh sắp nuốt chửng, và với anh thì việc đó chỉ là một trò đùa.

"Connie, em chẳng nói thật gì cả. Hôm nay là ngày em dành để đi chơi với anh và em biết điều đó mà", anh vào vừa nói vừa cười. Cái cách anh cố tỏ ra nghiêm chỉnh và nén cười chứng tỏ mọi cái chỉ là đùa thôi.

"Anh có biết tên tôi là gì không?" Connie ngờ vực hỏi.

"Là Connie".

"Cũng có thể đúng mà cũng có thể sai".

"Anh biết Connie của anh chứ, anh nói và vẫy một ngón tay. Bấy giờ thì cô nhớ ra anh rồi. Cái anh chàng ở đằng sau tiệm ăn, và gò má cô nóng lên khi nhớ lại cô đã thờ như thế nào vào cái lúc đi ngang qua anh - và cô đã nhìn anh như thế nào. Và anh vẫn còn nhớ cô. "Ellie và anh đến đây là vì em đấy", anh nói. "Ellie có thể ngồi ở ghế sau. Được không nào?"

"Ở đâu thế?"

"Đâu cái gì?"

"Chúng ta sẽ đi đâu?"

Anh nhìn cô. Anh bỏ kính ra và cô nhận thấy làn da quanh mắt anh sao lại tái xanh đến thế khiến cho đôi mắt như hai cái hố không phải trong bóng tối mà là trong ánh sáng. Đôi mắt anh như hai mảnh thủy tinh vỡ đang lấp lánh

một cách dễ thương. Anh mỉm cười. Hình như anh chợt nảy ra ý nghĩ sẽ lái xe đến một nơi nào đó.

"Chỉ có thể đi xe thôi, Connie yêu dấu"

"Tôi đã bao giờ nói tôi là Connie đâu," cô nói.

"Nhưng anh biết đó là tên em. Anh biết tên em và biết mọi thứ về em, nhiều lắm". Arnold Friend nói. Anh không hề nhúc nhích mà vẫn đứng yên, lưng tựa vào chiếc xe cộc cạch của mình. "Anh đặc biệt để ý đến em, một cô gái mới xinh đẹp làm sao, và anh đã tìm hiểu tất cả về em, chẳng hạn anh biết cha mẹ và chị em đang đi vắng và anh biết họ đi đâu, bao giờ thì về, anh còn biết đêm qua em đi với ai và cô bạn thân nhất của em là Betty. Có đúng không nào?"

Giọng anh trầm bổng, cứ như anh đang đọc thuộc lòng một bài hát vậy. Nụ cười của anh như bảo đảm với cô rằng mọi việc đều tốt đẹp cả thôi. Trong xe, Ellie vịn to cái đài bán dẫn và anh không để ý đến họ.

"Ellie có thể ngồi ghế sau", Arnold Friend nói. Anh hát hăm ra hiệu cho bạn cứ như Ellie chẳng có ý nghĩa gì cả và Connie không nên để ý đến anh ta làm gì.

"Làm sao mà anh biết được tất cả những điều đó?" Connie hỏi.

Nghe đây, Betty Schultz và Tony Fitch và Jimmy Pettinger và Nancy Pettinger", anh nói từng nhịp một như đọc Thánh ca. "Rayond Stanley và Bob Hutter."

"Anh biết tất cả lũ choai choai ấy à?"

"Anh biết tất cả"

"Trông kìa, anh là đồ lừa đảo. Anh không phải là người ở quanh đây."

“Bảo đảm rằng anh là người ở đây”

“Vậy sao trước đó bọn tôi lại không biết anh?”

“Chắc chắn là em đã trông thấy anh rồi”, anh nói. Anh nhìn xuống đôi giày của mình có vẻ hơi khó chịu. “Em chỉ không nhớ ra thôi”.

“Tôi đoán rằng tôi còn nhớ anh”, Connie nói.

“Vậy à?” Anh nhìn lên, rưng rưng. Anh đang hài lòng. Anh bắt đầu đánh nhịp theo tiếng nhạc phát ra từ chiếc đài bán dẫn của Ellie, hai nắm tay đập nhẹ vào nhau. Connie rời mắt khỏi khuôn mặt tươi vui của anh và nhìn sang chiếc xe. Chiếc xe sơn màu sáng chói đến nỗi Connie hơi lóa mắt. Cô nhìn cái tên, ARNOLD FRIEND. Và phía trên cái chần bunn đăng trước xe là hàng chữ quen thuộc, NGƯỜI TRÊN ĐĨA BAY. Đó là lối nói mà bọn trẻ con vẫn dùng hồi năm ngoái, nhưng năm nay thì không dùng nữa. Cô nhìn hàng chữ một lát tựa như nó ám chỉ một cái gì đó đối với mình mà cô không biết. “Em nghĩ gì vậy? Hả?” Arnold Friend hỏi. “Em không sợ ngồi trong xe gió sẽ làm rối tung mái tóc của em đấy chứ?”

“Không”

“Hay em nghĩ anh lái xe không thạo?”

“Làm sao mà biết được?”

“Em thật là một đứa con gái cứng đầu khó bảo. Sao thế nhỉ? Em có biết rằng anh là bạn em không? Em không thấy là anh đã ra hiệu cho em khi em đi qua à?”

“Ra hiệu gì?”

“Dấu hiệu của anh ấy”. Anh vung tay vẽ thành chữ X trong không gian và nghiêng người về phía cô. Họ chỉ còn

cách nhau khoảng hơn hai mét. Khi anh thả tay xuống, chữ X vẫn còn thấy rõ trên không.

Cô mặc đồng màn che cửa lại và đứng chết lặng bên trong. Cô lắng nghe tiếng nhạc vọng ra từ chiếc radio của cô và hình ảnh người con trai đang hòa quyện vào trong đó. Cô chầm chầm nhìn Arnold Friend. Anh đứng kia, thoải mái một cách gượng gạo, hoặc cố tỏ ra thoải mái, một tay đặt hồ lên cái tay cầm ở cửa xe cữ như anh đang giữ cho mình đứng thẳng và không có ý định bỏ đi. Cô nhận ra hầu hết mọi thứ của anh, chiếc quần bò bó sát đùi và mông, đôi giày cao cổ bằng da bóng lộn, chiếc sơ mi cũng bó sát người và ngay cả nụ cười vừa lấu cá vừa thân thiện của anh, nụ cười mở ngủ họn con trai vẫn thường nặn ra để diễn đạt một cái gì đó mà chúng không muốn nói thành lời. Cô nhận ra tất cả những cái đó, cả lối nói như hát của anh vừa giễu cợt, xỏ lá, nhưng cũng vừa nghiêm túc, có chút gì hơi buồn và cô cũng nhận ra cái cách anh đập hai tay vào nhau. Nhưng tất cả những điều đó không ăn nhập với nhau.

Bất ngờ cô hỏi: "Này, thế anh bao nhiêu tuổi?"

Anh mỉm cười héo hắt. Lúc đó cô chợt thấy anh không phải là một cậu bé, anh phải tới ba mươi hoặc hơn. Nghĩ vậy, tim cô bắt đầu đập nhanh hơn.

"Thật là một câu hỏi điên rồ. Làm không nhận ra anh cùng tuổi với em sao?"

"Không thể như thế được".

"Hoặc có thể hơn một, hai tuổi thôi, anh mười tám.

"Mười tám?" Cô nhắc lại một cách ngờ vực.

Anh há miệng cười để khẳng định lại câu trả lời, và để lộ những nếp nhăn đã xuất hiện quanh mép. Hàm răng của anh to và trắng. Anh cười, miệng há rộng đến nỗi đôi mắt chỉ còn là những khe hở và có thấy hàng lông mi của anh mới dấy làm sao, dày và đen cứ như nét vẽ bằng hắc ín. Thế rồi hình như cảm thấy xấu hổ, anh đột ngột ngoái nhìn Ellie. "Hắn, hắn là một thằng điên" anh nói. "Hắn không phải là một tên côn đồ, hắn là một người cuồng nhiệt, một nhân vật có thật". Ellie vẫn đang nghe nhạc, Cặp kính trên mặt khiến chẳng ai biết anh ta đang nghĩ gì. Anh mặc chiếc sơ mi màu xanh lơ và không hề nổi cơ bắp như Arnold Friend. Cổ áo dựng đứng và hai đầu nhọn của nó chìa vào cảm cứ như chúng đang bảo vệ. Anh đang áp chiếc đài bán dẫn vào sát tai và ngồi ngây ngời, ngay giữa nắng."

"Anh, ấy là một người kỳ lạ." Connie nói.

"Ái chà, có ta nói mày là một người kỳ lạ! Một người kỳ lạ!" Arnold Friend hét lên. Anh đập thình thịch vào xe để làm cho Ellie chú ý. Lần đầu tiên, Ellie quay lại và Connie giật mình thấy anh ta cũng không phải là một cậu bé - anh có khuôn mặt nhẵn nhụi và điển trai, gò má hơi đỏ cứ như các mạch máu dồn cả lên da mặt, đó là khuôn mặt của đứa trẻ bốn mươi. Cảnh tượng ấy khiến Connie cảm thấy một luồng điện đang lan khắp người khiến cô choáng váng, và cô nhìn anh chằm chằm như để chờ đợi một cái gì đó sẽ làm thay đổi trạng thái choáng váng, khiến mọi thứ trở lại bình thường. Đối với Ellie mấp máy, những từ ngữ phát ra lí nhí và nổ tung trong tai anh.

"Tối hơn hết là cả hai anh đi đi." Connie yếu ớt nói,

“Cái gì? Sao lại thế?” Arnold kêu lên. “Bọn anh đến đây để đưa em lên xe đi chơi. Hôm nay là chủ nhật kia mà”. Anh có giọng nói giống giọng người đàn ông đang nói trong radio. Cùng một giọng nói, Connie nghĩ. “Em có biết cả ngày hôm nay là chủ nhật không và em yêu ơi, dù đêm qua em có đi với ai chăng nữa thì hôm nay em cũng phải đi với Arnold i'riend này và em chớ quên điều đó! - Tối hơn hết là em hãy bước xuống đây,” anh nói và câu cuối cùng là một giọng khác hẳn. Nó có phần kiên quyết hơn, cứ như là cái nóng cuối cùng đã nhập vào anh.

“Không đâu, tôi có nhiều việc phải làm”.

“Úi chà.”

“Các anh nên đi đi thì hơn”.

“Bọn anh sẽ không rời đây nếu em không cùng đi”

“Không đời nào”

“Connie, đừng có xử sự một cách ngớ ngẩn với anh như thế. Ý anh muốn nói là, anh muốn nói là, đừng nên lãng phí thời gian nữa. Anh vừa nói và lắc đầu. Anh cười có vẻ ngờ vực. Anh đặt cái kính lên đỉnh đầu một cách thận trọng cứ như đang đội tóc giả và anh để phần đuôi của gọng kính thẳng xuống phía sau tai. Connie nhìn anh chằm chằm, lại một luồng điện nữa và thêm nỗi sợ hãi cứ dâng lên trong cô, cho nên vào cái lúc không nhìn rõ anh và anh chỉ còn là một cái bóng mờ mờ đang đứng tựa vào xe thì cô nghĩ rằng trước đó anh đã lái xe bỏ đi, nhưng anh trở lại từ một nơi vô định và chẳng thuộc về đâu cả, rằng mọi thứ quanh anh, thậm chí cả bản nhạc rất quen thuộc với cô cũng chỉ như thật, như hư mà thôi.

“Nếu cha tôi về mà thấy anh thì...”

“Ông chưa về đâu. Ông đang ngồi bên vỉ thịt nướng.
Sao anh biết?”

Ở nhà cô Tillie. Bây giờ thì họ đang- ực -họ đang uống rượu. Đang ngồi quây quần bên nhau”, anh nói về mơ hồ, mắt nhắm lại cứ như đang dõi nhìn mọi ngã đường đi lên thị trấn và nhìn vào cái sân sau nhà cô Tillie. Thế rồi hình như nhãn quang của anh trở nên rõ ràng và anh gật đầu một cách chắc chắn. “Đúng rồi. Họ đang quây quần bên nhau. Chị gái em mặc áo xanh da trời, đúng không? Và kia là đôi giày cao gót, con chó cái buồn bã đáng thương - chẳng có gì giống em cả, người yêu của anh! Và mẹ em đang giúp một bà béo nào đó làm ngô non, họ đang rửa ngô non, đang bóc ngô non ”

“Bà béo nào nhĩ?” Connie kêu lên.

“Làm sao mà anh biết được bà béo ấy là ai. Anh đâu biết tất cả các bà béo phệ trên đời này!” Arnold Friend cười.

“Ồ, đó là bà Hornby... Ai mời bà ấy nhĩ?” Connie nói. Cô thấy hơi chóng mặt. Hơi thở cô bắt đầu dồn dập.

“Bà ta quá béo. Anh chẳng ưa những người béo. Anh thích những người như em, em yêu ạ, anh vừa nói vừa mỉm cười, mắt lim dim nhìn cô. Họ chăm chăm nhìn nhau giây lát qua bức rèm cửa. Anh nhẹ nhàng nói. “Bây giờ điều em sẽ làm là: đi ra khỏi cái cửa này. Em sẽ ngồi phía trước với anh, Ellie sẽ ngồi phía sau, mặc xác Ellie, đúng không?” Hôm nay không phải ngày của Ellie. Em mới là người mà anh hẹn gặp. Anh là người tình của em mà, em yêu

“Cái gì? Anh điên à?”

“Đúng rồi, anh là người yêu của em. Giờ thì em chưa biết cái đó nghĩa là gì đâu, nhưng rồi em sẽ biết,” anh nói. “Anh thì biết rõ cả rồi. Anh biết tất cả về em. Nhưng nhìn này: nó đẹp thật đấy và em sẽ không thể tìm được ai hơn anh đâu, hoặc lịch sự hơn anh đâu. Anh luôn giữ lời hứa. Anh sẽ bảo em cái đó là thế nào, anh bao giờ cũng cư xử tốt lúc đầu, lần đầu tiên ấy. Anh sẽ ôm em thật chặt để em sẽ không nghĩ rằng cần cố thoát ra ngoài, hoặc vờ vịt làm cái gì đó, bởi vì anh biết là em không thể làm gì được đâu. Và anh sẽ vào trong em, vào cái nơi hoàn toàn bí mật ấy và em sẽ khát phục anh thôi và em sẽ yêu anh.”

“Câm mồm đi! Anh điên đấy à!” Connie nói. Cô rời khỏi cửa. Hai tay cô bịt chặt lấy tai như thể đang nghe thấy một cái gì đó thật khủng khiếp, một cái gì đó không phải dành cho cô. “Có ai lại nói như thế bao giờ, anh là một thằng điên,” cô lẩm bẩm. Trái tim cô lúc này dường như quá lớn đối với lồng ngực và tiếng đập của nó khiến mồ hôi cô toát ra khắp người. Cô nhìn ra ngoài để ngó Arnold Friend lúc ngã khụy. Nhưng như một người khôn ngoan say rượu, hấn lấy lại thăng bằng, xiêu vẹo trong đôi giày cao cổ và bất chợt bám lấy một trong những cái cột của cổng vòm.

“Tim yêu ơi?” hấn nói. “Tim vẫn đang nghe đấy chứ?”

“Hãy rút khỏi đây!”

“Ngao nào, em. Hãy nghe anh nói đây...”

“Tôi sẽ gọi cảnh sát.”

Hấn lại loạng choạng và từ miệng hấn thốt ra một câu chữ nhưng không phải để cho cô nghe thấy. Ngay cả từ “Lạy Chúa!” cũng được nói ra một cách miễn cưỡng. Thế rồi hấn lại mỉm cười. Cô nhìn thấy nụ cười đó đang tiến

lại, vụng về như hấn đang cười từ sau chiếc mặt nạ. Toàn bộ khuôn mặt hấn là chiếc mặt nạ, cô nghĩ vợ vẫn, phần cổ của hấn sạm lại vì rám nắng nhưng mặt lại nhợt nhạt cứ như hấn đã trát vữa lên mặt nhưng lại quên trát ở cổ.

"Em yêu nghe đây, nó là thế này này. Anh bao giờ cũng nói thật và anh hứa với em điều này: anh sẽ không theo em vào nhà đâu"

"Tốt hơn là anh đừng vào! Tôi sẽ gọi cảnh sát nếu... anh nếu anh không..."

"Này em, " hấn nói, cắt ngang lời cô, "em yêu, Anh không vào trong đó, nhưng em thì sẽ ra đây. Em biết vì sao chứ?"

Cô thở hỗn hển. Cái bếp giống như một nơi cô chưa từng thấy bao giờ, đó là một cái phòng bất kỳ mà cô đã chạy vào, nhưng không phải là cái phòng tốt, nó không giúp được gì cho cô. Sau bao năm trời, cửa sổ bếp vẫn chẳng có được cái rèm che, và những chiếc đĩa trong bồn rửa bát kia là để cho cô rửa - chắc chắn là thế - và nếu với tay qua bàn, chắc sẽ cảm thấy cái gì đó nhơm nhớp.

"Làm có nghe không đấy, hả em yêu?"

"Sẽ gọi cảnh sát."

"Ngay khi em đặt tay vào điện thoại, anh sẽ không cần phải giữ lời hứa nữa và có thể sẽ vào nhà. Em không muốn thế chứ"

Cô lao về phía trước và tìm cách cài cửa lại. Những ngón tay của cô run rẩy.

"Nhưng sao lại đóng cửa", Arnold Friend nhẹ nhàng nói, giọng nói của hấn ở ngay trước mặt cô. "Nó chỉ là cái khung cửa có rèm che thôi mà. Nó có là cái gì đâu". Một chân giày của hấn nghiêng đi một cách kỳ lạ, như thể chân hấn không có trong đó. Mũi giày chìa sang bên trái và

chiếc giấy gấp lại ở cổ chân, “Anh muốn nói là bất kỳ ai cũng đều có thể đi qua cái cửa này, và nếu cần thì dù là thủy tinh, gỗ...”

“Thế này nhé, em yêu: em ra đây và chúng ta sẽ phóng xe đi, sẽ có một chuyến đi tuyệt vời. Nhưng nếu em không ra, bọn anh sẽ chờ cho đến khi người nhà em về, rồi tất cả bọn họ sẽ nhận được cái đó.”

“Cậu muốn đưa điện thoại ra ngoài à?” Ellie hỏi. Hấn nhấc cái radio ra khỏi tai và nhấn nút như là thiếu cái radio thì không khí sẽ trở nên quá nhiều đối với hấn.

“Tao đã bảo là cảm mạo đi cơ mà, Ellie”. Arnold Friend nói. “Mày điếc à, hãy đeo cái máy nghe vào, hiểu chưa? Hãy tự thu xếp lấy cho mình. Có bé này sẽ không gây rắc rối gì đâu và cô ấy sẽ chiều tao, cho nên Ellie, mày hãy cố nhịn nhé, hôm nay không phải là ngày của mày, đừng không nào? Đừng có mà cản trở tao. Đừng lấn phần của tao. Đừng có phá đám. Đừng có bám theo tao, “hấn nói giọng hấp tấp và vô nghĩa, cứ như đang chạy qua tất cả các nhóm từ mà hấn đã học nhưng không có dám chắc đâu là những từ thích hợp, thế là hấn lại đâm bổ sang các từ mới và cứ nhắm mắt lại mà ghép chúng với nhau, “Đừng có quanh quẩn bên các đồ của ta, đừng chui vào cái hang con sóc chuột của tao, đừng hít khói keo của tao, vứt kem que của tao, hãy giữ lấy những ngón tay dính đầy mỡ của mày ở trên người mày ấy!” Mắt hấn tối lại khi nhìn chằm chằm Connie lúc này đang tựa người vào cái bàn trong nhà bếp. “Đừng để ý đến hấn, em yêu ạ, hấn chỉ là một thằng ma có, Hấn là một thằng ngu. Hiểu

không? Anh mới là một chàng trai cần cho em và cũng giống như anh đã nói là em sẽ ra ngoài này, xinh đẹp như một quý bà, em sẽ đưa tay cho anh và sẽ không có ai khác bị đau đớn gì cả, anh muốn nói đến ông bố già hói đầu tốt bụng của em, và mẹ em cùng chị em đang đi đôi giày cao gót kia. Bởi vì hãy nghe này: Sao lại đưa họ vào đó?"

"Hãy để tôi yên," Connie thì thào.

"À, em biết bà già ở cuối đường kia chứ, một bà già với bầy gà và đồ đạc, em biết bà ấy chứ?"

"Bà ấy chết rồi!"

"Em không thích bà ấy phải không?"

"Bà ấy chết rồi, bà ấy không còn ở đây nữa."

"Nhưng em không thích bà ấy phải không, anh muốn nói là em đã làm cái gì đó chống lại bà ấy phải không? Em đã ghen tức hoặc cái gì đó chẳng hạn?" Lúc đó giọng hắn trầm xuống, cứ như hắn đang cảm nhận được một sự thô bạo nào đó. Hắn chạm vào cái kính vẫn đang vắt vẻo trên đỉnh đầu như xác định rằng nó vẫn còn đấy. "Giờ thì em sẽ ngoan nhé."

"Anh định làm gì?"

"Chỉ có hai việc thôi, hoặc có thể là ba." Arnold Friend nói. "Nhưng anh hứa là sẽ không kéo dài đâu và em sẽ thích anh như em đã thích cái người mà em đã gần gũi ấy. Em sẽ làm như thế. Với em, ở đây như thế là xong, nào ra

ngươi này ư. Lan không muốn người nhà của em gặp rắc rối đây chứ!”

Cô quay người và vấp phải cái ghế hay một vật nào đó khiến cô thấy đau ở chân, nhưng vẫn chạy vào căn phòng phía sau và nhấc điện thoại. Một cái gì găm giữ trong tai cô, tiếng găm rất nhỏ, và cô thấy nôn nao bởi nỗi sợ hãi rằng cô sẽ không thể làm gì được, ngoài việc phải lắng nghe tiếng găm đó - cái máy điện thoại nhộp nháp và rất nặng. Những ngón tay của cô dò tìm các ô số trên máy nhưng chúng không chạm tới các ô số vì quá yếu. Cô bắt đầu gào vào trong máy, vào trong tiếng găm kia. Cô gào thét, cô gọi mẹ cô cảm thấy hơi thở mình bắt đầu giãn giãn trong lồng ngực cứ như là Arnold Friend đã dùng một vật gì đó để đâm cô và hấn cứ đâm đi đâm lại mãi mà cô không thấy đau. Cô tiếng than khóc buồn bã bao phủ lấy cô và cô bị vây hãm trong đó cũng giống như cô bị giam hãm trong ngôi nhà này.

Lát sau cô lại nghe thấy tiếng rên rĩ đó. Cô ngồi xuống sàn và tựa tấm lưng ướt át vào tường.

Từ ngoài cửa, Arnold Friend đang nói, “Đó là một cô gái ngoan. Đặt lại điện thoại vào chỗ cũ đi”.

Cô đá máy điện thoại ra xa.

“Không phải thế em à. Cầm nó lên. Đặt nó vào đúng chỗ cũ đi.

Cô nhặt máy lên và đặt vào chỗ cũ. Tiếng ồn ào trong máy ngừng hẳn.

“Thế mới là một cô gái ngoan. Giờ thì ra ngoài này.”

Cô không còn ý thức gì về cái mà cô đã sợ hãi lúc trước, giờ đây cái đó chẳng còn là gì cả. Những tiếng gào thét đã xua tan nó khỏi cô. Cô ngồi, một chân co lại, cái gì đó như tia sáng nhọn hoắt cứ ngoáy sâu vào đầu khiến cô không sao thoải mái được. Cô nghĩ mình sẽ không còn được gặp mẹ nữa. Cô nghĩ sẽ không còn được ngủ trên chiếc giường của mình nữa. Chiếc áo màu xanh lá cây nhạt của cô ướt đẫm.

Arnold Friend nói to và nhẹ nhàng như giọng nói trên sân khấu. "Cái nơi mà em đã ra đi không còn nữa và nơi em định đến cũng đang bị hủy bỏ. Nơi em đang ở đây - trong nhà của cha mẹ - chỉ là một cái hộp các tông không hơn không kém mà anh có thể giật đổ nó bất kỳ lúc nào. Em biết điều đó và đã luôn luôn biết điều đó. Em vẫn đang nghe anh nói đấy chứ?"

Cô tự nhủ mình phải suy nghĩ. Mình phải biết cần làm gì. "Chúng ta sẽ đến một cánh đồng đẹp bên ngoài xứ sở này, nơi ngọt ngào hương thơm và đầy nắng." Arnold Friend nói. "Anh sẽ ôm em thật chặt để em sẽ thấy không cần phải tìm cách bỏ đi và anh sẽ cho em thấy yêu là thế nào, nó ra sao. Cái nhà chết tiệt này! Trông nó vững chắc thật." Hắn nói. Hắn để rơi một cái móng tay xuống cái rèm che và tiếng động của nó không làm Connie rung mình tựa như cái móng tay đã ở đó từ hôm trước rồi. "Bây giờ hãy đặt tay lên ngực đi, em yêu. Có cảm thấy điều đó không? Đó là những cảm giác rõ ràng nhưng chúng ta sẽ hiểu nó tương tận hơn kia, hãy ngoan với anh, hãy dịu dàng như em vẫn dịu dàng, bởi vì với một cô gái như em còn có

gì khác ngoài sự dịu dàng, xinh đẹp và phục tùng? Rồi ra đi trước khi người nhà của em trở về?"

Cô cảm thấy trống ngực đập thình thình. Hình như tay cô đang giữ chặt lấy trái tim. Lần đầu tiên trong đời cô nghĩ rằng chẳng có gì là của cô, là thuộc về cô, ngoài tiếng nện thình thịch của trái tim, cái vật đang sống trong cơ thể này thật ra cũng không phải là của cô.

"Tôi không muốn họ bị đau đớn." Arnold Friend vẫn tiếp tục nói. "thì hãy đứng dậy, em yêu. Hãy tự mình đứng đi."

Cô đứng dậy.

"Giờ thì quay về phía này. Thế. Lại đây với anh Ellie, cái cái này đi, tao đã bảo mày rồi kia mà? Thằng ngu. Mày là một thằng ngu lắm ngu hại." Arnold Friend nói. Giọng hắn không có gì là giận dữ mà có phần giống như đang niệm thần chú. Câu thần chú đó thật dễ chịu. "Bây giờ em yêu hãy ra khỏi nhà bếp, lại đây với anh và hãy cười lên nào, cố lên nào, em là một cô bé dịu dàng và dịu cảm. Lúc này họ đang ăn ngô non và xúc xích đã được nướng trên đồng lửa ngoài cửa kia, họ không biết điều gì đã đến với em và cũng chẳng bao giờ biết cả. Và em yêu, em tốt hơn họ nhiều bởi vì không một ai trong bọn họ có thể làm việc đó vì em"

Connie đã nhận ra được cái thảm dưới chân cô, nó lạnh thật. Cô vuốt tóc ra phía sau để nó khỏi rũ xuống mắt. Arnold Friend ngập ngừng buông cái cột ra và dang tay về phía cô, khuỷu tay chĩa vào nhau, cổ tay buông thõng như để thể hiện một cái ôm có phần bối rối và ngớ ngẩn,

hắn không muốn làm cho cô có ý thức về sự tồn tại của bản thân mình.

Cô rời khỏi bức rèm. Cô thấy mình đang chầm chậm mở cửa cứ như cô đã lại an toàn ở một nơi nào đó, trong cái cửa khác và đang nhìn cái cơ thể kia, cái đầu có mái tóc dài đang chuyển động ra khoảng không đầy nắng, nơi Arnold Friend đang chờ đợi.

"Cô gái có đôi mắt xanh bé hóng dậu dằng của tôi." Hắn nói nửa như hát trong tiếng thở dài, nhưng hình như câu nói đó chẳng liên quan gì tới đôi mắt nâu của cô mà nó được cất lên chỉ bởi ánh mặt trời chan hòa đã lan tới mảnh đất phía sau hắn và sáng rọi lên toàn bộ con người hắn, mảnh đất tràn đầy ánh nắng quá rộng lớn đến mức trước đó Connie chưa hề nhìn thấy và cô cũng không nhận ra điều gì cả ngoại trừ một điều, đó là cô đang đến với mảnh đất ấy.

LARRY BROWN

PHAN THU HIỂN dịch

LÀM PHÚC

Larry Brown sinh năm 1951 tại Mississippi, là một nhà văn có tác phẩm được giới thiệu rộng khắp nước Mi. Tập truyện ngắn đầu tiên của ông Đối diện với âm nhạc đoạt giải thưởng văn học năm 1989 của Viện nghệ thuật và ngôn từ Mississippi. Ngoài ra ông còn là tác giả của các cuốn tiểu thuyết Công việc bán thiu, Joe, và tập truyện ngắn Mỗi tình lớn xấu xa năm 1993.

Hôm đó, quãng giữa buổi chiều, tôi đang ngồi trong một quán bar, hút điếu thuốc cuối cùng của mình. Tôi đã uống khá nhiều, do một số lý do. Ngoài trời nóng và chói chang, trong quán mát và tối, đó là một lý do khiến tôi vào quán. Nhưng lý do chính là vì vợ tôi vừa bỏ đi theo một gã nào đó.

Bất ngờ, một đứa bé bước vào quán. Nó còn nhỏ lắm. Tất nhiên trẻ con không được phép vào những nơi

như thế này. Khi vào quán bar, bạn không được dắt trẻ con theo. Thằng bé bước vào, đúng lúc tôi định ra xe của mình lấy bao thuốc khác. Tôi không nhớ rõ lúc đó có những ai trong phòng. Có một vài ông già mà tôi nghĩ có lẽ đã hơi say. Trong đó tôi biết một ông chơi golf, thường chiều nào cũng tới đây với đôi tay run rẩy, uống bia hơi, đúng ba ly không hơn không kém, rồi kể những chuyện đùa tặc tũ đến nỗi bạn phải bịt chặt tai và lắc đầu mà không thể cười nổi nếu không phải một người tếu. Tôi thì chẳng khi nào thuộc loại người có tính khí vui vẻ quá. Tôi biết mấy người đang ở trong quán thế nào cũng đuổi thằng bé ra ngoài.

Nhưng có vẻ không ai muốn thế. Thằng bé trông không lương thiện lắm. Lúc nó bước vào, tôi linh cảm sẽ có điều gì đó không hay. Nó có đôi mắt hốt hoảng, hãi sợ.

Harry, người phục vụ trong quán là một chàng trai bấp thập nở nang và để râu. Lúc đó Harry đang ngồi rửa ly, khi ngẩng lên, anh ta thấy thằng bé đã đứng đó. Nó đi đôi giày thể thao màu xanh, quá khổ. Có ấn tượng là thằng bé vừa đi lang thang trên đường một chặng dài lắm.

Harry đứng lên một chút và hỏi: "Mày muốn gì, thằng nhóc?". Tôi có thể thấy trong tay thằng bé có ít tiền lẻ. Nó đứng nơi bậc cầu thang, khuỷu tay bám chặt vào những song sắt, du mình lên.

Tôi không nghĩ quá đi nhưng thằng bé có vẻ thường xuyên phải ăn đói. Phải đến hai, ba tháng nó chưa cắt tóc.

- Cháu cần một bao thuốc - thằng bé nói. Tôi nhìn Harry, đoán ra điều anh ta sẽ nói. Anh ta lắc đầu quầy quậy.

- Không thể bán thuốc lá cho mày được, - Harry nói.
- Mày quá nhỏ.

Tôi tưởng thằng bé sẽ nói lại Harry vài câu xác xược. Nhưng không. Nó thốt lên: "Ồ" nhưng vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Nó nhìn tôi. Tôi biết điều gì đó sắp xảy ra nhưng tôi cố không nghĩ đến điều đó. Tôi đã có quá đủ chuyện rắc rối cho bản thân rồi.

Harry quay lại việc rửa ly chén, còn tôi uống thêm một ly bia khác. Tôi cố gắng để dừng lại, nhưng ngoài trời nắng khùng khiếp và tôi có cả một gánh nặng những nỗi thương thân. Giá mà tôi cứ ngồi nguyên nơi tôi đang ngồi cho tới khi mặt trời lặn, rồi về nhà, không bị vướng vào vụ đó, thì đã khỏe biết bao.

Không ai chú ý đến thằng bé nữa. Nó không tạo nên tiếng động nào, không làm gì khiến người ta phải để mắt tới nó. Nó buông tay khỏi những song sắt bước xuống cầu thang và tôi nhìn theo đầu thằng bé xa dần ra phía cửa.

Nhưng rồi nó quay mặt lại, hướng vào góc tôi ngồi, giơ tay ngoắc tôi. Tôi không nói gì, chỉ nhìn nó. Tôi chẳng thể nói gì, còn nó, mắt hướng lên và một ngón tay ngoắc ngoắc tôi.

Tôi nhìn xuống ly bia và chờ cho thằng bé đi khỏi. Tôi có thể quay lưng lại. Tôi biết thằng bé không được phép vào quán mà. Nó còn quá nhỏ. Người ta không được để mình mắc vào những chuyện rắc rối như vậy. Nhưng tôi phải đi ra xe lấy gói thuốc lá. Tôi phải ra ngoài ngay sau thằng bé.

Tôi đứng lên và bước. Thằng bé lùi lại đứng vào một góc tối của căn phòng.

- Thưa ông, - nó nói, - ông sẽ cho cháu vay một dollar chứ ạ?

Nó đã có tiền để mua thuốc lá. Tôi biết ai đó ở phía ngoài sai thằng bé vào đây mua.

Tôi bảo: "Cậu cần một dollar để làm gì?".

Thằng bé nhìn quanh, di di chân trong khi nghĩ câu trả lời.

- Cháu chỉ cần tiền thôi, - nó nói, - Cháu cần để có thể mua cho cháu một cái gì đó.

Trông nó thật thảm hại. Tôi rút ra một dollar và đưa cho nó. Thằng bé không hề nói cảm ơn. Nó chỉ quay

bước, mở cửa, đi ra ngoài. Thoạt tiên, tôi không đi theo thằng bé. Nhưng một lát sau tôi bước theo nó.

Quán bar bố trí một hành lang nhỏ đóng kín trước khi bạn bước vào phòng. Ở đây có một cửa ra vào bằng kính, nơi bạn có thể đứng nhìn ra ngoài. Trời ơi, ở ngoài nóng thật là nóng. Thậm chí không có lấy một con chó chạy rông. Mặt trời cháy thiêu trên khu vực để xe. Tôi thấy thằng bé đang chui vào một chiếc xe hơi, gần đúng như dự đoán của tôi. Đó là chiếc xe hơi hiệu Ramble cũ kĩ, mui xe bên phải bị móp, màu sơn gần như đã phai lợt, vỏ xe nhẵn lì, một túm rễ rách buộc vào bên thành xe. Chiếc xe đỗ gần xe tôi và trên xe, tôi thấy rất nhiều người. Ghế sau có lẽ có bốn đứa bé. Người đàn bà đang để tay trên tay lái, nói gì đó với thằng bé vừa lên xe, rồi chui ra khỏi chỗ ngồi, đánh nó túi bụi.

Tôi định quay vào, giá tôi làm thế thì đã không dính líu vào vụ đó. Nhưng Harry không có loại thuốc lá tôi quen dùng, mà trong xe tôi còn một gói. Từ nơi tôi đứng có thể nhìn thấy họ ngoài kia, ngồi dưới mặt trời nóng bỏng, gần đến nỗi có cảm tưởng nếu người đàn bà ra khỏi xe thì có thể chạm vào tôi.

*

* *

Buổi sáng hôm ấy, tôi chẹt phải một con chó và tôi cảm thấy điều gì đó không lành. Con chó nằm ngủ trên

đường. Nhưng tôi lại tưởng nó đã chết và định vượt qua. Tới khi xe tôi tới sát đầu con chó, nó bỗng chồm dậy, nhìn tôi và vội vã chạy trốn. Tất nhiên, lúc đó tôi không còn phanh kịp. Giá như nó cứ nằm yên đấy thì không sao, bộ phận giảm thanh sẽ không húc vào nó. Nó là một con chó con. Nhưng, thế là xong, tôi nghe nó tru lên khi va vào gầm xe. Kịch một cái, và con chó - một con chó trắng - lộn văng ra dưới cái badôxốc sau xe, bốn chân duỗi ngay đơ, kêu ăng ăng. Những sợi lông trắng bay tản mát khắp nơi. Tôi có thể nhìn thấy nó qua kính chiếu hậu. Tôi không hiểu vì cớ gì khi nhìn những người kia trên chiếc xe của họ, tôi lại nghĩ đến con chó mình đã chết chết, nhưng tôi đã nghĩ như vậy. Điều đó làm tôi cảm thấy bất an.

Trên chiếc xe nóng, ngọt ngào, họ đang cài cọ gì đó. Mềm, gối để lộn xộn trong xe, chắc họ thường ngủ trại ngoài trời. Trên ghế trước, bên cạnh người đàn bà lái xe đã xông ra đánh đập thẳng bẻ trở về tay không, còn có một bà già nữa.

Tôi cho rằng có lẽ họ đã bỏ đi nếu như tôi cố chờ thêm chút nữa. Như thế họ đã đi kiếm thuốc lá ở nơi khác. Lúc đó tôi nghĩ rằng xe của họ không bị hỏng. Có lẽ họ đang đợi người bán hàng rong đồ quần áo trẻ con nào đi qua là xông vào tấn công. Nhưng tôi không có bộ đồ trẻ con nào cả. Tôi đẩy cửa và bước ra.

Chiếc xe của họ cách xe tôi chừng một mét. Tất cả bọn họ quay ra nhìn tôi. Tôi bước đến cửa sổ xe mình và lấy gói thuốc lá ra. Người phụ nữ lái xe quay người trên ghế. Bạn không thể đoán được tuổi của bà ta. Bà ta là một trong những người đàn bà mà bạn phải chịu, không thể đoán được tuổi tác. Nhưng có lẽ, khoảng chừng ba mươi đến năm mươi.

*

* *

Từ nơi mình đứng, tôi không nhìn thấy cả bà già đi cùng người phụ nữ đó. Tôi chỉ thấy đôi đầu gối nhàn nhàn cùng chiếc váy lót bắn thiu ló ra dưới bộ đồ mặc trong nhà của bà cụ. Con gái bà cụ - tôi hiểu rằng người con gái lái xe là con gái bà cụ - trông cũng chẳng khác hơn. Trên cái nốt ruồi bằng hạt đỗ mọc ở cằm bà ta thò ra một cặp lông dài màu đen. Đầu tóc bà ta thì bù xù, bấn, rối. Một đứa trong bọn trẻ thì đến cái quần cũng không có mà mặc.

Bà ta nói: "Ồ dó họ có bìa lạnh không?" Bà lấy một tay che mắt khi nhìn tôi.

Tôi trả lời: "Có, có đấy. Nhưng người ta không bán thuốc lá cho trẻ nhỏ".

"Chỉ vì họ biết anh hay không thôi mà". Bà ta nói. "Nếu họ không biết anh thì họ không bán cho anh. Đúng không nào?".

Tôi hiểu là tôi bắt đầu dính líu. Bạn có thể mắc vào một cái gì đó như vậy trước khi bạn nhận ra. Chỉ trong tích tắc.

"Tôi đoán thế". Tôi nói.

"Anh có một ít thuốc lá, sao anh có thuốc lá. Có thể cho tôi một điếu không?". Bà ta chỉ vào những điếu thuốc trong tay tôi. Tôi bóc bao thuốc, đưa bà ta một điếu. Đưa bé nhoài người ra, xem nó có được một điếu không.

"Chỉ cho nó hút thuốc à?".

"Sao, nó cứ việc làm những gì nó muốn. Bà ta nói: "Anh không có bật lửa à?".

Đưa bé nhìn tôi. Tôi có một chiếc bật lửa, hiệu Bics, màu đỏ, và khi tôi châm lửa cho bà ta hút thuốc, bà ta chụp lấy tay tôi, giữ chặt hồi lâu. Bà ta nhìn tôi cố mỉm cười. Tôi hiểu mình cần rút lui ngay lập tức trước khi chuyện trở nên tồi tệ hơn. Tôi quay đi. Nhưng bà ta đã kịp sập cứng tôi trong giây.

"Anh không thể mua cho phụ nữ chút bia lạnh hay sao?". Bà ta hỏi. Tôi nhìn quanh. Một sự im lặng thối nhiên bao trùm. Tôi hiểu mọi người trong xe hiện đang

càng thẳng lắng nghe điều tôi sẽ nói. Nghiêm trọng rồi đây. Mà nóng quá nữa. Tôi đã uống năm ly rồi, nhưng nóng quá. Tôi bước lui một bước, không làm gì hết. Người đàn bà mở cửa xe.

"Con sẽ trở lại ngay, mẹ ạ" - bà ta nói.

Tôi nhìn những đứa trẻ. Đầu tóc cầu bần, chân tay khẳng khiu. Nóng đến nỗi bạn không thể chịu nổi. Tôi nói: "Cô phải đưa bọn trẻ rời khỏi nơi này mà tránh nắng chứ?"

"À, không. Chúng chẳng sao đâu". Bà ta nói. Nhưng bà nhìn quanh, ý định gì không rõ. Tôi vẫn nhìn bọn trẻ. Chúng lạng lẽ như những xác chết.

Tôi không muốn mua bia cho bà ta. Nhưng tôi cũng không muốn rắc rối. Tôi không muốn cứ đứng nhìn bọn trẻ mãi. Tôi muốn chuyện này xong đi.

"Chị này", tôi nói, "tôi sẽ mua cho chị một ly bia nhưng bọn trẻ kia đang chết cháy trong xe. Sao chị không lái xe quanh quanh đầu dò vào bóng râm?".

"Ồ," bà ta lưỡng lự. "Tôi cho là được thôi". Bà ta về xe và chiếc xe xộc xệch vừa kêu ken két vừa lao về phía trước, để lại những làn khói từ đuôi xe. Bà ta chạy xe rề rề, quanh quẩn rồi dừng dưới một cái cây. Sau đó chúng tôi cùng đi vào quán.

Lon bia đầu tiên bà ta giải quyết chưa đầy hai phút. Bà ta còn hộp mãi cái lon không. Bà ta mặc cái quần kiểu quần phục và một áo bảo hộ lao động dài tay của đàn ông, đi đôi giày trong nhà. Đôi giày màu xanh, trên có quả bóng nhỏ màu trắng đã sờn lợt. Bà ta là người có những ngón chân dài nhất mà tôi từng gặp.

Cuối cùng, tôi hỏi bà ta có muốn uống bia nữa không. Tôi biết là bà ta muốn.

"Ồ, thưa, có chứ. Và tôi còn muốn vài điều thuốc nữa nếu không phiền anh. Hiệu Marlboro Lights không phải loại thuốc lá Menthol. Chỉ loại thuốc *phình phồng*^(*) thôi".

Tôi không biết nói sao. Tôi định nói rằng tôi đi vào phòng tắm và sau đó sẽ chuẩn khỏi cửa. Nhưng tôi thực sự chưa muốn đi. Tôi mua cho bà ta một lon bia nữa và cho bà ta vài điều thuốc.

"Tôi *kiết* sức". Bà ta nói: "*Lấy*^(*) xe suốt ngày".

Tôi không nói gì. Tôi không muốn người khác nghĩ tôi đi cùng với bà ta.

"Chúng tôi cố sức để tới Morgan City, Loozeanner. Chồng tôi chắc sẽ kiếm được việc ở đó và chúng tôi

^(*) Những chỗ nhân vật nói nuốt âm hay nói trại đi theo nguyên bản Anh văn.

đến với ông ta. Nhưng tôi cũng không biết nữa. Cái xe cũ không biết có tới được đó không".

Tôi nhìn quanh trong quán. Tôi nhìn khuôn mặt mình trong tấm gương đằng sau những dãy chai lọ. Tiếng những quả bóng trên bàn bi-a kêu lách cách nhẹ nhàng.

"Chúng tôi khởi hành từ Tuscalooser Alabama". Bà ta nói "Bọn trẻ la hét đánh nhau làm tôi đau đầu. Thật dễ chịu được ghé vào nghỉ ngơi một chút thế này. Ở đây mát mẻ và thích nhỉ".

Tôi quan sát bà ta hồi lâu. Chân bà ngoặc vào nhau trên ghế. Chừng năm phân^(*) tàn thuốc trên đầu của bà ta. Tôi đứng dậy, đi ra phía cửa, đứng trong hành lang kín của quán bar. Nhìn sang bên qua cửa kính, tôi có thể thấy chiếc xe Rambles đậu dưới bóng mát. Một trong những đứa bé đang ngồi xổm sau chiếc xe.

Tôi nghỉ ngơi một lát rồi quay lại, ngồi xuống cạnh người đàn bà.

"Hắn sẽ có những người đàn ông giúp đỡ một người đàn bà gặp khó khăn". Bà ta nói, "nhất là khi cô ta có cả một bọn trẻ con".

^(*) 1 inch ≈ 2 phân 54.

Tôi gọi cho mình một lon bia khác. Lon bia lúc này nóng. Tôi đặt lon bia cũ lên quầy bar và bà ta bảo: "Anh sẽ không uống lon bia đó chứ?".

"Lon bia đó nóng". Tôi bảo.

"Tôi uống lon đó cho". Bà ta nói và đặt nó lại gần mình. Tôi không muốn nhìn bà ta nữa. Nhưng bà ta cứ nhìn chăm chăm vào tôi, không chừa rời mắt. Bà ta đặt tay lên cổ tay tôi. Những ngón tay của bà ta lạnh lẽo.

"Trên thế giới này, một số người thì có đủ các *thở* còn những người khác lại không có gì". Bà ta nói. "Ba tôi từng có tiền. Sở hữu ba trạm dịch vụ nhỏ và một cái xưởng. Có bốn người lái xe tải phục vụ cho ba tôi. Nhưng rồi, người ta có thể đánh mất tất cả cũng dễ dàng như *chém* được chúng vậy. Anh phải hiểu ba tôi bây giờ ra sao. Chúng tôi thậm chí không đủ khả năng để đưa ba tôi vào nhà dưỡng lão".

Tôi đứng dậy, bước về phía cái máy hát tự chọn nhạc, cho hai xu vào đó. Tôi chơi vài đoạn của John Anderson, vài đoạn của Lynn Anderson, sau đó tôi chuyển sang nhạc của Narvel Felts. Tôi không muốn phải nghe những điều bà ta kể kể.

Khi tôi quay lại, ngồi xuống bên cạnh, thì bà ta đang châm một điếu thuốc mới. Tay tôi vừa đặt xuống quầy bar liền bị bà ta túm chặt lấy.

"Anh nghe này". Bà ta nói. "Ngồi ngoài xe kia là mẹ tôi. Bà cụ bảy mươi tám tuổi và chưa *bết* bất cứ cái gì khác ngoài lao động vất vả. Trên thế gian này, bà ấy chẳng có lấy một chinh. Bà ấy đã làm việc cả đời để chẳng có được cái gì cả".

"Ồ", tôi nói, "bà cụ có những đứa cháu ngoại đấy thôi. Bà cụ có bọn trẻ".

"Hừ, tôi có một đứa con gái mười tám tuổi mà cả đời chả nhờ vả nó được cái gì. Vừa lớn lên thì năm ngoái trốn theo thằng mọi đen giời đánh. Tích sự gì nào".

"Tôi không biết". Tôi trả lời.

"Tôi muốn một lon bia nữa". Bà ta nói và dẫn mạnh lon bia lên mặt quầy bar. Mọi người trong quán quay lại nhìn chúng tôi. Tôi gật đầu với Harry và anh ta mang đến một lon bia lạnh. Bà ta trông đã hơi say.

"Để tôi nói anh nghe vài điều ⁽¹⁾" bà ta nói. "Người ta sẽ chẳng cho anh một mẩu gì nếu anh không có nơi để ở, cũng không có gì để ăn. Họ không thèm quan tâm. Đồ chó đẻ". Bà ta nói. "Khi chúng tôi đến được nơi đó, ông ta sẽ không có ở đấy. Ấy là giả sử chúng tôi đến nơi được". Rồi bà ta đập đầu xuống mặt quầy bar, khóc toáng lên, tay choàng nắm những lon bia.

Mọi người trong quán dừng cả lại. Những người đang chơi bi-a không chơi nữa. Những chàng trai đang chơi cờ với máy cũng dừng và quay nhìn xung quanh.

"Đưa bà ta ra ngoài kia". Harry nói. "Frank, ông đã mang bà già vào đây, ông phải đưa bà ấy ra đi".

Tôi rời khỏi ghế, đi vòng qua bên kia bà ta, và tôi nắm lấy tay bà ta.

"Đi thôi". Tôi nói. "Ra ngoài thôi".

Tôi rún sức kéo tay bà ta. Bà ta ngẩng đầu lên, nhìn thẳng vào mặt Harry.

"Mẹ mày". Bà ta nói. "Mày không *bết* gì về tao hết. Mày không xứng để mà phán xét".

"Ra ngoài ngay". Harry hét và chỉ tay ra cửa. "Frank".

"Đi thôi". Tôi bảo bà ta. "Đi nào".

*

* *

Chả mát thêm chút nào nhưng mặt trời đã xuống thấp hơn một chút. Ba đứa trẻ trong bọn đã ngủ trên ghế sau, đầu tóc bết dính vì mồ hôi ướt đầm. Bà già ngồi trong xe, khạc nhổ nước miếng qua cửa xe. Bà cụ thậm chí không quay đầu lại khi chúng tôi về đến chiếc xe. Người phụ nữ, một tay cầm chỗ bìa dư, tay kia cầm gói Marlboro Lights.

"Chị nghĩ chiếc xe của chị có thể tới được đó chăng?". Tôi hỏi. Tôi nhìn chiếc lớp xe và nghĩ đến

dặm đường họ sẽ phải qua. Bà ta chậm chậm lắc đầu và nhìn chăm chăm vào tôi.

"Em đổi ý rồi". Bà ta nói. "Em sẽ ở lại với anh. Em yêu anh".

Đời mắt bà ta đắm lệt, đầy cay đắng, bà ta đã say mất rồi. Tôi hiểu suốt đời bà ta bị giày xéo, chà đạp và có lẽ tôi cảm thấy không được phép nói điều gì đó xúc phạm. Tôi chỉ lắc đầu.

"Chị không làm thế được". Tôi nói.

Bà ta nhìn những khách sạn bên đường.

"Hãy đến một nhà trọ nào gần đây, *thêu* cho chúng tôi một phòng". Bà ta nói. "Tôi muốn có phòng ở".

Thằng bé đã vào quán lúc trước, giờ đây bước ra khỏi bãi cỏ, đứng nhìn chúng tôi hồi lâu. Rồi nó chui vào xe. Bà ngoại phải nhấc ghế trên lên để nó bước vào. Bà cụ quay nhìn quanh rồi đóng cửa.

"Có thể tôi chỉ đến Texas thôi" người đàn bà nói - "tôi có chị gái sống ở đó. Tôi có thể gửi bọn trẻ nhờ chị ấy trông hộ một thời gian, rồi đi tiếp đến California. Đi Las Vegas".

Tôi nói với bà ta rằng Las Vegas không phải ở California, nhưng đó không phải là vấn đề. Bà ta uống

một ngum bia lớn, tôi có thể nhìn thấy những bắp cơ và dây chằng ở cổ bà ta lên xuống. Bà dốc cạn lon bia. Rồi quăng cái lon không xuống chân, nó kêu lanh canh và lăn vào gầm xe. Bà ta dùng mu bàn tay lay miệng, chà xát mạnh đôi môi rồi sau đó lau mắt.

"Không ai hiểu những gì tôi đã phải trải qua". Bà ta nói, mắt nhìn xuống đất. "Chịu chà đạp, giày xéo và phải nuôi bốn đứa con nhỏ". Bà ta lắc đầu. "Anh không thể chịu nổi như vậy". "Anh không nên trách móc người khác vì họ đợi chờ để được tâu thoát khỏi một kiếp sống như vậy. Giá mà có cách nào để chạy trốn thì tôi đã trốn chạy rồi".

"Thật là khổ". Tôi nói.

Bà ta nhìn lên, đôi mắt bà ta nóng bỏng.

"Anh quan tâm đến *cái* gì kia chứ? Tất cả những cái gì anh làm là chạy ngay vào trong kia và uống. Anh cũng chỉ giống tất cả mọi người mà thôi. Anh chẳng bao giờ phải chờ chực ở cửa hàng đồ khô, mua hàng với tem thực phẩm và mọi người nhìn anh khinh bỉ. Anh không bao giờ phải chịu đói khát. Không bao giờ phải không?".

Tôi không đáp.

"Anh đã bao giờ?"

"Không, chưa".

"Tốt thôi." Bà ta hát đầu về phía tòa nhà. "Bây giờ, hãy chui vào đây đi và uống cái bia chết tiệt của anh. Chúng tôi sẽ tự lo việc của mình".

LARRY HEINEMANN

TÔ ĐỨC HUY dịch

SỐ TRỜI ĐÃ ĐỊNH

Larry Heinemann sinh năm 1944 ở Chicago. Ông là tác giả của nhiều tiểu thuyết và truyện ngắn trong đó có "Những khu vực gần gũi", "Chuyện của Paco", "Mát hơn ở bên hồ". Ông đã nhận được nhiều giải thưởng văn học có uy tín ở Mỹ, đặc biệt là "Chuyện của Paco" đoạt Giải thưởng Sách Quốc gia năm 1986 và đang được dựng thành phim truyện. Ông đã nhiều lần đến thăm Việt Nam và đang viết một cuốn sách về đường sắt Việt Nam.

Bạn của chúng tôi, Paco, không chết, nằm bất động, phơi mặt dưới trời, thương tích đầy mình, những vết phồng phồng rộp mọng nước, chân gãy, xương vỡ trông rất thảm thương. Anh đắm mình trong đám cỏ lớn đơ đậy, nhầy nhụa (và mọi thứ khác nhuộm màu bẩn thỉu) rồi cố lặn mình vào đồng cát. Anh nằm đó suốt đêm, sang cả ngày hôm sau, đêm hôm sau, và cả nửa ngày sau nữa, hai mắt cá chân mọc cứng vào gốc nho đầy những mấu cháy sém (gần như đã thành tro), không tài nào cử động được. Suốt cả đêm đầu dài đằng đặc đó Paco vẫn tỉnh, sương

ngắm qua mớ giẻ rách trên người, và anh vẫn chưa biết nguyên nhân nào khiến anh bị như thế. (Tôi đã bao giờ hủy hoại cái gì, anh thầm nghĩ nhưng không kịp nói gì, nghĩ gì khi bất chợt nhìn xuống thân thể mình, hãy nhìn xem - mới kinh tởm làm sao - những vết đạn găm phải, những vết da cháy nhẵn nhéo, những mảnh xương vỡ trôi cả ra).

Lúc đầu anh tập trung hết khả năng vào việc nghe ngóng động tĩnh - tiếng khóc, tiếng rên, tiếng thở, tiếng tắc, tiếng nằn nỉ của những ai khác bị thương đòi nước, đòi thuốc, đòi cả sự cứu rỗi của Chúa. Tôi thể rằng bạn chưa nghe thấy câu gì trên đời này trước khi nghe được một giọng thều thào trong bóng đêm, "Cứu tôi với," mà người ta còn nói rằng tiếng khóc của những con người bị thương còn nẫu ruột hơn). Paco chờ đợi, mắt nhắm nghiền, thở nhẹ nhàng, rùng mình khiếp sợ khi nghe thấy giọng nói khô khốc, the thé; chờ để nghe được tiếng ứng đáp.

Cứ thế Paco nằm đó, gần như bất động vì vết thương (gỗ nhịp như một vật sống - cho tới tận lúc anh ta nhận thức được điều đó - một vật sống, như thể một vật bé nhỏ nào đó lông cứng, rồi bù rúc vào anh cho ấm), quan sát, thả suy nghĩ vào vòm trời đen xa vời trên kia, cái nhìn nhoè bởi máu và bụi.

Sáng hôm sau, mặt trời mọc lên sạch sẽ, nhanh chóng xua đi màn sương dày đặc, nghiêng nghiêng rơi xuống cái mặt phẳng rộp của Paco nhưng anh không thể nào đưa nổi tay lên khỏi đồng dơ bẩn để che mắt. Cả cái ngày nóng đó, mặt trời gay gắt rơi xuống mắt anh cay như xát muối và những giọt nước mắt chua xót bởi vết thương xé lòng mặn chát chảy xuống mái tóc khiến da đầu anh

ngứa ran. Đến giữa chiều phủ đầy trên mặt anh là một lớp những con rệp bị hấp dẫn bởi mùi hôi thối - xác của một con hươu đen to, những con giòi bé tí lơ lờ nhờ, muối mất vù vù dột lia lia đau như vết cắn độc địa, nhanh chóng trở thành vết thâm hằn lên và chẳng mấy chốc biến thành một bọc mủ nhiễm trùng trắng nhờ nhờ.

Paco vẫn nằm gần như bất động hoàn toàn cả đêm thứ hai và nửa ngày hôm sau đó, nóng như rang vì sốt, hôn mê triền miên. Và đại đội Bravo không còn mảnh giáp, và tay bác sĩ trẻ còm nhom đi rà soát xem còn ai ở đại đội vẫn sót lại, nhưng tới cuối chiều vẫn không phát hiện ra Paco, mà anh lúc đó thì đã gần kề miệng lỗ.

*

* *

Viên bác sĩ ở đại đội Bravo tìm thấy Paco còn kể lại sự tình câu chuyện (nhiều năm sau này) ở quán bar Coolidge mãi không thôi. Đó là vào một buổi chiều muộn, luồng ánh sáng dễ chịu từ phía Bắc chiếu qua ô cửa sổ phía mặt tiền rộng rãi, đơn giản lốm đốm nước tràn ra từ chậu cây phong lữ và violét châu Phi và cây colen cao có gai. Tia sáng rơi xuống mép bàn bằng kim loại, đường cong của thành chiếc ghế phản chiếu xuống tấm ván lát sàn nhà một thứ ánh sáng óng ánh. Viên bác sĩ, đã già hơn, tròn hơn và ăn mặc xoàng xĩnh, ngồi lòng khà lòng không, tựa lưng trên chiếc ghế răng bà lão ăn món trứng (mỗi một miếng trứng với cả nhúm muối lớn lẫn mù tạc cay). Cả buổi chiều và tối hôm đó hắn sẽ uống hết cốc bia này đến cốc bia khác, không biết bao nhiêu ngụm whisky, rượu schrapps-ollermakers - hắn uống tàn bạo.

"Bọn tao phải ẩn nấp trong các bụi cây đúng chỗ chặn hai tháng, đúng thời gian đó, miệt trên quanh khu rừng," viên bác sĩ sẽ bắt đầu như vậy, bợt mép sùi lép nhép. "Và những ngày chết tiệt của mười chín ngày đầu đó lại chính là tao phải giải quyết với những tay hi sinh trong khi làm nhiệm vụ, đám tử thi, hiểu chứ? và cả bọn bị thương nữa. Bọn tao vẫn giữ liên lạc đều đặn", viên bác sĩ bao giờ cũng kèm theo đoạn này mỗi lần kể chuyện, nhưng vẫn dành đôi phút nhỏ giọt whisky, chỉ một lượng nhỏ, vào cốc bia của mình. "Rượt theo dấu vết một toán VC, bọn khốn nạn hạ lệnh xuống và lính thì ngã như sung rụng, Jack - những cuộc phục kích thường lệ, bắn trả, mìn to như lớp máy kéo, các anh hùng trong lửa đạn lặng câm như lũ lừa, kiệt sức vì cái nóng khủng khiếp. Lính với những cái đầu rạn nứt như quả óc chó, máu rỉ ra từ lỗ tai. Lính với những cái đầu bạnh ra lép xep bởi bầy mìn. Máu của quỷ dữ và của lòng hẹp hòi phủ lấy mọi thứ mà tao cứ phải chống dít lên trời. Tao mơ về việc đó nhiều đêm, những con quỷ dữ trong cơn ác mộng lên tới tận trời cao, những cỗ máy như vòng ngựa gỗ đầy hận thù, phù thủy có những cặp mắt quỷ dữ khiến người toát mồ hôi lạnh và rùng mình ớn lạnh, khiến người tưởng đang lên cơn sốt rét. Chó chết, bất kì thứ gì!

"Những buổi sáng chết tiệt, cả đại đội thức giấc là đợi xem mấy con lợn cái tới trú chân ở đâu. Cũng có hôm bọn tao chả cần rời trạm. Blam, vài thằng chết giẫm tung thiếu phải mua nó ăn sáng - không còn lại cái gì trừ chiếc thìa. Tao bọc chiếc Sonsabitches lại bắn tung chúng lên kèm theo lời gửi: "Hãy tin tao!" và bọn chúng cười nhạo tao. "cám ơn" cứ như bọn chúng thực sự tin vào cái câu bậy bạ đó, và sau đó mắt chúng thật trở lại trong những

hốc mắt và những cái đầu thì thụt trở lại về vị trí trên vai ("Cám ơn"), và chúng sẽ bất tỉnh bởi cú sốc, chết trước khi cái trục thăng cứu thương khôn-kiếp quệt đi xuống. Và đại đội trưởng lại có hành động nổi tiếng của hắn là giương nắm đấm lên, găm gù vài câu vô nghĩa vào chiếc máy liên lạc, rồi có lẽ hắn đã vãi đái ra quần, vứt chiếc ống nói xuống và lấy chân đá, đến lượt chiếc mũ hắn cũng ném rồi đá. "Bọn chó má này lại đang trì hoãn cuộc chiến chết tiệt!" Hắn cứ gào lên, ý chỉ những chiếc trục thăng dọn xác."

"Đôi khi trục thăng dọn xác cũng đến đúng lúc nhưng thật chó má là chẳng đảm bảo được. Bọn tao vứt xác bọn xấu số lên trục thăng, và chỉ mười phút sau đại đội trưởng lại nhận được tin nhầm lẫn nào đấy rằng thăng kia thuộc diện DOA -chết trên đường đi - chết giữa đường. Hắn sẽ triệu tao đến và buộc tội tao có hành động bạo loạn, mất hân trọng cả ra, sùi bọt mép, thúi bọt mép màu máu do hắn nhai loại kẹo cao su chết tiệt. Hắn điên thật rồi."

"Mỗi đồng nhân mạng một ngày, Jack, hàng ngày." viên bác sĩ nói, hất đầu về phía người phục vụ. Người phục vụ đưa chiếc cốc vai xuống dưới miệng và kêu "Sáng, chiều, tối. Lửa! Cút."

"Một đêm, bọn tao đang giận dữ và uể oải chờ tin đại đội Alpha, bắt đầu tỏ ra quan tâm và sắp sửa được một cái gì đấy thì bỗng Ka-bar-room-room-room! Thứ âm thanh quỷ tha ma bắt đấy - tao có ý nói ai đấy đang tới, nhưng đó chỉ có thể là cái gì thôi. Chúng tao nhận được bức điện của đại tá Hubbel bảo đi kiểm tra - ông ta không bắt được liên lạc với đại đội Alpha qua điện đàm. Đại đội

trưởng bật dậy. "Chó chết! Sao lão già ngu xuẩn đó không giữ bó một lần được cái vẻ đáng thương tội nghiệp ấy lên trục thẳng, tự đi mà làm lấy nhĩ? Và tại sao lão lại không chọn ai khác để thay đổi. Thôi được rồi, đây, đi!" Rồi hắn đi khắp phòng, gặp ai đá nấy."

"Đại úy là một người thực sự tích cực khi có công vụ - thích tìm kiếm mề đay và huân chương - bọn tao mò mẫm đi ngay lúc nửa đêm. Chó má, lại bắn nhau, bọn tao mới đi được khoảng hai trăm mét xuống phía dưới thì mục tiêu đã hiện ra - một ổ mai phục, trước đó bọn tao vừa thịt ba thẳng. Nhưng về phía mình, bọn tao cũng mất một người và bị thương hai. Đại đội trưởng khiến ai nấy mệt lử, thêm vào là một cơn điên tiết nữa, nên cả đại đội cứ ngồi đấy ăn vạ cho tới tận giờ nghỉ giữa ngày. Bọn tao quần nát cả khu rừng chó chết đó, mày hiểu chứ. Chỉ tốn sức. Tao thể với Chúa, Jack à, rằng lũ lừa cầm trong đại đội... còn đông hơn bất cứ nơi nào. Đại đội trưởng bật nắp mở chiếc la bàn và đặt nó lên trên bàn đồ, trợn mắt nhìn chỉ số trên vòng tròn và trầm ngâm nghĩ ngợi. Cái quái quỷ gì thế này? Hắn có thể đập vào chân như thể nó bị ngâm nước và biết đâu lại có tác dụng. Rồi hắn lại nói khùng, đá vào những gốc cây và ném vung vãi đồ ăn, bất cứ thứ gì vương mắt hắn. Thế nhưng cuối cùng thì hắn cũng tợp một ngụm nước, lấy lại bình tĩnh và bọn tao tiếp tục tiến hành công việc".

Tay bác sĩ cẩn thận đập vài quả trứng luộc kĩ, rồi vò đi vò lại đám vỏ giữa hai lòng bàn tay.

"Và cuối cùng, vào cuối buổi sáng ngày thứ hai, bọn tao tìm thấy được căn cứ tác chiến Harriette với những gì còn lại của đại đội Alpha, thực ra chả còn gì ngoài cái mùi

tỏm lợm tao chưa bao giờ nghĩ thấy . Ở đó không còn gì sót lại. Jack ạ, cả cái làng lẫn chiếc lô cốt thời Pháp. Ngoại trừ gã đó, thằng chết giẫm đó. Đại đội Alpha bị xoá sổ. Xoá sổ cả đại đội, trừ thằng chó đó. Sao hán không chết cho?

Sao hán lại không héo khô đi dưới cái nóng gắt? Cả khu vực đó bốc mùi hôi thối đến tận trời cao. Hán ta cũng bốc mùi tới tận trời cao. Tao cứ luôn băn khoăn tại sao lúc đó hán không xê dịch. Vài thằng đứng chôn chân nơi chúng tao biết chắc là boongke của thằng chỉ huy - mọi người đã dành thì giờ cho Harriette. Chúng tao quan sát kỹ xung quanh - không một boongke, không một hào công sự, hầu như chẳng có dải rừng nào và hiểu ra tao sẽ chẳng thu đủ số hàng chất đầy một tá thùng to". Nói đến đây tay bác sĩ tựa người vào chiếc ghế, nhìn anh đứng quây, người phải nghe câu chuyện này đến lần thứ một trăm, nhặt nhèo đưa mắt quanh quần đém số ghế trống vắng do tay bác sĩ gây ra.

Một ngày ở Harriette, đại đội trưởng (Cường tráng và kín kẽ, đầy kinh nghiệm và giận dữ, rồi bời và nổi đóa bởi những cái không may nối đuôi nhau xảy đến - Cầu giận đến lẫn linh tinh cả lên) đứng cạnh tay bác sĩ, tay điện đài và vài người khác bên cạnh boongke chỉ huy, chuệnh choạng trên súc gỗ và các đầu ngón tay bám chặt vào dải dây đeo ba lô sau lưng - chiếc ba lô đầy chặt, đồ đạc xếp cao tới miệng. Hán ta lặng lẽ nhìn sự tàn sát và đồng đồ nát hoang tàn nghĩ ngợi, đây là một cách chết thê thảm, kinh tởm nhưng một chút may mắn chết tiết, mục nát vẫn còn bấu víu lại, và phải cảm ơn Chúa phù hộ mới đứng khi chỉ ít là đến lần này vẫn chưa phải con, chưa đến lượt con.

"Và khi chúng tao tìm được cái thằng sống sót được sau trận bão lửa ấy", tay bác sĩ tiếp tục, phải chút lòng đỏ trứng dính trên ria mép, "người rất nóng và hùng hực chảy đầm mồ hôi, mồm lắp bắp, khóc. Hắn không đeo phù hiệu nên có Chúa mới biết hắn là ai. Nhưng tại sao hắn không chết là điều khiến tất cả nghi hoặc. Tao không biết và cũng không muốn biết. Hắn nhìn tao, thân thiện. Và hắn biết tình trạng của hắn đã bị dật. Hai chân hắn đã nát như, - như người khác thì đã bẻ phất đi coi như làm phúc, - khiến đám bác sĩ đáng khinh nghĩ chỉ còn cách tổng cả người hắn vào trong chiếc túi y tế dự trữ để cố bảo vệ mọi bộ phận cơ thể trừ cái lỗ dít của hắn ta - tất nhiên hắn vẫn giữ được của quý và hai hòn kia, may mắn chứ. Phần còn lại trên thân thể hắn thì như bị ai đấy đã xẻo đi và mềm oặt như thể bị dân bằng những chiếc búa cán dài.

"Dầu sao, tao cũng cố nhìn hắn lấy một lần, ruồi muỗi, và giò bọ bám đầy trên mình hắn như hình nộm - mờ nhạt - còn tao hồi vì đã nhìn".

Tay bác sĩ trẻ đứng cạnh đại đội trưởng và toàn thể binh lính nhìn xuống Paco, và cứ thế dồn dập từng đợt sóng kinh tởm và ảm đạm dâng trào trong người tay bác sĩ khiến máu trên mặt hắn như khô cả lại, hắn thấy ghê tởm và bị đánh gục.

"Tao quay về phía một thằng bác sĩ khác của đại đội, thằng này kịch liệt phản đối chiến tranh, và nói: Thối tha quá phải không, Jack - hay mày muốn gọi đó là gì tùy mày. - Mày làm vụ này đi. Tao phát sốt rồi, và quá mệt bởi tất cả những cái tởm lợm này đang giết tao dần mòn. Tao chẳng tiếp tục nữa đâu. Tao bỏ..."

Nhưng thăng phản đối chiến tranh này run rẩy và quá bị kích động, hấn hết bình tĩnh, nhục nhĩ, rồi hoàn toàn rối trí khiến tay bác sĩ đứng cạnh gạt hấn sang bên kia và đành phải nhúng tay vào việc, hỏi Paco vài câu, giọng khàn khàn "Tên gì? Việc gì đã xảy ra ở đây? Mày là ai? Việc quái gì đã xảy ra vậy?" Nhưng Paco chỉ có thể khóc, nước mắt giàn giụa mồm lép nhép, tới tận khi chiếc trực thăng dọn xác tới - rửa sạch mặt đen xám và phồng rộp của Paco bằng chiếc áo sơ mi thấm nước làm nhói đau hai gò má đôi môi khô cứng rỉ máu. Trực thăng đến lượt lơ lửng vòng trên cao rồi hạ cánh xuống lớp bùn đã khô nứt ở căn cứ tác chiến Harritte, chiếc trực thăng lún dần xuống lớp đất, bằng mắt chân, ngang ống chân, đám bác sĩ trên chiếc trực thăng nhìn nhanh xuống tay bác sĩ của đại đội Bravo với vẻ khinh thường. Cậu bác sĩ trẻ cũng giương mắt nhìn mấy tay bác sĩ trên chiếc trực thăng (mặc áo phông, quần spiffy và giày đi rừng loại tốt nhất vẫn còn sạch), cẩn thận cho Paco vào túi y tế đến ngang hông anh ta. Tay bác sĩ giúp hai người lính của đại đội Bravo khiêng chiếc cáng (họ bỏ chiếc cáng xuống con đường mòn, đến lúc đó Paco mới bắt đầu rên rỉ đau đớn), và giúp đặt chiếc cáng vào chỗ quy định trên máy bay. Sau đó anh ta quay trở lại chỗ để ba lô và túi cứu thương, đôi giày lạo xạo trên một lớp bùn khô cứng giống như trên mặt tuyết đóng băng. Chiếc trực thăng nâng mình vài phân khỏi mặt đất, nghiêng nghiêng về phía trước, bay là là theo đường cong rồi nâng độ cao dần, tăng tốc vọt đi. Bọn bác sĩ trên trực thăng ngồi cạnh chiếc cáng của Paco, cố gắng bằng mọi cách làm giảm bớt cơn đau cào xé khiến người bệnh cuồng loạn, họ nhìn qua cửa trực thăng xuống bãi cát phẳng lì, những chiếc đầu và lưng trần của binh lính đại đội Bravo khi họ chạy quanh nhặt nhạnh những đồ đạc,

quần áo rơi vãi sau trận đánh, những mảnh vụn tử thi, những mảnh xương cho vào túi. Chiếc trực thăng còn bay lượn một vòng phía trên khu trại và phía trên khu rừng, là là trên ngọn cây khiến chúng oằn oại bởi gió.

Trên máy bay, bác sĩ gỡ những con giòi, rác bắn khỏi vết thương của Paco chính xác và cẩn thận, tự nhủ rằng ít nhất còn may là chưa đến một chục thằng bị như thế này - sàn máy bay đỏ lôm những máu và mùi máu của rừng bốc lên từ quần áo, tóc tai, râu ria sau những ngày ác liệt đó.

Tay bác sĩ quần quanh bên chiếc điện đàm của đại đội Bravo, dường như mong ngóng đợi tin Paco của chúng tôi đã chết trên trực thăng - Sao lại phải có ngoại lệ với thằng chó đẻ thứ hai mươi kia chứ? Kiệt sức, tê cứng, nóng ngột ngạt - đau đớn vì đã dự đoán được từ trước? Anh ta hi vọng bắt được tin gì đấy chứ không phải cái tin khốn nạn về người của đại đội Alpha bị gió thổi bay mất, giống như mảnh giấy đầm máu. Còn viên phi công như đang kéo một con lừa đi lột da, cái cách họ đã trở lại bệnh viện tản cư có những cánh cửa mở rộng như cửa cống. Trong ánh mắt hiền từ của anh ta, tay bác sĩ hẳn luôn mừng rỡ tưởng ra cảnh đám bác sĩ trên trực thăng sẽ vãi đái ra quần và rên rỉ mấy ngày trời sau khi chứng kiến cảnh máu ộc ra đầy máy bay - dù thực ra thì không quá nhiều - quanh quần bên họ là kẻ điếc tội nghiệp còn sống sót sau khi đại đội Alpha bị hủy diệt và phải chịu bao đau đớn giày vò suốt hai ngày gần thành một cái ổ hôi thối. Và sau đó, phần thân thể lạnh lặn nhất bị gió của cánh quạt trực thăng thổi bay đi - tay bác sĩ hẳn cũng tưởng tượng ra việc này - anh ta nghe thấy người xung quanh câu kính, lớn tiếng: Mày không dám cá cược thằng này chứ. Nó sẽ được đẩy xuống mồ trước bữa tối, chắc chắn vậy?

Đêm đó, trong lúc ai nấy đang thu mình và trong sự tĩnh lặng của màn đêm (khi gió mùa thổi và mưa như trút nước) bốn lính của đại đội Bravo ngồi ủ rũ không ngủ được, tay bác sĩ liên tục nhìn chiếc điện đàm, ngóng đợi tin về cái chết của người lính đại đội Alpha đó, sự chờ đợi vẫn còn đeo đẳng trong tâm trí hắn lúc này), tay bác sĩ bị một cơn suy tim. Nhưng vết thương sắc, dài, hơi thở đứt đoạn, cảm giác tê dại nhói lên bên tay trái rồi chạy lên trên mặt, một cú sốc gay go và hơi thở cứ ngán dần đến trầm trọng, mặt hắn nhăn nhúm lại, khó hiểu và bối rối rồi bỗng hắn đoán ra nó; một cơn suy tim, chứng huyết khối. Và vào buổi sáng trong lành, khô và lạnh với những đám mây đầu mùa trời về đằng Tây, tay bác sĩ trở dậy, dang tay ngáp (cảm giác buồn nôn ứ đầy cổ họng mỗi lúc một đầy lên). Hắn nhìn ra xung quanh, mặt nhăn nhó, ngấm nhấm quang cảnh tàn sát, sự hủy diệt và đông đờ nát - nhìn những đồng đội của mình trong đại đội Bravo. Và cứ như hắn nhìn thấy sự kinh tởm lộ lộ - của căn cứ tác chiến Harriette, như một địa điểm, lần đầu tiên. Bởi vậy không nói với ai về cú suy tim của mình - buồn bình và kiêu ngạo, cổ nèn cơn buồn nôn ợ chua trong cổ - tay bác sĩ với cái khăn ẩm vừa thấm nước, thay ca cho đại đội trưởng. Đại đội trưởng kiên trì lắng nghe tiếng thì thào nặng nhọc như bị nghẹn, nói ngắn gọn vài lời nhưng không phân nản, nhìn chăm chăm vào bộ mặt ốm nhách của tay bác sĩ (Vì nhu cầu của công việc bàn giấy, tay bác sĩ được tái chỉ định là bác sĩ chuyên phục vụ khu boong-ke vòng ngoài - bộ phận nhân viên phòng giấy của ban cứu trợ). Lúc anh ta khoác lên vai túi đồ và bước về phía bãi đậu trực thăng, cả đại đội dõi theo sau lưng. Bốn chúng đứng vây xung quanh, đưa tay gạt nước mưa chảy vào mắt, cởi hết áo, tất, nuốt chặt vật khẩu phần ăn đã ẩm

nhũn vì nước mưa và thu dọn chuẩn bị cho cuộc di chuyển rõ ràng vào buổi sáng. Viên đại úy và toàn đại đội đều nghỉ - cái xúi quẩy của đại đội đã qua đi, từ nay may mắn sẽ đến với tất cả.

Tay bác sĩ leo lên chiếc trực thăng buổi sáng đến thu lượm xác chết và những bình nước nhỏ cỡ chiếc bình làm lạnh Coleman từ bữa tối hôm trước. Hắn ngồi phịch xuống dằng điệu nặng nề nhưng cương quyết trên chiếc ghế có dây an toàn sát bên vị trí của khẩu súng máy, đặt chiếc balô và túi cứu thương hắn kẹp giữa hai đùi, khẩu súng trường tựa bên cạnh. Trực thăng vừa chạm đất, tay bác sĩ nhảy phốc xuống, như thể bị đá dúi, văng balô lên một bên vai còn bên kia là chiếc túi cứu thương như hai thứ đồ giẻ rách của kẻ ăn mày. Hắn bước xuống những bậc cầu thang lỏng lẻo dính đầy dầu mỡ, rảo cẳng về quả đồi phía Bắc nơi có khu trại của tiểu đoàn. Hắn đi ngang qua cái trại chỉ huy trong đó những tay thóc mách của lữ đoàn và bọn lính trác táng đang phê phởn một tay cầm cốc rượu, tay kia là điều xì gà đen cháy đỏ, giương mắt nhìn những chiếc xe tải đi lại. Tay bác sĩ đi ngang qua đám thợ máy bên cạnh vài chiếc xe nước với những máy trộn xi măng, rượu lậu đã được đóng chai và đá trong ngăn tủ, nơi họ đứng tụ tập xì xầm soi mói một chiếc xe tải nhét đầy đàn bà rách rưới từ làng tới làm việc nhồi bao cát. Tay bác sĩ lại đi ngang qua khu trại bỏ hoang lạnh lẽo của đại đội Alpha nay là nơi trú chân của đám luật sư từ văn phòng luật tư, bọn chữ thập đỏ bu thành từng nhóm rải rác, vui mừng ra mặt khi lấy về từng đồng đôla cùng những tờ báo *Time*, *Washington Post*, *L.A Times* (F.B Harriette đã bị san phẳng. Những tấm ảnh đặc biệt. Hội đồng an ninh biểu quyết tăng quân). Bọn chúng đứng loay quanh, ngơ

ngáo, nguyệt ngoạc những kí hiệu mũi tên, nháo lên với những câu hỏi nghi hoặc. Chúng sục sạo những đồng cùm chân, túi len, túi bao tải chống nước, vớ vét dụng cụ và đồ cá nhân mà không phải công việc của chúng, ngậm những cái tẩu chưa đốt, lắc đầu nuốt tiếc.

Cuối cùng tay bác sĩ dứt khoát quay về hướng đại đội Bravo. Bọn thư kí đại đội đó đang đánh máy văn bản, tay đầu bếp của cái trại hổ lớn này đang khuấy món Kool-Aid, bọn thương binh khập khà khập khiễng đang chơi trò oẳn tù tì ngẩng lên nhìn hút theo bóng dáng tay bác sĩ cứ như đó là hiện hình của ma quỷ. "Thằng cha bác sĩ này thì làm việc quái quỷ gì trong trại," chúng hỏi nhau, "mà bọn còn lại của đại đội ở xá xính nào?". Tay bác sĩ cương quyết rẽ vào đường rẽ thứ hai bên trái nằm giữa các lều trại và biến mất vào chiếc lều không nóc của riêng hán. Hán xếp đồ đạc và túi cứu thương lên tấm ván đầu giường tự làm, cởi bỏ chiếc áo đi rừng bốc mùi tỏi lợm, bước ngay vào phòng tiểu tiện phía cuối trại để xả cho nhẹ nhõm. Rã rời vì kiệt sức hán để nguyên cả giấy cú thể vật mình xuống giường và chỉ chớp mắt đã chìm vào giấc ngủ mê mệt... Chiều muộn hán tỉnh dậy, trời sắp tối, mồ hôi đầm đìa, mặt mũi hán đỏ au và bì bì ra vì ngủ, cái miệng hồ mang của hán khô rang; chiếc túi ngủ và chiếc chăn khoét giữa để chui đầu hán dùng thay đệm nhàu nát, xộc xệch.

Đến lúc đó, cái tin hán tìm thấy Paco nhanh chóng lan ra khắp trại. Đêm xuống, hán ngồi bó gối trong lán, nhìn khẩu phần ăn loại C, lắng nghe tiếng phím máy chữ cổ lỗ hiệu Underwood gõ nhịp khô khan, chát chúa vọng sang từ phòng viên thư kí đại đội - tạch-tạch-tạch-tạch-tạch - thằng đó đang viết về nhà câu chuyện của gã lính đại đội Alpha và tay bác sĩ, trong khi đó hàng chục cặp

mắt lão liên nhìn trộm viên bác sĩ qua cái cửa sổ sơn xanh sập long. Hàng tuần, hàng tháng sau đó cho đến khi tay bác sĩ hết nghĩa vụ được trở về nhà, hắn đứng lên hòm đạn ở cửa lân (vận xui của đại đội) tựa người vào cột kim tước chống tám vài hạt đã ngả màu. Theo dõi bốn lính đại đội Bravo tới tới lui lui ngoài cánh đồng - cứ lần sau lại túm tụm hơn, xộc xệch hơn và thảm hại hơn lần trước. Thường chỉ còn vài thằng được vào cửa ải ba trăm mét phải bò lom khom cuối cùng ở trên đỉnh đồi, tính từ vị trí xuất phát là cổng căn cứ : luôn luôn là những khuôn mặt mới, xanh mắt mèo và hốt hoảng ngay cả khi chúng quay về. Nhưng bạn biết không, một tháng hay sáu tuần sau khi đại đội trở về căn cứ, người ta không làm sao còn nhận ra chúng, ngoại trừ hai con mắt. Nhưng những con mắt cũng đã thâm quầng lại rồi.

Và mười, mười hai, mười lăm năm sau, tay bác sĩ nhai đi nhai lại câu chuyện của hắn, đêm này nối tiếp đêm khác, trên chiếc ghế cạnh tường xếp đầy vỏ chai bia phía cuối quán Bar và thịt nướng của Coolidge. Cứ đến lúc tàn cuộc mỗi đêm (khi trời đã mát mẻ và tối sẫm) tay bác sĩ cũng đến lúc thoả mãn và say mèm, nhưng hắn vẫn đủ tỉnh đập quả trứng luộc kĩ đến rần đanh và bóc sạch vỏ trước khi chấm đậm muối rồi cắn một miếng lẫn với mù tạc cay xè. Hắn không đến nỗi say quá nhưng không thể nốc thêm bia và rượu mạnh được (đến một năm nào đấy hắn sẽ uống đến vãi ốm và lăn ra chết). Một tuần đủ bầy tối, hắn ngồi đúng chỗ đó của quán Bar và huênh hoang kể ra hắn đã có thể làm được cái gì đó cho bản thân. "Có thể là một bác sĩ giỏi, ghê đấy chứ?" Hắn găm giữ, sặc mùi rượu. "Nhưng không thể với thằng này, thằng chó chết này." Thằng đó không chết, nhưng đáng lẽ phải chết.

TOBIAS WOLFF

THANH BÌNH dịch

NIỀM VUI NGƯỜI LÍNH

Tobias Wolff sinh năm 1945 tại Birmingham, Alabama. Tập truyện ngắn đầu tiên của ông với tên gọi "Trong khu vườn của những kẻ tử đạo Miền Bắc Mỹ" đã đoạt giải thưởng St. Lawrence. Ông còn đoạt giải P.E.N / Faulkner với tiểu thuyết ngắn "Tên trộm trong trại lính". Những tác phẩm gần đây nhất là hai cuốn hồi ký : "Cuộc đời một chú bé con" và "Trong quân đội của Pharaoh". - Ký ức về cuộc chiến tranh đầy mất mát".

Ngày thứ sáu - đêm thứ 3 trong tuần Hooper lái xe đi trực gác. Thời gian này anh không còn là lính trơn nữa, từ hạ sĩ lên lính cần vụ số một và viên trung sĩ đã quyết định giao việc cho Hooper vào tất cả các buổi tối đến mức anh không còn thời gian để mà suy nghĩ nữa. Đó chính là điều mà viên trung sĩ bảo Hooper khi anh đến phòng làm việc phàn nàn.

"Điều này chỉ có lợi cho anh thôi". Viên trung sĩ nói. "Tôi cũng không mong anh sẽ cảm ơn tôi về chuyện đó". Anh ta kéo quyển sách đang đọc về một phía bàn làm việc

và gấp lại. "Hooper, tôi có một ý kiến với anh", anh ta nói. "Anh có muốn biết không ?".

"Thưa cấp trên, tôi đang nghe đây". Hooper nói.

Viên trung sĩ gác cả ủng lên trên bàn và nhìn ra cửa sổ phía bên trái - Lúc đó đã gần 5 giờ - Chỉ tiết công việc được đưa ra từ nơi tập bắn, khu giặt là và nơi ở của các sĩ quan chỉ huy lữ đoàn, khu vực mà Hooper và một số quân nhân khác đang đào một bể bơi, không có sự trợ giúp của máy móc nào cả. Xe tải đã tới hỗ trợ nên họ xong việc, tụ tập gần doanh trại dưới gốc một cây du đã chết bên cạnh nhà ăn tập thể. Tiếng họ thì thảo trong căn phòng ngăn nắp nơi Hooper đang đứng đợi viên trung sĩ khuyên bảo.

"Anh phật ý với tôi", viên trung sĩ nói, "anh nghĩ rằng anh phải được ngồi ở đây cơ. Anh không biết rằng đó chính là ý nghĩ của mình bởi vì anh hoàn toàn lý tưởng hoá sự không hài lòng của mình, tuy nhiên điều đó là đúng, và chính vì thế giữa anh và tôi tồn tại một kiểu cư xử có tính chất mâu thuẫn lẫn lộn. Nó giống như cách anh thấy kẻ sự đời để chứng tỏ với chính bản thân rằng anh thực sự không hề quan tâm tới. Đó là quan điểm của tôi. Anh có đồng ý với tôi không ?".

"Thưa cấp trên, tôi đang ở trên con đường phía trước ngài", Hooper nói "Đó là kiểu nói chuyện ở lớp học ban đêm".

Viên trung sĩ vẫn nhìn ra ngoài cửa sổ "Tôi không biết", - anh ta nói. - "Tôi không biết anh đang làm gì trong đơn vị của tôi. Anh đã phục vụ 20 năm. Anh có thể đến Mexico sau khi giải ngũ và mua một nhà máy lớn. Sống như một tên độc tài. Anh đang làm gì ở đây, Hooper ?"

Hooper nhìn xuống bàn làm việc. Anh háng giọng nhưng chẳng nói gì.

"Hãy cho tôi biết một vài suy nghĩ của anh", viên sĩ quan nói. Anh ta đứng lên và cùng Hooper đi ra phía cửa. "Tôi không phải là kẻ thù địch của anh", anh ta nói. "Tôi

"Vâng, họ lái xe đến nhà người đàn ông và đổ xuống sân một xe tải chở gỗ và đưa cho ông ta một cái cửa xích. Điều này nằm ngoài sự tưởng tượng của ông ta. Giá mà anh thấy ông ta sung sướng tới mức nào, Hooper ạ. Em chưa bao giờ có được cảm giác như thế".

"Có thể đến khuya anh sẽ tạt qua", Hooper nói. "Chờ anh một chút".

"Em không biết ", Mickey nói "Tốt nhất là hãy gọi cho em trước khi anh tới". Sau khi Mickey gác máy, Hooper cố gọi điện cho vợ nhưng không ai nghe máy. Anh đứng đó và lắng nghe tiếng chuông reo. Cuối cùng anh đặt máy xuống và bước ra khỏi phòng gọi, khi đó trên loa phòng thanh của đại đội người ta đang ra lệnh rút lui. Hooper đi tới và chào theo lối quân sự cùng với mấy người đàn ông đứng gần đó. Bắn tin thật tạp nham, tuy nhiên, như thường lệ, tiếng nhạc làm cho suy nghĩ của Hooper trở nên rời rạc và tình trạng đó kéo dài rất lâu. Sự bất động xuyên suốt người anh. Anh đứng chào như vậy cho đến khi tin cuối cùng kết thúc, sau đó nhanh nhẹn bỏ tay xuống và đi ra phố, hướng hội trường ăn.

*

* *

Sĩ quan trực là đại úy King thuộc sở chỉ huy. Đại úy King chỉ có lịch làm việc vào các tối thứ hai và thứ ba trong tuần. Hooper rất vui khi lại được gặp anh ta bởi đại úy King quá chênh mảng với nhiệm vụ của mình hoặc anh ta chắc chắn là bộ phận trực gác đang làm đúng công việc của họ. Anh ta ở lại trong phòng trực và giao khoán mọi việc cho Hooper.

Đại úy King có khuôn mặt dài xám ngắt và mái tóc màu xanh. Anh ta từng học ở trường điểm miền Tây và đã có 28 năm phục vụ trong quân ngũ cùng với Hooper, hiện

tại đang cố gắng công tác 2 năm nữa để khi nghỉ hưu có thể được lĩnh 3/4 mức lương. Tất cả các bạn đồng lớp đã lên cấp tướng hoặc ít nhất cũng là đại tá, tuy vậy anh ta vẫn tự tìm được những lý do chính đáng mà anh ta đã tâm sự với Hooper trong đêm đầu tiên chỉ có hai người. Viên đại úy này kể cho Hooper nghe những sai lầm trong công tác, sự suy sụp về tinh thần và thói quen dùng thuốc an thần, thoát đầu đây là điều khó hiểu đối với Hooper, tuy nhiên cuối cùng anh đã hiểu: Đại úy King coi anh, một lính cần vụ số một với 21 năm phục vụ trong quân ngũ như là một người đồng đội bị bỏ rơi, một tai họa giống như anh ta, mà không thể phân xét bất kỳ ai cả.

Đêm nóng bức và ẩm ướt. Mấy chú dơi đen nhỏ sà xuống phía trên đầu trong khi đại úy King đi dọc theo hàng quân đến trước những bậc thang phòng trực gác. Anh ta phê bình cách khoá thắt lưng của một quân nhân nào đó. Viên đại úy đưa ra một loạt câu hỏi về các mệnh lệnh, tuy không tỏ dấu hiệu là những câu trả lời đúng hay sai. Anh ta kiểm tra 2 khẩu súng trường và ra vẻ như đã tìm ra sai sót của bộ phận nào đó ở một trong 2 khẩu súng, cho dù hiển nhiên là anh ta khó mà biết được chính xác, và khi dừng lại trước quân nhân cuối cùng trong hàng anh ta bắt đầu diễn văn của mình. Viên đại úy nói rằng trong đời mình chưa bao giờ lại thấy những đội quân thiếu nào như vậy. Anh ta hỏi họ còn mong đợi được gì khi phải đối mặt với kẻ thù đầy dũng khí. Anh ta nói dài lê thê. Đại úy King đã thực hiện cùng một bài diễn văn đó ngày thứ hai và ngày thứ ba. Khi Hooper nhận ra điều này, anh châm một điếu thuốc khác và ngồi xuống tấm ván chuyển hàng của chiếc xe tải mà anh đang tựa vào.

Bầu trời xám xịt. Trông có vẻ nặng trĩu và ẩm ướt, treo nặng trên đầu, bất thường bởi tiếng âm ỉ và những ánh chớp loé phía xa. Hooper toát mồ hôi khi ngồi ở đó. Phía

bên kia trạm gác, một dòng xe đang lao trên con đường về hướng Tacoma. Từ cầu lạc bộ sĩ quan nằm cách xa đường cái vang lên âm thanh bị nghẹt tiếng của thứ nhạc rock, hầu như đã bị át đi, giống như mọi tiếng động khác của buổi tối qua tiếng kêu của môn bóng ném cricket vang lên khắp chốn và toả vào không khí như hơi đốt.

Khi đại uý King kết thúc cuộc nói chuyện, ông giao nhiệm vụ cho mấy quân nhân tới chỗ Hooper để vận chuyển thư từ. Hai người trong số họ, cả hai đều là lính trơn thuộc đại đội Hooper và anh cho phép họ cùng ngồi trên cabin của chiếc xe tải, trong khi số còn lại ngồi sau thùng xe. Một người là nuôi quân tên Porchoff, mọi người vẫn gọi là Porkchop (Băm Thịt Lợn) - Người kia từng là thợ sửa chữa Radio tên là Trác đã cố gắng thoát thân khỏi Sài Gòn khi thành phố thất thủ bằng cách bám vào má phanh của một máy bay lên thẳng. Đó là câu chuyện Hooper nghe kể lại, dù sao đi nữa anh cũng chẳng có lý do để không tin, anh đã thấy rất nhiều lần mọi người cười đùa chuyện đó, mặc dù rất ít người trong số họ còn trẻ như Trác đã từng phải làm như thế lúc bấy giờ - nhiều lắm là hơn 8 hoặc 9 tuổi. Khi Hooper thử hình dung cậu con trai Wesley của anh cùng lứa tuổi đó, thoát thân khỏi một thành phố đang cháy bằng cách tương tự, anh không khỏi thấy buồn cười.

Tuy nhiên, Trác đã không kể về chuyện đó. Chẳng có gì để đoán biết được về quá khứ của anh ta ngoại trừ một vết sẹo sâu hình lưỡi liềm, nằm phía trên mắt phải anh ta. Đối với Hooper vết sẹo này có một cái gì đó rất quen thuộc. Một đêm, khi quan sát Trác chơi trò chơi điện tử trong phòng giải trí của đại đội, Hooper phải vất vả lắm mới khẳng định được rằng anh đã từng gặp Trác trước đây ở một nơi nào đó - cuối trâu trên cánh đồng hoang ngập nước hay chạy dọc theo chiếc xe bọc thép chở quân của

Hooper với một lũ trẻ con đánh cá ăn tiền, ăn cướp dừa hoặc một túi đầy cỏ dại, hay mang theo một con khỉ còm nhom bám vào thanh cũi.

Mặc dù Hooper đã mở cửa kính, nhưng cabin xe vẫn sặc mùi nước hoa thoa mặt sau khi cạo râu. Hooper nhận ra rằng Trác đang đeo tai nghe Walkman màu vàng da cam bên dưới lớp lót của mũ sắt. Như thế là vi phạm nguyên tắc song Hooper không nói gì. Tai của Trác bị bít lại nên anh ta không biết được về những người vi phạm và cuối cùng làm rơi khẩu súng trường tại nơi bọn sóc đang ăn hạt sỏi. Trong tất cả nhóm lính gác chỉ có Trác và Porchoff được mang đạn, bởi họ đã được bổ nhiệm tới trung tâm liên lạc của tiểu đoàn, nơi có một điểm nối với máy vi tính của sư đoàn. Có ý kiến cho là nếu kẻ đột nhập biết được ngón nghề thì hẳn có thể nắm được những tài liệu tuyệt mật. Điều đó Hooper được biết qua những giải thích. Hooper cho rằng đây là chuyện vô lý. Dù sao người Nga cũng đã biết tất cả.

Hooper dừng xe cho hai quân nhân đầu tiên xuống canteen và sau đó hai người tiếp theo xuống điểm đỗ xe bên ngoài câu lạc bộ sĩ quan, nơi có một vài xe con đã bị phá hoại. Khi họ đi tiếp, Porchoff tựa vào Trác và túm tay áo Hooper. "Ngài đã từng là một hạ sĩ quan?" Anh ta nói.

Hooper lắc cánh tay buông lỏng của Porchoff. Anh nói: "Tôi đang lái xe tải, anh không nhận ra điều đó hay sao".

"Làm thế nào mà ngài bị bắt?"

"Không phải việc của anh".

"Tôi đang muốn biết!" Porchoff nói. "Dù sao cũng phải có chuyện gì xảy ra chứ?"

"Bình tĩnh lại đi, Porkchoff", Trác nói. "Không người nào muốn kể về chuyện đó, đúng không?"

"Chính anh nên bình tĩnh mới phải, đồ ngốc ạ" Porchoff nói. Anh ta nhìn Trác. "Tôi đang nói chuyện với anh đấy à?"

"Người anh em, đừng có tự ăn thịt mình".

"Tôi không tin rằng tôi đang nói chuyện với anh", Porchoff nói "Đúng là, tôi không tin nổi tôi và anh đã được giới thiệu một cách hợp thức. Một điều nữa là tôi không thích quân đội, cái cách mà anh đã không giới thiệu về mọi người cho cảm giác dễ dàng thấy được sự chân thật trên khuôn mặt anh và cởi bỏ những ý nghĩ bậy bạ trong đầu họ. Chuyện này xảy ra thường xuyên. Tuy vậy tôi chưa bao giờ nghe thấy ai nói "bình tĩnh lại đi" trước đó. Anh là một nhà tạo lập thành ngữ, đồ ngốc ạ".

"Đủ rồi đấy," Hooper nói.

Porchoff quay đi và nói "Đủ rồi đấy" bằng chất giọng the thé. Một lúc sau, anh ta bắt đầu khẽ ngậm nga một mình.

Hooper cho một số người còn lại xuống và lái xe lên đỉnh đồi về phía trung tâm liên lạc. Dọc theo con đường rải sỏi hai bên đầy cỏ dại với vô vàn những bông hoa màu trắng đang xám lại dưới ánh sáng tối sẫm. Sỏi kêu lạo xạo dưới lốp và bắn lách cách vào gầm xe. Porchoff đã thôi ngậm nga. "Tôi bị chuột rút," anh ta nói.

Hooper tiến tới cổng và tắt máy. Anh nhìn sang phía Porchoff.

"Có vấn đề gì vậy anh bạn?" Anh hỏi.

"Tôi bị viêm cơ" Porchoff nhắc lại.

"Ồi lạy chúa", Hooper nói. "Tại sao anh không nói từ trước?"

"Tôi đã đi khám, song bác sĩ không tìm ra nguyên nhân. Đau cơ khắp nơi. Hiện giờ là bị ở đây". Porchoff sờ lên cổ. "Tôi nguyên rửa chúa".

"Hãy theo dõi bệnh," Hooper nói. "Anh có thể đi khám lại vào sáng mai."

"Ngài không cho là tôi đang nói thật," Porchoff nói.

Ba người ra khỏi xe tải. Hooper đếm đạn đưa cho Porchoff và Trác, anh quan sát cách họ lắp đạn vào súng. "Vũ khí đạn được cấm được xem," anh nói. "Hãy quên chuyện tôi đã giao chúng cho các anh. Nếu các anh gặp chuyện gì khó khăn không giải quyết được hãy gọi điện ở trong lán gác. Các anh có thể phân công nhau trực theo ca". Hooper mở cổng và khoá hai người ở bên trong. Họ đứng nhìn anh, khuôn mặt lẫn trong bóng tối, nòng súng trường màu đen nhô qua vai. "Hãy nghe đây," Hooper nói. "Không ai được vào khu vực này, các anh hiểu chứ?"

Trác gật đầu. Porchoff nhìn anh.

"Thế là ổn," Hooper nói. "Tôi sẽ quay lại sau. Tôi và đại úy" Hooper thừa biết đại úy King chẳng đời nào chịu đi đâu, tuy nhiên Trác và Porchoff thì không biết điều đó. Hooper tỏ ra cư xử tốt hơn khi anh cho là mình đang bị theo dõi và anh nghĩ rằng điều tương tự như vậy là sự thật của một số người khác.

Hooper quay trở lại xe tải và nổ máy. Anh bật tín hiệu V và ra hiệu với người lính gác cổng. Trác đáp lại tín hiệu và quay mặt đi, Porchoff không hề nhúc nhích. Anh ta ngồi im một chỗ, những ngón tay đan vào một sợi dây thép. Trông anh ta như đang sắp khóc "Đồ chết tiệt", Hooper nói và dận ga. Sỏi va vào nhau kêu lách cách dưới gầm xe. Khi Hooper ra đến đường cái thì bất đầu có mưa nhỏ, nhưng mưa tạnh trước khi anh bật cái gạt nước.

*

* *

Hooper và đại úy King ngồi trên hai chiếc giường kê sát nhau trong phòng trực chẳng có một ai, trừ hai người. Có một con dơi đang bay ra phía sau dọc theo rui nhà trong bóng tối lơ lờ. Vào các đêm trực thứ hai và ngày thứ ba, đại úy King thường mang theo một tủ đá đựng đầy các chai loại nhỏ nước lê. Anh ta cố nài Hooper uống một chai, song Hooper từ chối. Sự khước từ đó làm cho viên đại úy cảm thấy có lỗi. "Đây không phải là thứ hảo hạng", King nói và nhìn cái chai đang cầm trong tay. "Tôi không dùng loại này hoặc thứ đồ uống tương tự bởi vì tôi đã từng đến Point". Anh ta cúi xuống và đặt cái chai giữa hai chân trần. "Tôi dị ứng với loại rượu cồn", anh ta nói. "Mặt khác có thể tôi lại là một người nghiện rượu. Tại sao lại không cơ chứ ? Tôi đã uống mọi thứ rượu rồi mà". Anh ta mỉm cười với Hooper.

Hooper xoay lưng lại và luồn hai tay xuống dưới đầu, nhìn chằm chằm vào những tấm đệm ở phía trên. "Tôi không uống được nhiều," anh nói. Anh biết rằng đại úy King rất muốn được giải thích tại sao anh lại từ chối uống nước lê, nhưng thực ra chẳng có lý do gì đặc biệt. Hooper không hề muốn giải thích.

"Tôi đã từng uống rượu trứng một lần vào dịp lễ giáng sinh khi còn rất nhỏ và nó suýt nữa đã giết chết tôi", đại úy King nói. "Chân và tay tôi sưng to gấp đôi. Các bác sĩ không tài nào lôi kính ra khỏi mắt tôi bởi da xung quanh mắt đã thít chặt lấy chúng. Anh đã biết một cây cái sẽ mọc lên vòng quanh một tảng đá. Thì trường hợp này tương tự như vậy. Vài tháng sau tôi thử uống bia tại một bữa tiệc cùng bọn trẻ trong lớp và điều tương tự lại xảy ra. Một hiện tượng lạ đầy thú vị, đúng không ?"

"Vâng, thưa ngài!" Hooper nói.

"Tôi đã từng nghĩ điều này rút cục là tốt. Tôi có thêm một cá tính nữa và anh có thể cá cược đến đồng đô la cuối cùng của anh rằng tôi là một kẻ uống rượu không bình thường. Chẳng có gì đáng nghi ngờ cả. Nhưng hiện giờ tôi lại thấy lầm lạc. Nếu tôi có một nhược điểm lớn như thế thì lẽ ra tôi không có tất cả những nhược điểm còn con đã phải gánh chịu. Tôi biết rằng chuyện đó thật ngớ ngẩn, nhưng hãy nhớ tới Alexander Đại Đế mà xem. Ông ta là người thích uống rượu. Anh có biết chuyện đó không?"

"Thưa không", Hooper nói.

"Đúng, ông ta là một người như thế. Hãy đọc lịch sử thì biết. Như Churchill chẳng hạn. Churchill uống hết một chai cô nhắc trong một ngày. Và tất nhiên đây là một con người lỗi lạc. Anh có biết Lincoln nói gì khi có ai đó than phiền về tật uống rượu của ông ta không?"

"Thưa có biết. Tôi đã từng nghe chuyện này".

"Lincoln nói, "Hãy tìm biết loại rượu kẻ ấy đang dùng, để tôi có thể chở một thùng cho các sĩ quan của tôi". Đó có phải là chuyện anh đã nghe không?"

"Vâng".

Viên đại úy King gật gù. "Tôi thuộc nhóm những người như thế" Anh ta nói. Anh ta vươn người và lấn chỗ Hooper đang nằm. Điều này làm cho Hooper cảm thấy mất thoải mái. Anh ngồi dậy và đặt chân xuống sàn nhà.

"Anh cưới vợ rồi chứ?" King hỏi.

"Vâng."

"Có con chưa?"

"Rồi, một cháu. Tên là Wesley."

"Ồi lạy chúa, một cậu con trai". King kêu lên. "Chúng chẳng ra làm sao cả nhưng lại gây phiền nhiễu, anh hãy nhớ lời tôi nói. Chúng sắp sẵn dự định chán ghét anh. Nó buộc phải làm như thế, mặt khác toàn bộ cuộc sống của chúng diễn ra một cách sầu muộn quanh ngôi nhà. Tuy vậy những chuyện tương tự như thế cũng chẳng có gì đáng cười khi chúng xảy ra. Tôi có hai thằng con trai và cả hai đứa đều không hợp được với tôi. Tôi đã sống xa gia đình nhiều năm. Thật là điều đáng buồn. Tất nhiên tôi là một người cha tồi tệ nhất. Con anh bao nhiêu tuổi?"

"Mười sáu hay mười bảy gì đó". Hooper nói. Anh đặt hai tay lên đầu gối và nhìn xuống sàn nhà. "Nó mười bảy tuổi, đang sống cùng em gái vợ tôi tại San Diego".

Đại úy King quay đầu lại nhìn Hooper. "Có vẻ anh cũng không phải là một người cha thực thụ".

Hooper bắt đầu buột chặt dây giày.

"Tôi không có ý phê phán". Đại úy King nói, "ít ra là anh cũng đủ khôn khéo để bắt ai đó phải làm việc". Anh ta ngáp. "Tôi là người giờ đầu chịu báng". Anh ta nói. "Anh có cần tôi làm gì không? Anh có muốn tôi đi cùng anh mấy vòng không?"

"Tôi sẽ chú tâm tới mọi việc, thưa ngài". Hooper nói.

"Anh thật trung thành". Đại úy King nhắm mắt lại. "Anh làm tôi muốn gào thét lên".

Hooper đi ra ngoài và châm thuốc hút. Đã quá nửa đêm, những người lính đã trực gác được quá nửa thời gian. Anh đi về phía chiếc xe tải, lũ muỗi kêu vo trên đầu. Gió thổi nhẹ trên các ngọn cây, song dưới đây không khí nóng bức và ngột ngạt.

Hooper đi mấy vòng. Anh đến thăm tất cả những lính gác trừ Porchoff và Trác, và thấy mọi việc đều vào đấy.

Chàng có vấn đề gì cả. Anh đi ra đường cái, tới trung tâm liên lạc, tuy nhiên khi tiến ra lối rẽ anh tập trung quan sát phía trước mặt và lái xe qua. Không khí đầy mùi hương và hơi ấm toả vào mặt anh qua khung cửa kính xe. Phía trước con đường vắng tanh. Hooper cúi xuống và dấn chân ga. Động cơ nổ giòn. Bây giờ anh mới đi, mới thực sự là lái xe, đi qua những doanh trại tối om, và những cột cờ treo trĩu và những bụi cây dại, hoa sáng lấp loá dưới ánh đèn ô tô. Hooper cười. Anh không cảm thấy dễ chịu xong vẫn cười và lái xe nhanh hết cỡ.

*

* *

Hooper giảm tốc độ khi anh rời khỏi đồn. Lúc này anh đã bỏ vị trí trực mà không xin phép. Thậm chí nếu không tìm được lý do để bào chữa cho điều này thì anh cũng mặc.

Những người lái xe say khướt đang cố gắng điều khiển ô tô của họ quay trở lại giữa hai làn đường. Cứ cách nửa dặm lại có một xe cảnh sát dừng đèn chặn ai đó vào bên lề đường. Những xe khác của cảnh sát đang đậu bên cạnh những tấm pano quảng cáo. Hooper dừng lại ở làn đường bên phải và lái thật chậm cho đến khi tiến vào chỗ ngoặt rồi mới khởi động lại máy, chạy nhanh trên đoạn phố đầy ổ gà dẫn tới nhà Mickey. Anh đi ngang qua một đám trẻ đang tụ tập trên tấm bạt phủ ô tô với những can bia cầm trong tay. Cửa ô tô được mở ra và Hooper phải đi lệch hướng để đánh lạc hướng. Anh vừa đi vừa nghe tiếng kêu.

Khi đến nhà Mickey, Hooper tắt máy. Chiếc xe tải chạy im lìm trên phố, và Hooper lại bắt đầu nghe thấy âm thanh của trò ném bóng. Anh dừng xe bên phải nhà Mickey và ngồi nghe. Tiếng đập mạnh dường như mỗi lúc một to hơn. Hooper ngồi mơ màng về quá khứ, điều thuốc trên

môi đã tắt, rơi tằm còn nóng vào tay. Chính lúc đó anh cảm thấy hơi nóng của củi cháy đốt nóng da thịt mình. Hooper giật mình bởi một nỗi đau khác, nỗi đau vì biết được mình đang ở đâu. Cảm giác đó làm anh ngạt thở trong chốc lát. Khi đó anh bình tĩnh và xuống xe.

Các cửa sổ đều tối. Chiếc Buick của Mickey đang đậu ở đường ô tô trong sân nhà, bên cạnh một chiếc xe mà Hooper không nhận ra là của ai. Nó chẳng phải là của chồng Mickey và cũng không phải của Briggs. Hooper liếc nhìn sang những nhà xung quanh, sau đó đi bộ dọc theo phố và nép mình dưới những cành liễu trong sân trước nhà Mickey. Anh quỳ gối xuống đó để cho dễ thở hơn, không có tiếng động gì, ngoài âm thanh của môn bóng ném và tiếng chạy của một máy điều hoà cỡ lớn mà chồng Mickey mang từ nhà để máy bay trực thăng về. Hooper thấy rằng không có lý do gì để ngồi dưới gốc cây, nên anh đứng dậy và đi về phía ngôi nhà. Anh nhìn quanh một lần nữa, sau đó chùng đầu gối và lần dọc theo bờ tường. Anh đi vòng qua một góc của ngôi nhà và bắt đầu đi tới phòng ngủ của Mickey, nơi có một vòng tròn ánh sáng bỗng bật sáng trên đầu và giọng nói của một phụ nữ vang lên "Người không được phạm tội ngoại tình".

Hooper nhắm mắt lại. Sự im lặng kéo dài. Sau đó người phụ nữ đó nói "Đi lại gần đây".

Cô ta đứng ở đường ô tô trong sân nhà kế bên. Khi Hooper tiến lại gần, cô ta chìa khẩu súng lục vào mặt anh và bảo anh giơ tay lên. "Một quân nhân", cô ta nói, chuyển ánh sáng xuống dưới và chiếu vào bộ quân phục của anh "Thôi được, anh bỏ tay xuống". Cô ta tắt đèn và đứng quan sát Hooper trong ánh sáng màu xanh lập loè hắt ra từ khung cửa phía sau cô ta. Hooper nghe thấy tiếng chó sủa

lần thứ hai và giọng một người đàn ông. Con chó lại sủa hai tiếng nữa.

"Tôi muốn biết anh đang làm gì vậy?". Người phụ nữ hỏi.

"Tôi cũng không biết đích xác nữa" Hooper nói. Lúc này anh đã nhìn thấy cô ta rõ hơn. Một phụ nữ cao và gầy. Cô ta đeo kính gọng đen và mặc chiếc váy ngủ màu trắng may theo kiểu bọn con gái thường gọi là "khuôn mẫu" khi Hooper còn học đại học - bó chặt eo và loe ra ở dưới hông, bộ ngực bó chặt trong chiếc áo lót rất khó coi. Những vết hăm trên má cô ta bị che khuất trong bóng tối. Phía dưới đường ren mép váy là một đôi chân trần và thô.

"Tôi biết anh đang làm gì", cô ta nói. Cô ngắm nghía khẩu súng lục, loại súng 45 của quân đội có tại nhà Mickey. "Anh đang đánh hơi quanh nhà con điểm đăng kia".

Có ai đó đi tới bên cửa phía sau cô ta. Một giọng sâu cất lên "Có phải là hán ta không?"

"Bố cứ ngồi trong nhà, bố" Cô ta trả lời "Chẳng có ai đâu".

"Đúng là hán rồi !" Người đàn ông hét lên "Đừng để cho hán nói với con một lần nữa về chuyện đó. Hãy làm đi khi con đã có cơ hội, con yêu ạ".

"Anh muốn gì ở con điểm đó?" Cô ta hỏi Hooper. Không để anh trả lời, cô ta nói "Tôi có thể bắn anh và không ai có quyền phản đối. Tôi rất biết pháp luật".

Hooper gật đầu.

"Tôi chẳng thấy gì hấp dẫn cả", cô ta nói "Tuy nhiên tôi không phải là đàn ông". Cô phá lên cười "Anh có biết chuyện gì không? Tôi thì biết. Tôi đã định bắn anh. Tôi đã sắp làm điều đó, nhưng khi đó tôi nhìn thấy bộ quân

phục" Cô ta lắc đầu "Thật xấu hổ cho anh. Danh dự của anh để đâu?"

"Đừng để cho hấn nói" người đàn ông đứng ở ngưỡng cửa nói. Ông ta bước ra, một người đàn ông cao, tóc bạc, mặc bộ pizama kẻ sọc "lại là anh đấy là" ông ta nói "Tôi sẽ nhảy múa trên mộ của anh".

"Không phải anh ta đâu, bố" Cô ta nói với giọng buồn bã "Một người khác đấy".

"Thì anh ta đang nói" người đàn ông dộp lại. Ông ta bắt đầu bước ra con đường để ô tô đậu, nhảy lò cò từng chân trên sỏi. Cô con gái đưa cho ông cái đèn và ông bật đèn chiếu thẳng vào mặt Hooper, sau đó lia chậm xuống đôi ủng dưới chân anh "Con gái ơi, đây là một anh lính" ông nói.

"Con đã nói với bố là không phải anh ta rồi còn gì" cô con gái nói.

"Thật là một sự nhầm lẫn kinh khủng" ông già nói "Anh à, tôi lỡ lời"

"Cho qua chuyện ấy bác ạ" Hooper nói với ông ta "Cháu không nghĩ ngợi gì đâu".

"Anh thật tử tế" ông già nói. Ông ta chìa tay ra và bắt tay Hooper "Anh trông khoẻ khoắn thật" ông nói "Thế mới đáng kể chứ" ông quay đầu về phía ngôi nhà "Vào nhà uống chút gì đi anh bạn".

"Anh ta phải đi bây giờ" cô con gái nói "Anh ta đi tìm một cái gì đó và đã tìm thấy".

"Đúng vậy" Hooper nói với ông ta "Cháu đang trên đường trở về căn cứ".

Ông già khẽ cúi đầu chào "Anh về căn cứ nhé. Chúc ngủ ngon"

Hooper và cô con gái quan sát cách ông quay trở lại khu nhà. Khi ông đã vào nhà, cô ta quay sang Hooper và nói: "Nếu tôi nói cho cha tôi biết anh đang làm gì ở đây thì sẽ làm ông cụ đau tim. Tuy nhiên tôi đã không nói. Đời ông đã quá đủ những thất vọng và chỉ có chúa mới biết tiếp theo sẽ là chuyện gì. Ông đang có chuyện không vui". Cô ta tự ngừng lời và nhìn Hooper một cách khó chịu "Tại sao anh còn đứng đây ?" cô ta hỏi một cách giận dữ "Hãy quay trở lại đồn đi".

*

* *

Khi Hooper quay trở lại phòng trực đại úy King vẫn đang ngủ. Ngón tay cái cho vào trong miệng và anh ta đã tạo ra tiếng động nhỏ khi mút tay. Hooper nằm sang giường bên cạnh, hai mắt mở to. Viên đại úy chỉ thức giấc vào lúc 4 giờ sáng khi chuông điện thoại reo vang.

Đó là Trác gọi từ trung tâm liên lạc. Anh ta nói rằng Porchoff doạ sẽ tự sát, và doạ bắn Trác nếu Trác cố tình ngăn cản anh ta. "Thằng cha vô dụng bị tâm thần" Trác nói "Ngài đưa tôi ra khỏi chốn này và tôi muốn đi ngay bây giờ".

"Chúng tôi sẽ có mặt ở đó" Hooper nói "Hãy cho anh ta sang một phòng lớn. Đừng có giật súng hay bất cứ cái gì của anh ta".

"Thật là một dịp hiếm có" Trác nói "Thưa ngài, ngài có biết hán ta gọi tôi là gì không ? Hán gọi tôi là tên ngọc. Tôi mong hán tự kết liễu đời hán. Tôi không cần".

"Hãy để mắt tới anh ta nhé" Hooper nói với Trác. Anh đặt ống nghe xuống và đi đánh thức đại úy King bởi đây là sự hỗn loạn và anh muốn sự hỗn loạn sẽ làm cho đại úy sợ thọt dãi lên cổ. Anh đi đến chỗ đại úy King và đứng nhìn

anh ta. Ngón tay cái của anh ta đã tuột ra khỏi mồm, tuy vậy tiếng mút tay vẫn còn và môi cong lên. Hooper quyết định không đánh thức anh ta dậy nữa. Thế nào đại úy King cũng từ chối tới đó, tuy nhiên nếu có đến thì anh ta chắc chắn sẽ gây lộn xộn. Chỉ cần sự có mặt của anh ta cũng đủ để làm cho ai đó vãi đạn ra rồi.

Mưa nhỏ bắt đầu rơi. Đường cái vắng tanh trừ một chiếc jeep chuẩn bị rẽ đi sang một con đường khác. Hooper vẫy tay chào hai người đàn ông ngồi phía trước khi họ đi qua và cả hai người đó đều vẫy đáp lại. Hooper cảm thấy trào dâng một tình cảm thân thiết đối với họ. Anh lái xe theo ánh đèn của họ phản chiếu qua gương cho đến tận khi xe của họ lùi lại đằng sau.

Hooper đậu xe giữa chừng và đi bộ nốt đoạn còn lại. Lúc bảy giờ mưa trở nên nặng hạt, rơi liên tục xuống vai áo choàng pôn-sơ của anh. Mùi hương hoa từ đất xông lên ngào ngạt và ngọt dịu. Anh đi chậm, sỏi lạo xạo dưới ủng. Khi anh tiến đến cổng thì phía bên trái một giọng nói vang lên "Thằng cha kia, người đang làm tổn thời gian của mình đấy". Trác từ bóng tối bước ra và đứng đợi trong khi Hooper đang cố tra vào ổ khoá. "Ngài vào đi" Trác nói. Anh ta quay người lom khom đi tới chỗ hàng rào và vùng vẫy khẩu súng trường bên này sang bên kia.

"Được rồi" Hooper nói. Hooper mở khoá và Trác kéo cánh cổng. "Xe tải đồ ngoài kia", Hooper bảo anh ta "Đi vòng qua chỗ rẽ".

Trác đứng cạnh Hooper, thở hổn hển và đổi chân liên tục. Mặt anh ta tối sầm lại bên dưới chiếc mũ trùm đầu của cái áo choàng Pôn-sơ sáng màu. "Ngài muốn chuyện này phải không?" Anh ta hỏi. Anh ta tháo khẩu súng trường khỏi vai.

Hooper nhìn khẩu súng. Anh gật gù: "Porchoff hiện đang ở đâu?"

"Ở phía đằng sau" Trác nói "ở đó có mấy chiếc bàn để dùng khi đi dã ngoại".

"Được rồi", Hooper nói "Tôi sẽ để ý. Hãy đợi ngoài xe nhé"

"Bây bạ quá, thưa ngài, tôi cảm thấy cứ như là cứ ấy" Trác nói "Thưa ngài, tôi sẽ yểm hộ cho ngài".

"Rất tốt", Hooper nói "Tôi có thể tự giải quyết được".

"Từ trước đến nay tôi chưa từng giết ai cả" Trác nói. Anh ta quay lưng lại và đi ra xa.

"Anh sẽ không giết người", Hooper nói "Sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra đâu".

Trác đi ra đường cái. Hooper nhìn theo cho đến khi anh ta khuất hẳn ở lối rẽ để chắc chắn rằng anh ta sẽ không quay lại. Gió mạnh bắt đầu thổi, đập vào những ngọn cây, làm cho những giọt nước mưa qua lá cây rơi xuống lộp bộp. Tiếng sấm âm ỉ phía xa.

Hooper quay vào và đi qua cổng vào trong khu đất rào kín. Những bụi cỏ dại và đường ống sấm lại thật khó nhận ra trong làn nước mưa. Hooper đi dọc theo hàng rào bên phải, liếc nhìn vào bóng tối. Khi nhìn thấy Porchoff đang gục trên bàn picnic, anh dừng lại và gọi, "Này, Porchoff ! Tôi đây - Hooper đây".

Porchoff ngẩng đầu lên.

"Tôi đây mà", Hooper nói, tiếp sau câu nói, anh cho anh ta thấy hai tay mình không cầm gì cả, anh nhìn thấy khẩu súng trường đặt trên bàn trước mặt Porchoff. "Tôi đây", Anh nhắc lại một cách đơn điệu. Anh đứng lại bên một chiếc bàn picnic cách chỗ Porchoff ngồi khoảng ba

mét, và ngồi xuống ghế. Anh quan sát Porchoff. Một lúc lâu cả hai chẳng ai nói câu nào. Sau đó Hooper nói "Này, Porchoff, hãy kể đi. Trác nói với tôi là anh có một vài vấn đề về quan điểm".

Porchoff không trả lời. Nước mưa trôi qua mũ rơi xuống vai anh và không ngừng chảy vào mặt. Bộ quân phục của anh ướt sũng, dính chặt vào da thịt. Anh ta nhìn Hooper chăm chăm và chẳng nói gì cả. Khi đó hai vai anh ta rung mạnh.

"Anh là người đồng tính luyến ái đúng không ?" Hooper hỏi.

Porchoff gật đầu.

"Vậy thì sao nào ? Người ta châm biếm anh hay có chuyện gì hả ? Anh nên kể cho tôi biết, Porchoff. Không thành vấn đề gì đâu"

"Tôi không nghiện ma túy" Porchoff nói. Đó là câu nói đầu tiên của anh ta. Giọng rất bình tĩnh.

"Tốt", Hooper nói "Tôi cho là ít nhất tôi biết mình đang nói chuyện với anh chứ không phải với các loại hoá chất dễ sợ đó. Bây giờ thì hãy nghe đây, Porchoff. Tôi không muốn anh chĩa khẩu súng đó về phía tôi. Anh có hiểu không ?".

Porchoff nhìn khẩu súng, sau đó quay sang nhìn Hooper. Anh ta nói "Ngài hãy để cho tôi yên và tôi sẽ để ngài yên".

"Tôi đã từng bị một người xua đuổi một lần trong đêm" Hooper nói "Tôi mới vừa rời khỏi nơi đó". Anh thọc tay xuống phía dưới tấm áo choàng pôn-sô và lấy ra một hộp thuốc lá. Anh đưa nó cho Porchoff.

"Tôi không hút thuốc", Porchoff nói.

"Được, thế thì tôi hút" Hooper nói. Anh rút một điếu ra và châm lửa. "Này", anh nói "Xong rồi. Một cuộc đối chọi". Anh bỏ bao thuốc trở lại túi quần và dùng hai tay khum điếu thuốc dưới bàn để khỏi bị ướt. Bây giờ mưa rơi nhẹ trong khi gió thổi mạnh từng đợt, giống như phun bằng bình phun sương. Mây chuyển sang màu xám tro. Tia sáng mờ rạch ngang bầu trời. Hooper nhìn thấy đôi vai Porchoff không ngừng co rúm lại, môi anh ta xám ngắt và run lên. "Hãy mặc áo choàng Pôn-sô vào đi", Hooper bảo anh ta.

Porchoff lắc đầu.

"Anh muốn bị viêm phổi phải không ?" Hooper hỏi. Anh mỉm cười với Porchoff. "Đứng dậy đi, anh bạn. Mặc áo choàng vào".

Porchoff gập người xuống và lấy hai tay che mặt. Hooper nhận thấy anh ta đang khóc. Anh hút thuốc và chờ cho anh ta thôi khóc, nhưng Porchoff vẫn khóc và Hooper bắt đầu thấy hết kiên nhẫn. Anh hỏi : "Anh định tự bắn chết mình theo cái kiểu giết rách gì vậy?"

Porchoff lau mắt bằng hai mu bàn tay. "Sao tôi lại không được làm thế?"

"Tại sao anh lại không được ? Anh nói cái gì vậy, tại sao anh lại không có quyền à?"

"Tại sao tôi lại không được bắn vào chính mình ? Hãy cho tôi biết lý do"

"Không có lý do gì cả. Song tôi sẽ cho anh vài lời khuyên" Hooper nói. "Anh không nên chạy vòng quanh để hỏi tại sao lại không được bắn mình. Đó là một sự suy đồi về đạo đức. Bây giờ hãy tỏ ra có thiện ý với tôi và mặc áo choàng vào".

Porchoff ngồi run lên vì lạnh một lúc. Sau đó anh ta tháo thắt lưng ra khỏi áo choàng, chẳng cuộn lại, và bắt đầu chui đầu qua áo. Hooper định chụp lấy khẩu súng song lại thôi. Chẳng cần thiết, hiện tại anh đang tự do như ở nhà.

"Ngài có biết họ gọi tôi là gì không ?" Porchoff hỏi.

"Họ là những ai hả, Porchoff ?"

"Tất cả mọi người"

"Không phải tất cả đâu. Họ gọi anh là gì cơ chứ ?"

"Porchoff. Băm Thịt Lợn"

"Thôi mà", -Hooper nói. "Có hại gì trong việc gọi đó ? Mọi người đều có một cái biệt hiệu nào đó".

"Nhưng đó lại là tên tôi", Porchoff nói "Đó là tôi. Nó được gọi như vậy thậm chí cả khi mọi người gọi tên thật của tôi tôi vẫn nghe thấy *Porkchop*. Tất cả những gì tôi có thể nghĩ ra được đó là một miếng thịt to. Và mọi người cũng nhìn nhận ra điều đó. Ngài có thể nói là họ không nghĩ, nhưng tôi biết là họ nghĩ tới điều đó".

Hooper nhận ra một phần sự thật trong chuyện này, thực tế nhiều là đáng khác, bởi bản thân anh khi nói Porchoff cái mà anh trông thấy : đó là một miếng thịt sườn.

"Tôi luôn thấy đau đớn", Porchoff nói "Nhưng không ai thêm tin tôi. Thậm chí cả các bác sĩ. Ngài cũng không tin tôi".

"Tôi tin anh", Hooper nói.

Porchoff chớp mắt. "Chắc là vậy", anh ta nói.

"Tôi tin anh", Hooper nhắc lại. Anh để mắt tới khẩu súng trường. Porchoff sẽ không huỷ hoại đời mình song khẩu súng vẫn làm cho Hooper thấy khó chịu. Anh định

bảo Porchoff đưa nó cho anh song quyết định chờ một lúc nữa. Bằng cách này hay cách khác cũng là không đúng thời điểm.

Hooper hất mũ trùm đầu ra phía sau và cởi chiếc mũ lính bên trong ra. Anh liếc nhìn những đám mây tái nhợt.

"Tôi không nghi ngờ điều đó", Hooper nói "Anh gọi mọi người là ngốc, luôn đe dọa họ. Chúng ta hãy nhìn nhận thẳng vấn đề, Porchoff, cá tính của anh cần có sự biến đổi".

"Nhưng người ta sẽ không cho tôi cơ hội", Porchoff nói "Tất cả những việc tôi từng làm là nấu ăn. Tôi xúc vào đĩa cho họ và họ đã làm vỡ đĩa và bỏ đi. Cứ như là không có mặt tôi ở đó. Vậy tôi phải hành động ra sao đây?"

Hooper tiếp tục nhìn những đám mây, anh cảm thấy có mưa nhẹ bay vào mặt. Chim đã bắt đầu hót trên bờ rào. Anh nói "Tôi không biết, Porchoff ạ. Đó là một phần trong lối sống nhàm chán của chúng ta". Hooper cúi thấp đầu và nhìn Porchoff đang ngồi rụt vai bên trong chiếc áo choàng pôn-sô, rung người như là có sự rung nhẹ đang xuyên qua anh ta, "và sẽ tới ngày" Hooper nói "mọi cái sẽ thay đổi".

"Cha tôi đã từng phục vụ trong đội lính gác danh dự ở Ohio", Porchoff nói. "Ông vẫn thường kể về những kinh nghiệm quý báu mà ông và những người bạn thân từng có, dựng trại và vân vân. Chẳng có gì giống những chuyện đang xảy ra với tôi". Porchoff nhìn xuống bàn, sau đó ngược lên và nói "Thế còn ngài ? Thời kỳ nào là tuyệt vời nhất với ngài ?"

"Thời gian tuyệt diệu nhất của tôi" Hooper nói. Câu hỏi này làm cho anh cảm thấy mệt mỏi. Anh định bịa chuyện gì đó kể cho Porchoff nghe nhưng sự cố gắng để làm được điều đó ngoài tầm của anh và ký ức mà Porchoff muốn

biết đang hiển hiện trong anh. Với Hooper nó gần gũi hơn những ký ức về gia đình. Thực ra nó cũng là một dạng thuộc về gia đình. Đó là nơi anh cùng bạn bè đã quay trở lại một lần nữa và đây chính là cái tôi đạo trước của anh. Đó là nơi Hooper từng trôi dạt khi anh còn quá thấp kém đến mức không quan tâm tới điều anh sẽ còn thấp kém hơn nữa khi trôi dạt trở lại nơi đó, một lần nữa, và anh đã đánh mất tất cả. "Việt Nam", anh nói. Porchoff nhìn anh.

"Lúc bấy giờ chúng tôi không biết điều đó", Hooper nói. "Chúng tôi đã từng nói với nhau chừng nào chúng tôi quay trở lại với cõi người này chúng tôi sẽ làm điều này điều nọ. Trở lại với thế giới chúng tôi sẽ làm điều đó. Tuy nhiên suốt từ đó tới giờ chẳng có gì cả ngoài sự rối loạn". Hooper lấy hộp thuốc ra khỏi túi nhưng không mở. Anh toài người trên mặt bàn.

"Tất cả đã rõ ràng" anh nói "Anh đã học được điều mà anh cần phải biết và quên đi những điều còn lại. Tất cả là phân gà. Một sự hỗn loạn. Anh đã không dành tất cả những phút giây đang có trong ngày để nghĩ về lỗi lầm của anh - một con người ngốc nghếch. Tôi đã gặp đủ mọi phiền phức. Có điều gì không ổn đối với con trai tôi. Tôi nên sống cách ly ngôi nhà kinh khủng đó. Đó là điều phải làm với anh, Porchoff ạ. Nghĩ về bản thân mình. Điều đó cuối cùng sẽ giết chết anh".

Porchoff không hề nhúc nhích. Dưới ánh đèn màu xám, Hooper có thể nhìn thấy những ngón tay của Porchoff đang di chuyển về phía trước mặt bàn, trắng nhợt như thể nhúng bột. Mặt anh ta cũng một màu như vậy.

"Anh cho là mình đang có những vấn đề, Porchoff ạ, tuy nhiên họ đã không có cả năm phút sau cùng trên chiến trường. Anh chẳng làm sao cả khi mà một chiến dịch tìm và diệt nhỏ nhỏ không phải là giải pháp chữa trị". Hooper

ngừng lời, mỉm cười với chính mình, chìm sâu vào sự hồi tưởng. Anh cố gắng mang nó trở lại cho Porchoff, cố gắng diễn tả nó bằng lời để Porchoff cũng có thể nhìn thấy, vẻ đẹp của cuộc đời, sự chân thành sâu sắc đến mức lúc đó bạn không thể tách riêng rẽ họ ra được, họ là một phần của nhau.

Nhưng thật khó mà diễn tả được. Hooper biết rằng Porchoff không hiểu được và lúc đó anh nhận ra rằng anh đang cố gắng diễn tả một cái gì đó không phải là sự chân thành mà là tình yêu, và điều đó không thể làm được. Vẫn mỉm cười, anh nói "Rồi anh sẽ thấy, Porchoff ạ. Anh sẽ có được cơ hội".

Porchoff nhìn Hooper chăm chăm. "Ngài là một thằng điên" anh ta nói.

"Chúng ta sẽ có một dịp khác" Hooper nói "Tôi cảm thấy là nó đang đến, hơn nữa tôi đã bị thái hồi. Rồi anh sẽ thấy, Porchoff ạ. Tất cả những điều anh cần là một sự giao tiếp ở phạm vi nhỏ, phần lớn chúng ta đều thế. Hãy đưa chúng ta thoát khỏi lối sống nhàm chán này".

Porchoff lắc đầu và lẩm bầm "Anh ta điên thực rồi"

"Đã đến lúc chúng ta nên dừng lại" Hooper nói. Anh đứng và chìa tay ra. "Hãy đưa khẩu súng cho tôi"

"Không được" Porchoff nói. Anh ta kéo khẩu súng lại gần hơn nữa "Không phải để cho ngài".

"ở đây làm gì có ai ngoài tôi ra" Hooper nói.

"hãy gọi đại úy King tới".

"Đại úy King đang ngủ"

"Đã đến lúc đánh thức ông ta dậy"

"Không được" Hooper nói "Tôi sẽ không nói chuyện với anh nữa, Porchoff, đưa súng đây cho tôi" Hooper tiến

đến gần anh ta nhưng dừng lại khi Porchoff cầm khẩu súng lên và chĩa vào ngực anh "Hãy để cho tôi yên".

"Bình tĩnh đã nào" Hooper bảo anh ta "Tôi sẽ không đánh anh đâu". Anh lại chìa tay ra một lần nữa.

Porchoff liếc môi "Không" anh ta nói "Nó không phải dành cho ngài".

Bên cạnh Hooper một giọng nói vang lên "Ê! Porchoff! Bỏ súng xuống!"

Porchoff ngồi thật thẳng. "Lạy chúa", Anh ta nói.

"Đó là Trác đấy mà". Hooper nói "Đặt khẩu súng xuống, Porchoff, bỏ ngay xuống đi".

"Bỏ xuống!" Trác quát lên.

"Ồi lạy chúa". Porchoff nói và trượt chân cùng với khẩu súng vẫn cầm trong tay. Đầu anh ta chúi xuống, chiếc mũ văng ra và anh ta ngã bổ nhào qua chiếc ghế. Tim Hooper giật thót như tiếng động của một vụ nổ đập vào người anh. Tiếng động xuyên qua người và ở cách xa chỗ anh đứng trên các cành cây và trên bầu trời có tiếng gì giống như tiếng sấm. Sau đó lại tĩnh lặng. Hooper bước lên trước một bước, sau đó quỳ gối xuống cúi thấp trán chạm vào đám cỏ ẩm nước mưa. Anh lùa những ngón tay vào trong đám cỏ bên cạnh đầu. Mưa âm thầm rơi xung quanh anh. Con chim giẻ cùi xanh thét lạnh lạnh. Một con khác hót theo và cây cối vang lên một bản hoà tấu chim muông.

Hooper nghe thấy tiếng ừng sột soạt trong cỏ bên cạnh. Anh nhồm lên và ngồi xồm trên hai gót chân và hít một hơi thở thật sâu.

"Ngài không sao chứ?" Trác hỏi.

Hooper gật đầu.

Trác đi tới chỗ Porchoff nằm. Anh ta nói một câu gì đó bằng tiếng Việt, sau đó quay lại nhìn Hooper và lắc đầu.

Hooper cố đứng dậy song lại khuyu đầu gối xuống.

"Ngài có cần tôi giúp một tay không?" Trác hỏi.

"Tôi cho là có" Hooper nói.

Trác bước tới chỗ Hooper. Anh ta cời khẩu súng ra và cúi xuống. Hai người đàn ông bám chặt lấy hông của nhau. Da của Trác khô và mịn, xương anh ta nhỏ như là xương trẻ con. Sự gần gũi này, anh thấy thân thiết hơn bao giờ hết. "Cố gắng lên", Trác nói. Anh ta càng thẳng khi Hooper phải cố chịu đựng và một lúc sau họ đứng trước mặt nhau, người khế đứng đưa, tay hai người vẫn còn ôm chặt vòng qua hông người kia. "Tốt rồi" Hooper nói. Một trong hai người từ từ rời lỏng vòng tay.

Giọng dịu dàng, gần như là thì thầm, Trác nói "Họ đang muốn tống khứ tôi đi phải không?"

"Không" Hooper nói. Anh tiến đến bên Porchoff và cúi xuống nhìn anh ta. Anh quay mặt lại ngay và nhìn thấy Trác vẫn còn đang loạng choạng, khi đó mắt anh ta trông mờ dần. "Tối hơn là hãy vứt bỏ những cái chân đó đi", Hooper nói. Trác nhìn anh một cách mờ mông, sau đó tháo khẩu súng ra khỏi người và đặt nó đối diện bàn picnic cách rất xa Porchoff. Anh ta ngồi xuống, cời mũ trùm đầu ra và gục đầu vào hai cẳng tay đan chéo nhau.

Mây đã đen thẫm lại. Gió lại thổi, cùng với tiếng của động cơ mô tô ở xa vọng lại. Hooper mò mẫm lấy ra khỏi hộp điều thuốc và phả ra dây khói, chăm chăm nhìn về phía đồng gỗ, anh có cảm giác dòng nước mưa đang chảy xuống mặt và cổ. Khi điều thuốc đã lui, Hooper ném nó đi, sau đó lại móc ra một điều khác và bóc trần nó ra, vò điều thuốc thành từng mảnh vút dưới chân đến nỗi không

còn dấu vết gì của điều thuốc nữa. Anh đội chiếc mũ lưỡi trai lên đầu và kéo mũ trùm đầu của chiếc áo choàng pôn-sô lên. "Làm gì bây giờ đây?", Anh hỏi Trác.

Trác ngược mắt lên. Anh ta bắt đầu xoa trán, ấn những ngón tay thành những vòng nhỏ phía trên mắt.

Hooper ngồi xuống đối diện với anh ta "Chúng ta không có nhiều thì giờ đâu" anh nói.

Trác gật đầu. Anh ta đội mũ lên và nhìn Hooper, vết sẹo trên lông mày tái nhợt nơi mà anh ta đã tẩy đi.

"Ồn cả thôi, con trai ạ" Hooper nói "Chúng ta hãy cùng nhau giữ gìn câu chuyện cho riêng mình".

FREDERICK BUSCH

THIANH BÌNH dịch

CHÚ VỊT RALPH

Frederick Busch là tác giả của 19 cuốn tiểu thuyết, tập truyện ngắn và tiểu luận. Ông chủ yếu viết về Vùng Đông Nam, đặc biệt là New York, nơi ông đã tạo cho mình một phong cách riêng. Tiểu thuyết của Busch đã có chỗ đứng vững chắc và đáp ứng những vấn đề đang làm những người dân địa phương, thậm chí là những người vô tình nhất, quan tâm lo lắng.

Frederick Busch hiện là giáo sư văn học của trường Đại học Tổng hợp Colgate. Ông đoạt giải thưởng truyện ngắn mang tên Malamud/Pen năm 1991. Truyện ngắn này rút từ tập "Những người bạn vắng mặt".

Tôi thức dậy vào 5 giờ 25 bởi tiếng nồn mửa của chú chó săn quý hóa mà tôi đã bỏ ra 75 bảng Anh để mua về và cho nằm ngoài cửa dưới ánh trăng đêm lạnh lẽo.

"Anh chàng này thật ranh" tôi nói bởi đây chỉ là một trò lừa bịp, mặc cho nó nồn khan bên ngoài, tôi quay vào, đi ngang qua ghế sofa nơi Fanny nằm. Tôi nhón chân thật

nhẹ, đủ cho cô ta biết tôi đã ý tứ tới mức nào trong khi cô ta cứ lơ tôi đi. Cô ta chớp mắt. Tôi lẩm bẩm nguyên rủa khi biết cô ta chớp mắt. Bất cứ khi nào kể cho cô ấy là tôi nghe được tiếng chớp mắt, cô đều nói là tôi bịa đặt; song tôi có khả năng nghe thấy tiếng roi quất khi đã làm cho cô ta đau ứa nước mắt. Tôi lên giường và người đã ấm trở lại. Đồng hồ treo tường chỉ 5 giờ 29 và chắc là tôi chẳng ngủ lại được. Tôi đặt cuốn sách kể về những người đàn ông giết nhau về tiền bạc, hoặc vì danh dự. Tôi quên mất những điều họ đã làm. 4 giờ 45 phút, rồi chuông đồng hồ điểm 6 giờ, tôi pha một bình cà phê và bắt đầu nhóm lò. Tôi gọi Fanny rót cà phê vào cốc cho cô. Tôi xin lỗi về những gì đã làm và vợ tôi sẽ tha thứ nếu như tôi không xử quá tệ - Tôi chẳng nghĩ là mình xấu tính - và cả hai lại như những kẻ say suốt cả ngày, kiệt sức song biết chắc là chúng tôi đều hành động đúng. Hai đứa lại yêu nhau, ngủ với nhau đêm hôm đó và cùng thức giấc trên giường khi đồng hồ chỉ 6 giờ sáng. Con chó kéo về xác một con hươu đã đông cứng mà nó tìm được trong cánh rừng thuộc khu đất của gia đình. Nó rất thích những thứ đã làm nó ốm. Chuông báo giờ ngừng chạy. Tôi mặc quần soóc len, quần jean ra bên ngoài, chiếc áo vải bông dài tay và xuống dưới nhà dắt con chó vào. Tất nhiên là nó đã đói ngấu.

Tôi là sinh viên đại học nhiều tuổi nhất nước mỹ, tôi vẫn cho là thế, tuy nhiên thực tế thì không phải vậy. Đã từng có những phụ nữ thời trước viết bằng giấy da tốt nghiệp ở tuổi 79 tại một số trường như Barnard và trường Đại học Georgia. Tôi mới 42 tuổi, và tôi có đủ tư cách của một sinh viên. Hàng đêm, tôi thường đi tuần tra trong

trường như Barnad, nơi có hệ thống thoát nước rò rỉ, tôi đi từ phòng này sang phòng khác trên giảng đường, và tổng cổ đám sinh viên đang học hoặc tình tự với nhau trên ghế ra khỏi phòng - bọn chúng làm việc này ở bất cứ chỗ nào - và khi khẩn cấp thì ám hiệu là ánh sáng màu xanh le lói trên nóc xe tải của tôi. Tôi không đeo súng hoặc mang dùi cui, tuy nhiên tôi có đèn nháy với cục ắc quy, và đã từng sử dụng nó hai lần, trong trường hợp mấy cậu con trai cùng lớp tại chức với tôi ăn chơi quá trớn. Thứ Ba và thứ Năm tôi thường cùng vợ thức giấc vào lúc 6 giờ, xong bài tập, làm việc vặt quanh nhà và đến trường vào lúc 11 giờ 30, ngồi ở đó một tiếng rưỡi, thầy giáo hướng dẫn bài tập trong khi cả 35 cái dạ dày đang sôi lên vì đói và chán chường. Tôi ở trong Ban cán sự nên nhà trường giao cho tôi lãnh đạo một khóa học trong cả năm. Tôi trở thành người có trình độ giáo dục, với phương thức vận động chậm chạp - điều này đã đưa đến cho tôi một cái điều gì đó giống như 15 hoặc 16 năm cho việc hoàn tất khóa học, và chẳng nghi ngờ gì nữa tôi sẽ bị loại F trong môn thể dục và phải thi lại - Đã có nhiều lần tôi tự ái vì điều này. Fanny cũng thường làm như vậy và đó là một sự động viên chân thành.

Tôi chẳng phải là một đứa ngốc. Anh không phải là một nhà văn tồi, giáo sư đã viết vào vở của tôi như vậy khi kể về Nathaniel Hawthorne. Chúng tôi phải đọc một số truyện ngắn và sau đó viết một bài tiểu luận về những truyện đã đọc. Tôi kể là mình đã nhìn thấy Kafka và Hawthorne dưới cùng một nguồn sáng, và ông nói tôi không phải là không có trí tuệ. Hắn chạy đến chỗ tôi vào lúc chàng vạng tối, vừa lúc tôi đang trả lời về bộ ắc quy

không hoạt động và tôi phát hiện ra rằng đây chính là hắn. Tôi nhảy qua chiếc Buick của hắn từ chỗ chuồng ngựa và hắn dò xét nhìn tôi từ đầu đến chân. Có thể nói hắn là một gã đẹp trai, cao ráo và chẳng bao giờ chịu mặc trang phục. Hắn vận bộ vải kaki và thuộc loại người khéo mồm, hay mách lẻo và ăn không ngồi rồi, luôn tán tỉnh các cô nữ sinh có thân hình lý tưởng và mái tóc sáng màu nhất. Tuy nhiên hắn lại không thể điều khiển Buick hoạt động trong đêm tuyết giá lạnh và cũng chẳng đủ trí khôn để chờ những tế bào sẽ lão hóa. Tôi bảo rằng hắn cần một bình ắc quy mới và hắn nhìn tôi theo lối thỉnh thoảng bôn dần ông vẫn nhìn những người cung cấp xe cho bọn chúng.

“Của Việt Nam à?”

“Nó quá cũ rồi”, tôi nói.

“Chẳng phải là ở thời điểm ban đầu. Sẽ không giải quyết được gì hết nếu anh là một cố vấn. Cứ cho anh là một cố vấn đi. Hay anh là một trong những gã ở Công trình Phương Hoàng?”

Tôi đội chiếc mũ bằng len và mặc tấm jacket dã chiến của Hải quân. Tôi mỉm cười như thể đã biết được một điều gì đó. “Mang nó đi để thôi mà”, tôi nói, và trở lại chỗ xe tải để quay lại nghĩa trang nằm ở phía trên học viện. Bọn sinh viên có tiếng là hay ngủ với nhau trong túi ngủ trên các tầng bằng phẳng nơi đó. Thầy chủ nhiệm khoa thì không muốn sinh viên chết cồng vì lạnh khi tham gia cắm trại ở phía bắc để kết bạn mới vì ông quá nuông chiều họ.

Hắn chiếu ánh mắt tức tối vào tôi khi tôi đến. “Anh là một gã lái xe tồi”, tôi nói.

Fanny mang đến cho tôi một bát thức ăn chế biến từ khoai tây, dưa bắp cải và súp mà chú chó cũng không thể ăn quá khẩu phần của nó được. Tôi quan sát khi nó ăn đồ ăn thừa và sau đó tự pha cho mình một ly to tương gồm whisky lên men và đá. Quay trở lại căn phòng sau ở phía bắc cuối ngôi nhà, tôi ngồi quan sát những thay đổi trên bầu trời và thật lạnh khi ngồi như thế cho đến tận bình minh. Tuyết sắp rơi, tôi muốn nhìn thấy tia chớp bên trong thung lũng. Tiếng sấm làm cho tôi tỉnh giấc. Ngồi trên chiếc ghế xích đu đã mất tay vịn bên phải, tay cầm cốc nước, tôi nghĩ một cách nghiêm túc tới cô gái mà tôi đã an ủi để cô quay vào nhà. Cô đã đứng ngoài phòng ngủ tập thể, ngược mắt nhìn lên cửa sổ tối om ở giữa, xung quanh những ô cửa có ánh đèn - Bọn sinh viên chẳng bao giờ chịu tắt đèn và thường để vòi nước chảy đến tận nửa đêm. Cô gái đứng khóc trong chiếc áo choàng tắm. Đôi chân trần đi giày ngủ màu nâu mà phần lớn những người di đều không buộc dây. Nhìn những thứ đó tôi nghĩ chắc là đứa con gái tóc đỏ của gia đình nào đó, bỏ nhà ra đứng ở đây và khóc.

“Anh ấy chẳng yêu ai cả”, cô bé cười nói với tôi. “Anh ấy không yêu vợ mình - cháu muốn nói là vợ cũ anh ấy. Và anh cũng chưa hề yêu người vợ trước hoặc trước đó nữa. Và bác có biết thế là thế nào không? Anh ấy không yêu cháu. Cháu chưa từng gặp người nào yêu cháu cả!”

“Chẳng phải là lỗi của cháu nếu như anh ta không đủ tư cách để yêu cháu”, tôi nói và đưa cô bé đến chỗ xe tải.

Cô dừng bước, quay lại. “Bác biết anh ấy ư?”

Tôi không thể nói gì hơn về điều đó. Tôi nắm lấy tay cô bé và cô để tôi dắt đi, sau đó dừng lại, và tất nhiên là tôi kéo cô ta đi “Đừng có động vào người tôi! Đây có phải là một sự quấy rối tình dục không? Ông không biết các quy tắc à? Hẳn đây không phải là một kiểu quấy rối tình dục?” “Tôi xin lỗi”, tôi nói nơi cửa xe tải “tuy nhiên tôi có đủ khả năng cho cô hiểu một mức độ trước khi nó bị coi là một sự quấy rối”.

Cô bé ngồi lên xe. Tôi nói là chúng tôi sẽ đến thầy phụ trách nhà ở của sinh viên. Người cô bé có mùi thơm giống như marijuana^(*) và có hương vị không thể dừng được trừ phi bạn ghét cay ghét đắng.

Dường như hơi nóng trong xe tải tác động đến cô bé, cô ta bắt đầu nhấp nhồm bứt rứt, và tôi toài người qua cô bé để mở cửa sổ.

“Ông đã chạm vào ngực tôi” - cô bé nói.

“Tôi sợ rằng, đây là thứ nhỏ nhất mà tôi chạm vào đêm nay”.

Cô thò đầu ra ngoài cửa sổ và xem chú chó của tôi đang khọc tòi. Tuy nhiên khi nằm trên ghế đu, đi lại trong phòng, bất kỳ lúc nào trong cái buổi sáng ở căn phòng yên tĩnh này, tôi đều nghĩ đến cô bé theo lối nghĩ cô ấy là con của người nào đó. Tôi đi lấy thêm đá và bắt đầu một bữa sáng thật nhiều nước. Tại cửa ra vào nhà người phụ trách nhà sinh viên, cô gái đã quay bộ mặt đầy son phấn về phía tôi và hỏi: “Lúc đó ông đã đưa tôi tới mức độ nào?”

Trong một tuần đã xảy ra nhiều sự kiện, hai giáo viên

(*) Loại cây gai dầu thường dùng hút như ma túy.

quên khóa cửa phòng làm việc ban đêm. một chiếc xe Toyota bị xì lốp và không có đồ dự phòng, vụ hiếp dâm một nữ sinh lớn tuổi trên đường từ thư viện trở về nhà, một vụ ẩu đả bên ngoài khu nhà ở của sinh viên (gãy cổ tay và chấn thương não nghiêm trọng do bị đập mạnh) và hàng loạt vụ bỏ trốn, chui vào ký túc xá. Ông giám đốc phụ trách dịch vụ đời sống quả trách tôi đã ôm một sinh viên khi cô ta đang say rượu; tôi nói ông hãy nhận lại công việc mà ông đã giao cho tôi, nhưng ông lại gọi tôi ra phía sau, nói rằng tôi ôm chặt lấy cô ta là đúng, chỉ hơi phạm nguyên tắc một chút, nhưng ai mà tránh khỏi, ông đã trót hứa sẽ khiển trách tôi và ông phải làm, theo ông tôi nên tiếp tục công việc. Tôi nghĩ đến chút lợi ích nhỏ nhoi - Tốt nghiệp chỉ sau 16 năm - cho nên tôi quay lại làm việc. Giáo sư giao cho tôi viết về một truyện ngắn mang tên *Bóng hồng dành cho Emily*. Tôi đã viết bài nói về quy trình làm tình với xác chết, và bằng cách nào đó, kể từ khi biết rõ rằng không thể làm tình được với người bạn trai đã chết của mình, cô đặt cái thân thể thối rữa của người tình lên giường bởi cô thực sự yêu anh ta. Tôi đặt tên cho bài viết của là *Tình yêu đích thực*. Ông cho tôi hạng B và viết "Xin gặp tôi". Tại phòng làm việc sau giờ lên lớp, ông thưởng cả hai chân lên bàn, xén tỉa diều xì gà bằng con dao cán gấp to tướng để trong ngăn kéo.

"Tôi không hút thuốc lá" Tôi nói.

"Một thói quen xấu, cho dù là thói quen có thực. Tôi bắt đầu hút thuốc 'em ở Georgia, trong thời gian làm phục vụ. Anh bạn của tôi cũng hút thuốc 'em. Chúng tôi cộng tác làm việc trong một lần kiểm tra nhà thổ, và chúng tôi

đã hút cùng hai phụ nữ”. Ông nhướn đôi lông mày về phía tôi, lúc đó mọi ký ức về thời trai trẻ bắt đầu tái hiện trong ông.

“Hai phụ nữ cũng hút loại thuốc đó?”

Ông khịt mũi cười trong khi làn khói thuốc uốn lượn bay ra từ cặp môi khô và mỏng của ông. “Họ là dân ghiền thuốc xinh đẹp, tôi sẽ kể cho mà nghe”

Khi đó ông nhón chân lên - ông đi đôi giày của những người cao bồi - và ngồi đằng trước “Hơi khó giải thích một chút. Tuy nhiên, thật là địa ngục. Anh còn chưa nói từ “Bản tình” khi viết một bài tiểu luận nộp cho giáo sư, một trường Đại học, phải không nào?” Giống như một huynh trưởng hướng đạo sinh với một đứa bé mà anh ta tóm được ở nhà ngoài. “Tuyệt vời chứ? Anh đã không muốn làm chuyện đó.”

“Chuyện làm tình cho thầy bị sốc phải không?”

“Làm tình ư, ồ không, tôi không hề bị sốc về điều đó. Tôi đã nói với anh rồi. Nó chỉ vi phạm những nguyên tắc đúng mực mà thôi.”

“Anh sẽ viết chuyện đó cho hậu thế. Cho những học giả hoang đường ở đâu đó, chứ không phải cho tôi. Anh sẽ làm một bản tuyên bố.”

“Đúng vậy. Bản tuyên bố của tôi chỉ ra rằng phải khó khăn thế nào người đàn bà mới có thể làm tình với một xác chết”

“Và điều đó đáng để làm. Tôi cho là vậy. Xem đây.”

“Nhưng thầy đã khuyên tôi không nên nói về chuyện này.”

“Không, hãy nghe đây. Tôi nói như thế bởi vì anh sẽ kể về hành động giao cấu, chứ không được nói với tư cách bạn tình. Điều đó có làm cho câu chuyện sáng tỏ hơn không?”

“Không”.

“Tôi hy vọng là lúc này anh nói dối tôi”. Ông nói.

Tôi gật đầu. Quả là tôi đang nói dối.

“Anh đã từng công tác ở những đâu?” Ông hỏi.

“Baltimore. Baltimore thuộc Maryland.”

“Ở Baltimore có gì đặc trưng?”

“Những tuyến đường tàu. Tôi làm việc nối thông các tuyến tàu vận chuyển hàng hóa cho quân đội. Tôi đã từng gây đập chết hai gã lang thang.

Ông lại khịt mũi, tuy nhiên tôi có thể nhận thấy ông đã thất vọng đến mức nào. Ông từng hy vọng tôi là một kẻ giết người. Trong lớp tôi có một anh chàng rất thú vị, anh ta thấy cần phải cho những người phụ nữ đáng thương tại bữa ăn với giá cắt cổ biết chuyện: Tôi mới biết một thằng cha từng là kẻ giết người chuyên nghiệp ở miền Nam, hắn đã khai báo như vậy. Tôi tính có lẽ nên mặc áo jacket da chiến và quấn một khăn hoa đỏ lên đầu khi đi làm. Luôn luôn hạ mình trước anh ta, vung tay lên trời vì nỗi thống khổ và kêu gọi tình đoàn kết, trông thật thương tâm, kiệt sức bởi những gì đã trải qua mà anh ta phải thành thực khẳng định rằng anh ta ghen tỵ với tôi. Tôi nhận ra bộ quần áo bằng vải thô của anh ta cũng được là hẳn hoi.

Thứ bảy tôi phải quay lại trường Đại học vì Fanny muốn xem một bộ phim tên gọi *Bảy chàng Samurai*. Tôi cảm thấy buồn ngủ và sợ rằng mình sẽ ngáy. Cô để tôi ngủ cho

đến khi rập chẳng còn một ai và đánh thức tôi bằng những nụ hôn. “Ai la hét trong giấc mơ của anh đấy?”. Tôi hỏi vợ.

“Kurosawa”^(*) cô ta nói.

“Ai cơ?”

“Ông giáo sư bạn anh”

Tôi nhìn quanh, nhưng ông ta không có ở đó. “Chẳng có con người khác thường đó”. Tôi nói.

Chúng tôi trở về nhà, tắm rửa cho con chó và dắt nó ra ngoài. Chúng tôi uống một chút rượu Tây Ban Nha, sau đó lên gác và làm tình. Có thể bạn nói tôi sẽ chết non, nhưng dù thế nào đi nữa chúng tôi rất hạnh phúc được ngủ bên nhau và thật mừng đó lại là ngày chủ nhật, cả thung lũng này chẳng có ai ngoài chúng tôi. Con chó đang tru lên gọi bạn ở một nơi nào đó, có thể dưới ánh trăng, hoặc trong bóng tối mà ánh sáng không rọi đến được trên tuyết. Tôi không mải mồm gì nó khi mở cửa sau và nó đẩy về hạnh phúc khắp khiêng đi qua tôi và trượt chân ở cầu thang. Tôi theo nó vào trong phòng ngủ và nó rên rỉ vì được thỏa mãn giống như khi tôi trên giường. Bạn sẽ nhận ra tôi đã không nói từ bạn tình.

Ngày thứ năm sau giờ lên lớp, ông gặp tôi ở hội trường và hỏi tôi công việc tiến triển ra sao, mới đây có một cậu thủ đã uống bia chua, ăn chửng ngâm muối và xem hệ thống tàu điện ngầm dưới quán bar địa phương. Công việc tiến triển tốt. Tôi gật đầu. Tôi muốn đánh giá người đàn ông này thuộc típ người như thế nào và muốn học cách

(*) Đạo diễn nổi tiếng người Nhật, tác giả phim “Bảy chàng Samurai”, “Rừng trúc”...

biểu lộ cảm xúc bản thân. Tôi chấp thuận và làm cái việc mà tôi cho rằng rất thú vị. Ông ta chẳng cao râu và để tóc dài hơn. Ông bắt đầu mặc áo sơ mi tối màu, còn cravat thì sáng màu hơn. Tôi nghĩ ông giống một nhân vật nào đó trong *Bố già*, vẫn đi đôi giày đế phẳng cỡ nhỏ sáng màu hoặc đi đôi ủng cao bồi đế cao. Quần lót dài kể của ông rộng thùng thình. Tôi đoán ông muốn chúng được nhìn nhận theo cách khác. Ông ra hiệu cho tôi ra chỗ bức tường hành lang, nhìn tôi và hỏi “Tình hình Baltimore ra sao?”.

“Sao ạ?” Tôi hỏi lại.

“Đó là sự thật chứ?” ông hầu như nhắm nghiền cả hai mắt, ông khát khao được thấy tôi là một cựu chiến binh Việt Nam nguy hiểm đang tìm một toà nhà cao tầng để trèo vào đó và bắn đạn ra. Trường của tôi thì chẳng có tháp cao để bạn có thể trèo lên được, mặc dù đã có lần do uống say mềm loại rượu ATO, tôi đã trèo lên và rơi xuống từ nóc nhà thiên văn. “Anh đã từng chui qua các toa tàu chờ hàng đóng kín ở Baltimore phải không?”

“Tôi là người khởi xướng” - Tôi nói.

“Tôi đã nghĩ như vậy” - Ông thở dài.

“Tôi đã giết người” - Tôi nói

“Anh có biết, tôi có thể nguyên rửa anh vì những gì anh đã làm”, ông nói. Tôi gật đầu và ông cũng gật gù. Tôi đã làm cho ông vui.

Bài tập yêu cầu viết một số vấn đề có tác dụng đối với người nào đó. Ông gọi đó là thuật hùng biện và có tính thuyết phục. Chúng tôi đọc bài tiểu luận của George Oruell và *Lời đề nghị khiêm tốn* của Jonathan Swift. Tôi thích bài viết của Oruell hơn, tuy nhiên tôi không hợp với kiểu viết

như vậy. Ông ta kể về *Những người da đen* và tôi cảm thấy rằng ông ta nói bằng hai giọng điệu khác nhau.

Tôi viết một bài có tên gọi *Chú vịt Ralph*.

"Đã lâu lắm rồi, có một chú vịt tên là Ralph, cả hai cánh đều thiếu lông trợ trụ. Vì vậy khi gió lạnh tràn về, Ralph run vì lạnh và toàn thân run rẩy.

Có chuyện gì vậy con? - Mẹ Ralph hỏi.

Con lạnh lắm - Ralph nói.

Ồi - bà mẹ nói - Lại đây. Mẹ ủ ấm cho con.

Bà xộc đôi cánh, rộng, ủ Ralph vào lòng. Khi gió lạnh thổi đến, Ralph cảm thấy vẫn ấm áp và thoải mái, nó thiếp đi rất nhanh".

Thứ năm tuần sau đó, ông mặc chiếc quần lót dài may bằng vải bat và đi đôi ủng đi bộ đường dài. Đối với một số nữ sinh trong lớp ông là một người tính khí thất thường bởi bất cứ khi nào có tiếng sấm là ông lại mặc cả bộ quần áo dành cho đi dạo Lake District của ông.

Ông còn mặc chiếc áo len dài tay to sụ. Tôi tiếp tục đợi ông gây tiếng động như loài dê núi. Nhưng các cô gái dường như thích thú trước điều này. Ủng của ông phát ra những tiếng cọt két trên tấm phủ sàn của hội trường khi ông đuổi kịp tôi sau buổi học.

"Như tôi đã nói với anh", ông nói "Cái đó chẳng hấp dẫn chút nào cả. Nó không phải là đề tài của trường ta".

"Đứng đấy ạ" Tôi nói "Được đấy, thầy muốn tôi làm cho nó sáng tỏ hơn đúng không?"

"Không phải thế", ông nói "Không sao đâu, bài đó tôi sẽ cho anh loại D. "Nhưng tôi sẽ đọc tiếp nếu anh muốn viết".

“Thế thì rất hay”, tôi nói. “Anh đã hiểu yêu cầu được giao chưa”.

“Viết về một vấn đề gì đó có tác dụng cho con người. Có tính hùng biện và thuyết phục”.

Chúng tôi đứng ở cửa sổ phòng làm việc của ông và có bé tóc đỏ đã từng say khướt trên xe tải của tôi giờ đang đợi ông. Cô ta nhìn tôi theo lối một trong hai chúng tôi đang đứng sai vị trí mà tôi cho rằng chính xác là như thế. Ông rất quan tâm tới việc quay vào phòng cùng con bé tóc đỏ, song vẫn nhớ quay lại và liếc tôi cười toe toét, dường như ông cho rằng mình đã bị lộ tẩy.

Thay cho một ca trực vài tiếng đồng hồ sau giờ lên lớp mà tôi đã chuẩn bị, tôi báo với người đốc công rằng tôi ốm và trở lại nhà. Fanny rất hoảng hốt khi thấy tôi trở về, bởi tôi không ốm cũng chẳng bị đuổi việc. Cô nhìn tôi và tỏ vẻ buồn rầu. Tôi hôn chào vợ và đi lên gác thay quần áo. Ngay từ khi còn nhỏ, tôi luôn có thói quen thay đồ ngay sau khi từ trường trở về nhà. Tôi vận bộ đồ jean, chiếc áo sơ mi bằng vải jeanen, chiếc quần soóc len dày và tự pha một ly đen có vị chua. Fanny rót cho mình một chút rượu và đi vào căn buồng lạnh lẽo hưởng bậc vài phút sau đó. Tôi ngồi trên ghế xích đu và nhìn về phía thung lũng. Gió thổi làm tan hết cả đám mây, đến nỗi bầu trời trông giống một con cá hồi bỏ lò khi bạn đã lọc hết cả da. “Sắp có tuyết rơi đấy” Tôi nói với vợ.

Vợ tôi ngồi trên chiếc ghế sofa cũ và chờ đợi. Sau vài phút, cô ta nói, “Em đang phân vân có phải họ luôn gọi quang cảnh này là trời vẫn mây không nhỉ?”.

“Cá thu, một món ăn ngon đấy”, tôi nói.

“Đừng có nói vớ vẩn! Anh chưa bao giờ ăn nói ngắn gọn trừ phi là anh đang bị điên. Có gì là sai nào? Ai đã bấm giờ của anh trên sân chơi?”

“Anh phải viết một bài luận”, tôi nói.

“Thầy giáo hài lòng chứ?”

“Thầy chấm cho anh loại D”

“Tốt lắm, anh thường nhận được mức xếp loại D. Lần chưa từng thấy anh bị nhận mức thấp hơn”.

“Anh viết một câu chuyện về chú vịt có tên là Ralph”.

“Anh viết chuyện đó ư? Tuyệt lắm” cô nói, cô tiến lại và đứng bên cạnh ghế xích đu, cúi xuống gần và ôm đầu, ôm cổ tôi “Anh cứ lắm”, cô nói “Anh cứ thật”.

Đây là đợt sấm chớp tồi tệ nhất của mùa đông và là thời điểm thời tiết xấu nhất trong cả năm. Trưa hôm đó trường đóng cửa, chuyện này hầu như chưa bao giờ xảy ra từ trước đến nay. Đường phố tắc nghẽn bởi tuyết đóng băng và lúc bấy giờ đang có mưa tuyết trên đường. Làm việc ở trường đêm hôm đó chỉ có một người trực điện khẩn và tôi. Tất cả mọi người đã trở về nhà, trừ bọn sinh viên và phần lớn bọn họ đang ở trong trường. Rất nhiều sinh viên không biết uống rượu giờ đã say bết và tôi phải canh chừng không cho chúng đi ra ngoài, nói với chúng hãy cư xử cho ra người lớn. Một số sinh viên nói rằng họ uống say, thực sự là tôi không thể phản đối được.

Tôi bật đèn tín hiệu, máy làm tan băng hoạt động mạnh, đèn nhỏ màu xanh nhấp liên tục, một bình rượu chua và cà phê nóng mà tôi đã nhắm nháp từ lúc buộc phải rời khỏi

xe, hoặc bất cứ khi nào tôi cảm thấy cái lạnh đang bao trùm khắp nơi.

Vào lúc khoảng 8 giờ, mưa đã chuyển thành tuyết rơi, trời lạnh khủng khiếp. Các con đường hoàn toàn tê liệt. Chiếc máy đánh bóng của khu vực đang đậu gần trường Đại học đã giúp tôi kéo được chiếc xe ra khỏi đống tuyết. Tôi nhận được điện khẩn của người thường trực đang có mặt tại trường. Một sinh viên mất tích. Những người cùng phòng cho rằng sinh viên này bị rủ rê đi tới chỗ khai thác đá. Thế có nghĩa là tôi phải cưỡi ngựa đi trên con đường hẹp phía trên trường học, bên trên nghĩa trang cũ, ở đó ngổn ngang cây cối và đường mòn lờ mờ chớm mà tôi đến chết mất vì băng tuyết. Thực sự là chẳng có đứa trẻ nào lại muốn ở đó. Tôi không thể đi bộ tới đó được, bởi bạn cũng chỉ muốn tới đó khi say sưa túy lúy vì rượu, hoặc là mất trí và tôi thấy rất cần có chân và hơi nóng sau đó đi thật nhanh đến bệnh viện thị trấn. Vì vậy tôi lái chiếc xe bốn bánh lên ngọn đồi phía trên trường học, xe nghiêng trên lớp tuyết, lướt trên băng, dồn hết hơi ấm từ lò sưởi lên trên tấm chắn gió, tôi thấy chỗ nào cũng độc một màu trắng của tuyết. Chân tôi vẫn lạnh cứng với việc điều khiển xe, và có vẻ chẳng ăn thua gì khi tôi mặc chiếc quần soóc dày, đôi ủng cách ly và chiếc áo choàng không thấm nước. Tôi run lên vì lạnh và nghĩ đến chú vịt con Ralph. Tôi phải tự vận hành nốt đoạn đường còn lại, từ nghĩa trang, trong chiếc xe con bốn bánh bất chấp trời lạnh. Tôi hun khói hộp bánh rằng một lúc để làm sao có thể đến được chỗ mỏ đá. Rõ ràng họ đã dùng một khối lượng lớn đá ở đó để xây dựng trường học - để có thể tìm thấy, tôi

phải đi bộ đoạn đường còn lại đến nơi cô gái đang có mặt. Đường như khu vực đá này bị khoét hõm vào, có bốn hay năm đồng đá rất cao nơi cô gái đứng, người lắc lư, lảo đảo. Cô ta trắng bệch ra như lần tôi gặp gần đây nhất, mái tóc đỏ không thể đỏ hơn được nữa. Nó tồn tại giống như thực thể đã chết trên đầu cô ta. Cô gái mặc bộ đồ ngủ màu trắng dán chặt vào người, hai tay vòng trước ngực như thể giữ để ấm. Toàn thân rung nhẹ trước đồng lá màu đen, khổng lồ, nơi cây cối được dọn quang lấy đường đi cho xe tải và xe chở đất. Trông cô gái như lọt thỏm giữa khối màu đen đó. Từ chỗ đang đứng, tôi có thể thấy tuyết rơi chỗ cô, xung quanh chỗ đó dường như hoàn toàn là bóng tối. Người cô ta rung lên vì lạnh và đang khóc.

Tôi mang theo một chiếc chăn, giữ khô nó trong tấm áo choàng cho cô ta và hơn nữa tôi cũng đang rất lạnh. Người tôi run lên. Đứng dưới ánh đèn và người tôi run lên bần bật. Tôi chẳng hiểu cô ta đang nhìn cái gì - có thể là bóng tối khổng lồ. Chắc là tôi không làm cô yên tâm, bởi khi trông thấy tôi, cô gái giật lùi, cho đến tận khi mặt hướng về phía mỏ đá. Cô không thể đi xa hơn nữa.

"Xin chào, tôi mang chăn đến cho cô đây. Cô có lạnh lắm không? Tôi nghĩ, có thể cô đang cần một tấm chăn" Tôi gọi.

Cô bạn cùng phòng nói với bác trưởng trực nên mang theo ít thuốc, vì vậy tôi mang cho cô cả phéc pha lẫn rượu. Tôi tính dù sao đi nữa thì cũng không có nhiều thời gian, đưa cô ta xuống và tiếp sức cho cô ta. Người đang say cho uống bất kỳ thứ thuốc gì cũng chỉ tổ làm cho họ chết nhanh hơn thôi.

Chết chóc. Tôi cực kỳ ghét từ đó. Điều này làm cho tôi bức tức với cô ta. Tôi nghe thấy tiếng thở hổn hển của chính mình. Tôi cởi chiếc khăn quàng cổ, buộc quanh miệng. Tôi không muốn cho cô thấy tôi có thể giết cô ta rất dễ dàng, bởi vì cô ta đang muốn chết.

“Cô có nhận ra tôi không?”, Tôi gọi.

Tôi lại gần hơn nữa. Bây giờ tôi có thể nhìn thấy những nốt tím đen trên da cô gái. Tôi không hiểu được đấy là do lạnh quá hay do thuốc nhuộm. Chẳng cần phải phân biệt chúng lúc này, tôi nghĩ. Điều đó làm tôi thấy vui. Tôi cảm thấy buồn cười và tháo chiếc khăn để cô có thể nhận ra. Cô gái dường như vẫn chưa yên tâm lắm.

“Ông là người quấy rối tình dục”, cô nói. Cô ta nói một cách chậm chạp. Đôi môi mấp máy. Giống như hình nhân của người nói giọng bưng.

“Tôi cho cô xếp loại A”, tôi nói.

“Lúc nào vậy?”

“Chuyện đùa ấy mà”, tôi nói “Cô không thích tôi đùa lúc này. Cô muốn tôi mang tới một chiếc chăn đẹp, ấm áp và sau đó đưa cô về nhà”.

Cô gái dựa vào đồng đá khi tôi tới gần. Tôi lấy tấm chăn ra và kéo khóa áo khoác lên. Tuyết đã ngừng rơi. Tôi nhận ra rằng đó chưa hẳn là một dấu hiệu tốt. Nó giống như cái lạnh ở vùng Bắc cực đang tụ vào chỗ của mình. Tôi đưa cho cô ta tấm chăn, nhưng cô ta cũng chỉ nhìn nó.

“Từ lúc này cô phải nghe lời tôi”, tôi nói, “Tôi sẽ ôm chặt cô một lần nữa”.

“Không đời nào! Tôi không muốn thêm một lần nào nữa!” Cô gái thét toáng lên. Cô vòng tay ôm lấy ngực, tôi

quấn chần cho cô và nhét chần che từng bàn tay gầy, nhỏ của cô. Tôi không biết phải làm gì đối với đôi chân còn lại. Cuối cùng tôi nghĩ ra cách ngồi xổm trước mặt cô. Cô gái cũng ngồi thu mình lại, tư che chở cho mình.

“Không”, tôi nói “Không sao, cô đúng đấy”.

Tôi cởi đôi găng tay len đang đeo ra. Găng tay hở ngón sẽ giữ cho tay của bạn ấm hơn so với găng tay thường, bởi chúng dẫn hơi ấm từ lòng bàn tay lên các ngón tay và ấm ngay lập tức. Fanny đã đan cho tôi. Tôi đeo nó vào từng ngón chân của cô. Cô gái để yên cho tôi làm. Cô ta sắp suy sụp hoàn toàn, tôi nghĩ.

“Bây giờ thì chúng ta về nhà”, tôi nói “Để cho cô bình phục trở lại”.

Đôi môi đã cứng lại vì lạnh, trông thật tức cười, cô gái nói: “Tôi đã sống buông thả và lập dị, tôi thật có lỗi. Tôi thực sự muốn chết”. Giọng điệu đã tỏ ra biết điều đến mức tôi vô cùng cảm thông với những điều cô nói.

“Cô không thể chết lúc này” tôi nói.

“Tôi chưa sẵn sàng chết hay sao? Tôi đã lấy đi của họ tất cả và bây giờ” - cô cười rũ ra như một đứa trẻ, mà tất nhiên cô đã từng như thế - “Tôi vay mượn rất nhiều của mọi người trong trường. Ông biết đấy, đây không giống như vài đứa trẻ khóc vì muốn được giúp đỡ. Ông hiểu chứ? Tôi quan tâm một cách nghiêm túc tới cái chết và tôi phải ở trên này lâu hơn chút nữa, nhanh chóng đi vào giấc ngủ. Được chứ?”.

“Cô không thể làm điều đó được”, tôi nói “Có cả hát opera trong phim đúng không? Sự tiết lộ về tương lai thế giới chứ gì? Cái gì mà chẳng như vậy”.

“Tôi đã từng đến đó” tôi nói “Tôi đã giết người! Tôi trợ giúp cho việc giết người! Và khi họ chết, cô sẽ tìm thấy xương của họ vào một thời điểm sau đó. Cô sẽ mơ về xương và máu của họ trên những mẩu thân thể đã nát ra từng mảnh, một thứ nước nhầy nhựa chảy ra từ mắt họ. Chắc là cô đã nghe kể về những chàng trai có những giấc mơ thế, đúng không? Những cựu chiến binh Việt Nam bạc nhược chứ gì? Đó là tôi, cô biết không? Vì thế tôi kể cho cô nghe, tôi biết về những xác chết, về đôi mắt mở to của họ và tất cả những thứ đã xảy ra. Người ta luôn giữ mãi giấc mơ về những người chết mà họ chứng kiến, có hiểu chứ? Cô không thể để cho mọi người mơ về cô như thế được! Thật chẳng công bằng chút nào!”

“Ông sẽ mơ về tôi chứ?” Cô gái đã sẵn sàng bỏ đi. Cô đã sẵn sàng chết, và tôi nâng cô dậy, đưa đến chỗ xe tải.

“Tôi sẽ mơ”, tôi nói “nếu có chết”.

“Tôi muốn ông làm như vậy”, cô nói. Đôi môi cử động một cách khó nhọc. Đôi mắt cô gái nhắm nghiền. “Tôi muốn ông sẽ mơ về tất cả”.

Tôi tháo dây đeo vai, buộc vào eo cô gái và dìu cô đứng lên, đưa cô ta xuống chỗ buộc ngựa. Cô gái nói chuyện, nhưng rất ít, giọng cô hụt dần đi. Tôi ấn cô lên chiếc xe tải, quấn chần cho cô một cách cẩn thận hơn, lấy thêm một chiếc khác quấn chân. Tôi buộc dây an toàn cho cô. Cô gái run rẩy, hai mắt nhắm nghiền, miệng hé mở. Cô ta khó thở. Tôi vào số một, giảm ly hợp, cúi xuống lắng nghe hơi thở, tôi nghe thấy - hơi thở ngắn nông, giống như đứa trẻ thở khi chợp mắt gối lên người bạn. Và lúc ấy tôi vào số và chạy về phía sườn đồi, nơi tôi nghĩ có thể là con đường.

Chúng tôi đi qua nghĩa trang. Tôi nói với cô ta rằng đó là một dấu hiệu tốt. Cô gái chẳng đáp lại. Tôi thấy mình cũng thở hổn hển, như thể chúng tôi hít thở cho nhau. Điều này làm tôi choáng váng, song tôi không thể ngừng lại được. Chúng tôi đi qua khu ký túc xá cao nhất và tôi bỏ xe tải lại, đi tiếp bằng xe con 4 bánh. Cabin nồng nặc mùi như dầu cháy và kim loại bị đốt nóng. Chúng tôi đã đi qua nhà nguyện, đài thiên văn, rồi nhà ở của hiệu trưởng, sau đó là hiệu sách. Tôi bật đèn nháy màu xanh và lái xe trong tình trạng hầu như không làm chủ được, phát hiện ra đường trơn chỉ ngay trước khi xe bị trượt và điều khiển thật nhanh cho xe khỏi trượt bánh.

Cùng lúc tôi gỡ lá chắn nhỏ và một góc của lớp học xuống, rồi tôi sẽ lắp lại khi bắt đầu học trở lại. Tất cả những gì tôi cần lúc này là vòng qua được khu hành chính, qua thư viện, sau đó chạy thẳng ra phố chính của thị trấn và tới bệnh viện.

Tôi nói qua micro, ông thường trực nhận máy "Nói lại một lần nữa được không? "

Tôi nói chậm lại, chúng tôi cần có một ít đồ ăn và đọc hộ tên thuốc mà cô bạn cùng phòng đã nói, tôi đã ở nơi đó ít nhất là 5 phút trước, húc đổ một vài chỗ và tính mạng đang bị nguy hiểm "Mọi việc sẽ được lo chu đáo", tiếng Radio "Tất cả ổn rồi", Cổ họng tôi nghẹn lại, nước mắt trào ra. Họ sẽ giúp chúng tôi, họ đã nói: "mọi việc sẽ đâu vào đấy."

Tôi nói với cô gái đang gục đầu xuống, khuôn mặt tái nhợt, "Cô biết không, tôi đã từng có một đứa con gái. Vợ tôi, Fanny. Chúng tôi đã từng có một đứa con gái nhỏ".

Tôi toài người sang và đặt tay lên má cô. Má lạnh cứng. Chiếc xe bất thành lĩnh quật hướng, tôi đặt cả hai tay lên vô lăng. Tôi dùng tay trái điều khiển xe vòng qua khu hành chính "Tôi có thể điều khiển xe trong bóng tối", tôi hát theo một giai điệu chưa từng học "Tôi có thể lái xe bằng một tay". Tôi nói với cô gái "Chúng tôi đã từng có con gái nhỏ, rất nhỏ, chính vì thế, tôi không muốn cô chết".

Chúng tôi về đến cổng trường sau khi trải qua 50 phút trên tuyết và băng lạnh. Để máy nổ, hâm côn, tôi chồm qua hàng rào bằng sắt để rẽ sang trái.

Cảnh sát thị trấn tóm được tôi và bật sáng tất cả các đèn trên phố, họ có thể làm um lên nếu họ muốn. Chúng tôi được đưa đến cửa phòng cấp cứu và tôi ở lại trước một cửa khác, trước khi viên cảnh sát làm nhiệm vụ, Elmo St. John có thể nói lỏng dây đai của anh ta. Tôi nói lỏng thất lưng cho cô gái và đưa cô vào hành lang phòng cấp cứu. Các bác sĩ đưa cô đi. Tôi cố nói với họ vài lời, song họ bắt tôi ngồi xuống và giáng cái thân hình đang run rẩy của tôi xuống chiếc ghế sofa cấu bẩn, trang trí những vòng tròn nhỏ. Ai đó đã mang tới cho tôi một tách cà phê nóng. Tôi nghĩ đó là Elmo, tuy nhiên tôi không thể cầm nổi cốc nước.

"Họ sẽ không làm như vậy", anh ta nói với tôi "Họ sẽ không để thế đâu"

"Cái gì cơ?"

"Anh đã ngồi đây hơn một phút giống như St. Vitus nhảy múa", anh nói với tôi.

"Đừng để cho cô ấy chết. Hãy cứu cô ấy".

"Thế à. Anh không sao chứ?"

“Cô bé thế nào rồi?”

“Họ sẽ cho chúng ta biết ngay thôi”.

“Đúng thế. Cô ấy - Người ta sẽ phải thông báo cho tôi, nếu cô ấy rơi vào tình trạng tồi tệ”

“Chắc là không sao đâu”.

“Cô ấy sẽ không thể chết được. Tôi nghĩ thế” tôi nói.

Fanny xuống nhà tìm tôi. Tôi đứng gần cửa sổ quay về hướng bắc, ngắm nhìn thung lũng qua song sắt, nơi có một vạch nhỏ đồ chạy dọc theo những quả đồi và những nóc nhà nhấp nhô dưới thung lũng. Mặt trời sắp mọc và tôi đang chờ được ngắm cảnh bình minh. Fanny đứng sau tôi. Tôi có thể cảm nhận được điều này. Tôi có thể ngửi thấy mùi tóc và tiếng thốn thức của vợ.

Vạch đồ thẫm dần lên, tôi nhoen mắt về phía đó. Tôi nghe thấy tiếng bước chân khập khiễng của con chó phía sau Fanny, nó đã đến kịp. Con chó thở hổn hển và tôi biết tại sao nó lại thở như vậy. Fanny đặt tay lên vai và cánh tay tôi. Tôi dùng bắp thịt gây tình cảm trở lại, sau đó tôi cùng họ vào nhà, tôi cúi đầu thấp đến mức cằm chạm tới ngực.

“Em không cho rằng anh có thể ngủ được sau chuyện đã qua”, Fanny nói.

“Anh phải về thật nhanh để tham gia vào đội bóng”.

“Nhưng anh đâu thích trở thành người hùng, đúng không? Anh đang tự trốn ở đây, bởi sẽ có người gọi điện, hoặc tới đây và muốn thông báo với anh rằng - cha mẹ cô gái sớm hay muộn chắc chắn sẽ coi đó là một phần công việc tại sân chơi? Cứu sống những cô con gái muốn tự tử của họ. Phần lớn bất chấp cái chết để đi tìm chúng trong

những đồng gỗ và lái xe bạt mạng trong bất kể thời tiết nào như anh đã làm đêm qua. Đưa bọn trẻ trở về với gia đình. Cái lũ khốn kiếp ấy”. Cô khóc. Tôi biết sớm hay muộn rồi cô cũng thế. Tôi có thể nghe thấy âm thanh dịu dàng trong sự day nghiêng của vợ. Cô sụt sịt và tôi có thể nhận thấy cánh tay Fanny đang cử động, dường như cô đang muốn lấy ít giấy thấm nước trên bàn cà phê.

“Anh thấy chúng kia kìa”, tôi nói “Ở trên bậu cửa sổ ấy”.

“Vâng”, cô ta xì mũi, con chó đập đuôi xuống đất. Hình như nó cho rằng đó là một trong những trò giả vờ của Fanny, và nó luôn hành động như vậy mười ba năm nay, bất cứ khi nào vợ tôi làm như thế.

“Được, anh phải kể lại cho họ nghe”

“Anh sẽ kể”, tôi nói “anh sẽ làm như vậy” lúc mặt trời đã lên cao. Chúng tôi xây nhà theo hướng có thể thấy được mặt trời mọc. “Anh cho rằng chàng ngọc với một nụ cười, giáo sư của anh ấy mà, em còn nhớ ai chứ? Vài tuần gần đây, cô ta rất nhiều lần xuất hiện tại phòng làm việc của giáo sư. Ông ta gọi cô ta là “cố vấn của tôi” đấy. Đúng, cô ấy là cố vấn của ông, anh đánh cuộc là như vậy. Ông mang về nhà lời khuyên cũ rích”.

“Cô ta sẽ chẳng sao đâu” Fanny nói “Bố mẹ cô ta sẽ đưa cô về nhà, yêu thương và giúp đỡ con họ”. Vợ tôi lại khóc, sau đó nín hắt. Cô ta xì mũi, con chó vẫy đuôi. Cô ta đặt bàn tay vào giữa vai và cổ tôi.

“Vậy hãy nói cho em biết anh sẽ kể cái gì với những người đó. Anh đã an ủi cô gái ấy bằng cách nào?”

“Thế à, anh chẳng làm gì hết. Anh chỉ đến gần, đỡ cô ta dậy và đưa về nhà, đó là tất cả.

“Anh không hề nói câu nào?”

“Chắc chắn là thế. Con bé đứng ngoài trời tuyết với một nắm thuốc tránh thai, em muốn nói về chuyện gì nữa?”

“Vậy anh đã nói gì?”

“Anh kể chuyện cho cô ta nghe”, tôi nói “Anh kể những chuyện có tính hùng biện và thuyết phục”.

“Thứ năm anh hãy đến lớp sớm, sớm độ nửa giờ, và anh hãy bắt thằng cha đó nâng điểm cho anh”

BOBBIE ANN MASON

PHAN THU HIỀN dịch

SHILOH

B. A. Mason sinh năm 1940 tại Mayfield, Kentucky. Vào những năm giữa thập niên 70, sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Kentucky và Đại học Tổng hợp Connecticut, bà xuất bản hai tác phẩm, phê bình văn học. Một trong hai cuốn đó, cuốn *Cô gái thám tử* là sự phân tích đậm chất nữ tính đối với chiến công của những nhân vật thám tử như Nancy Drew mà Mason từng đọc khi còn ấu thơ. Sau thời gian thử nghiệm, các truyện ngắn của Mason bắt đầu xuất hiện trên những tạp chí lừng danh, nổi bật nhất là tạp chí *Người New York*. *Shiloh* và những truyện ngắn khác (1982) đã khẳng định địa vị của bà. *Shiloh* có sắc thái trực tiếp, sống động, tự nhiên do cách sử dụng thời hiện tại và hiểu biết chắc chắn của tác giả về phong cách ngôn ngữ địa phương.

Norma Jean, vợ của Leroy Moffitt, đang luyện tập. Cô nâng những quả tạ ba pound⁽¹⁾ để làm ấm người lên, sau đó chuyển qua nâng tạ đôi 20 pound. Trong tư thế

đứng dạng chân. cô gọi Leroy nhớ đến Người Đà Bà Xa La.

“Em sẽ làm tất cả mọi điều mà em có thể làm được cho cơ bắp này thật sự săn chắc”, Norma Jean nói. “Cái tay này này. Em cảm thấy nó không được rắn bằng tay kia”.

“Chỉ vì em thuận tay phải thôi. có sao đâu”. - Leroy nói, bước né sang bên trong khi Norma quay tạ theo hình vòng cung.

“Anh nghĩ thế à?”

“Chắc chắn rồi”.

Leroy là tài xế xe tải. Anh bị thương ở chân trong một tai nạn trên đường cao tốc đã bốn tháng nay và phải tập luyện phục hồi chức năng với một ròng rọc cùng những quả tạ nặng. Điều đó gợi ý cho Norma Jean tập thử tạ để rèn luyện thể hình. Hiện cô đang dự một lớp thể dục thẩm mỹ. Leroy trở nên tàn tật từ khi chiếc xe tải kéo rơmooc của anh bị chồm rúm lại và đột ngột lật qua một bên, ở Missouri, và chân trái anh kẹp dí trong cabin. Giờ đây, nơi xương háng của anh có một cái ghim bằng thép. Có lẽ anh chẳng bao giờ lái xe nữa. Chiếc xe nằm trong sân sau, như một con chim khổng lồ đã kết thúc chuyến bay, xếp cánh trong tổ. Leroy trở về nhà ở Kentuckey từ ba tháng nay, chân đã gần lành, nhưng tai nạn làm anh hãi và anh chẳng muốn lái xe tiếp. Leroy chưa biết phải làm gì sau đó. Hiện giờ anh làm những thứ đồ thủ công. Anh bắt đầu bằng việc dựng chòi gỗ với những que *popsicle* có vết khía hình chữ V. Anh đánh véc ni rồi đặt căn nhà gỗ nhỏ bé ấy lên trên tivi. Cái nhà gỗ gợi anh nhớ về một lễ Giáng sinh đơn sơ,

mộc mạc. Rồi anh làm cái thuyền buồm bằng nhung đen; một con cú mèo bằng tua ren; một pháo đài bay B17, một cây đèn theo hình xe tải, với núm điều chỉnh ánh sáng gắn vào đầu buống lái. Thoạt tiên, những vật anh làm ra chỉ để tiêu khiển, một số chỉ để giết thời gian, nhưng bây giờ thì anh đã nghĩ tới việc dựng một ngôi nhà gỗ to bằng khuôn khổ thật. Nó sẽ rẻ hơn xây một ngôi nhà bình thường nhiều lần và hơn nữa, Leroy đã đủ trưởng thành để hiểu giá trị của ngôi nhà gỗ sẽ được dựng nên kia. Anh bắt đầu nhận ra rằng tất cả những năm qua của đời anh trên những con đường rong ruổi, anh chẳng có thời gian để thử nghiệm bất cứ cái gì. Anh gần như bay lướt qua cảnh vật quá khứ.

“Người ta sẽ chẳng cho anh xây một căn nhà gỗ trong bất kì khu vực cư trú hiện đại nào đâu”, Norma Jean nói với anh.

“Họ sẽ cho phép nếu đó là ngôi nhà gỗ dành cho em”, anh chònh ghẹo cô. Từ khi cưới nhau, anh đã hứa một ngày nào đó sẽ xây cho Norma Jean một căn nhà mới. Họ thường thuê nhà để ở, căn nhà họ ở thật nhỏ bé và chả có gì đặc biệt, nó lẫn lộn nhạt nhòa giữa muôn vàn căn nhà khác. Nó thậm chí chẳng ra một ngôi nhà nữa, bây giờ thì Leroy nhận thấy vậy.

Norma Jean làm việc ở hiệu thuốc Rexall. Cô biết rất nhiều về các mỹ phẩm. Khi cô giải thích cho Leroy nghe ba loại sản phẩm chăm sóc da, và liên quan đến kem, chất dưỡng da và chất làm ẩm da thì anh lại khoan khoái nghĩ đến các sản phẩm hóa dầu khác như mỡ bôi trơn trục xe, dầu diesel. Đó là một liên hệ nối anh với Norma Jean. Từ

khi thôi lái xe, trở về nhà, anh cảm thấy một tình âu yếm dịu dàng khác thường đối với vợ và hối hận về lỗi lầm do những chuyến đi xa nhà lâu ngày của mình. Nhưng anh không thể hiểu cô nghĩ gì về anh. Norma Jean chẳng bao giờ phàn nàn về việc đi xa của anh, cô không khi nào nói những lời dằn vặt, như gọi cái xe tải của anh là “kẻ tạo ra những góa phụ” chẳng hạn. Anh tin rằng cô chung thủy với anh, nhưng anh ước sao cô đón mừng việc anh sẽ ở nhà với cô lâu dài một cách phấn chấn hơn. Norma Jean thường hơi giật mình khi thấy Leroy trong nhà, và anh cho rằng cô có lẽ thất vọng chút ít về điều đó. Có lẽ anh đã khiến cô hồi tưởng nhiều đến những ngày đầu tiên sau đám cưới, trước khi anh đi lái xe. Họ từng có một đứa con. Nhưng nó mất từ mấy năm trước. Họ không bao giờ nói tới những kỉ niệm về Randy, những kỉ niệm đó hầu như đã phai nhạt. Nhưng giờ đây khi Leroy thường xuyên ở nhà, đôi khi họ cảm thấy một bầu không khí ngưng ngập, lúng túng quanh mình. Và Leroy tự hỏi phải chăng anh hay cô lại sắp nói đến đứa bé. Anh cảm thấy họ vừa cùng tỉnh thức khỏi một giấc mơ - họ phải sáng tạo một cuộc hôn nhân mới, họ phải bắt đầu lại tất cả, từ đầu. Anh và cô may mắn vì họ vẫn còn sống với nhau - Leroy đã đọc thấy người ta viết ở đâu đó rằng phần lớn những đôi vợ chồng mất con đều làm hỏng cuộc hôn nhân của họ - hoặc có lẽ anh đã nghe nói về điều đó trên chương trình *Donahue*. Anh không bao giờ có thể nhớ nổi anh đã học được điều này điều nọ ở đâu nữa.

Ngày Noel, Leroy mua cho Norma Jean một cây đàn organ điện tử. Cô đã từng chơi piano khi học đại học. Có

lần cô nói với anh: “Không bao giờ quên được. Cũng như đi xe đạp vậy”.

Nhạc cụ mới có nhiều phím và nút bấm đến nỗi thoát tiên làm cô hết sức bối rối. Cô lướt tay thử trên các phím đàn, bấm vài nốt rồi nhấn vào “Chopsticks”. Vang lên một nhịp điệu *fox-trot* nhanh, dồn, với tiếng kèn marimba.

“Hợp tấu!”- cô kêu lên.

Cây đàn organ có nút tất trông giống một quả hồ đào và mười tám hòa âm đã được cài đặt, với sự phụ họa của sáo, violon, trumpet, clarinet, banjo tùy ý chọn. Norma Jean gần như ngay lập tức làm chủ được cây đàn. Trước tiên, cô chơi những bài ca Noel. Rồi cô mua về cuốn “*Sáu mươi bài hát*” và học tất cả các giai điệu nhạc trong đó, thêm vào những biến tấu cho mỗi điệu bằng cách dùng những hàng phím màu sáng.

“Em không thích những bài ca cũ quay trở lại”, cô nói. “Nhưng em có cảm giác điên rồ rằng em đã đánh mất điều gì đó, nuối tiếc điều gì đó”.

“Em không mất mát, tiếc nhớ gì đâu”, Leroy bảo.

Leroy thích nằm trên di văng, hút một điếu thuốc nặng và nghe Norma Jean chơi bài “*Anh không thể nhìn em*” và “*Anh sẽ trở về*”. Anh đã trở về. Sau mười lăm năm trên những con đường, cuối cùng anh đã dừng lại bên người đàn bà anh yêu. Cô vẫn còn xinh đẹp. Da cô mịn màng, tươi tắn. Những lọn tóc quăn đã điểm bạc giống những nét vờn được phác vẽ tô điểm bằng bút chì.

*

* *

Giờ đây khi trở về nhà, Leroy bỗng nhận ra thị trấn này đã thay đổi biết bao nhiêu. Những khu cư dân đang mọc lên dọc phía Tây Kentucky như một lớp dầu loang. Tấm biển ở rìa thị trấn ghi: “Dân số: 11.500 người” - nhiều hơn con số ghi hai mươi năm trước chừng 700 người. Leroy không thể tính được số người đang sống trong những ngôi nhà mới xây. Cảnh những người nông dân mỗi chiều thứ bảy tụ tập tới khuôn viên của Tòa án để chơi cờ đam⁽¹⁾ và nhai thuốc lá rồi khạc nhổ nước bả, giờ đây không còn đâu nữa. Lâu lắm rồi, anh không còn nghĩ đến những người nông dân ấy và họ đã hoàn toàn biến mất trong tâm trí anh.

Leroy gặp chú bé Stevie Hamilton ở bãi đỗ xe gần trung tâm thương mại mới mở. Trong khi họ làm bộ như những người xa lạ tình cờ gặp nhau trên một chiếc xe bị nhồi nhét chật chội, Stevie quẳng một ounce⁽²⁾ cỏ marijuana⁽³⁾ xuống dưới ghế trên trong xe của Leroy. Stevie mặc chiếc áo thun có dòng chữ CHATTAHOOCHEE SUPER RAT (Chuột lưng danh Chattahoochee) và đi một đôi giày cưỡi ngựa màu cam. Cha cậu bé là một bác sĩ quan trọng, sống trong một khu nhà đất tiền mới xây bằng gạch màu trắng, giống như nhà tang lễ trong danh bạ điện thoại, dưới tên cậu ta có một con số riêng, với dòng viết nghiêng “*thiếu niên*”.

“Cậu lấy cái của này ở đâu ra đấy?” Leroy hỏi. “Của ba cậu hả?”

“Tôi không cần biết, còn ông, không cần phải hỏi” Stevie bảo. Cậu ta có đôi mắt ti hí, người ốm nhom ốm nhách.

“Cậu còn thủ được cái gì khác nữa không?”

“Ông quan tâm làm gì?”

“Không có gì đặc biệt cả. Chỉ hỏi thế thôi”.

Leroy từng phóng rất nhanh trên đường. Nhưng giờ đây Leroy phải đi chậm. Anh cần chín chắn lại. Anh ngả lưng vào ghế xe và nói: “Tôi đang định dựng cho mình một căn nhà bằng gỗ, chừng nào rảnh rồi. Tuy rằng tôi không nghĩ là vợ tôi thích thú cái kế hoạch này”

“Ồ, khi nào cần tôi, ông cứ bảo”, - Stevie nói. Cậu ta cầm một điều thuốc trong bàn tay khum lại, như muốn che gió. Cậu ta lê chân chậm chạp trên đường, vứt điều thuốc xuống rồi đi khuất, dáng đi lòng không, vai thõng xuống.

Ở đại học, cha của Stevie học trên Leroy hai năm. Nay anh ba mươi tư tuổi. Anh và Norma Jean cưới nhau khi cả hai đều mười tám tuổi và sinh Randy mấy tháng sau đó. Đứa bé chết lúc mới được bốn tháng ba ngày. Nếu còn, bây giờ nó đã bằng tuổi Stevie, orma Jean và Leroy đang ngồi trên xe hơi, vừa ăn vừa xem một tiết mục kép (*Bác sĩ Strangelove* và *Tình yêu trở lại*) còn đứa bé ngủ ở ghế sau. Khi bộ phim thứ nhất kết thúc, đứa bé đã chết. Đó là hội chứng đột tử của trẻ sơ sinh. Leroy nhớ đã ôm Randy tới đưa cho một cô y tá ở phòng cấp cứu, cứ như thể anh tặng cô ta một con búp bê lớn. Đứa bé đã chết giống như một túi bột. “Điều này đôi khi xảy ra”, - bác sĩ nói, bằng cái giọng Leroy nhớ là rất hững hờ, lãnh đạm. Leroy hầu như không thể nhớ đứa bé nữa, nhưng anh vẫn còn thấy,

‘hết sức sống động một cảnh trong phim *Bác sĩ Strangelove*, trong đó Tổng thống Mĩ giọng thân mật đang trao đổi với Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô (cũ) về chiếc máy bay ném bom đã vô tình nhằm hướng nước Nga. Ông ta ngồi trong Phòng Chiến tranh, tấm bản đồ thế giới được chiếu sáng. Leroy nhớ Norma Jean kinh hoàng đứng bên anh trong bệnh viện, lúc đó anh tự nhủ: “Cô gái này là ai?” anh không còn nhớ nổi cô là ai. Ngày nay, các nhà khoa học bảo rằng cái chết trên giường của trẻ sơ sinh như vậy do một loại virus gây ra. Chẳng ai biết cái quái gì cả, Leroy nghĩ. Những câu trả lời luôn luôn khác nhau.

Khi Leroy từ trung tâm thương mại về đến nhà, anh thấy bà Mabel Beasley, mẹ của Norma Jean. Đến tận bây giờ Leroy vẫn không hiểu được Mabel Beasley dành bao nhiêu thời gian cho Norma Jean. Khi đến thăm, bà khám xét từng căn phòng và từng cái cây trong vườn. Bà bảo cho Norma Jean cây nào rũ xuống, cây nào úa vàng. Mabel gọi chúng là những cây hoa dù chúng chẳng bao giờ nở hoa cả. Bà cũng sẽ nhắc nhở nếu quần áo chưa giặt ủi của Norma Jean dồn đống nhiều lên. Mabel là một phụ nữ thấp lùn, mập mạp, những búp tóc nhuộm nâu của bà nom còn giống tóc giả hơn cả búi tóc giả mà bà đôi khi dùng. Hôm nay bà mang đến cho Norma Jean một chiếc khăn trải giường trắng muốt tự làm. Mabel làm việc trong một cửa hiệu bán nệm ghế, mền, thảm.

“Đây là cái thứ mười mẹ đã làm trong năm nay”, Mabel nói. “Mẹ bắt tay vào làm và không sao dừng lại được”.

“Nó thực là đẹp ạ”, Norma Jean nói.

“Bây giờ chúng ta có thể giấu các thứ xuống dưới gầm giường được rồi! Leroy nói. Anh sống hòa thuận được với mẹ vợ chủ yếu nhờ những câu đùa vui với bà. Thực ra, không bao giờ bà tha thứ cho anh tội đã sỉ nhục bà khi làm cho Norma Jean có bầu. Khi đứa bé chết, bà bảo rằng ấy là số mệnh đã chơi khăm bà, giễu cợt bà.

“Cái gì thế này?” Mabel cao giọng hỏi Leroy khi bà chỉ tay vào mớ chỉ rối trên miếng vải bạt.

Leroy cầm lên cho bà xem. “Đây là cái kim của con ấy mà”, anh giải thích, “đây là khăn phủ gối”.

“Việc may vá là của phụ nữ”, Mabel nói. “Mới sáng ra đã có chuyện hay ho thế đấy”.

“Các cầu thủ bóng đá trên tivi đều làm thế đấy, mẹ ạ”, anh bảo.

“Tại sao, Leroy, tại sao anh luôn luôn cố biến tôi thành một mù ngốc? Tôi không tin được anh dù chỉ một phút. Anh không biết cái anh đang làm với bản thân mình. - Tất cả rắc rối là ở đó. Khâu vá cơ chứ!”

“Con định làm cho chúng con một căn nhà bằng gỗ”, Leroy nói, “ngay khi con có thể thực hiện dự định của mình”.

“Anh là đồ quỷ quái”, - Norma Jean nói. Cô cầm cây kim của Leroy lên và nhét nó vào ngăn kéo. “Trước tiên, anh phải tìm việc làm đã. Thời buổi này, không ai đủ tiền để xây dựng nhà cửa!”

Bà Mabel chỉnh cái thắt lưng lại cho ngay ngắn và nói: “Mẹ vẫn nghĩ là trước khi các con bị ràng buộc, bận bịu, các con phải đến Shiloh”.

“Một ngày nào đó, chúng con sẽ đi, mẹ ạ”, Norma Jean nói, vẻ thiếu kiên nhẫn.

Bà Mabel đang nói tới Shiloh, Tennessee. Vài năm gần đây, bà luôn thúc giục Leroy và Norma Jean tới thăm chiến trường nội chiến ở đó. Mabel đã tới Shiloh vào tuần trăng mật của bà. Đó là chuyến du lịch duy nhất trong đời bà. chồng bà chết vì bệnh ung loét khi Norma Jean mới lên mười, nhưng Mabel, người đã được kết nạp vào Hiệp hội những người con gái của Liên bang năm 1975 vẫn bận tâm với việc trở lại thăm Shiloh.

“Con đã từng đi qua, đi lại khắp đất nước trên chiếc xe tải để đàng kia”, Leroy nói với Mabel. “Nhưng chúng con chưa bao giờ đặt chân tới chiến địa ấy”.

“Thế là thế nào? Sao con có thể bỏ qua nơi ấy được nhỉ?”. “Nó không xa đâu”, Mabel nói.

Sau khi Mabel bỏ đi, Norma Jean đọc cho Leroy nghe một danh sách dài cô vừa viết. “Những việc anh có thể làm nhé: Anh có thể làm bảo vệ ở Union Carbide. Ở đó, họ sẽ để anh ngồi trên một cái ghế. Anh có thể đến làm ở kho chứa gỗ. Anh có thể làm chút ít công việc về mộc, nếu anh muốn dựng nhà dựng cửa đến thế. Anh có thể...”

“Anh không thể làm được những việc phải đứng cả ngày”.

“Anh hãy thử đứng suốt ngày sau một quầy mỹ phẩm xem. Em cũng ngạc nhiên là em có đôi chân thật khỏe mạnh”.

Norma Jean đi trong bếp và vẫn tiếp tục câu chuyện. Cô nâng đầu gối lên mỗi lần nói. Cô đeo một chiếc vòng chân 2 pound gắn những quả nặng.

“Đừng lo lắng gì cả”, Leroy nói. “Anh sẽ làm một việc gì đó mà”.

“Anh có thể chở những con bò tới lò sát sinh. Anh sẽ không phải chở nặng đâu”.

“Anh sẽ dựng cho em cái nhà này”. Leroy nói. “Anh muốn làm cho em một cái nhà ra nhà”.

“Em không muốn sống trong cái chòi gỗ nào hết”.

“Không phải chòi. Một cái nhà mà”.

“Em không thiết. Nó vẫn giống một cái chòi thôi”.

“Anh và em sẽ có thể cùng nhau nâng những súc gỗ lớn này lên. Cũng chỉ như tập tạ vậy”.

Norma Jean không trả lời. Cô đang vừa thở vừa đếm thầm. Bây giờ cô đang bước những bước đều trong bếp.

*

* *

Trước khi xảy ra tai nạn, mỗi lần trở về, Leroy thường ở nhà với Norma Jean, nằm trên giường xem ti vi và chơi cờ. Cô sẽ làm những món anh thích: gà chiên, dăm bông, bánh sôcôla. Nay, phần lớn thời gian anh ở nhà một mình. Sáng dậy, Norma Jean đã đi khỏi, để lại chỗ nằm lạnh lẽo trên giường ngủ. Cô ăn điểm tâm bằng món bánh ngũ cốc Body Buddies và để sót lại những mẩu bánh sừng nước nổi phềnh trên vũng sữa trong cái bát trên bàn. Anh nhận ra nhiều điều trước đây không hề biết về Norma Jean. Khi cất hành tây, cô nhìn xéo đi chỗ khác, như thể cô không nhìn nổi vào củ hành. Tối tối, gần như cứ đúng chín giờ thì cô xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà và nhẹ nhàng đẩy đôi giày bó của cô vào dưới đi văng. Cô để dành vụn bánh

cho chim. Khi cho chim ăn, Leroy thường quan sát chúng. Anh phát hiện ra cách bay rất đặc biệt của bọn kim tước băng qua cửa sổ. Chúng khép chặt đôi cánh, lao xuống, rồi mới giang cánh ra để giữ thăng bằng và bay lên. Anh tự hỏi không biết khi lao xuống, chúng có nhắm chặt mắt lại không. Norma Jean luôn nhắm mắt khi họ cùng nhau ân ái. Cô muốn tắt đèn đi. Mặc dầu vậy, anh vẫn biết chắc rằng cô nhắm mắt lại.

Anh lái xe lòng vòng quanh thị xã. Anh có xu hướng lái xe con không cẩn thận lắm. Tay lái cơ và hộp số tự động khiến cái xe con sao mà nhỏ bé, và thật phi lí là cơ thể anh hầu như không ăn nhập vào việc lái xe. Cái chân bị thương của anh đang rộng một cách thoải mái. Một hai lần anh suýt dừng xe, nhưng ngay cả viễn tưởng về tai nạn của một cái xe con dường như cũng chẳng ghê gớm. Anh đảo qua đảo lại những khu phố mới, cảm thấy như đang diễn tập để chuẩn bị một vụ cướp. Norma Jean hẳn có lí khi bảo rằng một cái nhà gỗ không thể phù hợp ở đây, giữa những khu phố mới xây dựng. Tất cả các ngôi nhà đều đồ sộ và phức tạp. Chúng làm anh thất vọng.

Một hôm lái xe về, Leroy thấy Norma Jean đang khóc. Cô đang làm món súp nấm, khoai tây với pho mát. Cô khóc vì bị bà mẹ bắt được đang hút thuốc.

“Em không nghe thấy tiếng chân mẹ. Em đang đứng đây, bập bập từng hơi khoan khoái.” Norma Jean nói, đưa tay lau nước mắt.

“Anh biết sớm hay muộn sẽ xảy ra như thế mà”, Leroy nói, vòng tay ôm quanh người cô.

“Mẹ chẳng biết nghĩa của từ “gỗ cửa” nữa”. Norma Jean nói. “Thật lạ, sao mẹ lại không tóm được em từ những năm trước”.

“Hãy nghĩ thế này”, Leroy nói, “sẽ ra sao nếu có ngày mẹ tóm được anh hút loại thuốc có sao tằm”.

“Tốt hơn là anh đừng có để bị tóm”. “Tìm báo trước cho anh đấy, Leroy Moffitt!”

“Anh chỉ đùa thôi. Lại đây em, chơi một bản nhạc. Điều đó sẽ giúp em thư giãn”.

Norma Jean đặt nổi vào bếp và hẹn giờ. Rồi cô chơi một điệu *ragtime*⁽¹⁾, với kèn và đàn banjo. Trong khi đó Leroy nằm trên giường, hút thuốc, cười thầm khi nghĩ đến chuyện Mabel bắt được anh. Anh nghĩ đến Stevie Hamilton - cậu quý tử của một ông bác sĩ giấu giếm giếm cỏ marijuana. Tất cả mọi điều đều nực cười. Cả thị xã này có vẻ bé nhỏ và rõ đại. Anh nhớ tới Virgil Mathis, một viên cảnh sát khoác lác mà anh từng đi săn cùng. Vừa rồi, Virgil cùng một dượt sĩ xông vào một phòng hậu bên hẻm nhỏ, tại đấy, ông ta lôi ra được một lượng cỏ marijuana đáng giá chừng 10.000 đô la. Báo chí vẽ hình ông ta giờ cao những túi cỏ marijuana, ngoác mồm cười nhún nhử. Giờ đây, Leroy có thể hình dung cảnh

Virgil xô cửa xông vào và bắt anh, với đôi lá phổi đầy khói thuốc sao tằm. Virgil có lẽ sẽ đột nhiên chú ý đến vì những tiếng ồn của Norma Jean. Cô đang chơi, náo động như một ban nhạc rốc nặng. Norma Jean hẳn sẽ khiếp hãi lắm. Khi cô chuyển sang nhịp latin của bản nhạc *Sunshine Superman*, Leroy ư ử hát hòa theo. Đôi chân Norma Jean nhún nhảy cùng điệu nhạc.

“Thế nào, em thấy sao?” - Leroy hỏi, khi Norma Jean dừng một chút để xem xét bản nhạc.

“Về cái gì cơ?”

Tâm trí anh trống rỗng. Anh nói: “Anh sẽ bán cái xe tải và dựng cho chúng ta một căn nhà”. Đó không phải điều anh muốn nói. Anh muốn biết cô đang nghĩ gì - cái mà cô thực sự nghĩ về nó.

“Anh đừng quay lại với chuyện ấy làm gì”, Norma Jean bảo. Cô bắt đầu chơi bản nhạc *Tôi đây, sẽ đến lượt ai?*

Leroy từng kể cho những người khách đi nhờ trên xe anh toàn bộ cuộc đời mình về những chuyến đi, về thị xã quê hương, về đứa con bé bỏng. Anh kết thúc bằng câu hỏi: “Thế nào, anh thấy sao?”. Đó chỉ là một câu hỏi tu từ. Lúc đó, anh có cảm giác đã kể đi kể lại mỗi một câu chuyện cho cùng một người khách duy nhất. Anh ngừng nói khi nhận ra giọng nói của mình nghe như lời than vãn, rên rĩ và tự thương xót, giống như những bài ca bị ai của bọn choai choai mới lớn. Giờ đây, Leroy cảm thấy một rung động mãnh liệt bất ngờ từ nội tâm, muốn kể với Norma Jean về chính mình như thể anh vừa mới quen biết cô lần đầu. Họ biết nhau lâu đến mức đã quên rất nhiều về nhau rồi. Họ có thể cần được làm quen lại. Nhưng khi đến giờ hẹn của món súp, cô chạy vào bếp, anh quên mất vì sao anh muốn trò chuyện với cô về mình.

*

* *

Ngày hôm sau, Mabel ghé thăm. Đó là ngày thứ bảy và Norma Jean đang làm vệ sinh nhà cửa. Leroy đang

nghiên cứu bản vẽ ngôi nhà gỗ, rồi cục những bản vẽ cũng được gửi đến cho anh qua đường bưu điện. Anh trải rộng chúng trên bàn - những tờ giấy khổ lớn màu xanh, những hình vẽ và con số in màu trắng. Trong khi Norma Jean hút bụi trong phòng, Mabel uống cà phê. Bà đặt tách cà phê trên những bản vẽ màu xanh.

"Tôi chỉ đợi cho thời gian trôi qua", Bà nói với Leroy, gõ gõ những ngón tay trên bàn.

Norma Jean vừa tắt máy hút bụi thì Mabel cao giọng nói: "Con đã nghe nói về con chó giống *datsun* cần chết đứa bé chưa?"

"*Dachshund*⁽¹⁾ chứ mẹ", Norma Jean nói.

"Họ dùng con chó ấy làm thí nghiệm. Nó nhai đứt chân đứa bé. Trong suốt thời gian ấy, người mẹ ở ngay phòng bên cạnh", bà cao giọng lên. "Họ cho rằng đó là do sợ ý".

Norma Jean bịt chặt tai. Leroy mở tủ lạnh, lấy Pepsi không béo để mời Mabel. Mabel vẫn còn ít cà phê và bà ngoắc tay từ chối.

"*Datsun* là giống chó như vậy đấy."

"Nó là giống chó ghen tị, hằn thù. Nó sẽ cào xé, cắn nát nếu người ta không đề phòng".

"Tốt hơn mẹ nên cẩn thận với lời mẹ nói", Leroy bảo.

"Ồ, thực tế vẫn là thực tế chứ".

Leroy nhìn qua cửa sổ, ngắm nghía cái xe tải. Nó giống như một đồ vật to lớn để thu gom cát bụi trong sân sau. Nó sẽ sớm thành một thứ đồ cổ. Norma Jean có lẽ sắp hút bụi thảm phòng khách lần nữa.

Về sau, cô nói với Leroy: "Mẹ kể về đứa bé vì mẹ tóm được em hút thuốc. Mẹ muốn trả đũa em".

"Lm đang nói chuyện gì vậy?" Leroy nói, tay xé dịch những bản vẽ một cách mất bình tĩnh.

"Anh thừa biết, anh biết quá rõ mà", Norma Jean nói. Cô ngồi trên một chiếc ghế nấu ăn, chân để trên ghế và tay vòng quanh đầu gối.

Trông cô nhỏ bé và bất lực làm sao. Cô nói: "Chính đó là điều mẹ muốn rút ra qua câu chuyện. Nói rằng điều đó chỉ do sợ ý mà thôi".

"Mẹ không có ý thế đâu", Leroy nói.

"Bà ấy có thể không nghĩ rằng mình định ngụ ý như thế. Bà ấy luôn luôn nói những điều như vậy. Anh không hiểu vì sao bà ấy làm thế đâu".

"Nhưng mẹ thực sự không có ý đó mà. Bà chỉ kể chuyện, thế thôi".

Leroy mở một chai bia cỡ lớn, rót đại vào hai li, chia thật đều nhau. Anh đưa một li cho Norma Jean và cô đón lấy một cách máy móc. Họ ngồi bên cửa sổ nhà bếp xem những con chim đến ăn, im lặng hồi lâu.

*

** *

Có một chuyện mới. Norma Jean sắp theo học trường ban đêm. Cô đã hoàn thành khóa học thể dục thể hình kéo dài sáu tuần và nay cô học một khoá dạy soạn thảo văn bản ở Đại học Cộng đồng Paducah. Cô dành các buổi tối vào việc lo sắp xếp tổ chức những đoạn văn.

"Thoạt tiên, anh có một câu chủ đề", cô giải thích cho Leroy, "sau đó anh phải triển khai nó ra. Chủ đề thứ hai của anh phải liên hệ với chủ đề đầu tiên".

Đối với Leroy, những câu đó nghe có giọng dọa dẫm. “Anh chẳng khi nào giỏi tiếng Anh cả”, anh bảo.

“Điều ấy có nhiều ý nghĩa lắm chứ”

“Nhưng mà em học cái đó để làm gì vậy?”

Cô nhún vai. “Thì phải có việc gì đó để mà làm thôi”. Cô đứng dậy và nâng quả tạ lên mấy lần.

“Khi anh đi lái xe tải, chẳng ai quan tâm đến tiếng Anh của anh”.

“Em đâu có phê bình tiếng Anh của anh”.

Norma Jean từng bảo: “Nếu em ngủ thiếu mười phút thì em sẽ mệt mỏi, uể oải suốt ngày”. Bây giờ thì cô thức rất khuya, ngồi viết những bài luận. Cô được điểm loại B cho bài viết đầu tiên với đề tài cách nấu những nổi súp. Gần đây, Norma Jean hay nấu những món ăn lạ: - *tacos*, *lasagna*, gà *Bom bay*. Cô chẳng chơi đàn organ nữa, dù rằng bài luận thứ hai là “*Vì sao âm nhạc quan trọng đối với tôi*”. Cô ngồi bên bàn bếp, viết lách, trong khi Leroy chơi đùa với những bản vẽ nhà gỗ, thực hành với một bộ đồ Lincoln Logs. Ý nghĩ về một xe tải chở những khúc gỗ có đánh số, có khía hình chữ V choán hết tâm trí và anh muốn bắt tay vào công việc. Khi anh và cô cùng ngồi làm việc bên bàn bếp, Leroy thầm hi vọng họ đang chia sẻ một điều gì đó, nhưng anh biết chỉ là một gã ngớ ngẩn mới nghĩ như vậy. Norma Jean đã ở xa anh. Anh biết anh sắp mất cô. Như Mabel, cô chỉ đang chờ cho thời gian trôi qua.

Một hôm, Mabel đến chơi, trước khi Norma Jean đi làm về và Leroy thấy tin tưởng, anh tâm sự với bà. Anh nhận ra rằng, bà hiểu Norma Jean hơn anh nhiều.

“Tôi không hiểu chuyện gì xảy ra với con bé này”, Mabel bảo. “Nó thường quen đi ngủ lúc gà lên chuồng. Thế mà nay anh nói nó thức hàng giờ liền. Rồi hay hút thuốc nữa. Tôi muốn nó phải kiêng khem”.

“Con muốn làm cho cô ấy một ngôi nhà thật đẹp”, Leroy nói, và chỉ cho bà xem bộ đồ Lincoln Logs. “Con không nghĩ rằng cô ấy muốn có nhà. Có lẽ nếu con đi khỏi thì cô ấy hạnh phúc hơn”.

“Nó không biết phải làm gì với anh, anh đã trở về nhà như thế này”.

“Thế ư?”

Mabel lật mái cái chòi gỗ Lincoln lên. “Anh không thể nhét tôi vào một chòi gỗ như thế này”, bà nói. - “Tôi đã từng lớn lên trong một cái chòi gỗ. Mà đây không phải một chuyến đi picnic, tôi nói để anh biết như vậy”.

“Giờ đây, người ta khác xưa rồi”, Leroy nói.

“Tôi bảo anh này”, Mabel nói, mỉm cười một cách kỳ cục.

“Cái gì ạ?”

“Hãy đưa nó đến Shiloh. Cả hai đứa cần phải cùng nhau thoát ra, cần phải có chút khuấy động trong cuộc sống. Đầu óc nó cũng rối tung với những quyển sách rồi”.

Leroy có thể thấy những nét chân dung Norma Jean trên nét mặt mẹ cô. Khuôn mặt bà đã có những vết nhăn, nhưng bỗng trông thật xinh đẹp. Leroy đột nhiên nghĩ ra rằng bà cũng xa gần gợi ý, bà muốn vợ chồng anh đưa bà đi cùng tới Shiloh.

“Thế thì tất cả chúng ta sẽ đi Shiloh”, anh nói. “Mẹ và con và cô ấy. Chủ nhật tới này”.

Mabel xua tay phản đối. “Ồ, không, tôi không đi đâu. Những đôi trẻ chỉ muốn đi với nhau thôi”.

Khi Norma Jean về, mang theo thực phẩm, đồ khô, Leroy nói với cô, đầy phẫn chấn: “Mẹ em đã mong đợi chuyến đi Shiloh ba mươi lăm năm nay rồi. Giờ là lúc chúng ta đi, phải không em?”

“Tôi không xen vào tuần trăng mật thứ hai của người khác đâu”, Mabel nói.

“Ai đi tuần trăng mật vậy, vì Chúa chắc?” Norma Jean nặng lời.

“Tôi không nuôi con gái tôi lớn lên để nói với tôi bằng cái giọng như vậy đâu đấy”, Mabel nói.

“Mẹ chẳng biết gì cả”, Norma Jean nói. Cô bắt đầu quăng ra những hộp, những gói, đóng sầm cửa nọ cửa kia.

“Ở Shiloh có một chòi gỗ”, Mabel nói. “Nó đã tồn tại ở đây suốt thời gian chiến tranh. Trên đó còn những vết đạn”.

“Khi nào mẹ có thể thôi nói về Shiloh, hả mẹ?”, Norma Jean hỏi.

“Tôi luôn nghĩ rằng Shiloh là nơi đẹp nhất, đầy những dấu tích lịch sử”, Mabel tiếp tục. “Tôi chỉ ao ước hai anh chị có thể thấy nó một lần trước khi tôi chết, vì như thế, hai anh chị có thể kể lại cho tôi nghe về nó”. Sau đó, bà nói thêm với Leroy. “Anh hãy làm như tôi bảo. Một chút thay đổi là cái mà nó cần đấy”.

*

* *

“Tên của anh có nghĩa là *Dức vua*” - Tối hôm đó Norma Jean bảo Leroy. Anh đang thuyết phục cô đi Shiloh, còn cô đang đọc cuốn sách viết về một thế kỉ khác.

“Ừ, anh nghĩ là mình được quyền hạnh diện lắm”.

“Em đoán thế mà”.

“Ở đây, anh vẫn là vua chứ?”

Norma Jean co duỗi bắt tay và cảm thấy chúng rắn chắc. “Em không phí thì giờ vờ vẩn với bất kì ai hết, nếu đó là điều anh muốn nói”, cô bảo.

“Còn khi nào muốn thì em sẽ nói với anh chứ?”

“Em không biết”.

“Tên em nghĩa là gì?”

“Đó là tên thật của Marilyn Monroe”.

“Đừng đùa”.

“Norma xuất phát từ những người Norman. Họ là quân xâm lược”. Cô nói. Cô gấp cuốn sách lại và nhìn thẳng vào Leroy: “Em sẽ đi Shiloh cùng anh nếu anh đừng tiếp tục nhìn em chằm chằm như thế”.

*

* *

Chủ nhật, Norma Jean chuẩn bị đồ cho một cuộc picnic và họ đi Shiloh. Mabel trả lời Leroy rằng bà không muốn đi cùng với vợ chồng anh. Norma Jean lái xe, còn Leroy, ngồi bên cô, cảm thấy mình giống một người khách nhạt nhẽo cô cho đi nhờ xe. Anh nhiều lần cố gợi chuyện, nhưng cô chỉ trả lời nhạt gừng. Ở Shiloh, cô lái xe lang thang

không mục đích qua công viên, qua những dốc đứng, những con đường mòn, những hẻm núi. Shiloh rộng mênh mông. Leroy thấy nó chẳng có vẻ một bãi chiến trường. Nó không giống như cái mà anh hình dung. Anh tưởng nó phải tựa như một sân gôn. Tượng đài kỉ niệm có ở khắp nơi, ẩn hiện giữa những lùm cây rậm rạp. Norma Jean đi ngang qua cái chòi gỗ Mabel đã kể. Nhiều khách du lịch vây quanh để xem những vết đạn.

“Đấy không phải kiểu nhà gỗ trong ý nghĩ của anh”, Leroy biện bạch.

“Em biết”.

“Nơi này thật đẹp. Mẹ em nói đúng lắm”

“Tốt thôi”, Norma Jean nói “Nào, chúng ta đã xem rồi. Em hi vọng bà sẽ hài lòng”.

Họ cùng cười phá lên.

Trong nhà bảo tàng của công viên, một bộ phim về Shiloh được chiếu liên tục, cứ ba mươi phút một lần. Nhưng họ quyết định không xem phim. Họ mua một lá cờ Liên bang làm kỉ niệm cho Mabel. Sau đó, hai người tìm đến một địa điểm picnic gần nghĩa trang. Norma Jean mang theo bánh san-uyech, các đồ uống nhẹ và *Yodels*. Leroy ăn một chiếc San-uyech rồi hút ít thuốc tẩm thuốc phiện, anh giấu thuốc sau cái thùng lạnh picnic. Norma Jean không hút. Cô nhặt nhanh những mẩu bánh vụn dính trên giấy bóng kính, như một con chim tinh nghịch, nhí nhảnh.

Leroy nói: “Những chàng lính trẻ bạn quân phục màu xám đã tử trận ở Corinth. Những người lính Liên bang cuối cùng đã bị tiêu diệt. Ngày 7 tháng 4 năm 1862”.

Cả hai đều biết rằng anh chẳng biết gì về lịch sử. Anh chỉ đang nói về những tấm biển lịch sử mà họ đã đọc. Anh cảm thấy ngưỡng ngấp, lúng túng, như một cậu trai trong cuộc hẹn với người đàn bà lớn tuổi hơn mình. Họ, cả hai, chỉ đang cố bắt chuyện với nhau.

“Corinth là nơi mẹ đã trốn đi theo người ta”, Norma Jean nói.

Họ ngồi lặng lẽ, nhìn mảnh đất nghĩa trang của những binh lính Liên bang, và nhìn xa hơn, nơi những bụi cây cao cao. Lều trại du lịch san sát bên nhau, bọn trẻ con ăn mặc quần áo sáng màu nhảy nhót, đùa giỡn, hét la inh ỏi. Norma Jean vò tờ giấy bóng kính gói bánh, siết chặt nó trong tay. Không nhìn Leroy, cô nói: “Em muốn xa anh”.

Leroy lấy một chai Coke ra khỏi thùng lạnh và bật nắp. Anh nâng cái chai gần miệng nhưng quên uống. Cuối cùng, anh nói: “Không, em đừng xa anh”.

“Làm bỏ anh”.

“Anh không cho phép em làm thế”.

“Anh không thể cấm em được”.

“Đừng đối xử với anh như vậy”.

Leroy biết Norma Jean sẽ làm như cô nghĩ. “Phải chăng anh chưa hứa với em từ nay anh sẽ ở nhà?” anh nói.

“Nói chung, phụ nữ ưa thích người đàn ông phiêu du”, Norma Jean nói. “Điều ấy nghe điên rồ, em biết thế”.

“Làm chẳng điên rồ”, Leroy nhớ ra và anh bắt đầu uống chai Coke đã mở. Rồi anh nói: “Đứng thôi, em đang điên rồ. Anh và em có thể bắt đầu làm lại tất cả, từ đầu. Từ đầu”.

"Chúng ta đã làm lại từ đầu rồi mà". Norma Jean nói. "Và chính vì vậy mà như thế này đây".

"Anh đã làm gì sai?"

"Không, chẳng có gì sai cả".

"Một trong những vấn đề giải phóng phụ nữ chẳng?" Leroy hỏi.

"Anh đừng đùa nữa".

Những tấm bia trắng giữa thảm cỏ xanh, nghĩa trang trông như một khu phố. Leroy cố hiểu cái thực tế rằng cuộc hôn nhân của anh đang đổ vỡ, nhưng tâm trí anh lại vẫn vờ về những tấm bia mộ trắng.

"Mọi thứ vẫn tốt đẹp cho đến khi mẹ bắt được em đang hút thuốc", Norma Jean nói. Cô đứng lên "Điều đó đã làm hỏng cả".

"Ìm nói về chuyện gì vậy?"

"Mẹ không để em được một mình - anh không để em được một mình, các người không để tôi được một mình". Norma Jean dường như sắp bật khóc, nhưng cố tránh mắt anh, nhìn đi chỗ khác. "Ìm cảm thấy trở lại là mười tám tuổi. Ìm không thể chịu nổi rằng tất cả trở lại như cũ". Cô bắt đầu bước đi. - "Không, như thế chẳng hay ho gì. Ìm chẳng biết em đang nói gì nữa. Anh hãy quên đi nhé".

Leroy hít một hơi thuốc dài, đẩy hai lá phổi, anh nhắm mắt lại khi những lời nói của Norma Jean tràn tới, nhấn ngập tâm trí. Anh cố gắng định tâm vào vấn đề ba ngàn năm trăm chiến binh đã tử trận trên mảnh đất anh đang ngồi. Anh chỉ có thể nghĩ tới chiến tranh như một trò cờ bạc lớn, chơi với những người lính bằng nhựa. Leroy suýt bật cười khi anh thầm so sánh trận tấn công của Liên bang vào những trại lính Đồng minh với chiến dịch của Virgil Mathis tấn công ngôi nhà trong hẻm. Tướng Grant, say bét nhè và cấu kính xạ ngẫu, đẩy quân miền Nam quay trở lại

Corinth, nơi Mabel và Jet Beasley vài năm sau kết hôn, khi ấy Mabel còn thon thả và xinh đẹp. Hôm sau, Mabel và Jet đi tham quan bãi chiến trường, rồi sinh ra Norma Jean, rồi cô cưới Leroy, rồi họ sinh một đứa bé, đứa bé mất, và giờ đây, Norma Jean và Leroy ở đây, cũng vẫn trên bãi chiến trường này. Leroy biết rằng anh đã đi quá xa. Anh đã bỏ rơi nội hàm của lịch sử. Lịch sử đối với anh, luôn luôn chỉ là những cái tên và những con số. Anh bỗng nhận ra rằng dựng một ngôi nhà gỗ cũng trống rỗng tương tự như vậy - cũng quá đơn giản. Còn động lực nội tại thực sự của một cuộc hôn nhân cũng như phần lớn động lực nội tại của lịch sử, đã lừa dối anh. Giờ đây anh thấy dựng ngôi nhà gỗ là ý nghĩ ngu xuẩn nhất mà anh có thể nghĩ ra. Thật rõ ràng khi anh cho rằng Norma Jean khát khao một ngôi nhà gỗ. Đúng là một ý tưởng điên rồ. Anh sẽ phải nghĩ ra một cái gì khác, đúng rồi, ngay lập tức, phải nghĩ ra một cái gì hay hơn. Anh sẽ cuộn đồng hồ vẽ màu xanh nhồi thành những trái bóng mà lẳng xuống hồ. Rồi anh sẽ tiếp tục phiêu du. Anh mở mắt ra. Norma Jean đã bỏ đi. Cô đang bước xuyên qua khu nghĩa trang, theo một con đường gạch ngoằn ngoèo, uốn lượn.

Leroy đứng dậy, bước theo vợ. Nhưng bên chân còn lạnh thì một mối, bên chân bị thương thì vẫn còn đau. Norma Jean đã đi xa, cô đang bước nhanh về phía cái dốc đứng bên bờ sông. Anh cố bước tập tễnh về phía cô. Vài đứa bé chạy vượt qua anh, la hét ầm ĩ. Norma Jean đã đến bên con dốc, cô đứng nhìn dòng sông Tennessee. Giờ thì cô quay lại phía Leroy và vẫy tay. Cô đang vẫy anh đấy ư? Hình như cô đang tập bài thể dục luyện cơ bắp. Bầu trời trắng nhợt khác thường - màu trắng của cái khăn trải giường mà Mabel đã làm cho vợ chồng họ.

MAXINE KUMIN

TÔ ĐỨC HUY dịch

NGƯỜI MẤT TÍCH

Họ đỗ xe ở một trong những bãi xe tự quản. Ở đó có mấy chiếc biển thông báo: “*Không phục vụ sau chín giờ tối*”. Nhưng Alan nói có điên mới cố lái xe vào trung tâm thành phố vào giờ này, và chị đồng tình với anh. Chị dút chiếc túi xách của mình xuống ghế trước cho khuất, không muốn mang theo vào chỗ đông người.

- Em phải mang theo gì chứ, Ellie. Ít nhất là ví của mình. Em không thể dạo quanh thành phố như một đứa trẻ mồ côi được.

Bởi đó là chiếc ví nhỏ quần quèo, chị thậm chí cần nhấc rồi dút nó xuống tận đáy túi áo khoác. Họ lẻ bước trên con đường đầy tuyết bắn tới cửa xuống tàu điện ngầm.

Nhiều năm trước, Alan sống ở thành phố này, khi còn là một sinh viên đại học. Anh thông thuộc tất những giao lộ, những tiếng còi cảnh sát, những con đường một chiều. Anh là một người đàn ông nghiêm túc và đầy tự tin. Còn chị trong đời mình đến giờ mới bốn lần đi tàu điện ngầm. Chị thực sự hoảng sợ phải sử dụng thứ phương tiện dưới

lòng đất đỏ, nhưng vẫn giữ im lặng. Chị biết nỗi sợ hãi của mình quá tầm thường. Họ như bị hút vào trong một cái ống; âm thanh đập dội vào màng nhĩ. Mọi Alan mấp máy. Chị gật đầu, ra vẻ hiểu điều anh vừa nói. Ở nhà thì tĩnh lặng đến nỗi chị còn nghe được cả tiếng chó hắt hơi trong đêm. Họ bước ra khỏi tàu đứng chỗ cần lên mặt đất.

Trung tâm thành phố nhộn nhịp, tưng bừng trong ánh đèn ngày lễ Giáng Sinh. Sau giờ làm việc, người người tấp nập ra vào cửa hàng. Quán rượu góc phố tỏa hơi ấm làm tuyết tan trên mặt đất một hình vòng cung do cánh cửa tạo nên khi đóng mở. Chị thẩm nhận xét như vậy và nghĩ tới chiếc lò bếp tối tăm, thiếu củi ở nhà và hàng ngàn mẫu đất rừng bỏ hoang, không người cư ngụ ngập chìm dưới lớp tuyết dày đặc.

Cả hai đã đi ngót ba trăm bảy mươi dặm và đến đây khi trời tối. Họ không còn ai thân quen ở thành phố này, trừ Kathleen, đứa con dâu đang có vai trong một vở kịch họ tới đây để xem. Đó là vai đáng kể. Kathleen đã nhắc đi nhắc lại bằng thư như vậy và gửi kèm thêm hai vé. Cô vẫn viết thư đều đặn, cứ sáu hay tám tháng một lần. Cô đang sống với một người hơn tuổi, một kỹ thuật viên ánh sáng. Lúc nhà hát hết buổi diễn, Kathleen sẽ đợi hai người trong một cái quán bên cạnh. Những từ ngữ kiểu như *cuộc sống hòa hợp* và *tình thân, kiểu sống* và *năng lượng* hiện đầy trên các trang thư của cô. Đọc chúng, Alan khịt mũi y hệt con ngựa khó dạy chọn hạt cỏ đuôi mèo.

Họ là cha mẹ của một quân nhân mất tích, người đã cưới cô gái này sáu năm trước đây, khi chúng còn chưa hiểu biết kỹ về nhau. Họ thấy ái ngại cho tình cảnh cô đơn

của con dâu. Nỗi sầu khổ ngày càng đè nặng và cô phải dần vật chịu đựng. Đứa con của họ là bất tử.

James Alan, hay Jav - họ thường gọi con trai như thế - đã qua Canada, Thụy Điển, nhà tù, nhưng cuối cùng sự chán chường, mệt mỏi đã không hề gây nổi nó. Nó được tuyển chọn. Nó khoác lên người bộ quân phục, người ta viết về nó trên tờ *Nhật báo vùng Argus*, kèm theo bức ảnh hồi tốt nghiệp trung học. Mùa hè năm đó nó được nghỉ phép về nhà. Ellie còn nhớ rõ hai cánh tay con trai run lên như nhiễm lạnh. Cả hai mẹ con đều thấy xấu hổ về nỗi sợ hãi của họ, cùng chia sẻ nỗi chán ghét chiếc vòng đu quay, tháp quan sát, cầu nhảy và họ không nói về hoàn cảnh của người lính trở về. Từ hôm đi chơi với mẹ tới hết đợt nghỉ phép, mười bốn ngày nó dành cho Kathleen. Ba tháng trước đấy, đám cưới của chúng được tổ chức bí mật. Người lính hi vọng bố mẹ mình sẽ yêu con dâu như anh yêu cô. Bộ mặt sốt sáng của Jay tràn đầy niềm ao ước tạo lập được sự hòa hợp giữa mọi người trong gia đình.

Kathleen có mái tóc dài rẽ ngôi giữa. Cứ mỗi lần cô hơi cúi người về phía trước, tóc phủ hết qua mắt, khoe miệng - thật vương, Ellie nghĩ vậy. Kathleen thích mặc áo choàng rộng và sơ mi dài. Khi kì nghỉ của Jay hết, cô mặc chiếc áo bằng vải *flanen*, những sơ mi nhung xanh của chồng suốt mùa đông để sưởi ấm. Hai tháng sau đó, trước khi thời tiết chuyển sang lạnh giá, Jay mất tích trên một chiếc trục thăng. Jay vốn là người sợ độ cao.

Hàng năm phải có đến hàng nghìn người Mĩ chết bất đắc kì tử. Chết vì lạnh, chết đuối, chết vì nấm độc hay điện giật. Một ông chết vì nghẹn miếng bít-tết ở trong một nhà

hàng sang trọng. Một bà hầy còn trẻ cười con ngựa yêu và ngã gãy cổ. Jay biến mất trên bầu trời kẻ thù. Không tìm thấy một ai trong đoàn. Khi đưa con duy nhất lìa đời, không người mẹ nào dám dùng đến từ chết. Cảm giác ấy tựa hơi xì ra khỏi quả bóng, lớp xe bẹp xuống, phổi bạn có nguy cơ ép dúm lại.

Chị là người sống biệt lập. Chị tự trồng cây; chị bảo quản, ướp lạnh và phơi khô chúng; chị biết hết những loại nấm dại trong vùng và đủ các loại quả hạt. Mùa đông, trong khu vườn của mình, chị trồng khoai tây và đặc biệt là giống xà lách xoắn. Dự định năm nay của chị là gieo mầm rau diếp quăn Bĩ dưới những lớp mùn cửa được làm rất kĩ trong những chiếc hộp đặt ở hầm chứa - Những lúc không phải rời trang trại, chị lại tới ngắm xem dưới lớp mùn cửa rễ cây đã rẽ mầm hay chưa.

Ý nghĩ của Ellie chênh mảng và lộn xộn khi họ băng qua những con phố ẩm ướt trong cơn mưa tuyết - những bông tuyết hình nửa trái tim - đi về phía phố Giải Phóng. Họ bước đi, cố giữ khoảng cách giữa hai người. Họ đã là vợ chồng hai mươi tám năm, vậy mà chả giống người khác với ý nghĩa rằng họ đang tay trong tay. Ellie nhìn dòng người đi bộ đang tới gần. Chị để ý xem họ mặc quần áo gì, bước đi ra sao. Cách đi đứng ở thành phố thật gọn nhẹ, chị nghĩ. Cùng lúc đó, chị nghĩ đến chiếc áo khoác ngoài đã hết mốt một vài năm. Mọi người đi lại vội vã, cơ mông căng lên, có lẽ do mặt đường lồi lõm.

Đèn giao thông chuyển sang đỏ. Chị dừng lại bên mép vỉa hè, nhìn ngang dọc, lơ đãng. Lúc đèn xanh bật sáng, chị liền băng sang đường. Alan không còn ở bên cạnh.

Chị dừng lại, đợi anh bắt kịp; cố nép người tránh dòng người tấp nập qua lại, bên cạnh một tòa nhà. Bức tường gạch không trát vữa truyền cảm giác lạnh lạnh khi chị dựa vào đó nghỉ lấy sức, tranh thủ khoảnh khắc anh cần để đuổi kịp.

Khoảng mười giây sau, lòng chị ngập nỗi lo âu, sợ hãi. Anh bị ô tô quệt phải, anh bị trấn lột và bị kéo lê đến một cái ngõ khuất nào đấy, anh bị một cú đánh hay một cơn đau tim đột ngột. Chị vội quay ngược trở lại, đâm ngang đâm dọc hết phố này phố khác như một con chó lạc chủ. Mọi việc xung quanh vẫn bình thường. Mọi người hối hả đi lại, chăm chăm suy nghĩ việc của họ. Hai tai chị ù đi, mắt chị hoa lên, nhòe nhoẹt.

Ở giao lộ cách chỗ chị đứng hai khu nhà, một người cảnh sát đang điều khiển giao thông. Chị nhớ lại mình đã vượt qua anh ta ra sao, nhớ đôi má phồng lên, giống như hai quả bóng ngày sinh nhật, chiếc còi ngậm giữa miệng. Anh ta huýt còi không ngừng. Chị đến đứng một bên anh ta, giật giật nhẹ tay áo, kéo sự chú ý về phía mình. Chị đã hết cả hơi, phải khó khăn lắm chị mới giữ được cho lời nói mạch lạc.

Sau khi nghe hết lời lẽ của chị, trong tâm trạng mong ngóng lúc đầu tưởng được hỏi đường, cuối cùng anh gật đầu một cách quyết đoán. Anh là Giao Thông, anh hét to lên, chỉ hướng đường chị cần đi. Bên ngoài một căn nhà, cách đó hai khu nhà về phía Tây, phía Nam - ba khu nhà, một chiếc xe tuần tra đậu sát hè đường. Một vụ đánh lộn đang diễn ra trên những bậc cửa. Người ta thấy dùi cui vùng vằng, tiếng gầm gừ, cầu nhàu, cuộc hỗn chiến, những cánh tay bị khóa vòng sau lưng. Chị nhìn những bóng tuyết xám đậu trên mặt vỉa hè đang tan: Tuyết chảy làm vũng

nước chừng như rộng thêm, chẳng khác gì tuyết cuối xuân trong những bụi mía.

Alan buồn bán vật dụng tháo dỡ, đổ mộc và các loại máy móc giúp thu, đốn gỗ. Anh có thể gọi tên mọi loại cây mà chỉ nhìn vỏ cây. Anh có thể làm vậy ngay cả khi nhắm mắt, hoặc chỉ cần sờ đường vân hay ngửi mùi vỏ cây. Lúc này anh đang bắt đầu việc nghiền bột gỗ. "Anh có biết gì về bột gỗ không?" Chị hỏi viên trung sĩ. "Đó là một thị trường đang mở rộng. Người ta trộn thêm bột gỗ vào nhựa, bởi chúng có tác dụng như chất liệu tăng cường độ bền cấp thấp. Nó khá nguy hiểm, có thể phát nổ, chỉ cần một tia lửa cũng đủ làm nó nổ tung. Tôi luôn nghĩ, nếu điều gì xảy đến với Alan thì đó cũng chỉ vì bột gỗ".

Chị bỗng nhận ra mình đang lảm nhảm, viên trung sĩ viết nguệch ngoạc theo những lời chị nói. Có lẽ anh ta nghĩ chị là phần tử của một tổ chức bí mật, đang tiến hành kế hoạch làm nổ tung hệ thống cung cấp nước. Trong khi ở nhà chị rất ý thức được việc luôn luôn phải cẩn thận giữ lời. Một sự nghi ngờ? Ai đấy đang khởi động chiếc máy in rô-nê-ô? Chị cảm thấy như thể đỉnh đầu mình toác đôi làm óc văng tóc ra, tất cả đều cùng một màu xám và giống màu đất sét.

Chồng chị có lẽ đã tạt vào thăm bạn bè, người trung sĩ giả định. Hay anh ta dừng lại đâu đó trả lời câu hỏi của người qua đường. Chị nhắm tính xem có nên tiếp tục tới nhà hát, sau khi bắt ngờ bị lạc nhau không. Anh ấy có lẽ giờ đang bồn chồn đợi?

Chị đã không làm vậy. Dẫu sao, anh ấy là người giữ vé.

Liệu chị có nên quay lại chỗ đỗ xe xem chồng có đợi ở đó, sau khi hai người lạc nhau và nhận ra rằng vợ mình

lẫn lộn không nhớ địa điểm nhà hát mà lại nhớ nơi họ đỗ xe?

Không, chị không làm việc đó. Bởi anh cũng lại là người giữ chìa khóa xe. Tư trang, giấy tờ của chị đang ở trong chiếc túi cũ, bị khóa trong xe.

• Một quá khứ bất bình thường hay rối loạn tâm lí chăng?

Chẳng nói chẳng rằng, chị lắc đầu nhẹ.

Có lẽ, ý nghĩ này treo lơ lửng trong không trung mặc dầu không một lời nào thốt lên, có lẽ anh ấy đã chán ngấy chị và chọn cái cách bất thường này để bỏ rơi chị. Chị có nhớ một chi tiết lạ lùng nào xảy ra giữa hai người ngày hôm nay?

Chị kiên quyết không đề cập đến chiếc ví. Hơn nữa, Alan là người thực tế. Chị không thể lang thang khắp thành phố mà không có giấy tờ, địa chỉ của mình với vài đôla được. Đây không phải vùng Argus, nơi cửa ra vào mọi cửa hàng cứ để mở, duy chỉ có vài sạp hàng nhỏ là đóng. Không, không có gì cả. Không có gì cả!

Mỗi ngày con số người mất tích lên tới hàng trăm. Chị viện cớ đó để an ủi phần nào, nhưng tràn đầy nỗi chán chường. Cứ trong số một trăm người được gia đình thông báo là mất tích thì có tới chín mươi chín lẻ chín mươi chín phần trăm là mất tích có chủ ý. Họ rút lui, cải trang và biến mất. Họ không muốn bị tìm thấy. Và chín mươi chín phần trăm trong tổng số chín mươi chín lẻ chín phần trăm đó chỉ xốn xang trong hai mươi bốn giờ đầu. Họ vượt qua được những cảm giác u buồn, họ hiểu được sự cô đơn và hối hận, họ lại quay về. Chính diễn biến tâm trạng đó là nguyên nhân hình thành một quy định ngầm trong ngành cảnh sát: “Một mẫu tin về người mất tích chưa được công bố cho tới thời điểm đó vào ngày hôm sau”.

Không, anh ta thực sự xin lỗi, anh không được phép ghi chép lại bản miêu tả của, ừm..., người đàn ông mất tích cho tới ngày mai vào khoảng...

Cuối cùng thì chị cũng tỉnh ra, dò dẫm, nhận ra mình không mang theo cuốn sách bỏ túi, cuốn sách có thể đã bị rơi khỏi lòng khi chị đứng đây. Chị không còn ý chí. Chị bị mất phương hướng. Chị không thấy gì, ngoại trừ việc sẽ xảy ra trong hai mươi bốn giờ tới. Bởi vậy chị có thể trở lại căn phòng màu xám bóng này và mô tả người chồng mất tích cho một nhân viên của pháp luật. Để họa chăng khi biết hình dáng, họ có thể tìm ra anh ấy?

Dần dần, trí óc chị lại tập trung vào cái nhà hát. Chị nghĩ đến Kathleen và ý nghĩ nhẹ nhàng này khiến chị hình dung ra việc Alan và Kathleen có mối quan hệ bí mật. Sẽ có một lời về chuyện này. Còn bây giờ chị phải chú tâm để đi đúng hướng. Trở ngược lại, ngang qua chỗ viên cảnh sát giao thông, lúc này, chiếc còi lừng lừng trước ngực. Alan biết chị cảm nhận thế nào về Kathleen. Chị cố tỏ ra không có điểm gì khác biệt với con dâu, nhưng thực tế ngay từ đầu chị đã bức tức về Kathleen. Quay ngược trở lại phố Giải Phóng về phía nhà hát, nay nằm chính ở trong nhà thờ cũ. Đó là điểm chị nhớ nhất theo miêu tả trong thư của Kathleen... Cái từ mà chị đã nghĩ đến nhưng còn chưa rõ là *Sự thông đồng*.

Bên trong, nhà thờ quá tồi tàn. Mùi ẩm mốc và dầu đốt rở tiền nồng nặc. Tắm tắm màu hạt dẻ trải đường đã rách nát. Hành lang hoàn toàn trống vắng, ngoại trừ một người đàn ông trẻ tuổi mảnh khảnh trong bộ đồ màu xanh. Tiếng trầm bổng của cuộc trò chuyện phát ra từ căn phòng có chiếc cửa hai cánh. Tiếng cười trên sân khấu đôi lúc vang

lên từ đó. Võ kịch đang diễn tiếp. Kathleen và một người đàn ông trẻ đang thì thào trò chuyện. Chòm râu dê dứ dứ về phía cô khi anh ta nói. Mọi thứ trong cái nhìn của cô đều lấp lánh. Lời lẽ của cô cũng phát hào quang xung quanh hai người, những tia sáng đỏ vàng nhỏ bé làm ánh lên kiểu trang trí của dân da đỏ.

Chị không có vé. Chị giải thích với người gác cổng rằng vợ chồng chị được gửi vé mời. Ai gửi. Vé được Kathleen gửi tới. Chị tự hào việc mình nhớ được tên đầy đủ của Kathleen, con dâu họ.

Thật đáng tiếc, người đàn ông râu lửa thưa nói, mới sáng nay người ta gọi cô ấy. Hình như bố cô ta bị một cơn đau tim ở Cincinnati. Vai của cô trong vở lần này được Angela Rountree thay thế.

Họ đứng im lặng bên nhau, cả hai cùng lẩn tránh mặc dù anh ta là người cung cấp thông tin còn chị chỉ việc tiếp nhận. Tâm trí chị căng lên, chộp lấy các khả năng có thể, rồi lại gạt bỏ. Tiếng vỗ tay hoan nghênh rời rạc. Đèn bật sáng. Cánh cửa mở ra.

"Xin lỗi," người đàn ông cuống cuống nói. Đến lượt anh lên sân khấu. Chị đứng lại giây lát, lướt qua từng hàng ghế khán giả như thể Alan và Kathleen bất thần xuất hiện trong số đó. Cuối cùng chị nhập vào một toán người ra về sau cùng, hòa vào đám tối theo gót một cặp tình nhân trẻ, cuộc bộ về hướng Đông, dưới bầu trời mưa tuyết lúc thưa lúc dày, tới cổng đường xuống tàu điện ngầm.

Một lần nữa chị bị hút vào trong đường hầm. Lấy tiền ra mua vé tàu, chị chợt nảy ý định kiểm tra lại số tiền hiện còn: 21,89 đôla. Lạ lùng không, mười đôla dư, mà chị cũng chẳng nhớ gì về tiền nong cả. Alan có bảo chị đổi tiền ở chỗ nào đấy, đâu đó trên đường cao tốc thu lệ phí Honard

Johnson, anh đưa cho chị tờ mười đôla và hỏi...? Chị không còn nhớ. Các hình ảnh, bản đồ, thiết bị cơ khí thật quá khủng khiếp. Trục giác. Thành thạo cửa, búa, các dụng cụ cầm tay, bình tĩnh trước động vật. Đó chính là ta, chị lặp đi lặp lại tự nhủ với bản thân trong khi ánh điện dưới tàu điện ngầm vụt loáng qua, các toa xô nhau phát ra tiếng kêu nhẹ như khi ta trang bài, và tiếng tàu vùn vụt chạy qua theo hướng ngược lại làm tai chị ù đi. Tôi là ai... là ai... là ai. Chị xuống đứng điểm dừng tàu cần thiết, chị bị theo dõi. Chị đi chậm lại cân nhắc, nghe ngóng. Chị chờ đợi việc bị trấn lột. Đây chỉ là những bước chân của chị. Chị thấy mình đã trở lại đúng con phố cũ. Ở một góc gần đó, nơi có thể nhìn lơ mờ bãi đậu xe, đèn đóm xung quanh hắt ánh sáng lơ mờ xuống đường.

Nơi nào đó ở dãy thứ ba phía trước kia. Ngay bên dưới dải ánh sáng ở giữa. Vài chỗ ánh đèn pha bật lên, một chiếc xe máy rú lên khi vượt qua. Những người khác đang gặp người chui vào ô tô. Chị không dám nghĩ rằng Alan có thể đợi trong ô tô, chị chẳng thấy còn nôn nao mong đợi. Một chiếc chìa khóa phụ gắn dưới bảng hiệu bên trái; giá mà chị có thể vào trong xe được! Họ phải làm vậy bởi một năm trước Alan đăng trí để lại chìa khoá trong xe mà sập cửa lại khi họ tới hội chợ các tiểu bang miền Đông. Cả hai đều là người thất thường, chả mấy khi khóa cửa xe.

Nhưng xe không ở đúng chỗ chị nhớ. Hàng bên cạnh và bên cạnh nữa cũng không có. Chị phát điên lên, hết nhìn ngược lại nhìn xuôi, lảng vảng từ hàng này sang hàng khác. Có hai kẻ đang ngồi trên mui chiếc Edsel cũ chằm chặp nhìn chị. Một tia sáng lóe lên từ chiếc chai được chuyển từ gã này sang gã kia và chính nhờ ánh sáng thỉnh

thoảng lóe lên ấy chị nhận ra chiếc xe của mình, đậu ngay kế chiếc Edsel.

Họ đối mặt với nhau, chị và hai gã kia. Đúng hơn đó chỉ là hai thằng choai choai. Một thằng dáng dấp như cây sậy, đầu cao trọc y hệt quả bóng. Một phần tử tôn giáo? - chị chợt nghĩ. Một tù phạm vượt ngục? Thằng kia có vẻ to hơn, tóc cắt phủ tai từ trước ra sau, và bần hơn thằng trước. Nó bọc quanh người chiếc áo khoác quá khổ, không, đó là một cái chăn. Cả hai đều đen.

Chị không thể huộc mình quỳ xuống, lần sờ dưới gầm xe tìm chìa khóa được. Chị không thể lộ quyền sở hữu chiếc ô tô khi hai thằng này còn phơi mặt ra ở đây. Mỗi nguy hiểm quá gần kề khiến chị nghĩ hẳn có kẻ mạch trước cho hai thằng này cần đợi ở đâu. Kế hoạch của chị bị bại lộ. Chị sẽ không để bị nện vào đầu bằng một vật dù không nhọn hay không sắc, cũng không thể trở thành nạn nhân ở thành phố được. Chị rời ra xa, chị không biểu lộ điều gì bất lợi, cứ như vẫn đang đi tìm xe vậy. Chị bước dần ra xa, xa hơn nữa và không hề quay lại cho tới khi biết mình đã ở ngoài tầm của bọn thanh niên. Chị quay lại nhìn, hai hình người lắc lư trên mũi chiếc Edsel trong tuyết, thỉnh thoảng dốc ngược chai rượu lên.

Không hiểu sao chị không có chút hồi ức nào về chiếc cổng ra vào, chiếc cầu thang hay thậm chí cả sân nhà ga. Chị lại đang ở ga tàu điện ngầm. Lần này, chị đứng nguyên tại chỗ, tựa đầu vào khung kim loại của chiếc đầu tàu, để cho tiếng ồn ào dưới tàu điện ngầm dội vào mình. Tiếng rít đường ray, tiếng kim loại va vào nhau, tất cả hòa trộn thành một thứ âm thanh, nhạc điệu điên loạn. Đó là nhạc biển bị cuốn qua mạn tàu, chị bập bênh trên mặt nước, quyết không để bị chìm. Thậm chí chị không biết mình

phải bơi theo hướng nào nữa. Chỉ không thềm nhìn xung quanh, quan sát xem xếp ai vào loại người nghèo khổ, ác tâm, hay điên rồ. Cuối tuyến chỉ còn lại một người với chị là hai trên tàu. Đó là một bà trung niên, có vẻ mệt mỏi. Bà ta ăn vận kiểu dân ông, quấn một chiếc khăn hoa buộc tùm dưới cằm. Lúc cả hai phải xuống tàu, Ellie cố gắng đi sát bà ta tới mức gần nhất. Mặc dầu hai người chẳng ai nói một lời, vẫn có một điều gì đấy lảng vảng giữa họ. Họ là đồng minh của nhau.

Bỗng nhiên chị hiểu ra sợi dây ràng buộc chị với bãi đầu xe, chiếc ô tô, quyển sách bỏ túi, chứng minh thư, mỏng manh làm sao. Tàu điện ngầm đã trở thành mối liên kết với chị. Cô quay lại và chạy vội xuống chiếc cầu thang nhộp nháp. Thật thuận lợi, đến cuối cầu thang, không có sự lựa chọn nào khiến chị phải chọn lựa. May thay, một chiếc đầu tàu đậu ngay ở nhà ga. Nhân viên gác thư thần cạnh đấy. Anh ta đang mãi hỉ mũi xuống đường ray và chị biết ơn anh về việc đó. Chị luồn mình vào trong, trước tiên tìm lật xem bản đồ để xác định vị trí hiện tại. Thật may mắn, nó mang tên một họa sĩ nổi tiếng nên chị chẳng khó nhọc gì. Chị đã đi một chặng dài. Chị đặt chiếc bản đồ gần đối diện để có thể nhìn rõ nó hơn. Chiếc đầu tàu khởi động, chuyển bánh.

Lúc này đã quá nửa đêm, đường phố ngoại ô vắng tanh vắng ngắt. Hai bên vỉa hè phủ một lớp tuyết mỏng trơn như bôi mỡ. Càng đến gần bãi đỗ xe, chị càng phải tranh đấu với nỗi sợ hãi: nếu hai thằng đó vẫn còn ở nguyên chỗ cũ thì sao nhỉ? Chị phải chiến thắng sự nhút nhát để không chùn bước, không quy hàng, như một du kích giữa các hàng xe.

Chiếc Edsel đã đi từ lúc nào. Tuyết bắt đầu phủ kín bãi nước trên mặt đường nhựa. Chị có thể nghe được từng nhịp đập của trái tim. Những tiếng vang trong lòng đang dội lên. Lúc này chị đã có thể cúi xuống, mò mẫm dưới chiếc xe để tìm chìa khóa dính bằng nam châm ở đó. Tay chị nắm chặt lấy chiếc chìa. May quá! Chị giật chiếc chìa khóa ra.

Chị mở cửa xe và ngồi vào ghế trước. Hoàn toàn ý thức được sự hiện diện của mình, chị kéo sập cánh cửa và xoay bật khóa điện. Ngay tức thì, từng cơn run rẩy mạnh như những đợt sóng cuộn lên. Giống như những gì chị đã phải chịu đựng suốt những trận ốm thường xuyên thời niên thiếu, từng đợt từng đợt như đợt lá rụng của cây dương trước gió. Dần dần, cơn run rẩy cũng giảm bớt. Chị cố thở một hơi thật sâu để lấy lại bình tĩnh như một người bị nấc thường làm.

Chập chờn, giấc ngủ đến với chị, rồi lại giật mình, lại ngủ. Khi đã hoàn toàn thức tỉnh, một tia chớp trên bầu trời lóe lên, chiếc túi xách trĩu trong lòng, lạnh lùng như một con thú nhỏ. Chị nhớ đã cầm nó lên từ dưới ghế và nhận ra tay mình đang nắm chặt lấy.

Trời đã sáng để lái xe không cần đèn, chị khởi động máy và đánh xe từ từ ra khỏi điểm đỗ. Ngoài những chiếc xe tải, đường quốc lộ dẫn vào trung tâm thành phố vắng tanh vắng ngắt. Bất kể nỗi lo sợ thường trực, chẳng khó khăn lắm chị cũng tìm ra được phố Giải Phóng. Sau phố Giải Phóng là ngôi nhà có tường bao.

Một viên trung sĩ khác đã thay ca. Chị vẫn không nghĩ là người cảnh sát tối hôm qua hết nhiệm vụ, đã về nhà ăn sáng và có thể đang say sưa giấc nồng. Chị thấy ngạc nhiên về sự giận dữ vô cớ của mình. Viên trung sĩ này tỏ

ra tôn trọng chị, tôn trọng đề nghị của chị. Anh ta cẩn thận ghi chép lại những mô tả về Alan. Chị đưa cho anh ta một bức ảnh chụp nhanh của chồng ở trong ví. Tuy chụp đã được bốn năm, nhưng nó còn khá rõ nét. Trong ảnh, Alan đứng bên kho thóc trong tư thế cứng đờ, nhéo mắt nhìn vào mặt trời. Một cái đầu ngựa và móng của một con khác ăn cỏ vào ảnh. Alan đang giữ một chiếc xe trượt tuyết. Trông anh trong ảnh đầy vẻ thơ ngây và tài giỏi. Và hơn hết là anh có cái vẻ ngời sáng giống như của Jay.

Cuối cùng chị đành tự lái xe về. Bình thần đến kinh ngạc. Chị gán cho sự trầm tĩnh của mình là do tình trạng mệt mỏi quá sức tạo nên. Và cả do bị sốc nữa. "Mình đang bị choáng váng". Chị nói với bản thân một cách nghiêm nghị, chờ đợi cơn buồn ập đến. Hãy nghĩ xem mình nhớ anh ấy đến mức nào. Hãy nghĩ xem mình yêu anh ấy đến mức nào, đã yêu anh bao nhiêu.

Nhưng chị không thể. Vấn đề chính bây giờ đang tràn ngập trong chị với niềm sáng khoái là cách chị đã thoát ra khỏi thử thách gay go vừa qua. Chị đã đương đầu với nó ra sao. Chị đã chinh phục được chiếc tàu điện ngầm. Chị đã buộc được cả thành phố này biết việc Alan mất tích, hai mươi bốn giờ trước quy định của ngành cảnh sát. Chị giờ mới thấu hiểu việc Jay mất đi trong suốt bao năm qua. Khi nào thì chị cần biết vậy về Alan? Chị thử dựng nên những cảm giác quá khích và mâu thuẫn trước cảnh tượng cái chết của Alan.

Chị cương quyết đặt quyển sách bỏ túi bìa da nâu thô nhám xuống lòng để tay được thoải mái nhưng vẫn xoa xoa lên bề mặt quyển sách. Chiếc ô tô lẻ loi trên xa lộ với tốc độ năm mươi dặm một giờ.

NHỮNG NGƯỜI CHỦ BIÊN VÀ CÁC DỊCH GIẢ

● **HỒ ANH THÁI:** Tiến sĩ Đông phương học, cử nhân Quan hệ Quốc tế, Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Tác giả của tám tiểu thuyết và sáu tập truyện ngắn, trong đó có **Chàng trai ở bến đợi xe, Những cuộc kiếm tìm, Mảnh vỡ của đàn ông, Lũ con hoang, Người và xe chạy dưới ánh trăng, Người đàn bà trên đảo, Trong sương hồng hiện ra, Người đứng một chân...** Nhiều cuốn đã được dịch và xuất bản ở Ấn Độ, Mỹ, Pháp, Nga, Nhật Bản... Hồ Anh Thái hiện công tác tại Bộ Ngoại giao, Hà Nội.

● **WAYNE KARLIN:** Bên cạnh việc viết tiểu thuyết, với những cuốn gây tiếng vang và đoạt giải thưởng văn học như **Đường cứt, Những đội quân mất tích, Vai phụ, Cho chúng ta, Tiếng đồn và bia đá...**, ông còn là một người làm sách có kinh nghiệm. Wayne Karlin đã tham gia làm các hợp tuyển văn học như **Vùng bắn bỏ**, đặc biệt là hợp tuyển văn xuôi của các nhà văn Việt Nam và Mỹ **Phía bên kia góc trời**, đã được Hội Các nhà phê bình Văn học Mỹ bầu là một trong những cuốn sách hay nhất của năm 1995. Ông hiện là giáo sư trưởng đại học bang Maryland.

• **THANH BÌNH:** Cử nhân tiếng Anh và tiếng Nga, hiện làm việc tại Đài Truyền hình Việt Nam.

• **PHAN THU HIỂN:** Thạc sĩ Văn học phương Tây, hiện là giảng viên khoa Ngữ văn và Báo chí, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh. Phan Thu Hiền là đồng tác giả của những cuốn **Đại cương văn hóa phương Đông, Hợp tuyển văn học Ấn Độ** và đồng dịch giả của **Tuyển tập truyện ngắn Nhật Bản hiện đại**.

• **TÔ ĐỨC HUY:** Cử nhân Anh văn, đã dịch nhiều truyện ngắn in trên báo chí. Tô Đức Huy hiện là biên tập viên Tạp chí Văn học Nước ngoài của Hội Nhà văn Việt Nam.

• **LÊ THỊ THANH MINH:** Tên thật là Lê Thị Thanh. Thạc sĩ văn học Anh, giảng viên Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang tu nghiệp tại Mỹ. Là một nhà văn, chị đã xuất bản một số tập truyện ngắn và dịch nhiều tác phẩm văn học Anh, Mỹ.

• **LÊ THỊ OANH:** Cử nhân Anh văn, từng là trưởng cơ quan đại diện của Thông tấn xã Việt Nam tại Ấn Độ, hiện làm việc tại Tạp chí Hàng không Việt Nam.

• **NGUYỄN ĐỨC THẮNG:** Cử nhân Anh văn và cử nhân Báo chí, hiện làm việc tại Bộ Ngoại Giao, Hà Nội.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LŨ HUY NGUYÊN
HOÀNG THỦY TOÀN

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM ANH TRÚC

Biên tập:

BAN VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Vẽ bìa:

VĂN SÁNG

Trình bày:

ANH TRÍ

Sửa bản in:

TÔ ĐỨC HUY

In 1000 cuốn khổ 13x19. Tại Xưởng in ĐHBK
Giấy phép xuất bản số 284/VHGP
Cục xuất bản cấp ngày 22-11-1997
In xong và nộp lưu chiểu quý I/1998

36000

Truyện ngắn Mỹ đương đại

Chủ biên

HỒ ANH THÁI - WAYNE KARLIN

